

# Dân Chúa

www.danchua.eu

online



## **Cầu cho việc tôn trọng các tài nguyên trái đất**

Chúng ta cầu nguyện cho các tài nguyên trên trái đất không bị tước đoạt, nhưng được chia sẻ một cách công bằng và tôn trọng.



Nguyệt San Công Giáo  
Katholische on line  
Monthly Catholic on line  
Email: info@danchua.de  
**Herausgeber:** Franz Xaver e.V.  
Dân Chúa Katholische on line

## DÂN CHỨA ÂU CHÂU

Chủ nhiệm: Lm Stêphanô Bùi Thượng Lưu  
Phụ tá chủ nhiệm: Lm Paul Đào Văn Thạnh  
Thư ký : Sr. Anne Marie Nguyễn Thị Hường  
Chủ biên thần học : Lm Vincent Lê Phú Hải omi  
Chủ biên văn hóa: Sh Bonaventure Trần Công Lao  
hình bìa : Trần Anh Dũng omi.

## DÂN CHỨA ÚC CHÂU

715 Sydney Rd. Brunswick, Victoria 3056  
Tel.: (03) 9386-7455 / Fax: (03) 9386-3326  
Chủ nhiệm: Lm. Nguyễn Hữu Quảng SDB  
Chủ bút: Rev. James Võ Thanh Xuân  
Phụ tá Chủ bút: Trần Vũ Trụ  
Tổng Thư Ký: Sr. Nguyễn Thùy Linh, FMA  
Ban kỹ thuật: Hiệp Hải

## MỤC ĐÍCH & TÔN CHỈ DÂN CHỨA

**Mục đích:** Góp phần vào việc phục vụ tập thể Công Giáo Việt Nam và đồng bào để cùng thăng tiến toàn diện.

**Tôn chỉ:** Trung thành với Tin Mừng Chúa Kitô và Giáo Huấn của Hội Thánh Công Giáo:

1. Phát triển đời sống Đức Tin sống động, trưởng thành và lòng yêu nước nồng nhiệt, sáng suốt.
2. Phổ biến và hướng dẫn những dư luận ngay chính.
3. Bảo tồn và phát huy Văn Hóa Truyền Thống Việt Nam trong tinh thần dung hợp với nhân bản Công giáo.
4. Cổ võ hiệp nhất, canh tân tâm tư, ngôn từ và hành động để nếp sống Đạo đáp ứng những đòi hỏi của thời đại mới.



**Xin mời ghé Trang Nhà  
Dân Chúa online  
<https://danchua.eu/>**

## Trong Số Này

- . Lá Thư Chủ Nhiệm.
- . Lịch Phụng vụ tháng Chín 2020.
- . **Năm Mục Vụ Giới Trẻ 2020:**  
**Đức Giêsu Kitô ĐƯỜNG MỤC VỤ  
NHÂN LÀNH.**
- . Nghệ thuật giáo dục con cái.
- . **TÁC ĐỘNG CỦA CHỦ NGHĨA  
TƯƠNG ĐỐI TRÊN GIỚI TRẺ.**
- . **Tóm tắt Huấn thị của Bộ Giáo sĩ  
về việc cải cách giáo xứ ...**
- . **Trong đầu của Đức Phanxicô:  
Các suy nghĩ của Vatican.**
- . **Các Giáo hoàng và Li-băng,  
mối dây tình yêu và lòng trắc ẩn.**
- . **Chỉ nam mới về Huấn giáo làm cho  
Tin Mừng luôn phù hợp thời đại...**
- . **Giáo hội và sứ vụ giáo dục.**
- . **Lý thuyết chuyển đổi giới tính  
và hệ tư tưởng về giới tính...**
- . **Sứ điệp của các nhà lãnh đạo  
các tôn giáo ... : yêu thương...**
- . **Tám Tháng Rồi, Người Sợ Người.**
- . **12 Điều Mà Mọi Người Công Giáo  
Phải Trả Lời Được.**
- . **Bốn cái bẫy mà ma quỷ thường bày  
ra cho chúng ta khi cầu nguyện.**
- . **Sống linh đạo truyền thông.**
- . **Vạch trần lịch sử chống Công giáo ...**
- . **Lộ Đức và các phép lạ.**
- . **Những nhân vật trở lại Đạo  
Công Giáo nổi danh của thế kỷ 20.**
- . **Tại sao cần cái mạng che miệng.**
- . **MẸ LA VANG  
- NỮ VƯƠNG BAN SỰ BẰNG AN.**
- . **Chuyển từ thờ sang nuốt.**
- . **Cách giặt khẩu trang đúng cách  
để sử dụng nhiều lần.**
- . **Dùng lò vi sóng an toàn hay có hại...**
- . **CHỮ NÔM VỚI ĐẠO CÔNG GIÁO  
TỪ THẾ KỶ XVII - XX.**
- . **“Sách đạo” vào thế kỷ đầu (tk. XVII)  
của lịch sử Công giáo ở Việt Nam**
- . **Tin Thế giới - . Tin Giáo Hội Hoàn vũ.**
- . **Tin Giáo Hội Việt Nam.**

# Rồi sau này sẽ ra sao ? Trong và sau đại dịch, cuộc sống cá nhân, gia đình, cộng đoàn, giáo hội và đất nước chúng ta rồi sẽ ra sao?

**Q**uý độc giả thân mến,  
Sau những tháng hè, đại đa số chúng ta trở lại cuộc sống sinh hoạt bình thường trước hè: các học sinh cấp sách trở lại mái trường, công nhân trở lại sở làm, các nông dân ra đồng cấy cấy ruộng sâu, gia đình chúng ta cũng trở lại cuộc sống thường nhật... Nhưng thế giới chung quanh đã thay đổi nhiều từ năm sáu tháng qua, với những hậu quả khôn lường về đủ mọi thứ lãnh vực: từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và cả tôn giáo!?...

Mặc dầu thời tiết cuối hè còn oi bức, chưa bước vào tiết thu, với mùa cảm cúm mỗi năm, nhưng làn sóng lây nhiễm dịch bệnh viêm phổi Vũ Hán (Coronavirus) lại có dấu hiệu bùng phát tại nhiều nước châu Âu. Nhiều nước đã bắt đầu những biện pháp nghiêm ngặt hơn như bắt buộc phải đeo “khẩu trang” khi ra ngoài...Nhiều thành phố lại áp dụng lại các biện pháp cách ly, cấm tụ họp đông người, các nơi thờ phượng thuộc các tôn giáo bị đóng cửa hoặc tiếp tục bị hạn chế trong các buổi phụng vụ để tránh lây lan... Các sân vận động vẫn chưa được phép mở cửa trở lại...

Con người cảm thấy hoang mang và lo lắng cho tương lai...Nhiều câu hỏi, nhiều nghi vấn đã và đang lảng vảng trong đầu, mà chưa tìm được câu giải đáp thỏa đáng. Thế giới hôm nay mặc dầu với khoa học

tân tiến và đã chi hàng bao nhiêu tỉ Mỹ Kim để chạy đua chế tạo cho bằng được thuốc chủng chống để ngăn cản đại dịch...Nhưng vẫn chưa thấy lóe sáng trong đường hầm tăm tối!?

Chưa có liệu pháp nào để ngăn cản được làn sóng lây lan của đại dịch, đang khi đó nhân loại còn phải đối đầu với đủ mọi thứ đe dọa khác từ chiến tranh, thiên tai càng ngày càng khủng khiếp do tàn phá môi sinh!

## Rồi sau này sẽ ra sao ????

Lá thư Dân Chúa sau hè xin được trích đăng nguyên văn bài “A quoi ressemblera notre vie après? Rồi sau này sẽ ra sao?” của tác giả Lm. Pierre Alain Lejeune, số ra ngày đầu tháng 4.2020 của nhật báo Công Giáo La Croix bên Pháp, đã được Vinh Hưng, OP chuyển dịch và đăng trên trang mạng của giáo phận Ban Mê Thuột (<http://gpbanmethuot.com/cau-chuyen-cuoi-tuan/roi-sau-nay-se-ra-sao-56163.html>) vào ngày 20.08.2020 vừa qua :





VHTT-GP.BMT - Đây là những suy tư rất thâm trầm, rút ra từ những trải nghiệm nội tâm trong thời gian giãn cách xã hội vì con vi khuẩn Covid-19. Cuộc sống rồi sẽ ra sao sau cơn đại dịch? Đó là câu hỏi nghiêm túc đặt ra cho mọi người, mọi dân tộc, quốc gia, thể chế chính trị. Và câu trả lời là: “Con người phải thiết lập lại những tương quan cơ bản đối với Thiên Chúa, đối với thiên nhiên, đối với đồng loại...”

### **Rồi sau này sẽ ra sao?**

Và mọi thứ dừng lại...

Thế giới này được quảng cáo như một chiếc xe đua trong cuộc đua điên cuồng của nó; thế giới này đang chạy thực mạng mà không ai tìm được cái nút dừng khẩn cấp. Rồi đột nhiên cỗ máy khổng lồ ấy dừng hẳn chỉ vì một con thú tí hon, nó nhỏ đến nỗi mắt thường không thể thấy, một loại siêu vi nhỏ đến độ như không là gì cả... Thật là mỉa mai! Và đây, chúng ta buộc phải ở yên và không làm gì cả. Nhưng sau này, điều gì sẽ xảy ra khi thế giới này tiếp tục những bước đi của nó, sau khi cái con thú tí hon xấu xí kia bị đánh bại? Rồi sau này, cuộc sống chúng ta sẽ ra sao?

### **Rồi sau này sẽ ra sao?**

Hồi ức lại những trải nghiệm trong suốt thời gian này, hẳn là chúng ta sẽ quyết định dành ra một ngày nghỉ trong tuần bởi lẽ nhận ra rằng tốt đẹp dường bao khi biết dừng lại; có cả một ngày

### **Lá Thư Dân Chúa**

dài để thưởng nếm thời gian dần trôi và những thứ khác nữa chung quanh ta. Và ta sẽ gọi đó là Chúa nhật.

### **Rồi sau này sẽ ra sao?**

Những người chung sống dưới cùng một mái nhà sẽ dành ra vài ba buổi tối trong tuần để cùng vui đùa, chuyện trò, chăm sóc nhau, rồi gọi điện thoại hỏi thăm ông hay bà mình đang sống lẻ loi ở ngoại ô

thành phố hay những người họ hàng bấy lâu xa vắng. Và ta sẽ gọi đó là gia đình.

### **Rồi sau này sẽ ra sao?**

Chúng ta sẽ ghi vào bản hiến pháp rằng người ta không thể mua bán mọi thứ được mà phải phân biệt giữa nhu cầu với sự ham thích bốc đồng, giữa sở thích và sự thèm muốn; rằng cây cỏ cũng cần có thời gian để lớn lên và đúng thời đúng buổi quả là điều hay; rằng con người chưa bao giờ và sẽ không bao giờ là toàn năng, rằng sự hữu hạn và giòn mỏng nằm sâu trong hiện hữu của con người lại là một phúc lành, vì đó là điều kiện cho một khả thể trọn cả thương yêu. Và ta sẽ gọi đó là khôn ngoan.

### **Rồi sau này sẽ ra sao?**

Chúng ta sẽ vỗ tay tán thưởng mỗi ngày, không chỉ các nhân viên y tế lúc 8 giờ tối mà cả những lao công dọn rác lúc 6 giờ sáng, nhân viên bưu điện lúc 7 giờ, thợ làm bánh mì lúc 8 giờ, tài xế xe buýt lúc 9 giờ, các viên chức lúc 10 giờ, v.v... Vâng, bởi lẽ trong cuộc hành trình dài qua sa mạc này, chúng ta sẽ lại tìm ra ý nghĩa của việc phụng sự tổ quốc, của sự tận tâm vì công ích. Chúng ta sẽ hoan hô tất cả những ai, cách này hay cách khác, đang phục vụ tha nhân. Và ta sẽ gọi đó là lòng biết ơn.

### **Rồi sau này sẽ ra sao?**

Chúng ta sẽ nhất quyết không nổi nóng khi phải xếp hàng và sẽ tận dụng thời gian ấy để chuyện trò với những người đang đứng đó với chúng ta. Bởi lẽ chúng ta sẽ lại nhận ra rằng thời gian không thuộc về mình; rằng Đấng ban thời gian cho ta đã không đòi ta phải trả thứ gì cả, và rằng nhất định là không, thời gian không phải là tiền bạc! Thời gian là quà tặng và mỗi phút giây là một món quà để thưởng nếm. Và ta sẽ gọi đó là nhân nại.

### **Rồi sau này sẽ ra sao?**

Chúng ta sẽ chuyển các nhóm bạn trên ứng dụng WhatsApp giữa những người hàng xóm trong thời gian thử thách này trở thành các nhóm bằng hữu ngoài đời thực: cùng ăn tối, trao đổi tin tức, giúp nhau đi mua sắm hoặc đưa trẻ đến trường. Và ta sẽ gọi đó là tình huynh đệ.

### **Rồi sau này sẽ ra sao?**

Chúng ta sẽ cười khẩy khi nghĩ về lúc trước khi chúng ta rơi vào cảnh nô lệ cho cỗ máy tài chính do chính mình tạo ra, sự kìm kẹp chuyên chế ấy từng nghiền nát những cuộc đời và tàn phá hành tinh này. Rồi chúng ta sẽ đặt con người trở lại vị trí trung tâm của nó bởi lẽ không một sự sống nào đáng bị hy sinh nhân danh bất kỳ một thể chế nào. Và ta sẽ gọi đó là công lý.

### **Rồi sau này sẽ ra sao?**

Chúng ta sẽ nhớ lại rằng con virus này đã lan truyền giữa chúng ta không phân biệt màu da, văn hóa, mức sống hay tôn giáo. Đơn giản vì lẽ tất cả chúng ta là nhân loại. Đơn giản vì chúng ta là con người. Và từ điều này, chúng ta sẽ học được rằng nếu ta đã lan truyền cho nhau điều tồi tệ nhất thì ta cũng có thể chuyển trao cho nhau điều tốt đẹp nhất. Đơn giản vì chúng ta là con người. Và ta sẽ gọi đó là nhân đạo.

### **Rồi sau này sẽ ra sao?**

Trong những ngôi nhà và trong các gia đình của chúng ta sẽ có nhiều chiếc ghế bỏ trống,

chúng ta sẽ thương tiếc những người sẽ không bao giờ nhìn thấy thời sau này. Những gì chúng ta sẽ phải trải nghiệm là rất đau đớn và dữ dội, nhưng đồng thời ta sẽ khám phá ra mối tương giao và hiệp thông giữa chúng ta còn mạnh hơn sự cách biệt thể lý. Và chúng ta sẽ biết rằng mối tương giao này thách thức cả không gian lẫn thời gian; chớ chi mối tương giao này vượt qua cả cái chết. Và mối tương giao ấy sẽ nối kết chúng ta, bên này với bên kia con đường, bên đây với bên kia cái chết, nơi này với bên kia cuộc sống. Và ta sẽ gọi là Thiên Chúa.

### **Rồi sau này sẽ ra sao?**

Sau này sẽ khác với trước kia, nhưng để sống cái sau này, chúng ta phải vượt qua cái hiện tại. Chúng ta phải bằng lòng với một cái chết khác đang thách thức chúng ta, cái chết này đau đớn hơn nhiều so với cái chết thể lý. Bởi vì không có phục sinh nếu không có cuộc thương khó, không có sự sống mà không trải qua cái chết, không có bình an đích thực mà không vượt thắng hận thù, không có niềm vui mà không nếm trải u buồn. Và để nói về điều này, để nói về sự biến đổi chậm chạp này của chúng ta, đang diễn ra ngay giữa cơn thử thách này, một cuộc thai nghén dang dai của chính chúng ta, mà để nói lên điều đó, thì chẳng có ngôn từ nào là khả dĩ.

Xin mời quý độc giả chúng ta đọc, cùng nhau dành vài phút suy tư để tìm ra câu giải đáp cho cuộc sống hiện nay trong cơn đại dịch và chuẩn bị cho tương lai.

### **Lm. Chủ Nhiệm**



## Lịch Phụng vụ tháng Chín - 2020

Ý chung: Cầu cho mọi người biết tôn trọng tài nguyên của địa cầu.

Xin cho tài nguyên của địa cầu không bị chiếm đoạt một cách bất chính, nhưng được khai thác một cách hợp lý và được chia sẻ một cách công bằng..

Mỗi người phải tích cực tham gia và cố gắng việc thực hiện công ích, theo địa vị, vai trò và khả năng của mình. Ví dụ như xây dựng trường học, sửa chữa đường xá, cầu cống, bệnh viện...

- Thứ Ba 1 1Cr 2, 10b-16 ; Tv 144 ; Lc 4, 31-37
- Thứ Tư 2 1Cr 3, 1-9; Tv 32; Lc 4, 38-44
- Thứ Năm 3 Thánh Grégoire Cả 1 Cr 3, 18-23 ;Tv 23 ; Lc 5, 1-11
- Thứ Sáu 4 1Cr 4, 1-5 ; Tv 36; Lc 5 33-39
- Thứ Bảy 5 1Cr 4, 6b-15 ; Tv 144; Lc 6, 1-5
- Chúa Nhật 6 **XXIII Thường Niên Ed 33, 7-9 ; Tv 94 ; Rm 13, 8-10; Mt 18, 15-20**
- Thứ Hai 7 1Cr 5, 1 -8 ; Tv 5 ; Lc 6, 6-11
- Thứ Ba 8 Sinh Nhật Đức Mẹ Mk 5, 1-4a & 8, 28-30 ; Tv 12 ; Mt 1, 1-16.18-23
- Thứ Tư 9 Thánh Phêrô Claver 1 Cr 7, 25-31 ; Tv 44 ; Lc 6, 20-26
- Thứ Năm 10 1Cr 8, 1 b-7.10-13 ; Tv 138 ; Lc 6, 27-38
- Thứ Sáu 11 1Cr 9, 16-19.22-27 ; Tv 83 ; Lc 6 39-42
- Thứ Bảy 12 1Cr 10, 14-22 ; Tv 115 ; Lc 6, 43-49
- Chúa Nhật 13 **XXIV Thường Niên Hc 27, 30 à 28, 7 ; Tv 102 ; Rm 14, 7-9 ; Mt 18, 21-35**
- Thứ Hai 14 Tôn vinh Thánh Giá Ds 21, 4b-9 & Ph 2, 6-11 ; Tv 77; Ga 3, 13-17
- Thứ Ba 15 Đức Mẹ sầu bi 1 Cr 12, 12-14.27-31 a; Tv 99 ; \*Ga 19, 25-27 & \*Lc 2, 33-35
- Thứ Tư 16 Thánh Corneille và Cyprien 1 Cr 12, 31 à 13, 13 ; Tv 32 ; Lc 7, 31-35
- Thứ Năm 17 Thánh Robert Bellarmin 1 Cr 15, 1-11 ; Tv 117; Lc 7, 36-50
- Thứ Sáu 18 1Cr 15, 12-20; Tv 16; Lc 8, 1-3
- Thứ Bảy 19 Thánh Janvier 1 Cr 15, 35-37.42-49 ; Tv 55 ; Lc 8, 4-15
- Chúa Nhật 20 **XXV Thường Niên Is 55, 6-9 ; Tv 144 ; Ph 1, 20c-24.27a ; Mt 20. 1 -16**
- Thứ Hai 21 Thánh Mátthêu Ep 4, 1-7.11-13 ;Tv 18A, Mt 9, 9-13
- Thứ Ba 22 Cn 21, 1-6.10-13; Tv 118; Lc 8, 19-21
- Thứ Tư 23 Thánh Pio de Pietrelcina Cn 30, 5-9 ;Tv 118; Lc 9, 1-6
- Thứ Năm 24 Gv 1,2-11 ; Tv 89 ; Lc 9, 7-9
- Thứ Sáu 25 Gv 3, 1-11 , Tv 143; Lc 9, 18-22
- Thứ Bảy 26 Thánh Cosma và Damianô Gv 11, 9 à 12, 8 ; Tv 89 ; Lc 9, 43b-45
- Chúa Nhật 27 **XXVI Thường Niên Ed 18, 25-28 ; Tv 24 ; Ph 2 1-11 ; Mt 21, 28-32**
- Thứ Hai 28 G 1, 6-22 ; Tv 16; Lc 9, 46-50
- Thứ Ba 29 Tổng lãnh Thiên Thần MICAE, GABRIEL & RAPHAEL Đn 7,9-10.13-14 & Ap 12, 7-12a; Tv 137; Ga 1,47-51
- Thứ Tư 30 Thánh Giêrônimô G 9, 1 -12.14-16 ; Tv 87 ; Lc 9, 57-62

## Suy tư Năm Mục vụ Giới Trẻ 2020



### Bài 6 Đức Giêsu Kitô ĐƯỜNG MỤC TỬ NHÂN LÀNH

Các bạn trẻ thân mến,

Tháng Sáu vừa qua, chúng ta đã suy niệm chủ đề Đức Giê-su Ki-tô - Đường Trái Tim. Tháng Bảy này, chúng ta cùng nhau suy niệm chủ đề Đức Giê-su Ki-tô - Đường Mục Tử Nhân Lành. Hình ảnh mục tử và đoàn chiên là hình ảnh phổ biến diễn tả nội dung đức tin Ki-tô Giáo. Trong Cựu Ước, hình ảnh này chủ yếu diễn tả tương quan giữa Thiên Chúa và Dân Do-thái, Dân Riêng của Người. Trong Tân Ước, hình ảnh này diễn tả tương quan giữa Đức Giê-su và toàn thể mọi người trong gia đình nhân loại. Đây cũng là hình ảnh được sử dụng để diễn tả tương quan giữa các vị lãnh đạo trong Giáo Hội và những người mà các vị được ủy thác chăm sóc.

Hai bên tường các Hang Toại Đạo (Catacombs: Đất Thánh hay Nghĩa Trang dưới lòng đất) ở ngoại thành Rô-ma, được xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ hai và thứ ba sau Chúa Giáng Sinh, người ta khắc vẽ nhiều hình ảnh, trong đó nổi bật nhất là hình ảnh Đức Giê-su, Mục Tử Nhân Lành vác con chiên trên vai. Câu hỏi đặt ra là tại sao người ta lại khắc vẽ hình ảnh này? Thưa, bởi vì,

đây là hình ảnh diễn tả căn tính, đời sống và sứ mệnh của Đức Giê-su cách đơn sơ và thân mật nhất. Các tín hữu luôn tin tưởng rằng Đức Giê-su đến trần gian để qui tụ và dẫn dắt đoàn chiên tản mát vì tội lỗi và sự chết về cho Thiên Chúa.

Sách Sáng Thế, cuốn sách đầu tiên của bộ Kinh Thánh, cho chúng ta biết rằng A-ben, Áp-ra-ham, I-sa-ác, Gia-cóp là những người chăn chiên. Tất cả 12 con trai của Gia-cóp đều là những người chăn chiên. Còn Mô-sê, một người Do-thái, sau khi được vớt lên từ sông Nin đã sống ở cung điện nhà vua Ai-cập. Tuy nhiên, trong cơn nguy khốn, Mô-sê đã vào sa mạc và trở thành người chăn chiên. Đa-vít cũng vậy, là một người chăn chiên, được Thiên Chúa tuyển chọn để trở thành vị vua lừng lẫy nhất của dân tộc Do-thái. Việc dùng hình ảnh chủ chăn và đoàn chiên để diễn tả tương quan giữa Thiên Chúa và Dân Do-thái, được đề cập khá nhiều trong Cựu Ước, chẳng hạn như trong sách Dân Số, Giê-rê-mi-a, Ê-dê-ki-en, Thánh Vịnh, I-sai-a, A-mốt, Da-ca-ri-a.

Tương truyền rằng khi Mô-sê chăn chiên cho bố vợ (trước khi lãnh nhận sứ vụ dẫn dắt Dân Do-thái), thì một con chiên nhỏ tự mình tách khỏi đoàn. Mô-sê theo bước con chiên mà không hiểu lý do tại sao nó lại ra đi như vậy. Đến chỗ có khe nước nhỏ, con chiên dừng lại và uống nước. Mô-sê nói với con chiên một cách âu yếm: "Tao không biết mày khát nước, có lẽ mày rất mệt rồi?" Sau khi nói như vậy, Mô-sê vác con chiên lên vai và đưa về với đoàn chiên. Thiên

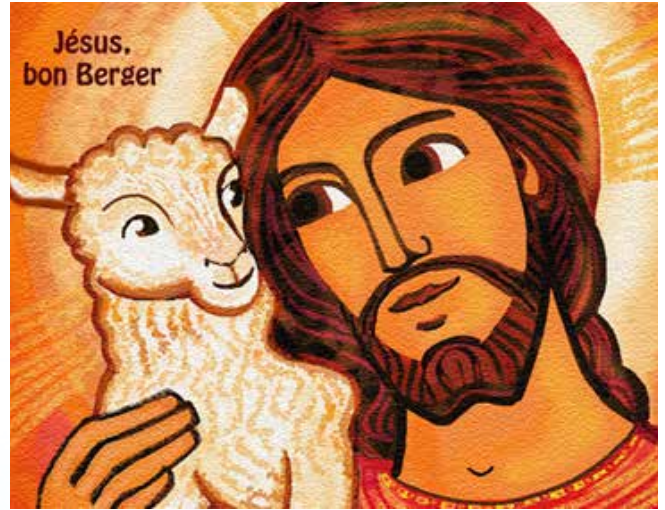


Chúa nói với Mô-sê: "Vì con đã có hành động hào hiệp như vậy đối với con chiên nhỏ, con xứng đáng là người chăn dắt đoàn chiên của Ta." Đó là lý do giải thích tại sao Mô-sê được Thiên Chúa tuyển chọn để dẫn dắt Dân Do-thái về Đất Hứa.

Liên hệ giữa người chăn chiên và đoàn chiên ở Pa-lét-tin thời Đức Giê-su khác biệt với nhiều nơi trên thế giới trong bối cảnh hiện tại, chẳng hạn như ở Mỹ, Canada, Anh, Australia, New Zealand. Ở những nước phát triển này, chiên được chăn thả mà không nhất thiết phải có ai bên cạnh. Người ta thường phân vùng cỏ cho đoàn chiên. Chẳng hạn, hôm nay, đoàn chiên ăn cỏ vùng này, ngày mai vùng khác. Ở Pa-lét-tin, người chăn chiên và đoàn chiên rất gần gũi với nhau, người chăn chiên luôn hiện diện với đoàn chiên, biết từng con chiên và đặt tên cho nó.

Trong miền Pa-lét-tin, đất đai cằn cỗi, đoàn chiên luôn cần sự dẫn dắt của người chăn để có thể di chuyển từ nơi này đến nơi khác, hầu có đủ thức ăn qua ngày. Hơn nữa, với nơi hoang mạc như vậy, nguồn nước luôn là thách đố lớn đối với người chăn chiên. Sự bảo đảm cho đoàn chiên có đủ thức ăn, nước uống luôn là vấn đề cấp thiết. Ngoài việc tìm kiếm thức ăn mỗi ngày, đoàn chiên phải đối diện với những hiểm nguy khác, chẳng hạn như sói dữ hay những người trộm cướp. Càng đối diện với nghịch cảnh thiếu thức ăn, nước uống, thú dữ hay những người trộm cướp, đoàn chiên càng lệ thuộc vào người chăn.

Hình ảnh người chăn chiên và đoàn chiên ăn sâu vào truyền thống, văn hóa và tôn giáo Do-thái. Khi diễn tả tương quan giữa Thiên Chúa và Dân Người, tác giả Thánh Vịnh 23 đã viết: "Chúa là mục tử chăn dắt tôi, tôi chẳng thiếu thốn gì" (Tv 23,1). Chúng ta tóm lược một số ý tưởng chính yếu của Thánh Vịnh này như sau: Mục tử cung cấp đầy đủ nhu cầu cho đoàn chiên; mục tử cho đoàn chiên nghỉ ngơi; mục tử hướng dẫn đoàn chiên đi trên đường ngay nẻo chính; mục tử trang bị những gì cần thiết để bảo vệ đoàn chiên; mục tử an ủi đoàn chiên; mục tử bồi bổ sức sống đoàn chiên; mục tử ở lại với đoàn chiên luôn mãi. Những nhân vật lãnh đạo quan trọng trong lịch



sử dân tộc Do-thái, đặc biệt Áp-ra-ham, Mô-sê và Đa-vít là những hình ảnh tiên báo về Đức Giê-su, Mục Tử Nhân Lành.

Trong Biến Cố Giáng Sinh, những người đầu tiên đến với Đức Giê-su không phải là các chuyên gia Kinh Thánh, những bậc vị vọng trong dân tộc Do-thái hay những người quyền cao chức trọng của đế chế Rô-ma đang cai trị miền đất này, nhưng lại là những mục đồng (những mục tử nhí) đơn sơ hèn mọn. Họ đến với Đức Giê-su bằng cả tâm hồn. Không những thế, giữa đêm đông giá lạnh, đoàn chiên của các mục đồng đã sưởi ấm Đức Giê-su, Đức Ma-ri-a và thánh Giu-se. Các mục đồng đơn sơ và những con chiên hiền lành rất vui mừng vì đã được tiếp xúc với Người Bạn Lớn là Mục Tử Nhân Lành trong hình hài trẻ thơ. Đức Giê-su có được kinh nghiệm đầu tiên trong đời mình về tương quan giữa người chăn chiên và đoàn chiên. Như vậy, những gì Kinh Thánh Cựu Ước nói về Đức Giê-su đã được ứng nghiệm từ thuở sơ sinh, chứ không phải đến khi Người loan báo Tin Mừng cách công khai.

Không chỉ các mục đồng và đoàn chiên đến với Đức Giê-su, trong Biến Cố Giáng Sinh còn có sự thăm viếng của các đạo sĩ từ phương xa nữa, họ là 'dân ngoại' (Mt 2,1-12). Các mục đồng, những người chăm sóc đoàn chiên, luôn sống trong cảnh 'màn trời chiếu đất'. Họ có cơ hội 'nhìn trời' nhiều hơn những người khác và cảm nhận được sự kỳ vĩ của công trình Thiên Chúa sáng tạo với tâm hồn đơn sơ, chất phác của mình. Các đạo sĩ là những người học cao trông



rộng, họ là các nhà chiêm tinh, những chuyên gia về bầu trời. Ngôi Sao Giáng Sinh xuất hiện ở Phương Đông, tuy nhiên nhiều người đã không nhận ra, bởi vì họ không có tâm hồn hướng về trời cao. Các đạo sĩ nhìn thấy Ngôi Sao Giáng Sinh xuất hiện lạ thường, phân biệt với các ngôi sao khác trên bầu trời. Các mục đồng và các đạo sĩ, những người ở gần và những người ở xa, những người 'có đạo' và những người 'ngoại đạo', những người hèn mọn và những người cao sang đại diện cho những nhóm người khác nhau trong xã hội, nhưng lại có cùng tâm thức. Họ rất khiêm tốn và luôn chuẩn bị tâm hồn cho những gì mới mẻ xuất hiện. Đó là lý do giải thích tại sao trong Biến Cố Giáng Sinh, các mục đồng và các đạo sĩ vội vã ra đi, muốn càng sớm gặp gỡ Đức Giê-su càng tốt.

Kinh nghiệm lịch sử Ki-tô Giáo cho chúng ta nhận thức rằng những người biết ngạc nhiên trước công trình kỳ vĩ của thế giới thụ tạo và gắn gũi với thế giới thụ tạo, thì cảm nhận được sự hiện diện và hoạt động của Đấng Sáng Tạo. Những người biết 'nhìn trời' thì biết lắng nghe 'ý trời', thấu hiểu 'ý trời', đồng hóa 'ý trời' và hành động theo 'ý trời'. Hình ảnh các mục đồng và các đạo sĩ cho chúng ta rút ra hệ luận rằng tâm hồn đơn sơ và lý trí lành mạnh là điều kiện cần thiết để con người nhận ra chương trình của Thiên Chúa. Còn những kẻ lăm chũ như các kinh sư, thượng tế và nhiều quyền như Hê-rô-đê lại không có cơ hội gặp gỡ Đức Giê-su, Mục Tử Nhân Lành, bởi vì tâm họ không lành và trí họ không sáng.



Tâm trí họ không hướng về trời cao, nhưng chỉ hướng về lợi lộc trần gian và những gì bảo đảm cho thanh danh mình được người đời biết đến mà thôi.

Trong Tin Mừng Đức Giê-su theo thánh Gio-an (Ga 10,1-18), Đức Giê-su nói rằng Người là Mục Tử Nhân Lành để diễn tả sự khác biệt giữa Người và các vị lãnh đạo Do-thái, đặc biệt những người Pha-ri-sêu trong dấu lạ Người thực hiện để chữa người mù từ lúc mới sinh ở phần trước đó (Ga 9,1-41). Quả thật, các vị lãnh đạo Do-thái, nhất là những người Pha-ri-sêu không có tâm thức đối với dân chúng như Đức Giê-su. Họ là những 'người lạ'. Đức Giê-su phân biệt giữa Mục Tử Nhân Lành và người lạ như sau: Mục Tử Nhân Lành luôn đi đường chính trực, người lạ đi đường gian trá; Mục Tử Nhân Lành quan tâm đến đoàn chiên, người lạ quan tâm đến mình; Đoàn chiên nhận ra tiếng Mục Tử Nhân Lành, không nhận ra tiếng người lạ; Mục Tử Nhân Lành qui tụ đoàn chiên, người lạ phân tán đoàn chiên; Mục Tử Nhân Lành bảo vệ đoàn chiên trước hiểm nguy, người lạ tìm đường tháo chạy; Mục Tử Nhân Lành thí mạng sống mình vì đoàn chiên, người lạ tìm cách bảo tồn mạng sống mình; Mục Tử Nhân Lành đưa đoàn chiên tới sự sống đời đời, người lạ tìm lợi ích cho mình trong sự sống đời này.

Đức Giê-su còn đề cập đến một số hình ảnh khác nữa, chẳng hạn như hình ảnh người chăn thuê hay hình ảnh người trộm cướp để so sánh với hình ảnh Mục Tử Nhân Lành. Theo đó, trái tim của người chăn thuê không chung nhịp với trái tim của đoàn chiên, trái tim của người trộm cướp luôn lạc nhịp với trái tim của đoàn chiên, trái tim Mục Tử Nhân Lành cùng chung nhịp đập với trái tim của đoàn chiên. Sự chung nhịp của Mục Tử Nhân Lành và đoàn chiên giúp từng con chiên cảm nhận được sự an bình thư thái ngay cả khi đối diện với muôn hình thức hiểm nguy. Mục Tử Nhân Lành không bỏ chạy trước sói dữ, không bỏ chạy trước những người trộm cướp, nhưng luôn sẵn sàng đương đầu với muôn thử thách, thậm chí hy sinh mạng sống mình vì đoàn chiên.

Tương quan giữa người chăn chiên và đoàn chiên rất thân mật, tuy nhiên, có sự khác biệt chính yếu: Bản tính của người chăn chiên khác với bản tính của đoàn chiên. Tương quan giữa Đức Giê-su và con người sâu đậm hơn nhiều, bởi vì Đức Giê-su mang lấy bản tính con người, giống con người mọi sự, ngoại trừ tội lỗi (Dt 4,15). Hơn nữa, Người là Thiên Chúa, do đó, Người biết con người rõ ràng hơn người chăn chiên biết đoàn chiên mình. Người biết bản tính con người, biết những yếu đuối của con người, biết những lầm lỗi của con người, biết những đau khổ của con người, biết những tâm tư, nguyện vọng của con người, biết quá khứ, hiện tại và tương lai của con người.

Đức Giê-su nói: "Tôi chính là Mục Tử Nhân Lành. Tôi biết chiên của tôi, và chiên của tôi biết tôi" (Ga 10,14). Động từ 'biết' trong bối cảnh Kinh Thánh nói chung và đặc biệt trong câu này không chỉ diễn tả chức năng của lý trí, mà còn chức năng của trái tim. Đức Giê-su nói rằng Người là Mục Tử Nhân Lành, Người biết chiên của Người, có nghĩa rằng Người yêu thương đoàn chiên và yêu thương từng con chiên trong đoàn. Với Đức Giê-su, 'biết' đồng nghĩa với 'yêu', 'biết' đồng nghĩa với 'chăm sóc', 'biết' đồng nghĩa với 'gắn kết', 'biết' đồng nghĩa với 'hy vọng' những điều tốt nhất cho đoàn chiên, 'biết' đồng nghĩa với 'giới thiệu' chân trời mới cho đoàn chiên. Như vậy, động từ 'biết' mà Đức Giê-su dùng trong bối cảnh này thật phong phú và nhiều ý nghĩa hơn những gì chúng ta có thể cảm nhận.



Đức Giê-su không chỉ 'biết' đoàn chiên, Người còn hy sinh mạng sống vì đoàn chiên. Người nói: "Tôi chính là Mục Tử Nhân Lành. Mục Tử Nhân Lành hy sinh mạng sống mình cho đoàn chiên" (Ga 10,11). Cuộc đời dương thế của Đức Giê-su là cuộc đời hy sinh. Sự hy sinh của Người không cho một nhóm nào đó, mà cho tất cả mọi người trong gia đình nhân loại. Đây thật là sự hy sinh lớn lao nhất, bởi vì Người đã mang những thương tích và sự chết của tất cả mọi người mà đưa lên cây thập tự. Người đã chịu muôn vàn đau khổ, đã chết và sống lại vì tất cả mọi người (1 Pr 2,22-25).

Chúng ta biết rằng ít khi người chăn chiên chết vì đoàn chiên. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt, vì xả thân bảo vệ đoàn chiên, vì sự sống của đoàn chiên, người chăn chiên phải chết và đoàn chiên tan tác. Trong khi sự chết của người chăn chiên dẫn tới vô số nguy hại cho đoàn chiên, nguy hại từ thú dữ, nguy hại từ những người trộm cướp, sự chết của Đức Giê-su, Mục Tử Nhân Lành đem lại sự sống cho đoàn chiên. Đây là điều điên rồ trong nhãn quan của người trần mắt thịt, nhưng lại là 'khôn ngoan' của Thiên Chúa (1 Cr 1,17-31). Người chăn chiên chết, đoàn chiên cũng chết, đó là chuyện thường tình. Với Đức Giê-su, Mục Tử Nhân Lành, Người chết để tiêu diệt sự chết và đem lại sự sống vĩnh cửu cho tất cả mọi người. Đó là lý do tại sao Người nói rằng "tôi đến để cho chiên được sống và sống đời" (Ga 10,10).

Tâm tình Đức Giê-su, Mục Tử Nhân Lành là tâm tình yêu thương hết thảy mọi người. Thánh Mát-thêu trình thuật rằng: "Đức Giê-su thấy đám đông thì chạnh lòng thương, vì họ lầm than vất vưởng, như bầy chiên không người chăn dắt" (Mt 9,36). Đặc biệt, Người quan tâm đến những người tội lỗi, những người sống xa đường ngay nẻo chính, những con chiên lạc. Người nói: "Anh em nghĩ sao? Ai có một trăm con chiên mà có một con đi lạc, lại không để chín mươi chín con kia trên núi mà đi tìm con chiên lạc sao? Và nếu may mà tìm được, thì Thầy bảo thật anh em, người ấy vui mừng vì con chiên đó, hơn là vì chín mươi chín con không bị lạc. Cũng vậy, Cha của anh em, Đấng ngự trên trời, không muốn cho

một ai trong những kẻ bé mọn này phải hư mất" (Mt 18,12-14). Đối với Đức Giê-su, tất cả mọi người từ tạo thiên lập địa cho đến tận thế đều là những con chiên lạc, khác nhau chăng cũng chỉ ở mức độ thất lạc mà thôi. Bởi vì, tất cả mọi người đều là con cháu A-đam và E-và, những tội nhân, sống xa Đường Mục Tử Nhân Lành.

Trong hành trình ba năm rao giảng Tin Mừng, Đức Giê-su luôn diễn tả mình là Mục Tử Nhân Lành. Sau khi sống lại và hiện ra với các môn đệ ở Biển Hồ Ti-bê-ri-a, Đức Giê-su hỏi Phê-rô đến ba lần "con có yêu mến Thầy không?" Người lặp đi lặp lại câu hỏi để Phê-rô ý thức hơn tầm quan trọng của tình yêu trong việc chăm sóc đoàn chiên Người giao phó. Điều này có nghĩa rằng tình yêu dành cho Đức Giê-su đồng nghĩa với tình yêu đối với đoàn chiên Người ủy thác chăm sóc. Phê-rô đã trung thành với Đức Giê-su và thực thi chức năng mục tử theo khuôn mẫu Đức Giê-su, Mục Tử Nhân Lành, trong quãng đời còn lại của mình. Đặc biệt, ngài đã chịu chết khi bị treo ngược trên cây thập giá để minh chứng cho tình yêu mà ngài lãnh nhận.

Đức Giê-su nói với các môn đệ rằng: "Thầy sai anh em đi như chiên đi vào giữa bầy sói" (Mt 10,16). Quả thực, đời sống và sứ mệnh của các môn đệ, của các tông đồ Đức Giê-su không phải là đời sống và sứ mệnh dễ dàng. Họ phải đương đầu với muôn vàn thử thách, gian truân để có thể trung tín với Thầy mình trong việc chăm sóc đoàn chiên được giao phó. Đa số các ngài đã chịu trăm bề thử thách và cuối cùng kết thúc với cái chết chứng tá của mình. Thánh Phao-lô nói với các kỳ mục tại Ê-phê-xô rằng "anh em hãy ân cần lo cho chính mình và toàn thể đoàn chiên mà Thánh Thần đã đặt anh em làm người coi sóc, hãy chần dốt Hội Thánh của Thiên Chúa, Hội Thánh Người đã mua bằng máu của chính mình" (Cv 20,28) và rằng "phần tôi, tôi biết rằng khi tôi đi rồi, thì sẽ có những sói dữ đột nhập vào anh em, chúng không tha đoàn chiên" (Cv 20,29).

Trong bài chia sẻ ngày 28 tháng 3 năm 2013 tại Đền Thờ Thánh Phê-rô (Lễ Dầu), Đức Thánh Cha Phan-xi-cô nhấn mạnh rằng các linh mục, các mục tử là những người mang lấy mùi chiên



và sống với mùi chiên. Ngài muốn các mục tử thực sự gần gũi đoàn chiên của mình, đồng hình đồng dạng với Đức Giê-su, Mục Tử Nhân Lành và đồng hình đồng dạng với tất cả những người mà mình được ủy thác chăm sóc. Các mục tử được mời gọi vui với người vui, đau với người đau, khóc với người khóc. Các mục tử được mời gọi trút bỏ chính mình, ra khỏi chính mình và hy sinh chính mình để có thể hòa mình vào đời sống của tất cả mọi người, đồng hành với họ, hướng dẫn họ vững bước theo Đức Giê-su, Đường Mục Tử Nhân Lành.

Hình ảnh Đức Giê-su, Mục Tử Nhân Lành được áp dụng cho những vị lãnh đạo trong Giáo Hội. Tuy nhiên, theo một nghĩa rộng hơn, tất cả Ki-tô hữu đều được mời gọi sống tinh thần Đức Giê-su, Mục Tử Nhân Lành trong mọi hoàn cảnh. Chúng ta nhận thức rằng Đức Giê-su không chỉ mời gọi một số người trở thành mục tử, mà Người mời gọi tất cả chúng ta trở thành mục tử, sống tinh thần mục tử, bởi vì, mỗi người chúng

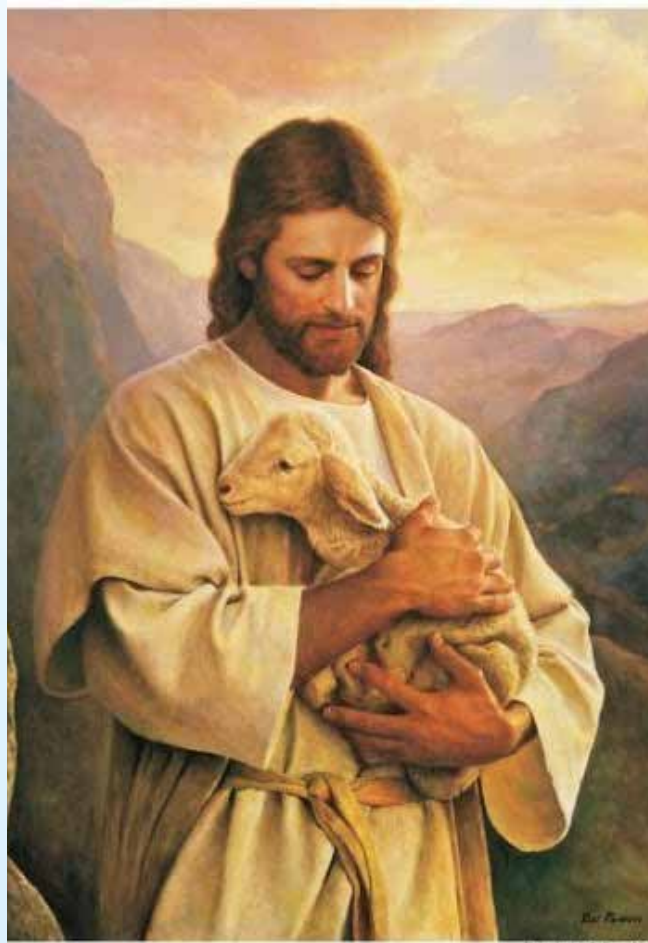
ta thường vừa là 'chiên' trong hoàn cảnh này, vừa là 'mục tử' trong hoàn cảnh khác. Ai trong chúng ta cũng được giao phó tác vụ nào đó đối với anh chị em mình. Do vậy, chúng ta được mời gọi theo gương Đức Giê-su, Mục Tử Nhân Lành trong khi thi hành tác vụ của mình, nhất là tác vụ loan báo Tin Mừng.

Đức Giê-su nói: "Tôi còn có những chiên khác không thuộc ràn này. Tôi cũng phải đưa chúng về. Chúng sẽ nghe tiếng tôi. Và sẽ chỉ có một đoàn chiên và một mục tử" (Ga 10,16). Như đã được đề cập ở trên, trong Biện Cố Giáng Sinh không chỉ có sự hiện diện của các mục đồng, mà còn có sự hiện diện của các đạo sĩ từ phương xa tới nữa. Các mục đồng đại diện cho những người Do-thái, các đạo sĩ đại diện cho 'dân ngoại'. Họ không phải là 'Dân Chúa' theo cách hiểu của những người Do-thái. Tuy nhiên, họ trở thành Dân Chúa vì lòng Thiên Chúa xót thương. Sự hiện diện của họ cho chúng ta thấy rằng tất cả mọi người trong gia đình nhân loại đều được mời gọi trở thành Dân Chúa, trở thành thành viên của đoàn chiên duy nhất và Vị Mục Tử duy nhất là Đức Giê-su.

Chiên là loài vật đơn sơ, thiếu tính tự lập và luôn là mồi ngon cho nhiều loài thú. Chiên không có những 'vũ khí' cần thiết như sừng dài, răng nhọn, chạy nhanh hay bất cứ hình thức tự vệ nào. Chiên hoàn toàn lệ thuộc vào người chăn từ chuyện ăn uống, ngủ nghỉ đến chuyện bảo toàn mạng sống trước những hiểm nguy. Tương tự như thế, chúng ta hoàn toàn lệ thuộc vào Thiên Chúa, vào Đức Giê-su để hiện hữu, tồn tại, phát triển và hưởng tới sự sống muôn đời. Trong hành trình trần thế, chúng ta phải đương đầu với muôn thử thách: Những thử thách trong đời sống thể chất, những thử thách trong đời sống tinh thần, đặc biệt, những thử thách trong đời sống tâm linh. Nếu chúng ta không có mối liên kết chặt chẽ với Đức Giê-su, Mục Tử Nhân Lành, chúng ta sẽ không thể nào vượt qua được những thử thách này.

Đức Giê-su nói: "Chiên của tôi thì nghe tiếng tôi; tôi biết chúng và chúng theo tôi" (Ga 10,27). Sự phân định đầu là tiếng của Mục Tử Nhân Lành và đầu là tiếng của 'người lạ', 'người trộm

cướp', 'người chăn thuê' 'hay 'thú dữ' không phải là chuyện dễ dàng. Nếu chúng ta không có trái tim nhạy cảm, trái tim khiêm tốn, trái tim yêu thương, trái tim luôn mở ra với Trái Tim Đức Giê-su, Mục Tử Nhân Lành, thì chúng ta khó có thể lắng nghe được tiếng Người. Chúng ta tin tưởng rằng Đức Giê-su, Mục Tử Nhân Lành luôn cung cấp cho chúng ta đủ ánh sáng để bước đi đúng hướng trên hành trình trần thế này. Trong bài giảng về thời cánh chung, Đức Giê-su nói với các môn đệ: "Sẽ có những Ki-tô giả và ngôn sứ giả xuất hiện, đưa ra những dấu lạ lớn lao và những điềm thiêng, đến nỗi chúng lừa gạt cả những người đã được tuyển chọn" (Mt 24,24). Những lời này của Đức Giê-su không chỉ liên quan đến thời cánh chung theo nghĩa hẹp, mà còn liên quan đến tất cả Ki-tô hữu qua muôn thế hệ. Thực ra, sự hiện diện của Đức Giê-su trong hành trình trần thế cũng chính là sự hiện diện của thời cánh chung rồi. Chúng ta hãy hướng tâm trí về Đức Giê-su, Mục Tử Nhân Lành để được Người nuôi dưỡng đức tin và đời sống luân lý phù hợp





với thánh ý Thiên Chúa.

Đề cập đến vị trí của người chăn chiên trong đoàn chiên để diễn tả tương quan giữa Người và chúng ta, Đức Giê-su nói rằng: "Anh ta đi trước và chiên đi theo sau, vì chúng nhận biết tiếng của anh" (Ga 10,4). Câu hỏi đặt ra là 'tại sao người chăn chiên phải đi trước?' Thưa, vì người chăn chiên là người bảo vệ đoàn chiên, người chăn chiên đứng mũi chịu sào cho sự an toàn của đoàn chiên. Người chăn chiên chấp nhận những chướng ngại, những bất ngờ, những gian nan vì sự sống còn của đoàn chiên. Như người chăn chiên đi trước đoàn chiên, Đức Giê-su luôn đi trước chúng ta để dọn đường cho chúng ta. Đường Mục Tử Nhân Lành cũng là Đường của mỗi người chúng ta. Bằng không, chúng ta sẽ lạc đường, lạc lối trong hành trình trần thế này. Bốn phận của chúng ta là đặt trọn niềm tin, tình yêu và hi vọng vào Đường Mục Tử Nhân Lành và luôn trung tín với Đường này giữa những khó khăn bấp bênh của thời cuộc, cùng muôn chạm bẩy của thế giới bóng đêm luôn rình rập đợi chờ

(Ep 4,26; 1 Pr 5,8).

Không ai trong chúng ta có đủ điều kiện cần thiết để hoạch định chương trình và đường hướng cho cuộc sống mình cách trọn vẹn. Tất cả chúng ta đều mong muốn có vị mục tử luôn trong tình trạng sẵn sàng giúp đỡ chúng ta. Vị đó chính là Đức Giê-su, Người hứa ở cùng các tông đồ, cùng Giáo Hội, cùng tất cả mọi người trong gia đình nhân loại cho đến tận thế. Do đó, câu hỏi đặt ra là 'chúng ta đang đi đường nào?' Nếu câu trả lời là chúng ta đang đi Đường Đức Giê-su, Đường Mục Tử Nhân Lành, thì rõ ràng chúng ta đang đi đúng hướng. Bằng không, chúng ta hãy trở về với chính lộ, trở về với Đường Mục Tử Nhân Lành, bởi vì đây là Đường duy nhất cho phép chúng ta sống xứng đáng với phẩm giá mình trong hành trình trần thế này và đây cũng là Đường duy nhất dẫn chúng ta tới sự sống dồi dào trong Nước Thiên Chúa.

**+ Pet. Nguyễn Văn Viên**

*WHĐ (1.7.2020)*

# Nghệ thuật giáo dục con cái

**G**iao dục là nghệ thuật dẫn đưa và thúc đẩy tiềm năng của cá nhân. Người làm công tác giáo dục tương tự công việc của một người hộ sinh, nghĩa là giúp trẻ sinh ra và có cuộc sống tự lập. Vì là một nghệ thuật, thế nên giáo dục không giống kiểu công thức có sẵn như mì ăn liền và có giá trị cho mọi trường hợp được.

Trách nhiệm của cha mẹ trong việc giáo dục con cái là hướng dẫn từng bước để chúng sống tự lập. Cha mẹ không chỉ dạy dỗ, hướng dẫn, đồng hành với con cái, mà còn phải giúp chúng biết chịu trách nhiệm về những nhu cầu cá nhân và biết tự giáo dục.

## I. Vai trò của các mô hình giáo dục tính tự lập

Cách thức giáo dục con cái “có thể tạo thuận lợi hoặc cản trở sự tự lập - sẽ đưa đến những kết quả khác nhau trong tiến trình phát triển và hạnh phúc của chúng.

Có rất nhiều cách để mô tả hành vi của cha mẹ đối với con cái. Ở đây chúng ta nói đến hai khía cạnh quan trọng trong cách hành xử của cha mẹ:

### - Những đòi hỏi của cha mẹ (demandingness):

đó là những điều mà cha mẹ yêu cầu con cái phải cư xử đúng mực và sống có trách nhiệm tương ứng với lứa tuổi của chúng, những quy tắc chính đáng phải tuân thủ trong đời sống hằng ngày về các sinh hoạt, giờ giấc, ăn uống, ngủ nghỉ, học tập, sống đạo.

### - Những đáp ứng của cha mẹ (responsiveness):

đó là những hỗ trợ, nâng đỡ về mặt tinh thần lẫn vật chất của cha mẹ trước những đòi hỏi chính đáng của con cái.

Từ hai khía cạnh trên trong cách giáo dục của cha mẹ, chúng ta có bốn mô hình giáo dục sau:

### 1. Uy tín:

#### cả hai khía cạnh đều ở mức cao

Cha mẹ có uy tín vừa đầy tình thương nhưng cũng rất cương nghị. Họ xác định những chuẩn

mục tương xứng với lứa tuổi của con cái và buộc chúng phải nghiêm túc tuân thủ. Họ giúp con cái phát triển sự tự lập và tự quyết nhưng họ vẫn đảm đương trách nhiệm cuối cùng về hành vi của con cái. Cha mẹ cùng giải quyết với con cái những khó khăn, trao đổi và giải thích cho chúng những vấn đề liên quan đến kỷ luật. Cha mẹ thiết lập những kỷ cương cần tuân thủ, nhưng không phải là những luật lệ cứng nhắc, mà phải uyển chuyển và hướng đến việc thảo luận, đối thoại cách cởi mở và chân thành. Ngoài ra, các quy tắc phải được giải thích và thực thi trong bầu không khí của sự gắn kết, yêu thương và công bằng. Tình thân gia đình, sự nâng đỡ, khích lệ về tinh thần lẫn việc chu cấp những đòi hỏi thiết yếu và chính đáng của con cái sẽ giúp chúng biết tự chủ và sống có trách nhiệm.

### 2. Độc đoán:

cha mẹ đòi hỏi con cái nhiều (khía cạnh thứ nhất ở mức cao), nhưng lại không quan tâm và đáp ứng đúng mức những nhu cầu chính đáng của chúng (khía cạnh thứ hai ở mức thấp).

Cha mẹ độc đoán thường chỉ đưa ra mệnh lệnh và kỷ luật phải tuân thủ. Họ không thích trao đổi, thảo luận bởi vì họ cho rằng con cái cần chấp nhận vô điều kiện các chuẩn mực bất biến của họ. Những bậc cha mẹ theo phương cách giáo dục này không khuyến khích mà lại giới hạn tính tự lập của con cái. Trong các gia đình độc tài,



nơi mà các quy tắc được thực thi một cách cứng nhắc, và rất hiếm khi có sự giải thích hay điều chỉnh, dễ xảy ra những khó khăn, nhất là trong giai đoạn con cái đến tuổi vị thành niên. Cha mẹ độc đoán nghĩ rằng việc con cái không lệ thuộc vào họ là dấu hiệu sự nổi loạn và thiếu tôn trọng người lớn, và họ sẽ tìm cách ngăn cản tính độc lập của chúng. Thay vì khuyến khích sự tự lập, cha mẹ độc tài vô tình có thể giữ sự phụ thuộc của con, không cho phép chúng học cách tự đưa ra quyết định và chịu trách nhiệm về việc mình làm. Trong trường hợp con cái ở ngoài tầm kiểm soát của cha mẹ kèm với việc thiếu tình thương của cha mẹ, trẻ ở tuổi vị thành niên có thể công khai nổi loạn chống lại cha mẹ hùng hăng định sự độc lập của mình. Tuy nhiên, trong những trường hợp này, các cuộc nổi loạn không phải là dấu hiệu của sự độc lập thực sự về mặt tình cảm, mà chỉ là một cuộc đấu chỉ cho thấy sự thất vọng của tuổi vị thành niên trước sự cứng nhắc quá mức và thiếu hiểu biết của cha mẹ.

### 3. Nhu nhược và nuông chiều:

ngược với mô hình thứ hai, nghĩa là cha mẹ ít đưa ra những đòi hỏi (khía cạnh thứ nhất ở mức thấp), nhưng bày tỏ tình thương và sự nuông chiều thái quá (khía cạnh thứ hai ở mức cao)

Cha mẹ theo mô hình này biểu lộ sự nhân nhượng và thụ động đối với vấn đề kỷ luật. Họ chỉ đòi hỏi con cái vài thứ lật vật và cho chúng tự do hành động như chúng muốn. Họ nghĩ rằng sự kiểm soát là một trở ngại cho việc tự do hành động, và như thế sẽ cản trở sự phát triển lành mạnh của con cái nói chung. Thay vì lưu tâm đến hành vi của con cái, họ lại xem mình như nguồn tài nguyên mà con cái có thể khai thác tùy thích.

### 4. Dửng dưng:

#### cả hai khía cạnh đều ở mức thấp

Cha mẹ thờ ơ với bốn phạm nhằm giảm bớt thời gian và công sức cho những tương tác với con cái; trong những trường hợp cực đoan, họ bỏ bê chúng. Cha mẹ biết rất ít về đời sống và các hoạt động của con mình, ít quan tâm đến những trải nghiệm của chúng ở trường và với bạn bè, ít khi nói chuyện với chúng và hiếm khi để tâm



đến các quan điểm của chúng khi chúng phải quyết định điều gì đó. Những bậc cha mẹ theo mô hình này thường quy hướng mọi sự về mình, và tổ chức gia đình trước hết chỉ cho nhu cầu và lợi ích bản thân.

Trong những gia đình theo mô hình thứ ba và thứ tư nảy sinh những vấn đề khác biệt so với các gia đình độc tài (mô hình thứ hai). Mô hình ba và bốn cho thấy cha mẹ không hướng dẫn đúng mức con cái khiến chúng không có được những chuẩn mực cho hành vi.

Bốn mô hình giáo dục nêu trên đưa đến các kết quả khác nhau về sự phát triển tâm lý của trẻ. Con cái có bố mẹ theo mô hình uy tín dễ thích ứng về mặt tâm lý xã hội, sống có trách nhiệm, tự tin, thích nghi, sáng tạo, ham thích học hỏi, có kỹ năng xã hội tốt hơn và thành công hơn ở trường học so với các bạn đồng trang lứa mà được giáo dục theo các mô hình khác. Ngoài ra các trẻ này thường cảm thấy hạnh phúc, có đời sống tâm lý ổn định, và chúng cảm thấy hài lòng với những mối quan hệ trong gia đình.

Trẻ có cha mẹ độc đoán thường sống phụ thuộc, thụ động, ít thích ứng về mặt xã hội, kém tự tin và ít ham thích học hỏi.

Còn các em có bố mẹ nuông chiều thì kém trưởng thành, sống thiếu trách nhiệm, thích sống tuân thủ hơn là giữ các vị trí lãnh đạo.

Con cái của cha mẹ dửng dưng thường bốc đồng và nhiều khả năng sau này chúng sẽ tham gia vào các hành vi nguy cơ (tình dục bừa bãi, rượu chè, ma túy, phạm pháp).

## II. Tại sao mô hình uy tín có tính ưu việt?

Trước hết, mô hình này mang lại cho trẻ một sự cân bằng tối ưu giữa kiểm soát và được phép, mang lại cho chúng tính độc lập, cung cấp cho chúng cơ hội để phát triển khả năng tự quyết và đồng thời cung cấp các tiêu chuẩn, giới hạn rạch ròi và những hướng dẫn khi chúng cần đến. Chúng có được sự tự lập theo kiểu tiệm tiến, và điều này giúp chúng tự tin và tự quyết. Mô hình này cũng thúc đẩy sự phát triển các kỹ năng và tăng cường khả năng đề kháng những ảnh hưởng tiêu cực, bao gồm những căng thẳng và những ảnh hưởng xấu của bạn bè.

Kế đến, các bậc cha mẹ theo mô hình này đối thoại nhiều với con cái, thế nên chúng phát triển tốt về mặt trí tuệ là cơ sở của sự trưởng thành về tâm lý xã hội. Các cuộc thảo luận trong gia đình, việc giải thích các quyết định, quy tắc và kỳ vọng từ phía người lớn giúp trẻ hiểu được hệ thống xã hội và quan hệ xã hội.

Thứ ba, vì mô hình uy tín dựa trên mối quan hệ yêu thương, cho nên con cái sẽ gắn bó với cha mẹ và lưu tâm đến những bận tâm của cha mẹ. Điều này tạo điều kiện cho những ảnh hưởng tốt của cha mẹ trên con cái về những giá trị cũng như cách ứng xử.

Cha mẹ uy tín có trách nhiệm đối với con cái, biết cách hướng dẫn và đồng hành với chúng. Họ rất nhạy cảm với nhu cầu của con cái, nhưng họ cũng tính đến khả năng của họ trong việc giải quyết những nhu cầu chính đáng của con cái. Họ



khuyến khích con cái trao đổi về những đòi hỏi của chúng. Họ thảo luận với chúng về những lối hành xử trong những tình huống khác nhau. Họ cũng đánh giá cao và khuyến khích sự phát triển của một ý chí tự chủ của con cái, đưa ra những quy tắc về trách nhiệm tương xứng với từng lứa tuổi, và hướng chúng đến việc tự rèn luyện kỷ luật bản thân.

Tóm lại, trong lãnh vực giáo dục nói chung, mô hình uy tín thích hợp hơn các mô hình khác. Mô hình này giúp con cái và người thụ huấn nói chung phát triển tư duy phê phán, sự tự tin, tự chủ, và cảm thấy hạnh phúc. Mô hình này cho phép người ta có được cách hành xử trưởng thành và đúng mực trong những tình huống khác nhau của cuộc sống.

*Nguồn: WGPSG*

### SÁCH THAM KHẢO

CICOGNANI E. - B. ZANI, Genitori e adolescenti, Roma, Carocci, 2003.

MAIOLO G., L'occhio del genitore. L'attenzione ai bisogni psicologici dei figli, Trento, Erickson, 2000.

MAIOLO G., Adolescenze spinose. Come comunicare senza fare (e farsi) del male, Trento, Erickson, 2002.

PALMONARI A., Gli adolescenti, Bologna, il Mulino, 2001.

RENAUD H. - J. P. GAGNÉ, Essere genitore. Avviamento alla professione, Milano, San Paolo, 2003.

### Lm. Giuse Đặng Chí Lĩnh





# TÁC ĐỘNG CỦA CHỦ NGHĨA TƯƠNG ĐỐI TRÊN GIỚI TRẺ

**S**ự độc tài của chủ nghĩa tương đối” là cụm từ gắn liền với Đức Bênêđictô XVI, vị giáo hoàng kêu gọi Giáo Hội phải cảnh giác và chống lại chủ nghĩa tương đối vì những tác động tai hại của nó trên mọi lãnh vực của đời sống con người và xã hội. Cùng một nhận định, trong tông huấn *Evangelii Gaudium*, Đức giáo hoàng Phanxicô viết: “Tiến trình tục hóa đã đẩy đức tin và Giáo Hội vào lãnh vực cá nhân riêng tư và thầm kín. Hơn nữa, với việc phủ nhận tất cả chiều kích siêu việt, nó tạo ra những sai lệch về mặt đạo đức, làm suy yếu ý nghĩa về tội cá nhân và xã hội, âm thầm đẩy mạnh chủ nghĩa tương đối, đưa đến việc mất định hướng nói chung, đặc biệt là trong giai đoạn vị thành niên và tuổi trẻ, là nhóm người rất dễ bị chao đảo trước những thay đổi như thế” (số 64).

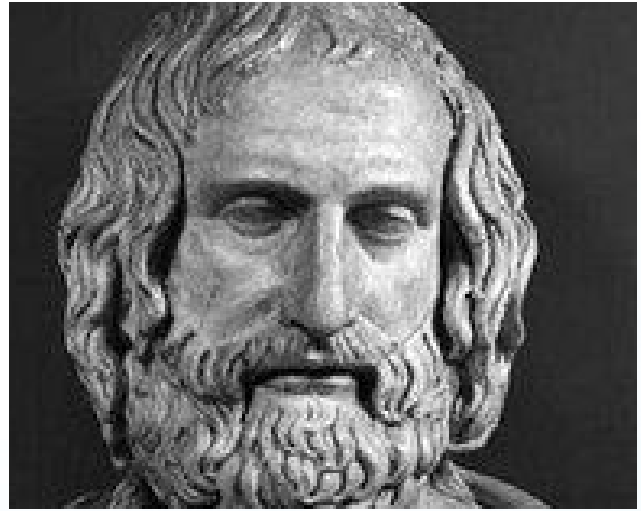
Vậy, chủ nghĩa tương đối là gì? Tại sao nó gây tác hại cho đời sống con người, cách riêng là giới trẻ? Giáo Hội có thể làm gì trước những tác hại này? Đây là những câu hỏi mà bài viết này quan tâm nghiên cứu và gợi ý suy nghĩ.

## 1. TỪ NGỮ VÀ LỊCH SỬ

Theo Từ điển Webster, “chủ nghĩa tương đối” có hai nghĩa.

Một là “lý thuyết cho rằng nhận thức có tính tương đối do bản chất giới hạn của tâm trí và do những điều kiện nhận thức”. Hai là quan điểm cho rằng “những chân lý về mặt đạo đức tùy thuộc vào các cá nhân và các nhóm tuân giữ”. Nói cách khác, không có chân lý phổ quát, chỉ có những chân lý khác nhau. Thế nên Simon Blackburn, giáo sư Triết học tại đại học Cambridge, giải thích chủ nghĩa tương đối là “những ý kiến khác nhau, không có quyền bính độc nhất, có bao nhiêu dân tộc, xã hội, văn hóa, thì có bấy nhiêu ‘chân lý’.

Chủ nghĩa tương đối không phải là điều tự nhiên từ trời rơi xuống, nhưng có thể tìm về gốc gác trong triết học Hi Lạp từ thế kỷ V trước



Công nguyên. Protagoras (490-420 B.C.) được coi như tiếng nói chính thức đầu tiên về chủ nghĩa tương đối khi ông tuyên bố, “Con người là thước đo mọi sự”. Trước Protagoras còn có Heraclites với chủ trương “mọi sự đều thay đổi”, không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông, do đó chẳng có gì là tuyệt đối.

Đến thời Trung Cổ, William Ockham (thế kỷ 14) đặt nền móng cho chủ thuyết Duy danh (Nominalism), không nhìn nhận các phổ hữu, chỉ nhìn nhận sự hiện hữu của cái đặc thù, những cá thể sự vật. Sự tương tự giữa các sự vật không còn được coi như đặc tính chung về bản tính, do đó những ý niệm, luật lệ, ý tưởng trừu tượng và phổ quát chỉ là “tên gọi” hoặc những hình ảnh trong tâm trí.

Trong thời đại ngày nay, có thể thấy phản ánh của chủ thuyết duy danh nơi lý thuyết được gọi là Đạo đức hoàn cảnh (Situation Ethics). Người ta cho rằng tình yêu là nguyên lý chính yếu trong mọi quyết định luân lý. Có thể xem đây là một nỗ lực giữ thế trung dung giữa một bên là nền luân lý xây dựng trên những mệnh lệnh tuyệt đối (và bị coi là duy lễ luật), còn một bên là lối sống phóng túng, chẳng có lễ luật hay nguyên tắc nào hướng dẫn cả. Thế nhưng vấn đề ở đây là “nguyên lý tình yêu” cũng dễ trở thành nguyên lý thực dụng, nghĩa là nhằm đem lại những điều

tốt nhất cho nhiều người nhất. Nghe thì rất hay, nhưng liệu có nguy cơ “lấy mục đích để biện minh cho phương tiện” không? Đề cao tình yêu mà không có nội dung đạo đức cụ thể sẽ dẫn đến những chọn lựa luân lý tùy theo sở thích mỗi cá nhân.

## 2. NHỮNG LOẠI HÌNH CỦA CHỦ NGHĨA TƯƠNG ĐỐI

Chủ nghĩa tương đối xuất hiện dưới nhiều hình thức:

### a) Tương đối về thẩm mỹ:

Quan điểm triết học cho rằng phán đoán về cái đẹp tùy thuộc vào các cá nhân, nền văn hóa, thời đại, bối cảnh, do đó không có những tiêu chuẩn phổ quát cho cái đẹp. Một tác phẩm nghệ thuật hoặc điêu khắc có thể được người này cho là đẹp nhưng người khác thì không.

### b) Tương đối về nhận thức:

Mọi chân lý đều là tương đối. Không có hệ thống chân lý nào vững chắc hơn hệ thống kia, cũng chẳng có những chuẩn mực khách quan về chân lý. Hệ quả là chẳng có Thiên Chúa của chân lý tuyệt đối, cũng không chấp nhận niềm tin cho rằng lý trí có thể khám phá chân lý tuyệt đối.

### c) Tương đối và duy chủ thể (Subjectivism):

Mỗi cá nhân hoặc chủ thể (cùng với cảm giác, ý tưởng, thái độ, cảm xúc, niềm tin của họ) chiếm vị thế ưu tiên trong trật tự thế giới cũng như trong nhận thức về thế giới.

Các học giả ngày nay thường nói đến bốn trường phái tư tưởng liên quan đến chủ nghĩa



tương đối: tương đối văn hóa, tương đối nhận thức, tương đối về cấu trúc xã hội, và tương đối hậu hiện đại.

### a) Tương đối văn hóa:

Các nhóm ngôn ngữ và văn hóa khác nhau có thể có những quan điểm nền tảng khác nhau, dẫn đến vũ trụ quan khác nhau. Không có nền văn hóa nào cao hơn, mọi nền văn hóa đều bình đẳng.

### b) Tương đối nhận thức:

Quan điểm về hữu thể luận tùy thuộc vào những khung nhận thức và những phạm trù khác nhau.

c) Tương đối về cấu trúc xã hội: Những lực khác nhau trong cấu trúc xã hội dẫn đến việc hình thành những từ ngữ và quan điểm khác nhau.

d) Tương đối hậu hiện đại: Không chấp nhận khách thể tính, khước từ những ý niệm phổ quát cũng như chân lý phổ quát. Có lẽ đây là lãnh vực mà Giáo Hội phải quan tâm nhiều nhất.

## 3. ĐẶT VẤN ĐỀ VỚI CHỦ NGHĨA TƯƠNG ĐỐI

Ngay từ đầu, bài viết này đã nhắc tới cụm từ “sự độc tài của chủ nghĩa tương đối”. Để diễn tả đầy đủ hơn, cần đọc lại nguyên văn bài giảng của Hồng y Joseph Ratzinger trong Thánh Lễ khai mạc Mật nghị bầu giáo hoàng: “Ngày nay, việc có một đức tin rõ ràng dựa trên Kinh Tin Kính của Hội Thánh lại thường bị dán nhãn hiệu là bảo thủ. Đang khi đó, chủ nghĩa tương đối, nghĩa là để mình “bị sóng đánh trôi dạt theo mọi chiều gió đạo lý” (x. Ep 4,14) xem ra lại được coi là thái độ phù hợp nhất với thời đại. Người ta đang xây dựng thứ độc tài của chủ nghĩa tương đối vốn không nhìn nhận bất cứ điều gì là vững vàng, và mục đích tối hậu của nó chỉ là cái tôi và ước muốn ích kỷ của bản thân”.

Trong một dịp khác, khi bàn đến “Nền tảng nhân học của gia đình”, Đức Bênêđictô XVI nói rõ hơn: “Ngày nay, có một lực cản đặc biệt đáng ngại trong việc giáo dục, đó là sự hiện diện rộng khắp của chủ nghĩa tương đối trong xã hội và văn hóa. Chủ nghĩa này không nhìn nhận điều gì là vững vàng, cuối cùng tiêu chuẩn tối thượng duy nhất là cái tôi và những ước muốn của nó. Và ản



dưới dáng vẽ của tự do, nó lại biến thành ngục thất cho mỗi người vì nó ngăn cách con người với nhau, khóa chặt mỗi người trong cái tôi ích kỷ của mình”.

Như thế, chủ nghĩa tương đối không chỉ là vấn nạn riêng cho Giáo Hội Công giáo nhưng còn là vấn nạn chung cho cả xã hội và văn hóa. Bản chất độc tài của chủ nghĩa tương đối là ở chỗ nó chỉ chấp nhận quan điểm cho rằng mọi chọn lựa chủ quan của mỗi người đều có giá trị như nhau; do đó kẻ nào chủ trương có những chân lý và thiện hảo khách quan... thì bị coi là thiếu khoan dung!

Quan điểm này chắc chắn sẽ gây tác hại khôn lường về mặt đạo đức. Một người chủ trương tương đối về mặt luân lý sẽ định nghĩa luân lý là cái gì mang tính cá nhân, chủ quan, có thể thay đổi. Luân lý mang tính chủ quan và phải tôn trọng tự do của mỗi cá nhân. Do đó, cái được gọi là những chuẩn mực khách quan trong đời sống luân lý sẽ bị coi là sự áp đặt từ trên xuống mỗi cá nhân, gây ra mặc cảm tội lỗi cho người ta... và như thế, đương nhiên là sai và không thể chấp nhận.

Thế nhưng, khẳng định “Mọi chân lý đều là tương đối” có hợp lý không? Nếu khẳng định mọi chân lý đều tương đối, thì ngay cả khẳng định đó “Mọi chân lý đều tương đối” cũng không thể là tuyệt đối, nhưng chỉ có tính tương đối! Nếu cho rằng chúng ta chỉ có thể thấy những khía cạnh khác nhau của cùng một thực tại (chứ không phải chính thực tại), vậy giả như những

cái nhìn đó mâu thuẫn nhau thì liệu chúng ta có thể tin vào nhận thức của mình không? Hai tác giả Francis J. Beckwith và Gregory Koukl, trong cuốn *Relativism: Feet Firmly Planted in Mid-Air* (1998) đưa ra bảy sai lầm lớn của chủ nghĩa tương đối:

**a) “Người chủ trương tương đối không thể kết tội người khác làm sai”.**

Vì không có điều được nhìn nhận là chân lý khách quan, nên bạn không thể kết luận người khác làm sai, bởi lẽ không có chuyện làm sai, mỗi người đều làm đúng theo chuẩn mực cá nhân của họ. Phải có một chuẩn mực luân lý chung thì mới có thể nói người này làm sai, người kia làm đúng. Còn nếu chỉ là chân lý chủ quan thì chúng ta không thể nói người khác là sai.

**b) “Người chủ trương tương đối không thể than phiền về vấn đề sự dữ”.**

Vì không có chân lý khách quan nên sự dữ cũng không hiện hữu. Tại sao? Trong một thế giới theo chủ nghĩa tương đối, ý niệm về “sai, trái” không hiện hữu, do đó cũng không thể coi sự dữ là “sai, trái”. Người chủ trương tương đối đơn giản là phải chấp nhận sự dữ như là chân lý chủ quan của người khác, chứ không phải là cái gì sai trái.

**c) “Người chủ trương tương đối không thể nguyên rủa, cũng không thể ca tụng ai”.**

Vì không có chuẩn mực khách quan cho cái đúng và cái sai, nên cũng không có chuẩn mực để đánh giá tốt hay xấu, ca tụng hay nguyên rủa.

**d) “Người chủ trương tương đối không thể nói đến bất công hay bất toàn”.**

Vì không có chuẩn mực cho cái đúng hay sai, nên cũng không có chuyện bất công hay bất toàn. Trong một nền văn hóa chủ trương mọi sự là tương đối, cái gọi là “bất công” đơn giản chỉ là người khác hành động theo chân lý chủ quan của họ. Hành động đó có thể gây ra “bất công” cho người khác, nhưng lại là điều đúng và tốt theo chân lý chủ quan của họ.

### e) "Người chủ trương tương đối không thể tiến triển về mặt đạo đức".

Vì không có chuẩn mực cho cái đúng và cái sai, tốt và xấu, nên làm sao có sự tiến triển từ cái sai đến cái đúng, từ cái xấu đến cái tốt? Phải có chuẩn mực khách quan để đánh giá thì mới có thăng tiến.

### f) "Người chủ trương tương đối không thể bàn chuyện luân lý cách nghiêm túc".

Vì cho rằng luân lý tính là chủ quan, tùy vào mỗi cá nhân, nên không thể nào bàn đến chuyện đạo đức vì mỗi người chủ trương khác nhau. Điều được cho là đúng với người này không hẳn đã là đúng với người kia.

### g) "Người chủ trương tương đối cũng không thể nói đến sự khoan dung".

Không có chuẩn mực cho cái đúng, sai, nên không ai đúng và cũng chẳng sai sai. Như thế, làm gì có cái gọi là khoan dung.

## 4. TÁC ĐỘNG CỦA CHỦ NGHĨA TƯƠNG ĐỐI TRÊN GIỚI TRẺ

Thật khó để đo lường tác động của chủ nghĩa tương đối trên giới trẻ. Không có thống kê hoặc dữ liệu để có thể khẳng định những tác động tiêu cực hoặc tích cực của chủ nghĩa tương đối trên giới trẻ. Chỉ có thể dựa vào những tiếp cận thường ngày và kinh nghiệm mục vụ để nói rằng tác động này rất tinh tế và điều đáng quan tâm hơn cả là tác động của chủ trương tương đối về đạo đức. Một số người nghĩ rằng chủ trương tương đối về mặt đạo đức đem lại ích lợi là giúp phát triển sự đa dạng văn hóa và thực hành đạo đức, đồng thời làm cho người ta thích nghi tốt hơn khi nhận thức và kỹ thuật thay đổi trong xã hội. Dù có một vài mặt tích cực thì trong thực tế, nền văn hóa với chủ trương tương đối đang đặt ra cho Giáo Hội nhiều thách đố đáng quan ngại. Ở đây xin nói đến năm lãnh vực liên quan đến tác động của chủ trương tương đối về mặt đạo đức.

### a) Kiểm tìm sự độc lập

Chủ trương tương đối tác động trên cách nghĩ và cách sống của người trẻ rất tinh tế khiến chính

họ cũng không ý thức. Cách tổng quát, có những nghiên cứu cho thấy nền văn hóa trong thời đại chúng ta cho rằng chân lý chỉ có tính tương đối. Ai cũng có lập trường của mình và điều buồn cười là ai cũng cho rằng chỉ có mình là đúng. Đối với người trẻ, tìm kiếm sự độc lập là thành phần trong tiến trình tăng trưởng. Từ tuổi thiếu niên phải sống lệ thuộc bước sang tuổi teen muốn sống độc lập, người trẻ luôn đi tìm căn tính của mình. Sự tìm kiếm này song hành với nhu cầu khẳng định bản thân trong xã hội. Do đó, sự khẳng định tính độc lập này dẫn người trẻ đến chủ trương tương đối. Chẳng hạn một bạn trẻ có thể cảm thấy cách để khẳng định bản thân là nhấn mạnh lập trường của mình. Cho dù lập trường của bạn đó có phần hợp lý, nhưng thái độ này có thể dẫn người trẻ đến chỗ không dễ dàng đón nhận chân lý khách quan.

### b) Sự khoan dung

Một vài tác giả cho rằng "khoan dung" cũng có thể là một trong những nguyên tố góp phần củng cố chủ nghĩa tương đối. Đôi khi sự khoan dung có thể ảnh hưởng đến tính khách quan của chân lý. Chúng ta dạy người trẻ phải tôn trọng, đón nhận, không đối đầu...là đúng, nhưng điều này cũng có thể làm giảm nhẹ tính khách quan và những đòi hỏi của chân lý. Những người chủ trương tương đối thường bảo vệ lập trường của họ bằng cách khẳng định rằng họ khoan dung hơn những người khác, bởi lẽ đối với họ, mọi sự là tương đối và không có niềm tin nào là duy nhất



tốt lành và đúng đắn. Trong bối cảnh thời đại đa văn hóa, đa chủng tộc, dĩ nhiên khoan dung là một đức tính cần trân trọng, tuy nhiên nó cũng có thể mang lại hậu quả tiêu cực do ảnh hưởng của chủ nghĩa tương đối.

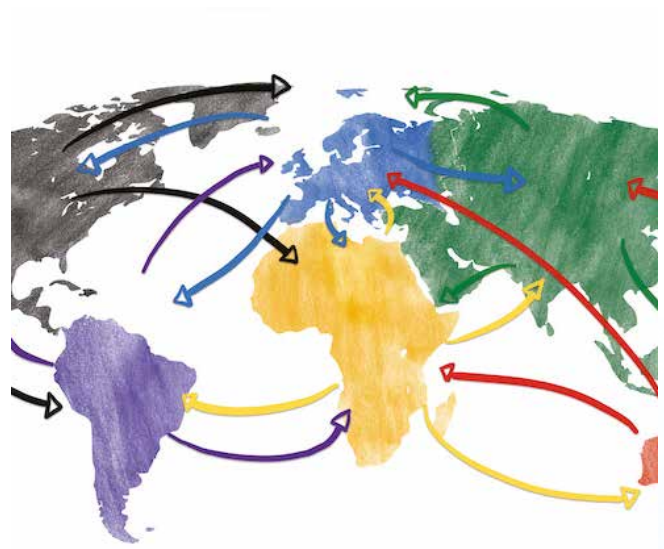
### c) Tục hóa

Không thể phủ nhận rằng làn sóng tục hóa đang lan rộng khắp thế giới, len lỏi vào mọi lĩnh vực của đời sống. Giữa tục hóa và chủ nghĩa tương đối có mối liên hệ mật thiết đến nỗi có người cho rằng tục hóa là một trong những hệ quả của chủ nghĩa tương đối. Người chủ trương tương đối không chấp nhận chân lý tuyệt đối, do đó một trong những điều phải vứt bỏ ngay là các tôn giáo với hệ thống tín điều và cơ cấu tổ chức. Đây chính là dấu hiệu cụ thể của tục hóa như Charles Taylor nói, “Tục hóa hệ tại ở việc rời bỏ niềm tin và thực hành tôn giáo, và việc người ta xa rời Thiên Chúa, không đến nhà thờ nữa”.

Sự khước từ tôn giáo dẫn đến một xã hội tục hóa, ở đó mỗi cá nhân tự quyền quyết định tốt, xấu. Không ai có quyền đưa ra lẽ luật hoặc quy tắc ứng xử vì mỗi người đều cho mình là đúng nhất. Hơn ai hết, người trẻ ngày nay chịu ảnh hưởng bởi lối suy nghĩ này. Không có lẽ luật luân lý khách quan nào cả, mỗi người thoải mái làm những gì mình cho là đúng. Thực tế của châu Á cho thấy đang gia tăng số người trẻ rời bỏ Giáo Hội, cụ thể là tại Hàn Quốc, nơi vẫn được đánh giá cao về đời sống đức tin và nhiệt tình truyền giáo.

### d) Toàn cầu hóa

Người trẻ thường chịu ảnh hưởng của các nhóm bạn. Trong thời đại toàn cầu hóa, nhóm bạn không chỉ là những người mà họ gặp gỡ trực tiếp nhưng còn là số đông họ gặp trong thế giới ảo (mà tác động lại rất thật): Facebook, Twitter, những mạng xã hội khác. Khi chủ nghĩa tương đối thấm vào văn hóa hiện đại thì qua những phương tiện truyền thông này, nó tác động rất nhanh trên người trẻ. Hãy thử đọc những comments của người trẻ về nhiều vấn đề cuộc sống, hãy thử theo dõi những chương trình truyền hình thực tế, sẽ thấy ảnh hưởng của chủ nghĩa tương đối lớn ra sao. Câu nói quen thuộc của người trẻ ngày



nay là: Nếu người khác làm được, tại sao tôi lại không được? Và cứ thế, những giá trị đạo đức khách quan dần dần bị xói mòn.

Thêm vào đó, lượng thông tin khổng lồ qua các phương tiện truyền thông làm cho con người nói chung, người trẻ nói riêng, bị chìm ngập, không còn giờ để suy nghĩ về ý nghĩa và mục đích sâu xa hơn của đời sống, chỉ mong tìm những gì thỏa mãn thị hiếu và khao khát nhất thời.

### e) Mất căn tính văn hóa

So với những thế hệ trước, người trẻ ngày nay có quá nhiều phương tiện để tiếp cận thông tin và các nền văn hóa trên thế giới: internet, du lịch, di dân... Sự tiếp cận này dẫn đến những so sánh và loại trừ những giá trị đạo đức truyền thống vì bị coi là cổ hủ. Chẳng hạn tại châu Á, hôn nhân thử và quan hệ tình dục trước hôn nhân đang trở thành một trào lưu được cho là tự nhiên và hợp lý. Với nhiều người trẻ, đức khiết tịnh chỉ còn là món đồ xa xỉ. Mỗi người có quyền chọn và sống theo những gì mình cho là đúng, có như thế cuộc sống mới đúng nghĩa tự do và hạnh phúc. Rõ ràng là chủ nghĩa tương đối đã thấm vào cách nghĩ và cách sống của họ.

Có thể tóm lại bằng nhận định của Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ: “Giáo Hội nhấn mạnh các nguyên tắc luân lý khách quan, có giá trị đối với tất cả mọi người, nhưng có nhiều người lại cho rằng các giáo huấn này thật bất công, nghịch với những quyền căn bản của con người. Các lý luận này cách chung phát xuất từ một hình thức của

chủ nghĩa tương đối về luân lý, nối kết với sự tin tưởng vào quyền tuyệt đối của mỗi cá nhân. Dựa theo đó, người ta cho rằng Giáo Hội xem ra đã có thiên kiến và can thiệp vào sự tự do của các cá nhân...Do đó phải có sự giáo dục giúp suy nghĩ chín chắn và đưa ra một đường hướng trưởng thành về các giá trị” (Persons with a Homosexual Inclination: Guidelines for Pastoral Care).

## 5. ĐỒNG HÀNH MỤC VỤ

Dưới tác động của chủ nghĩa tương đối về luân lý, xem ra chúng ta đang tuột dốc rất nhanh và không biết phải làm gì để thắng lại. Đức Bênêđictô XVI mô tả chủ nghĩa tương đối như mối đe dọa lớn nhất cho đức tin Kitô giáo ngày nay. Đây không chỉ là một vấn đề đòi hỏi phải có suy tư ở chiều sâu, nhưng còn là vấn đề mục vụ, nghĩa là làm sao để tìm ra cách thế đồng hành với các tín hữu, để họ đứng vững trước sự đe dọa của chủ nghĩa tương đối và không đánh mất cảm thức về Thiên Chúa là chính Chân Lữ.

Đòi hỏi này càng khẩn thiết hơn với mục vụ giới trẻ. Một đảng, Giáo Hội đánh giá cao về giới trẻ: “Nhiều vấn đề phức tạp mà giới trẻ phải đối diện ngày nay trong thế giới đang thay đổi tại châu Á thúc đẩy Giáo Hội nhắc nhở người trẻ về trách nhiệm của họ với xã hội và Giáo Hội, đồng thời nâng đỡ, khuyến khích họ sẵn sàng đảm nhận trách nhiệm này” (Ecclesia in Asia, số 47). Đảng khác, chúng ta lại đối diện với thực tế phũ phàng là nhiều người trẻ đang rời

bỏ Giáo Hội như linh mục người Hàn quốc John JunYang Park nhận định: “Gần đây tại châu Á, chúng ta chứng kiến hiện tượng nhiều người trẻ rời bỏ Giáo Hội, và điều này được coi như tín hiệu thật sự nguy hiểm trong một vài quốc gia, đặc biệt những nước Đông Á như Hàn quốc”. Thực tế đó đặt ra cho Giáo Hội những câu hỏi cụ thể phải suy tư: Tại sao người trẻ rời bỏ Giáo Hội? Đây là những nguyên nhân chính? Có thể làm gì trước tình hình này?

Trong Gioan 18,38, Philatô hỏi Chúa Giêsu: “Sự thật là chi?” Đây cũng là câu hỏi then chốt mà chủ nghĩa tương đối đặt ra. Theo thánh giáo hoàng Gioan Phaolô II trong thông điệp Veritatis Spondor, “Sự thật soi sáng trí khôn và định hình tự do của con người, dẫn họ đến chỗ nhận biết và yêu mến Chúa”. Sự thật là đối tượng chính yếu nhất của lý trí, cũng là mục đích tối hậu của hiện hữu nhân sinh, xét như là những hữu thể có lý tính. Sự thật được thể hiện trọn vẹn, sống động và cụ thể nơi Đức Giêsu Kitô, Đấng là Đường, Sự Thật, Sự Sống. Vấn đề là làm sao giúp người trẻ chạm đến Sự Thật đó và để họ thấy tầm quan trọng của sự thật trong cuộc đời họ. Đây chính là thách đố mục vụ rất lớn mà mỗi thừa tác viên trong Giáo Hội, trong bối cảnh xã hội cụ thể mình đang sống, phải suy nghĩ và tìm ra phương thế thích hợp.

Cách tổng quát, mục vụ giới trẻ và việc dạy giáo lý cần phải “đem đức tin vào đời sống và đem đời sống vào đức tin”.

### a) Đem đức tin vào đời sống

Tại châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng, số người trẻ Công giáo đi lễ Chúa nhật vẫn còn khá đông, mặc dù đã giảm sút. Sau Thánh Lễ, họ kéo nhau đi uống café hay đi chơi, nói với nhau nhiều chuyện nhưng hầu chắc là không nói gì đến tôn giáo! Liệu đức tin có ý nghĩa gì trong đời sống và những chọn lựa của các bạn trẻ không? Có lẽ các bạn vẫn tin vào Chúa và những điều Giáo Hội dạy nhưng không cảm thấy Chúa có liên hệ gì đến đời sống thường ngày của mình. Về mặt thần học, tác giả Clarence Devadass cho rằng “Chủ nghĩa tương đối cũng thách đố Giáo



Hội nhìn lại chính mình, nhìn lại những ý niệm và thực hành đã giữ từ nhiều thế kỷ. Lời than phiền thường xuyên nghe từ giới trẻ ngày nay là giáo huấn của Giáo Hội đã lỗi thời rồi. Tại nhiều nơi ở châu Á, người dân, cách riêng giới trẻ, không thấy được sự liên hệ của đức tin với đời sống thường ngày của họ. Sự tách ly giữa đức tin cử hành với kinh nghiệm sống cụ thể xem ra ngày càng gia tăng”. Trong tình hình đó, mục vụ giới trẻ nên quan tâm đến những sinh hoạt ngoài Thánh Lễ, ví dụ những nhóm nhỏ cùng cầu nguyện và chia sẻ Lời Chúa, ở đó các bạn biết nhau cách thân tình hơn và cùng nhau tạo nên gạch nối giữa đức tin và những vấn đề thực tiễn mà họ đang đối diện trong cuộc sống. Chắc chắn những sinh hoạt này không mang tính đại chúng như việc dự lễ, nhưng chỉ với những nhóm nhỏ. Tuy nhiên chính những nhóm nhỏ này, nếu được thấm nhuần Lời Chúa và kinh nghiệm sống đức tin, lại là hạt mầm và nòng cốt cho sứ vụ Phúc-Âm-hóa. Chính người trẻ là tông đồ cho người trẻ.

## b) Đem cuộc sống vào đức tin

Ở đây trách nhiệm của các linh mục được quan tâm đặc biệt, nhất là trong việc giảng Lời Chúa, dạy giáo lý và đồng hành thiêng liêng. Hơn ai hết, Đức giáo hoàng Phanxicô thấy rõ điều này nên trong tông huấn *Evangelii Gaudium*, ngài đưa ra những chỉ dẫn cụ thể cho các linh mục:

- Lắng nghe: “Vị giảng thuyết phải chú tâm lắng nghe dân chúng để khám phá điều gì họ cần được nghe. Vị giảng thuyết vừa là người chiêm niệm Lời Chúa, vừa chăm chú vào giáo dân”. Nhờ đó, vị giảng thuyết mới có thể “nối kết sứ điệp của bản văn Kinh Thánh với hoàn cảnh cụ thể của con người, với những gì họ sống, với kinh nghiệm họ cần đến ánh sáng của Lời Chúa” (số 154).

- Đơn sơ và rõ ràng: Đức Phanxicô nhận xét, “Điều thường xảy ra là các vị giảng thuyết dùng những ngôn từ trong thời học hành và ở những môi trường học thuật, nhưng lại không phải là ngôn từ thông dụng của người nghe. Đó là những thuật ngữ đặc thù thần học hay giáo lý, nhưng



phần đông tín hữu không hiểu được”. Vì thế, ngài khuyên các linh mục phải sử dụng thứ ngôn ngữ đơn sơ và rõ ràng, đơn sơ trong ngôn từ và rõ ràng trong cách trình bày (số 159).

- Tích cực: “Đừng nói nhiều về những điều không nên làm, nhưng hãy đề nghị điều người ta có thể làm tốt hơn”. Như thế, bài giảng định hướng tương lai hơn là than trách và lên án quá khứ, bài giảng mang đến hy vọng hơn là gieo rắc sợ hãi: “Thật đáng mừng nếu người ta không nhìn chúng ta như những nhà chuyên môn dự báo thảm họa hay những thẩm phán đen tối, nhưng như các sứ giả hân hoan đề nghị những giải pháp cao cả, những người trân trọng điều thiện hảo và vẻ đẹp chiếu tỏa trong một cuộc sống trung tín với Tin Mừng” (số 168).

Tổng hợp từ các bài viết trong *FABC Papers* no. 135:

- Fr. Clarence Devadass, STD., *Relativism: A Deeper Understanding and Its Impact on the Youth in Asia*.

- Dominic Veliath, SDB., *Fundamentalism and Relativism*.

- Fr. John JunYang Park, *Fundamentalism and Relativism: Why Young People Are Leaving the Church?*

*Trích Tập san Hiệp Thông / HĐGM VN, số 84 (tháng 9 & 10 năm 2014)*

**Thiên Triệu**

# Tóm tắt Huấn thị của Bộ Giáo sĩ về việc cải cách giáo xứ và tái cơ cấu giáo phận

Huấn thị của Bộ Giáo sĩ đề ra các dự án khác nhau để cải cách giáo xứ giữa tình trạng thiếu ơn gọi và canh tân sự dẫn thân của giáo dân trong việc loan báo Tin Mừng.



**N**gày 20/07/2020, Bộ Giáo sĩ đã ban hành Huấn thị về việc “hoán cải mục vụ của cộng đồng giáo xứ để phục vụ cho sứ vụ loan báo Tin Mừng của Giáo hội”. Huấn thị này đã được Đức Thánh Cha Phanxicô phê chuẩn vào ngày 27/06 và được Bộ Giáo sĩ ký ngày 29/06. Huấn thị mở rộng các hướng dẫn trước đây về giáo xứ, bắt đầu bằng tài liệu Ecclesia de mysterio (1997) và Linh mục, mục tử và người hướng dẫn của cộng đoàn (2002).

Huấn thị mới không đưa ra bất kỳ luật mới nào nhưng đưa ra những cách thức để áp dụng các quy tắc giáo luật hiện hành cho có hiệu năng hơn, với mục đích cổ võ sự đồng trách nhiệm của những người đã lãnh nhận Bí tích rửa tội và thúc đẩy việc chăm sóc mục vụ dựa trên sự gần gũi

và hợp tác giữa các giáo xứ.

Nguyên tắc chính yếu của Huấn thị là Giáo hội có chỗ cho mọi người, trong khi tôn trọng ơn gọi của mỗi người.

Điều nổi bật nhất trong Huấn thị là sự khẩn thiết canh tân truyền giáo, một sự hoán cải mục vụ để có thể tái khám phá ra sự năng động và sáng tạo giúp giáo xứ luôn luôn “đi ra”, với sự hỗ trợ và đóng góp của tất cả mọi người đã được rửa tội.

## Giáo hội: Ngôi nhà giữa các ngôi nhà

Trong phần thứ nhất, từ chương 1-6, Huấn thị suy tư về việc đổi mới mục vụ, tiếp cận truyền giáo và các giá trị của giáo xứ trong bối cảnh đương đại. Huấn thị mô tả giáo xứ là “một ngôi



## Thời sự Giáo Hội

nhà giữa nhiều ngôi nhà” khi là dấu chỉ trường tồn của Đấng Phục Sinh ở giữa Dân Người và bản chất truyền giáo của nó là nền tảng cho việc truyền giáo. Toàn cầu hóa và thế giới kỹ thuật số đã làm thay đổi sự liên kết cụ thể của nó về lãnh thổ mà nó bao trùm. Do đó, giáo xứ không còn là một không gian địa lý, mà là một không gian hiện hữu. Chính trong bối cảnh này, “tính linh hoạt” của giáo xứ xuất hiện, cho phép nó đáp ứng những yêu sách của thời đại và thích nghi việc mục vụ với các tín hữu và với lịch sử.

### Canh tân truyền giáo

Do đó, Huấn thị nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc canh tân sứ mệnh truyền giáo trong các cấu trúc của giáo xứ: tránh xa sự tự quy chiếu và loại bỏ sự giáo sĩ hóa, phải nhắm đến sự linh động thiêng liêng và cuộc hoán cải mục vụ dựa trên việc loan báo Lời Chúa, đời sống bí tích và chứng tá bác ái. “Văn hóa gặp gỡ” phải là bối cảnh thiết yếu cho việc đối thoại, đoàn kết và cởi mở đón nhận mọi người. Theo cách này, các cộng đồng giáo xứ có thể phát triển một “nghệ thuật đồng hành” thực sự. Đặc biệt, Huấn thị khuyến khích trở nên chứng nhân về đức tin trong đức ái và nhấn mạnh tới tầm quan trọng của việc chăm sóc người nghèo mà giáo xứ loan báo

Tin Mừng và được rao giảng Tin Mừng bởi họ. Mỗi tín hữu được rửa tội phải là một nhân tố tích cực trong việc truyền giáo và do đó thay đổi tâm thức và đổi mới nội tâm là điều thiết yếu để thực hiện một cuộc cải cách truyền giáo về mục vụ. Đương nhiên, các quá trình thay đổi này cần phải linh hoạt và tiệm tiến, để mọi dự án được đặt trong bối cảnh thực tế của đời sống cộng đồng, không nên được áp đặt và không nên “giáo sĩ trị” việc chăm sóc mục vụ.

Những phân chia trong giáo phận

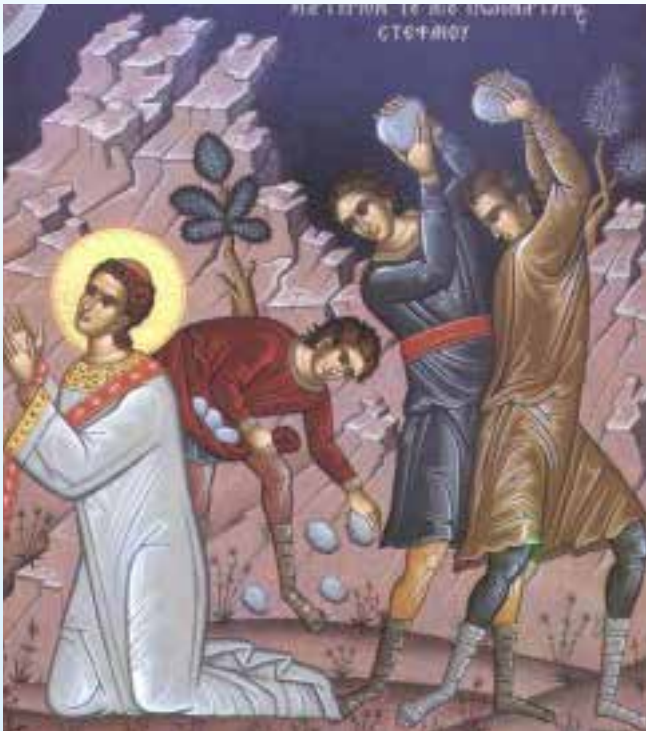
Phần thứ hai của Huấn thị, từ chương 7-11, bắt đầu với việc phân tích vấn đề phân chia giáo xứ. Trước hết, Huấn thị giải thích rằng các giáo xứ cần tuân thủ theo một nguyên tắc chính là sự gần gũi, trong khi xét tới những điểm tương đồng về dân số và những đặc điểm của địa hạt. Tiếp đến, Huấn thị tập trung vào các tiến trình cụ thể liên quan đến việc thành lập, sáp nhập hoặc phân chia các giáo xứ, và về các điều khoản liên quan đến Vicariati Foranei (còn được gọi là hạt), liên kết một số giáo xứ, và các đơn vị mục vụ, qui tụ một số hạt (Vicariati Foranei).

### Cha sở: “mục tử” của cộng đồng

Sau đó, Huấn thị nói đến chủ đề chăm sóc mục vụ của các cộng đồng giáo xứ, theo cách thông thường và cách ngoại thường. Trước hết,



Huấn thị nhấn mạnh vai trò của cha sở là một “mục tử” của chính cộng đồng. Ngài phục vụ giáo xứ, chứ không phải giáo xứ phục vụ ngài, và ngài chăm sóc toàn bộ các linh hồn. Do đó, cha sở phải là người đã được lãnh nhận chức linh mục; mọi khả năng khác đều bị loại trừ. Là người quản lý tài sản của giáo xứ và là đại diện pháp lý của giáo xứ, cha sở được bổ nhiệm vô hạn định, vì lợi ích của linh hồn đòi có sự ổn định cũng như những hiểu biết về cộng đoàn và sự gần gũi. Tuy nhiên, Huấn thị cũng nhắc nhở rằng, những nơi Hội đồng giám mục đã ấn định bằng văn bản, một Giám mục có thể bổ nhiệm một linh mục chính xứ cho một thời gian cố định, với điều kiện là không ít hơn 5 năm.



Khi đến tuổi 75, cha sở có “nghĩa vụ luân lý” làm đơn từ chức; nhưng việc từ chức chỉ bắt đầu khi được Đức Giám Mục chấp thuận và thông báo chấp thuận bằng văn bản. Trong mọi trường hợp, sự chấp nhận luôn có “nguyên nhân chính đáng và tương xứng” để tránh ý niệm “duy chức năng” của thừa tác vụ.

### Các phó tế: các thừa tác viên được phong chức, không phải là người “nửa linh mục nửa giáo dân”

Một phần lớn của chương thứ tám dành riêng nói về các phó tế. Họ là cộng sự viên của Giám mục và của các linh mục trong sứ mạng truyền giảng Tin Mừng. Họ được thụ phong chức phó tế và tham dự vào Bí tích Truyền chức, đặc biệt trong lĩnh vực truyền giáo và bác ái, bao gồm việc quản trị tài sản, loan báo Tin Mừng và phục vụ tại bàn tiệc Thánh Thể. Trích dẫn lời của Đức Thánh Cha Phanxicô nói rằng ơn gọi của các phó tế không được nhìn dưới lăng kính duy giáo sĩ hay duy chức năng, Huấn thị khẳng định rằng các phó tế không được xem là “nửa linh mục nửa giáo dân”.

### Chứng tá của những người thánh hiến và sự dẫn thân quảng đại của giáo dân

Bộ Giáo sĩ cũng suy tư về các tu sĩ nam nữ, cũng như giáo dân, trong các cộng đồng giáo xứ. Trước hết, về các tu sĩ nam nữ, Huấn thị nhắc rằng họ đóng góp trên hết nhờ bản chất của họ, là “chứng tá của việc theo Chúa Kitô cách triệt để”. Về các giáo dân, Huấn thị nhắc rằng họ tham gia vào hoạt động loan báo Tin Mừng của Giáo hội. Họ được mời gọi “dẫn thân cách quảng đại” qua cuộc sống hàng ngày theo Tin Mừng, trong khi phục vụ cộng đồng giáo xứ.

Các giáo dân có thể là các thừa tác “Đọc sách và Giúp lễ” trong việc phục vụ Bàn thánh và các công tác được trao phó. Họ hiệp thông trọn vẹn với Giáo hội công Giáo, được huấn luyện đầy đủ và có một đời sống cá nhân mẫu mực. Ngoài ra, trong những hoàn cảnh đặc biệt, họ có thể nhận được các nhiệm vụ khác từ Đức Giám Mục,



“theo phán quyết thận trọng của ngài“, như việc cử hành Phụng vụ Lời Chúa và các nghi thức an táng, cử hành Bí tích Thanh tẩy, hướng dẫn chuẩn bị hôn nhân - và với phép của Tòa Thánh - họ có thể giảng trong Nhà thờ hoặc nhà nguyện trong trường hợp cần thiết. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, giáo dân không được giảng trong các Thánh lễ.

## Các cơ quan đồng trách nhiệm trong Giáo hội

### Hội đồng Tài chính

Huấn thị cũng suy tư về các cơ quan của giáo xứ có đồng trách nhiệm trong Giáo hội, trong đó có Hội đồng Tài chính Giáo xứ, với chức năng tư vấn, do cha sở chủ trì, và có ít nhất là ba thành viên. Cơ quan này cần thiết vì điều hành tài sản của giáo xứ là một lãnh vực quan trọng của việc loan báo Tin Mừng và chứng tá Tin Mừng, cả trong Giáo hội và xã hội dân sự.

Bộ Giáo sĩ xác quyết: Tất cả tài sản thuộc về giáo xứ, chứ không thuộc về cha sở. Do đó, nhiệm vụ của Hội đồng Tài chính Giáo xứ sẽ thúc đẩy một “văn hóa đồng trách nhiệm, minh bạch hành chính và phục vụ cho các nhu cầu của Giáo hội.”

### Hội đồng Mục vụ

Hội đồng Mục vụ Giáo xứ cũng đóng vai trò cố vấn, và rất được khuyến khích. Hội đồng Mục vụ không phải là một cơ quan công quyền quan liêu; ngược lại nó phải kiến tạo tinh thần hiệp thông, đề cao tính trung tâm của Dân Chúa như chủ thể tích cực của việc loan báo Tin Mừng. Chức năng trung tâm của Hội đồng này là tìm kiếm và nghiên cứu các đề nghị thực hành cho các sáng kiến mục vụ và bác ái của giáo xứ, hài hòa với chương trình của giáo phận. Tất cả các đề xuất phải được sự chấp thuận của cha xứ trước khi được mang ra thi hành.

Các Bí tích được ban nhưng không; dâng cúng là việc tự nguyện

Chương cuối tập trung vào việc dâng cúng cho các cử hành bí tích. Việc dâng cúng này là một hành động tự do và không được xem như một thứ tiền công hay thuế má. Huấn thị khuyến nghị: Đời sống bí tích không nên “mặc cả” và việc cử hành Thánh lễ, giống như các việc mục vụ khác, không thể bị áp giá cả, thương lượng hoặc buôn bán. Thay vào đó, các linh mục được khuyến khích là gương mẫu đạo đức trong việc sử dụng tiền, thông qua lối sống điều độ và quản lý minh bạch tài sản của giáo xứ. Bằng cách này, các ngài sẽ có thể giúp các tín hữu ý thức để họ sẵn sàng đóng góp cho nhu cầu của giáo xứ cũng là “chuyện của họ“.

### Các tài liệu trước đây

Huấn thị mới này ra đời sau Huấn thị được liên Thánh bộ ban hành năm 1997, “Ecclesia de mysterio, về các vấn đề liên quan đến sự cộng tác của tín hữu với cha xứ“ và Huấn thị của Bộ Giáo sĩ ban hành năm 2002, đề cập đến “Linh mục chính xứ và cộng đoàn giáo xứ.”

**Hồng Thủy - Vatican News**

# Trong đầu của Đức Phanxicô: Các suy nghĩ của Vatican

**Đ**ược bầu chọn ngày 13 tháng 3 - 2013 trong cương vị đứng đầu Giáo hội công giáo sau khi Đức Bênêdictô XVI từ nhiệm. Ngài chọn tên Phanxicô, Franciscus trong tiếng la-tinh, để nhớ đến Thánh Phanxicô Assisi, nhà sáng lập Dòng Anh em Tiểu đệ lấy cầu nguyện, khó nghèo, rao giảng Tin Mừng và yêu Tạo vật làm kim chỉ nam. Thánh Phanxicô được Đức Giáo hoàng Gregory IX phong thánh năm 1228, đó là cả một biểu tượng! Đức Jose Mario Bergoglio, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1936 ở Argentina, Hồng y giáo phận Buenos Aires và là tu sĩ Dòng Tên.

Từ khi ở ngôi Thánh Phêrô, ngài là giáo hoàng thứ 266, Đức Phanxicô tạo một phong cách quản trị mới, thích ứng với các thách thức của thế kỷ 21. Ngài nhận ra mình có ơn gọi năm ngài 17 tuổi, chịu chức linh mục năm 1969, khi còn nhỏ, có khi ngài đã phải nếm các khó khăn của thế giới vật chất. Buộc phải làm các nghề lặt vặt không phải lúc nào cũng dễ như dọn dẹp, canh gác trong một hộp đêm tối ở Cordoba, ngài nhanh chóng ý thức sự khốn khổ của con người trong mọi mức độ của nó.

Điều này thúc đẩy ngài dẫn thân trên con đường đức tin với một sức mạnh thiêng liêng rất mãnh liệt, và vì thế đã cho phép ngài bước lên các bậc thang trong thứ trật Giáo hội để làm chứng cho một tình yêu đích thực và một lòng trung tín không rạn nứt.

Phải thừa nhận trong khi thực thi chức vụ linh mục của mình, ngài đã bị chỉ trích một cách không đúng vì đã thân với chế độ độc tài quân phiệt ở Argentina từ năm 1976 đến 1983, đây là chủ đề của nhiều cuộc tranh cãi. Nhưng trên thực tế, các sự kiện này chưa bao giờ được chứng minh đầy đủ, nhanh chóng bị Tòa Thánh bác bỏ và qua nhiều lời chứng thời đó mang lại một phiên bản hoàn toàn khác với sự việc. Về

phần mình, với xác tín sâu xa, ngài không để mất thì giờ trong việc tổ chức sứ mệnh phổ quát của mình.

## Đức tin không nghịch với lý trí!

Như Thông điệp Ánh sáng Đức tin được công bố ngày 5 tháng 7 năm 2013, chỉ 5 tháng sau khi được bầu chọn, Đức Phanxicô đã đưa ra một cái nhìn mới về việc tuân thủ đức tin trên thế giới. “Đức tin cuối cùng lại bị đồng hóa với bóng tối. Chúng ta nghĩ có thể giữ được đức tin, tìm cho đức tin một khoảng không gian để đức tin có thể cùng ở chung với ánh sáng của lý trí.

Khoảng không gian để đức tin được mở ra nơi lý trí không thể làm sáng tỏ, nơi con người không còn có xác quyết nữa. Vì thế đức tin được hiểu như một bước nhảy vào khoảng trống mà chúng ta nhảy vào vì thiếu ánh sáng, vì bị thúc đẩy bởi một cảm nhận mù quáng hoặc như ánh sáng chủ quan có thể sưởi ấm quả tim, mang lại niềm an ủi riêng tư, nhưng không thể tự hiển cho người khác như ánh sáng chung và khách quan để soi sáng tiến về con đường”.

Những lời nói đặc biệt rõ ràng và mang tính độc đáo, cân nhắc việc mất đi các chuẩn mực đạo đức của nhân loại, nhưng còn hơn nữa là ý chí muốn thoát khỏi ánh sáng thiêng liêng, ánh



## Thời sự Giáo Hội

sáng dẫn con người đến một số phận hạnh phúc và công bằng hơn. Cái nhìn về đức tin như thế này là thành trì chống lại sự bất hợp lý làm mất đi tính cách thiêng liêng của con người mà thế giới hiện tại chứng kiến một sự giả hình không thể tưởng tượng và bản thủ.

Về điểm này, ngài vô cùng nhân từ và viện đến các tác phẩm thiêng liêng, nhưng Đức Phanxicô còn là người thấm nhuần văn chương tinh tế, độc giả sáng suốt của triết gia

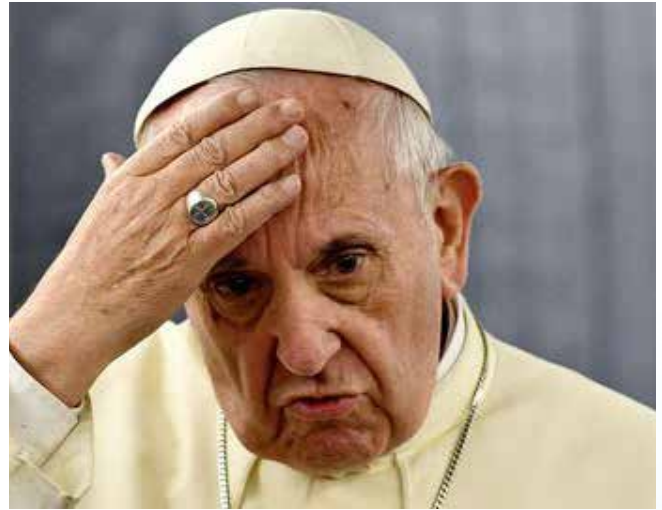
Nietzsche, của các văn hào Dostoievki, Jorge Luis Borgès trong số các văn hào khác -ngài cố gắng cảnh báo, với lòng trắc ẩn cho nguy cơ cận kề khi con người vượt qua một số giới hạn nhất định của sự tồn tại.

## Trật tự thế giới đang bị đe dọa! Con người đã đuổi Chúa!

Tuy vẫn trích dẫn dồi dào các vị tiền nhiệm của mình, nhưng hai năm sau, năm 2015 Đức Phanxicô bước qua một mốc mới khi ngài công bố Thông điệp Chúc tụng Chúa Laudato si về việc bảo vệ ngôi nhà chung. Ngài mong mang đến một thông điệp khai sáng và có phần đổi mới mang tính chất phổ quát, một lần nữa ngài trích dẫn Thánh Phanxicô như một gương mẫu trong lãnh vực này: “Sự vĩ đại và vẻ đẹp của các tạo vật làm cho chúng ta phải liên tưởng suy ngẫm đến Tác giả của chúng” (SGD, 13, 5). “Đoạn 13 “Thách thức cấp bách để bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta bao gồm mối quan tâm kết hợp toàn gia đình nhân loại trong việc tìm cách phát triển bền vững và toàn diện, vì chúng ta biết mọi thứ có thể thay đổi”.

Một đoạn xa hơn, “đoạn 27 “Chúng ta nhận thức rõ về việc không thể duy trì mức tiêu thụ hiện tại ở các nước phát triển nhất và các khu vực giàu nhất của xã hội, nơi thói quen tiêu thụ và vứt bỏ đã đạt đến mức chưa từng thấy. Đã vượt quá giới hạn khai thác của hành tinh và chúng ta không giải quyết được vấn đề nghèo đói.”

Điều mà Đức Phanxicô kêu gọi dưới ánh sáng của một đức tin nóng bỏng, nơi thực sự có lo lắng, nhưng chắc chắn không có sự buông bỏ.



Ngài tuyên bố những gì mình phải tuyên bố, nhân danh Giáo hội mà không quan tâm đến những người khoác lác nói về sự suy tàn hoàn vũ của con người. Đúng là có 10% dân số thế giới sống dưới mức nghèo khổ và sự bất bình đẳng không ngừng gia tăng kể cả trong các quốc gia phát triển nhất (nước Pháp có đến 9 triệu người nghèo, đủ để cười hay khóc!), chúng ta thực sự có thể đặt câu hỏi về sự phân phối và nơi nào là nơi đến của các nguồn của cải trên các châu lục, dù phương Tây dường như được bảo vệ tốt. Điều đó không có nghĩa là chúng ta được cứu.

## Trong ánh sáng của hy vọng và của suy nghĩ!

Ký giả Caroline Pigozzi, chuyên gia về Vatican của báo Paris Match, tác giả nhiều sách trong ngành, bà theo dõi rất sát Đức Giáo hoàng phi thường này, bà vừa xuất bản quyển Phanxicô, sách bỏ túi, các suy nghĩ của Đức Phanxicô (François en poche, les pensées du Pape François) dưới hình thức cầm nang rất dễ đọc, dành cho “tất cả những người thiếu điểm chuẩn và cần sự soi sáng của một Giáo hoàng mà tính trung thực và liêm chính trí tuệ là điều không khoan nhượng”.

Trong một phỏng vấn với bà Claire Guigou, tác giả tuyên bố: “Tôi nghĩ sau thời gian cách ly, các lời của giáo hoàng có thể là điểm chuẩn. Qua lời của ngài, ngài truyền đạt một tinh thần lạc quan và hy vọng, và đó là điều tôi mong muốn đưa ra. Tôi muốn đưa ra các câu có thể giúp những người đang buồn bã ra khỏi đau khổ của họ. Quyển sách này không nhằm hoán cải

nhưng đúng hơn là đưa ra cho bất cứ ai để họ cảm nghiệm lời của giáo hoàng mà không cần phải đi lễ mỗi ngày.”

Trong lời nói đầu tác phẩm của mình, bà cho biết bà rất ấn tượng với Đức Phanxicô, người bà đã tháp tùng trong 28 chuyến tông du trên các nước, bà cũng được ngài tiếp kiến nhiều lần, bà cho biết: “Chính xác, làm việc có phương pháp, thực dụng, ngài dựa vào trực giác của mình. Sự phân định, linh đạo rất xây dựng của Dòng Tên mang đến cho ngài sự tự do thực sự, để ngài tố cáo một số lỗi lầm và tội lỗi của thế giới hiện tại, bao gồm tham nhũng, thờ tiền bạc, khinh miệt người bản địa, số phận đau đớn của người di cư, người vô gia cư.”

Ngài đã viết: “Vai trò của tâm hồn là nâng đỡ thể xác, là ký ức lịch sử và lương tâm của nó”, nhưng ngài vẫn không nhân nhượng với các vấn đề liên hệ đến thế giới đương đại như hôn nhân các linh mục, phong chức cho phụ nữ, phá thai, hôn nhân đồng tính, nhưng ngài không lên án thái quá một số thực hành nào đó. Trong trường hợp của ngài, chính trí thông minh và lòng khiêm nhường đã làm nổi bật triều giáo hoàng đáng kinh ngạc của ngài, để ngài tiếp tục bảo vệ nhân loại, ngay cả khi nó bị đe dọa bởi các cơn chấn động cánh chung.

**Marta An Nguyễn dịch**

*Nguồn: phanxico.vn*

## Các Giáo hoàng và Li-băng, mối dây tình yêu và lòng trắc ẩn

Các lời sâu đậm của Đức Phanxicô dành cho Li-băng trong buổi Kinh Truyền Tin ngày chúa nhật hôm nay sau hai vụ nổ ngày thứ ba 4 tháng 8 tại cảng Beirut là dịp để nhấn mạnh liên hệ giữa Xứ sở Hương bá và Tòa Thánh. Các Giáo hoàng đương đại đã đặc biệt chú ý đến Li-băng, và ba giáo hoàng đã đến thăm đất nước Li-băng.

Giám mục đầu tiên của Rôma đặt chân đến Li-băng là Thánh Phaolô VI năm 1964. Thật ra đây không phải là chuyến tông du đến Li-băng nhưng chỉ là thời gian dừng chân kỹ thuật một giờ trên đường ngài đến Bombay, Ấn Độ dự Đại hội Thánh Thể. Tuy nhiên, chặng dừng chân ngắn ngủi này tại Sân bay Quốc tế Beirut vẫn còn trong ký ức của người Li-băng, những người còn nhớ ngày 2 tháng 12 năm 1964 này với những năm tháng hạnh phúc của đất nước tương đối ổn định và thịnh vượng, có biệt danh là “Thụy Sĩ của Trung Đông”.

Hàng ngàn người Li-băng tập trung chung quanh sân bay, tạo các “chùm” ấn tượng trên ban công và cửa sổ để vỗ tay và nhìn thoáng qua Đức Phaolô VI. Ngài được Tổng thống Cộng

hòa Charles Hérou và các nhà chức trách chính trị, tôn giáo đón tiếp, Đức Phaolô VI có một bài diễn văn ngắn tiếng Pháp, ghi lại chuyến đi này trong sự nối tiếp chuyến tông du lịch sử của ngài đến Đất Thánh vào tháng 1 cùng năm. Ngài nhấn mạnh: “Thật dễ chịu cho chúng tôi khi nói lên điều này ở đây, Li-băng đã giữ vị trí của mình trong các quốc gia”. Chúng ta có thể nói, lịch sử, văn hóa, tính cách hòa bình của người dân đã nói lên lòng tôn trọng và tình bằng hữu chung. Trên hết, các truyền thống tôn giáo cổ xưa và đáng kính của Li-băng đáng được ca ngợi. Và đặc biệt, đối với Giáo hội, chúng ta không thể nào quên đức tin của cộng đồng tín hữu Li-băng được thể hiện trong nét đa dạng hài hòa của các Nghi thức, trong sự phong phú và đa dạng của các cộng đồng tôn giáo và tu viện, với nhiều hoạt động tông đồ, giáo dục, văn hóa và từ thiện”.

Nổi đau của Đức Phaolô VI khi đối diện với các cuộc nội chiến đầu tiên

Thật không may, sự kết thúc của triều giáo hoàng Đức Phaolô VI lại được đánh dấu bằng sự bắt đầu cuộc nội chiến ở Liban, hay đúng hơn là “các cuộc chiến tranh”, chiến tranh ở số nhiều,

## Thời sự Giáo Hội

quá nhiều lợi ích bên ngoài đã làm vẩn đục vùng lãnh thổ và làm đảo lộn sự cân bằng vốn đã mong manh của đất nước Li-băng. Cho đến hơi sức cuối cùng, Đức Phaolô VI đã không ngừng kêu gọi hòa bình và bảo vệ người dân. Ngày 5 tháng 7 năm 1978, một tháng trước khi qua đời, ngài xin những kẻ hiếu chiến ngưng bắn, ngài đau buồn nói, “các vụ đánh bom bạo lực đã tấn công các khu vực tín hữu kitô ở thủ đô Beirut làm cho nhiều nạn nhân thiệt mạng và bị thương, tàn phá và gieo rắc kinh hoàng cho người dân không có khả năng tự vệ”.

“Không khỏi lo lắng, chúng tôi tự hỏi: khi nào thử thách đau đớn của người dân Li-băng sẽ kết thúc? Một tương lai bất định đưa đất nước cuốn vào hỗn loạn của bạo lực và hận thù, làm mất đi tuổi trẻ cũng như thể chế của nó, đang làm suy yếu tinh thần huynh đệ mà trong một thời gian, và đúng như vậy, đã là niềm tự hào khi quốc gia của mình được xem là điển hình cho sự cộng tác hòa bình dưới mắt của Trung Đông và toàn thế giới”, bài phát biểu này là một trong các can thiệp công khai cuối cùng của Đức Phaolô VI.

## Đức Gioan-Phaolô II và tình cảm của ngài với người dân Li-băng

Nổi đau của cuộc xung đột Li-băng đánh dấu những năm đầu triều giáo hoàng Đức Gioan-

Phaolô II, thánh lễ nhậm chức ngày 22 tháng 10 năm 1978 có sự hiện diện của Nguyên thủ Li-băng Elias Sarkis. Trong số rất nhiều can thiệp của Đức Gioan-Phaolô II về chủ đề này, nổi bật là Thông điệp của ngài gửi người Li-băng ngày 1 tháng 5 năm 1984, ngài viết sau khi gặp các Thượng phụ Giáo hội của các nước hiệp thông với Rôma: “Tình cảm sâu sắc tôi hằng ấp ủ từ lâu dành cho đất nước và người dân Li-băng, vì vậy tôi nghĩ, tôi cho phép mình nói lên lời thân thiện với tất cả người dân Li-băng, công giáo, kitô giáo và hồi giáo: Tôi biết đất nước sẽ tìm con đường của quả tim họ!”, Thánh Giáo hoàng đã viết để xin người dân Li-băng duy trì niềm tin vào quốc gia và con người, đặc biệt kêu gọi tín hữu kitô đi theo con đường hòa bình. “Giáo hội ở Li-băng phải đảm bảo tính cách ngôn sứ của sứ vụ đối thoại và hòa giải này, sứ vụ có nguồn gốc từ trái tim của Chúa Kitô, Đấng mà Giáo hội đã nhắc lại trong Tuần Thánh đã hiến mạng sống của mình cho nhân loại.” Ngài nói tiếp: “Các thế hệ sau sẽ đánh giá khả năng vượt lên các căng thẳng hiện tại và nỗi sợ hãi về ngày mai của quý vị. Tương lai nằm trong tay những người có thể cho thế hệ mai sau các lý do để sống và để hy vọng. Đối với chúng ta, đó là Chúa Kitô, Đấng Cứu rỗi nhân loại!”

Ngài phó dâng đất nước Li-băng cho Đức



Trinh Nữ Maria được cầu khẩn với tên Đức Mẹ Li-băng, người dang rộng cánh tay ở ngọn đồi Harissa để chào người dân Li-băng với nụ cười và lòng dịu dàng của Mẹ, như nhắc lại chỉ có tình yêu, duy chỉ có tình yêu mới làm được các chuyện lớn lao!

### **Xây dựng lại “quốc gia-thông điệp”**

Trong suốt các năm cuối cuộc chiến, Đức Gioan-Phaolô II huy động các mạng lưới chính thức và không chính thức để cứu mạng sống người dân và để tìm cách thoát ra khỏi các cuộc xung đột. Về mặt ngoại giao của Tòa Thánh, từ năm 1990, hồng y tương lai Tauran tham gia vào cuộc đàm phán các hiệp định Taëf, giúp tạo lại một trạng thái cân bằng nhất định, dĩ nhiên là bấp bênh. Nhưng mãi đến năm 1997, sau 19 năm chờ đợi, cuối cùng Đức Gioan-Phaolô II cũng xoay sở đến được Beirut, để có một chuyến tông du vẫn còn ghi lại trong lịch sử, đặc biệt với khẩu hiệu “quốc gia-thông điệp”, một định nghĩa bây giờ vẫn còn được người Li-băng dùng, để nêu bật sứ mệnh cụ thể của Li-băng trong các quốc gia và trong kế hoạch của Thiên Chúa.

Chuyến tông du này tương đối ngắn, chỉ kéo dài 36 giờ này, trước hết là dịp để đặt nền móng cho tương lai. Đức Gioan-Phaolô II vốn đã yếu nhưng ngài đặc biệt nói các lời này với các người trẻ: “Phần các con, các con có quyền phá bỏ các bức tường đã dựng lên trong thời buổi đau thương

của lịch sử dân tộc; các con đừng xây thêm các bức tường mới cho nước mình. Nhưng ngược lại, các con xây cầu nối giữa con người, giữa các gia đình và giữa các cộng đồng khác nhau, tất cả tùy thuộc vào các con. Trong cuộc sống hàng ngày, ước mong các con có các cử chỉ hòa giải, để chuyển ngò vực qua tin tưởng!”

### **Đức Bênêdictô XVI và lời mời gọi cắm neo trong Chúa Kitô**

Mười lăm năm sau đến lượt Đức Bênêdictô XVI, tháng 9 năm 2012 trong chuyến tông du cuối cùng của ngài được tổ chức sau Thượng hội đồng 2010 về các Giáo hội Đông phương. Khi xung đột ở nước láng giềng Syria và bối cảnh hỗn loạn ở nhiều quốc gia Trung Đông gia tăng, mọi người lo ngại cho chuyến đi trong tình trạng căng thẳng cực độ này, cuối cùng Đức Bênêdictô XVI được dân chúng chào đón trong bầu khí ấm áp và đồng tình, kể cả các phong trào hồi giáo, trước sự ngạc nhiên của các nhà báo phương Tây, họ vẫy cờ Vatican chào đón ngài.

Khi đó Đức Bênêdictô XVI đã thấy sự thăng bằng mong manh của Li-băng, ngài nhấn mạnh: “Đôi khi có nguy cơ bị phá vỡ khi cây cung kéo quá căng, khi phải thường xuyên chịu các áp lực của các thế lực đảng phái đi ngược và xa lạ với sự thân tình và dịu dàng của người Li-băng. Đây là lúc chúng ta phải thể hiện sự đúng mực và minh triết”, ngài kêu gọi người dân Li-băng cắm neo của mình trong Chúa.





Ngay khi đến phi trường Beirut, Đức Bênêđictô XVI đã lên tiếng: “Tôi đến đây để nói sự hiện diện của Chúa trong đời sống mỗi người là quan trọng như thế nào, cách sống chung, tinh thần đường chung hòa bình mà đất nước anh chị em mong muốn làm chứng, chỉ được sâu đậm nếu được xây dựng trên cái nhìn chào đón và thái độ nhân từ đối với người khác, chỉ khi nó được cắm neo trong Chúa, Đáng mong muốn mọi người là anh em. Sự cân bằng nổi tiếng của người Li-băng mong muốn trở nên hiện thực có thể được kéo dài nhờ vào thiện chí và cam kết của tất cả người dân Li-băng. Chỉ khi đó, nước Li-băng mới là mẫu hình cho người dân trong vùng và cho toàn thế giới. Đây không phải chỉ là công việc của con người nhưng còn là ơn của Chúa, chúng ta phải nài xin, gìn giữ bằng mọi giá và quyết tâm hết lòng để thực hiện”.

### Đức Phanxicô và lời cổ vũ người trẻ Li-băng

Đức Phanxicô chưa có thời gian để có chuyến tông du đến Li-băng nhưng ngài rất quan tâm đến các vấn đề đối thoại trong vùng Địa Trung Hải, vùng của Đất nước Hương bá, đất nước có một chỗ đặc biệt trong trái tim và trong triều của ngài. Năm 2013, vào ngày Thứ Sáu Tuần Thánh đầu tiên triều giáo hoàng, vài ngày sau khi ngài được bầu chọn, các bài suy niệm Đàng Thánh giá ở Đấu trường la-mã được các bạn trẻ Li-băng viết: “Lạy Chúa, xin hãy làm cho máu của các nạn nhân vô tội là hạt giống của một phương Đông mới, có tình huynh đệ hơn, hòa bình hơn và công bằng hơn, và phương Đông này được phục hồi bằng nét đẹp ơn gọi của mình, cái nôi của nền văn minh và của các giá trị tinh thần và nhân văn. Ngôi sao của phương Đông, xin chỉ cho chúng con biết sự xuất hiện của Bình minh!” Các bạn trẻ Li-băng cầu xin trong bối cảnh khó khăn của cuộc chiến ở Syria.

Trong lời nói kết thúc của mình, Đức Phanxicô nhắc lại, “lời của Thập giá cũng là lời của tín hữu kitô đối với sự dữ đang tiếp tục hành động trong chúng ta và xung quanh chúng ta. Các tín hữu kitô phải lấy điều thiện chống điều ác, bằng



cách vác thập tự mình như Chúa Giêsu đã vác. Tối nay chúng ta nghe chứng từ của anh em Li-băng chúng ta: chính các anh em đã viết bài suy niệm và cầu nguyện. Chúng tôi xin cảm ơn hết lòng, nhất là chứng từ của các con. Chúng ta đã thấy Đức Bênêđictô XVI đến Li-băng: chúng ta đã thấy nét đẹp và sức mạnh thông hiệp của các tín hữu kitô ở Đất Thánh và tình bằng hữu của bao nhiêu anh chị em hồi giáo và những người khác. Đây là một dấu hiệu cho Trung Đông và cho toàn thế giới: một dấu hiệu của hy vọng”.

Gần bảy năm rưỡi sau, hy vọng này tiếp tục huy động các phát biểu của Đức Phanxicô về vấn đề Li-băng, cũng như hành động cụ thể cấp 400 học bổng cho học sinh Li-băng, một quyết định được công bố vào ngày 14 tháng 7. Theo Đức Phanxicô, khi đầu tư vào năng lực sáng tạo của người trẻ, một Li-băng mới sẽ ra đời, trung thành với cội nguồn nhưng hướng tới tương lai.

**Giuse Nguyễn Tùng Lâm dịch**

*By phanxicovn*

# Chỉ nam mới về Huấn giáo làm cho Tin Mừng luôn phù hợp thời đại, với văn hóa gặp gỡ

Sau hai cuốn “Chỉ nam Huấn giáo” được ban hành trong năm 1971 và 1997, hôm thứ Năm 25/6/2020 “Chỉ nam Huấn giáo” mới được Hội đồng Tòa Thánh tái truyền giảng Tin mừng công bố. Tài liệu được Đức Thánh Cha Phanxicô phê chuẩn ngày 23/3/2020, ngày lễ nhớ thánh Turibio Mogrovejo, ở thế kỷ XVI, vị thánh đã thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc loan báo Tin Mừng và giảng dạy giáo lý.

**N**ét đặc thù của Chỉ nam mới về Huấn giáo là mối liên hệ chặt chẽ giữa việc loan báo Tin Mừng và huấn giáo, nhấn mạnh việc kết hợp giữa lời loan báo đầu tiên và trưởng thành của đức tin, dưới ánh sáng của nền văn hóa gặp gỡ.

Nét đặc thù này rất cần thiết khi Giáo hội phải đối diện với hai thánh đố trong thời đại ngày này: văn hóa kỹ thuật số và toàn cầu hóa văn hóa. Trong hơn 300 trang, được chia thành 3 phần với 12 chương, bản văn nhắc nhở mỗi người được rửa tội là môn đệ truyền giáo và kêu gọi sự dấn thân và trách nhiệm để tìm ra những ngôn ngữ mới trong việc thông truyền đức tin.

Có ba nguyên tắc cơ bản được tài liệu đề cập trong hoạt động huấn giáo: Trước hết chứng tá, bởi vì “Giáo hội không phát triển bằng chiêu dụ tín đồ, nhưng bằng sự thu hút”. Tiếp đến là lòng thương xót, là huấn giáo chân chính làm cho việc loan báo đức tin trở nên đáng tin cậy. Ngoài ra, là việc đối thoại, tự do và nhưng không, không ép buộc, nhưng đi từ tình thương, góp phần xây dựng hòa bình. Nhờ đó, việc huấn giáo các tín hữu Kitô mang lại ý nghĩa trọn vẹn cho cuộc sống của mình.

## Đào tạo các giáo lý viên

Trong phần đầu tiên, tựa đề “Giáo lý trong sứ mạng loan báo Tin Mừng của Giáo hội”, bản văn đặc biệt tập trung vào việc đào tạo giáo lý viên: để trở thành những chứng nhân đáng tin cậy của đức tin, họ phải “là giáo lý viên trước

khí dạy giáo” và do đó họ phải hoạt động cách nhưng không, trao ban, nhất quán, theo một linh đạo truyền giáo, giúp tránh xa “lo lắng hoạt động mục vụ không đem lại kết quả” và chủ nghĩa cá nhân.

Các giáo viên, nhà giáo dục, chứng nhân, giáo lý viên phải đồng hành bằng sự khiêm nhường và tôn trọng tự do của người khác. Đồng thời, cần phải “cảnh giác với quyết tâm trong việc đảm bảo cho mọi người, đặc biệt trẻ vị thành niên và những người dễ bị tổn thương được bảo vệ tuyệt đối khỏi mọi hình thức lạm dụng”. Giáo lý viên cũng được mời áp dụng một “phong cách hiệp thông” và là những người sáng tạo trong việc sử dụng các công cụ và ngôn ngữ.

## Ngôn ngữ của huấn giáo: kể chuyện, nghệ thuật, âm nhạc

Trong phần thứ hai với tựa đề “Tiến trình giáo lý”, Chỉ nam nói đến thánh đố của ngôn ngữ. Có nhiều phương thức diễn cảm được trích dẫn.

Trước hết là kể chuyện, được định nghĩa là “một mô hình giao tiếp sâu sắc và hiệu quả” bởi vì chúng có thể đan xen câu chuyện về Chúa Giêsu, đức tin và cuộc sống của con người.

Tiếp đến là nghệ thuật, qua việc chiêm ngắm vẻ đẹp, cho phép con người trải nghiệm cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa.

Cuối cùng là âm nhạc, đặc biệt thánh nhạc, là ngôn ngữ làm thấm nhuần trong con người tinh thần ước muốn vô tận.

## Huấn giáo trong đời sống con người: tầm quan trọng của gia đình

Khi giáo lý đi vào đời sống cụ thể của con người, vai trò của gia đình rất quan trọng: gia đình là chủ thể tích cực của việc loan báo Tin Mừng và nơi tự nhiên để sống đức tin một cách đơn giản và tự phát. Trong thực tế, gia đình cung cấp một nền giáo dục Kitô giáo “được làm chứng nhiều hơn là dạy“, qua một cách thức khiêm tốn và lòng trắc ẩn. Trước những tình huống bất thường và những bối cảnh gia đình mới xuất hiện trong xã hội đương đại, trong đó có một sự trống rỗng về ý nghĩa siêu việt của gia đình, Giáo hội kêu gọi đồng hành đức tin với sự gần gũi, lắng nghe và thấu hiểu, quan tâm, tôn trọng và ân cần, để khôi phục niềm tin và hy vọng cho tất cả và giúp vượt qua sự cô độc và phân biệt đối xử.

Tài liệu còn nhắc đến việc dạy giáo lý phải được thực hiện theo các nhóm tuổi: trẻ em, người trẻ, người trưởng thành, người già. Mặc dù đa dạng về ngôn ngữ, việc dạy giáo lý phải có một phong cách duy nhất, đó là đồng hành, làm cho các chứng tá của các giáo lý viên đáng tin cậy, thuyết phục và lôi cuốn. Truyền đạt giáo lý cách kín đáo nhưng hiện diện, có thể nâng cao phẩm chất của mỗi tín hữu và khiến họ cảm thấy được đón tiếp và nhìn nhận trong cộng đồng Kitô giáo.

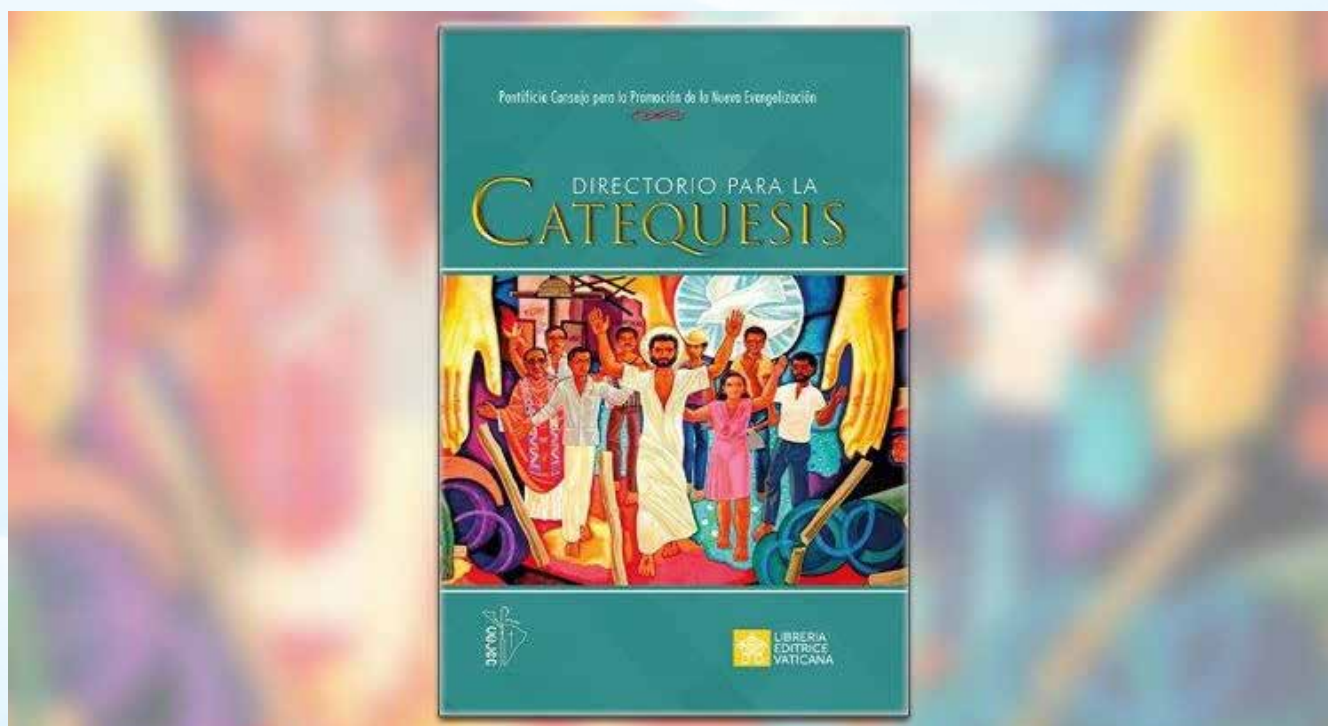
## “Văn hóa hòa nhập” và tiếp nhận người khuyết tật, người di cư

Tài liệu không quên đến việc dạy giáo lý cho người khuyết tật và người di cư. Tài liệu khẳng định, đón tiếp và nhìn nhận là những từ khóa phải đồng hành trong huấn giáo dành cho người khuyết tật. Khi đối diện với sự bối rối và sợ hãi, điều quan trọng là phải đáp lại bằng một “văn hóa hòa nhập” vượt qua “sự loại bỏ“. Thực tế, người khuyết tật là nhân chứng của sự thật thiết yếu của cuộc sống con người: dễ bị tổn thương và mong manh, và do đó họ phải được đón nhận như một món quà lớn, trong khi gia đình họ xứng đáng được “tôn trọng và cảm phục“.

Một thành phần đặc biệt khác được Chỉ nam đề cập là những người di cư, xa quê hương, họ có thể gặp khủng hoảng đức tin: đối với họ, giáo lý phải tập trung vào lòng hiếu khách, tin tưởng và liên đới, để họ được hỗ trợ trong cuộc chiến chống lại định kiến và những nguy hiểm nghiêm trọng mà họ có thể phải gánh chịu, chẳng hạn như nạn buôn người.

## Nhà tù, vùng đất đích thực cho việc loan báo Tin Mừng, lựa chọn ưu tiên người nghèo

Và một lần nữa, tài liệu chú ý đến các nhà tù,



như là “một vùng đất đích thực cho sứ vụ loan báo Tin Mừng”: đối với các tù nhân, huấn giáo sẽ là một loan báo ơn cứu độ trong Đức Kitô, tha thứ và giải thoát, cùng với việc lắng nghe cách ân cần cho thấy khuôn mặt người mẹ của Giáo hội. Giữa các hình thức bị loại trừ, Giáo hội không quên người nghèo.

Chỉ nam yêu cầu “lựa chọn ưu tiên dành cho các tù nhân cũng phải chú ý đến đời sống tâm linh của họ”. Bác ái và tầm quan trọng của sự năng động truyền giáo trong khi gặp gỡ với người nghèo, hiện thực hóa cuộc gặp gỡ với Đức Kitô.

Bản văn khuyến nghị “Giáo hội cũng được kêu gọi sống khó nghèo như một sự phó thác hoàn toàn cho Thiên Chúa, không quá cậy dựa vào các phương tiện thế gian”. Trong lãnh vực này, huấn giáo phải giáo dục về khó nghèo Tin Mừng, thúc đẩy văn hóa huynh đệ và khuyến khích các tín hữu biết “phần nộ” trước những hoàn cảnh khốn cùng và bất công.

## Giáo xứ, hiệp hội và trường học Công giáo

Trong phần thứ ba, tài liệu dành riêng cho “Huấn giáo trong các Giáo hội địa phương”, nhấn mạnh trước hết vai trò của giáo xứ, hiệp hội và phong trào Giáo hội và trường Công giáo. Trước đây, các tổ chức này được định nghĩa là “mẫu gương về hoạt động tông đồ cộng đoàn“, nhấn mạnh “tính mềm dẻo“, làm cho các tổ chức này có khả năng sáng tạo trong huấn giáo, “lắng nghe“ và “đi ra ngoài“.

Mặt khác, đối với các hiệp hội và phong trào,



Chỉ nam nhắc rằng các tổ chức này “có khả năng lớn trong việc loan báo Tin Mừng, làm cho Giáo hội phong phú”, miễn là các tổ chức này chăm sóc việc đào tạo và phải hiệp thông với Giáo hội.

Đối với các trường Công giáo, tài liệu khuyến khích chuyển từ các trường học-tổ chức sang trường học-cộng đoàn, hoặc cộng đoàn đức tin với một dự án giáo dục đặt nền tảng trên các giá trị Tin Mừng.

## Giảng dạy các tôn giáo và huấn giáo: khác biệt, nhưng bổ sung

Trong bối cảnh này, một đoạn dành riêng cho việc giảng dạy tôn giáo được nhấn mạnh: khác biệt, nhưng bổ sung cho huấn giáo, có hai khía cạnh: bước vào các mối quan hệ với các tri thức khác và biết cách biến kiến thức thành sự khôn ngoan. Chỉ nam khẳng định: “Tôn giáo là một chiều kích của tồn tại và không được bỏ qua. Vì thế, “đó là quyền của cha mẹ và học sinh“ được nhận một sự huấn luyện toàn diện. Điều quan trọng là điều này luôn được thực hiện qua một cuộc đối thoại cởi mở và tôn trọng, không vấp phải ý thức hệ.

## Đa nguyên văn hóa và đa nguyên tôn giáo: mối quan hệ với Do Thái giáo và Hồi giáo

Sau đó, một chương lớn tập trung vào các bối cảnh đương đại khác mà giáo lý phải đối diện: đa nguyên văn hóa dẫn đến đối xử hời hợt đối với các vấn đề đạo đức; bối cảnh đô thị thường vô nhân đạo, bạo lực và cô lập; đối với người bản địa đòi hỏi kiến thức đầy đủ để vượt qua định kiến; lòng đạo đức bình dân và sự hiện hữu của nó, một mặt là “nơi thần học“ và “vùng dành cho đức tin“, nhưng mặt khác nó có nguy cơ mở ra cho các mê tín và giáo phái. Trong tất cả các lĩnh vực này, huấn giáo được kêu gọi mang lại hy vọng và phẩm giá, thúc đẩy bảo vệ môi trường.

Tiếp đến, lĩnh vực đại kết và đối thoại liên tôn với Do Thái giáo và Hồi giáo: Đối với Do Thái Giáo, Chỉ nam nhấn mạnh làm thế nào huấn giáo phải “khơi dậy mong muốn hiệp nhất“ giữa các Kitô hữu, để trở thành “một công cụ đáng



tin cậy của công cuộc truyền giáo“. Đối với Do Thái giáo, Chỉ nam mời gọi một cuộc đối thoại, đấu tranh chủ nghĩa bài Do Thái và thúc đẩy hòa bình và công lý. Bên cạnh đó, trong khi phải đối phó với khuynh hướng cực đoan bạo lực đôi khi có trong Hồi giáo, Giáo hội kêu gọi tránh những khái quát hời hợt, thúc đẩy hiểu biết và gặp gỡ với người Hồi giáo. Trong mọi trường hợp, trong bối cảnh đa nguyên tôn giáo, giáo lý phải “đào sâu và củng cố căn tính của các tín hữu“, giúp họ phân định và thúc đẩy truyền giáo qua chúng tá, hợp tác và đối thoại “nhã nhặn và thân tình“.

## Thế giới kỹ thuật số: ánh sáng và bóng tối

Tiếp theo, Chỉ nam chuyển sang chủ đề kỹ thuật số: trước hết, tầm quan trọng của việc đảm bảo sự hiện diện các chứng nhân cho các giá trị của Tin Mừng trong “mạng lưới“ được nhắc lại. Do đó, các giáo lý viên được khuyến khích giáo dục mọi người sử dụng tốt kỹ thuật số: đặc biệt, những người trẻ phải được đồng hành, bởi vì thế giới ảo có thể có những tác động sâu sắc đến việc quản lý cảm xúc và xây dựng căn tính.

Tài liệu tiếp tục: “Ngày nay, văn hóa kỹ thuật số được coi là “tự nhiên“, đến mức nó đã thay đổi ngôn ngữ và thứ bậc các giá trị trên phạm vi toàn cầu. Giàu về mặt tích cực (ví dụ, nó làm phong phú các kỹ năng nhận thức và thúc đẩy thông tin độc lập để bảo vệ những người dễ bị tổn thương), đồng thời thế giới kỹ thuật số cũng

có một “mặt tối“: nó có thể mang lại sự cô đơn, thao túng, bạo lực, đe dọa trực tuyến, định kiến, thù hận. Không chỉ vậy: kể chuyện kỹ thuật số là cảm xúc, trực quan và luôi cuốn, nhưng thiếu phân tích quan trọng, cuối cùng làm cho người nhận đơn giản là người dùng, thay vì là người giải mã một thông điệp.

## Chống lại văn hóa tức thời

Vậy giáo lý có thể làm gì trong lĩnh vực này? Đầu tiên là giáo dục để chống lại “văn hóa tức thời“, không có phân cấp các giá trị và quan điểm, yếu kém về kỹ thuật và không thể phân biệt sự thật và chất lượng. Trước hết, những người trẻ sẽ được đồng hành trong việc tìm kiếm tự do nội tâm giúp họ khác biệt với “đám đông xã hội“. Chỉ Nam khẳng định: “Thách đố của công cuộc loan báo Tin Mừng đòi hỏi cần phải hòa nhập vào đại lục kỹ thuật số. Tầm quan trọng của việc cung cấp không gian kinh nghiệm đức tin đích thực, có khả năng cung cấp các bí quyết diễn giải cho các chủ đề mạnh mẽ, như tính cụ thể, ảnh hưởng, công lý và hòa bình.

## Khoa học và đức tin: làm sáng tỏ những xung đột, tăng giá trị chứng tá của các nhà khoa học Kitô giáo

Sau đó, Tài liệu tập trung vào khoa học và công nghệ, khẳng định khoa học và công nghệ phải được định hướng theo hướng cải thiện điều kiện sống và sự tiến bộ của gia đình nhân loại, phục vụ của con người. Đồng thời, Chỉ nam khuyến nghị một giáo lý được chuẩn bị kỹ lưỡng và chuyên sâu biết cách chống lại sự phổ biến khoa học và công nghệ thường không chính xác. Vì thế, tài liệu khuyến khích loại bỏ những định kiến và ý thức hệ và làm rõ những xung đột rõ ràng giữa khoa học và đức tin, cũng như tăng giá trị chứng tá của các nhà khoa học Kitô giáo, thí dụ về sự hòa hợp và tổng hợp giữa hai. Trên thực tế, nhà khoa học tìm kiếm sự thật bằng sự chân thành, thiên về giao tiếp và đối thoại, yêu thích sự trung thực trí tuệ và do đó có thể khuyến khích hội nhập văn hóa của niềm tin vào khoa học.



## Đạo đức sinh học: không phải mọi thứ khả thi về mặt kỹ thuật đều được cho phép về mặt đạo đức

Trái lại, một suy tư riêng biệt phải được thực hiện cho đạo đức sinh học, khởi đi từ giả định rằng “không phải mọi thứ khả thi về mặt kỹ thuật đều được cho phép về mặt đạo đức“. Do đó, cần phải phân biệt giữa các can thiệp điều trị và thao tác trị liệu, và chú ý đến ưu sinh học và sự phân biệt đối xử mà nó đòi hỏi. Về việc đặt tên cho “giới tính“, tài liệu nhắc lại rằng Giáo hội “luôn đồng hành và trong mọi hoàn cảnh“, không phán xét, những người sống trong những tình cảnh phức tạp và đôi khi xung đột. Tuy nhiên, “trong một quan điểm của đức tin, phái tính không chỉ là một dữ liệu thể lý, mà nó còn là một thực tế cá nhân, một giá trị được giao phó cho trách nhiệm của con người“, “một đáp trả với tiếng gọi ban đầu của Thiên Chúa“. Do đó, trong lĩnh vực đạo đức sinh học, các giáo lý viên cần được đào tạo cụ thể bắt đầu từ nguyên tắc thánh thiêng và bất khả xâm phạm của cuộc sống con người và trái ngược với văn hóa sự chết. Về vấn đề này, Chỉ Nam lên án án tử hình, được định nghĩa là “một biện pháp vô nhân đạo làm nhục nhân phẩm con người“.

## Hoán cải sinh thái, dẫn thân xã hội và bảo vệ việc làm

Trong số các vấn đề khác được tài liệu đề cập, đó là một “hoán cải sinh thái sâu xa“ được thúc đẩy thông qua một huấn giáo chú ý đến việc bảo



vệ Tạo dựng và truyền cảm hứng cho một cuộc sống đạo đức, tránh xa lối sống duy tiêu thụ, bởi vì “sinh thái toàn diện là một phần không thể thiếu của đời sống Kitô giáo“. Ngoài ra còn có sự khuyến khích mạnh mẽ cho dẫn thân xã hội tích cực của người Công giáo hành động vì lợi ích chung, trái ngược các cấu trúc tội lỗi với đạo đức ngay thẳng và cởi mở đối thoại.

Đối với thế giới công việc, tài liệu khuyến khích truyền giáo theo Học thuyết xã hội của Giáo hội, đặc biệt chú ý đến việc bảo vệ quyền của những người yếu nhất.

Cuối cùng, hai chương cuối, Chỉ nam tập trung vào các bài giáo lý địa phương, với các chỉ dẫn liên quan để được Tòa thánh thông qua, và về các cơ quan phục vụ giáo lý, bao gồm Thượng Hội đồng Giám mục và các Hội đồng Giám mục.

**Ngọc Yến - Vatican News**

# Giáo hội và sứ vụ giáo dục

**Đ**ề tài được đề nghị là Giáo Hội và Sứ Vụ Giáo Dục. Nhận thấy đề tài quá rộng nên đã hỏi lại Ban tổ chức và được xác định: Giáo Hội nghĩ gì về giáo dục và cung cấp những hướng đi nào trong giáo dục? Theo đó, bài viết sẽ trình bày 3 điểm chính: (1) Những tài liệu chính thức của Giáo Hội về giáo dục; (2) Những định hướng chính yếu; (3) Những thách đố cho Giáo Hội tại Việt Nam về giáo dục.

## I. NHỮNG TÀI LIỆU CHÍNH THỨC CỦA GIÁO HỘI VỀ GIÁO DỤC

### 1. Ba tài liệu chính

Tuyên ngôn về Giáo dục Gravissimum Educationis, ban hành ngày 25-10-1965, cung cấp những hướng dẫn căn bản về các vấn đề giáo dục. Tuyên ngôn không đưa ra câu trả lời cuối cùng cho các vấn đề nhưng là một tài liệu được chuyển giao cho Ủy ban hậu Công đồng (tức là Bộ Giáo Dục Công Giáo) để triển khai, và các Hội Đồng Giám Mục áp dụng vào hoàn cảnh cụ thể của mình (x. Tuyên ngôn, Lời mở đầu). Tuyên ngôn này là một trong các tài liệu của Công Đồng Vatican II, vì thế cần đọc trong mối liên kết với toàn bộ giáo huấn Công Đồng, cách riêng là hai hiến chế Lumen Gentium và Gaudium et Spes.

Tông thư Ex Corde Ecclesiae của Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II ban hành năm 1990, bàn đến vai trò và tầm quan trọng của các đại học Công giáo, là môi trường đặc biệt để tìm kiếm chân lý về thế giới, con người và Thiên Chúa, và mở ra cuộc đối thoại giữa Giáo Hội và con người thuộc mọi nền văn hóa. Theo đó, các đại học Công giáo phải (1) được soi sáng bởi những giá trị Kitô giáo; (2) không ngừng suy tư về kho tàng tri thức nhân loại và đóng góp phần mình vào đó; (3) trung thành với sứ điệp Kitô giáo được trình bày qua Giáo Hội; (4) phục vụ Dân Chúa và nhân loại trên hành trình vươn đến mục đích siêu việt làm nên ý nghĩa của đời sống con người. Thánh Gioan Phaolô II cũng thúc giục các

đại học Công giáo phải quan tâm đến những hệ quả luân lý, đạo đức của các nghiên cứu khoa học, cũng như thúc đẩy đối thoại giữa các ngành nghiên cứu, nhờ đó có tầm nhìn tổng hợp về sự vật. Cách riêng là cuộc đối thoại giữa các ngành khoa học với thần học, do đó các đại học Công giáo nên có phân khoa thần học, hoặc ít nhất là “chair” về thần học.

Instrumentum Laboris (Tài liệu làm việc) của Hội nghị toàn cầu về Giáo dục với tựa đề Giáo dục hôm nay và ngày mai: Làm mới lại nhiệt tình (Educating Today and Tomorrow: A Renewing Passion). Để chuẩn bị cho kỷ niệm 50 năm Tuyên ngôn Giáo Dục, Bộ Giáo Dục Công Giáo đã mời các chuyên viên trên khắp thế giới đến đóng góp ý kiến trong một hội nghị được tổ chức vào tháng 6 năm 2012. Đến tháng 2 năm 2014, Bộ lại triệu tập Hội nghị khoáng đại của các thành viên. Kết quả của hai hội nghị này là Tài Liệu Làm Việc được giới thiệu vào tháng 7 năm 2014 và được gửi đến các Giáo Hội địa phương. Đây cũng là tài liệu căn bản cho Hội nghị toàn cầu về Giáo Dục (Global Convention) sẽ được tổ chức vào tháng 11 năm 2015.

### 2. Tài liệu và bối cảnh

Ba tài liệu trên được ban hành ở những thời điểm liên hệ mật thiết với nhau: Gravissimum Educationis là Tuyên ngôn về Giáo dục của Công





Đông Vatican II năm 1965; Tông thư *Ex Corde Ecclesiae* được ban hành năm 1990 nhân kỷ niệm 25 năm Tuyên ngôn về Giáo dục; Tài liệu làm việc được công bố để chuẩn bị cho Hội nghị toàn cầu về Giáo dục năm 2015, kỷ niệm 50 năm Tuyên ngôn về Giáo dục.

Những thời điểm trên cho thấy tính liên tục từ Tuyên ngôn Giáo dục của Vatican II đến những tài liệu sau này. Đồng thời, cùng với tính liên tục là nỗ lực đáp ứng những vấn đề mới nảy sinh do sự thay đổi bối cảnh văn hóa của thời đại. Kể từ thời Vatican II đến nay, nhân loại đã trải qua những thay đổi rất nhanh về mọi mặt. Về văn hóa, tiến trình toàn cầu hóa kèm theo khuynh hướng tục hóa và chủ nghĩa tương đối tác động lên cách nhìn và cách sống của rất nhiều người. Về kinh tế và chính trị, một đảng nhân loại thoát khỏi thời kỳ chiến tranh lạnh, đảng khác chủ nghĩa tư bản (nhiều khi là thứ *capitalisme sauvage*) vươn lên thống trị và tác động mạnh mẽ lên toàn bộ đời sống con người, kể cả lãnh vực giáo dục.

## II. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH CỦA GIÁO HỘI VỀ GIÁO DỤC

Một cái nhìn tổng kết ba tài liệu trên sẽ giúp nhận diện những đường nét chính trong giáo huấn của Giáo Hội Công Giáo về giáo dục.

### 1. Giáo dục trong viễn tượng Phúc-âm-hóa

Trước khi về trời, mệnh lệnh lớn nhất, nếu

không nói là duy nhất, Chúa Giêsu trao lại cho các Tông đồ: “Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép Rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28,19-20).

Ngay trong mệnh lệnh của Chúa Giêsu, giảng dạy đã gắn liền với sứ mệnh loan báo Tin Mừng. Cho nên giáo dục là thành phần thiết yếu của sứ mệnh loan báo Tin Mừng. Giáo Hội Công giáo ý thức điều đó rất rõ, vì thế trong suốt lịch sử Giáo Hội, ở khắp mọi nơi, Giáo Hội luôn dẫn thân cách tích cực vào công việc cao quý này.

Trong khung cảnh tục hóa ngày nay, có nguy cơ là nội dung đó bị lãng quên và câu hỏi về căn tính của giáo dục Công giáo lại được đặt ra. Trong chuyến viếng thăm Hoa Kỳ vào tháng 4 năm 2008, tại Đại học Công giáo Hoa Kỳ, Đức Bênêđictô XVI đã gặp gỡ các viện trưởng và đại diện các đại học, các trường Công giáo, và đã có bài diễn văn nổi tiếng. Trong đó, ngài khẳng định: “Mọi hoạt động của Giáo Hội khởi đi từ sự nhận biết rằng Giáo Hội là người cứu mang sứ điệp bất nguồn từ chính Thiên Chúa: trong sự tốt lành và khôn ngoan của Chúa, Ngài đã quyết định mặc khải chính mình và mục đích ẩn giấu của thánh ý Ngài (x. Eph 1,9; Dei Verbum,2). Một đảng, Thiên Chúa mong muốn Ngài được nhận biết, và đảng khác, ước vọng sâu xa nơi trái tim con người muốn nhận biết chân lý, cả hai làm thành bối cảnh cho việc con người tìm kiếm ý nghĩa của đời sống”.

Từ tiền đề đó, ngài khẳng định: “Căn tính của một trường hoặc đại học Công giáo không chỉ là vấn đề về số sinh viên Công giáo trong trường. Đây là vấn đề xác tín: Chúng ta có thật sự tin rằng chỉ trong mầu nhiệm Ngôi Lời nhập thể mà huyền nhiệm về con người mới được sáng tỏ (x. *Gaudium et Spes*, 22)? Chúng ta có sẵn sàng dẫn thân bằng tất cả con người - lý trí và ý chí, tâm tư và tình cảm - cho Thiên Chúa không? Chúng ta có chấp nhận chân lý Đức Kitô mặc khải không? Đức tin có trở nên cụ thể và sống động trong trường học của chúng ta không? Đức



## Thời sự Giáo Hội

tin đó có được thể hiện mạnh mẽ về mặt phụng vụ, bí tích, qua cầu nguyện, hoạt động bác ái, quan tâm đến công bằng xã hội, tôn trọng tạo thành của Thiên Chúa không? Chỉ bằng cách đó, chúng ta mới thật sự làm chứng rằng chúng ta là ai và phục vụ điều gì”.

### 2. Nền giáo dục với tầm nhìn nhân vị

Phẩm giá con người, nhân vị, là những khái niệm nền tảng trong giáo huấn xã hội của Giáo Hội Công giáo (x. Compendium of the Social Doctrine of the Church, 105-151). Hiến chế Gaudium et Spes đã bắt đầu bằng những suy tư nhân học, phân tích về con người, làm nền tảng cho những giáo huấn về gia đình, xã hội, cũng như những vấn đề lớn của thế giới: “Tiêu điểm chính của tất cả những gì Công Đồng trình bày là con người, dĩ nhiên là con người duy nhất và toàn diện với thể xác và linh hồn, tình cảm và lương tri, trí khôn và ý chí” (GS số 3). Giáo huấn xã hội sẽ khai triển theo cùng một hướng.

Cũng thế, tầm nhìn về con người như một nhân vị là tầm nhìn định hướng hoạt động giáo dục. Nói cách khác, nền tảng của triết lý giáo dục là triết lý về con người. Giáo dục Công giáo có mặt trong nhiều môi trường văn hóa và xã hội khác nhau. Tại nhiều nơi, nền giáo dục Công giáo được đánh giá cao, nhưng lại có những nơi nền giáo dục này bị triệt hạ cách phũ phàng. Nhưng dù ở đâu chăng nữa, tầm nhìn nền tảng của giáo dục Công giáo vẫn là tầm nhìn nhân vị

(personalistic vision): “Mục tiêu của nền giáo dục chân chính là đào tạo con người như một nhân vị, hướng đến lý tưởng của bản thân cũng như lợi ích của các cộng đồng mà họ là thành viên và sẽ tham gia phục vụ khi đến tuổi trưởng thành” (GD, 1). Tầm nhìn này không chỉ ngưng lại trên bình diện lý thuyết nhưng cần được thể hiện trong cơ cấu tổ chức học đường, không nhằm mục đích chống lại những nền văn hóa hoặc tôn giáo khác, nhưng để đối thoại với họ.

### 3. Quyền giáo dục và quyền được giáo dục

Chính từ tầm nhìn về con người như một nhân vị mà Giáo Hội đòi hỏi quyền giáo dục và quyền được giáo dục: “Tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, giai cấp và tuổi tác, dựa vào phẩm giá của nhân vị, đều có quyền lợi bất khả di nhượng là phải được hưởng một nền giáo dục có thể đáp ứng cho lý tưởng của mỗi cá nhân, thích hợp với khả năng, phái tính, một nền giáo dục vừa thích nghi với văn hóa và truyền thống dân tộc, vừa mở rộng cộng đồng huynh đệ với các dân tộc khác, để phát huy tiến trình hiệp nhất và hòa bình đích thực trên thế giới” (GD, 1).

Quyền giáo dục của cha mẹ: Cha mẹ là những nhà giáo dục đầu tiên và chính yếu. Gia đình là trường học đầu tiên dạy các đức tính xã hội cần thiết cho tất cả các cộng đồng (GD, 3). Vì thế, cha mẹ phải được thật sự tự do trong việc chọn lựa trường học cho con cái (số 6).

Trách nhiệm của Nhà nước: Mọi hình thức độc quyền trong lãnh vực học vấn đều trái nghịch với quyền tự nhiên của con người, cản trở sự phát triển và phổ biến văn hóa, làm tan loãng bầu khí thuận hòa giữa các công dân, và đi ngược lại chủ trương đa nguyên hiện đang thịnh hành tại nhiều xã hội (số 6).

Trách nhiệm của Giáo Hội: “Giáo Hội có quyền thành lập và điều hành các trường học thuộc các cấp các ngành, như Huấn Quyền đã từng xác nhận qua nhiều văn kiện trước đây, đồng thời cũng nhắc lại rằng việc thực thi quyền lợi ấy sẽ đóng góp rất nhiều cho việc thăng tiến tự do lương tâm, bảo vệ những quyền lợi của cha mẹ cũng như giúp cho nền văn hóa được phát triển” (số 8).



#### 4. Nền giáo dục toàn diện

Cũng từ tầm nhìn nhân vị, giáo dục Công giáo là nền giáo dục có tính toàn diện, quan tâm đến mọi chiều kích của nhân vị. Quan niệm phổ biến ngày nay về giáo dục học đường là cung cấp cho sinh viên, học sinh khả năng và kỹ năng cần thiết để có thể bước vào thị trường lao động và đời sống xã hội. Nghĩa là một tầm nhìn thuần túy kinh tế và xã hội.

Dù mục tiêu trên là cần thiết, Giáo Hội cho rằng chưa đủ. Cần cung cấp cho học viên một nền giáo dục toàn diện và đào tạo con người toàn diện:

- Toàn diện xác hồn: Phát triển hài hòa những khả năng thể lý, luân lý và tinh thần, để dần dần có được ý thức trách nhiệm đầy đủ hơn.

- Tính xã hội: Chuẩn bị thích hợp với đời sống xã hội... hội nhập cộng đồng nhân văn, cởi mở khi đối thoại với tha nhân và góp phần thực hiện công ích” (GD, 1).

- Tính độc đáo: Tôn trọng từng con người, thúc đẩy học viên tự ý thức, tự giáo dục.

- Tính siêu việt: Giúp học viên mở rộng lòng trí trước huyền nhiệm của thiên nhiên và thế giới.

#### 5. Nền giáo dục phục vụ chân lý

Giáo dục là sự phục vụ chân lý (diakonia of truth). Vấn đề là chân lý nào? Chân lý khách quan và tuyệt đối hay chân lý chủ quan và tương đối? Đây là vấn đề lớn của thời đại ngày nay như Đức Bênêđictô XVI nhận định: “Ngày nay



có một lực cản đặc biệt đáng ngại trong việc giáo dục, đó là sự hiện diện rộng khắp của chủ nghĩa tương đối trong xã hội và văn hóa. Chủ trương này không nhìn nhận điều gì là vững vàng, cuối cùng tiêu chuẩn tối thượng duy nhất là cái tôi và những ước muốn của nó. Và ẩn dưới dáng vẻ của tự do, nó lại biến thành ngục thất cho mỗi người vì nó ngăn cách con người với nhau, khóa chặt mỗi người trong cái tôi ích kỷ của mình”. Ngài còn dùng cụm từ đã trở thành nổi tiếng “sự độc tài của chủ nghĩa tương đối” để diễn tả bộ mặt của thời đại. Độc tài vì nó chỉ chấp nhận quan điểm cho rằng chọn lựa chủ quan của mỗi người đều có giá trị như nhau, và vì thế, phủ nhận những cách nhìn khác.

Giáo Hội phục vụ chân lý khách quan là chân lý vượt lên trên cái chủ quan và riêng lẻ để vươn đến cái phổ quát và tuyệt đối. Chính chân lý đó mới là nền tảng hướng dẫn đời sống, những chọn lựa và hành động của con người xét như một nhân vị: “Không phải cái praxis tạo nên chân lý nhưng chính chân lý mới là nền tảng của praxis”.

Cũng ở đây xuất hiện vấn đề lớn là tương quan giữa đức tin và lý trí cũng như sự đối thoại giữa thần học và khoa học, để làm chứng cho tính duy nhất của mọi chân lý: “Việc nghiên cứu trong mọi ngành học, nếu được thực hiện cách khoa học thực sự và phù hợp với những quy tắc luân lý, sẽ không bao giờ xung khắc với đức tin. Bởi lẽ những thực tại trần thế và những mối quan tâm của đức tin đều phát xuất từ cùng một Thiên Chúa. Sự tương tác của hai lãnh vực trong việc tìm kiếm chân lý sẽ dẫn đến lòng yêu mến chính chân lý, và góp phần vào sự hiểu biết toàn diện hơn về ý nghĩa của đời sống con người và mục đích công trình tạo dựng của Thiên Chúa” (Ex Corde Ecclesiae, số 17).

#### 6. Sự quân bình giữa nội dung và phương pháp

Trong nhiều thập niên qua, người ta đi từ thái cực này sang thái cực khác. Trước kia, chú trọng đến “học vẹt” (repetitive learning), không thúc đẩy sự tham gia tích cực của học viên, cũng không phát huy sự tò mò và tính sáng tạo. Ngày



nay nhấn mạnh đến học bằng nghiên cứu và giải quyết vấn đề (research and problem-solving), nhờ đó học viên không chỉ đón nhận cách thụ động nhưng phát huy khả năng suy tư, nghiên cứu, làm việc nhóm.. Tuy nhiên đôi khi người ta đi xa đến chỗ coi “phương pháp” quan trọng hơn nội dung. Hệ quả là chỉ chú trọng đến những gì hữu dụng trước mắt (những đòi hỏi kinh tế, xã hội) mà không biết gì đến những điều cần thiết cho con người xét như một nhân vị. Nhìn chung tại Việt Nam, các ngành khoa học tự nhiên phát triển đang khi khoa học nhân văn và xã hội vắng bóng học viên. cũng như trong chương trình học, có thể chỉ thuần túy là kỹ thuật chuyên ngành mà không cung cấp kiến thức tổng quát.

Vì thế, cần chú trọng đến cả nội dung và phương pháp. Giáo viên phải biết chắt lọc những yếu tố cơ bản của di sản văn hóa được tích lũy qua mọi thời và trình bày cho học viên cách thích hợp.

## 7. Sự liên kết giữa các ngành học và nghiên cứu

Theo Thánh Gioan Phaolô II, sự toàn diện của tri thức là một tiến trình không bao giờ hoàn tất. Hơn thế nữa, sự bùng nổ kiến thức trong những thập niên gần đây, cùng với sự phân chia kiến thức cách cứng nhắc theo những ngành nghiên cứu riêng lẻ, càng làm cho nhiệm vụ này khó khăn hơn. Vì thế cần phải tiến đến một tổng hợp các kiến thức, chỉ như vậy mới có thể đáp ứng khát vọng chân lý vốn được ghi khắc trong tâm khảm con người.

Do đó Giáo Hội khuyến khích việc nghiên cứu liên ngành. Mỗi ngành học đều được dạy cách hệ thống và theo phương pháp riêng của mình, đồng thời việc nghiên cứu liên ngành, với sự hỗ trợ của triết học và thần học, sẽ giúp cho sinh viên có được tầm nhìn hữu cơ về thực tại và phát triển ước muốn liên tục thăng tiến tri thức. Thần học đóng vai trò quan trọng trong việc tìm kiếm tổng hợp này. Thần học phục vụ các ngành học khác trong việc tìm kiếm ý nghĩa, không những bằng cách giúp các ngành thấy được những tác động của nó trên con người và xã hội, nhưng còn mang đến một tầm nhìn và định hướng vốn không có trong phương pháp luận của các ngành học. Ngược lại, sự tương tác này làm cho thần học thêm phong phú, giúp thần học hiểu thế giới hơn và làm cho nghiên cứu thần học gần gũi với nhu cầu hiện nay hơn (x. Ex Corde Ecclesiae, số 16-19).

## 8. Vai trò của môi trường giáo dục

Môi trường giáo dục là bầu khí mà giảng viên và học viên tạo nên ở nhà trường. Bầu khí này được kiến tạo chủ yếu qua tương quan liên vị giữa giảng viên và học viên cũng như giữa học viên với nhau, qua sự tận tụy và chứng tá sống động của các giảng viên đối với thiện ích của học viên.

Không gian văn hóa có thể khác nhau nhưng một số nét chính của bầu khí này vẫn là những đòi hỏi cần thiết để có môi trường giáo dục đích thực:

- Tôn trọng phẩm giá và sự độc đáo của mỗi cá nhân (do đó, không chấp nhận khuynh hướng coi học viên chỉ là những con số trong đám đông quần chúng).
- Tạo những cơ hội cho người trẻ phát triển những tiềm năng của họ.
- Quân bình về mọi mặt nhận thức, tình cảm, xã hội, nghề nghiệp, đạo đức, thiêng liêng.
- Cổ võ bầu khí cộng tác và liên đới (chứ không chủ trương loại trừ và cô lập).
- Mở rộng tâm trí trong hành trình tìm kiếm chân lý (chứ không giới hạn chân lý theo tầm nhìn ý thức hệ).
- Tôn trọng ý tưởng của người khác, mở ra với đối thoại thay vì độc đoán.

## 9. Vai trò của nhà giáo dục

Nhà giáo được xem là những nhân vật chính trong nền giáo dục Công giáo. Vì thế Giáo Hội mong ước các nhà giáo được chuẩn bị thật chu đáo cả về lãnh vực chuyên môn cũng như kiến thức sư phạm. Đồng thời, họ cần thi hành nhiệm vụ trong tinh thần cộng tác với nhau cũng như với phụ huynh. Các nhà giáo phải giúp sinh viên của mình biết tự làm việc và đồng hành với các em, kể cả khi các em đã ra trường.

Từ góc độ đức tin, việc giáo dục trở thành việc tông đồ của các nhà giáo, và với tinh thần tông đồ, họ sẽ làm chứng cho vị Tôn sư duy nhất là Đức Kitô bằng cả cuộc sống và lời giảng dạy (x. GD số 8).

## III. GIÁO HỘI VIỆT NAM VÀ SỨ VỤ GIÁO DỤC

Nhìn vào sứ vụ giáo dục của Giáo Hội Việt Nam, cách riêng giáo dục học đường, có thể nói Giáo Hội ở trong tình trạng “không giống ai”. Một đảng, Giáo Hội bị loại ra khỏi lãnh vực giáo dục học đường ở mọi cấp, từ tiểu học đến trung học và đại học. Mọi cơ sở giáo dục của Giáo Hội đều bị lấy mất đến độ nhiều giám mục, linh mục ngoại quốc thắc mắc “Vậy thì làm thế nào để dạy giáo lý”? Đảng khác, Giáo Hội vẫn tiếp tục thi hành sứ vụ giáo dục cách tích cực và đóng góp phần mình vào đời sống của xã hội cũng như sứ vụ chung của Giáo Hội toàn cầu. Xin liệt kê một số hoạt động trong lãnh vực này:

Các chủng viện và học viện được Giáo Hội quan tâm đặc biệt vì là nơi nghiên cứu và tìm hiểu tường tận hơn Mạc Khải của Thiên Chúa, di sản khôn ngoan của Kitô giáo, phục vụ cuộc đối thoại với người ngoài Giáo Hội, giải đáp những vấn nạn của thời đại liên quan đến đức tin. Tại Việt Nam, các chủng viện và học viện thần học hàng năm đào tạo những nhân sự chủ chốt nhất cho sinh hoạt của Giáo Hội.

Các Nhà trẻ do các nữ tu đảm nhận đều được tín nhiệm cao trong xã hội; cuối cùng, chính quyền cũng nhìn nhận. Trong số 52 Nhà trẻ được tuyên dương năm 2014, có đến 50 Nhà trẻ do các nữ tu đảm nhận.

Các Trường Chúa nhật dạy Giáo lý cho hàng trăm ngàn học sinh, và đây chính là lãnh vực Giáo Hội đặc biệt quan tâm: “Khi thực thi phận vụ giáo dục, Giáo Hội muốn sử dụng tất cả các phương thế thích hợp, nhưng vẫn đặc biệt chú trọng những phương thế riêng biệt của mình, trước tiên là chương trình huấn giáo nhằm soi sáng và củng cố đức tin, nuôi dưỡng đời sống theo tinh thần Chúa Kitô, đưa đến việc tham dự cách ý thức và tích cực vào mầu nhiệm phụng vụ, khuyến khích hoạt động tông đồ” (GD số 4). Bản thân tôi vẫn nghĩ rằng cách làm của Giáo Hội Việt Nam hiện nay còn tốt hơn việc dạy giáo lý trong trường học.

Lưu xá: Vatican II khuyến khích “thành lập ngay tại các đại học không Công giáo những cư xá và trung tâm sinh viên Công giáo, ở đó, các linh mục, tu sĩ, giáo dân được tuyển chọn và huấn luyện kỹ, sẽ thường xuyên giúp đỡ giới trẻ sinh viên về tu đức và trí thức” (GE số 10). Hiện nay có nhiều lưu xá do các nam nữ tu sĩ hoặc các giáo xứ đảm nhận và thực hiện rất tốt.

Đội ngũ giáo viên Công giáo, không chỉ là tu sĩ, trong các trường Nhà nước. “Các nhà giáo nên nhớ rằng họ là những nhân vật chính giúp cho trường Công giáo thực hiện được những mục tiêu và dự án của mình” - “Phận vụ các giáo viên đang thi hành chính là một hoạt động tông đồ đích thực, rất thích hợp và cần thiết cho thời đại chúng ta, đồng thời là sự phục vụ chính đáng cho xã hội” (GD số 8).

Như thế, cho dầu phải đối diện với nhiều giới hạn và khó khăn, Giáo Hội Việt Nam vẫn kiên trì tìm cách thực hiện sứ vụ giáo dục vốn gắn liền với sứ vụ Phúc-Âm-hóa đã được Chúa Giêsu trao lại. Do đó, những chỉ dẫn của Giáo Hội về giáo dục vẫn rất cần thiết cho chúng ta, để thi hành sứ vụ tốt hơn và sẵn sàng góp phần tích cực, hiệu quả hơn nữa khi cánh cửa giáo dục học đường mở rộng hơn cho Giáo Hội.

*Trích Tập san Hiệp Thông / HĐGM VN, Số 87 (tháng 3 & 4 năm 2015)*

**Gm. Phêrô Nguyễn Văn Khảm**

# Lý thuyết chuyển đổi giới tính và hệ tư tưởng về giới tính trong tài liệu mới do Đức Tổng Giám Mục Carlson công bố

**T**heo yêu cầu của Đức Thánh Cha Phanxicô, Đức Tổng Giám Mục Carlson đã đề cập đến lý thuyết chuyển giới, các vấn đề về tư tưởng giới tính trong một tài liệu mới được công bố.

Trong tài liệu này, Đức Tổng Giám Mục Robert J. Carlson của tổng giáo phận St. Louis, đã xem xét các vấn đề trên qua lăng kính đức tin.

Tài liệu được viết sau cuộc gặp ad limina của Đức Tổng Giám Mục Carlson với Đức Giáo Hoàng Phanxicô vào tháng Giêng năm 2020. Trong cuộc gặp gỡ với các Giám Mục Hoa Kỳ đến từ St. Louis, Iowa, Missouri, Nebraska và Kansas, Đức Thánh Cha khẳng định rằng phá thai là “vấn đề đạo đức nghiêm trọng nhất trong thời đại chúng ta. Các vấn đề khác mà xã hội hiện đại đang phải đối mặt là các vấn đề liên quan đến giới tính.”

Đức Thánh Cha sau đó đã yêu cầu Đức Tổng Giám Mục Carlson viết một báo cáo về lý thuyết chuyển giới, các vấn đề về tư tưởng giới tính.

“Tôi không có ý định giải quyết toàn diện vấn đề ở đây. Nhưng đó là một mối quan tâm ngày càng tăng và tôi muốn giải quyết một số khía cạnh chính của những vấn nạn này, ” Đức Tổng Giám Mục Carlson viết trong lời nói đầu của tài liệu.

Khi đề cập đến những cá nhân coi mình có bản sắc giới tính trái ngược với giới tính sinh học của mình, Đức Tổng Giám Mục Carlson nói rằng những người có đức tin trước tiên nên đáp lại với lòng trắc ẩn vì những người như thế gặp nhiều nguy cơ dẫn đến sức khỏe kém, lo lắng, trầm cảm và lạm dụng chất kích thích. Bên cạnh đó còn có một tỷ lệ tự tử cao hơn nhiều so với dân số nói chung.

“Biết được những điều này, phản ứng đầu tiên của chúng ta nên là gì? Điều đầu tiên chúng ta cần làm không phải là tránh xa, nghi ngờ, sợ hãi

hay lên án, nhưng là trao ra một lòng trắc ẩn, ” Đức Tổng Giám Mục Carlson viết. “Nếu bạn không thoải mái với giới tính sinh học của mình, hoặc nếu bạn tự coi mình là người có bản sắc giới trái ngược với giới tính sinh học của mình, thì đây là điều đầu tiên tôi muốn bạn biết: Chúa yêu bạn. Ngài yêu mến bạn bất kể mọi sự. Ngài có một kế hoạch cho bạn.”

Tuy nhiên, Đức Tổng Giám Mục nhấn mạnh rằng: “Lòng thương cảm không phải là phản ứng duy nhất từ Giáo hội. Hệ tư tưởng về giới tính cho rằng bản sắc giới tính có thể tách rời khỏi giới tính sinh học, nhưng điều này mâu thuẫn với giáo lý Công Giáo. Chúng ta phải sẵn sàng hòa giải bản thân với những sự thật vật lý về bản sắc giới tính, và không cố gắng thay đổi sự thật theo cách chúng ta suy nghĩ và cảm nhận.”

“Sự hiểu biết của người Công Giáo về con người cho rằng bản sắc giới tính và giới tính sinh học không thể tách rời, và có những giới hạn đối với cách chúng ta đối xử với cơ thể mình, ” Đức Tổng Giám Mục Carlson viết. “Theo sự hiểu biết của Công Giáo, có một sự hiệp nhất sâu sắc trong con người.”

Một trong những nhiệm vụ lớn nhất đối với con người là “ tích hợp sức mạnh của bản sắc tình dục của chúng ta vào cách chúng ta sống cuộc sống của mình. Đó không phải là một nhiệm vụ nhỏ. Đó không phải là một nhiệm vụ dễ dàng. Nhưng trong thân thể của Ngài, Chúa Giêsu bày tỏ chương trình của Thiên Chúa cho thân thể chúng ta qua Bí tích Thánh Thể và trên thập giá.”

*Source: St. Louis Transgender theory and gender ideology at heart of new document published by Archbishop Carlson*

**Đặng Tự Do**

# Sứ điệp của các nhà lãnh đạo các tôn giáo hoàn cầu nhân đại dịch Covid-19: yêu thương và lòng tốt của Thiên Chúa

Trong bài “Sứ điệp của các nhà lãnh đạo các tôn giáo hoàn cầu nhân đại dịch Covid-19: hợp nhất và tương liên” (Vietcatholic, 14/Jun/2020), chúng tôi đã giới thiệu Viện Liên Tôn Elijah và Hội Đồng Các Nhà Lãnh đạo Tôn giáo Thế giới trong việc qui tụ các nhà lãnh đạo tôn giáo lỗi lạc nhất của thế giới để đưa ra các hướng dẫn liên quan đến các thách thức tâm linh của đại dịch Covid-19 và đề ra một viễn kiến cho thế giới sau cuộc khủng hoảng. Một trong các sứ điệp chủ chốt xuất hiện trong “Coronaspection”, tức cuốn video thu thập cái nhìn tâm linh nội quan của 40 nhà lãnh đạo tôn giáo hoàn cầu dưới góc độ đại dịch Covid-19, là sứ điệp liên đới và tương liên.

**T**rong bài này, chúng tôi xin giới thiệu thêm hai sứ điệp của nhóm là yêu thương và lòng tốt của Thiên Chúa.

## Corona và sứ điệp yêu thương

Hãng tin Zenit, trong bản tin ngày 2 tháng 7, 2020, tường thuật hai đóng góp một của Công Giáo và một của Hồi giáo, cả hai đều nói đến tình yêu.

Thực vậy, Maria Voce, chủ tịch phong trào Focolare, trình bày tình yêu Thiên Chúa như thuốc chữa cơn bệnh từng làm sụp đổ cuộc sống dân sự thời chiến tranh. Ở cốt lõi là viễn kiến hợp nhất và huynh đệ nhân bản. Trong khi đó, Abdul Rauf, một tác giả Hồi giáo Sufi nổi danh cũng tìm cách thể hiện một viễn kiến hợp nhất xuyên suốt xã hội và các tôn giáo. Trong cả hai đóng góp, ta có thể nhận ra nguyên lý chung có tính nền tảng là tình yêu.

Đối với Maria Voce, ta có thể coi tình yêu là lực đẩy căn bản của việc làm của bà và của tổ chức của bà. Các quyết định của bà trong thời gian Covid-19 đều được soi sáng bởi nguyên lý yêu thương, nguyên lý mà bà luôn tìm kiếm để tiếp liên với những người bị các quyết định của bà tác động tới. Tình yêu cũng là sức mạnh thiêng liêng

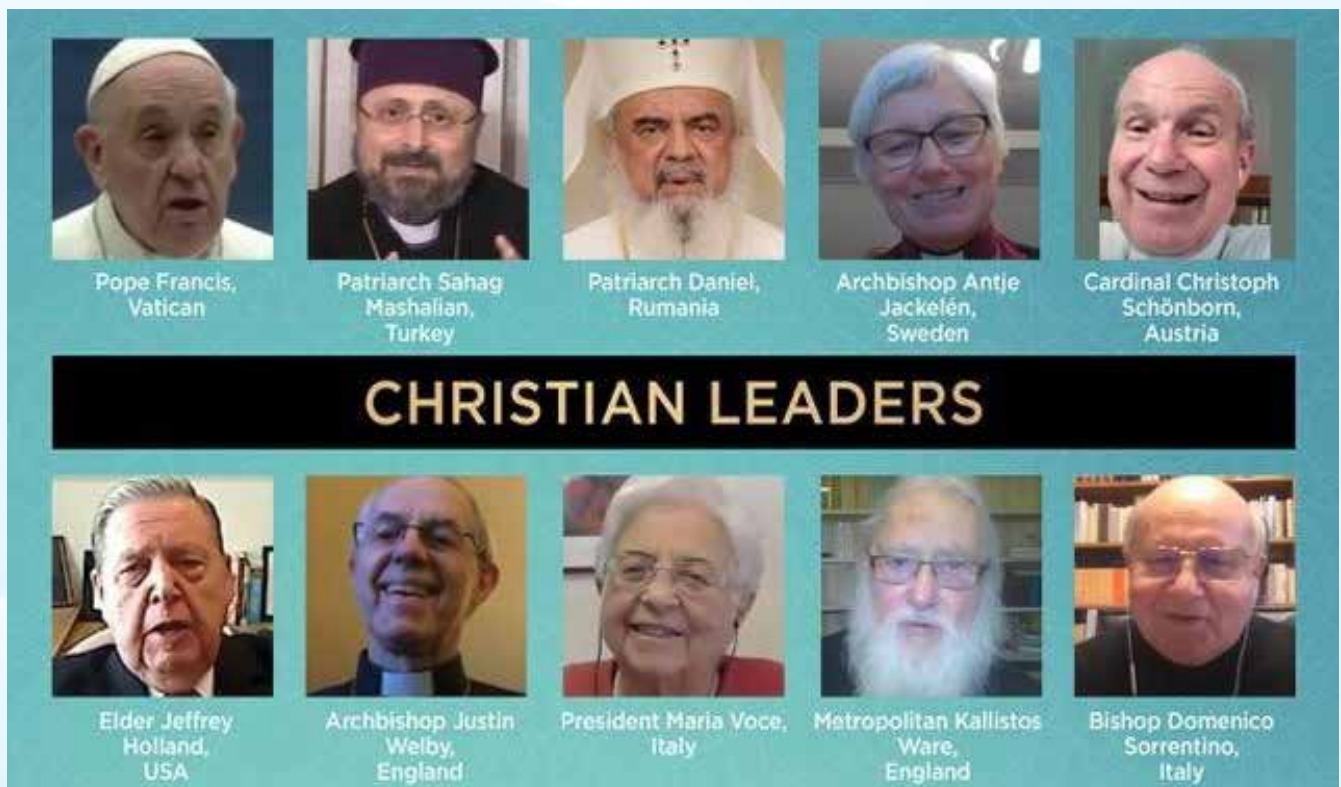
nhờ đó, ta xử lý với một trong các thách đố chính do Covid-19 đặt ra. Các cuộc phỏng vấn với các nhà lãnh đạo đặt câu hỏi phải đương đầu với sợ hãi và hoảng loạn ra sao. Dựa vào các lời giảng dạy của Sáng lập viên Focolare, Chiara Lubich, Voce trở lại với lời giảng dạy căn bản này: chỉ có tình yêu mới xua tan được sợ hãi. Tình yêu được tình mẹ lên khuôn. Tình mẹ thương con cung cấp cho bà lòng can đảm thực hiện những việc phi thường, cho dù sợ hãi vẫn ngự trị lòng bà. Cấm cửa thời Covid-19 được nhìn qua lăng kính tình yêu. Sống trong cảnh cấm cửa và các thách đố do đó mà có là những cơ hội và lời mời thực hành yêu thương. Tình yêu lúc nào cũng đòi phải có óc sáng tạo. Hãy để tình yêu đề xuất không phải hàng trăm mà là hàng ngàn cách thế để chúng ta hiện diện với người khác, bất chấp họ ở gần hay ở thật xa, bằng cách sử dụng mọi phương thế hiện có. Nhiều vấn đề có thể xuất hiện trong tương lai, cho dù đại dịch có thể qua đi. Chúng sẽ được giáp mặt với niềm tin rằng có một Đấng nào đó đang mang lịch sử tiến lên vì thiện ích của ta. Đấng nào đó chính là Thiên Chúa, Đấng vốn là tình yêu, Đấng yêu thương mọi người và do đó không thể không kéo được

## Thời sự Giáo Hội

thiện ích ra từ các tình huống này. Rõ ràng, viễn kiến Kitô giáo coi Thiên Chúa như tình yêu cung cấp nền tảng cho tính trung tâm của yêu thương làm sứ điệp cốt lõi của bà và như nguyên lý nền tảng để đương đầu với các thách đố, bất luận do Covid-19 hay do các nhân tố khác tạo dịp. Tình yêu cũng là nền tảng của hy vọng. Quan niệm của bà có tính lạc quan từ nền tảng. Tính lạc quan này xuất phát từ đức tin vào tình yêu Thiên Chúa. Thiên Chúa yêu thương sáng thế, các tạo vật của Người, mọi người và Thiên Chúa là tình yêu. Điều này, do đó, trở thành cơ sở cho quan niệm về đời sống, coi đời sống đầy hy vọng. Ngày nào còn ở trên đời, ta đều phải sống thực tình yêu, để có thể để lại cho đời một sứ điệp yêu thương diễn tiến đến muôn thuở.

Nếu tình yêu là sứ điệp trung tâm đối với Maria Voce, nó cũng là một trong các sứ điệp quan trọng của Giáo sĩ Hồi giáo Abdul Rauf. Sứ điệp của Rauf xoay quanh cố gắng có được cái nhìn thực tại theo con mắt Thiên Chúa, điều được giáo sĩ gọi là viễn tượng qui thần (theocentric perspective). Điều này đưng tới cốt lõi của việc xác định căn tính bản thân. Chúng ta cần tìm ra cái phần thực sự ổn định trong tự căn (self-identity) của mình, vốn là hình ảnh và hơi thở

của Thiên Chúa trong ta. Thực sự, chúng ta tất cả chỉ là một. Ở đây, lực đẩy tiến tới hợp nhất, một điều vốn soi sáng cho mưu cầu của Focolare, được xác nhận như có cơ sở trong nguyên lý quan trọng nhất của Hồi Giáo, quan trọng hơn bất cứ việc giữ đạo chuyên biệt nào khác, đó là tính duy nhất của Thiên Chúa. Ngược lại, điều này dẫn Abdul Rauf tới tình yêu. Trích dẫn lời Chúa Giê-su, Giáo sĩ Hồi giáo Abdul Rauf nói đến hai giới răn vĩ đại: yêu mến Thiên Chúa và yêu mến người lân cận. Yêu mến Thiên Chúa và yêu mến người khác tùy thuộc lòng yêu mến chính mình. Tình yêu vĩ đại nhất là tình yêu Thiên Chúa tự yêu chính Người, và Người dựng nên ta như một biểu thức nói lên tình yêu mình của chính Người. Bạn yêu mến Thiên Chúa bằng cách yêu mến người khác, và yêu mến sáng thế. Khi bạn yêu mến Thiên Chúa, bạn cũng yêu mến sự cô tịch (solitude), nó chính là một trong các hậu quả của Coronavirus. Do đó, ta tiến theo hai ngã đường: yêu mến Thiên Chúa trong cô tịch và yêu mến người khác, trong hành động và các việc làm tốt. Giống Voce, Abdul Rauf coi việc làm của các chuyên gia y tế như biểu thức nói lên tình yêu. Bất chấp trong cô tịch và chiêm niệm hay trong hành động và phục vụ, cộng đồng như một toàn



thể biểu lộ một viễn kiến tổng thể về tình yêu trong các biểu hiện kép tương quan qua lại của nó, yêu mến Thiên Chúa và yêu mến người khác.

## Lòng tốt của Thiên Chúa và cách phát biểu nó

Sứ điệp của các nhà lãnh đạo tôn giáo thế giới nói chung coi Coronavirus không chỉ đơn giản có tính tiêu cực. Có cả một viễn ảnh “tái ông thất mã” (silver lining) ở đây, thậm chí còn được coi như một hồng phúc. Điều tốt có thể xuất phát từ nó và việc khám phá ra điều tốt đó tùy thuộc ở chúng ta. Cái hiểu này có trong mọi tôn giáo.

Đức Cha Domenico Sorrentino là một nhà thần học chuyên nghiệp và là Giám mục giáo phận Assisi. Giáo sĩ Do Thái David Wolpe là Giáo sĩ Do Thái của Đền thờ Sinai, ở Los Angeles và được tạp chí Newsweek bầu là giáo sĩ Do Thái có ảnh hưởng nhất ở Hoa Kỳ. Giáo sư Marcia Hermansen là Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Thế giới Hồi giáo và Giáo sư tại Khoa Thần học của Đại học Loyola Chicago và là một nhà lãnh đạo tư tưởng trong cộng đồng Hồi giáo Mỹ.

Chủ đề lòng tốt của Thiên Chúa và cách phát biểu nó trong thời đại dịch là nét chính trong bài chia sẻ của Đức Giám Mục Assisi. Ngài cư ngụ trong cùng một ngôi nhà mà vị Giám mục giáo phận vốn cư ngụ thời thánh Phanxicô và ngôi nhà của ngài đóng một vai trò quan trọng trong các hoàn cảnh đáng chú ý của cuộc đời thánh nhân. Một trong số các hoàn cảnh này là lúc ngài nằm bệnh tại đó và gần chết. Chính tại đó, ngài đã viết thêm một số khổ thơ vào Ca Khúc Sáng Thế nổi tiếng của ngài, nhất là lời ngài ca ngợi Thiên Chúa vì “chị chết”. Đây là một bài học về việc ta có thể làm nổi bật lòng tốt trong bất cứ hoàn cảnh nào. Ta có thể hát lời ca ngợi Thiên Chúa ngay trên giường chết. Ngay trong hoàn cảnh khó khăn nhất, khi khó mà hiểu được lòng tốt tự bộc lộ ra sao, chúng ta vẫn cần phải tin tưởng Thiên Chúa và lòng tốt của Người. Điều này, do đó, dẫn Đức Giám Mục đến việc xem xét việc lòng tốt của Thiên Chúa có thể được tìm thấy ra sao trong thời đại dịch và ơn thánh có thể được tìm thấy như thế nào trong cuộc khủng hoảng.



Một chiều kích quan trọng là việc khám phá ra tổ ấm như một nơi cầu nguyện, theo gương người Do Thái một cách có ý thức. Đây là một cơ hội để đi sâu hơn vào những lời cầu nguyện thường được đọc trong Giáo hội, và cảm nhận được chúng ở bên trong. Tổ ấm, do đó, được biến đổi thành một đền thánh. Dù ở trong tổ ấm của mình, chúng ta vẫn có cơ hội mở rộng ý thức của mình tới cộng đồng rộng lớn hơn. Theo giáo huấn Kitô giáo, toàn thể Giáo hội hiện diện trong mỗi cử hành Thánh Thể. Điều này thường không được cảm nghiệm. Tuy nhiên, ngày nay, vào thời điểm khủng hoảng, có một cảm thức liên đới phổ quát và nhận thức có ý thức các phần khác của Giáo Hội rộng lớn hơn, thực sự của toàn thể nhân loại, tất cả những ai được đưa vào lời cầu nguyện và cử hành phụng vụ của chúng ta.

Đại dịch, bằng nhiều cách khác, cũng mang đến nhiều cơ hội để thâm hậu hóa đời sống tôn giáo. Cơ hội để đi vào trong chính mình, để nghiên cứu Kinh Thánh. Đây cũng là cơ hội để cha mẹ ở bên con cái. Đây là cơ hội phục hồi việc cầu nguyện của gia đình. Đây là lúc tìm hiểu một nhịp điệu khác của cuộc sống, trái với sự căng thẳng và nhịp sống trước đó. Đây là lúc để nhận thức về thiên nhiên và vũ trụ và là cơ hội để khám phá sự cân bằng giữa mọi sự vật và tình huynh đệ hoàn cầu với thiên nhiên.

Đức Giám Mục gợi ý rằng nếu Thánh Phanxicô được hỏi ngài sẽ nói gì với chúng ta ở thời điểm này, có lẽ ngài sẽ trả lời rằng chúng ta nên hát



## Thời sự Giáo Hội

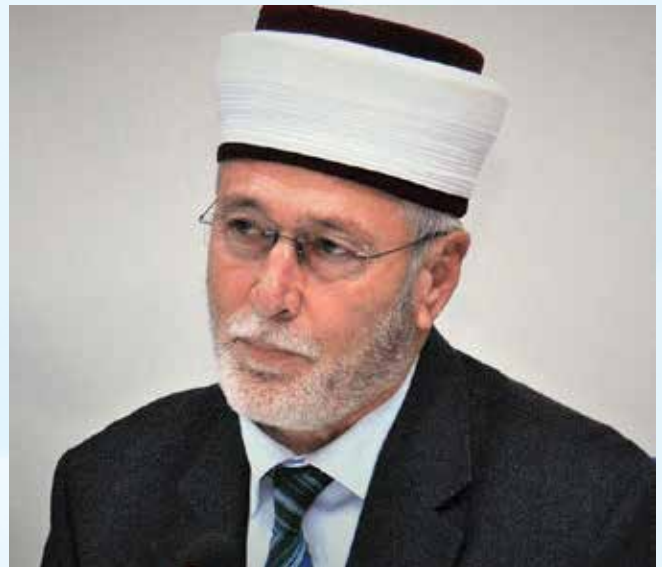
Ca khúc Sáng thế. Và nếu thánh Phanxicô có thể nói đến “chị chết”, thì tại sao chúng ta không thể nói đến “anh Corona”?

Chủ đề cơ hội cũng là hình thái trong bài trình bày của Giáo sư Marcia Hermansen. Cuộc phỏng vấn với bà diễn ra trong những ngày đầu của tháng Ramadan và câu hỏi về việc Ramadan sẽ được cử hành như thế nào trong những hoàn cảnh đặc biệt này là một mô thức (motif) quan trọng. Nhiều cuộc cử hành thông thường trở thành bất khả, vì người ta không đến đền thờ Hồi giáo. Giống như các hậu quả của việc đóng cửa các nhà thờ, việc đóng cửa các đền thờ Hồi giáo cũng cung cấp nhiều cơ hội tâm linh mới. Một trong những cơ hội chính xuất hiện có liên hệ tới việc khắc phục các cân bằng phá vỡ. Phần lớn tháng Ramadan diễn ra trong đền thờ và phần lớn đền thờ là địa bàn của đàn ông. Chuyển việc cử hành về nhà mở ra nhiều cơ hội mới cho phụ nữ tham dự việc cử hành cùng một cách như đàn ông

Ramadan là thời gian để thâm hậu hóa tâm linh. Người ta tự hỏi - linh hồn tôi ở đâu trong tháng Ramadan này? Cử hành tháng Ramadan trong điều kiện COVID-19 là một cơ hội để đi sâu hơn vào cuộc cử hành. Một cách đặc trưng, kỳ vọng thâm hậu hóa như vậy chủ yếu tập trung vào đàn ông. Chính họ là người đến đền thờ và tham dự các cuộc tĩnh tâm, đặc biệt trong 10 ngày cuối tháng Ramadan. Năm nay, những ngày này được tổ chức tại nhà, làm cho phụ nữ, trong lý thuyết, cũng có thể được hưởng lợi từ việc thâm hậu hóa

vốn là đặc điểm của những ngày này.

Đối với cả Đức Cha Sorrentino lẫn giáo sư Hermansen, có một nhận thức rõ ràng về việc các hoàn cảnh hiện nay phát xuất từ Thiên Chúa. “Chúng tôi tin tưởng rằng Thiên Chúa đang nói với chúng ta trong tình huống này” (Sorrentino). “Chúng ta thấy khuôn mặt của Thiên Chúa trong việc này, vì mọi việc đều phát xuất từ Thiên Chúa” (Hermansen). Điều này cho thấy một điểm tương phản với phần trình bày thứ ba, của giáo sĩ Do thái David Wolpe. Thần học của Wolpe là nền thần học ngẫu nhiên (randomness), hoặc như chúng tôi nói đùa lúc phỏng vấn, là nền thần học về sự ngẫu nhiên thánh thiện. Nhưng cho dù chúng ta không coi Thiên Chúa như tác giả của mọi sự, Người vẫn là một nhân tố trong cách chúng ta đối phó với các thách đố như COVID-19. Thiên Chúa là sức mạnh của chúng ta trong cuộc tranh đấu. Và cuộc tranh đấu của chúng ta là cuộc tranh đấu rút ra những điều tốt nhất từ các thử thách và khó khăn, bất kể chúng ta coi tác giả hay nguồn gốc của chúng như thế nào. Ở đây, Wolpe chia sẻ tâm tư của hai người đóng góp kia vốn nhìn thấy cơ may trong COVID-19. Cô tịch là việc tạm dừng lại hoặc chuẩn bị nhằm mời gọi chúng ta xem xét xem chúng ta sẽ khác biệt ra sao sau đại dịch. Thử thách là cơ hội để khám phá ra trong ta có những gì. Ngay nỗi sợ cũng nên được khám phá. Chúng ta sợ gì? Chúng ta cần biết chúng ta là ai và đây là một khoảnh khắc khám phá bản thân.



Một lợi ích quan trọng và là một khám phá về COVID-19 liên quan đến một chủ đề đã trở nên nổi bật trong các vấn đề thời sự kể từ đó - là phân biệt chủng tộc. Wolpe đề cập đến chủ đề nối kết qua lại (interconnectivity), một trong những chủ đề chính của “Coraspection”, qua việc thăm dò chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Chúng ta phải đi đến tận gốc rễ của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, và hiểu nó, để khám phá ra một hiểu biết sâu sắc hơn nhờ đó chúng ta có thể thắng vượt nó. Việc nghi ngờ các nhóm khác có tính biến hóa và sinh học. Các nhóm khác có virút và các bệnh tật.

Coronavirus diễn ra trong một thời đại trong đó, chúng ta không còn có thể hạn chế các hậu quả tác hại của virút vào một nhóm nữa. Như ông nói trong diễn trình phỏng vấn - “Một người nào đó cắn một con dơi ở Trung Quốc và thế là ở đây chúng ta nói chuyện với nhau trên Zoom”. Chúng ta được dẫn đến việc hiểu thế nào là việc chúng ta nối kết qua lại với nhau. Chúng ta đang ở một thời điểm trong đó, chúng ta có khả năng vượt quá giới hạn biến hóa của chúng ta bằng một việc nối vòng tay lớn tâm linh. Đây là một bài học / cơ hội / phước lành quan trọng của Corona từng được ghi nhận nhiều lần trong suốt dự án. Thực tế, nó đóng vai trò như một thông điệp trong đoạn phim giới thiệu cuốn video “Coraspection”, cho thấy tính trung tâm của nó. Nếu hai cuộc phỏng vấn đầu tiên đã trình bày ở trên tập chú vào các cơ hội để nội tâm hóa và thâm hậu hóa cái hiểu, thì giáo sĩ Wolpe đã thêm một chiều kích nữa, đó là cơ hội để toàn thể nhân loại vươn tới một mức độ biến hóa tâm linh cao hơn qua các nhìn nhận phát xuất từ các hoàn cảnh đặc thù của COVID-19.

Kết hợp ba tiếng nói trên đây với nhau cho chúng ta thấy một điều căn bản liên quan đến đời sống tôn giáo. Nó đặt cơ sở trên một động lực biến hóa tâm linh sâu sắc để tìm ta điều tốt trong mọi hoàn cảnh, để sử dụng chúng cho sự phát triển và thăng tiến tâm linh. Trong căn bản, nó được lên khuôn như một động lực biến hóa để phát triển bản thân và cộng đồng. Mọi tôn giáo đều đang trong diễn trình phát triển, liên

quan đến giáo huấn của họ hoặc liên quan đến việc họ được tiếp nhận, được hiểu và thực hành như thế nào bởi các thành viên của họ. Họ được lên đặc điểm nhờ một quan điểm tích cực và lạc quan ngay từ nền tảng. Quan điểm tích cực này đã thông tri cho cả ba đóng góp và những cách trong đó ba đóng góp này tìm ra các cơ hội phát triển và biến đổi cho cá nhân, cho cộng đồng, và cho nhân loại trong các gian khổ do COVID-19 mang lại.

## Tám Tháng Rồi, Người Sợ Người

**Tám tháng rồi,  
từ những ngày cuối cùng tháng 12 năm ngoái!  
Như một sát thủ máu lạnh,  
SARS-CoV-2 xuất hiện tại phố Vũ Hán!  
Đầu đội vương miện,  
Coronavirus chúng mới hạ gục chúng người.  
Trên tất cả, vi khuẩn SARS  
CoV-2 đã đổi thay thế giới!  
Năm 2019 và năm 2020,  
khác nhau, hoàn toàn khác!  
Người và người năm 2020 sống ngược lại cách  
vẫn thường sống năm 2019  
và những năm trước đó.  
Từ ngày Covid-19 phát tác,  
người sợ người, sợ nhau thật tình!  
Tình yêu trai gái tưởng là khó  
khăn nào cũng sẽ vượt qua. Thật vậy!  
Nhưng không – một chữ không  
thật tình to tướng – chỉ mới đây thôi,  
ngay cả trong tình yêu, người vẫn sợ người!  
Ai biết đâu hấn – thiếu gia  
– nhưng đã dính SARS-CoV-2!  
Cho nên ho như người ho lao!  
Thôi! Chào!  
Ai biết đâu cô gái tuổi 18 xinh  
đẹp như siêu mẫu dáng cao cao!  
Đôi môi đỏ tươi nhìn ngon như trái táo,  
Nhưng thân nhiệt hai tuần rồi liên tục đo cao,**

**cũng bởi vi khuẩn SARS-CoV-2!**

**Bởi người sợ người,**

**người không (được phép)**

**hoặc muốn đi ra ngoài,**

**người không (được phép) hoặc muốn đi học,**

**người không (được phép) hoặc muốn đi làm,**

**người không (được phép) hoặc muốn đi chợ,**

**người không (được phép**

**hoặc muốn đi ăn Phở ồng cà phê.**

**Cứ như người và người giờ này**

**đang sống ở thế giới Black Hole,**

**một nơi hiện tượng vật lý (có lẽ) hoàn**

**toàn ngược lại với đời sống vật lý ở Trái Đất.**

**Giờ này nếu (lỡ) gặp nhau ngoài phố,**

**Người khó nhận người, bởi ai cũng phải**

**eo khẩu trang màu xanh xanh nước biển!**

**Cứ y như trái đất giờ này hóa ra phòng mổ!**

**Giờ này nếu (lỡ) nhận được quả bom**

**tin: “Covid-19 đã ghé vào phố..., ”**

**những phố chung quanh gần xa,**

**hoặc thủ đô, hoặc thành phố lớn,**

**tự dưng vắng tanh như làng quê**

**hợp chợ phiên vào lúc chạng vạng tối.**

**Người và người rút hết!**

**Thôi! Ở yên trong nhà cho chắc ăn!**

**Cũng bởi sợ!**

**Giờ này người và người chỉ muốn dọn**  
**đẹp, ôm hành lý, quay về lại năm 2019,**  
**hoặc nháy thẳng tới năm 2021.**

**Trước khi ngồi lên yên xe đạp, đạp quay**  
**về lại phố nhỏ,**

**hoặc đạp thẳng tới tương lai**

**người và người giơ tay lên, bôi**

**bôi, xóa xóa 4 con số 2, 0, 2, 0.**

**Hai con số 20 ới, xin chào mi!**

**Nếu không có thuốc chủng ngừa,**

**(vaccine, một sự thật, khá phũ phàng!)**

**người và người sẽ tiếp tục trốn**

**trong nhà bởi sợ.**

**Trốn trong nhà, bởi tự nguyện**

**(giãn cách) hoặc bởi bị bắt buộc,**

**người và người lại có dịp nhớ**

**người và yêu người nhiều hơn!**

**Cũng là một cảm nghiệm mặc**

**dù một cảm nghiệm mỗi một!**

**Từ ngày SARS-CoV-2 ghé vào**

**phá nát đời sống thường nhật,**

**người và người đêm đêm vẫn**

**ngẩng mặt nhìn trời, và gọi.**

**Riêng người bắt nguồn**

**từ phố nhỏ Nazareth sẽ gọi,**

**“Xin Chúa thương xót chúng con!”**

**Vùng đất bắt nguồn từ Phú**

**Thọ thì khác, người ta gọi to,**

**“Bố ới! Về cứu!”**

**Hy vọng một ngày thật gần,**

**khi đó thuốc chủng đã xuất hiện, bởi Trời**

**cao nghiêng tai lắng nghe, và Bố đã quay về!**

**người và người rộn ràng bước ra đường,**

**gặp lại nhau, tay bắt mặt mừng.**

**Khi đó, người người cùng hát vang lời ca,**

**“Bài bình ca người thôi, không còn sợ người!”**

**Lm. Nguyễn Trung Tây**



# 12 Điều Mà Mọi Người Công Giáo Phải Trả Lời Được

Kính gửi đến quý độc giả bài sau đây để thêm chất liệu suy nghĩ về đời sống đức tin chúng ta.

**T**ự do ngôn luận là một điều cao quý. Tiếc rằng chúng ta phải trả một giá rất đắt cho nó: Khi dân chúng được quyền tự do muốn nói gì thì nói, họ đôi khi dùng sự tự do đó để nói những điều ngớ ngẩn. Và đó là 12 điều mà chúng tôi sẽ bàn ở đây.

Có một ít điều được nhắc đi nhắc lại, có những điều khác thì họa hiếm mới được nhắc đến, trong khi những người đề xướng những sai lầm này tự do quảng bá chúng, chúng ta là người Công Giáo có nhiệm vụ phải trả lời.

## 1. “Không có gì là chân lý tuyệt đối cả. điều đúng cho bạn chưa chắc đã đúng cho tôi.”

Người ta dùng lý luận này rất nhiều khi họ không đồng ý với một câu nói và không có cách nào khác để chống đỡ tư tưởng của mình. Vậy, nếu không có gì là đúng cho tất cả mọi người, thì họ muốn tin gì thì



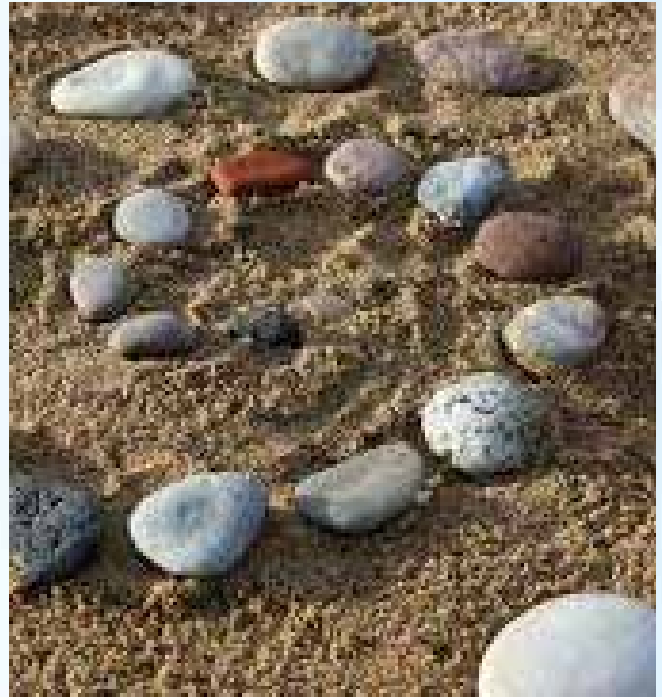
tin, và không thể nói gì để làm họ đổi ý cả. Nhưng hãy nhìn lại câu nói “Không có gì là chân lý tuyệt đối cả” một lần nữa. Có phải chính câu này đã khẳng định nó là điều tuyệt đối không? Nói cách khác, nó áp dụng ít qui luật hay tiêu chuẩn cho mọi người -- chính là điều mà những người theo tương đối nói là không thể được. Họ đã hóa giải lập luận của họ bằng cách đưa ra lập luận của họ. Một vấn đề khác với câu này là không có một người theo thuyết tương đối nào lại thật sự tin điều đó. Nếu có ai nói với bạn, “Không có chân lý tuyệt đối nào cả,” và bạn thụi vào bụng người đó, người đó có lẽ sẽ nổi nóng. Nhưng theo niềm tin của anh ta, anh ta phải nhận rằng đấm vào bụng ai có thể sai đối với anh, nhưng có thể đúng đối với bạn. Khi đó họ sẽ trở lại với một bổ túc cho câu nói nguyên thủy là: “Bao lâu bạn không làm đau người khác, bạn tự do muốn làm gì và tin gì tùy ý.” Nhưng đây chỉ là một sự phân biệt tùy ý (cũng như là câu nói tuyệt đối khác). Ai nói là tôi không được làm đau người khác? Cái gì là đau? Luật này từ đâu mà đến? Nếu câu này được đưa ra dựa theo quyền của cá nhân, thì không có nghĩa gì đối với người khác. “Đừng làm hại” chính nó là một thỉnh cầu đối với một cái gì cao trọng hơn - một loại phẩm giá chung của con người. Nhưng câu hỏi lại là phẩm giá từ đâu đến. Như bạn có thể thấy, càng đi sâu vào những câu hỏi này, thì bạn càng hiểu biết rằng quan niệm về lẽ phải và chân lý không phải tùy ý, nhưng dựa vào một vài chân lý cao quý và phổ quát ngoại tại -- một chân lý được viết trong chính bản tính của chúng ta. Chúng ta có thể không biết nó trọn vẹn, nhưng không thể chối rằng không có chân lý đó.

## 2. Kitô giáo không hơn gì các tín ngưỡng khác. Tất cả mọi tôn giáo đều dẫn đến Thiên Chúa."

Nếu bạn không nghe đến câu này vài chục lần, bạn không rút ra được bao nhiêu. Đáng buồn là những người nói lên điều này thương lại là Kitô hữu (ít ra trên danh nghĩa). Những trở ngại với quan điểm này thật không phức tạp gì cả. Kitô giáo đưa ra một chuỗi những lời xác nhận về Thiên Chúa và con người: Rằng chính Chúa Giêsu Nadareth là Thiên Chúa, và Người đã chết và sống lại -- tất cả để chúng ta được giải thoát khỏi tội lỗi. Mọi tôn giáo khác trên thế giới phủ nhận tất cả những điều này. Cho nên, nếu Kitô giáo là đúng, thì đạo này nói cho thế gian biết một chân lý sống còn -- một chân lý mà tất cả các tôn giáo khác phủ nhận. Chỉ điều này thôi đã làm cho Kitô giáo thành duy nhất. Nhưng nó không ngừng ở đó. Hãy nhớ lại lời Chúa Giêsu trong Tin Mừng Thánh Gioan. "Thầy là đường, sự thật, và sự sống; không ai có thể đến với Chúa Cha, mà không qua Thầy." Trong Kitô giáo, chúng ta có trọn sự mạc khải của Thiên Chúa cho nhân loại. Đúng là tất cả các tôn giáo chứa đựng một phần chân lý -- số lượng thay đổi tùy theo tôn giáo. Tuy nhiên, nếu chúng ta khao khát mong muốn theo và thờ phượng Thiên Chúa, chúng ta có nên làm theo cách Ngài chỉ dạy không? Nếu Chúa Giêsu quả thực là Thiên Chúa, thì chỉ Kitô giáo chứa đựng hoàn toàn chân lý này.

## 3. "Cựu Ước và Tân Ước trái ngược nhau ở nhiều chỗ. Nếu một Thiên Chúa toàn năng linh hứng Thánh Kinh, thì Ngài đã không để cho có sai lỗi."

Đây là một luận điệu thông thường, người ta có thể thấy khắp nơi trên Internet (nhất là những websites vô thần và tự do tư tưởng). Một bài trên website của Vô Thần ghi rằng "Điều lạ thường về Thánh Kinh không phải vì tác giả là Thiên Chúa; chính là những mâu thuẫn được bịa đặt vô nghĩa mà người ta có thể tin là được Thiên Chúa thượng trí viết ra." Những câu như thế thường được kèm theo một danh sách những câu "mâu thuẫn" trong Thánh



Kinh. Tuy nhiên, những điều cho là mâu thuẫn có ít sai lầm đơn giản. Thí dụ, người phê bình không đọc những sách khác nhau trong Thánh Kinh theo thể văn mà các sách đó được viết. Xét cho cùng, Thánh Kinh là một sưu tập nhiều loại văn tự... lịch sử, thần học, thơ phú, và Khải huyền, vv.... Nếu chúng ta đọc các sách này cùng một cách cứng nhắc như chúng ta đọc báo ngày nay, thì chúng ta sẽ bị bối rối kinh khủng. Và danh sách "các mâu thuẫn" trong Thánh Kinh minh xác điều này. Thí dụ lấy điều đầu tiên trong danh sách Vô Thần của Mỹ: "Hãy nhớ ngày Sabát, và giữ nó cách thánh thiện." Xuất Hành 20:8 So với Người thì cho rằng ngày này trọng hơn ngày khác; người khác lại cho rằng ngày nào cũng như nhau. Vậy mỗi người phải xác tín trong thâm tâm mình." Rom 14:5 Người vô thần la lên: Đó! rõ ràng là một mâu thuẫn. Nhưng phê bình gia quên không nhắc đến điều mà mọi Kitô hữu đều biết: Khi Đức Kitô thiết lập Giao Ước Mới, thì những đòi hỏi về nghi lễ của Giao Ước Cũ được làm trọn (và qua đi). Vì thế việc những luật lệ trong Cựu Ước về nghi lễ không còn được ứng dụng cho dân của Tân Ước là điều hoàn toàn hợp lý. Nếu nhà phê bình hiểu giáo lý đơn giản này của Kitô giáo, thì anh đã không mắc phải một lỗi sơ đẳng như thế. Điều kế tiếp trong danh sách của

Vô Thần Mỹ cũng có khuyết điểm tương tự: "...trái đất mãi mãi trường tồn." Giảng Viên 1:4 So với: "...các nguyên tố vật chất sẽ cháy tiêu tan, trái đất và các công trình trên đó sẽ bị thiêu huỷ." 2 Phr 3:10

Vậy Cựu Ước cho rằng trái đất sẽ tồn tại đến muôn đời, trong khi Tân Ước nói rằng nó rồi sẽ bị hủy diệt. Chúng ta dung hòa hai câu này thế nào? Thực ra rất dễ, lại theo sự hiểu biết về thể văn mà theo hai sách này được viết ra. Thí dụ Sách Giảng Viên so sánh cái nhìn thế tục và tôn giáo - và hầu hết sách này viết theo quan niệm thế tục. Đó là lý do tại sao chúng ta thấy những dòng như, "Bánh được làm cho vui, và rượu làm cho cuộc đời thêm tươi, và tiền bạc giải quyết được tất cả" (GV 10:19).

Tuy nhiên, ở cuối sách, tác giả đưa ra một khúc quanh, không cần tất cả "sự khôn ngoan" ông tặng và bảo chúng ta "Kính sợ Thiên Chúa, và tuân giữ giới răn Ngài; vì đó là tất cả nhiệm vụ của con người.." (12:13). Nếu một độc giả ngưng đọc trước khi đến cuối, thì người ấy sẽ bối rối như phê bình gia Vô Thần Mỹ. Tuy nhiên, vì quan điểm đó nảy ra khái niệm về một thế giới trường tồn bị gạt bỏ ở hàng cuối cùng của sách, hiển nhiên là không có mâu thuẫn với điều được mạc khải sau đó ở trong Tân Ước. (Và đây chỉ là một cách để trả lời tố cáo về sự khác biệt này)

Những "mâu thuẫn" khác giữ Cựu và Tân Ước có thể được trả lời cách tương tự. Hầu như với điểm nào, nhà phê bình cũng bị lầm lẫn về mạch văn, không để ý đến thể văn, và không để dành chỗ nào cho việc cắt nghĩa cách hợp lý. Không một Kitô hữu biết suy nghĩ nào phải bối rối về những danh sách này.

#### **4. "Tôi không cần đến Nhà Thờ. Bao lâu tôi là một người tốt, chỉ có điều đó mới đáng kể."**

Luận điệu này được dùng thường xuyên, và rất gian xảo. Khi một người nhận mình là "người tốt," người đó thật sự ám chỉ rằng họ "không phải là một người xấu." -- người xấu là người sát nhân, hiếp dâm, và trộm cắp. Phần đông người

ta không cần cố gắng mấy để tránh các tội này, và đó là tư tưởng: Chúng ta muốn làm một số việc tối thiểu để được thông qua. Điều đó không giống Đức Kitô lắm, phải không? Nhưng bỏ qua trạng thái tâm lý đó, có một lý do quan trọng để người Công Giáo đến Nhà Thờ hơn là chỉ để thực hành việc đi thêm một dặm nữa. Thánh Lễ là viên đá góc của đời sống đức tin của chúng ta vì một điều nằm ở trọng tâm của nó: Bí Tích Thánh Thể. Đó là nguồn mạch của tất cả đời sống cho người Công Giáo, là những người tin rằng bánh và rượu trở nên Mình và Máu thật của Đức Kitô. Chứ không phải chỉ là biểu tượng của Thiên Chúa, nhưng là Thiên Chúa hiện diện cách thể lý với chúng ta bằng một phương thế mà chúng ta chỉ có thể cảm nghiệm được bằng cầu nguyện. Chúa Giêsu phán, "Thật, Thật, Ta bảo các người, trừ khi các người ăn thịt Con Người và uống máu Người, các người không có sự sống trong các người; ai ăn thịt và uống máu Ta có sự sống đời đời, và Ta sẽ cho người ấy sống lại trong ngày sau hết" (Ga 6:53-54). Chúng ta tôn trọng lệnh của Chúa Giêsu và tin tưởng vào lời hứa của Người mỗi lần chúng ta đi dự Thánh Lễ. Hơn nữa, bí tích Thánh Thể, cùng với tất cả các bí tích khác, chỉ dành cho những người ở trong Hội Thánh. Là phần tử của Hội Thánh, nhiệm thể hữu hình của Đức Kitô trên thế gian, đời





sống chúng ta liên hệ mật thiết với đời sống của người khác trong Hội Thánh. Liên hệ cá nhân của chúng ta đối với Thiên Chúa thật quan trọng, nhưng chúng ta cũng có nhiệm vụ sống như những phần tử trung thành của nhiệm thể Đức Kitô. Là “người tốt” mà thôi chưa đủ.

### 5. “Bạn không cần phải xưng tội với một linh mục. Bạn có thể đến thẳng cùng Thiên Chúa.”

Như một cựu mục sư Baptist, tôi có thể hiểu việc chống xưng tội của người Tin Lành (họ hiểu về chức linh mục một cách khác). Nhưng một người Công Giáo mà nói một điều như thế... thì thật là thất vọng. Tôi nghi rằng bản tính loài người là thế, người ta thường không thích nói cho người khác biết tội mình, nên đưa ra lý do để biện minh tại sao không làm thế.. Bí Tích Giải Tội đã có với chúng ta từ đầu, từ chính Lời của Đức Kitô: “Chúa Giêsu lại bảo các ông, “Bình an cho các con! Như Chúa Cha đã sai Thầy, thì Thầy cũng sai các con.’ Nói rồi, Người thổi hơi vào các ông và bảo các ông, “Các con hãy nhận lấy Chúa Thánh Thần. Nếu các con tha tội cho ai, thì người ấy được tha; nếu các con cầm buộc ai, thì người ấy bị cầm buộc.” (Ga 20:21-23) Nên ghi nhận rằng Chúa Giêsu ban cho các tông đồ quyền tha tội.. Tất nhiên, họ không biết phải tha tội nào nếu họ không được nói cho biết là

tội nào chúng ta phạm.

Việc xưng tội cũng được chứng minh trong thư thánh Giacôbê: Có ai trong anh em đau ốm? Hãy mời các kỳ mục của Hội Thánh, và hãy để họ cầu nguyện trên người ấy, xúc dầu cho người ấy nhân danh Chúa; Và lời cầu nguyện do đức tin sẽ cứu người bệnh; và Chúa sẽ nâng người ấy dậy, và nếu người ấy đã phạm tội, thì sẽ được Chúa thứ tha. Anh em hãy xưng tội với nhau và cầu nguyện cho nhau để được chữa lành. Vì lời cầu xin tha thiết của người công chính có hiệu lực rất lớn lao. (Gia 5:14-16)

Điều đáng quan tâm là không có chỗ nào Thánh Giacôbê (hay Chúa Giêsu) bảo chúng ta là chỉ xưng tội với Thiên Chúa, nhưng các Ngài có vẻ nghĩ là ơn tha tội đến bằng cách xưng tội công khai. Và lý do thật dễ hiểu. Khi chúng ta phạm tội, chúng ta làm tổn thương không những mối liên hệ của chúng ta với Thiên Chúa, mà còn với Nhiệm Thể Người, là Hội Thánh (vì tất cả mọi người Công Giáo nối kết với nhau như con cùng một Cha). Cho nên khi chúng ta xin lỗi, chúng ta phải xin lỗi tất cả mọi nhóm liên hệ - Thiên Chúa và Hội Thánh. Hãy nghĩ về xưng tội cách này. Thử tưởng tượng rằng bạn vào một tiệm và ăn cắp vài món hàng. Sau đó, bạn áy náy và hối hận về hành động tội lỗi này. Giờ đây, bạn có thể cầu xin Thiên Chúa tha cho bạn vì đã phạm giới răn của Ngài. Nhưng còn một phần tử khác liên hệ; bạn phải trả lại món hàng và đền bù cho hành động của bạn. Đối với Hội Thánh cũng thế. Trong toà giải tội, linh mục đại diện cho Thiên Chúa và Hội Thánh, vì chúng ta có tội với cả hai. Và khi ngài công bố lời tha tội, thì sự tha thứ chúng ta lãnh nhận được trọn vẹn.

### 6. “Nếu Hội Thánh thật sự theo Chúa Giêsu, thì đã bán các nghệ thuật, tài sản, và các công trình kiến trúc lãng phí, mà cho người nghèo.”

Khi một người nghĩ đến Thành Vatican, họ liên tưởng ngay đến một vương quốc giàu sang, với nơi ở như cung điện cho Đức Giáo Hoàng và các hòm đầy vàng cất ở các xó nhà, chưa kể đến các sư tằm nghệ thuật và đồ cổ vô giá.

Nhìn đến Vatican cách này thì dễ thấy tại sao một số người trở thành bực tức vì những điều họ nghĩ là sự khoe khoang tài sản cách phô trương và phí phạm. Nhưng sự thật thì hoàn toàn khác. Các dinh thự chính gọi là “Điện Vatican“ không phải được xây làm chỗ ở xa hoa của Đức Giáo Hoàng. Thực ra, khu vực gia cư tương đối nhỏ. Phần lớn điện Vatican được dùng vào việc nghệ thuật, khoa học, điều hành công việc Hội Thánh, và điều hành chung của điện. Có một số đông nhân viên của Hội Thánh và hành chánh sống trong điện Vatican cùng ĐTC, làm cho nó thành trụ sở chính của Hội Thánh. Còn về những sưu tầm nghệ thuật, thực sự là sưu tập quý nhất trên thế giới, Vatican coi đó như một “kho tàng không thể thay thế được,” nhưng không phải về diện tài chánh. ĐTC không làm chủ những tác phẩm nghệ thuật này, và nếu ngài muốn, ngài cũng không được phép bán chúng; chúng chỉ được đặt dưới sự săn sóc của Tòa Thánh. Các tác phẩm này không đem nguồn lợi đến cho Hội Thánh, mà ngược lại, Tòa Thánh phải đầu tư một số tài nguyên không nhỏ để bảo tồn các sưu tầm này. Sự thật của vấn đề này là Tòa Thánh có một ngân sách khá eo hẹp. Nếu thế thì tại sao lại giữ những nghệ phẩm này? Vì tin vào một trong các sứ mệnh của Hội Thánh là một động lực truyền bá văn minh trong thế giới. Cũng như các thầy dòng thời trung cổ



cẩn thận chép lại các sách cổ để cung cấp cho các thế hệ tương lai -- nếu không thì những văn bản này không còn nữa -- Hội Thánh tiếp tục bảo trì nghệ thuật để chúng không bị mai một với thời gian. Trong nền văn hóa sự chết ngày nay khi mà từ “văn minh“ chỉ được dùng cách lỏng lẻo, sứ vụ truyền bá văn minh của Hội Thánh ngày nay còn quan trọng hơn bao giờ hết.

**7. “Chống đối thực sự là điều tích cực, vì tất cả chúng ta phải có đầu óc cởi mở đối với những tư tưởng mới.”**

Ngày nay có lẽ bạn đã nghe lập luận này nhiều rồi, nhất là trong vụ gương mù về lạm dụng tính dục trong Hội Thánh. Ai cũng muốn tìm giải pháp cho vấn đề, trong đó có người đưa ra những tư tưởng ngoài đức tin Công Giáo (như cho phụ nữ, hay mở cửa cho đồng tính luyến ái làm linh mục, v.v...). Nhiều người đổ tội cho Hội Thánh vì quá cứng rắn về đức tin và không muốn thử những điều mới. Sự thật là nhiều tư tưởng về cải cách được đề ra khắp nơi ngày nay không có gì là mới mẻ cả. Chúng đã được đề ra từ lâu, và Hội Thánh đã quan tâm đến chúng. Thực ra, Hội Thánh đã bỏ cả đời ra nghiên cứu cẩn thận các tư tưởng và quyết định rằng tư tưởng nào hợp với luật Thiên Chúa và tư tưởng nào không. Hội Thánh đã gạt ra hết lạc giáo này đến lạc giáo khác trong khi cẩn thận xây dựng giáo lý Đức Tin. Chúng ta không ngạc nhiên gì khi thấy có cả ngàn giáo hội Kitô khác ngày nay -- tất cả các giáo hội đó đều một thời có “những tư tưởng mới“ mà Hội Thánh cho là ngoài Kho Tàng Đức Tin. Hội Thánh có một nhiệm vụ quan trọng là bảo vệ sự ven toàn của Đức Tin. Hội Thánh không bao giờ loại bỏ ngay các tư tưởng như một số người chống đối kết án, nhưng đã có hai ngàn năm cầu nguyện và nghiên cứu đằng sau những gì phải tin và phải giữ gìn là chân thật.

Điều này không có nghĩa là chúng ta không bao giờ bất đồng ý kiến với nhau ở điểm gì. Luôn luôn có chỗ để thảo luận làm thế nào để đào sâu sự hiểu biết của chúng ta về chân lý -- thí dụ, làm sao để cải tiến các chủng viện



hay các tương quan giữa giáo sĩ và giáo dân-- tất cả đều trong phạm vi của những nguyên tắc Đức Tin.

**8. Nếu giải thích đúng, Thánh Kinh không lên án đồng tính luyến ái. Nhưng đúng hơn là chống lối sống bừa bãi - dù là đồng tính hay giữa nam nữ. Vì vậy, chúng ta không có lý do để chống liên hệ tình yêu đồng tính."**

Khi hành vi đồng tính luyến ái được chấp nhận rộng rãi hơn trong nền văn hóa của chúng ta, thì sẽ có nhiều áp lực hơn giữa các Kitô hữu để giải thích sự cấm đoán điều này cách tỏ tường trong Thánh Kinh. Hiện thời tiêu chuẩn của phe cấp tiến là cho rằng Thánh Kinh -- khi hiểu đúng -- không cấm những hành vi đồng tính. Nhưng luận điệu này hoàn toàn trái ngược với những câu rõ ràng trong cả Cựu Ước lẫn Tân Ước. Các câu đầu tiên dĩ nhiên là câu chuyện thời danh về Sôđôm và Gômôra. Nếu bạn nhớ lại chuyện hai thiên sứ được Thiên Chúa sai đến thăm ông Lót: "Nhưng khi các ngài đi nằm thì dân trong thành, tức là người Sôđôm, bao vây nhà, từ trẻ đến già, tất cả mọi người không trừ ai. Chúng gọi ông Lót và bảo: "Những người vào nhà ông đêm nay đâu rồi? Hãy đưa họ ra cho chúng tôi chơi." Ông Lót ra trước cửa gặp chúng, đóng cửa lại sau lưng," rồi nói: "Thưa anh em, tôi xin anh em đừng làm vậy. Đây tôi có hai đứa con gái chưa ăn ở với đàn ông, tôi sẽ đưa chúng ra cho anh em; anh em muốn làm gì chúng thì làm, nhưng còn hai người này, xin anh em đừng làm gì họ, vì họ đã vào trọ dưới mái nhà tôi." Chúng đáp: "Xê ra! Tên này là một kiểu dân đến đây trú ngụ mà lại đòi xét xử à! Chúng tao sẽ làm dữ với mày hơn là với những tên kia!" Họ xô mạnh ông Lót và xông vào để phá cửa. Nhưng hai người khách đưa tay kéo ông Lót vào nhà với mình, rồi đóng cửa lại.(STK 19:4-10). Thông điệp của đoạn này thật rõ ràng. Các người Sôđôm là người đồng tính luyến ái muốn liên hệ tính dục với những người thanh niên ở trong nhà. Ông Lót cho họ con gái ông, nhưng họ không thích. Ít giờ sau, Sôđôm bị Thiên Chúa thiêu hủy để đền tội



dân chúng phạm -- đó là các hành vi đồng tính luyến ái. Sự thật này được Tân Ước xác nhận:

Như Sôđôm, Gômôra và các thành lân cận cũng có cùng một thái độ như họ, buông tuồng trong việc tà dâm, và chạy theo những chuyện xác thịt trái tự nhiên, thì đã được dùng để làm gương, bằng cách chịu phạt trong lửa đời đời. (Giuda 7) Nhưng không phải chỉ có những đoạn này trong Thánh Kinh lên án hành vi đồng tính. Cựu Ước còn có một câu khác lên án cách rõ ràng: "Người không được nằm với đàn ông như nằm với đàn bà: đó là điều ghê tởm." (Levi 18:22). Và những câu này không chỉ được giữ trong Cựu Ước mà thôi.

"Vì lý do đó mà Thiên Chúa đã để mặc họ theo dục tình đồi bại. Phụ nữ của họ đã đổi những liên hệ tự nhiên lấy những liên hệ trái tự nhiên. Đàn ông cũng thế, bỏ liên hệ tự nhiên với phụ nữ để nôn nao thềm muốn lẫn nhau. Đàn ông làm việc tồi bại với đàn ông, và như thế chuốc vào thân hình phạt xứng với sự suy đồi của họ. (Rom 1:26-27) Thật khó vô cùng cho những Kitô hữu cấp tiến giải thích câu này cách ngược lại. Ở đây không chỉ nói đến việc dâm loạn hay hiếp dâm của người đồng tính; nhưng Thánh Phaolô chống lại bất cứ liên quan đồng tính nào (mà ngài diễn tả là "trái tự nhiên," "tồi bại" và "đồi bại"). Các Kitô hữu cấp tiến bị trói tay. Sau cùng, một người làm thế

nào mà dung hòa đồng tính luyện ái với Thánh Kinh? Xem ra giải pháp của họ là lấy đi quyền về luân lý của Thánh Kinh, và giải thích vòng vo để tránh thông điệp thật rõ ràng này.

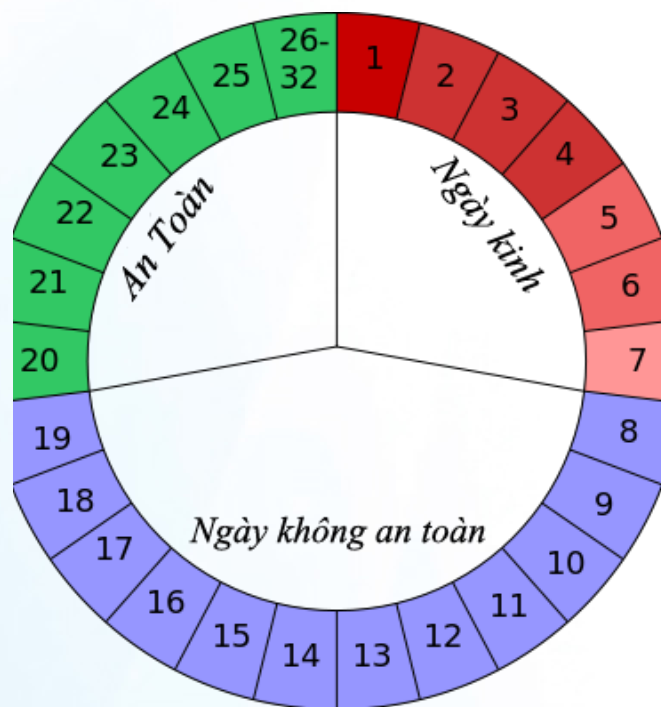
**9. “Người Công Giáo nên theo lương tâm trong mọi sự... dù là phá thai, ngừa thai, hay phong chức thánh cho phụ nữ.”**

Đúng --Sách Giáo Lý nói rất thẳng, “Con người có quyền hành động theo lương tâm và sự tự do để tự mình quyết định về luân lý. “Không được cưỡng bách ai hành động trái với lương tâm của họ. Cũng không được ngăn cản họ hành động theo lương tâm, đặc biệt là trong những vấn đề tôn giáo - (1782). Giáo huấn này là trọng tâm của điều gọi là có ý chí tự do. Nhưng điều đó không có nghĩa là lương tâm chúng ta không phải chịu trách nhiệm hay có thể gạt luật của Thiên Chúa ra ngoài. Đây là điều mà Giáo Lý gọi là có “một lương tâm được huấn luyện chu đáo. Sách Giáo Lý trao cho lương tâm con người một trách nhiệm nặng nề: “Lương tâm luân lý, hiện diện trong lòng người, ra lệnh vào lúc thích hợp cho con người làm lành lánh dữ.... Lương tâm chúng nhận quyền bính của chân lý bằng cách chiếu theo Sự Thiện Hảo tối thượng (Thiên Chúa), là Đấng mà con người được thu hút và đón nhận mệnh lệnh. Khi nghe theo tiếng lương tâm, người khôn ngoan có thể nghe tiếng Thiên Chúa đang nói“ (1777). Nói cách khác, lương tâm chúng ta không phải chỉ là “cái gì chúng ta cảm thấy đúng“; mà là những gì chúng ta phán quyết là đúng dựa theo những điều chúng ta biết là giáo huấn của Thiên Chúa và Hội Thánh. Và để phán đoán, chúng ta có nhiệm vụ học hỏi và cầu nguyện rất cẩn thận về những giáo huấn này. Sách Giáo Lý có trọn một phần dành riêng cho việc huấn luyện lương tâm cách kỹ lưỡng -- và nó quan trọng thế nào trong việc quyếtb định đúng. Và sau cùng, dù đúng hay sai, chúng ta vẫn chịu trách nhiệm về việc chúng ta làm: “Lương tâm giúp chúng ta gánh nhận trách nhiệm đối với việc chúng ta làm“ (1781). Khi được đào luyện đúng, nó giúp chúng ta thấy khi

nào chúng ta làm sai và cần được tha thứ tội lỗi chúng ta. Bằng cách cố gắng để có một lương tâm được đào luyện hoàn toàn, chúng ta thật sự cảm nghiệm được sự tự do lớn lao, vì chúng ta được lôi cuốn lại gần chân lý vô cùng của Thiên Chúa. Nó không phải là một gánh nặng hay là một cái gì ngăn cản chúng ta làm điều chúng ta thích; nhưng là một sự hướng dẫn giúp chúng ta làm những gì là đúng. “Việc giáo dục lương tâm đảm bảo sự tự do và đem lại bình an trong tâm hồn“ (1784).

**10. Phương Pháp Tự Nhiên chỉ là một cách ngừa thai của Công Giáo.”**

Phương Pháp Tự Nhiên (PPTN) có kẻ thù mọi mặt. Có người tin rằng đó là một cách ngừa thai khác thiếu thực tế (mà cách nào họ cũng không cho là có tội) trong khi người khác lại cho rằng nó cũng xấu chẳng khác gì ngừa thai.. PPTN phải đi giữa ranh giới của hai cực đoan. Trước nhất, vấn đề chính của việc ngừa thai là nó ngược lại với bản chất của cơ thể chúng ta -- và cách chung sự tự nhiên. Mục đích của nó là tách rời hành động (tính dục) ra khỏi hậu quả (có thai), chính là hạ sự thánh thiện của tính dục xuống thành sự theo đuổi lạc thú thuần túy. PPTN, khi dùng vì lý do chính đáng, thì còn hơn là một dụng cụ được dùng để xem đôi hôn nhân có phương tiện (dù là tài chánh, thể lý, hay tâm





lý) để đón nhận một đứa trẻ vào cuộc đời của họ. Nó liên quan đến việc hiểu biết chính thân thể của mình, cẩn thận lưu tâm đến hoàn cảnh của bạn trong cuộc đời, thảo luận vấn đề với bạn đời, và trên hết là cầu nguyện. Thay vì thoát ly thực trạng đầy đủ của tính dục, bạn tham gia vào đó với một sự hiểu biết hơn về mọi khía cạnh liên quan. Những người ủng hộ việc hạn chế sinh sản chỉ vào những người không thể cố gắng có thêm con, hay sức khỏe có thể bị nguy hiểm vì mang thai thêm. Nhưng đó là những lý do hoàn toàn chính đáng để dùng PPTN -- những hoàn cảnh mà phương pháp này hoàn toàn hiệu quả -- và Hội Thánh cho phép dùng nó. Những người khác nghĩ rằng dùng bất cứ phương thức nào để giới hạn số con trong gia đình là đóng vai Thiên Chúa, hơn là để Ngài cung cấp cho chúng ta như Ngài thấy cần. Đúng là chúng ta phải tin tưởng vào Thiên Chúa và luôn chấp nhận sự sống Ngài ban cho chúng ta, nhưng chúng ta không phải hoàn toàn buông xuôi về phương diện này. Thí dụ, thay vì phung phí tiền bạc lung tung và nói rằng “Thiên Chúa sẽ cung cấp,” các gia đình cẩn thận dự trù ngân sách tài chánh và cố gắng không tiêu xài quá khả năng của mình. PPTN cũng giống như ngân sách đó, giúp chúng ta suy nghĩ đến hoàn cảnh của chúng ta trong cuộc đời và hành động theo đó trong tinh thần cầu nguyện.

Biết mình và dùng trí khôn cùng ý chí tự do, thay vì thụ động mong chờ Thiên Chúa lo liệu mọi sự, là một phần của bản tính con người. Chúng ta được mời gọi để trở nên những người quản lý tốt các hồng ân Chúa ban; chúng ta phải cẩn thận đừng coi thường các ân huệ này.

### 11. “Người ta có thể vừa ủng hộ phá thai (tự do chọn lựa) vừa đồng thời là Công Giáo.”

Trong khi đây là một huyền thoại thông thường nhất mà người Công Giáo hiểu về đức tin của họ, nó cũng là một điều dễ đánh tan nhất. Sách Giáo lý không chỉ một chữ nào khi nói về phá thai: nó được liệt kê cùng với tội giết người trong các tội phạm đến điều răn thứ năm, “Chớ giết người.” Những đoạn sau nói rõ: “Sự sống con người phải được tôn trọng và bảo vệ cách tuyệt đối từ giây phút thụ thai” (2270). “Ngay từ thể kỷ thứ nhất Hội Thánh đã xác nhận sự dữ về luân lý của mọi cuộc phá thai cố tình. Giáo huấn này không thay đổi và sẽ không bao giờ thay đổi” (2271). “Hợp tác chính thức vào việc phá thai là tội trọng. Hội Thánh gán hình phạt phạt tuyệt thông cho các tội phạm đến sự sống con người” (2272). Có thể nói rõ ràng hơn thế nữa. Tuy nhiên, có những người sẽ lý luận rằng là người “tự do chọn lựa” không có nghĩa là ủng hộ phá thai; nhiều người cho rằng phá thai là sai, nhưng không muốn áp đặt tư tưởng của mình trên người khác. Đó là lại là luận “điều đúng cho bạn có thể không đúng cho tôi” mà thôi. Hội Thánh cũng có câu trả lời cho lập luận này: “Những quyền bất khả xâm phạm của con người phải được xã hội dân sự và chính quyền nhìn nhận và tôn trọng. Những quyền này không lệ thuộc vào các cá nhân, hay cha mẹ, cũng không phải là một nhân nhượng của xã hội và của quốc gia, nhưng thuộc về bản tính con người và gắn liền với con người do chính hành động sáng tạo của Thiên Chúa mà từ đó sinh ra con người” (2273).. Tính linh thiêng của sự sống là một chân lý phổ quát không thể coi thường được. Khuyến ai phá thai, hay ngay cả bỏ phiếu cho các chính trị gia cổ võ việc phá thai, là một tội trọng, vì

nó đưa người khác đến tội trọng - là điều mà Sách Giáo Lý gọi là làm gương mù (2284). Hội Thánh mạnh dạn và dứt khoát chống phá thai, và chúng ta là người Công Giáo cũng phải khẳng định lập trường của chúng ta như thế.

## 12. “Việc người ta nhớ lại cuộc sống ở kiếp trước chúng tỏ rằng luân hồi là đúng... và quan điểm của Kitô Giáo về Thiên đàng, Hỏa Ngục là sai.”

Khi xã hội trở nên mê hoặc nhiều hơn với những hiện tượng siêu hình, chúng ta có thể chắc sẽ thấy thêm những vụ nhận rằng “nhớ lại kiếp trước“. Quả thật, bây giờ có những tổ chức giúp bạn trở lại các kiếp trước của bạn bằng cách dùng thôi miên. Trong khi điều này có thể thuyết phục một số người, chắc chắn rằng không thuyết phục được những người quen thuộc với thôi miên. Hầu như ngay từ đầu, các nhà khảo cứu đã ghi nhận rằng các bệnh nhân ngủ mê trong lúc bị thôi miên thường thêu dệt những câu chuyện kỳ ức phức tạp, mà sau đó được tỏ ra là không có thật. Những nhà chữa trị danh tiếng đã biết rõ hiện tượng này, và cẩn thận cân nhắc những gì bệnh nhân nói khi bị thôi miên. Đáng buồn là đây không phải là trường hợp đối với những người muốn tìm “bằng chứng“ của luân hồi. Có lẽ thí dụ điển hình nhất của sự bất cẩn này là trường hợp nổi tiếng của Bridey Murphy. Nếu bạn không biết chuyện đó, thì đây là một tóm lược: Năm 1952, một bà nội trợ ở Colorado tên là Virginia Tighe được thôi miên. Bà bắt đầu nói giọng Ái Nhĩ Lan và cho rằng có thời bà là một phụ nữ tên là Bridey Murphy sống ở Cork, Ái Nhĩ Lan. Câu chuyện của bà ta được viết thành cuốn sách bán chạy nhất, “Cuộc tìm kiếm Bridey Murphy,“ và được nhiều chú ý. Các ký giả lục soát khắp Ái Nhĩ Lan để tìm người nào, hay chi tiết nào có thể xác nhận việc trở lại kiếp trước này. Trong khi không tìm được gì, trường hợp của Bridey Murphy tiếp tục được dùng để chống đỡ các lý luận về luân hồi. Đây là một điều bẽ bàng, vì Virginia Tighe bị phanh phui là giả trá vài chục năm qua. Thử nghĩ xem, các bạn bè của Virginia nhớ lại trí tưởng tượng linh động của bà, và khả

năng bày đặt những câu chuyện phức tạp (thường xoay quanh tài nhái giọng mà bà ta đã đạt đến mức hoàn bị). Không những chỉ có thế, mà bà còn rất thích Ái Nhĩ Lan, một phần vì tình bạn với một phụ nữ người Ái mà tên họ là -- bạn oán xem -- Bridie. Hơn nữa, Virgiania thêm vào câu chuyện trong lúc bị thôi miên nhiều điều khác nhau từ chính đời sống của bà (mà không cho nhà thôi miên biết sự song đôi này). Thí dụ, Bridey diễn tả về “Bác Plazz,“ mà các nhà nghiên cứu cho là cách nói sai của người Gaelic “Bác Blaise.“ Tuy thế họ bị cụt hứng khi khám phá ra rằng Virginia có một người bạn khi còn nhỏ mà bà gọi là “Bác Plazz.“ Các nhà nghiên cứu ngạc nhiên khi Virginia nhảy điệu jig của Ái Nhĩ Lan trong một lần bị thôi miên.. Làm sao mà một bà nội trợ ở Colorado lại học được cách nhảy jig? Điều huyền bí này được giải quyết khi người ta biết rằng Virginia đã học điệu nhảy này khi còn bé. Như trường hợp Bridey Murphy cho thấy, những việc nhận là trở lại tiền kiếp luôn gợi cảm hơn thức tế. Cho đến ngày nay, chưa có một trường hợp nào chứng minh được là có một người nhớ lại được kiếp trước. Chắc chắn là còn nhiều câu chuyện đã được kể lại dưới sự kiểm soát của một nhà thôi miên, tuy nhiên, bằng chứng của luân hồi (giống như Nàng Tiên Răng) vẫn tiếp tục tránh né chúng ta.

**Tác giả: DEAL HUDSON**

*GLV Phaolô Phạm Xuân Khôi chuyển ngữ*



# Bốn cái bẫy mà ma quỷ thường bày ra cho chúng ta khi cầu nguyện

**N**hững trò gạt gẫm của ma quỷ rất phổ biến: khi cầu nguyện, tất cả mọi người, cách nào đó luôn gặp phải điều này. Dưới đây là một số lời khuyên hữu ích để tránh những cái bẫy của ma quỷ khi cầu nguyện trong bình an.

Tên cám dỗ làm mọi thứ để ngăn cản con người cầu nguyện. Vì vậy, thật khó để chúng ta không rơi vào cám dỗ. Chúng ta hãy mở to đôi mắt để cố gắng nhận ra những lời dối trá, để mình không bị ma quỷ lừa bịp.

## Bẫy số 1 : “cầu nguyện thật vô ích”

Nếu dựa vào những tiêu chuẩn thông thường của chúng ta về tính hiệu quả của cầu nguyện, thì thực sự cầu nguyện không giúp được gì cả. Theo quan điểm của con người, cầu nguyện là lãng phí thời gian. Đây là câu hỏi lớn mà các tu sĩ nam nữ nêu ra cho thế giới xung quanh họ: đời sống cầu nguyện giúp được gì cho những người này? Dưới cặp mắt của nhiều người thì cuộc sống của họ xem ra quá lãng phí.

Chúng ta thường mắc cùng một sai lầm này khi từ bỏ việc cầu nguyện với lý do chúng ta có quá nhiều việc phải làm. Bởi vì chúng ta đặt mình vào cái luận lý về hiệu suất, thay vì theo luận lý của tình yêu. Trái lại, nếu biết suy nghĩ một chút, chúng ta sẽ thấy trong cuộc sống dường như những thứ xem ra vô dụng nhất thực ra là những thứ quý giá nhất; chẳng hạn như cưng chiều một đứa trẻ, hôn vợ hoặc chồng, chiêm ngắm một phong cảnh đẹp. Cầu nguyện có vẻ vô ích, nhưng thực ra đó là điều tuyệt đối không thể thiếu.

## Bẫy số 2: “Bạn không biết cầu nguyện”

Kẻ thù tăng thêm nhiều lý lẽ để cho chúng ta thấy rằng cầu nguyện quá khó đối với chúng ta, rằng chúng ta cần được đào tạo trước khi bắt đầu cầu nguyện... Ngay cả trong trường hợp này,



quả thực, chúng ta không biết cầu nguyện. Lời cầu nguyện của chúng ta đầy lơ đãng, đây những tìm kiếm lợi lộc cho riêng mình, đây những bất trung và hàng nghìn những cái bất toàn khác. Rồi sao? Có người cha nào khi bỗng đứa trẻ sơ sinh trên tay, đứa bé bắt đầu bập bẹ và tươi cười, đặt nó ngay ngắn lại rồi ông nói với nó : “Khi nào con biết nói thì hãy nói chuyện với cha?”. Tất nhiên là không! Trái lại, ông sẽ cảm động và ngạc nhiên trước những lời nói bập bẹ đầu tiên này. Điều đó thật giá trị đối với những bậc cha mẹ trên trần gian, thậm chí còn giá trị hơn trước mặt Thiên Chúa của chúng ta.

## Bẫy số 3: “Bạn sẽ cầu nguyện khi có thời gian”

Nếu chúng ta đợi đến khi có thời giờ để cầu nguyện, chắc chắn một điều chúng ta sẽ không bao giờ cầu nguyện, bởi vì chúng ta sẽ có muôn nghìn việc rất khẩn thiết để làm. Nếu hôm nay chúng ta có ý cầu nguyện, nhưng không biết thiết đặt thời gian cụ thể, nguy cơ chúng ta sẽ đi ngủ vào buổi tối mà không tìm thấy dù chỉ một phút để tự mình xấp xếp.

Người cầu nguyện thường xuyên không nhất thiết là người có nhiều thời giờ rảnh rỗi, mà là người quyết định dành thời giờ cho việc cầu

nguyện. Đó là một chọn lựa. Vậy ưu tiên của chúng ta là gì? Chúng ta muốn đặt việc cầu nguyện làm trung tâm của đời sống không hay chúng ta coi đó như là điều xa xỉ, không bắt buộc? Nếu đó là điều cần thiết thì nó phải được xếp vào hàng đầu tiên trong lịch trình hằng ngày của chúng ta.

### **Bấy số 4: “Công việc của tôi đã là cầu nguyện”**

Ma quỷ thì thâm vào tai chúng ta: “Nếu bạn làm việc hết lòng, dâng công việc của bạn cho Chúa, vì vậy bạn sẽ được miễn cầu nguyện”. Thực may mắn cầu nguyện không phải là cách duy nhất để đặt mình trước sự hiện diện của Thiên Chúa, để được ở gần và phục vụ Chúa.

## **Sống linh đạo truyền thông**

**L**àm sao để tâm hồn mình đừng bị nhiễm độc bởi bao nhiêu điều xấu xa trên mạng, trên truyền thông? Làm cách nào để mình nên thánh hơn khi sử dụng phương tiện truyền thông theo gương Chúa Giêsu và các Thánh, đặc biệt là Đáng Đáng Kính trẻ tuổi Carlo Acutis, một lập trình viên sắp được phong chân phước?

Video ‘Sống Linh Đạo Truyền Thông’ dài 13 phút trên đây muốn trình bày cách thức giúp cho bản thân trở nên thánh thiện hơn khi sử dụng các phương tiện truyền thông, đồng thời cũng giúp cho các tín hữu trở nên những vị tông đồ truyền thông, những “người đưa tin của Chúa Giêsu”, tránh cho mình và người khác khỏi rơi vào tình trạng hư hỏng và suy đồi vì những bóng tối khủng khiếp trên truyền thông.

Lời của 12 tiểu khúc trong video này đều được trích nguyên văn hoặc lấy ý tưởng từ các văn kiện truyền thông của Giáo Hội hay từ Thánh Kinh. Đây là tổng hợp 12 đoạn video nhằm giúp người xem sống linh đạo Truyền Thông.

Linh đạo truyền thông là con đường nên thánh nhờ biết sử dụng các phương tiện truyền thông theo đúng ý Chúa muốn.

3 đoạn video đầu tiên giúp người xem sống

Nếu không chúng ta sẽ chỉ dành một phần nhỏ trong ngày của chúng ta cho Chúa. Tuy nhiên, nếu chúng ta không cầu nguyện thật lòng, không biết dừng lại trong ngày, chúng ta sẽ khó mà cầu nguyện trong mọi lúc. Chúng ta có thể thành công cầu nguyện trong khi làm việc, nếu từng ngày chúng ta biết học cách cầu nguyện ngay cả khi không làm gì cả.

*Edifa/Aleteia*

**G. Võ Tá Hoàng chuyển ngữ**

*(gpquinhon.org 19.07.2020)*

<http://conggiao.info/bon-cai-bay-ma-ma-quy-thuong-bay-ra-cho-chung-ta-khi-cau-nguyen-d-55572>

linh đạo truyền thông trong một ngày, từ sáng thức dậy cho đến tối trước khi đi ngủ.

5 đoạn video kế tiếp nói đến những tâm tình cầu nguyện cần có khi: sử dụng máy vi tính, truyền bá Tin Mừng trên mạng xã hội, hợp tác bên nhau để làm truyền thông cho cộng đoàn của mình và nâng cao khả năng truyền thông.

2 đoạn video tiếp theo nói đến bản thân của người làm tông đồ truyền thông: họ cần sống xứng đáng là người đưa tin của Chúa Giêsu và là mùa Xuân cho cuộc đời.

2 đoạn video cuối cùng là lời kinh chính thức



của người tông đồ truyền thông và lời hứa dẫn thân làm chứng nhân cho Thiên Chúa tới hơi thở cuối cùng.

## **CHÚ THÍCH CHI TIẾT TRONG TỪNG ĐOẠN VIDEO**

Đôi tai và đôi môi là 2 phương tiện truyền thông được thánh hóa ngay từ sáng sớm: “Cứ sáng sớm... tai con nghe được Lời Chúa” và “đôi môi này ngọt hương thánh ân, nhờ Ngài thương rèn luyện mà con biết khích lệ và nâng đỡ kẻ nhọc nhằn”, nhờ đó tâm hồn sẽ tràn trề niềm vui mà “thường thức tình Ngài đẹp trong một ngày mới” và cùng Ngài “gieo tình thương khắp nơi”.

Đôi tay - là phương tiện truyền thông tiếp theo - được chấp lại ngay từ sáng sớm mà kết hiệp với Chúa và tha nhân; để “ở với Chúa”, “có cùng một nhịp tim với Chúa” mà “quan tâm lo cho nhau”.

Trái tim và linh hồn đặc biệt thể hiện khả năng thông truyền tình thương của Chúa trong cả ngày sống. “Tim đẹp thắm thêm hoài, hồn hằng mới thêm hoài” vì từng ngày, Chúa vẫn tiếp tục thực hiện công cuộc sáng tạo của Ngài trên bản thân của con: “Con là con Cha, hôm nay đây, Cha sinh ra con, và luôn hằng cứu mang con, sinh ra con. Hồn luôn thêm mới, thêm đẹp trong Cha.”

Trong ngày sống, khi sử dụng máy vi tính hoặc điện thoại di động - là phương tiện truyền thông thường dùng, ta dang đôi tay lướt trên bàn phím như đôi cánh, mang trái tim bay lên, đưa “dung nhan và nụ cười của Ngài” vào trong thế giới ảo, làm cho thế giới truyền thông được ấm sáng lên trong tình yêu nồng thắm của Chúa.

Mạng xã hội được sử dụng cách đặc biệt trước khi đi ngủ, để đưa vào đó đều đặn mỗi tối ít là một câu Lời Chúa - là “ánh sáng soi dẫn cuộc đời”, vì cảm nhận rằng: trong đêm tối, có “bao anh em đang trên mạng thao thức”.

Người tông đồ truyền thông ý thức sâu sắc rằng: mình không thể làm truyền thông một mình được, nên “hôm nay ta đưa nhau về, cho yêu thương chấp cánh qua muôn trời xa... cùng bạn bè, cùng Giêsu, vào hòa nhịp truyền thông cho niềm hạnh phúc dâng ngút ngàn.”

Các tín hữu luôn cần hợp tác với nhau để làm



truyền thông cho cộng đoàn (giáo xứ, dòng tu, giáo phận...) với tâm tình khiêm tốn hòa hợp với nhau: “Chỉ mong con chẳng còn là chi, Chúa sẽ nên tất cả của con. Mong sao cho ý riêng chẳng còn, để con luôn truyền thông trong Chúa.”

Khi làm tông đồ truyền thông, nhất là khi muốn nâng cao khả năng để nỗ lực tham gia các khóa học và các câu lạc bộ truyền thông chuyên biệt, các tín hữu sẽ gặp rất nhiều khó khăn, nhưng “Đừng lo sợ nữa, Ta luôn ở với con.” Hãy nâng cao khả năng và mở rộng môi trường để có thể “truyền thông chan chứa những hy vọng, truyền thông niềm hân hoan qua muôn gian nan, gieo tin tưởng cho dương gian bình an.”

Khi mang lấy những tâm tình trên đây trong từng ngày sống và trong từng hoạt động truyền thông, ta sẽ trở thành “người đưa tin của Chúa Giêsu”, không bao giờ “dựa trên gian dối hận thù mà đưa tin giật gân”, nhưng “quảng bá niềm tin và sự thật” để góp phần xây dựng “hiệp thông và hòa bình” vì luôn miệt mài tìm kiếm sự thật đích thực là Chúa Giêsu.

“Người đưa tin của Chúa Giêsu” sẽ như mùa Xuân - làm cho chim ca bướm lượn, cho cuộc đời hân hoan với muôn hoa thơm, trái ngọt của truyền thông.

“Nguyện cùng Giêsu, trong Ôn Thánh Linh, con truyền thông.... Lời Ngài con luôn say mê gẫm suy suốt ngày đêm. Bí tích Thánh Thể, đỉnh cao, con đón nhận, là sức sống, nguồn ơn thiêng truyền thông...”: đoạn video “Tâm Ca Truyền Thông” này là lời cầu nguyện chính thức của Truyền Thông, được các tông đồ truyền thông

dâng lên Chúa mỗi ngày.

“Con xin hứa dấn thân...”: đoạn video “Tâm Ca Truyền Thông” này nói lên tâm nguyện muốn làm chứng nhân cho Thiên Chúa tới hơi thở cuối cùng, và hăng say thông truyền Tin Mừng trong từng ngày sống của mình

## LỜI CỦA VIDEO ‘SỐNG LINH ĐẠO TRUYỀN THÔNG’

Cứ mỗi sáng khi Ngài đánh thức con là tai con nghe được Lời Chúa. Đôi môi này ngọt hương thánh ân nhờ Ngài thương rèn luyện, mà con biết khích lệ và nâng đỡ kẻ nhọc nhằn.

Ồi vui thay khi Ngài gọi con dậy thường thức tình Ngài đẹp trong một ngày mới. Chúa gọi con dậy cùng gieo tình thương khắp nơi.

Chúa dựng nên con cho con được ở với Chúa, nên ngay sáng sớm, chấp đôi tay để khẩn xin, xin Ngài thương cho con ở với Ngài, cho tim con luôn có cùng nhịp tim với Chúa.

Con chấp tay cũng để trái tim lắng nghe bao nỗi niềm nhức nhối đau thương, mù lòa không phương hướng, chờ tìm được ánh sáng thiên đường.

Quan tâm lo cho nhau vì là chi thể của nhau. Sống trong sự thật mà hiệp thông yêu thương.

Con là con Cha, hôm nay, hôm nay đây, Cha sinh ra con, và luôn hằng cứu mang con, sinh ra con. Hồn luôn thêm mới, thêm đẹp trong Cha.

Tim đẹp thắm thêm hoài, hồn hằng mới thêm hoài, vì hằng ở cùng Giêsu và chìm trong Ngôi Ba. Hồn con được Cha yêu thương, quên đi bao bê tha. Tội lỗi con, Cha tha, cho con sống hạnh



phúc trong Cha.

Con là con Cha, hôm nay, hôm nay đây, Cha sinh ra con, và luôn hằng cứu mang con, sinh ra con. Hồn luôn thêm mới, thêm đẹp trong Cha.

Gõ trên bàn phím này, trước màn hình là đôi tay con đây, mong dâng Chúa với trọn tình yêu. Bàn phím, xin như đôi cánh mang tim con, bay lên bay lên đưa dung nhan Ngài vào thế giới ảo, nơi mong sáng lên tình yêu của Ngài.

Cho nụ cười Ngài - ấm áp trên màn hình, tình Ngài - nồng thắm trên truyền thông - sẽ thành nguồn bình an cho ai đang hoang mang, cho những người miệt mài trước màn hình vi tính hằng gieo tin yêu hy vọng.

Gõ trên bàn phím này, trước màn hình là đôi tay con đây, mong dâng Chúa với trọn tình yêu. Bàn phím, xin như đôi cánh mang tim con, bay lên bay lên đưa dung nhan Ngài vào thế giới ảo, nơi mong sáng lên tình yêu của Ngài.

Ánh sáng soi dẫn cuộc đời là Lời của Ngài - mà con vẫn suy gẫm đêm đêm, để cứ đêm xuống con đưa vào mạng xã hội: Lời Ngài - dù một câu cũng vừa.

Vừa lòng con yêu Chúa, vừa lòng Chúa thương con, vừa lòng đây: bao anh em đang trên mạng thao thức.

Ánh sáng soi dẫn cuộc đời là Lời của Ngài mà con vẫn suy gẫm đêm đêm, để cứ đêm xuống con đưa vào mạng xã hội: Lời Ngài - dù một câu cũng vừa.

Hôm nay ta đưa nhau về, cho yêu thương chấp cánh qua muôn trời xa. Truyền thông nối muôn biển rộng, hôm nay nối ta cùng người, cùng bạn bè, cùng Giêsu, vào hòa nhịp truyền thông cho niềm hạnh phúc dâng ngập tràn.

Này niềm vui hôm nay trao nhau bát ngát như mây trời, mệnh mang tha thiết, những trái tim truyền thông chìm vào trong Ba Ngôi, đưa nhau lên đỉnh cao nhiệm hiệp: lễ hội triền miên đã mở ra hôm nay!

Chỉ mong con chẳng còn là chi, Chúa sẽ nên tất cả của con. Mong sao cho ý riêng chẳng còn, để con luôn truyền thông trong Chúa.

Đừng lo sợ nữa, Ta luôn ở với con. Hãy truyền thông chan chứa những hy vọng, truyền thông niềm hân hoan qua muôn gian nan, gieo tin tưởng cho dương gian bình an.





Con là người đưa tin của Chúa Giêsu, mong mang ánh sáng đến cho trần gian nhiều bóng tối âm u. Con không dựa trên gian dối hận thù mà đưa tin giật gân, nhưng quảng bá niềm tin và sự thật mà mở đường đưa đến hiệp thông và hòa bình.

Tin con đưa luôn là sự thật, mà Ngài là sự thật, ôi Giêsu của con ơi, nên con luôn đi tìm Ngài và thực thi ý Chúa.

Truyền thông - như nắng hồng của mùa Xuân cho chim ca bướm lượn trên ngàn hoa - là truyền thông trong yêu thương, tim say mê tìm chân lý, góp hương cho mùa Xuân.

Truyền thông - tìm mở rộng để ủ ấp trong yêu thương tất cả, không trừ ai - là truyền thông cho Giêsu - trong tim con - chạm đến những nỗi đau của trần gian.

Truyền thông trong nắng đẹp, hoặc trong đêm đen âm u hãi hùng, vẫn truyền thông; vì truyền thông trong Ba Ngôi, trong Giêsu - là sức sống - giúp con luôn bình an.

Truyền thông: đây khát vọng tìm ra dung nhan thân thương Chúa Trời giữa trần gian. Và đường đi: đây Giêsu - cho con theo để con mãi bước đi trong niềm vui.

Này Ngài đã cho con chung chia sứ mạng của Ngài, là truyền thông Tin Mừng, nguồn ơn cứu thoát nhân gian, là hiệp thông xây dựng văn minh tình thương khắp nơi, với phương tiện truyền thông, quà tặng tình yêu Chúa Trời.

Nguyện cùng Giêsu, trong Ôn Thánh Linh, con

truyền thông. Noi theo Giáo Hội cùng Ba Ngôi Chúa Trời, mà xây đắp nền Văn minh tình thương.

Nguyện cho con ơn khôn ngoan, lắng nghe, luôn cảm thông. Cho con trưởng thành và khiêm nhu, nhiệt thành, nhiều sáng kiến để con tim luôn rộng mở.

Lời Ngài con luôn say mê gẫm suy suốt ngày đêm. Bí tích Thánh Thể, đỉnh cao, con đón nhận, là sức sống, nguồn ơn thiêng truyền thông.

Việc truyền thông giao cho con, nhất tâm con thực thi. Dung nhan Chúa Trời đẹp xinh nơi cộng đoàn toả sáng mãi, này con xin truyền thông.

Này Ngài đã cho con chung chia sứ mạng của Ngài, là truyền thông Tin Mừng, nguồn ơn cứu thoát nhân gian, là hiệp thông xây dựng Văn minh tình thương khắp nơi, với phương tiện truyền thông, quà tặng tình yêu Chúa Trời.

Con xin hứa dẫn thân quyết sống đời Kitô hữu trưởng thành. Thề đem hết mọi khả năng - hiệp cùng ơn Chúa - để làm chứng nhân cho Thiên Chúa tới hơi thở cuối cùng.

Đem ánh sáng của Tin Mừng chiếu soi mọi lãnh vực trần gian. Đêm ngày truyền thông cho muôn nơi cảm nhận tình yêu và hạnh phúc được ơn cứu độ.

Xin tha thiết yêu thương những người Ngài sai con đến phục vụ. Cùng chung sứ mạng truyền thông, xin thề hiệp nhất để hoàn thành sứ vụ, cùng nhau thăng tiến trong tình yêu Ngài.

**Nguồn: WGPSG**

# Làm chứng gian Vạch trần lịch sử chống Công giáo trong nhiều thế kỷ

Rodney Stark là tác giả của *Rise of Christianity*, quyển sách thuộc loại best-selling (Harper, San Francisco, 1977). Hiện nay, ông là giáo sư Khoa học xã hội và đồng giám đốc Viện nghiên cứu tôn giáo tại đại học Baylor, đại học lớn nhất của Tin Lành Baptist tại Hoa Kỳ. Ông cũng là giáo sư danh dự của đại học Bắc Kinh, Trung Quốc.

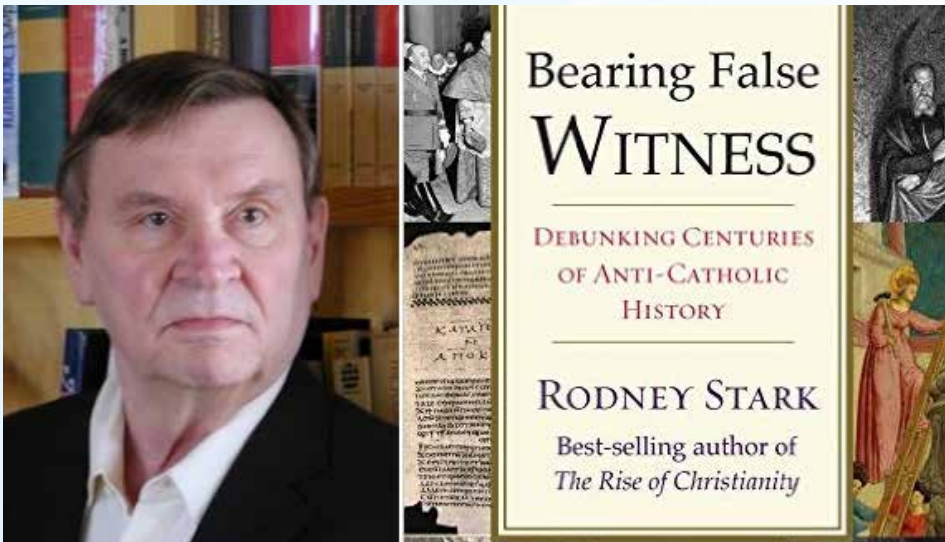
Năm 2016, ông cho ra mắt quyển *Bearing False Witness: Debunking Centuries of Anti-Catholic History*, Templeton Press - (Làm chứng gian: Vạch trần lịch sử chống Công giáo trong nhiều thế kỷ). Trong quyển sách này, tác giả xem xét và đánh giá lại những tội ác được gán cho Giáo Hội Công giáo liên quan đến các sự kiện lớn trong lịch sử, từ các cuộc thánh chiến, rồi sự đàn áp các nhà khoa học, đến Giáo Hội và chủ trương bài Do Thái. Dựa trên các tài liệu lịch sử tận nguồn cũng như khả năng phân tích và đối chiếu của một sử gia, ông cho thấy rất nhiều thành kiến về Công giáo thực ra chỉ là “huyền thoại” được thêu dệt theo thời gian và trở thành cái gọi là “sự thật lịch sử”. Điều cần ghi nhận là Rodney Stark không phải là người Công giáo. Nếu ông là Công giáo, chắc chắn quyển sách này sẽ được coi như lời biện hộ muộn màng. Tuy nhiên vì ông không phải là Công giáo nên quyển sách này là một đóng góp khách quan và cần thiết cho việc

nghiên cứu lịch sử như ông khẳng định: “Tôi không viết quyển sách này để bênh vực Giáo Hội Công giáo. Tôi viết để bảo vệ lịch sử”. Chúng tôi trân trọng giới thiệu bài viết của tác giả về vai trò của Giáo Hội trong sự phát triển khoa học. Giới thiệu chương sách này trong Năm Mục vụ Giới Trẻ, chúng tôi nghĩ đến nhiều bạn trẻ Công giáo, nhất là những người trẻ có học, cảm thấy hoang mang trước những lời kết án được nghe trong nhà trường cũng như trong sách vở: tôn giáo là phản khoa học. Hi vọng bài này sẽ giúp các bạn thấy được sự thật lịch sử, hiểu được rằng không những Giáo Hội không phải là kẻ thù của khoa học, trái lại chính đức tin Kitô giáo đã là bộ phóng cho sự phát triển khoa học, nhờ đó người trẻ vững vàng trong đức tin và sống đức tin mạnh mẽ hơn trong thời đại ngày nay.

## GIÁO HỘI CÔNG GIÁO VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC

Năm 1829, Đức Giáo hoàng Lêô XII cấm việc

chích ngừa bệnh đậu mùa vì cho rằng “bệnh đậu mùa là án phạt của Chúa” [1]. Ông làm như thế vì “ông là kẻ cuồng tín hung dữ, nhắm mục tiêu là tiêu diệt mọi phát triển của thời hiện đại, và thúc đẩy xã hội trở về với sự cai quản, những tập quán và ý tưởng thời trung cổ. Trong cơn giận dữ chống lại sự tiến bộ, ông ra lệnh cấm việc





chích ngừa bệnh đậu mùa” [2]. Dĩ nhiên cuộc tấn công Giáo hoàng Lêô nói trên hoàn toàn nhất quán với chủ trương cho rằng Giáo Hội trong nhiều thế kỷ đã chống đối khoa học và bách hại các nhà khoa học -phi bác khám phá của Copernicus về trái đất quay quanh mặt trời, và kết án Galilêô khiến ông phải “gặm nhấm tháng ngày trong những nhà tù của Tòa dị giáo”, như Voltaire diễn tả[3]. Thật vậy, người ta vẫn cho rằng những người đã tạo nên “cuộc cách mạng khoa học” vĩ đại là những người của thời Khai sáng, những người tự giải thoát mình khỏi sự mù lòa của Công giáo. Cũng thế, người ta chủ yếu cho rằng vì Cuộc Cải cách của Thệ phản đã giải thoát nước Anh và nhiều phần khác của châu Âu khỏi “bàn tay tử thần của Giáo hội Công giáo” [4], nên suy tư khoa học mới có thể phát triển. Thế nhưng Giáo hoàng Lêô có phát biểu như vậy bao giờ đâu! Ngài không chống đối việc chích ngừa, và thật ra Giáo Hội đã thúc đẩy việc chích ngừa ngay từ đầu. Câu chuyện về sự chống đối của Giáo hoàng Lêô là câu chuyện gian dối và nhiều cuộc tấn công khác đối với Giáo Hội xem ra cũng thế. Hơn thế nữa, những thành tựu vĩ đại của khoa học trong thế kỷ 17 và 18 đã không thể có nếu không có Giáo Hội; những thành tựu đó là đỉnh cao của sự phát triển khoa học bình thường trong các thế kỷ, diễn ra trong những đại học do chính Giáo Hội thiết lập, kiểm soát và cung cấp nhân sự. Quả thật, những khuôn mặt dẫn đường trong cuộc “cách mạng khoa học” là những người sùng đạo và một nửa trong số họ là

Công giáo, nhiều người còn là giáo sĩ. Về trường hợp Galilêô, ông chẳng phải ở ngày nào trong tù cả, và nếu ông gặp rắc rối thì không phải là về chuyện khoa học (Tòa dị giáo Tây Ban Nha đâu có hủy sách của ông) nhưng là vì tính hai mặt ngạo mạn của ông.

## Tìm kiếm tri thức

Chìa khóa nền tảng trong sự trỗi dậy của văn minh Tây phương là sự dẫn thân của những nhà thông thái trong việc tìm kiếm tri thức. Không phải khai sáng hay minh triết nhưng là tri thức. Và cơ sở của sự tìm tòi tri thức này lại là sự tận tụy với thần học. Từ lâu, hầu hết các trí thức Tây phương đã coi rẻ thần học. Với họ, thần học là một hình thức suy tư tôn giáo trong quá khứ gắn liền với sự phi lý và tính giáo điều. Vì thế như Ludwig Feuerbach (1804- 74) đã nói, “Nhiệm vụ của thời hiện đại là biến đổi thần học thành nhân học” [5]. Trường phái Kinh viện cũng thế. Trong hầu hết các từ điển, Kinh viện được cho là “thông thái rơm và giáo điều”, cho thấy sự khô cằn trong hiểu biết của Giáo Hội thời trung cổ. John Locke, triết gia người Anh ở thế kỷ 18, cho rằng các nhà kinh viện là những bậc thầy trong việc sử dụng những từ ngữ vô dụng để “che giấu sự ngu dốt của mình” [6]. Gần đây hơn, Sir William Dampier (1867- 1952) nói thay cho các nhà hàn lâm khi ông than phiền là tư tưởng khoa học là “hoàn toàn xa lạ với tầm nhìn” của các nhà kinh viện, là những người giam mình trong “mớ hổ lốn của chiêm tinh, thuật giả kim, ma thuật và thuyết thần tri” [7] và dứt khoát là thù nghịch với chủ trương thực nghiệm. Không phải thế đâu! Các nhà kinh viện là những học giả đúng nghĩa đã thành lập các đại học lớn của châu Âu, là những người đầu tiên hình thành và giảng dạy phương pháp thực nghiệm; chính họ là những người khai mở sự trỗi dậy của khoa học phương Tây. Thần học là một ngành học đòi hỏi lý tính cao, bắt nguồn từ Do Thái giáo và triết học Hi Lạp, và được phát triển mạnh mẽ trong Kitô giáo. Sự tìm kiếm tri thức gắn liền với thần học hiểu như là những nỗ lực để hiểu biết Thiên Chúa nhiều

hơn, từ đó cũng tìm hiểu công trình tạo dựng của Chúa - được thể hiện trong ngành học gọi là triết học tự nhiên, là việc nghiên cứu thiên nhiên và những hiện tượng tự nhiên. Trong thời trung cổ, rất nhiều triết gia kinh viện sáng giá đã làm gia tăng kiến thức ở phương Tây, trực tiếp dẫn đến cuộc cách mạng của Copernicus và những thành tựu khoa học nổi bật khác.

## Thần học và triết học tự nhiên

Thần học là suy tư lý luận về Thiên Chúa. Thần học nhấn mạnh đến việc tìm tòi, khám phá bản tính Thiên Chúa, những ý định và đòi hỏi của Ngài, và tìm hiểu xem những điều đó xác định ra sao mối tương quan giữa con người với Thiên Chúa. Các nhà thần học Kitô giáo qua nhiều thế kỷ đã tận tụy với việc tìm hiểu và lý luận không những về bản tính của Thiên Chúa, mà còn về những điều Ngài muốn nói qua các trang Kinh Thánh. Việc giải thích đó theo thời gian đã “tiến triển” rất nhiều. Chẳng hạn, không những Kinh Thánh không lên án khoa chiêm tinh nhưng xem ra câu chuyện Ba Đạo sĩ đi theo ánh sao để tìm Hài nhi Giêsu còn nhìn nhận khoa chiêm tinh nữa. Thế nhưng vào thế kỷ V, thánh Augustinô lý luận rằng chiêm tinh là tội lỗi vì việc tin rằng vận mệnh con người đã được định trước do các ngôi sao, điều đó đi ngược lại với niềm tin rằng ý chí tự do là quà tặng của Thiên Chúa cho con người [8]. Đây không phải là sự phóng đại Kinh Thánh nhưng là ví dụ cho thấy lý luận diễn dịch đã tác động thế nào trong việc hình thành giáo thuyết mới: Giáo hội đã cấm thực hành khoa chiêm tinh. Tương tự như thế, các nhà thần học thời Trung Cổ diễn dịch rằng các giáo thuyết trước đây ủng hộ chế độ nô lệ là sai lầm - chế độ nô lệ thực sự là đi ngược lại lề luật của Chúa. Những ví dụ trên cho thấy các bộ óc vĩ đại đã có thể thay đổi, kể cả đảo ngược giáo lý của Giáo Hội, không phải vì họ dựa trên những mặc khải mới nhưng chỉ vì họ vận dụng lý trí để suy tư.

Những nhà thần học hàng đầu như thánh Augustinô hay thánh Tôma Aquinô là những người tôn vinh lý trí như phương thế giúp hiểu

biết hơn về Thiên Chúa. Bởi lẽ như Tertulianô ở thế kỷ II nói: “Lý tính là điều thuộc về Thiên Chúa. Không có gì mà Thiên Chúa Tạo hóa lại không dự liệu, an bài, sắp xếp bằng lý trí; cũng thế, không có gì mà Thiên Chúa lại không muốn lý trí có thể hiểu biết và điều hành” [9]. Nhưng có lẽ khẳng định mạnh mẽ nhất về mối liên kết giữa đức tin và lý trí là của Clementê ở thế kỷ III: “Chúng tôi không nói rằng giáo lý Kitô chỉ được đón nhận bằng đức tin, nhưng chúng tôi nói rằng những giáo lý đó còn được khẳng định bằng lý trí. Vì quả thật, sẽ không an toàn nếu chỉ đón nhận bằng đức tin mà không có lý trí, bởi lẽ không thể đón nhận chân lý cách chắc chắn mà không có sự tham dự của lý trí. Do đó người nào đón nhận giáo lý cùng với lý trí sẽ không bị mất đi; đang khi đó người đón nhận giáo lý mà không có chứng minh, sẽ không chắc chắn điều đó có đúng không, cũng không giữ được cách vững chắc. Ai dễ dàng tin tưởng cũng dễ dàng thoái thác. Còn những ai tìm kiếm lý lẽ cho những điều họ tin và đón nhận, sẽ không bao giờ tách ra khỏi những điều họ tin tưởng. Do đó khi một người quan tâm đến việc tìm kiếm lý lẽ thì người đó cũng vững vàng hơn trong việc duy trì đức tin” [10].

Những tầm nhìn trên khiến cho R.W. Southern (1912-2001) cho rằng các nhà thần học kinh viện đã “làm cho con người nặng lý tính hơn, bản tính con người cao quý hơn, trật tự của Thiên Chúa trong vũ trụ mở ra cho sự tìm hiểu của con người, và toàn bộ phức hợp con người, thiên nhiên và



Thiên Chúa trở nên dễ hiểu hơn... Nhưng - nhìn đơn giản như một nỗ lực thấu hiểu cấu trúc vũ trụ và... minh chứng phẩm giá của lý trí con người bằng cách chỉ cho thấy lý trí có thể biết mọi sự - tư tưởng đó là một trong những thể hiện mạnh mẽ nhất của chủ nghĩa nhân bản khoa học” [11].

Sự dẫn thân trong việc theo đuổi tri thức cho thấy trong thời trung cổ đã có sự liên kết hết sức chặt chẽ giữa thần học và triết học tự nhiên. Như Edward Grant ghi nhận, “Trong Kitô giáo phương Tây vào cuối thời Trung cổ... hầu như mọi nhà thần học chuyên nghiệp đều là những triết gia theo trường phái Triết học tự nhiên. Cấu trúc trong giáo dục đại học thời Trung cổ cũng cho thấy là hầu hết các nhà thần học trước đó đã từng dạy về triết học tự nhiên” [12]. Ngược lại, triết học tự nhiên là một chủ đề gây nhiều tranh cãi trong Hội Giáo, “phải dạy riêng và thầm kín” vì có thể gặp nguy hiểm, và không bao giờ được các nhà tư tưởng nổi tiếng của Hội Giáo giảng dạy. Đang khi đó, ở phương Tây, “triết học tự nhiên đã lôi cuốn những cá nhân tài năng, những người tin rằng họ được tự do trình bày ý kiến cách công khai về những vấn đề đặt nền móng cho ngành học” [13]. Không hề là phóng đại khi nhấn mạnh tầm quan trọng về mặt tri thức trong mối liên hệ giữa thần học và triết học tự nhiên, vì chính mối liên hệ đó đã thúc đẩy sự tìm hiểu về thế giới tự nhiên vốn là “nội dung học thuật trong các đại học thời trung cổ” [14], và dẫn đến sự trỗi dậy của khoa học phương Tây.

## **Lập các trường đại học**

Có lẽ vì chiều theo xu hướng chính trị trong thời đại chúng ta, hoặc đơn giản là vì hoàn toàn thiếu hiểu biết, gần đây đã có những nỗ lực cho rằng các đại học đầu tiên đã xuất hiện là ở Trung Quốc, Ấn Độ hoặc Ba Tư. Dĩ nhiên thời xưa trong những đế quốc cổ xưa đã có các trường học chuyên giảng dạy kiến thức tôn giáo, cũng như những cơ sở dành cho những người chuyên tâm vào việc chiêm niệm và suy gẫm, và ở phương Tây cũng có như thế. Tuy nhiên, cũng như không có nhà thần học nào ở phương Đông,



thì cũng không có cơ sở nào cổ xưa nào dành cho việc theo đuổi tri thức. Đúng hơn, như học giả Charles Homer Haskins (1870-1937) của đại học Harvard nhận xét: “Các đại học, cũng như các nhà thờ chính tòa và quốc hội, là sản phẩm của thời Trung cổ” [15]. Cụ thể hơn nữa, đó là sản phẩm của Giáo Hội thời trung cổ. Universitas mà chúng ta dịch là đại học là rút ngắn cụm từ universitas magistrorum et scholarium, nghĩa là cộng đồng của thầy và trò. Hầu hết những nơi trở thành đại học thời trung cổ là những nơi trước đó đã là trường dạy văn hóa tôn giáo, do các nhà thờ chính tòa và các tu viện đảm nhận, nhiều trường đã có từ thế kỷ VI. Các đại học đầu tiên được thiết lập chủ yếu là để vượt lên trên việc giáo huấn quen thuộc đó. Nhiệm vụ của đại học là hướng tới việc “học cao hơn”, nghĩa là tìm kiếm, theo đuổi tri thức. Dĩ nhiên để làm được điều đó, các giáo sư không chỉ đơn thuần là tụng lại sự khôn ngoan đã lãnh nhận, nhưng họ đề cao sự canh tân đổi mới. Marcia L. Colish mô tả rất rõ như sau:

“Các nhà kinh viện xem xét lại những tác giả trong quá khứ và những ý kiến hiện nay, để phân tích và trình bày những lý lẽ phi bác hoặc chấp nhận. Nói chung, phương pháp làm việc trong đầu thế kỷ 12 cho thấy các nhà kinh viện mong muốn và sẵn sàng phê phán các tài liệu nền tảng trong lĩnh vực chuyên môn của họ. Thay vì chỉ đơn giản là đón nhận và khai triển những truyền thống Kitô và kinh điển, họ đặt sang một bên những ý tưởng nào trong truyền thống đó mà

không còn hữu dụng nữa...” [16]

Điều rất quan trọng là ngay từ đầu, các đại học lớn thời Trung cổ đã theo trường phái chủ trương thường nghiệm (empiricism). Nếu có thể đem một kết luận trí thức nào đó ra xét nghiệm thì nên tiến hành. Rõ nét nhất là trong việc nghiên cứu sinh lý học con người [17]. Chính các nhà kinh viện - chú không phải người Hi Lạp, Rôma, Hồi giáo, hay Trung hoa, là những người đặt nền móng cho việc mổ xẻ thân xác. Thật vậy, vào thời xưa, “phẩm giá thân xác con người không cho phép việc mổ xẻ” [18], đó là lý do ngành giải phẫu của Hi Lạp và Rôma chậm tiến. Các nghiên cứu của Aristotle chỉ giới hạn trong việc mổ xẻ xác loài vật, Celsius và Galen cũng thế. Hồi giáo cũng cấm việc mổ xẻ tử thi. Thế nhưng với sự thành lập các đại học Kitô giáo, một cái nhìn mới về mổ xẻ xuất hiện. Khởi điểm là giả thiết rằng cái làm nên tính độc đáo nơi con người là linh hồn chứ không phải thân xác. Do đó việc mổ xẻ thân xác con người không có hệ lụy nào về thần học. Từ đó, hai hệ luận được thêm vào. Thứ nhất là xét nghiệm pháp y. Rất nhiều kẻ sát nhân đã thoát tội vì thân xác nạn nhân không được xem xét kỹ sau khi chết. Thứ hai là để có được sự hiểu biết y khoa đầy đủ thì cần phải có khoa giải phẫu.

Do đó trong thế kỷ 13, chính quyền (nhất là ở những thành phố đại học) cho phép mổ tử thi nếu có nghi ngờ về nguyên nhân cái chết. Rồi đến cuối thế kỷ, Mondino de Luzzi (1270-1326) viết sách giảng dạy về mổ xẻ, dựa trên nghiên cứu của ông về hai xác phụ nữ [19]. Tiếp theo đó, năm 1315, ông tiến hành một cuộc mổ xẻ trước mặt cử tọa là các sinh viên và giáo sư đại học Bologna. Từ đó, việc mổ tử thi lan rộng khắp các đại học ở Italia, lại càng được thúc đẩy do nạn dịch tàn phá thế giới vào giữa thế kỷ 13, được gọi là Cái Chết Đen. Việc mổ tử thi bắt đầu ở Tây Ban Nha năm 1391, rồi ở Vienna năm 1404 [20]. Việc mổ tử thi không còn là chuyện họa hiem nhưng đã thành quen thuộc trong các lớp về giải phẫu. Cần ghi nhận rằng việc mổ tử thi này không gặp sự chống đối nghiêm trọng nào từ phía Giáo Hội [21].

Hơn nữa, sự phổ biến của việc mổ xẻ còn cho thấy tính tự trị của các đại học thời Trung cổ. Nathan Schachner (1895-1955) giải thích: “Đại học là đứa con được nuông chiều quá đáng của Giáo hoàng và Hoàng đế. Đại học được trao cho những đặc quyền mà trước đây và cả sau này cũng không có được. Ngay cả hàng giáo phẩm trong Giáo Hội cũng phải kiêng nể một học giả nghèo vì ông ta có sự bảo trợ của đại học. Các thành phố thi nhau để có đại học trong thành phố của mình; các Giáo hoàng can thiệp để hàng vua chúa tôn trọng sự bất khả xâm phạm của đại học” [22].

Không những các đại học được tự trị mà ở mức độ nào đó, các giáo sư cũng thế. Thật thú vị khi thấy các học giả chuyển từ đại học này đến đại học khác, không gặp khó khăn vì khắp nơi việc giảng dạy đều dùng tiếng La tinh, nên không có rào cản về ngôn ngữ. Thật vậy, dù thời đó còn ít phương tiện di chuyển nhanh nhưng các học giả hàng đầu đều biết nhau, từ Ba Lan đến Anh Quốc. Và cũng như ngày nay, họ nổi tiếng và được mời đến một đại học khác là vì sự canh tân, đổi mới. Không phải vì họ biết từng chữ trong tác phẩm của Aristotle nhưng vì họ phát hiện những sai lầm của Aristotle. Như William of Auvergne (118-1249), một giáo sư đại học Paris, viết: “Đừng nghĩ rằng tôi muốn dùng chữ nghĩa của Aristotle như thẩm quyền minh chứng cho những gì tôi sắp nói đây, vì tôi biết rằng bằng chứng dựa vào thẩm quyền của người khác chỉ có thể sinh ra niềm tin, đang khi trong giảng





khóa này và bất cứ khi nào có thể, mục đích của tôi là cung cấp sự xác thực có thể chứng minh được” [23]. Sẽ được coi là tốt hơn nếu khám phá ra điều gì mà các tác giả kinh điển chưa biết tới. Thế nên thật là ngu xuẩn nếu cho rằng các nhà kinh viện chỉ biết nhai đi nhai lại các tín điều và các công thức thần học cũ kỹ.

Đại học đầu tiên được thành lập ở Bologna, miền bắc Italia, khoảng năm 1088. Kế đó là đại học Paris khoảng năm 1150, Oxford năm 1167, Palencia năm 1208, Cambridge năm 1209, tiếp theo đó là 24 đại học khác cho đến cuối thế kỷ 14: Montpellier, Siena, Toulouse, Orleans, Naples, Salamanca, Seville, Lisbon, Grenoble, Padua, Rome, Perugia, Pisa, Moderna, Florence, Prague, Cracow, Vienna, Heidelberg, Cologne, Ofen, Erfurt, Leipzig, và Rostok. Trong thế kỷ tiếp theo, ít nhất là có thêm 28 đại học nữa, trong đó có một đại học ở Thụy Điển (1477)

## Đường dẫn đến cuộc “cách mạng khoa học”

Cũng như không có cái gọi là “Thời đại tăm tối” (Dark ages) thì cũng không có cái gọi là “Cách mạng khoa học”. Đúng hơn, “cách mạng khoa học” là một khái niệm được sáng chế ra để tấn công Giáo Hội thời trung cổ, cho rằng khoa học chỉ bùng nổ khi Kitô giáo suy yếu và không còn có thể đàn áp nữa. Thế nhưng, như chúng ta sẽ thấy, các thành tựu khoa học lớn của thế kỷ 16 và 17 là sản phẩm của một nhóm các học giả nổi tiếng về lòng đạo, làm việc trong các đại học Kitô,

và những thành tựu của họ được xây nên trên di sản hàng thế kỷ của các nhà kinh viện sáng giá [24]. Vì khởi đầu của cái gọi là cách mạng khoa học thường được gán cho Nicolaus Copernicus (1473-1543), nên cần phải biết về ông và những nhà trí thức trước ông để chứng minh rằng công trình của ông là công trình khoa học “bình thường”. Theo những gì người ta thường nói thì Copernicus là một linh mục Công giáo vô danh ở Ba Lan, một thiên tài bị cô lập vì đã khám phá ra rằng trái đất quay chung quanh mặt trời, ngược lại những gì mọi người vẫn tin tưởng. Hơn thế nữa, người ta cho rằng Giáo Hội đã tìm mọi cách để dập tắt khám phá này. Câu chuyện trên đúng là tiểu thuyết hơn là sự kiện lịch sử. Thay vì là một linh mục Ba Lan vô danh, Copernicus đã được lãnh nhận nền giáo dục tuyệt hảo trong những đại học tốt nhất vào thời đó ở Italia: Bologna, Padua, và Ferrara. Ý tưởng trái đất quay quanh mặt trời không đến với Copernicus như từ trời rơi xuống; ông đã được các giáo sư kinh viện dạy những nền tảng thiết yếu dẫn đến mô hình nhật tâm (mặt trời trung tâm, heliocentric) của hệ mặt trời. Điều mà Copernicus thêm vào không phải là một bước nhảy nhưng chỉ là bước tiếp theo trong dây chuyền dài của những khám phá và phát minh tính từ những thế kỷ trước. Tôi đã trình bày chi tiết dây chuyền các học giả kinh viện nổi bật này trong quyển How the West Won (2014): Robert Grosseteste (1168-1253), Albertô Cả (1200-1280), Roger Bacon (1214-1294), William of Ockham (1295-1349), Nicole d’Oresme (1325-1382), Nicolas of Cusa (1401-1464), Nicolaus Copernicus (1473-1543)

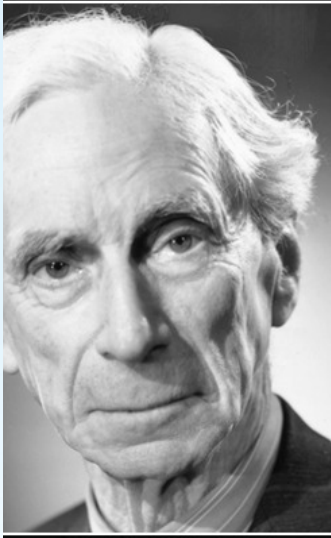
## Khoa học đến tuổi trưởng thành

Isaac Newton có nhận xét nổi tiếng: “Nếu tôi nhìn thấy xa hơn, đó là vì tôi đứng trên vai những người khổng lồ”. Tiếc thay ít người trích dẫn câu này hiểu được rằng Newton không chỉ nói cách nghiêm túc mà ông còn trình bày một sự thật. Khoa học không bất ngờ vọt lên thành cuộc cách mạng khoa học vĩ đại trong thời của Newton; thời kỳ của những thành tựu tuyệt vời này là đỉnh cao của tiến trình phát triển thông thường

của khoa học qua nhiều thế kỷ. Thế nhưng ý niệm cho rằng cách mạng khoa học vọt lên trong thế kỷ 16 đã ăn sâu vào văn hóa của chúng ta đến nỗi Steven Shapin đã trình bày nghiên cứu mới đây của mình bằng một lời hóm hỉnh:

“Không có những chuyện gọi là cách mạng khoa học đâu, và quyển sách này nói về điều đó” [25]. Tuy nhiên cần phải xác định xem điều gì đã xảy ra trong thời được gọi là “tuổi trưởng thành” của khoa học phương Tây. Vấn đề cần được quan tâm là: Phải chăng các nhà khoa học lớn trong thời Khai Sáng đều chống lại Giáo Hội?

Các sử gia thường sai lầm khi chỉ dựa vào một ví dụ không mang tính điển hình. Vấn đề này có thể được giải quyết bằng cách sử dụng những phương pháp tính toán cho đúng đắn. Thay vì chỉ kê khai những nhà khoa học nổi tiếng là Thệ Phản, hoặc là không tôn giáo, hoặc là giáo sĩ, chúng ta sẽ có những kết quả đáng tin hơn nếu phân tích tất cả các nhà khoa học nổi tiếng trong thời kỳ này. Do đó trong phân tích của tôi, tôi xác định tất cả các ngôi sao trong khoa học ở thời kỳ này, tính từ khi xuất hiện tác phẩm *De revolutionibus* của Copernicus năm 1543 đến năm 1680. Tôi chọn các nhà khoa học này dựa vào một số bộ Bách khoa toàn thư chuyên ngành, và các từ điển về tiểu sử, trong đó có *Encyclopedia of Science and Technology* của Isaac Asimov (1982) là tác phẩm đáng tin cậy. Khi chọn lựa các nhà khoa học, tôi không quan tâm đến tôn giáo của họ, dù là Thệ Phản, Công giáo, hay không tôn giáo. Rồi sau khi tập hợp được danh sách, tôi tìm hiểu thêm những nguồn khác, kể cả tiểu sử cá nhân, để xác định các sự kiện mà tôi muốn biết và so sánh. Cuối cùng tôi có được danh sách và những dữ kiện về 52 nhà khoa học [26].



We are faced with the paradoxical fact that education has become one of the chief obstacles to intelligence and freedom of thought.

— Bertrand Russell —

AZ QUOTES

## Các nhà khoa học “khai sáng”

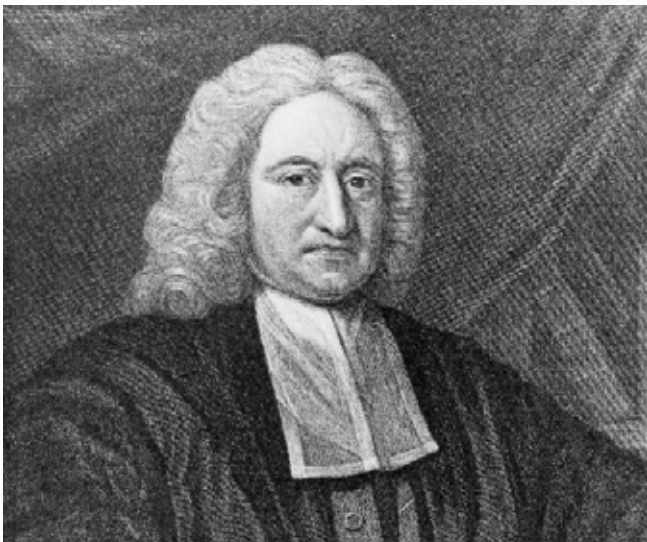
Cũng như một nhóm các triết gia thế kỷ 18 đã sáng chế ra khái niệm “Thời tăm tối” để phi bác Kitô giáo, thì họ cũng gán cho thời đại của họ là “Khai sáng” với lý luận rằng thời tăm tối của tôn giáo đã bị chủ nghĩa nhân bản thế tục đẩy lui. Như Bertrand Russell (1872-1970) giải thích: “Khai sáng chủ yếu là đánh giá lại hoạt động trí thức độc lập, nhằm soi sáng những nơi trước đây bị tăm tối che phủ” [27]. Voltaire, Rousseau, Locke và những tác giả khác cũng say sưa với những thành tựu của “Cách mạng khoa học” khi họ ca tụng chiến thắng của chủ nghĩa thế tục, cuối cùng Marquis Laplace cho rằng Thiên Chúa là một giả thuyết không còn cần thiết nữa. Dĩ nhiên chẳng có ai trong những nhân vật được gọi là “khai sáng” kể trên đóng góp được gì cho khoa học. Thế còn những người họ nói tới thì sao? Phải chăng đó là những người hoài nghi như họ? Không phải thế. Trước hết, trong số 52 nhà khoa học thuộc hàng ngôi sao, có 13 người (tức là 25%) thuộc thành phần giáo sĩ, 9 người trong số họ là Công giáo Rôma. Thêm vào đó, tôi có ghi chú về lòng đạo của từng vị. Để ghi chú là sùng đạo, tôi đòi hỏi bằng chứng hiển nhiên đặc biệt về đời sống tôn giáo. Ví dụ, Robert Boyle đã tiêu một khoản tiền lớn cho việc dịch Kinh Thánh sang các ngôn ngữ ngoài phương Tây. Isaac Newton viết về thần học nhiều hơn là viết về vật lý, ông còn tính toán ngày Tái Lâm của Chúa sẽ diễn ra vào năm 1948. Tương tự như thế, Johannes Kepler



quan tâm nhiều đến khoa thần bí và những vấn đề về Kinh Thánh, ông dành nhiều nỗ lực cho việc tìm ra ngày Thiên Chúa dựng nên trái đất, được ông cho là năm 3992 trước Công nguyên. Tôi ghi chú là đạo đức để dành cho các vị mà tiểu sử của họ không cho thấy họ là người hoài nghi, nhưng đồng thời cũng không nổi bật về lòng đạo. Một ví dụ là Marcello Malpighi, nghiên cứu của ông về quả tim con gà được coi là một trong những thành tựu nổi bật của khoa sinh học thế kỷ 17. Nhưng tiểu sử của ông không cho thấy bằng chứng về mối quan tâm đến Thiên Chúa như trong trường hợp của Boyle và Newton. Đáng khác, ông đã về Rôma và thành bác sĩ riêng của Giáo hoàng Innocentê XII, vị giáo hoàng rất đạo đức của thời chống Cải cách, chắc chắn ngài cũng mong muốn những người gần gũi ngài là người đạo đức. Có thể tôi đã đánh giá hơi thấp về lòng đạo của Malpighi và những vị khác, nhưng chắc chắn là không đề cao quá đáng lòng đạo của họ. Cuối cùng, tôi ghi chú là hoài nghi cho vị nào mà tôi có thể suy luận là không tin hoặc ít ra là hoài nghi về sự hiện hữu của Thiên Chúa. Trong số 52 ngôi sao khoa học, chỉ có 1 vị là Edmund Halley, ông đã bị từ chối, không được nhận chức giáo sư ở Oxford với cáo buộc là “vô thần”.

Sau đây là bảng trình bày về 52 ngôi sao khoa học:

Lòng đạo	Số người	Phần trăm
Sùng đạo	31	60%
Đạo đức	20	38%
Hoài nghi	1	2%
Tổng cộng	52	100%



Rõ ràng những thành tựu khoa học nổi bật trong thế kỷ 16 và 17 không phải là công trình của những kẻ hoài nghi nhưng là của các Kitô hữu, 60% trong số họ là những người sùng đạo. Thời Khai sáng chỉ là khái niệm tưởng tượng cũng như Thời tăm tối, cả hai khái niệm đó đều phát xuất từ cùng những con người với cùng những lý do.

### Nguồn gốc tôn giáo của khoa học

Khoa học chỉ nổi lên ở châu Âu theo Kitô giáo vì chỉ những người Âu châu thời Trung cổ mới tin rằng khoa học là có thể và đáng mong ước. Và nền tảng của niềm tin này là quan niệm, hình ảnh (của Kitô giáo) về Thiên Chúa và công trình tạo dựng của Ngài. Đây là khẳng định mạnh mẽ của Alfred North Whitehead (1861- 1947), triết gia và nhà toán học vĩ đại người Anh, trước cử tọa là các học giả nổi tiếng, trong bài thuyết trình 1925 Lowell Lectures tại đại học Harvard. Ông giải thích rằng khoa học phát triển ở châu Âu nhờ “niềm tin vào khả năng của khoa học... niềm tin đó phát xuất từ thần học trung cổ” [28]. Tuyên bố này đã làm cho không những cử tọa hôm đó phải ngạc nhiên mà hơn nữa mọi trí thức Tây phương đều ngạc nhiên khi bài thuyết trình này được xuất bản. Tại sao một nhà tư tưởng tầm cỡ thế giới, đồng tác giả với Bertrand Russell qua tác phẩm Principia Mathematica (1910-1913) lại không biết rằng tôn giáo là kẻ thù dai dẳng của khoa học? Thực ra, Whitehead hiểu biết hơn chúng ta!

Whitehead nhìn nhận rằng thần học Kitô giáo đã đóng vai trò thiết yếu trong sự trỗi dậy của khoa học, trong khi những nền thần học ngoài Kitô giáo đã làm cho khoa học khô cứng ở những nơi khác. Ông giải thích: “Đóng góp lớn nhất của thời Trung cổ cho việc hình thành phong trào khoa học là niềm tin sâu xa rằng... có một bí mật, và bí mật đó có thể được vén màn. Xác tín đó đã được ghi sâu vào tâm trí người phương Tây như thế nào?... Xác tín đó phát xuất từ chỗ thời Trung cổ nhấn mạnh đến lý tính của Thiên Chúa, được quan niệm như năng lực ngã vị thể hiện qua Yahweh, và với lý

tính thể hiện qua triết học Hi Lạp. Tất cả mọi chi tiết đều đã được sắp xếp và giám sát: việc tìm hiểu nghiên cứu thiên nhiên chỉ có thể phát xuất từ niềm tin vào lý tính” [29].

Dĩ nhiên Whitehead chỉ tóm tắt điều mà rất nhiều nhà khoa học vĩ đại trước đó đã nói. René Descartes biện minh cho việc tìm hiểu “các luật” trong tự nhiên bằng lý luận rằng những luật đó phải hiện hữu vì Thiên Chúa là Đấng hoàn hảo, do đó “Ngài hành động theo cách bền vững và bất di bất dịch” [30]. Nghĩa là vũ trụ hoạt động theo các quy luật của lý trí. Cũng thế, nhà kinh viện Nicole d’Oresme cho rằng “công trình tạo dựng của Chúa cũng giống như việc con người làm ra đồng hồ, rồi để đồng hồ đó tự nó chuyển động” [31]. Hơn thế nữa, vì Thiên Chúa đã ban cho con người năng lực lý trí nên con người chúng ta phải khám phá những luật Thiên Chúa đã thiết lập.

Quả thật, như Whitehead nhận xét, nhiều nhà khoa học thời xưa cảm nhận sự thúc bách phải tìm hiểu các bí mật trong tự nhiên. Cũng nên ghi nhận thêm là do cùng một cội nguồn, quan niệm trong Do Thái giáo về Thiên Chúa cũng thích hợp cho khoa học phát triển như trong Kitô giáo [32]. Tuy nhiên người Do Thái trước đây là một cộng đồng nhỏ, sống rải rác khắp nơi, thường xuyên bị đàn áp, do đó không đóng góp nhiều trong sự trỗi dậy của khoa học, nhưng sau này có nhiều nhà khoa học xuất sắc là người Do Thái.

Ngược lại, hầu hết các tôn giáo ngoài truyền thống Do Thái - Kitô giáo đều không mặn mà với công trình tạo dựng. Người ta cho rằng vũ trụ là vĩnh cửu, vô thủy vô chung, không phải đã được tạo thành, cho nên không có Đấng Tạo hóa. Từ quan điểm này, vũ trụ là một huyền nhiệm, bất định, không thể định đoán, và có lẽ độc đoán nữa. Với những người theo quan điểm này, nẻo đường duy nhất để đạt tới minh triết là chiêm niệm và linh hứng - không có chuyện lý luận ở đây. Thế nhưng nếu vũ trụ đã được tạo dựng phù hợp với các quy luật của lý trí, do Đấng Tạo hóa hoàn hảo và có lý tính, thì cần lấy lý trí và sự quan sát để tìm hiểu. Do đó, thiên nhiên là một quyển sách cần phải đọc.



Dĩ nhiên người Trung Quốc “coi tư tưởng đó là quá ngây thơ trước sự tinh tế và phức tạp của vũ trụ như họ trực giác thấy” [33], đó là lời giải thích của Joseph Needham (1900-1995), sử gia Oxford về khoa công nghệ Trung Quốc. Đối với người Hi Lạp, nhiều người cũng coi vũ trụ là vĩnh cửu và không được tạo dựng. Aristotle lên án ý tưởng cho rằng “vũ trụ đã hiện hữu lúc nào đó trong thời gian” [34], coi đó là chuyện không thể tưởng tượng được. Thật vậy, không có vị thần Hi Lạp nào có thể thực hiện một công trình tạo dựng như thế. Nhưng điều tệ hại nhất là người Hi Lạp đã biến vũ trụ và những vật vô tri vô giác trong vũ trụ thành những hữu thể sống động. Vì thế họ gán nhiều hiện tượng tự nhiên cho những hữu thể này. Theo Aristotle, các thiên thể chuyển động là vì chúng thích làm như thế và các vật thể rơi xuống đất vì “tình yêu bên trong của chúng với trái đất” [35]. Với Hồi giáo, quan niệm của họ về Allah đối nghịch với sự tìm kiếm khoa học. Trong Kinh Coran, không có chỗ nào gợi ý rằng Allah đã làm nên vũ trụ và để cho nó vận hành. Đúng hơn, họ cho rằng Allah thường xuyên đi vào thế giới và thay đổi mọi sự như Ngài muốn. Do đó, trong nhiều thế kỷ, nhiều học giả uy tín của Hồi Giáo cho rằng mọi nỗ lực tìm kiếm các luật tự nhiên là phạm thượng, vì như thế là từ chối hành động tự do của Allah. Chính vì thế, hình ảnh của họ về Thiên Chúa đã làm suy yếu nỗ lực khoa học ở Trung Quốc, Hi Lạp cổ, và Hồi Giáo [36].

Chỉ vì người Âu châu tin vào Thiên Chúa như

Nhà thiết kế thông minh của vũ trụ này nên họ mới theo đuổi việc tìm hiểu công trình tạo dựng. Nói như Johannes Kepler, “Mục đích chính của mọi nghiên cứu thế giới bên ngoài là để khám phá trật tự và sự hài hòa mà Thiên Chúa đã định đặt, và Thiên Chúa bày tỏ điều đó cho chúng ta qua ngôn ngữ toán học” [37]. Tương tự như thế, trong di chúc cuối cùng của mình, Robert Boyle (1627-1691) viết cho các thành viên Hội hoàng gia Luân Đôn rằng ông mong muốn họ tiếp tục những thành công “trong nỗ lực đáng khen ngợi là khám phá bản tính đích thực trong những công trình của Chúa” [38].

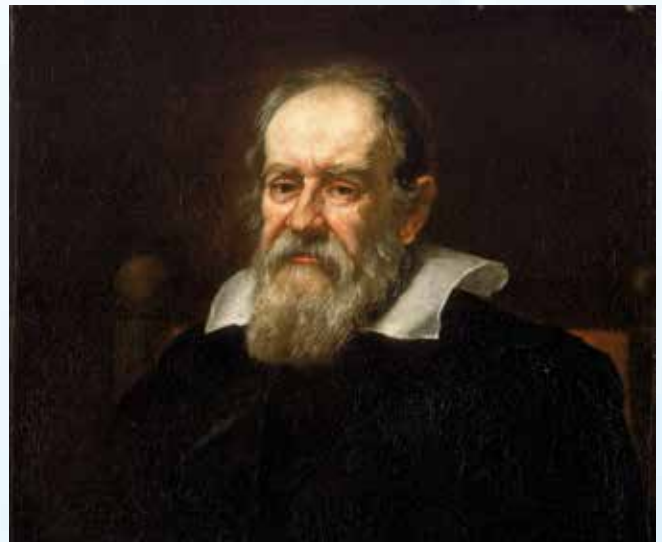
Có lẽ khía cạnh đáng lưu tâm nhất trong sự trỗi dậy của khoa học là không những các nhà khoa học thuở đầu tìm kiếm các luật tự nhiên vì tin rằng chúng có thật, nhưng còn vì họ đã tìm ra được! Vì thế có thể nói quan niệm cho rằng vũ trụ này có một Nhà thiết kế thông minh, (quan niệm đó) là ý tưởng nền tảng nhất trong mọi lý thuyết khoa học, và quan niệm đó đến nay vẫn được xác định là đúng. Albert Einstein (1879-1955) từng ghi nhận rằng điều khó hiểu nhất về vũ trụ là vũ trụ này có thể hiểu được: “Cách tiên thiên, chúng ta đợi chờ một thế giới hỗn mang mà tâm trí con người không thể nào nắm bắt được... Quả là “phép lạ” và phép lạ đó càng được củng cố khi tri thức của chúng ta mở rộng ra” [39]. Phép lạ đó làm chúng về vũ trụ và thế giới này được hướng dẫn bởi lý tính và ý định (của Nhà thiết kế thông minh).

Dĩ nhiên sự trỗi dậy của khoa học đã làm phát sinh một vài xung đột với Giáo Hội Công giáo cũng như với Thệ Phán lúc đầu. Nhưng điều đó không hề làm suy giảm vai trò thiết yếu của quan niệm Kitô giáo về Thiên Chúa trong việc biện minh và thúc đẩy khoa học; nó chỉ cho thấy là nhiều nhà lãnh đạo Kitô giáo đã không hiểu rõ sự khác biệt giữa khoa học và thần học, về lãnh vực và về phương pháp. Các nhà thần học Kitô giáo suy luận về bản tính và ý định của Thiên Chúa khởi đi từ Kinh Thánh, còn các nhà khoa học cố gắng khám phá công trình tạo dựng của Thiên Chúa bằng những phương thế thường nghiệm. Về nguyên tắc, hai nỗ lực trên không

chồng chéo nhau, nhưng trong thực hành đôi khi các nhà thần học cảm thấy một lập trường khoa học tấn công đức tin tôn giáo (quả thật một vài nhà khoa học đã tấn công tôn giáo vì họ lấn lộn hai lãnh vực). Trước đây, một cuộc tranh cãi lớn đã diễn ra vì các nhà thần học Công giáo cũng như Thệ phán đều không muốn chấp nhận rằng trái đất không phải là trung tâm của vũ trụ, kể cả không phải là trung tâm của hệ mặt trời. Cả Luther và Giáo hoàng đều chống lại quan điểm của Copernicus và cố gắng phủ nhận, nhưng nỗ lực của họ ít có tác động và không hề là quá đáng. Không may, cuộc xung đột nhỏ này lại bị thổi bùng lên thành chuyện lớn, do những người muốn vận dụng sự kiện đó để chứng minh rằng tôn giáo là kẻ thù cay đắng của khoa học, và họ biến Galilêo thành vị anh hùng bị niềm tin mù quáng giết chết. Như Voltaire kể: “Galilêo vĩ đại gặm nhấm tháng ngày trong những nhà tù của Tòa dị giáo, vì ông đã chứng minh sự chuyển động của trái đất bằng những chứng cứ không thể chối cãi” [40]. Giuseppe Baretti thêm thắt vào, “Galilêo bị tra tấn vì nói rằng trái đất quay” [41].

## Còn Galilêo thì sao?

Đúng là Galilêo đã bị gọi ra trước Tòa dị giáo ở Rôma và bị cáo buộc đã giảng dạy lạc giáo cho rằng trái đất quay chung quanh mặt trời chứ không phải ngược lại. Và ông bị bó buộc phải rút lại. Nhưng ông không bị nhốt trong tù cũng không bị tra tấn; ông bị quản thúc trong một ngôi nhà tiện nghi, nơi ông sống tới khi chết năm 78

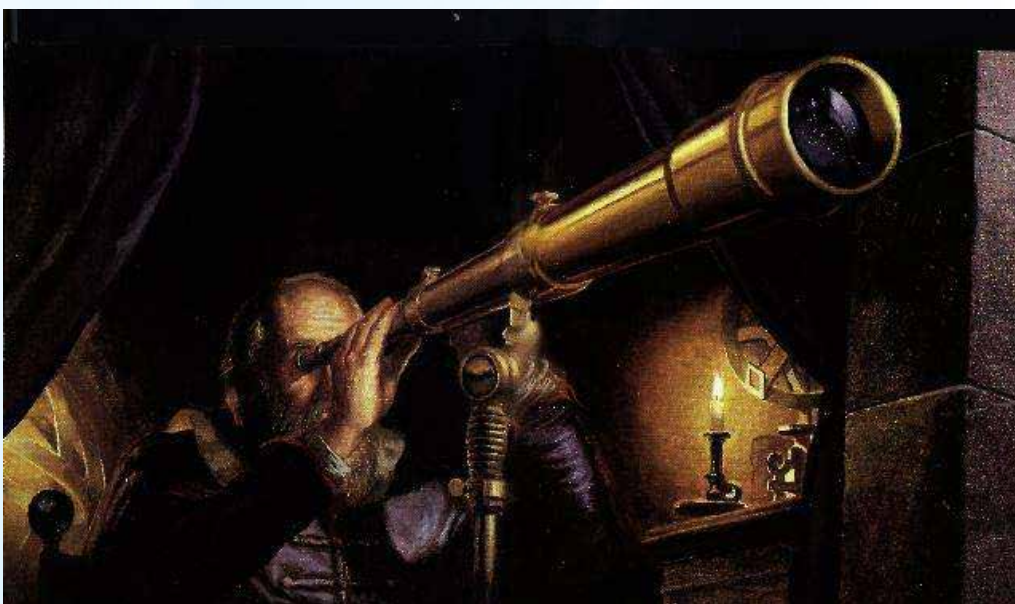


tuổi. Điều quan trọng hơn, cái làm cho Galileo gặp trục trặc với Giáo Hội không phải là những xác tín khoa học của ông, cho bằng tính kiêu căng và hai mặt của ông. Câu chuyện xảy ra như sau. Từ lâu trước khi trở thành Giáo hoàng Urbanô VIII (phục vụ từ 1623-1644), khi còn là hồng y, Maffeo Barberini đã biết và quý mến Galilêô. Năm 1623, khi xuất bản tác phẩm Assayer, Galilêô đã đề tặng quyển sách cho Barberini, và người ta nói rằng vị Giáo hoàng hài lòng vì trong đó có nhiều phê phán chống lại một số học giả dòng Tên. Assayer chủ yếu tấn công Orazio Grassi, nhà toán học dòng Tên đã xuất bản một nghiên cứu đúng đắn về sao chổi như những thiên thể nhỏ. Galilêô chế nhạo lập trường này, lập luận cách sai lầm rằng sao chổi chỉ là những phản chiếu trên hơi nước bốc lên từ trái đất [42]. Dù thế nào chăng nữa, Assayer đã khiến Giáo hoàng Urbanô VIII viết một bài thơ ca tụng vinh quang của khoa thiên văn. Vậy đã có chuyện gì không ổn?

Điều quan trọng là phải đặt câu chuyện Galilêô vào bối cảnh lịch sử của nó. Vào thời đó, cuộc Cải cách (Thệ phản) đang thách thức miền bắc châu Âu, và cuộc chống Cải cách của Công giáo đang nở rộ. Một phần là để chống lại những cáo buộc của Thệ phản cho rằng Giáo Hội Công giáo không trung thành với Kinh Thánh, nên Giáo Hội đưa ra những hạn chế trong nghiên cứu thần học, từ đó dẫn đến sự can thiệp của Giáo Hội

vào những tranh luận hàn lâm và khoa học. Tuy nhiên, Đức Urbanô VIII và những quan chức cao cấp khác không có ý trù dập các nhà khoa học, thay vào đó là đề nghị những phương thế để tránh bất cứ xung đột nào giữa khoa học và thần học, bằng cách tách biệt hai lãnh vực. Vì thế Marin Mersenne khuyên các nhà khoa học bảo vệ nghiên cứu của họ bằng lý luận rằng Thiên Chúa hoàn toàn tự do đặt trái đất ở nơi nào Ngài muốn, và bổn phận của khoa học là tìm ra nơi Chúa đã đặt [43]. Các nhà khoa học thận trọng hơn thì chọn chiến thuật là coi các kết luận khoa học chỉ là giả thuyết hoặc tính toán, do đó không mang nội hàm thần học trực tiếp nào cả. Và đó cũng là điều Giáo hoàng mong Galilêô làm, nghĩa là nhìn nhận rằng “không thể đạt đến những kết luận tối hậu trong khoa học tự nhiên. Thiên Chúa theo sự toàn năng của Ngài có thể làm ra một hiện tượng tự nhiên bằng nhiều cách, do đó thật là ngạo mạn nếu bất cứ triết gia nào cho rằng lập trường của mình là giải pháp duy nhất” [44]. Xem ra đó là một lối thoát nhẹ nhàng. Galilêô lại có khuynh hướng gán cho mình những phát minh của người khác, chẳng hạn kính viễn vọng, hoặc là những nghiên cứu thực nghiệm mà ông không làm, ví dụ thả các vật nặng rơi xuống từ tháp nghiêng Pisa. Điều đó có nghĩa là về chuẩn mực đạo đức, Galilêô khó lòng hợp với Giáo hoàng. Ông còn thách thức Giáo hoàng một cách xúc phạm. Năm 1632, Galilêô xuất bản quyển Cuộc đối thoại

giữa hai hệ thống về thế giới. Mục đích của quyển sách là trình bày giải thích về hiện tượng thủy triều, hai thế giới quan ở đây là của Ptolemy theo đó mặt trời quay quanh trái đất, và của Copernicus theo đó trái đất quay quanh mặt trời. Cuộc đối thoại gồm có 3 nhân vật, hai triết gia và một dân thường.



Chính người dân thường, tên là Simplicio, là người trình bày quan điểm truyền thống theo Ptolemy (đang khi tên gọi Simplicio rất gần với một từ trong tiếng Ý có nghĩa là ngu ngốc, khờ khạo, simpleton). Rồi ông đưa ra những lập luận chế nhạo đối thủ.

Quyển sách đã gây phẫn nộ và dễ hiểu là Giáo hoàng thấy mình bị phản bội. Về phần Galilêô, ông vẫn cho rằng Dòng Tên và các giáo sư đại học là những người đã gây khó khăn cho ông. Dù vậy, Giáo hoàng vẫn dùng quyền của mình để bảo vệ Galilêô khỏi phải chịu những hình phạt nặng. Không may là hành động thách thức của Galilêô đã làm dấy lên phản ứng của phong trào chống Cải cách trong Giáo Hội, khiến cho tự do trí thức bị giới hạn lại. Điều khôi hài là những gì Galilêô trình bày trong quyển sách như là khoa học đúng đắn thì thực ra không phải thế; chẳng hạn lý thuyết của ông về thủy triều bị cho là vô nghĩa như Albert Einstein đã chỉ cho thấy trong Lời tựa bản dịch quyển sách này năm 1953 [45]. Cũng oái ăm nữa là phán quyết chống lại Galilêô một phần bị tác động bởi nỗ lực của các nhà lãnh đạo Giáo Hội nhằm đàn áp các nhà chiêm tinh - một vài nhà thần học đã nhầm lẫn khi đánh đồng lập trường trái đất quay quanh mặt trời với những lý thuyết cho rằng vận mệnh con người được điều hành bởi chuyển động của các thiên thể.

Vậy, trường hợp Galilêô nói lên điều gì? Trường hợp đó cho thấy luôn có những nhóm hoặc tổ chức quyền thế lạm dụng quyền lực của họ để áp đặt niềm tin của họ lên người khác. Dĩ nhiên điều này không chỉ liên quan đến các tổ chức tôn giáo nhưng còn liên quan đến mọi tổ chức xã hội. Câu chuyện này cũng cho thấy Galilêô không phải là một học giả ngây thơ bị trở thành nạn nhân của đám người cố chấp ngu muội. Dù sao chẳng nữa, trường hợp nổi tiếng này cũng không làm thay đổi thực tế là sự trỗi dậy của khoa học đã bắt rễ sâu từ thần học Kitô giáo. Galilêô vẫn là người có niềm tin tôn giáo sâu xa. Như William Shea ghi nhận, “Nếu Galilêô ít sùng đạo hơn, có lẽ ông đã từ chối không đi Rôma (khi bị Tòa dị giáo triệu tập); Venice đã đề nghị cung cấp cho ông nơi ẩn náu” [46]. Thế nhưng

ông đã không chạy trốn đến Venice và vẫn luôn bày tỏ đức tin của mình cho con gái cũng như bạn bè ông trong suốt cuộc xử án.

## Kết luận

Dù Kitô giáo đã đóng vai trò thiết yếu trong sự phát triển khoa học ở phương Tây, thì sự lệ thuộc đó nay không còn nữa. Khoa học đã đứng trên đôi chân của mình và xác tín rằng những bí mật của tự nhiên sẽ nhường bước cho những nghiên cứu, xác tín đó không còn mang tính tôn giáo nhưng là thế tục. Sự trỗi dậy của các cơ sở khoa học độc lập đã làm nảy sinh những căng thẳng mới giữa thần học và khoa học. Ngày nay có những nhóm chiến binh vô thần (chỉ có vài người trong họ là nhà khoa học) đang quyết liệt tấn công tôn giáo, coi tôn giáo là dị đoan và vô nghĩa, nhân danh khoa học để phủ nhận sự hiện hữu của Thiên Chúa và khả thể của các phép lạ. Thế nhưng họ không nhận ra rằng khoa học chỉ giới hạn ở cái thường nghiệm, ở thế giới tự nhiên và chẳng có quyền nói gì về thực tại thiêng liêng, vượt trên cái thường nghiệm. Điều lạ lùng là nhiều khuôn mặt nổi tiếng trong số những chiến binh vô thần này lại tin rằng có những hữu thể “giống như thần thánh” ở những hành tinh xa xôi. Như Richard Dawkins giải thích trong quyển *The God Delusion* (2006): “Dù chúng ta có biết về họ hay không, có thể là có các nền văn minh khác cao hơn của loài người, đến độ giống như thần thánh, vượt trên bất cứ điều gì mà một nhà thần học có thể hình dung” [47].

*Trích Tập san Hiệp Thông / HĐGM VN, số 118 (tháng 5 & 6 năm 2020)(hdgmvietnam.com 20.08.2020)*

[1] Keefe, Donal J. 1986, “Tracking a Footnote”. *Catholic Scholar’s Newsletter* 9:4.

[2] Godkin, Georgina Sarah, 1879, *Life of Victor Emmanuel II, Volume 1*, London: Macmillan and Company, xiv.

[3] Quoted in Finocchiaro, 2009, 68.

[4] Gribbin, John. 2006, *The Fellowship: Gilbert, Bacon, Harvey, Wren, Newton, and the Story of a Scientific Revolution*. New York: Overlook Press. xiv.

- [5] Feuerbach, Ludwig, 1986, Principles of the Philosophy of the Future. Indianapolis: Hackett Publishing Co.
- [6] Locke, Essay Concerning Human Understanding 3-9.
- [7] Quoted in Dales, Richard C. 1994, The Scientific Achievement of the Middle Ages. Philadelphia : University of Pennsylvania Press. 170.
- [8] Augustine, City of God 5:1
- [9] On Repentance 1.
- [10] Clement, Recognitions of Clement II: LXIX.
- [11] Southern, 1970, 49.
- [12] Grant, Edward. 1996. The Foundation of Modern Science in the Middle Ages: Their Religious, Institutional, and Intellectual Context. Cambridge University Press. 182.
- [13] Ibid., 183.
- [14] Ibid., 184.
- [15] Haskins, Charles Homer. 2002. The Rise of Universities. New Brunswick, NJ: Transaction. 3.
- [16] Colish, Maria L. 1997. Medieval Foundation of the Western Intellectual Tradition, 400-1400. New Haven, CT: Yale University Press. 266.
- [17] Grant, 1996; Porter, 1998.
- [18] Porter, Roy. 1998. The Greatest Benefit to Mankind: A Medical History of Humanity. New York: W.W.Norton.
- [19] Mason, Stephen F. 1962. A History of the Sciences. Rev. ed. New York: Macmillan.
- [20] Porter, 1998.
- [21] Grant 1996, 205.
- [22] Schachner, Nathan. 1938. The Medieval Universities. New York: Frederick A. Stokes. 3.
- [23] Quoted in Grant, 2007. A History of Natural Philosophy: From the Ancient World to the Nineteenth Century. Cambridge: Cambridge University Press. 148-49.
- [24] Stark, Rodney. For the Glory of God: How Monotheism Led to Reformation, Science, Witch-Hunts, and the End of Slavery. Princeton, NJ: Princeton University Press. 2003, chapter 2.
- [25] Shapin, Steven. 1996. The Scientific Revolution. Chicago: Chicago University Press. 1.
- [26] Stark 2014, 307.
- [27] Russell, Bertrand. 1959. Wisdom of the West. New York”: Doubleday. 232.
- [28] Whitehead, Alfred North. 1967. Science and the Modern World. New York: Free Press. 13.
- [29] Ibid., 12.
- [30] Descartes, Oeuvres 8:61.
- [31] Crosby, Alfred W. 1997. The Measure of Reality. Cambridge: Cambridge University Press. 83.
- [32] Whitehead, 1967, 13.
- [33] Needham, Joseph. 1954- 84. Science and Civilization in China. 6 vols. Cambridge: Cambridge University Press. 581.
- [34] Lindberg, David C. 1992. The Beginning of Western Science. Chicago”: Chicago University Press. 54.
- [35] Jaki, Stanley L. 1986. Science and Creation. Edinburgh: Scottish Academic Press. 105.
- [36] Stark 2003, chapter 2
- [37] Bradley, Walter I. 2001. Signs of Intelligence: Understanding Intelligent Design. Grand Rapids: Brazos Press. 160.
- [38] In Merton, Robert K. 1938. “Science, Technology and Society in Seventeenth Century England. Osiris 4 (part 2). 447.
- [39] Einstein, Letters to Solovine, 131.
- [40] Finocchiano, Maurice A. 2009. “Myth 8: That Galileo Was Imprisoned and Tortured for Advocating Copernicanism”, Galileo Goes to Jail: And Other Myths about Science and Religion. Harvard University Press. 68.
- [41] Ibid.
- [42] Drake and O”Malley, 1960. The Controversy of the Comets of 1668. Philadelphia: University of Pennsylvania Press.
- [43] Brooke and Cantor, 1998, Restructuring Nature. Oxford: Oxford University Press. 20.
- [44] Ibid.
- [45] Published by University of California Press
- [46] Shea, William R. 1986. “Galileo and the Church” in God and Nature: Historical Essays on the Encounter between Christianity and Science. Berkeley: University of California Press. 132.
- [47] Dawkins, Richard. 2006. The God Delusion. Boston: Houghton Mifflin. 98

# Lộ Đức và các phép lạ

**T**rong những ngày vừa qua, Trung Tâm Thánh Mẫu Lộ Đức ở miền nam Pháp đã thu hút sự chú ý đặc biệt của dư luận Công Giáo với cuộc hành hương toàn quốc Pháp lần thứ 147 từ ngày 13 đến Chúa Nhật 16-08-2020 do Đức Cha Antoine Hérouard, GM phụ tá giáo phận Lille ở miền bắc Pháp và cũng là Đại Biểu Tòa Thánh về Đền Thánh Đức Mẹ Lộ Đức, chủ sự.

Đặc biệt hôm thứ Bảy 15-08-2020, ĐHY Pietro Parolin, Quốc vụ khanh Tòa Thánh, đã chủ sự Thánh lễ trọng thể.

Cuộc hành hương này do Hiệp Hội Đức Mẹ Phần Rối thuộc dòng thánh Augustino Đức Mẹ Mông Triệu, quen gọi là dòng Assomptioniste, tổ chức hàng năm và đặc biệt năm 2020 này cũng là năm kỷ niệm 175 năm thành lập dòng, một dòng đang hoạt động tại 27 quốc gia, trong đó có cả Việt Nam.

## Cuộc hành hương toàn quốc 147 tại Lộ Đức

Cuộc hành hương toàn quốc thứ 147 năm nay cũng mang một sắc thái khác thường vì đại dịch Covid-19 từ tháng Ba đã làm ngưng lại các cuộc hành hương tại Trung Tâm Thánh Mẫu quốc tế này. Trong những tháng qua, 96% trong số 137 khách sạn tại Lộ Đức đã phải đóng cửa. Số thiệt hại lên tới 340 triệu Euro. Thị trường thành phố Lộ Đức

phải viết thư cho chính truyền trung ương Pháp và nói rằng “tình trạng chúng tôi trầm trọng đến độ tự mình chúng tôi không thể vượt qua được”.

## Lộ Đức, nơi xảy ra nhiều phép lạ

Khác với nhiều đền thánh quốc tế trong Giáo Hội, Lộ Đức có lẽ là nơi xảy ra nhiều phép lạ nhất được Giáo quyền chính thức công nhận, sau những thủ tục điều tra nghiêm ngặt, có thể nói là nghiêm ngặt hơn cả các thủ tục xét phép lạ trong các án phong chân phước và hiển thánh.

7 ngàn hồ sơ khỏi bệnh khác thường

Thực vậy trong số 7 ngàn hồ sơ về những vụ khỏi bệnh khác thường được đệ trình tại Văn phòng y khoa Lộ Đức, cho đến nay chỉ có 70 vụ được giáo quyền chính thức nhìn nhận là phép lạ, sau các cuộc khảo sát sâu rộng của các bác sĩ và các khoa học gia, trong đó có cả những người vô thần. Phép lạ đầu tiên xảy ra cách đây 161 năm, vào ngày 01-03-1858: bà Catherine Latapie, 38 tuổi, người Pháp, bị liệt phải nằm dài trên cang trong 18 tháng trời. Sự khỏi bệnh của bà được Đức GM giáo phận Tarbes ở địa phương nhìn nhận ngày 18-01-1862 sau 4 năm điều tra.

## Phép lạ thứ 70

Phép lạ gần đây nhất là phép lạ thứ 70. Đó là cuộc khỏi bệnh lạ lùng của Nữ tu Bernadette



Moriau, người Pháp, thuộc dòng Phan Sinh Hiến Sĩ Thánh Tâm Chúa Giêsu, xảy ra ngày 11-07-2008 và được giáo quyền nhìn nhận ngày 11-02-2018 sau 10 năm điều tra.

Nữ tu Moriau năm nay 81 tuổi, từ cuối thập niên 1960, chị bị bệnh quen gọi là "hiệu chứng đuôi ngựa" (syndrome de la queue de cheval) phần cuối của tủy xương sống. Từ năm 1987, chị không đi lại được nữa.

Chị Bernadette Moriau kể lại: "Hồi tháng 2 năm 2008, bác sĩ điều trị mời tôi tham gia cuộc hành hương của giáo phận Beauvais từ ngày 3 đến 7 tháng 7 cùng năm tại Lộ Đức. Tôi chưa bao giờ đến Lộ Đức trong tư cách là bệnh nhân. Tôi đã đi Lộ Đức với niềm vui của tất cả các tín hữu hành hương, vì năm 2008 cũng là năm kỷ niệm 150 năm Đức Mẹ hiện ra với Bernadette (...). Trước Hang Đá, tôi cảm thấy sự hiện diện huyền nhiệm của Đức Mẹ và thánh nữ Bernadette (...). Tôi không hề cầu xin ơn được lành bệnh, nhưng xin ơn hoá cải tâm hồn và sức mạnh để tiếp tục con đường bệnh nhân của tôi".

Sau khi trở về cộng đoàn tu viện ở Besles, gần thành phố Beauvais, đã xảy ra cho chị Moriau điều mà ngày nay Giáo Hội nhìn nhận là phép lạ. Chị kể: "Ngày 11-07 [năm 2008] trong lúc chúng tôi đang châu Minh Thánh Chúa, và hiệp thông với Lộ Đức, tôi hồi tưởng lại giờ phút mạnh mẽ đã trải qua trong lúc Phép Lành Minh Thánh Chúa được ban cho các bệnh nhân trong đó tôi thực sự cảm thấy sự hiện diện của Chúa Giêsu, kinh nghiệm ấy được tái diễn. Sau khi châu Minh Thánh, tôi cảm thấy trong thân thể tôi một cảm giác nóng và thoải mái. Tôi cảm thấy lành mạnh.."

Trở về phòng riêng, chị Bernadette Moriau đã rời bỏ các máy móc y khoa, thanh kẹp chân, tắt máy máy hỗ trợ thần kinh. Với đức tin, chị bắt đầu bước đi hoàn toàn tự lập, không cần sự giúp đỡ nào. Các nữ tu cùng nhà làm chứng sự thay đổi.

Tiếp đến chị đến gặp bác sĩ điều trị và ông chứng nhận sự thay đổi. Các bác sĩ chuyên môn sau đó cũng nhận thực như vậy. Rồi chị trình diện tại Văn phòng y khoa quốc tế tại Lộ Đức,



và Văn phòng quyết định khởi sự tiến trình điều tra và thẩm định với nhiều lần cứu xét. Sau cùng trong khóa họp toàn thể thường niên ngày 18 và 19-11 năm 2016, Ủy ban đồng thanh, trừ 1 phiếu, nhìn nhận cuộc khởi bệnh của nữ tu Bernadette Moriau là không giải thích được theo tình trạng kiến thức khoa học hiện nay".

Chúa nhật 11-02 năm 2018, lễ kính Đức Mẹ Lộ Đức, cũng là kỷ niệm 160 năm Đức Mẹ hiện ra lần đầu tiên tại Lộ Đức, Đức Cha Jacques Benoit-Gonnin, GM giáo phận Beauvais ở miền Bắc Pháp, đã công bố sắc lệnh nhìn nhận cuộc khởi bệnh của Nữ Tu Moriau là phép lạ, là dấu chỉ thần linh, đạt được nhờ sự chuyển cầu của Đức Mẹ Lộ Đức.

## Phép lạ thứ 69

Phép lạ thứ 70 trên đây được công nhận và công bố 5 năm sau phép lạ thứ 69 tại Lộ Đức. Người được phép lạ ấy là bà Danila Castelli, sinh tại miền bắc Italia.

Ngày 04-05-1989 trong cuộc hành hương tại Lộ Đức và tắm nước suối Đức Mẹ tại đây, bà được khởi bệnh một cách lạ lùng, bệnh gọi là khối cận tử cung (une masse para-utérine) và một u xơ ở tử cung (un utérus fibromateux) mà bà phải chịu từ lâu trước đó. Bà trình báo với Văn phòng y khoa Lộ Đức về sự khởi bệnh đột ngột của bà.

Sau 5 lần nhóm họp vào những năm 1989, 1992, 1994, 1997 và 2010, Văn phòng đồng thanh xác nhận "bà Castelli đã được khởi bệnh



hoàn toàn và lâu dài, từ sau cuộc hành hương tại Lộ Đức năm 1989, khỏi những hiệu chứng mà bà phải chịu từ 21 năm, điều này không có liên hệ gì tới những cuộc can thiệp và chữa trị y khoa”.

Trong phiên nhóm ngày 19-11-2011 tại Paris, Ủy ban y khoa quốc tế về Lộ Đức chứng thực rằng “cách thức khỏi bệnh của bà Castelli là điều không giải thích được trong tình trạng kiến thức hiện nay của y khoa”. Ngày 20-06-2013, Đức Cha Giovanni Giudici, GM giáo phận Pavia, bắc Italia, nơi bà Castelli sinh sống, đã tuyên bố nhìn nhận ”tính chất lạ thường “phép lạ” và ”giá trị dấu lạ” của việc khỏi bệnh này.

Tổng cộng trong 160 năm qua, đã có 30 ngàn vụ khỏi bệnh tại Lộ Đức, trong đó có 7 ngàn vụ được thiết lập hồ sơ, và 2 ngàn vụ được nhìn nhận là không giải thích được về phương diện y khoa, nhưng cho đến nay chỉ có 70 vụ được giáo quyền nhìn nhận là phép lạ.

**Tiêu chuẩn cứu xét nghiêm ngặt**

Tiêu chuẩn cứu xét của Ủy ban bác sĩ quốc tế ở Lộ Đức rất nghiêm ngặt. Phần lớn hồ sơ về những vụ khỏi bệnh được chấm dứt sớm, và từ

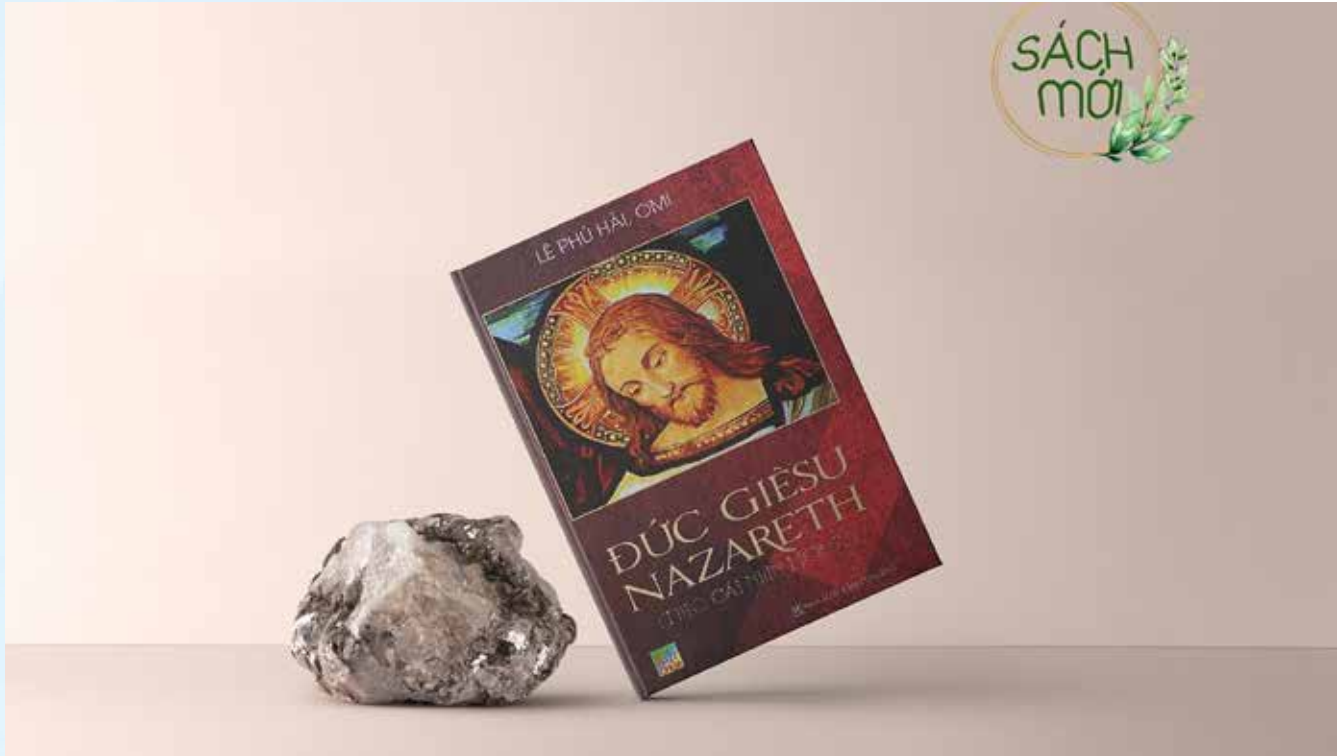
”phép lạ” là điều mà cho đến nay, Ủy ban gồm 30 bác sĩ tránh sử dụng. Trong ủy ban có một số bác sĩ vô thần, hoặc không phải là người Công Giáo. Và thẩm quyền tuyên bố phép lạ thuộc về Đức GM bản quyền của nơi mà người được khỏi bệnh cư ngụ.

Từ năm 2006, Ủy ban y khoa cứu xét những vụ khỏi bệnh qua 3 giai đoạn: trong giai đoạn thứ nhất, Ủy ban cứu xét tiểu sử của bệnh nhân và bệnh trạng của họ để xem đó có phải là một cuộc khỏi bệnh bất ngờ hay không. Trong giai đoạn thứ hai, Ủy ban cứu xét xem đó có phải là một cuộc khỏi bệnh được xác nhận và củng cố hay không, và giai đoạn thứ ba là cứu xét và nhìn nhận tính chất ngoại thường của việc khỏi bệnh và chỉ sau đó họ mới chuyển hồ sơ cho vị giám mục bản quyền.

Các tiêu chuẩn nghiêm ngặt: bệnh đó phải là bệnh nặng và nguy hiểm tới tính mạng, và việc khỏi bệnh phải là bất thành linh, hoàn toàn và kéo dài, cả sự thay đổi cuộc sống sau đó cũng giữ một vai trò quan trọng.

**G. Trần Đức Anh OP**





## Lời giới thiệu

“Đức Giêsu Nazareth”  
theo cái nhìn Lịch sử

Tác giả : LM Lê Phú Hải omi

**C**ho dù bức chân dung của Đức Giêsu Nazareth đã được phác họa mỗi thời mỗi kiểu từ hơn 2000 năm qua, nhưng đối với mỗi Kitô hữu, đã được lãnh nhận Phép Rửa Tội, đều tuyên xưng và tin rằng: “Đức Kitô hôm qua hôm nay và mãi mãi vẫn là một” (Dt 13,8). Bản tuyên xưng đức tin cổ nhất của các Kitô hữu tiên khởi đã được Thánh Phaolô ghi lại: “Đức Kitô đã chết/ vì tội lỗi chúng ta,/ đúng như lời Kinh thánh, rồi Người đã được mai táng,/ và ngày thứ ba/ đã trỗi dậy,/ đúng như lời Kinh thánh. Người đã hiện ra với ông Kêpha, rồi với Nhóm Mười Hai” (1Côrintô 15,3b-5) .

Nhưng các nhà nghiên cứu Kinh Thánh sẽ khẳng định với các Kitô hữu rằng: đó là Đức Giêsu của lòng tin, của mặc khải. Còn dung mạo đích thật của Đức Giêsu Nagiarét, nói đúng hơn khuôn mặt lịch sử của Ngài vẫn còn là câu hỏi mở, đang được nghiên cứu và khám phá.

Trong số báo Danchua online số 60 được phát hành vào tháng Hoa dâng kính Đức Maria năm 2020, trang mạng Dân Chúa Âu châu đã cho đăng bản tin đáng được các học giả, những nhà nghiên cứu Kinh Thánh quan tâm, và tất các tín hữu Kitô cũng cảm thấy vui mừng: “Chúng tôi tin rằng chúng tôi có hình ảnh chính xác về Chúa Giêsu trên trái đất này,” giáo sư Giulio Fanti của đại học Padua quả quyết.

Ông Giulio Fanti - giáo sư môn đo đạc cơ khí và nhiệt lượng tại đại học Padua, cũng là người nghiên cứu Tấm Khăn Liệm - nói: “Hình tượng này - là hình ảnh ba chiều, đúng với kích thước thực tế của Người trong khăn liệm - được tạo ra theo số đo chính xác lấy từ tấm khăn liệm bọc thân thể Chúa Kitô chịu đóng đinh.”

Dựa trên các phép đo đạc của mình, vị giáo sư này tuyên bố: Ông đã tạo ra một bản sao carbon 3D, cho phép khẳng định như đinh đóng cột rằng, đây đúng là chân dung thực sự của Chúa Kitô chịu đóng đinh: “Vì vậy, chúng tôi tin rằng: Cuối cùng, chúng ta cũng có hình ảnh chính xác, giống Chúa Giêsu ngày xưa trên trái đất này. Từ giờ trở đi, người ta không thể mô tả Ngài mà không để ý đến việc này.”

Giáo sư cũng tiết lộ: “Theo nghiên cứu của chúng tôi, Đức Giêsu là một người có vẻ đẹp

phi thường. Chi thể cao lớn, nhưng rất khỏe mạnh, Ngài cao gần 5ft 11inch (1,8m), trong khi chiều cao trung bình lúc đó là khoảng 5 ft 5 in (1,67m). Ngài có một phong thái vương giả và uy nghi. (Vatican Insider)

Nhưng các câu hỏi xung quanh điều bí ẩn của Tấm Khăn Liệm vẫn còn nguyên vẹn. Chắc chắn, nơi người đàn ông bị tra tấn đó, chúng ta thấy những dấu vết đau khổ, trong đó chúng ta cũng tìm thấy một phần của mỗi chúng ta, nhưng dưới cái nhìn đức tin, hy vọng rằng người đàn ông này chính là người đàn ông xuất sắc: “Đây là Người” đứng yên lặng trước Philatô và sau trận đòn khủng khiếp, đã bị đóng đinh trên thập giá như một người vô tội; không những vô tội, mà còn mang nơi mình tội lỗi của tất cả mọi người.

Mặc dù niềm tin vào Tấm Khăn Liệm này không phải là điều bắt buộc, ngay cả đối với các Kitô hữu, nhưng sự đặc biệt của mảnh vải đó vẫn thách thức sự hiểu biết và định kiến của chúng ta, cũng gần giống như một Giêsu thành Nadarét, đã thách thức định kiến của chúng ta, bằng cách yêu thương những kẻ bắt bố Ngài, tha thứ cho họ khi Ngài ở trên thập giá, và chiến thắng cái chết vào 2.000 năm trước đây.

Từ hơn 2000 năm qua, câu hỏi được đặt ra là liệu các nhà nghiên cứu Thánh Kinh có thể nào tìm lại được khuôn mặt Đức Giêsu lịch sử không? Và câu hỏi Đức Giêsu nêu lên cho các môn đệ, và các Kitô hữu tiên khởi: “Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai?” (Mácô 8,29). Câu trả lời cho hành trình tìm kiếm khuôn mặt Đức Giêsu lịch sử vẫn tiếp tục không ngừng không những cho các nhà nghiên cứu chuyên môn mà còn cho mỗi Kitô hữu chúng ta hôm nay.

Chính trong chiều hướng nghiên cứu và tìm hiểu để khám phá ra khuôn mặt lịch sử của Đức Giêsu, Tủ sách Dân Chúa châu Âu xin được trân trọng giới thiệu tác phẩm “Đức Giêsu Nazareth“ tái bản năm 2020 (ấn bản “Đức Giêsu Nazareth“ gốc được in vào năm 2011) của linh mục Vinh sơn Lê Phú Hải OMI, chủ biên thần học của trang mạng Danchua.eu từ nhiều năm qua. Ngài cũng là cựu chủ bút của nguyệt san Dân Chúa châu Âu và đã biên soạn in ấn 12 tác phẩm tôn giáo giá trị khác.

Trong lần tái bản năm 2020 này, chính tác giả đã xác định trong phần dẫn nhập: “sách Đức Giêsu Nazareth vẫn được soạn theo chiều hướng nghiên cứu lịch sử, chú giải và suy tư thiêng liêng giúp độc giả đi vào tìm hiểu khám phá khuôn mặt Đức Giêsu trong bối cảnh Do thái giáo ở thế kỷ thứ I cũng như tác động trong Kitô giáo tiên khởi.“

Qua hơn 300 trang sách, tác giả đã có công trình bày một cách tổng quát những nghiên cứu Kinh Thánh của các tác giả trong 20 thế kỷ qua ... từ các nguồn tài liệu khác nhau như khoa khảo cổ, xã hội học, nhân chủng học, kinh tế những xã hội nông nghiệp, nhất là từ nguồn gốc chính là các sách Tin mừng.

Trong phần Nhập đề tác giả đã xác định và giới thiệu các nguồn tài liệu: “tiến trình đi tìm khuôn mặt Đức Giêsu lịch sử“ qua các nguồn sử liệu ngoài Kitô giáo, bằng tiếng Hy Lạp, các bản văn La tinh. Nguồn tài liệu đến từ kinh Coran của đạo Muslim (Hồi giáo). Nhất là Nguồn tài liệu từ Kitô giáo đến từ Thư quy hay Quy điển: Bốn Tin Mừng Mácô, Mátthêu, Luca, Gioan, Sách Công Vụ, Thư bộ Phaolô.... Cũng phải kể đến nguồn tài liệu đến từ Ngụy thư. Những Tin mừng đến từ Kitô hữu gốc Do thái. Nguồn tài liệu đến từ truyền thống Giáo phụ.

Sau đó tác giả trình bày Chân dung Đức Giêsu trong bối cảnh về địa dư xứ Galilê với các thành phố lớn, thủ đô Giêrusalem, về ngôn ngữ, kinh tế, chính trị, lịch sử và ảnh hưởng Ba tư, Hy Lạp và La mã.

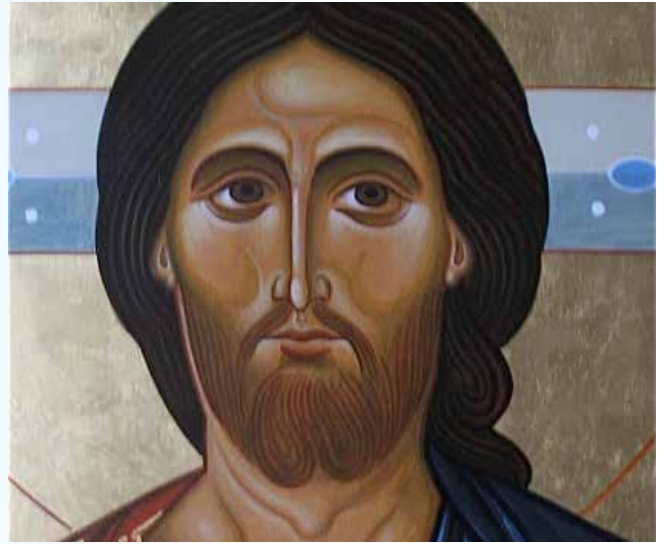


Những nét chính yếu của Do thái giáo đầu thế kỷ công nguyên với Cơ chế tổ chức với các Tư Tế và giới nắm quyền hành tại Đền thờ. Đền thờ và việc phục vụ tại đền thờ, các đại Lễ Vượt Qua (Pesah), Lễ Ngũ Tuần (Shavuot) và Lễ Lều (Sukkot). Hội đường và việc Phụng tự. Luật về Ngày Sabát

Tác giả đặc biệt trình bày Lý lịch Đức Giêsu: gia đình của Ngài, nơi sinh và năm sinh. Những năm ẩn dật tại Nazareth và Nghề nghiệp: “tektôn”. Sứ vụ công khai với Hành trình sứ vụ theo Máccô và theo Luca. Năm khởi đầu: 27-28 và Năm kết thúc: Đức Giêsu qua đời ngày 7.4.30. Lời Đức Giêsu giảng Sứ điệp căn bản: Nước Thiên Chúa. Thái độ của Dân chúng và những thành phần chống đối. Khuôn mặt Đức Giêsu là “Thầy” (Rabbi), Ngôn sứ, Đấng Mêsia/Kitô. Con Người. Con Thiên Chúa. Người làm phép lạ.

Chương quan trọng nhất của cuốn sách trình bày đề tài Từ cõi chết đi vào cuộc sống: Đức Giêsu chịu thương khó theo Tân ước và Tin mừng cũng như những nguồn sử liệu ngoài Tin mừng. Bối cảnh lịch sử: Hệ thống pháp lý ở xứ Giuđê thời Đức Giêsu. Hệ thống pháp lý trong những tỉnh của đế quốc La mã. Hệ thống pháp lý theo Kinh thánh với Án tử hình. Diễn tiến biến cố thương khó từ lúc bị bắt cho tới khi bị đóng đinh trên Núi Sọ, cơn hấp hối và việc mai táng. Tác giả cũng kể lại chi tiết Lý do Đức Giêsu bị bắt. Bối cảnh lịch sử của các vụ án. Vụ án La mã: Nơi Pháp đình: Quyết định vụ án: Lý do Đức Giêsu bị kết án đóng đinh.

Nhưng lịch sử không chấm dứt với cái chết đau thương của Đức Giêsu. Đức Giêsu đã sống lại như lời Thánh Kinh, khởi đầu và nền tảng cho niềm tin kitô giáo: Các môn đệ công bố lòng tin hay lời rao giảng tiên khởi: Kerygma. Các môn đệ cử hành lòng tin và trình bày đức tin vào biến cố nền tảng: Chúa Giêsu trỗi dậy từ trong cõi chết như lời Ngài đã tiên báo với sự kiện Ngôi mộ mở (Máccô 16,1-8; Mátthêu 28,1-8; Luca 24,1-12; Gioan 20,1-10). Trình thuật hiện ra đưa các môn đệ làm chứng nhân (Mátthêu 28,16-20). Trình thuật diễn đạt kinh nghiệm kitô giáo. Đức Giêsu hiện ra với hai môn đệ trên đường Emmau



(Luca 24,13-35). Đức Giêsu hiện ra với bà Maria Madalêna: Gioan 20,11-18

Xuyên suốt nội dung cuốn sách “Đức Giêsu Nazareth“, tác giả đã đưa ra một số nhận định về kết quả các nghiên cứu, những hướng đi về tương lai và các câu hỏi căn bản:

1) Với những tài liệu được duyệt xét theo những tiêu chuẩn sử tính khách quan, kết quả thật khiêm tốn đối với con người Đức Giêsu. Với tất cả những cố gắng nêu trên, câu hỏi đặt ra có thể tìm được những điều chắc chắn về Đức Giêsu không? Các học giả khiêm tốn hơn dù có trong tay những tiêu chuẩn hầu có thể coi những lời nói hay hành vi Đức Giêsu đã nói và đã làm.

2) Tất cả các nhà nghiên cứu đều đồng ý không thể nào viết được một tiểu sử Đức Giêsu theo nghĩa tiểu sử ngày nay. Họ chấp nhận các sách Tin mừng như nguồn tài liệu chính về Đức Giêsu, và biết rõ những tác giả Tin mừng không viết “tiểu sử” về Đức Giêsu nhưng loan báo Tin mừng Đức Giêsu: Đấng Mêsia, Chúa và là Con Thiên Chúa.

3) Các tác giả muốn trình bày cho thấy ơn cứu độ của Thiên Chúa được gắn với Đức Giêsu, một nhân vật lịch sử chứ không phải là một huyền thoại. Đức tin của chúng ta được diễn tả qua việc chấp nhận các lời dạy và gương sống của Người. Vì thế các tác giả đã không bịa đặt các chuyện đó, nhưng họ cố gắng truyền đạt cho chúng ta những gì mà họ đã học được.

4) Chúng ta đã nhận hiểu rằng Kinh thánh Kitô giáo không chú trọng trình bày cho người đọc một tiểu sử rõ ràng về Chúa Giêsu. Tuy

nhiên, bộ Tin Mừng này có thể cung cấp cho chúng ta những thông tin lịch sử rất giá trị về cuộc đời Chúa Giêsu nếu chúng nhận thêm được sự trợ giúp của khoa nghiên cứu lịch sử, các học giả Kinh Thánh và phương pháp suy luận hợp lý. Điều này cho phép chúng ta xây dựng một khuôn mặt Giêsu thành Nazareth mà các nhà sử học, các học giả và các tín đồ tất cả cùng có thể đồng thuận cho rằng hợp lý.

5) Sau khi duyệt qua tất cả những tài liệu lịch sử về Đức Giêsu Nazareth có thể tạm kết luận: ngày nay có thể xác nhận Đức Giêsu thật sự hiện hữu, vì thế từ chối Đức Giêsu không có thật coi như một tính cách vô trách nhiệm. Khuôn mặt Đức Giêsu không phải do cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi tạo ra. Những vấn nạn lịch sử về Đức Giêsu đều có thể nêu lên và tìm hiểu rõ ràng nơi môi trường sống và con người cũng như công trình của Người: đặt Đức Giêsu vào thời đại và đọc các tài liệu lịch sử trong môi trường và hoàn cảnh tương ứng.

6) Ngày nay, các sử gia đồng ý Đức Giêsu bị đóng đinh sau trưa ngày lễ Vượt Qua (7.4.30) tại một nơi ngoài vòng đai Giêrusalem, thời Phongxiô Philatô làm tổng trấn xứ Giuđê, đương thời với vua Hêrôđê Antipas. Vì thế hôm nay khi đi tìm Đức Giêsu lịch sử, nhiều tác giả đều nói đến vấn đề Đức Giêsu Phục sinh. Việc cần coi như trường hợp thái quá khớp vào nhau giữa lý lẽ lịch sử và đức tin, tức là giữa Đức Giêsu lịch sử và Đức Kitô lòng tin.

Vì thế Tin mừng như một cách đọc lại sau biến cố Phục sinh, lịch sử về Đức Giêsu dưới trần thế. Giờ đây đọc lại soi sáng lòng tin dưới ánh sáng Đức Giêsu sống lại, và biến cố phục sinh trở nên chìa khóa đọc Tin mừng. Cho tới bây giờ Đức Giêsu vẫn như Đấng công bố Tin mừng, từ nay Người trở thành Đấng được công bố, và trở thành Tin mừng.

Như vậy câu hỏi Đức Giêsu nêu lên cho các môn đệ, và các Kitô hữu tiên khởi: “Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai?” (Mácô 8,29) vẫn là câu hỏi Chúa Kitô đặt lại cho các nhà nghiên cứu Kinh Thánh từ hơn 2000 năm qua, cho chính tác giả biên soạn cuốn sách này, cho tôi và cho

bạn... Mỗi Kitô hữu hôm qua, hôm nay và ngày mai phải tìm câu trả lời cho chính bản thân mình, không phải chỉ bằng những lý lẽ của trí hiểu, của khoa học (bằng cái đầu) nhưng bằng lý chứng của lòng tin (bằng con tim) được tôi luyện trong cuộc sống Kitô hữu hàng ngày, được hướng dẫn qua Thánh truyền và được Thánh Thần Thiên Chúa chiếu soi.

Thiết nghĩ rằng, tác phẩm “Đức Giêsu Nazareth“, là sợi chỉ vàng đỏ suốt lịch sử hơn 2000 năm qua, tổng hợp các nguồn tài liệu trong: “tiến trình đi tìm khuôn mặt Đức Giêsu lịch sử“ mà tác giả đã góp công tổng kết có thể giúp cho các Kitô hữu thời nay học hỏi để giúp xác tín vào Đức Giêsu của Đức Tin. Mong cuốn sách quý này trở thành cuốn sách gối đầu giường của độc giả.

*Lễ kính Mình Máu Thánh Chúa Giêsu  
(Fatima, ngày 11.06.2020)*

**Lm. Stêphanô Bùi Thượng Lưu**  
**Muốn tìm mua sách, xin liên lạc :**

**Nhà sách Đức Bà Hòa Bình**  
**Địa chỉ: Số 1 Công Xã Paris,**  
**P.Bến Nghé, Quận 1, Saigon.**

**- Điện thoại: 0938.037.175 -**  
**(028)3.8250.745**

**- Email:**  
**nsachducbahoabinh@gmail.com**

**- Website:**  
**<https://ducbahoabinhbooks-osp.com>**



# Những nhân vật trở lại Đạo Công Giáo nổi danh của thế kỷ 20

Hồi còn ở Việt Nam, thời đệ nhất Cộng Hòa, lúc chủ nghĩa nhân vị được các cán bộ nhà nước coi như quốc sách và được giảng dạy trong các trường đào tạo cán bộ quốc gia mọi ngành, người ta thấy xuất hiện các tác phẩm như “Các Nhà Văn Hóa Mới”, được các học sinh trung học chúng tôi đón nhận nồng nàn. Trong số các nhà văn hóa mới này, chúng tôi đọc được rất nhiều nhân vật trí thức Pháp đi từ các thuyết hoài nghi hoặc bất khả tri, bước sang ánh sáng rạng ngời của Đức Tin Công Giáo.

Cũng gần như cùng một thời gian trên, năm 1964, ở Hoa Kỳ, nhà bình luận Công Giáo Michael Novak viết cuốn A New Generation về những bậc thượng trí của phong trào phục hưng Công Giáo mà đa số cũng bao gồm các nhân vật như trong “Các Nhà Văn Hóa Mới”. Họ là Léon Bloy, Charles Peguy, Jacques và Raissa Maritain, Georges Rouault, Ernest Psichari; rồi Paul Claudel, Gabriel Marcel, François Mauriac, Antoine St Exupery, George Bernanos.

Léon Bloy có lẽ là người vô thần trở lại Đạo Công Giáo đầu tiên trong nhóm trên và là người dẫn dắt vợ chồng Maritain tới đức tin vào năm 1906. Bloy là tác giả mà theo sử gia John Connolly, cuốn “Le Salut par les Juifs” của ông với lối giải thích hết sức triệt để theo nghĩa khái quát các chương 9 tới 11 của Thư Gửi Tín Hữu Rôma, đã gây ảnh hưởng lớn đối với các thần học gia Công Giáo tại Công Đồng Vatican II có trách nhiệm soạn thảo phần bốn Tuyên Ngôn Nostra Aetate, tạo nền cho một thay đổi đầy tính cách mạng trong thái độ của Giáo Hội Công Giáo đối với Do Thái Giáo. Ông cũng là tác giả được giáo hoàng tân cử Phanxicô, trong bài giảng lễ đầu tiên năm 2013, trích dẫn. Theo catholicnewsagency.com, hôm ấy, Đức Phanxicô nói rằng “Tôi nhớ kiểu nói của Léo Bloy, ‘ai không cầu nguyện cùng Chúa, sẽ cầu nguyện cùng ma quỷ’. Khi



người ta không tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô, họ sẽ tuyên xưng tính thế gian của ma quỷ”.

Như trên đã nói, ngoài công trình trước tác của ông, đóng góp có ý nghĩa nhất của Léon Bloy là đã dẫn dắt vợ chồng Jacques và Raissa Maritain vào đạo Công Giáo và là cha đỡ đầu đức tin của cặp vợ chồng này, những người quả là bậc thượng trí Công Giáo của thế kỷ 20. Khởi đầu thế kỷ này, tức năm 1907, có biến cố Thánh Giáo Hoàng Piô X lên án lạc giáo Duy Hiện Đại, khiến nhiều người lầm tưởng Giáo Hội Công Giáo sẽ lâm vào một thời khủng hoảng lớn lao. Nhưng thực ra, biến cố trở lại Đạo Công Giáo của vợ chồng Maritain trước đó một năm, tuy là một biến cố tầm tối hơn nhiều, nhưng lại là dấu chỉ buổi khởi đầu một thời kỳ sáng chói nhất trong tư duy Công Giáo hiện đại.

Giáo Sư James Hitchcock, tác giả History of the Catholic Church: From the Apostolic Age to the Third Millennium (Ignatius: San Francisco, 2013), cho rằng việc trở lại của vợ chồng Maritain khởi đầu một hiện tượng trở lại mới kéo dài tới

## Chứng Từ

tận năm 1960, một hiện tượng khác hẳn các hiện tượng trở lại trước đây.

Thực thế, điều đáng lưu ý nhất về tư duy Công Giáo trong thế kỷ 20 chính là sự kiện phần lớn các nhân vật nổi bật của nó là các tân tông. Những người được bú mớm trong một niềm tin đã trở nên cũ mèm hết lời cuốn, lúc lớn lên, người ta mong họ phát triển nó, bênh vực nó, thì đâu có gì ngạc nhiên. Nhưng những người thông thái hoài nghi mà cuối cùng lại bị lôi cuốn vào niềm tin ấy thì quả là điều đáng ngạc nhiên. Nghịch lý thay, ngay tại Pháp, vốn được mệnh danh là “trường nữ của Giáo Hội”, phần lớn những nhà đại trí thức của Công Giáo trong thế kỷ 20, vợ chồng Maritain, Paul Claudel, Léon Bloy, Charles Péguy, Gabriel Marcel, Edith Stein, là tân tông cả theo nghĩa thực sự trở lại lẫn theo nghĩa sinh ra trong đức tin Công Giáo nhưng sau đó từ bỏ niềm tin tuổi thơ và sau đó say mê trở về Nhà Mẹ. Cũng có những người gần như trở lại kiểu Henri Bergson và Simon Weil.

Nước Anh, nơi dân số Công Giáo rất nhỏ, đương nhiên rất cần các tư tưởng gia tân tông và quả những người này không thiếu: G. K. Chesterton, Christopher Dawson, Ronald Knox, Graham Greene, và Evelyn Waugh. Ngay Đạo Công Giáo Anh (Anglo-Catholicism) cũng nhận được những ngôi sao sáng chói như T. S. Elliot, W. H. Auden, C. S. Lewis.

Điều cũng lạ lùng là việc lên án thuyết duy hiện đại, một việc bị nhiều coi là đã hủy hoại các cố gắng đầy hứa hẹn muốn làm cho tín lý của Giáo Hội trở thành khả tín hơn đối với đầu óc hiện đại. Ấy thế nhưng, những tân tông sáng chói trên bị lôi cuốn vào Giáo Hội không những bất chấp việc lên án này mà còn vì sự lên án này nữa. Những điều họ thấy quyến rũ và khả tín trong đó chính là những điều được Đức Piô X tìm cách bảo vệ và họ thấy các lý thuyết đặc trưng của phe duy hiện đại một là sai lầm hai là không đáng lưu ý.

Gần như không một nhà lãnh đạo phong trào phục hưng nào trên đây có bất cứ tranh cãi nào với tín lý nền tảng Công Giáo, cả với thực hành Công Giáo cũng không, một hiện tượng không

hoàn toàn do thuyết tân kinh viện mà có. Như Marcel, chẳng hạn, tuy thuộc phái hiện sinh, nhưng đã giảng một giảng khóa ở Hoa Kỳ vào đầu thập niên 1960 trong đó, ông đưa ra phương thức thơ mộng, gần như huyền nhiệm để hỗ trợ lý tưởng làm tình phi ngựa thai. Nhà hiện tượng học Dietrich von Hildebrand, một tân tông khác, đã trở thành một chiến sĩ bảo vệ đức tin chính thống hăng hái nhất. Phần lớn các nhân vật lớn của phong trào phục hưng trên (trừ một mình Graham Greene) tỏ ra nghi ngại trước các thay đổi xảy ra trong Giáo Hội sau Công Đồng Vatican II. Điều này cũng đúng đối với phần lớn các thần học gia hàng đầu từng dọn đường cho Công Đồng này như Henri de Lubac, Jean Daniélou, Louis Bouyer, và Hans Urs von Balthasar.

Có nhiều nghịch lý đáng lưu ý trong việc bác bỏ các bậc cha ông diễn ra trong Giáo Hội từ sau Công Đồng. Đạo Công Giáo lúc ấy muốn được coi là có liên hệ với thế giới, chứ không bằng lòng sống yên vị trong một thứ pháo đài khép kín. Ấy thế nhưng, không một tư tưởng gia nào thuộc giai đoạn này chịu thăm dò các thực tại xã hội và chính trị một cách toàn diện và sắc sảo như Maritain hoặc Dawson. Đạo Công Giáo ấy muốn được coi trọng trong các giới trí thức thế tục, ấy thế nhưng không một tư tưởng gia Công Giáo nào có được sự đáng kính nơi các giới ấy như Gilson, Maritain, Dawson, Mauriac, hay Waugh. Đạo Công Giáo ấy công bố thời đại giáo dân, thoát khỏi sự thống trị của giáo sĩ. Thế nhưng hầu hết các ngôi sao sáng hàng đầu của phong trào phục hưng vốn đều là các giáo dân, chỉ có ba giáo sĩ trong số các tư tưởng gia gây ảnh hưởng trong Giáo Hội Công Giáo lúc ấy; cả ba đều là Dòng Tên: Pierre Teilhard de Chardin, Karl Rahner, và Bernard Lonergan. Nhưng các trước tác gần như huyền nhiệm của Teilhard bị giải thích rất khác nhau đến độ tầm quan trọng về lâu về dài của chúng là điều hiện chưa chắc chắn. Rahner và Lonergan tượng trưng cho một ngành của thuyết Thomist bị Gilson và Maritain coi là không chính đáng, vì đã nhằm đối thoại với chủ thuyết Kant hơn là quả quyết rằng nhận

thức luận Thomist vượt ra ngoài các phê phán của Kant. Mệnh danh là “chủ thuyết Thomist Siêu Việt” (Transcendental Thomism), phần lớn nó được coi như một phong trào của Dòng Tên.

Phong trào phục hưng trí thức Công Giáo tượng trưng cho một hiện tượng văn hóa độc đáo của thế kỷ 20: đây là một cách tiếp cận sự thật dựa vào giả thuyết coi một số truyền thống là đúng đắn được lấy làm qui phạm, và là một sinh hoạt trí thức chủ yếu nhằm vào việc hiểu thấu đáo hơn và trình bày sâu sắc hơn các truyền thống này. Trái lại, phong thái tư duy trở vượt hiện đại là tranh cãi mọi truyền thống, và phần lớn giới trí thức Công Giáo hăng hái tiếp thu phong thái này đến độ coi chính gia tài phong phú của mình là không còn thích đáng.

Ngày nay, chủ nghĩa chiết trung (eclecticism) là chủ nghĩa đang thống trị, không những trong việc chọn lựa các nền triết lý mà còn cả trong các vấn đề tín lý của Giáo Hội. Mối liên hệ của các trí thức Công Giáo hiện nay đối với các truyền thống riêng của họ, nhẹ nhất, cũng là mơ hồ, lưỡng nghĩa. Chủ quan tính, được chủ thuyết tân kinh viện cầm chân rất lâu, nay đã nhẩy xổ ra để trả đũa và người Công Giáo là những người sẵn sàng tiếp thu đủ thứ thuốc tâm lý học lang băm nhất. Trong diễn trình này, các nâng đỡ định chế dành cho sinh hoạt trí thức Công Giáo dần

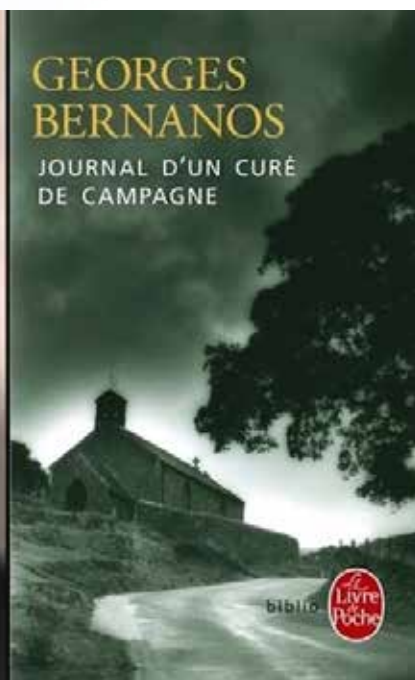
dần bị sói mòn. Nhiều cao đẳng đóng cửa. Những cao đẳng sống sót phần lớn không còn cố gắng đào tạo nơi sinh viên mình một lối suy tư khác biệt về thế giới nữa. Một số tạp chí Công Giáo ngưng xuất bản vì số độc giả giảm dần. Nói theo kiểu thương mại, không thị trường nào được tạo ra cho công trình trí thức Công Giáo nghiêm túc và các đại lý cho các thị trường này nếu có cũng đang chết dần. Phần lớn các sách vở của phong trào phục hưng thế kỷ 20 hết còn được in lại.

Không phải đợi cho tới lúc các nhân vật kia qua đời, ngay lúc còn sống, một số nhà trí thức trên đã bị bác bỏ rồi. Thí dụ, ngay từ năm 1965, nhà Sheed and Ward đã bắt đầu tỏ ra lạnh nhạt đối với việc xuất bản các sách của Dawson, dù ông này mãi tới năm 1970 mới qua đời. Các tác phẩm cuối đời của Maritain nhằm phê phán thứ “giáo hội mới”, nhất là cuốn Người Nông Dân Miền Garonne (1968), thường bị các nhà điểm sách tấn công không thương tiếc dù mãi năm 1973, Maritain mới qua đời. Thế hệ sinh viên Công Giáo ngày nay ít khi biết các tên Gilson, Maritain, Dawson, Mauriac, Waugh, hay Bernanos...

**Điều trên thật đáng buồn.**

**Kỳ tới: 50 Tân tòng Công Giáo: Những Người Đi Nhà thờ Nổi danh của Thế kỷ 20**

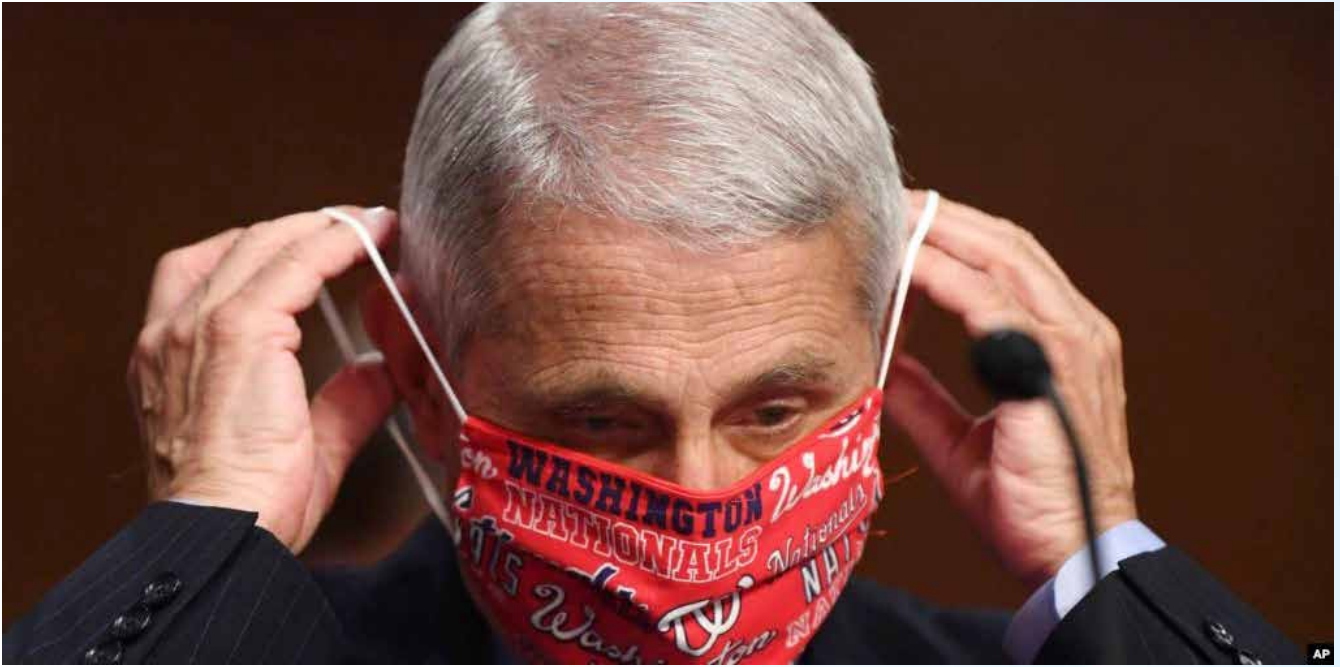
**Vũ Văn An**





# Tại sao cần cái mạng che miệng

Tháng 9 - 2020



Bác sĩ Fauci đeo khẩu trang trong buổi điều trần trước Thượng Viện Mỹ, Washington D.C., 30 tháng Sáu.

Cái con vi rút corona này không những giết người ta bằng cách làm phổi ngưng thở, tim ngừng đập ... mà nó còn khiến loài người nổi giận, giết lẫn nhau! Một người gác cửa cho tiệm Family Dollar ở Michigan bị bắn chết chỉ vì không cho khách hàng vào tiệm nếu không đeo mạng che mặt. Một anh bếp làm cho Waffle House ở Colorado cũng bị bắn, may không chết.

Gọi vi rút là “con” cũng thấy không ổn, bởi vì nó không phải là một “con” gì cả, như “con vi trùng Kock” gây bệnh lao phổi. Coronavirus không thể sống được, nếu không bám vào cơ thể một sinh vật khác. Ra ngoài không khí một thời gian nó sẽ bị hủy diệt. Nó không tự di chuyển được, khi đi máy bay, đi tàu thủy đều nhờ các sinh vật khác chuyên chở. Một “thứ,” một “đồ” như vậy mà chúng sẽ làm chết hàng triệu người! Đáng giận thật!

Thứ virus này, khả năng duy nhất của nó là sinh sản! Sinh sản nhanh và giỏi hơn loài người rất nhiều. Nhưng nó cũng chẳng giỏi giang gì, vì nó chỉ sinh sôi nảy nở được khi có dịp nương vào các tế bào của sinh vật khác!

Vậy mà cả thế giới đang bị Coronavirus tấn công điên đảo. Cái thứ virus này không biết đến biên giới quốc gia. Cả loài người phải tham dự cuộc phòng thủ ngăn ngừa nó! Đây là lúc thế giới cần một cơ quan y tế công cộng nhất, phải lập ra một cơ quan như vậy, nếu chưa có. Nếu có rồi (WHO) thì phải góp sức với nó, dù vẫn phải mắng mỏ, sửa chữa, bắt nó làm việc có hiệu quả hơn!

Cho tới nay chưa ai tìm ra thuốc để diệt được giống virus này. Loài người chỉ có một cách “phòng thủ thụ động” là làm sao cho càng ít người chết càng tốt! Nghĩa là phải ngăn không cho loài vi khuẩn truyền từ một người qua nhiều người khác.

Nói bằng con số giản dị cho dễ hiểu: Nếu thấy một người bệnh đang truyền vi rút qua 10 người khác, tỷ số  $R=10$ , thì phải làm cách nào để giảm xuống  $R=5$ , rồi  $R=2$ ,  $R=0.5$ , cho đến khi  $R=0$ , số không, là xong!

## Làm cách nào giảm tỷ số truyền bệnh này?

Cách giản dị nhất là, nếu thằng virus đã vô

bên trong ai rồi thì ngăn không cho nó cơ hội bay sang người khác!

Nhưng phần lớn chúng ta không ai biết mình mang virus hay không! Chúng ta cũng không biết những người mình gặp gỡ, khi xếp hàng mua bánh mì hay đứng chờ đón xe buýt, người nào đang mang cả ổ virus trong bụng! Chúng ta cũng biết rằng dù ngày hôm qua làm test thấy mình không có virus thì ngày mai vẫn có thể đã mang virus vào trong cuống phổi rồi!

Ai cũng vậy hết! Không ai biết ai khác có mang virus hay không! Vậy nên làm gì để mọi người được an toàn nhất?

Ngay từ đầu, từ tháng Giêng, tháng Hai 2020, các cơ quan y tế công cộng đã chỉ cho mọi người mấy phương pháp giản dị:

Đối với mỗi cá nhân thì không đưa tay lên mũi, miệng, mắt, là các cửa sổ cho virus chui vào. Rửa tay bằng xà bông mỗi giờ.

Đối với cả xã hội thì khi gặp người khác phải đứng cách nhau hai mét. Và che miệng, che mũi mình lại nếu tới gần nhau hơn. Đây là chiến lược phòng thủ duy nhất!

Một điều bị hiểu lầm nhiều nhất là người ta nghĩ rằng cái mạng bịt mặt đó có mục đích bảo vệ cho mình không bị virus xâm nhập.

Nói thế có phần đúng, nhưng không bác sĩ nào bảo đảm những cái mạng thô sơ sẽ ngăn cản được 100 phần trăm các con virus.

Mục tiêu chính của việc đeo “khẩu trang” là ngăn không cho những bụi nước bọt của mình tung ra bay tự do trong không khí, khi mình nói, mình hát, mình chào “Hello!” Không ai biết bọt nước miếng của người nào chứa coronavirus! Người nào cũng “khả nghi” cả! Vậy thì cách tốt nhất là ai cũng che miệng lại, tắt cả mọi người! Che miệng chứng tỏ mình giúp cho người khác khỏi lo lắng! Nếu lại ho và hắt xì nữa thì cần che cả hai lỗ mũi!

Nhiều người không hiểu câu chuyện nên đổ đủ các thứ tội cho việc đeo khẩu trang. Một ông nói với nhật báo L.A. Times: Đeo khẩu trang chỉ có hại! Bao nhiêu vi trùng mình thở ra chúng bị giam giữ trong đó, rồi mình lại hít vào! Nguy hiểm quá!

Lý luận thật kỳ lạ! Mình hít vi trùng do chính mình thở ra thì lo lắng, dù nó không làm mình mắc thêm bệnh mới. Nhưng lại không lo chuyện mình thả cho các con vi trùng bay ra không khí tìm chỗ định cư trong phổi người khác!

Lại có người nghĩ mình đeo mạng vào là tỏ ra mình sợ hãi! Một cô vào quán cà phê, người bán hàng nói cô phải đeo khẩu trang; cô lắc đầu: Tôi không sợ!

Thực ra đeo khẩu trang không phải để bảo vệ mình khỏi mắc bệnh. Bởi vì cái khẩu trang không bảo đảm sẽ ngăn chặn được tất cả loài virus! Mục đích việc đeo khẩu trang là giúp người chung quanh bớt sợ, không lo mình truyền bệnh cho họ! Đeo khẩu trang là do lòng từ bi!

Không chỉ vì lòng từ bi, mà còn là một bổn phận đối với đồng loại nữa.

Bởi vì trong số những người bị virus corona xâm nhập, gần một nửa (40%) không biết mình bị bệnh, họ không sốt, không ho hàng tháng, hai ba tháng, hoặc không bao giờ cả. Họ có thể mang virus trong mình, đem đi khắp nơi, rồi vô tình truyền qua người khác.

Có thanh niên chống che miệng đã hô khẩu hiệu rằng: Thân thể tôi thuộc về tôi. Không chính quyền nào xâm phạm quyền tự do đó, bắt tôi phải làm gì với thân thể tôi.

Nhiều người đã nêu ra những khẩu hiệu tương



## Chứng Từ

tự khi chống các quy định bắt người lái xe phải thắt dây lưng an toàn, hoặc cấm hút trong rạp hát, trong tiệm ăn.

Và từ lâu rồi, tiệm ăn nào ở Mỹ, cũng như tiệm tạp hóa hay chợ, đều có thể viết trước cửa một câu dành quyền từ chối không cho khách hàng vào nếu không mặc áo và đi giày dép: no shirt, no shoes, no service!

Vào giữa tháng Sáu, lớp người mới bình tăng lên ở Texas, Florida, California thuộc lớp trẻ 25 đến 35 tuổi. Có người nói: May quá, họ sẽ không bị coronavirus giết chết!

Đáng lẽ phải nói ngược lại: Nguy quá, nhiều người trẻ không làm test sẽ không biết mình bị bệnh! Họ cứ tự tin như vậy, thông thả về nhà, đem virus truyền cho ông bà nội! Nguy hiểm thật!

Cho nên đeo mạng che miệng là một bổn phận, do trách nhiệm của chúng ta phải bảo vệ những người chung quanh. Nó cũng không khác gì chuyện không được lái xe khi uống nhiều rượu! Nhiều người cho rằng mình uống bao nhiêu rượu cũng vẫn tỉnh táo, bảo đảm mình sẽ lái xe an toàn. Nhưng cả xã hội chung quanh không thể chấp nhận lời bảo đảm đó được! Cũng như không ai biết người nào chắc chắn không mang virus trong mình!

## Chưa người Mỹ nào nói: Đeo khẩu trang che miệng là yêu nước!

Một độc giả trên báo L.A. Times, ông Bob Baedeker, 73 tuổi, ở Capistrano, kể rằng năm ông 19 tuổi đã bị gọi nhập ngũ. Tuy chống cuộc chiến tranh ở Việt Nam lúc đó, nhưng ông ta vẫn đi lính, vì “bao nhiêu bạn bè của tôi đã nhập ngũ, cho nên tôi có bổn phận phải đi.” Sau Việt Nam ông còn đồn trú ở Nam Hàn 13 tháng, ngay vùng giới tuyến, với những “khó chịu” trong cảnh sống cô đơn xa nhà. Trở về, lập gia đình, ông còn bị ung thư, may mắn sống sót. Bây giờ, năm 2020, sắp kỷ niệm 50 năm ngày kết hôn, ông phải đối đầu với Covid-19, và “... nếu ngày mai tôi chết, chỉ vì một đồng bào nào đó của tôi cảm thấy ‘khó chịu’ không muốn đeo cái che miệng, hoặc vì họ cảm thấy quyền tự do của mình bị xúc

phạm, thì tôi sẽ nổi giận!” Ông kết luận: “Quý bạn hãy chứng tỏ lòng yêu nước, hãy làm bổn phận của mình, đeo cái mặt nạ che miệng đi!”

Ngô Nhân Dụng - 02/07/2020

## Những người đã chết đều có thật

Người ngoài phải thán phục tinh thần phản kháng của dân Mỹ. Chính phủ ra lệnh nhưng không đồng ý thì họ cương quyết không theo. Người Việt Nam mình cũng lâu lâu bướng bỉnh như vậy, “Quan có cần những dân không vội “Quan có vội quan lợi quan đi!”

Người ngoài lại càng kinh ngạc khi thấy nhiều người Mỹ vẫn phủ nhận cơn bệnh dịch Covid 19 là có thật! Họ không thấy con số người chết là đáng ghê sợ!

Tiểu bang Utah đã yêu cầu khi ra khỏi nhà ai cũng phải đeo mạng che miệng và đứng cách xa nhau, đặc biệt là học sinh khi đi học trở lại. Vậy mà trong một cuộc họp để tham khảo ý kiến dân chúng về việc mở cửa lại các trường, một trăm người đến dự đại đa số không đeo mạng, cũng không cách ly. Ban tổ chức phải giải tán buổi họp trước khi bắt đầu, và bị la lối ồn ào phản đối.

Báo Salt Lake Tribune thuật lời một người nói với nhà báo, rằng đeo mạng che miệng “sẽ làm bộ não rối loạn,” quả quyết, “Tôi chắc chắn sẽ không cho con tôi đi học để đầu óc nó bị hư!” Một bà, đã có năm đứa cháu nội ngoại, nói: “Toàn là nói dối! Covid là một trò bịa đặt, bịp bợm! Trò chính trị như bản!”

Chúng ta có thể chấp nhận việc bất đồng ý kiến. Ai thích đeo khẩu trang, ai phản đối, cứ giữ ý kiến của mình. Nhưng đến lúc này, sau gần nửa năm kể từ khi bệnh xuất phát ở Vũ Hán, tại sao nhiều người còn nghĩ rằng tất cả cơn bệnh dịch Covid là bịa đặt? Tới ngày Thứ Sáu vừa rồi, 138,359 người Mỹ đã chết vì con vi khuẩn Corona. Utah cũng có hơn 230 người chết! Trong một ngày cả thế giới có gần 250 ngàn ca bệnh mới, nước Mỹ hơn 77 ngàn, gần một phần ba.

Ông Chuck Woolery, nhân vật rất nổi tiếng trên ti vi, hôm Chủ Nhật rồi còn “tuýt” rằng “Vụ lừa bịp lớn nhất là Covid 19. Ai cũng nói láo

hết! CDC, Truyền thông, Đảng Dân chủ, các Bác sĩ.” Ngày hôm sau, ông báo tin con trai ông đã bị bệnh. Ngày Thứ Tư, chương mục Twitter của ông ngưng hoạt động.

Thật không hiểu nổi! Gần 140 ngàn người chết trong ba bốn tháng qua, những người chết đó là bịa đặt cả sao?

Một nguyên nhân gây ra thái độ nghi ngờ này là chính trị. Đeo mạng hay không đeo mạng là bày tỏ một thái độ chính trị. Tôi đeo mạng tức là tôi chịu thua mấy người ra lệnh tôi đeo mạng! Không đời nào! Nhưng các vị thống đốc tiểu bang đã ra lệnh dân chúng đeo mạng thuộc cả hai đảng Cộng Hòa và Dân chủ! Thống đốc Ytah, ông Gary Richard Herbert thuộc đảng Cộng Hòa.

Cũng có thể người ta phản đối không đeo mạng vì bảo vệ nguyên tắc, quyền tự do cá nhân. Nhiều chục năm trước đây ở Mỹ cũng nổi lên các phong trào chống cài giầy lưng an toàn khi đi xe hơi, chống lệnh cấm hút thuốc, lệnh bắt đội nón phủ đầu khi lái xe gắn máy. Các cửa tiệm vẫn treo bảng “không mặc áo, không đi giầy, không được vô “no shirt, no shoes, no service,” sao mọi khách hàng vẫn chấp nhận?

Có lẽ nguyên nhân lớn nhất khiến người Mỹ chống đeo mạng, phủ nhận mối nguy hiểm của bệnh dịch, là do tâm lý.

Con người xưa nay vẫn thế! Chúng ta có khuynh hướng coi thường những mối nguy hiểm đến từ thiên nhiên, nhưng lại phản ứng rất mạnh trước những điều khó chịu, những thiệt hại do người đồng loại gây ra. Các bác sĩ nói rằng các người lớn tuổi hoặc đang bị bệnh tiểu đường, cao áp huyết, mập phì, bị coronavirus tấn công sẽ dễ chết. Khi đó thì ai cũng đồng ý vì thấy mình không thuộc loại người này. Nhưng khi thấy ai không cho mình vào trong tiệm vì không đeo mạng thì ngã mạn nổi lên bưng bưng; có ông giận quá sách sừng đến bắn chết người!

Các nhà tâm lý cũng nhận xét rằng chúng ta chỉ muốn nuôi hy vọng và phủ nhận những nguy hiểm, thích nghe những tin tức ngọt ngào hơn là nghe những lời báo động. Trong thị trường chứng khoán, nhiều người không chịu bán cổ phiếu mình đang có dù giá liên tiếp đi xuống.



Người ta đã thí nghiệm, mời mọi người chọn một trong hai giải pháp ngăn chặn bệnh dịch. Giải pháp thứ nhất được trình bày là sẽ giúp một phần ba dân số sống sót, số còn lại thì không thoát. Theo giải pháp thứ hai thì hai phần ba sẽ chết, nhưng tất cả có thể sống sót với xác suất bằng một phần ba.

### Sau khi thí nghiệm nhiều lần, hầu hết mọi người chọn giải pháp thứ nhất.

Nhưng thực ra hai giải pháp nêu trên đưa tới kết quả giống hệt nhau! Chỉ có cách đặt câu hỏi là khác thôi! Câu hỏi trước nêu kết quả có bao nhiêu người sống, còn câu sau nói ngay đến số người sẽ chết!

Có lẽ nhiều người Mỹ ngay từ đầu đã phủ nhận tất cả trận dịch Covid 19 này là chuyện bịa đặt cho nên họ đã từ chối tin có người chết vì bệnh. Vì thế, khi số tử vong tăng lên thì họ cũng không còn xúc động. Khi không có ai chết mà thấy một người chết thì mình thấy là quan trọng. Nhưng người ta nghe tin tức đó mà không tin. Đến khi con số người chết từ 130,000 tăng lên 130,100 người thì mọi người thấy 100 người chết cũng không đáng để ý. Nghe con số chết tăng mãi thấy quen, trong lòng dừng dừng.

## Chứng Từ

Nước Mỹ lo việc mở lại cửa các trường học. Mở cửa trường học chắc chắn cần thiết và ích lợi cho nền kinh tế hơn các quán rượu. Các tiểu bang đã từng cho phép các bar rượu mở - nay nhiều nơi đã đóng lại. Nhưng vấn đề học sinh có phải đeo mạng hay không cũng biến thành một cuộc tranh luận chính trị.

Ở địa phương tôi đang sống, hội đồng giáo dục quận ra chỉ thị mở cửa các trường nhưng không yêu cầu thầy giáo, học trò đeo mạng. Họ còn nói rõ rằng việc đeo mạng không có lý do khoa học, lại còn nguy hiểm nữa!

Đúng là cảnh con đà điểu chui đầu xuống cát! Nếu đeo mạng nguy hiểm thì hàng tỷ người trên thế giới đã và đang đeo mạng họ đã sao chưa?

Đeo mạng ích lợi như thế nào, không cần nhiều công trình nghiên cứu khoa học chứng minh! Chỉ cần quan sát và suy nghĩ một cách giản dị thì ai cũng thấy đeo mạng có ích. Khi tất cả cùng đeo mạng thì cũng giống như cả xã hội đã mua một thứ bảo hiểm y tế!

Thử lựa chọn hai đàng. Nếu ai cũng đeo mạng thì nhiều người sẽ tránh được, không mắc bệnh, không chết. Nếu có một số người không đeo mạng thì trong đó có người chứa sẵn vi khuẩn sẽ truyền đi làm cho người khác có thể chết.

Tại sao chính quyền các tiểu bang ở Mỹ đều bắt buộc dân phải mua bảo hiểm khi lái xe, ai cũng tuân lệnh, mà bây giờ lại từ chối không đóng góp một chút giúp cả nước cùng mua bảo hiểm ngăn chặn bệnh dịch?

Ở Đài Loan, ngay từ đầu năm 2020 khi nghe tin có người chết ở Vũ Hán bà tổng thống Thái Anh Văn xuất hiện, đeo mạng che miệng, điều động guồng máy y tế và quân đội cùng dân chúng chống bệnh dịch.

Cho tới nay Đài Loan chỉ có 7 người chết vì coronavirus. Tại tiểu bang Florida, với dân số tương đương, đã hơn 4,800 người chết. Ông thống đốc tiểu bang suốt mấy tháng trời nhất định không tin việc đeo mạng có ích lợi gì.

Nước Mỹ may mắn có ông Bác sĩ Anthony Fauci, khuôn mặt nổi bật từ gần nửa năm qua. Ông mới trả lời phỏng vấn trên Facebook, đã khuyến cáo các em học sinh phải đeo mạng.

Ông Fauci năn nỉ: “Các cháu làm ơn nghĩ đến trách nhiệm của mình đối với xã hội; các cháu sẽ đóng góp phần cho giải pháp ngăn bệnh dịch chứ không để mình thành một nguyên nhân gây ra vấn đề khó khăn!

Việc đeo mạng trước hết là tránh không truyền con vi khuẩn qua người khác, nếu mình đã mang trong người. Nhưng nó cũng giúp mình tránh, không hít các con vi khuẩn mà người khác tung ra không khí. Không tránh được 100 phần trăm, nhưng dù chỉ tránh được một nửa, hay 30% cũng đáng công bịt cái mũi mình để đề phòng! Không biết ai là người đang chứa vi khuẩn, không biết lúc bào họ sẽ hắt hơi, ho, nói lớn tiếng, hô khẩu hiệu khi tập họp biểu tình, hay trò chuyện trong quán rượu ồn ào.

Ai cũng biết thanh thiếu niên ít bị bệnh Covid 19. Nếu nhiễm vi khuẩn, các em cũng không thấy sốt, không ho. Nhưng các em lúc nào cũng có thể đang chứa các vi khuẩn đó, có thể truyền qua cha mẹ, ông bà, thầy giáo. Và những người này lại có thể truyền sang người khác.

## Ai sẽ là những nạn nhân đầu tiên khi các học sinh không đeo mạng?

Các thầy cô giáo sẽ trở thành các “chiến sĩ tiền tuyến” mà không được bảo vệ kỹ như các nhân viên bệnh viện. Gần một nửa những vụ mắc bệnh được truyền từ những người có vi khuẩn nhưng không sốt, không ho. Một phần tư các giáo viên ở Mỹ trên 65 tuổi. Tỷ lệ những người bị tiểu đường, cao áp huyết và mập phì cũng cao bậc nhất thế giới. Nếu một cô giáo bị truyền bệnh thì cô có thể đem vi khuẩn đi sang cho nhiều lớp, nhiều học sinh khác, và gia đình của họ. Nếu một học sinh bị bệnh thì các bạn học cùng, chơi cùng có thể bị lây nhiễm.

Không thể nào đem tất cả học sinh và thầy cô giáo làm thí nghiệm, thử coi nếu không ai đeo mạng thì hậu quả ra sao! Phải đeo mạng che miệng, vì đó là một thứ bảo hiểm chung!

Có lẽ tất cả chúng ta nên lắng nghe lời khuyên của Bác sĩ Fauci: Hãy nghĩ đến trách nhiệm của mình đối với cả xã hội.

**Ngô Nhân Dụng - 20/07/2020**

# MẸ LA VANG - NỮ VƯƠNG BAN SỰ BÌNH AN

## ĐẠI HỘI LẦN THỨ 32 GIỮA MÙA COVID 19

### 1. Trong lòng Mẹ Giáo phận:

#### 1a. Tại một Hội dòng:

Mọi tín hữu công giáo Việt Nam, đặc biệt là Tổng Giáo phận Huế, đang hướng về Mẹ, đặc biệt trong Năm Thánh của Giáo phận, kỷ niệm 170 của thành lập giáo phận, Đấng Bề trên đã chọn Mẹ La Vang làm Bổn mạng giáo phận vào ngày Đầu năm 01/01/2020. Vì thế, mỗi ngày các tín hữu trong giáo phận đều có lời kinh nguyện và thánh ca dâng Mẹ La Vang và Đại hội La Vang 2020 là điểm đến.

Để chuẩn bị cho tiết mục diễn nguyện tại Đại hội Thánh Mẫu Toàn quốc La Vang, tại 113 Trần Phú Huế, Nhà Mẹ Hội dòng Mến Thánh Giá Huế, có trên 100 diễn viên đang ráo riết tập dượt cho tiết mục Múa, diễn cảnh cho Đêm diễn nguyện với danh hiệu tuyệt đẹp của Mẹ: NỮ VƯƠNG BAN SỰ BÌNH AN, là chủ đề Đại hội La Vang lần thứ 23 (13-15 tháng Tám/2020). - Bỗng một tối thấy im lìm, số diễn viên là các nữ tu từ đệ tử đến khán sinh vắng hẳn, tiếng nhạc cũng không còn vang lên rộn rã, điệu huyền linh thiêng: “Kính chào Nữ Vương, Nữ Vương Hòa Bình...” của Cố Nhạc sĩ Hải Linh. Bài thánh ca đã được



trình diễn cách đây trên 60 năm, 1959. - Ngày 01/8, thứ Bảy đầu tháng, theo truyền thống có thánh lễ đồng tế ở Linh đài Đức Mẹ La Vang... một vài chị em MTG vội vã từ Huế ra viếng Mẹ, nhưng mọi sự đã ngưng lại do việc bùng phát đợt II của dịch Covid-19. Vậy là, cho đến bao giờ... ở nhà để nhớ Mẹ. Để hướng về ngày Đại hội, toàn thể Hội dòng đã sốt sắng làm Tam nhật trước ngày 15/8, chị em quy tụ trước tiền đường Nhà nguyện, hướng về Mẹ La Vang... với lòng Mến, lòng tin yêu, lòng Cậy trông không dứt và không rời nơi tâm tình của mọi thành phần trong giáo phận.

#### 1b. Tại một giáo xứ: Giáo xứ Loan Lý hướng về Đức Mẹ La Vang

Bản tin giáo xứ Loan Lý (LL) viết: Hằng năm, vào trung tuần tháng Tám, con dân Việt khắp nơi trên mọi miền đất nước và cả hải ngoại đều nao nức đến với Mẹ La Vang trong ngày đại lễ mừng kính Mẹ Maria hồn xác lên trời 15/8.

Và cứ 3 năm 1 lần thì có Đại Hội Đức Mẹ La Vang. Năm nay - năm 2020 là năm Đại hội Thánh Mẫu La Vang lần thứ 32. Năm Thánh của Giáo Phận, nhưng tất cả phải ngưng, phải hủy vì đại dịch Covid-19 bùng phát đợt 2! Con cái Mẹ khắp nơi ất hẳn buồn lắm! Bao dự định, bao chương trình đến với Mẹ đều phải bỏ ngang. Tuy nhiên, lòng yêu mến Mẹ La Vang vẫn dạt dào rộn rã trong lòng mọi tín hữu Việt Nam, cách đặc biệt với quý Đức Tổng Giám mục, quý Cha, quý Tu sĩ và mọi thành phần dân Chúa của Tổng Giáo phận Huế trong Năm Thánh của giáo phận. Trong tâm tình muốn bày tỏ lòng tôn kính, mến yêu Mẹ La Vang., Giáo xứ Loan Lý đã tổ chức 3 ngày hành hương tại chỗ về bên Mẹ La Vang tại đài Đức Mẹ La Vang của giáo xứ... Hai tối ngày 13, 14/8/2020, lúc 20g00 toàn thể giáo dân tập trung tại đài Đức Mẹ, cầu nguyện, dâng hương

## Trang La Vang

hoa cho Mẹ, sau đó là lần hạt... Nhìn giáo dân lũ lượt đến với Mẹ và với những lời cầu nguyện, hòa lẫn những âm điệu nhịp nhàng trong các lời kinh mới thấy họ yêu mến Mẹ dường nào! Ngày 15/8/2020, cũng tại đài Đức Mẹ La Vang, lúc 18g00, Thánh lễ mừng kính Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời. Mở đầu là phần múa dâng hoa của các em thiếu nhi, tiếp là Giới trẻ giáo xứ dâng hoa lên Đức Mẹ. Nếu không bị hủy bỏ vì Covid-19, thì toàn bộ Giới trẻ của giáo xứ đã tham gia Đại Hội Giới Trẻ Giáo tỉnh Huế tại La Vang từ ngày 12 - 13/8/2020. Thật đáng tiếc! Nhưng bù lại, các bạn trẻ của giáo xứ với đồng phục Giới Trẻ Giáo Hạt Hải Vân, cũng có một chút hi sinh dâng lên Mẹ trong ngày Lễ Trọng này. Sau phần dâng hoa là Thánh lễ trọng thể. (Đaminh Lê Quang Tính, Gx/LL)

## 2. Tại Trung Tâm Hành Hương La Vang:

Trước ngày 27/7/2020 Lời bài hát “Đại Hội Lavang 3 năm đoàn con mong chờ” được cất lên mỗi ngày từ loa phát thanh của Nhà Trung Tâm Hành Hương (TTHH)La Vang. Nhưng sau ngày 27/7, bài hát này lại được thay thế bằng những bài hát hướng về Mẹ LaVang. Phải chăng là Cô-vy đã nhẹ nhàng làm đình hoãn mọi sự kiện lớn nhỏ trong cuộc sống của thế giới hôm nay.

Này Bạn, bạn không thể hiểu được ý định của Chúa muốn gì qua tay Mẹ Maria La Vang, tôi cũng vậy, chỉ nhìn ngắm và lặng suy về những biến cố đã xảy ra , đặc biệt trong năm nay. Thời gian cũng đã gần hết một năm mà Cô-vy vẫn còn lẻo đẻo đi theo, không biết nó buông chúng ta ra lúc nào để mọi sinh hoạt của những người con của Mẹ trở lại bình an.

Nhìn từ TTHH LaVang, từ những ngày chuẩn bị cho Đại hội (ĐH) lần thứ 32, tôi thầm tạ ơn Chúa và cảm phục những tấm lòng hy sinh quảng đại hết mình của các Anh Em thiện nguyện từ Lâm Đồng Đà Lạt. Họ phấn chấn làm đẹp Trung Tâm cho ngày ĐH dưới sự hướng dẫn của Cha Quản Nhiệm, quý Cha và quý Thầy đang phục vụ tại Trung tâm . Thêm vào đó là sự cộng tác của các anh chị em nhân viên Trung tâm, hăng



say cộng tác với quý Cha, quý Nữ tu tại Trung tâm để điểm tô hương sắc Nhà Mẹ cho ngày Đại hội sắp đến. Mọi công việc đang tiến hành và sắp hoàn thành. La Vang bấy giờ đã có một linh viên đã đẹp nay càng đẹp, càng huyền bí và rực sáng hơn bởi những ánh điện từ các lùm cây xa xa Trung tâm. Cứ chiều tối, quý Cha, quý Thầy vui vẻ đi một vòng khắp Trung tâm từ Đồi Lòng Chúa Thương Xót qua Cổng Tam Quan đến Đồi Legio để xem xét những điện đèn có hoạt động hay không! Nhà Y tế và mọi khu vực cần thiết cho Đại hội đã đâu vào đó. Tuy ở xa, nhưng chắc Bạn cũng hình dung được khung cảnh của LaVang đã và đang chuẩn bị cho ngày Đại hội lần thứ 32 sắp đến như thế nào!!!

Thế nhưng, Cô-vy lại ghé thăm Trung tâm lần nữa mặc dầu chẳng ai mời “cô”. Vì sức khỏe cộng đồng, Đức Tổng Giám Mục Giuse Nguyễn Chí Linh, TGM Tổng Giáo phận Huế, Chủ Tịch Hội Đồng Giám mục Việt Nam đã ban lệnh đình hoãn Đại Hội lần thứ 32 không thời hạn. Với bản tính tự nhiên, Bạn, tôi và mọi tín hữu công giáo, ai ai cũng buồn lắm, vì nghĩ rằng chiến tranh giặc giã người ta lại càng tìm đến với Mẹ nhưng đây lại là một con Virus nhỏ bé không nhìn thấy, nó lại phá tan mọi kế hoạch linh thiêng trên Đất Mẹ, không cho những người con của Mẹ trở về bên Mẹ để ca tụng, tôn vinh, yêu mến Mẹ.

Trước đây, không khí chuẩn bị nhộn nhịp hăng say bao nhiêu thì bây giờ lại cảm thấy mất nhuệ khí bấy nhiêu! “Buồn lắm Soeur ơi!” là câu nói của các anh em thiện nguyện. Các anh em đã

không còn tinh thần để tiếp tục công việc và vì thế anh em phải tạm biệt Mẹ LaVang để nhanh chóng lên đường trở về quê nhà trước ngày ra lệnh cách ly xã hội.

Không gian vắng lặng cứ mãi tiếp tục diễn ra... Bạn không thể tưởng tượng được sự hiu quạnh của chiều 13/8, là buổi chiều đáng lý ra là người người tấp nập chen chúc nhau để tìm cho mình một nơi tham dự Thánh lễ Khai mạc Đại hội. Nhưng đây, lại chỉ thấy bóng một linh mục của giáo xứ lân cận. Khi ngài đến thấy cảnh quá đỗi quạnh hiu, ngài gọi điện qua Facetime cho một người bạn và nói: “Bạn xem nè, giờ khai mạc Đại Hội như vậy đây, không một bóng người, chỉ có một bà Soeur MTG đang dọn dẹp hoa đèn trên đài và mình tôi đây” và ngài tiếp tục chia sẻ nỗi buồn do Cô-vy phá hoại với người bạn đang ở xa.

Chiều tối đến thì Quý cha, quý Nữ tu và cũng có vài người giáo dân đến đọc kinh quanh đài Mẹ, ai ai cũng mang tâm trạng âu lo, sợ Covid sẽ diễn ra tại LaVang chẳng? Giáo dân đến đọc kinh, viếng Mẹ rồi âm thầm ra về, không ai dám trò chuyện lâu giờ như mọi khi.

Không khí vắng vẻ của những ngày Đại hội năm nay giữa mùa Covid.... Chiều ngày 14/08, giáo dân các xứ lân cận đến viếng Mẹ, và may mắn được Cha Cựu quản nhiệm Giacôbê Lê Sĩ Hiền dâng lễ tại Nhà Châu Thánh Thể, số giáo dân tham dự khoảng chừng 20 người. Nhưng đáng tiếc thay, sau Thánh Lễ, chính quyền vào chụp hình và làm việc với Cha Cựu và khuyến cáo ngài không được phép dâng Thánh lễ cho đến khi có thông báo lại. Sau đó, ngài cũng vui vẻ nói với giáo dân: dù sao đi nữa thì cũng đã có Thánh Lễ Vọng Đức Mẹ Hồn xác Lên Trời tại Thánh địa LaVang-Mùa Đại hội! - Tối 14/08 khung cảnh của Linh địa LaVang có phần nhộn nhịp, bởi các Linh mục, các nữ tu và các giáo dân ở hạt Quảng Trị vẫn vui vẻ đến viếng Mẹ và đọc kinh. Không khí tối này, tôi nghĩ Mẹ cũng vui lắm, vì nhìn thấy các con Mẹ vẫn tha thiết đến với Mẹ. Thêm vào đó, tôi không thể không khâm phục hai Linh Mục đang độ tuổi về hưu chạ xe máy từ Huế ra để đến với Mẹ và ở lại

Đồng tế Thánh Lễ sáng 15/8 cho các Nữ Tu , và một số giáo dân LaVang. Sau Thánh lễ sáng 15/8, tất cả mọi người quay quần bên Linh đài Mẹ, niệm hương và cùng dâng lời ca tiếng hát lên Mẹ, để qua tay Mẹ, Chúa sẽ ban cho mỗi người dân được bình an và xin cho cơn đại dịch sớm chấm dứt.

Bạn biết không! Mặc dù trong nhà nguyện, mọi người đang được hạnh phúc tham dự Thánh Lễ Kính Đức Mẹ Hồn Xác lên Trời. Sau Bài Tin Mừng Cha Quản Nhiệm TTHH Micae Phạm Ngọc Hải đã chia sẻ về Nguồn ân lộc: Đức Maria là Nữ Vương Ban Sự Bình An, như là động lực để cho giáo dân can đảm, mạnh mẽ vượt qua thử thách của cơn đại dịch này. Cha cũng đã nhấn mạnh đến những đặc ân cao quý của Đức Mẹ, là tấm gương sáng ngời về mọi nhân đức để mỗi người chúng ta noi theo, đặc biệt là lòng tín thác vào tấm lòng thương yêu của Người Mẹ, Mẹ La Vang, Mẹ Phù hộ các giáo hữu, luôn muốn con cái mình được ân sủng và bình an. Sự Bình an tận cõi lòng... Bên trong Nhà nguyện Cha Quản Nhiệm càng ca ngợi Đức Mẹ bao nhiêu thì bên ngoài những người mà Chính quyền gọi đến để theo dõi chúng ta có lẽ cũng đã cảm thấy thẹn thùng bấy nhiêu! Vì họ đang trá hình người dân, lảng vảng đi chung quanh nhìn vào nhà nguyện để xem và lắng nghe chúng ta đang làm gì, nói gì và cũng muốn nghe Cha Chủ tế chia sẻ điều gì. Nhưng dù họ có tai mà họ cũng chẳng hiểu gì đâu Bạn nhỉ!!!

Và rồi ...

**“ĐẠI HỘI LAVANG LẦN THỨ 32 ĐÃ DIỄN RA NHƯ THẾ!”**





## Trang La Vang

Tình hình hiểm nguy của Cô-vy vẫn đang diễn ra trong âm thầm nhưng thật đã khiến con người ngày càng đi vào sự dè dặt, cô đơn và âu lo... Nếu Bạn không bám vào tình yêu và sự nâng đỡ của Chúa qua tay Mẹ La Vang thì sự hoang mang, lo lắng cứ tràn ngập trên tâm hồn bạn: “Hãy trút nhẹ gánh lo vào tay Chúa, Người sẽ đỡ dần cho” (Tv 54, 23).

Tâm tư tôi cứ suy nghĩ mãi về chương trình và kế hoạch của Thiên Chúa qua tay Mẹ Maria La Vang. Rằng: Hay là Chúa và Mẹ muốn được yên tĩnh, bình dị nhưng đầy ấp tình mến thương, hoặc là sự chuẩn bị hoành tráng bên ngoài các Ngài không muốn, hay là các Ngài muốn cho Trung tâm được nghỉ ngơi một thời gian để tiếp tục cho các chương trình trong tương lai...

Sau những ngày ” lễ trọng”: 13, 14, 15/8 cũng như ngày lễ Maria Trinh Nữ Vương hôm nay 22/8, ngày kỷ niệm Thánh đường La Vang được Đức Thánh Cha Gioan XXIII nâng lên bậc Tiểu Vương Cung Thánh Đường ...vẫn quang cảnh ấy, vẫn lặng lẽ, âm thầm, quảng trường trống vắng..., thi thoảng, lác đác bóng người đến viếng thăm Mẹ. và tôi chỉ biết thầm hỏi nhỏ Mẹ: Mẹ ơi, tình trạng này sẽ kéo đến trong bao lâu??? Bạn và tôi chỉ trông cậy vào quyền năng và tình thương của Chúa qua tay Mẹ... (Nữ tu Lucia Nguyễn Mai Hạ Huyền, phụ trách Tư thánh tại TTHH/Thánh Mẫu La Vang).

### 3. Mẹ La Vang - Nữ vương ban sự Bình An

Lạy Mẹ Maria, Thánh Mẫu La Vang - Mẹ đầy ơn phúc - Nữ Vương ban sự Bình an. xưa Mẹ đã hứa ban ơn theo ý nguyện cho những ai đến cầu xin với Mẹ tại Thánh địa La Vang - Ngày xưa, Mẹ đã che chở tổ tiên cha ông chúng con “trong cơn ly loạn cấm cách, khốn khổ tứ bề”... Nay chúng con, hết lòng cảm ơn Mẹ đã luôn thương yêu chúng con, giữ gìn chúng con trong cơn đại dịch này. Nay mặc dầu chúng con không về được với Mẹ, về Nhà Mẹ, nhưng chúng con tin tưởng vào quyền năng của Thiên Chúa qua tấm lòng từ ái và sự bầu của Mẹ... Chúng con cũng đang cảm nhận cách sâu sắc: Mẹ La Vang - là Nữ Vương Ban Sự Bình An. Vùng đất



**Thừa Thiên Huế và Quảng Trị (nơi có Mẹ hiện diện), nhờ ơn Mẹ, chúng con đang tai qua nạn khỏi, chỉ có 02 người nhiễm bệnh nhưng đã được chữa lành... Kính thưa Mẹ yêu dấu, Việt Nam chúng con đã có người nhiễm bệnh,**

Ca nhiễm	Tử vong	Bình phục
1.016	27	574

Cập nhật lần cuối: 15:00 ngày 24/8/2020

Nguồn: Theo Bộ Y tế

nhưng thế giới thì đang chao đảo bởi vì dịch vẫn hoành hành trên nhiều quốc gia.

Ca nhiễm	Tử vong
23.593.497	812.627

Cập nhật lần cuối: 15:00 ngày 24/8/2020

Nguồn: Theo Bộ Y tế

**Lạy Mẹ Maria Thánh Mẫu La Vang, ngày ngày chúng con hằng khẩn nài Mẹ đoái thương. Xin Mẹ lắng nghe đoàn con khẩn cầu.**

“ Lạy Mẹ La Vang, chúng con hát khen Danh Mẹ, Mẹ là Nữ Vương ban sự bình an cho những ai chạy đến kêu xin.

Xin dâng lên Mẹ đoàn chúng con sống nơi gian trần, Nguyện Mẹ thương đỡ nâng cho đoàn con vui sống bình an.”

(Lời bài hát “Mẹ La Vang, Nữ Vương ban sự bình an”-Chủ đề của Đại Hội Hành Hương Đức Mẹ La Vang lần thứ 23, của Lm Rôcô Nguyễn Duy).

**Nữ tu Maria Tuyệt  
và Lucia Hạ Huyền, mtgh**

# Câu Chuyện Thầy Lang

## Chuyển từ thở sang nuốt

**Đ**ôi khi quý vị có thể “nuốt sai,” và một vật cứng nào đó rơi vào đường không khí và bị chặn. Nếu ho không công hiệu, cần phải cấp cứu mới có thể ngăn nạn nhân khỏi bị nghẹt thở và chết.

Bình thường, một cơn ho làm văng vật lạ ra ngoài và mở ống không khí trở lại. Nhưng nếu ho không công hiệu, cần phải cấp cứu mới có thể ngăn nạn nhân khỏi bị nghẹt thở (choking) và chết.

### 1-Họng được cấu tạo như thế nào?

Cuống họng là một ống cơ bắp lót bằng một màng nhầy, chiều dài khoảng 2.7 phân và kéo dài từ phía sau của mũi tới thực quản. Đây là một phần của hai bộ phận khác nhau là bộ phận hô hấp và tiêu hóa. Không khí và thực phẩm đi qua đó và quý vị sẽ rất ngạc nhiên là sự cộng sinh này xảy ra một cách êm ả.

Họng chia ra làm ba vùng:

-Phần trên cùng là mũi hầu, bắt đầu từ xoang mũi. Từ đây không khí và các chất tiết từ mũi và các xoang sẽ chảy ra.

-Phần giữa là họng miệng, rộng nhất của họng. Chính tại đây, ngay ở dưới vòm miệng, là đường dẫn không khí nối với cơ quan chuyên trở thực phẩm.

-Ở phần thấp nhất của họng là hầu thanh quản với các đường hô hấp và tiêu hóa. Vì chúng gặp nhau, có người cho rằng thực phẩm và nước thường thường đi nhầm đường.

Các ống dẫn không khí, bắt đầu từ phía sau của họng, uốn cong về đằng trước. Ở đó nó trở thành thanh quản với các dây thanh âm. Thanh quản mở vào khí quản rồi lên phổi. Cùng với ống

dẫn thực phẩm và ngay đằng sau là thực quản và cuối cùng là bao tử.

### 2-Cái gì ngăn thực phẩm vào khí quản?

Họng có đường dẫn không khí-khí quản-và thực phẩm-thực quản. Nếu cả hai cùng mở khi quý vị nuốt, không khí có thể vào bao tử và thực phẩm vào phổi. May mắn thay là khí quản khép lại trong khi nuốt.

Bộ phận của cơ chế an toàn đó là tiểu thiệt và nó chuyển động mỗi khi quý vị nuốt. Tới lúc quan trọng, tiểu thiệt, một mẩu nhỏ giống như sụn, làm việc như một cái vung cùng với thanh quản. Thanh quản nhô lên về đằng trước để đóng khí quản. Các cử động này phân chia thực phẩm lỏng và đặc. Rồi sau mỗi lần nuốt, tiểu thiệt lại di động lên, khí quản trở lại vị trí cũ, và làn không khí sinh tử tới thanh quản và khí quản lại tiếp tục.

Đôi khi quý vị có thể “nuốt sai,” và một vật cứng nào đó rơi vào đường không khí và bị chặn. Bình thường, một cơn ho làm văng vật lạ ra ngoài và mở ống không khí trở lại. Nhưng nếu ho không công hiệu, cần phải cấp cứu mới có thể ngăn nạn nhân khỏi bị nghẹt thở (choking) và chết.

### 3-Tại sao cái banh miệng tongue depressor lại làm quý vị nghẹt thở hoặc nôn ọe?

Nôn ọe khan có thể là một điều khó chịu nhưng nó cũng cứu đời sống của quý vị bằng cách ngăn không để chúng ta vô tình nuốt một vật lạ khiến bị nghẹt thở. Quý vị không thể ngưng được khi nôn ọe vì đó là một phản ứng tự chủ. Nó xảy ra khi một vật lạ tấn công một vài đoạn cuối của dây thần kinh nằm trong vùng lạnh tạo ra giới hạn giữa miệng và phần giữa của họng.

Cái que thăm bằng gỗ của bác sĩ chỉ là vật lạ. Khi đụng vào các dây thần kinh này, nó gây ra một phản ứng để tống vật sắp bị nuốt ra phía





trước của miệng rồi được nhổ ra. Tất nhiên phản ứng này sẽ không cần trong khi bác sĩ khám họng. Nhưng có nó ít nhất cho quý vị hay rằng phản ứng sinh tử đó hoạt động đúng.

Ăn và uống nhiều không đi đôi với nhau. Tuy nhiên đa số các trường hợp nghẹt thở xảy ra chỉ vì quý vị “nuốt sai” hoặc cười to với thức ăn đầy miệng và nhai nhồm nhoàm là điều nên tránh.

#### 4-Cái nắp nhỏ ở đằng sau cổ họng dùng để làm gì?

Lưỡi gà là miếng thịt đó. Đây là mô bào tiếp nối uvula, và màng nhón nhủ xuống từ cạnh của vòm miệng mềm. Đó là phần mà lúc thường chuyển động lên khi quý vị nói “a.” Nếu nó chuyển động sang một phía thì có gì bất thường.

Lưỡi gà đúng là bộ phận bật lên và giúp khép lại các lối đi của mũi khi quý vị nuốt. Nhưng nhiệm vụ đó được coi như không quan trọng, vì nhiều người không có lưỡi gà vẫn không than phiền thức ăn ra ngoài bằng lỗ mũi. Các nhà hoạt họa truyện tranh miêu tả cục thịt dư rung lên khi hát và hét, nhưng thực ra cục này không liên quan gì tới tiếng nói.

#### 5-Chuyện gì xảy ra nếu quý vị có một cục ở họng?

Một điều rõ ràng là cảm giác khó chịu của một tảng nào đó ở họng ít khi gây ra do u bướu hoặc bất cứ vật nào khác. Trong các trường hợp, nó chỉ là triệu chứng của lo âu.

Cảm giác này bắt nguồn từ một rối loạn ở dây thần kinh số chín và ở cơ bắp kiểm soát thực quản. Đôi khi các rối loạn này co thắt lại lúc ta

bực mình. Đây chỉ là những triệu chứng tạm bợ có nhiều liên quan tới các hoàn cảnh gây căng thẳng và cần thời gian để giải quyết. Tuy nhiên trong những trường hợp hiếm, miếng đó vẫn còn và người này phải tới bác sĩ để được khám bệnh. Đôi khi một nhỏ giọt ở đằng sau lỗ mũi hoặc quá nhiều chất chua ở bao tử cũng gây ra triệu chứng này.

#### 6-Im lặng vì e thẹn nghĩa là gì?

Mặc dù thành ngữ “Im lặng vì thẹn” (tongue-tied) - thường thường chỉ được dùng như một nhóm chữ để gây ra xúc động mạnh, nhưng đó cũng là sự thật. Lưỡi của một em bé ít cử động hơn lưỡi người lớn. Đó là vì lớp màng nhón gọi là cái hãm frenum nó cột phần dưới của lưỡi vào phía đáy của miệng gần hết chiều dài của lưỡi, nhờ đó đầu lưỡi được tự do.

Trong năm đầu của em bé, đầu lưỡi lớn lên rất mau và cái hãm “cột” dần dần phần nhỏ của lưỡi. Tuy nhiên trong các trường hợp rất hiếm, cái hãm còn bị hạn chế và đứa bé gặp khó khăn để nói và ăn. Bác sĩ bèn khuyên nên cắt bớt phần sau của nếp gấp và như vậy lưỡi được tự do di động.

#### 7-Nghẹt thở có tránh được không?

Ăn và uống nhiều không đi đôi với nhau; lượng rượu lớn có thể làm tê liệt việc nuốt, làm cho thực phẩm rơi vào khí quản thay vì thực quản. Tuy nhiên đa số các trường hợp nghẹt thở xảy ra chỉ vì quý vị “nuốt sai” hoặc cười to với thức ăn đầy miệng và nhai nhồm nhoàm là điều nên tránh.

Một số nhỏ nạn nhân của nghẹt thở có thể đã bị khó khăn nuốt mà không biết cho tới khi họ thở hổn hển để sống. Rối loạn này có thể gây ra do bất thường của cuống họng hoặc các tật khác từ khi mới sinh. Hay có thể nó xảy ra sau này vì u bướu, rối loạn cơ bắp hoặc thần kinh. Nếu quý vị bị nghẹt thở thường xuyên thì nên cho bác sĩ hay. [qd]

<https://www.nguoi-viet.com/phu-nu/bac-sy-oi/chuyen-tu-tho-sang-nuot/>

**Bác Sĩ Nguyễn Ý Đức**

# Cách giặt khẩu trang đúng cách để sử dụng nhiều lần

**G**ìờ đây, đeo khẩu trang là một việc không thể thiếu trong đời sống hằng ngày. Cho dù lệnh ở nhà được dỡ bỏ hay kinh tế dần mở cửa thì đại dịch COVID-19 vẫn chưa dứt nên việc bảo vệ sức khỏe, ngăn ngừa lây lan là điều cực kỳ quan trọng.

Đeo khẩu trang là một trong những điều phải làm để bảo vệ sức khỏe bản thân và cả những người xung quanh. Với những khẩu trang sử dụng được nhiều lần, làm sao để giặt khẩu trang sạch sẽ là điều không phải ai cũng biết.

Theo Bác Sĩ Brian Sansoni ở trung tâm American Cleaning Institute, việc sử dụng lại khẩu trang phụ thuộc vào yếu tố người đeo thường xuyên, và phải nên rửa sạch, giặt thường xuyên để không bị vi khuẩn và ảnh hưởng đến sức khỏe.

## Giặt bằng máy giặt

Theo bà Carolyn Forte, giám đốc Good Housekeeping Institute's Home Appliances and Cleaning Products Lab, thì cách tốt nhất, đơn giản nhất và tiết kiệm thời gian nhất để giặt khẩu trang là sử dụng máy giặt. Bạn nên chọn tính năng nước ấm, hoặc thậm chí là nước nóng để giúp khử trùng và loại bỏ vi khuẩn dính trên khẩu trang. Bên cạnh đó, bạn nên chọn loại bột giặt có tính chất tẩy rửa tốt và không gây dị ứng da.

Một lưu ý khác bạn cần chú ý đó chính là đừng để thùng giặt quá nhiều đồ mà nên có không gian cho khẩu trang có thể rơi tự do khi giặt ở nhiệt độ nóng, giúp vải khẩu trang được giặt sạch sẽ và được khử trùng tốt nhất.

## Giặt bằng tay

Đối với những khẩu trang làm bằng chất liệu vải xịn hoặc được thiết kế thêm có miếng vải lọc không khí thì tốt nhất là nên giặt bằng tay. Trước tiên, bạn có thể ngâm khẩu trang trong

nước ấm hoặc nóng trong 15 phút, rồi sau đó dùng miếng cọ vải nhẹ nhàng chà ít nhất là từ 20 đến 30 giây.

Bên cạnh đó, bạn có thể pha loãng bột giặt dạng lỏng trong nước nóng, rồi cho khẩu trang ngâm 20 phút để bụi bẩn và những thứ khác dính trên khẩu trang được trôi đi. Tiếp theo, bạn chỉ cần rửa kỹ và để khô.

Một điều nữa bạn cần chú ý là không nên sử dụng chất tẩy rửa khi giặt khẩu trang vì trong chất tẩy rửa có nhiều thành phần hóa học có thể gây kích ứng da mặt.

## Loại bỏ vết bẩn trên khẩu trang

Nếu vải khẩu trang bị ố sau khi sử dụng thường xuyên, bạn có thể dùng sản phẩm lau chùi vết bẩn với thành phần tẩy enzyme.

Ngoài ra, khẩu trang cũng rất dễ bị dính kem chống nắng khi bạn bôi hằng ngày và phải tiếp xúc trực tiếp với khẩu trang khi đeo lên mặt. Trong thành phần kem chống nắng hay có chất avobenzon không dễ rửa khi xài với bột giặt có chứa chlorine. Vì thế, bạn nên tránh thành phần này ra. (K.D) [qd]

<https://www.nguoi-viet.com/phu-nu/phu-nu-nau-an/cach-giat-khau-trang-dung-cach-de-su-dung-nhieu-lan/>

**Giặt khẩu trang thường xuyên để bảo vệ sức khỏe bản thân. (Hình: Isabel Infantes/AFP)**



# Dùng lò vi sóng an toàn hay có hại cho sức khỏe?

**B**ản thân bức xạ trong lò vi sóng không gây vấn đề, song đồ đựng thức ăn bằng nhựa bị nóng lên thì lại có nguy cơ độc hại.

Mặc dù đã là một thiết bị nhà bếp quen thuộc trong nhiều thập niên, nhưng ít có vật dụng gia đình nào gây tranh cãi hơn lò vi sóng.

Nó được ca ngợi như cứu tinh cho những ai không có thời gian hoặc không biết nấu ăn, song cũng bị một số đầu bếp coi là một sự nhạo báng nghệ thuật nấu ăn.

Nhưng có một cuộc tranh luận khác nữa, nằm ngoài khía cạnh ẩm thực. Đó là trong tình huống nào thì sử dụng vi sóng có thể gây hại cho con người?

Khi sử dụng đúng cách thì chúng ta không có gì phải lo lắng về bức xạ vi sóng cả, theo Tổ chức Y tế Thế giới.

Song còn có những mối quan ngại khác chưa được làm rõ - bao gồm vấn đề liệu thực phẩm nấu bằng lò vi sóng có bị mất chất dinh dưỡng hay không, hay thực phẩm để trong hộp nhựa đem hâm nóng trong lò liệu có làm rối loạn nội tiết tố hay không.

## Mất chất dinh dưỡng

Một số nghiên cứu cho thấy rau dễ bị mất dinh dưỡng khi được nấu trong lò vi sóng.

Ví dụ, người ta phát hiện ra rằng lò vi sóng làm mất đi đến 97% flavonoid - một hợp chất có tác dụng chống viêm - trong bông cải xanh, tức là mất chất nhiều hơn một phần ba so với luộc chín trên bếp.

Tuy nhiên, một nghiên cứu năm 2019 xem xét sự mất chất dinh dưỡng của bông cải xanh khi nấu trong lò vi sóng lại chỉ ra rằng các nghiên cứu trước đó đã thay đổi các điều kiện, như thời gian nấu, nhiệt độ nấu và nấu bằng cách để bông cải ngập trong nước hay là không.

Nghiên cứu phát hiện ra rằng thời gian nấu ngắn hơn (họ quay bông cải xanh trong lò vi sóng một phút) sẽ không làm mất đi hàm lượng dinh dưỡng.



Nguồn hình ảnh, Getty Images

Nấu chín bằng cách hấp trên bếp hoặc quay trong lò vi sóng thậm chí có thể làm tăng hàm lượng của hầu hết các flavonoid, là những hợp chất có liên quan đến việc giảm nguy cơ mắc bệnh tim.

“Trong các phương thức nấu ăn được sử dụng tại nghiên cứu này, lò vi sóng dường như là một cách để bảo tồn flavonoid tốt hơn so với hấp,” các nhà nghiên cứu đã viết.

Tuy nhiên, những nhà nghiên cứu cũng phát hiện ra rằng nấu bằng lò vi sóng mà cho quá nhiều nước (tương đương lượng nước dùng khi luộc thực phẩm) là nguyên nhân gây ra sự sụt giảm flavonoid.

Một số thực phẩm, chẳng hạn như các loại đậu tươi, bị mất chất dinh dưỡng khi nấu trong vi sóng hoặc hấp trên bếp, song những loại hạt khác, như đậu xanh thì không.

Trưởng nhóm nghiên cứu Xianli Wu, khoa học gia tại Trung tâm Nghiên cứu Dinh dưỡng Beltsville thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, cho biết không có một nguyên lý thống nhất giải thích tại sao nấu trong lò vi sóng lại có thể làm tăng hàm lượng flavonoid.

Có thể là việc nấu bằng lò vi sóng khiến việc đo lường flavonoid trở nên dễ dàng hơn - có lẽ bằng cách làm mềm mô thực vật nên dễ chiết xuất hơn - chứ không hẳn là do lượng flavonoid tăng lên.

Vậy nên cũng không có câu trả lời chắc chắn

về việc liệu rau nấu trong lò vi sóng sẽ giữ được nhiều chất dinh dưỡng hơn phương thức nấu ăn khác hay không. Bởi vì mỗi loại thực phẩm là khác nhau về kết cấu và hàm lượng chất dinh dưỡng, theo Wu.

“Mặc dù nói chung là lò vi sóng được ưa thích, song thời gian tối ưu sẽ khác nhau đối với từng loại rau,” Wu nói. “Khi cân nhắc các phương cách nấu ăn thường được sử dụng, lò vi sóng khá được ưa thích, ít nhất là đối với nhiều loại rau củ quả, song có lẽ không phải đối với mọi loại thức ăn có nguồn gốc thực vật.”

Trong một nghiên cứu khác, các nhà khoa học đã so sánh hàm lượng phenolics (hợp chất liên quan đến nhiều lợi ích sức khỏe con người) của các loại rau khác nhau sau khi được luộc, hấp và nấu bằng lò vi sóng.

Dùng lò vi sóng và hấp làm hao hụt về hàm lượng phenolic trong bí, đậu Hà Lan và tỏi tây, nhưng lại không mất chất trong rau chân vịt, ớt, bông cải xanh và đậu xanh.

Các nhà nghiên cứu cũng đã thử nghiệm về tính chống oxy hóa.

Đối với cả hai biện pháp, rau quả nấu bằng lò vi sóng có chất lượng tốt hơn so với luộc trong nước.

“Dùng mức nhiệt vừa phải là cách để lò vi sóng trở thành một thiết bị nấu ăn hữu ích trong việc cải thiện các đặc tính có lợi cho sức khỏe của một số loại rau củ,” các nhà nghiên cứu viết.

## Nhựa gây độc hại khi được đem dùng trong lò vi sóng

Chúng ta thường đựng thực phẩm trong hộp nhựa và bọc màng nhựa rồi cho vào lò vi sóng, nhưng một số nhà khoa học cảnh báo về nguy cơ ăn phải các chất phthalates. Trong quá trình bị làm nóng trong lò vi sóng, các chất phụ gia nhựa này có thể bị phá vỡ và thấm vào thức ăn.

Trong quá trình gia nhiệt trong lò vi sóng, các chất phụ gia nhựa này có thể bị phá vỡ và ngấm vào thức ăn

“Một số loại đồ nhựa không được thiết kế dùng cho lò vi sóng vì có pha chất polymer bên trong để làm mềm và dễ định dạng. Các polymer này tan chảy ở nhiệt độ thấp hơn và có thể bị

rò rỉ khi lò vi sóng hoạt động chỉ cần ở mức cao hơn 100 độ C (212F) thôi,” Juming Tang, giáo sư ngành hoá thực phẩm tại Đại học Bang Washington, nói.

Trong một nghiên cứu năm 2011, các nhà nghiên cứu đã mua hơn 400 hộp nhựa được thiết kế để đựng thực phẩm và phát hiện ra rằng phần lớn hóa chất bị rò rỉ từ những hộp nhựa này gây nên rối loạn các nội tiết tố của con người.

Phthalates là một trong những chất hóa dẻo được sử dụng phổ biến nhất, được thêm vào để làm cho nhựa dẻo hơn và thường được tìm thấy trong các hộp đựng, màng bọc nhựa và chai nhựa.

Người ta đã phát hiện ra rằng các phthalates này có thể gây rối loạn hormone và hệ thống trao đổi chất ở người.

Ở trẻ em, phthalates có thể làm tăng huyết áp và kháng insulin, từ đó làm tăng nguy cơ rối loạn chuyển hóa như tiểu đường và cao huyết áp. Nhiễm độc phthalates còn có liên quan cả đến vấn đề sinh sản, hen suyễn và ADHD.

Phthalates cũng là tác nhân gây rối loạn nội tiết tố tuyến giáp, Leonardo Trasande, giáo sư y tế môi trường và sức khỏe dân số tại Đại học Y ở New York cho biết.

Trong cơ thể con người, những nội tiết tố này rất quan trọng đối với sự phát triển trí não của trẻ sơ sinh trong thời kỳ còn trong bụng mẹ.

Bisphenol (BPA) cũng thường được sử dụng trong các sản phẩm nhựa và các nghiên cứu cho thấy nó cũng có thể gây rối loạn nội tiết tố. Nhưng nghiên cứu còn hạn chế, so với số lượng

Nguồn hình ảnh, Getty Images





Nguồn hình ảnh, Getty Images

nguyên cứu nhắm vào phthalates.

Phthalates có ở khắp mọi nơi - ngay cả trong đồ chơi và kem dưỡng da - và người ta vẫn chưa rõ mức độ gây hại của chúng. Nhưng hầu hết các chuyên gia đồng ý rằng làm nóng nhựa có chứa phthalates có thể làm tăng nguy cơ nhiễm độc chất này.

Chất phthalates có thể gây rối loạn nội tiết tố và hệ thống trao đổi chất của con người

“Việc nấu bằng lò vi sóng làm dịch chuyển các chất độc hại,” Rolf Halden, giáo sư và là giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Sinh học về Sức khỏe Môi trường tại Đại học Bang Arizona, nói.

Quy trình này được sử dụng trong các phòng thí nghiệm để trích xuất các chất ô nhiễm từ các mẫu, trước khi đưa đi phân tích hóa học.

Và những rủi ro tiềm ẩn không chỉ tăng tỷ lệ theo mức độ thường xuyên của từng lần hâm thực phẩm trong hộp nhựa bằng lò vi sóng, Trasande nói - vì không phải là giữa hàm lượng hoá chất bị nhiễm và nguy cơ rối loạn nội tiết tố có mối quan hệ tỷ lệ thuận.

“Các quan điểm cũ cho là liều lượng độc như thế nào thì sẽ gây ra tác hại tương ứng. Song từ nhiều nghiên cứu hiện nay cho chúng ta thấy rằng chỉ cần nhiễm ở mức độ thấp cũng xảy ra các hiệu ứng tác hại mạnh, do đó, không có mức độ phơi nhiễm nhỏ nào là an toàn cả,” Trandande nói.

Điều quan trọng cần nhớ là, khi hâm nóng thức ăn trong hộp nhựa, việc nhiễm độc cũng có thể xảy ra với phần nhựa không chạm vào thực phẩm, chẳng hạn như nắp hộp.

“Nước sôi trào lên khi bốc hơi thức ăn, sau đó

ngưng tụ ở mặt dưới của nắp, và các hóa chất từ nắp hộp ngấm vào các giọt ngưng tụ để rồi rơi xuống thức ăn của bạn,” Mitch Halden nói.

Để giảm thiểu rủi ro, trong lò vi sóng chúng ta không nên dùng hộp đựng thực phẩm bằng nhựa, mà dùng loại khác như gốm sứ chẳng hạn

Cách tốt nhất để giảm thiểu rủi ro là sử dụng các vật liệu an toàn cho lò vi sóng khác ngoài nhựa, chẳng hạn như gốm sứ.

Nếu bạn sử dụng hộp nhựa, tránh bất kỳ những cái đã bị biến dạng, vì hộp đựng cũ và hư hỏng có nhiều khả năng bị rò rỉ hóa chất hơn.

Bạn cũng có thể kiểm tra biểu tượng tái chế, thường nằm dưới đáy của sản phẩm nhựa - nếu có số 3 và các chữ cái “V” hoặc “PVC” là có chứa phthalates.

## Rủi ro khi dùng lò vi sóng ở nhiệt độ cao

Ngay cả khi bạn không dùng đồ đựng bằng nhựa thì vẫn có những rủi ro tiềm ẩn khác khi hâm nóng thức ăn trong lò vi sóng - bao gồm cả việc làm nóng không đều và dùng nhiệt độ cao.

Đầu tiên, hãy cân nhắc chỉ sử dụng lò vi sóng để hâm nóng, chứ không nấu thức ăn, vì lò làm nóng không đều.

“Tuỳ thuộc vào khối lượng thức ăn được làm nóng to nhỏ thế nào, nhưng sẽ có một số chỗ nóng hơn chỗ khác,” Francis Diez-Gonzalez, giáo sư về an toàn thực phẩm tại Đại học Georgia, nói.

“Nhiệt độ sẽ khác nhau tại các điểm khác nhau của khối thực phẩm được quay trong lò vi sóng. Rất khó để đạt được mức nhiệt đồng đều cho cả khối thức ăn, nhất là khi đó là nguyên liệu còn tươi sống.”

Nhưng điều quan trọng cần lưu ý là hâm nóng thức ăn thôi cũng có rủi ro. Thực phẩm phải được làm nóng cho đến nhiệt độ khoảng 82C (176F) thì mới đủ để tiêu diệt bất kỳ vi khuẩn có hại nào - và vì vi khuẩn vẫn có thể phát triển mỗi khi thức ăn nguội đi, bạn không nên hâm nóng bữa ăn nhiều lần.

Chỉ nên sử dụng lò vi sóng để hâm nóng thức ăn, không dùng để nấu chín, tốt hơn hết là không nên hâm nóng nhiều lần cho một bữa ăn - đặc biệt là cơm



Nguồn hình ảnh, Getty Images

Nhiệt độ cao của lò vi sóng cũng có thể gây ra một số rủi ro khác nữa. Nói chung, nhiệt độ cao không phải là vấn đề, song có một số nghiên cứu cho thấy có rủi ro liên quan đến việc nấu một số thực phẩm giàu tinh bột trong lò vi sóng, bao gồm ngũ cốc và rau củ.

Khi Betty Schwartz, giáo sư khoa học dinh dưỡng tại Đại học Jerusalem, thấy các sinh viên của mình làm nóng khoai tây trong lò vi sóng vào giờ nghỉ trưa, bà nhận ra có những tinh thể nhỏ bên trong khoai tây của họ.

Khi bà phân tích những tinh thể này, bà thấy chúng có hàm lượng acrylamide hóa học cao, mà có thể là sản phẩm phụ tự nhiên phát sinh trong quá trình nấu ăn.

Schwartz yêu cầu các sinh viên của mình luộc khoai tây thay vì cho vào lò vi sóng, và thấy việc này không tạo ra acrylamide, mà bà cho rằng lý do là nhiệt độ lò vi sóng cao hơn.

Đây là một điều gây quan ngại, bởi vì các nghiên cứu trên động vật đã chỉ ra rằng acrylamide hoạt động như một chất gây ung thư vì nó can thiệp vào DNA của tế bào, nhưng bằng chứng ở người còn hạn chế.

Có một số nghiên cứu cho thấy rằng môi trường nhiệt độ cao của lò vi sóng có lợi cho sự phát triển của acrylamide hơn các cách thức nấu ăn khác.

“Ở nhiệt độ 100C (212F) là có đủ năng lượng thay đổi các liên kết tự động giữa các phân tử để tạo ra một phân tử có năng lượng cao hơn nhiều, có thể tương tác với DNA và gây ra đột biến,”

Schwartz nói. “Càng nhiều đột biến thì khả năng gây ung thư càng cao.”

Các nghiên cứu trên động vật đã chỉ ra rằng đây chính là trường hợp xảy ra với acrylamide.

Một cách khác an toàn là vẩy nước làm ướt khoai tây trước khi cho vào lò vi sóng.

### An toàn bức xạ

Về vấn đề bức xạ trong lò vi sóng, thì đây là thứ hoàn toàn vô hại.

Vi sóng sử dụng bức xạ điện từ tần số thấp - cùng loại được sử dụng trong bóng đèn và radio.

Khi ta đặt thức ăn vào lò vi sóng, thức ăn sẽ hấp thụ các sóng bức xạ này, khiến các phân tử nước trong thực phẩm xung động, gây ra ma sát làm nóng thức ăn.

Bức xạ trong lò vi sóng hoàn toàn vô hại

Con người cũng hấp thụ sóng điện từ. Nhưng lò vi sóng tạo ra sóng tần số tương đối thấp và chúng chỉ ở bên trong lò mà thôi. Ngay cả khi đó là trường hợp bị rò rỉ ra ngoài, vi sóng vẫn vô hại, Tang nói. (Tất nhiên, nhiệt độ trong lò vi sóng thì lại không vô hại - vì vậy bạn đừng bao giờ đặt một sinh vật sống vào bên trong lò).

“Sóng vi sóng là một phần của sóng điện từ mà chúng ta tiếp xúc hàng ngày. Khi bạn nướng bánh mì, bạn đã tiếp xúc với sóng điện từ và năng lượng hồng ngoại từ các bộ phận làm nóng của lò. Ngay cả con người cũng trao đổi sóng phóng xạ với nhau,” Tang nói.

“Nếu bạn ăn được các loại cây trồng quang hợp ánh sáng mặt trời, hà cớ gì bạn lại lo lắng về thức ăn nấu trong lò vi sóng.”



Không giống như tia X-quang, sóng vi sóng không sử dụng bức xạ ion hóa, có nghĩa là chúng không đủ năng lượng để tách các electron khỏi nguyên tử.

Sóng vi sóng không sử dụng bức xạ ion hóa, nên hoàn toàn không độc hại khi làm nóng thức ăn trong lò vi sóng

“Các liên kết hóa học khi bị phá vỡ thì mới gây tổn hại đến DNA. Đây mới chính là cách mà bức xạ trở thành sát thủ - nó làm biến đổi tế bào và gây ung thư,” Timothy Jorgensen, phó giáo sư về phóng xạ tế tại trung tâm y khoa thuộc Đại học Georgetown, nói.

Những lo ngại về bức xạ vi sóng phần lớn đã được giải quyết trong những năm ngay sau khi lò vi sóng được phát minh lần đầu tiên, Jorgenson nói.

Đặc biệt, rất nhiều nghiên cứu đã được

thực hiện bởi các nhà khoa học tại Phòng Thí nghiệm Nghiên cứu và Phát triển Army Natick ở Massachusetts, Hoa Kỳ, xung quanh sự an toàn của lò vi sóng, đã đạt một chặng dài để làm giảm bớt những lo ngại này.

Khi nói đến việc nấu thức ăn trong lò vi sóng, vẫn còn có rất nhiều điều cần cẩn trọng.

Theo nghiên cứu, lò vi sóng từ lâu đã được coi là một thiết bị nhà bếp an toàn - nhưng đi kèm theo đó là những hướng dẫn, cảnh báo về cách sử dụng.

Và đặc biệt là các chuyên gia vẫn nêu quan ngại về việc sử dụng các hộp nhựa để hâm nóng thức ăn trong lò vi sóng liệu sẽ làm rối loạn hormone, và do đó, tác động đến sức khỏe của con người, như thế nào.

**Jessica Brown - BBC Future**



# CHỮ NÔM VỚI ĐẠO CÔNG GIÁO TỪ THẾ KỶ XVII – XX

**T**rong quá trình truyền bá đạo Công Giáo ở Việt Nam, các vị thừa sai ngoại quốc ngoài việc phải đối đầu với những chính sách bắt đạo, cấm cách của các vua chúa Việt Nam ở Đàng Trong cũng như Đàng Ngoài, họ còn phải tận dụng nỗ lực tri thức để vượt qua rào cản của văn tự, ngôn ngữ nhằm tìm ra phương thức chuyển tải nội dung của Đức Tin đến với quần chúng trên quê hương chúng ta. Công việc này có nhiều khó khăn nhưng qua đó biểu lộ quyết tâm của các ngài trong nỗ lực truyền bá Tin Mừng theo lý tưởng đã lựa chọn.

Để vượt qua những trở ngại của việc truyền thông giao tiếp và trong khi chữ Quốc ngữ còn trong giai đoạn hình thành, các nhà truyền giáo đã biết vận dụng chữ Nôm là một thứ văn tự sử dụng chữ Hán để ghi lại cách đọc tiếng Việt mà người Việt Nam vẫn còn dùng khá phổ thông trong xã hội bên cạnh chữ Hán trong sinh hoạt văn chương và giao tiếp hằng ngày, qua sự cộng tác của một số thầy giảng am tường Nho học để ghi lại kinh bản, giáo lý trong các công tác mục vụ.

## 1.- Chữ Nôm, một thoáng nhìn lại.

Chữ Nôm là văn tự ghi lại tiếng nói của người Việt Nam, theo sự biện giải đơn giản của một nhà nghiên cứu, có lẽ do chữ Nam đọc chệch đi, “chữ Nôm” có nghĩa là “chữ của người phương Nam, đối với “chữ Hán” của người phương Bắc, tức Trung Hoa.” (Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Khoa Cử Việt Nam, Thi Hương, tập thượng, An Tiêm xuất bản, Paris, 2002, tr. 126).

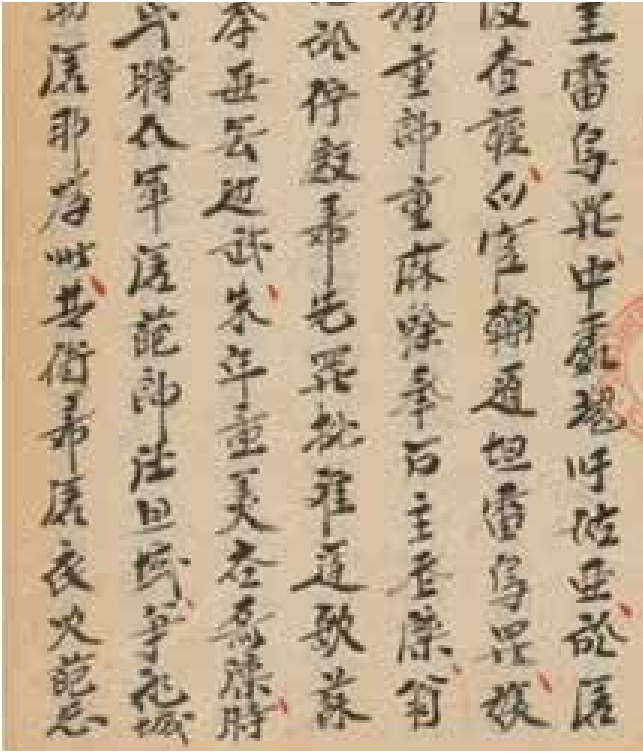
Trong lời giới thiệu cuốn Đại Tự Điển Chữ Nôm của cụ Vũ Văn Kính, một tác giả Công Giáo ngoài 80 tuổi ở trong nước, ông Mai Quốc Liên đã viết rằng “chữ Nôm là một thứ chữ ‘ghi âm’, nhưng ghi qua việc dùng chữ Hán tuy nhìn chung có tính qui luật, nhưng còn biết bao cái ngoài qui luật, biết bao cái biệt lệ, ngẫu nhiên,

thay đổi qua từng thời, từng tác phẩm. Nó chưa hề được điển chế hóa, chưa hề được hoàn thiện đến cùng, mặc dù nó được hình thành khá lâu, ít nhất cũng đã có lịch sử mười thế kỷ.” (Nhà x.b. Văn Nghệ TP. HCM, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 1998, trang 6).

Theo Giáo sư Đoàn Khoách, “chữ Nôm là loại văn tự xây dựng từ chất liệu chữ Hán, do đó trước khi tìm hiểu cách cấu tạo chữ Nôm, chúng ta thử tìm hiểu sơ qua cách kết cấu chữ Hán mà người xưa gọi là lục thư”. (Đoàn Khoách, Đặc san Đại Học Huế, Vài nét đại cương về chữ Nôm, 2017, trang 174). Giáo sư Đoàn Khoách cũng cho biết : “Trong việc cấu tạo chữ Nôm, ngoài việc dùng chữ nghĩa Hán âm Việt (gọi là Hán tự Việt đọc hay Việt đọc hoặc Hán-Việt) như gia đình hay xã hội v.v..., trước đây người Việt thường chỉ mượn ba trong sáu cách của lục thư là Hội ý, Hình thanh, Giải tá. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển biến của lịch sử, do âm đọc chữ Hán của người Việt có sai khác, nên phần ngữ âm lịch sử Việt Nam cũng có một ảnh hưởng nhất định trong việc cấu tạo chữ Nôm.” (tr. 174-175).

Theo Trần Văn Giáp, trong quyển Lược khảo vấn đề chữ Nôm thì “chữ Nôm là một thứ chữ khối vuông của Việt Nam dùng để phiên âm tiếng Việt, mới xuất hiện trên đất Việt Nam từ cuối đời Hán Minh đế, dưới thời thống trị của Sĩ Nhiếp, thế kỷ thứ II sau công nguyên, do người





Việt Nam tự sáng tạo ra.” (Trần Văn Giáp, Nhà xb Ngày Nay Publishing 2002, tr. 34). Ý kiến của Trần Văn Giáp là dựa vào quan điểm của sư Pháp Tính tác giả cuốn Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa được khắc in vào năm Tân tị thứ 22 triều Lê Cảnh Hưng (1761). Bài tựa sách này có đoạn như sau: “Từ khi thánh nhân lập ra lối chữ có bộ phận để chỉ nghĩa, chỉ tên gọi cho chính xác, khiến cho người Trung Quốc dễ hiểu, còn các dân tộc khác thì hãy còn khó hiểu. Mãi đến thời Sĩ Vương sang đóng ở nước ta trong khoảng hơn 40 năm, ra sức giáo hóa, giải nghĩa bằng tiếng Nôm để thông hiểu từng đoạn, từng câu, hợp lại thành thơ ca quốc ngữ, đề ghi tên gọi, ghép vận làm thành sách Chỉ Nam Phẩm Vựng chia ra thượng hạ 2 quyển...” (Đoàn Khoách, Vài nét đại cương về chữ Nôm, Đặc san Đại Học Huế, Kỷ niệm 60 năm Đại Học Huế (1957-2017), trang 177).

Dưới thời Tự Đức (1848-1883), Văn Đa cư sĩ Nguyễn Văn Xan cũng đề cập niên đại thành lập chữ Nôm trong cuốn Đại Nam Quốc Ngữ tựa đề năm Tự Đức thứ 33 (1880) trong có đoạn (dịch): “Nước ta từ đời Sĩ Vương (Sĩ Nhiếp) đã đem dịch tiếng Nam bằng tiếng Bắc (Trung Quốc); trong số tiếng dịch ấy, có nhiều tên còn chưa rõ, như “thư cưu” (chim uyên ương” chẳng biết gọi là chim gì, “dương đào” (cây khế) chẳng biết gọi

là cây gì...” (Đoàn Khoách, Bài đã dẫn, tr.178).

Những người chung ý kiến với Trần Văn Giáp có Lê Dư, Nguyễn Đồng Chi.

Các học giả P. Pelliot và L. Cadière cho rằng chữ Nôm được sáng chế từ cuối thế kỷ XIII, dẫn đoạn sau đây trong sách Hải đông chí lược của Ngô Thời Sĩ : “Ngã quốc văn học đa dụng quốc ngữ tự Thuyên thủy” (văn học nước ta dùng nhiều quốc ngữ bắt đầu từ ông Thuyên); lại nêu những danh sĩ đồng thời với Nguyễn Thuyên như Nguyễn Sĩ Cổ có tập Quốc Âm thi phú, Chu Văn An có Quốc Ngữ thi tập... để minh chứng những hoạt động văn nghệ nói trên nằm trong phong trào lưu hành thi phú bằng tục ngữ trong thời đại nhà Trần. Từ đó hai ông suy luận rằng chữ Nôm là thứ chữ để biên ký tục ngữ Việt Nam, có lẽ được sáng chế từ cuối thế kỷ thứ XIII (trong đời nhà Trần) là một thời kỳ văn học tục ngữ (quốc âm thi) rất phát đạt tại Việt Nam. (Đoàn Khoách, bài đã dẫn, tr. 178). Chữ tục ngữ nói ở đây xin hiểu là tiếng Việt sử dụng hằng ngày. Người ta cũng tương truyền câu chuyện Nguyễn Thuyên, (bắt chước Hàn Dũ năm 819) làm bài thi đuổi cá sấu xuất hiện ở sông Phú-lương (Nhị Hà), sau đó được vua Trần Nhân Tông đổi tên Hàn Thuyên, nhưng theo Trần Văn Giáp trong Lược truyện các tác gia Việt Nam, tập I, bài thơ đuổi cá sấu in trong Tứ Dân Văn Uyển hồi đầu thế kỷ XX nói là của Hàn Thuyên và được một số sách báo in lại, đúng ra là của Phó bảng Nguyễn Can Mộng ngụy tạo để đùa chơi, tiếc rằng lời cải chính in trên một số báo sau đó ít người được đọc nên nhiều người vẫn tưởng là của Hàn Thuyên thực. Song nếu đọc kỹ sẽ thấy toàn bài không có lấy một từ ngữ cổ, thơ cũng không viết theo thể Hàn luật, khó có thể tin là của Hàn Thuyên.” (Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Sđd, tr. 128).

Theo học giả Nguyễn Văn Tố, chữ Nôm được sử dụng vào thế kỷ VIII là vì Phùng Hưng khởi nghĩa đánh diệt Cao Chính Bình năm 791, chiếm phủ lý, được dân chúng tôn là “Bố Cái đại vương” . Về ý nghĩa chữ Bố Cái, sách Cương Mục chua rằng: “Cổ tục hiệu phụ viết Bố, mẫu viết Cái” (theo cổ tục nước ta gọi cha là Bố, mẹ là Cái). Họ Nguyễn lấy đoạn sử ấy như một thực

lệ chữ Nôm đã được sử dụng vào thế kỷ VIII và đặt niên đại thượng hạn (terminus ad quem) của chữ Nôm vào cuối thế kỷ thứ VIII. Đào Duy Anh, trong cuốn Chữ Nôm, nguồn gốc-cấu tạo-diễn biến đã phân bác ý kiến của Nguyễn Văn Tố khi cho rằng “Việt sử lược là sách tóm tắt bộ Sử Ký của Lê Văn Hưu không thấy chép hiệu Bồ Cái Đại Vương, mà bia đề đền thờ Phùng Hưng ở xã Cam lâm, huyện Phúc thọ, tỉnh Hà tây dựng năm Quang Thái thứ 3, tức năm 1390 đời Trần Thuận-tôn cũng không thấy chép hiệu ấy. Mãi đến sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư ở thời Lê sơ mới thấy chép hiệu Bồ cái đại vương. Hiệu nước thời nhà Đinh là Đại cồ việt cũng đến bấy giờ mới thấy chép. Như thế thì cũng chưa có thể tin chắc rằng những chữ nôm bố và cái đã có từ thế kỷ thứ VIII.” (Đào Duy Anh, Chữ Nôm, nguồn gốc - cấu tạo - diễn biến, Nhà xb. Khoa học Xã hội, 1975, trang 42).

Cụ Sở Cuồng Lê Dư cho rằng quốc hiệu Việt Nam ở hai triều Đinh và Tiền Lê là Đại Cồ Việt. Đó là một thí dụ chữ Nôm được sử dụng trong thế kỷ X (Đoàn Khoách, Bài đã dẫn, tr. 179).

Theo ý kiến của Giáo sư Chen Ching Ho (Trần Kinh Hòa) với chuyên môn về lịch sử các nước Đông Nam Á, từng đảm trách chức vụ Giáo sư môn Sử học tại các đại học: Đại học

Keio, Tokyo, Japan, National University Taipei, Taiwan, Soka University Hachioji, Tokyo, Japan, Korea University, Seoul, Korea, Chinese University of Hong Kong, Southern Illinois University, Carbondale, Illinois, USA, và các đại học Saigon, Dalat, Huế ... chữ Nôm được sáng chế sau khi Việt độc thành lập, bắt đầu từ triều đại nhà Lý. (Chingho A. Chen, “Hình thái và niên đại sáng chế chữ Nôm”, Đoàn Khoách dịch, Tạp chí Đại Học, số 35-36, Viện Đại Học Huế, tháng 10-12 năm 1963).

Khởi nguyên của chữ Nôm theo Giáo sư Chen, phải ở vào giai đoạn sáng chế chữ hình thanh mới là hợp lý và thích đáng. Muốn giải quyết niên đại sáng chế chữ Nôm, theo Giáo sư, phải kiểm thảo hai vấn đề: niên đại hoàn bị của “khải thể” chữ Hán và niên đại Việt ngữ áp dụng Hán ngữ làm ngữ vựng.

Vấn đề thứ nhất, theo kết quả nghiên cứu của Văn Hựu, một học giả Trung Hoa (tác giả bài “Luận về tổ chức của chữ Nôm” đăng trong Yên kinh Học báo, kỳ 14, bài này đã được nhà học giả Nhật-bản Sơn-bảng Đại-lang giới thiệu trong Đông-dương Học báo quyển 22, số 2, năm 1935. Chú thêm của NĐC) thì chữ Nôm dứt khoát không thể xuất hiện vào thời cổ đại. Vấn đề thứ hai, theo kết quả nghiên cứu ngữ âm học lịch sử tiếng Việt của H. Maspéro lại cho biết gần một nửa ngữ vựng trong tiếng Việt là những tiếng mượn của Hán ngữ. Tuy nhiên đại đa số Hán ngữ lại truyền nhập vào Việt ngữ ở một thời đại tương đối muộn và phải qua trung gian của Việt độc (âm Hán-Việt), nghĩa là sau khi có cuộc phân ly chính trị giữa Trung Quốc và Việt Nam, mới được thành lập. Có điều, hai vương triều độc lập đầu tiên của Việt Nam là nhà Đinh (968-980) và nhà Tiền Lê (980-1009) đều bị nội tranh quá nhiều và mau chóng bị lật đổ, nên phải chờ đến nhà Lý (1010-1225) mới xuất hiện một vương triều tương đối lâu bền và ổn định. Sự chỉnh đốn về chế độ văn vật, sự xuất hiện cuộc vận động văn hóa, sự thiết lập chế độ khoa cử đều bắt đầu từ triều đại nhà Lý. Sách Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú cũng khởi bút từ triều Lý. Bởi thế Giáo sư Chen suy luận rằng Việt độc đại khái được thành lập trong thời đại nhà Lý.



Cũng nên thấy thêm rằng hiện nay phần nhiều tiếng mượn của Hán ngữ trong tự vựng Việt ngữ đều thoát thai từ Việt độc. Hiện tượng ấy chứng tỏ rằng những tiếng mượn ấy được truyền vào tự vựng Việt Nam trong thời kỳ Việt Nam độc lập. Điều đáng chú ý nữa là trong quy chế chữ Nôm, các chữ Hán giả tá hoặc hầu hết thanh phù của chữ Nôm đều căn cứ vào Việt độc cả. Do đó mà Giáo sư Chen đoán định niên đại thượng hạn của chữ Nôm là bắt đầu từ triều đại nhà Lý.” (Đoàn Khoách, Bài đã dẫn, tr. 181).

Có lẽ ai cũng biết sự khó khăn của chữ Nôm khi muốn hiểu nó thì phải học chữ Hán trước, tuy vậy đến người Hoa cũng không thể viết được hoặc đọc được chữ Nôm. Lẽ dĩ nhiên, biết được chữ Nôm sẽ giúp cho việc hiểu biết thêm trong phạm trù nghiên cứu sử học hay văn học, tôn giáo hoặc các ngành ngôn ngữ học khác.

Trong cuốn “Lược khảo vấn đề chữ Nôm”, Trần Văn Giáp (1902-1973) đã viết: “Chính Ngô Thời Nhiệm, thế kỷ thứ XVIII, đã phải nói trong bài tựa sách tự điển của ông: “... Cố ngã quốc tự hiệu nan ư Trung Quốc (Cho nên chữ nước ta so ra khó hơn chữ Trung quốc...)”. Đó là những lý do chính khiến cho chữ Nôm không còn có thể thông dụng dễ dàng được. Nhưng, mặc dầu thế, do sự tranh đấu không ngừng của nhân dân, chữ Nôm vẫn đã được sử dụng. Nó đã đồng thời tự phát với sự tiến triển của ngữ ngôn dân tộc và văn học cổ điển Việt Nam. Cho nên, chúng ta không thể không nghiên cứu chữ Nôm một cách sâu rộng để thu tàng lấy vốn cổ quý báu của ta về mọi lãnh vực.” (Trần Văn Giáp, Sđd, tr. 88)

Trong khi đó Giáo sư Đoàn Khoách lại đã viết: “Nhưng cái ưu điểm lớn nhất của chữ Nôm là ghi âm được tiếng Việt một cách tương đối trung thực, trong khi chữ quốc ngữ ngày nay chưa xuất hiện. Nhờ thế mà ngày nay người Việt biết được phần nào tình cảm và suy tư của tổ tiên mình. Ngoài ra chữ Nôm có thể phân biệt được tiếng Việt đồng âm dị nghĩa mà thường rất khó phân biệt, ví dụ may rủi với may vá, bụng dạ với vâng dạ, đầy đủ với đu đủ, vợ chồng với chồng chất, v.v... Ưu điểm này thì chữ quốc ngữ hiện nay chưa bì được... Lịch sử chữ Nôm ở Việt

秋記迹金臺  
淨配女王超百  
古流芳石谷  
名稱主父冠羣

Nam đã có gần chín, mười thế kỷ nay, các loại sử liệu bằng chữ Nôm không những có giá trị về phương diện sử học, mà còn có giá trị về nhiều phương diện khác nữa như ngôn ngữ, phong tục, xã hội, kinh tế, triết học, văn học v.v... mà các học giả đời nay cần sưu tầm, khai thác. (Đoàn Khoách, bđd, tr. 184)

Như vậy, chữ Nôm là nguồn ký thác tình cảm và suy tư của tổ tiên qua trường kỳ lịch sử mà con cháu là chúng ta cần có bổn phận tìm hiểu và quý trọng bảo lưu. Theo cuốn sách của Đào Duy Anh được nhắc ở trên, hiện nay tại Thư viện Khoa học Xã hội Hà Nội còn tàng trữ khoảng 1186 cuốn sách chữ Nôm, đó là một kho tàng văn hóa cần được sử dụng khai thác.

Tiếp đây là ý kiến của một người ngoại quốc nhưng cuộc đời đã cống hiến nhiều cho sự nghiệp văn hóa dân tộc Việt Nam, Giáo sư Chen Ching Ho cũng đã viết rằng: “Sở dĩ chúng tôi đưa vấn đề chữ Nôm ra thảo luận, là vì chúng tôi muốn nhấn mạnh đến các giá trị các loại sử liệu bằng chữ Nôm về phương diện sử học. Đưa ra một vài nhận thức về nguyên lai và cấu tạo của chữ Nôm, là cốt để tiện việc đọc và giải thích văn Nôm, vì văn Nôm là một di sản văn hóa của Việt Nam.” (Đoàn Khoách, bđd, tr. 183).

Luận điểm của Giáo sư Chen Ching Ho ở trên khiến chúng tôi nhớ lại một câu vè của người dân Bình Trị Thiên về các cụ Ngô Đình Khả, cụ Nguyễn Hữu Bài về việc “đày vua” và “đào mả”. Các câu vè đó thường viết: “Phế (đày) vua không Khả, đào mả không Bài”. Ý muốn nói cụ Ngô Đình Khả phản đối việc người Pháp phế vua Thành Thái, và cụ Nguyễn Hữu Bài phản đối

việc khâm sứ Mahé đào mả vua Tự Đức. Trong cuốn Đại Nam Thực Lục Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên, do Quốc sử quán Triều Nguyễn biên soạn, câu về đó được in lại bằng chữ Nôm và chúng tôi đọc thấy là: “Bỏ vua không Khả, bới mả không Bài” (Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, Nhà xb. Văn hóa - Văn nghệ, 2012, tr. 779). Chữ bỏ viết chữ bỏ đọc bỏ, chữ bới (phương ngữ Bình Trị Thiên thường dùng chữ bới thay vì chữ đào) viết chữ bãi đọc Nôm là bới. Thí dụ vừa nói đây cũng có cơ duyên giúp giới thích đọc sứ (nếu biết chữ Nôm) đính chính được câu nói theo đúng nguyên văn của nó.

Trong một bài báo có tên Những lời thề của Lê-Lợi (văn Nôm đầu thế kỉ 15) của cụ Hoàng Xuân Hãn, đăng trên Tạp chí Sử Địa, số 1 của Nhóm Giáo sư, Sinh viên Đại Học Sư Phạm (Nguyễn Nhã) Sài gòn, 1966, tác giả cho biết “nếu quả rằng các bài nôm này có tự đời Lê Lợi, và không bị sao lại thất-chân, thì đây là hiện vật độc nhất của Việt-ngữ trước nay già 550 năm.” (trang 4). Đây là một bài nghiên cứu có giá trị với sự phân tích cẩn trọng của một học giả uyên bác, và cũng là một cống hiến rất quý báu cho giới nghiên cứu văn sử học Việt Nam về chữ Nôm và văn Nôm.

## 2.- Chữ Nôm với đạo Công Giáo trong giai đoạn thế kỷ XVII-XX.

Theo dõi quá trình xuất hiện của chữ Nôm trong lịch sử văn học nước ta như ở trên, chúng ta cũng không lạ gì khi thấy các giáo sĩ người nước ngoài lần đầu tiên khi đến nước ta truyền đạo đã nhìn thấy chữ Nôm như là một lợi khí có sẵn cho các dự tính truyền giáo của mình.

Có một cuốn giáo lý tiên khởi viết bằng chữ Nôm mà nay đã mất, được đề cập tới trong bức thư đề ngày 17-12-1621 của Thừa sai Gaspar Luis ghi lại như sau: “Cuốn giáo lý mà người ta đã biên soạn bằng tiếng Đàng Trong đã giúp ích nhiều lắm bởi vì không những trẻ em học thuộc lòng cuốn giáo lý đó, mà người lớn cũng học. Cho tới đây các giáo hữu chỉ dùng tràng hạt để đeo vào cổ cho người ta thấy mình là người có đạo. Nay họ dùng tràng hạt để đọc kinh...”

(Trương Bá Cần, Lịch sử phát triển Công Giáo ở Việt Nam, Tập I Thời kỳ khai phá và hình thành [Từ khởi thủy cho tới cuối thế kỷ XVIII], Nhà x.b. Tôn Giáo, Hà Nội, 2008, trang 42.)

Nhận thức sự quan trọng trong việc dạy cho các bổn đạo tân tông học giáo lý cho nên “các thừa sai Dòng Tên, vì thế, chỉ mấy năm sau khi tới Đàng Trong, đã cho soạn thảo ngay một cuốn giáo lý bằng tiếng Việt ‘không những cho trẻ em học thuộc lòng mà còn cho người lớn học nữa. Trong cuốn giáo lý này không những chỉ có những điều cần biết về đạo, mà còn có những kinh để đọc. Khi nói về lợi ích của “Cuốn giáo lý bằng tiếng Đàng Trong” này, trong báo cáo ngày 17/12/1621, Linh mục Gaspar Luis viết: “Cho tới nay các giáo hữu trong khu vực này chỉ dùng tràng hạt đeo cổ để chứng tỏ mình là người Công Giáo; nay người ta dùng để đọc (nhờ các kinh trong cuốn sách nói trên).”

Nói thêm về cuốn giáo lý này, tác giả Trương Bá Cần viết: “Cuốn giáo lý nói trên đây chắc chắn được viết bằng chữ Nôm là chữ phổ biến lúc bấy giờ. Vào thời điểm (trước 1621) này, không biết là chữ Quốc ngữ đã hình thành đủ để viết một cuốn giáo lý hay chưa; nếu có thì cũng chỉ chép một ít bản cho các thừa sai nước ngoài sử dụng mà thôi. Cho tới nay, chưa ai tìm thấy dấu vết của những cuốn giáo lý đó. Một cuốn giáo lý mà trẻ em có thể học thuộc lòng được chắc chắn không phải là đồ sộ và đầy đủ như cuốn giáo lý của Linh mục Rhodes xuất bản ở Rôma năm 1651.” (Trương Bá Cần, Sách đã dẫn, trang 185).





Như vậy cuốn sách giáo lý bằng chữ Nôm này xuất hiện năm 1621 do công sức của Linh Mục Buzomi và Francisco de Pina đã tới Hội an năm 1616, góp công soạn thảo cùng với các vị khác cho đến năm 1621, đặc biệt là công của một vài người trong giới thượng lưu đã gia nhập đạo và những vị này là những hạt nhân sơ khởi cho tiến trình hình thành chế độ “thầy giảng” trong giai đoạn về sau.

Nhắc đến cuốn giáo lý chữ Nôm này, Linh Mục Đỗ Quang Chính trong bài viết “Lòng nhiệt thành của bốn đạo Việt Nam” cho biết tháng 4-1627, cha Đắc Lộ giảng đạo ở vùng An Vực và Vân Nô, tả và hữu ngạn sông Mã, Thanh Hóa, rửa tội cho 200 người tân tòng trong số có một vị sãi 85 tuổi thông thạo chữ Hán, giỏi Nôm, rất đạo đức và rộng rãi. Ngài thường xuyên nhờ Cụ chép kinh sách và Cha Đỗ Quang Chính cho biết có lẽ đây là sách kinh bằng chữ Nôm do cha F.de Pina soạn ở Hội An khoảng 1620-1625? (Dũng Lạc. Net, 12/31/2006).

Nói chung, đối với những người thuộc tầng lớp quý tộc Việt Nam như thuộc gia đình vua chúa, quan chức đều là những người có trình độ học thức cao nên việc sử dụng chữ Nôm để

trình bày tư tưởng, diễn đạt tâm tình không phải là điều khó khăn hay trở ngại gì cả. Linh mục Nguyễn Khắc Xuyên cũng kể lại một câu chuyện liên quan đến Cha Đắc Lộ như sau: “Vào năm 1627, khi ngài vào đất Bắc được bốn tháng, có một bà thuộc hoàng tộc, “chị chúa Trịnh Tráng” gia nhập Ki-tô-giáo, giáo sĩ Đắc Lộ đặt tên là Catarina. Bà này thông thạo văn chương thi phú. Bởi đó bà đã viết một tập thơ, kể lại lịch sử cứu rỗi, từ tạo thiên lập địa cho tới Chúa thăng-thiên (Lịch sử miền Bắc, tr. 164) và còn thêm một đoạn vịnh cuộc truyền giáo tại Việt Nam...” (Nguyễn Khắc Xuyên, Quan điểm thần học trong “Phép giảng tám ngày” của Giáo sĩ Đắc-lộ, Tạp chí Đại Học, Số 1, Năm thứ tư, Tháng 2 - 1961, tr. 55). Đây có lẽ là tập thơ Nôm đầu tiên mang tính tôn giáo do một nữ sĩ viết. Tiếc thay tên tuổi người nữ sĩ này không được để lại trong kho tàng văn học Công Giáo Việt Nam.

Trong cuốn sách Người chứng thứ nhất, nhà văn Phạm Đình Khiêm đã có viết “bà Công chúa Ca-ta-ri-na, em chúa Trịnh Tráng, là một nữ thi sĩ, soạn quyển tiểu sử Chúa Giê-su bằng thơ nôm” (Rhodes, Histoire du royaume de Tonkin, tr. 26.) (Phạm Đình Khiêm, Tinh Việt Văn Đoàn, 1959, trang 76).

Giáo sư Trần Văn Toàn đã viết về các linh mục thừa sai như sau: “Các giáo sĩ Tây phương thì ngay thế kỷ XVI đã học tiếng Việt để nói với người dân. Girolamo Maiorica đã cộng tác với người Việt mới theo đạo để soạn sách vở bằng chữ Nôm cho người mình đọc.” (Trần Văn Toàn, Đạo trung tùy bút, Nhà x.b. Tôn Giáo, 2008, trang 28).

Nói đến Girolamo Maiorica, Linh mục Thanh Lãng cho biết tuy không viết sách bằng chữ quốc ngữ nhưng ông đã đứng ra biên tập một tủ sách tôn giáo gồm hơn bốn chục cuốn viết bằng chữ Nôm thời gian từ 1631-1645. Girolamo Maiorica là người Ý sinh tại Napoli, gia nhập Dòng Tên năm 1605, đến năm 1619 được sai sang Goa để truyền đạo và ở đó cho đến cuối năm 1623, ông rời Goa qua Macao, rồi đến Việt Nam, có lẽ ở tại hải cảng Hội an và ở đó 5 năm. Năm 1629 ông bị trục xuất nhưng đã rất thông thạo



tiếng Việt Nam. Năm 1631, ông lại theo một tàu Bồ đào nha mà vào Bắc Kỳ và sống ở Bắc Kỳ khá lâu. G. Schurhammer cho biết Maiorica chết ngày 27.1.1656. Trong thời gian theo học ở nước ngoài, LM Thanh Lãng đã chụp ảnh được 12 tác phẩm do công Maiorica biên tập tại Thư viện Quốc gia Pháp. (Thanh Lãng, Những chặng đường của chữ viết quốc ngữ, Tạp chí Đại Học, số 1, Tháng 2, 1961, trang 10.)

Các sách của Majorica thì một số còn được lưu giữ ở Thư viện Quốc gia Paris với 14 nhan đề. Theo tài liệu của Dòng Tên thì Majorica đã biên soạn 48 cuốn sách đủ loại. Nhưng những cuốn sách này là do Majorica biên soạn và viết thẳng chữ Nôm hay ông đã đọc cho các giáo hữu thông Nho và giỏi Nôm chép lại? (Trương Bá Cần, Lịch sử phát triển Công Giáo ở Việt Nam, Tập I Thời kỳ khai phá và hình thành [Từ khởi thủy cho tới cuối thế kỷ XVIII], Nhà x.b. Tôn Giáo Hà Nội, 2008, trang 1860). Tác giả Trương Bá Cần cho biết các sách chữ Nôm của nhóm Majorica, tại Thư viện quốc gia Pháp, đã được Linh mục Nguyễn Hưng lần lượt cho nhân bản kèm theo bản đọc chữ quốc ngữ trong tủ sách “lưu hành nội bộ”. (Trương Bá Cần, Sách đã dẫn, trang 185).

Trong tiểu mục “Chữ Nôm là gì”, tác giả Thái Gia Kỳ, trong cuốn sách “Chữ Hán, Tiếng Hán Việt và sự vận dụng tiếng Hán Việt trong tiếng Việt” (Philadelphia, 2018) của ông, có đề cập đến một dòng về chữ Nôm sử dụng trong Công Giáo Việt Nam: “Ngay cả đạo Công giáo, cũng đã có tác phẩm Sấm truyền ca của Ly Y Đoan viết năm 1670, dùng trong việc truyền giáo.”

(trang 122). Đoạn văn này cho một ý niệm rất khái quát thiết tưởng cần phải triển khai thêm.

Nội dung của câu văn trên đây mang lại cho chúng tôi một số ý niệm đó là ba chữ “sấm truyền ca” và tên Ly Y Đoan. Người công giáo Việt Nam cách nay cả trăm năm thường hay dùng cụm từ “Sấm truyền mới” và “Sấm truyền cũ” để chỉ hai cuốn sách Cựu Ước (Old Testament) và Tân Ước (New Testament) cũng gọi là sách Phúc Âm (hay bây giờ là Tin Mừng). (Trần Văn Toàn, Đạo trung tùy bút, Nhà xb. Tôn Giáo, 2008, tr. 147). Còn tên Ly Y Đoan vốn là tên Lữ-Y Đoan mà ông Thái Gia Kỳ viết sai, là Louis Đoán, một thầy giảng cao tuổi đã được Đức Giám Mục Lambert ở Đàng Trong phong chức linh mục năm 1676. (Trương Bá Cần, Lịch sử phát triển Công Giáo ở Việt Nam, Tập I, Nhà xb. Tôn Giáo Hà Nội 2008, tr. 233). Giới nghiên cứu văn học Công Giáo trong nước đã nói rõ về Lữ Y Đoan trong một cuốn sách có tên Về sách báo của tác giả Công Giáo (Thế Kỷ XVII - XIX) do Trường Đại Học Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh, Khoa Ngữ Văn, 1993.

Trong bài “Đôi lời giới thiệu” Về một số sách cũ do người Công Giáo viết ra từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX, Giáo Sư Nguyễn Văn Trung viết: “Sấm truyền ca” của Thầy cả Lữ Y Đoan (1670) nguyên tác là bản nôm hiện nay thất lạc, chỉ còn bản quốc ngữ. Theo chúng tôi đây là một tác phẩm có ý nghĩa lớn vì tác phẩm phản ánh một nỗ lực Việt Nam hóa (Tam giáo, võ thuật Việt Nam, văn hóa dân gian, v.v...) để diễn tả Kinh Thánh. Có thể bản văn đã được sửa đổi qua các thời đại nên bản hiện có làm người đọc nghĩ đến những truyện nôm nổi tiếng thế kỷ XVIII, XIX.” (trang 3).

Đức Giám Mục Lambert đã lần lượt phong chức : - năm 1668 cho hai linh mục Giuse Trang và Luca Bên; - năm 1672 cho linh mục Manuel Bồn; - năm 1676 cho Linh mục Louis Đoán hay Lữ Y Đoan. Bốn linh mục người Việt này nguyên là thầy giảng của các thừa sai Dòng Tên.

Trong lãnh vực tôn giáo, chữ Nôm được các giáo sĩ ngoại quốc khi đến nước ta truyền đạo, nỗ lực học và sử dụng để biên tập các sách giáo lý,



## Trang Văn Hóa

các kinh bản đọc trong thánh đường và trong gia đình, họ đạo hằng ngày. Chữ Nôm của đạo Công Giáo có một lịch sử dài lâu từ thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XX, với rất nhiều công trình nghiên cứu, biên tập kinh sách, tư liệu còn để lại hàng trăm cuốn trong thư viện của Hội Thừa Sai Paris ở Pháp (Mission Étrangère de Paris), trong số đó có khoảng 20 cuốn sách viết bằng chữ Nôm do Giáo sĩ Girolamo Maiorica, người Ý, chủ trương biên tập từ đầu thế kỷ XVII (Tập chí Đại Học, số 1, tháng 2/1961, tr. 5; Trần Văn Toàn, Đạo trung tùy bút, Nhà xb. Tôn giáo, 2008, tr. 188). Có tư liệu nói số sách này nhiều hơn (khoảng 48 cuốn) mà một số còn lưu giữ tại Thư viện Quốc gia Paris (Trương Bá Cần, Lịch sử phát triển Công Giáo ở Việt Nam, Nhà xb. Tôn Giáo Hà Nội, 2004, tr. 185).

Ngày nay người ta cũng biết đến tên tuổi rất nhiều các vị giám mục, linh mục ngoại quốc hay bản xứ, các thầy giảng, các vị túc nho Công giáo đã để lại rất nhiều tác phẩm viết bằng chữ Nôm, ví dụ Giám Mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) viết Thánh Giáo Yếu Lý Quốc Ngữ, bản chữ Nôm được in tại Quảng Đông năm 1774, Giám Mục Taberd biên soạn cuốn Tự vị Hán-Việt-Latinh hơn 900 trang (tàng trữ tại văn khố Hội Thừa Sai Nước Ngoài tại Paris) có sự cộng tác của Thánh Linh mục Phan Văn Minh. Trong cuốn tự vị này, theo Giáo sư Trần Văn Toàn, nếu bỏ phần tiếng Latinh ra, thì cũng còn quan trọng vì vừa dùng chữ quốc ngữ vừa dùng chữ Nôm. Chữ quốc ngữ thì ghi được một cách khá chính xác cách phát âm, còn chữ Nôm thì tuy không ghi được cách phát âm, nhưng cũng là kết tinh của mấy thế kỷ ông cha chúng ta cố gắng để tự lập về văn hóa đối với người Hán tộc. (Trần Văn Toàn, Sách đã dẫn, tr. 190).

Trong quyển Hoa trái ở Phương Đông, Alexandre de Rhodes (1593-1660) và công cuộc truyền giáo thời kỳ đầu của Dòng Tên tại Việt Nam viết bằng tiếng Đức, linh mục Dòng Tên Klaus Schatz viết rằng: “Chữ Nôm phát triển kể từ thế kỷ XV, sau khi Việt Nam hoàn toàn thoát khỏi sự thuộc Trung Hoa. Khởi đầu các nhà truyền giáo cũng dùng chữ Nôm cụ thể vào

năm 1620 ở Hội An, để soạn sách giáo lý, nhưng sách này đã không được in và đã bị thất lạc.” (Phạm Hồng Lam dịch, Nhà xb. Đông Phương, 2015, tr. 210). Cuốn sách giáo lý này có lẽ là công trình của cha Francisco de Pina, người Bồ Đào Nha, khi làm việc ở giáo điểm Dinh Chiêm (Quảng Nam).

Theo Linh mục Nguyễn Hồng trong quyển Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam, “Chúng ta còn phải kể nhất là những cuốn sách bằng tiếng Việt mà các cha viết cho giáo dân và cho các thầy giảng. Đó là những cuốn sách đầu tiên trong tủ sách văn chương công giáo Việt Nam. Ngoài cuốn sách bản của cha Đắc Lộ viết bằng chữ quốc ngữ, in ở Roma, còn các cuốn khác bằng chữ nôm, thứ chữ thịnh hành của thời đó. Hoạc đầu tiên các thừa sai thảo bằng chữ quốc ngữ để các thầy giảng viết ra chữ nôm, hoặc đọc cho các thầy viết, mà ta có thể đoán đó là trường hợp cha Buzomi và De Pina cho ra đời cuốn sách về đạo lý công giáo đầu tiên bằng tiếng Việt ở Nước Mặn, Qui Nhơn, hay trường hợp cha Đắc Lộ viết cuốn Ngắm 15 sự thương khó Đức Chúa Giêsu... Hoạc do chính thừa sai viết bằng chữ nôm, như những cuốn của cha Majorica, nhưng chắc chắn cha cũng được sự cộng tác của các thầy giảng.” (Quyển I, Nhà xb. Hiện Tại, 1959, tr. 294).

Theo giáo sư Trần Văn Toàn “chữ Nôm khó học thì họ (các giáo sĩ Âu châu) chịu khó học, chứ không dám coi thường, càng không dám cho là mách qué, như các nho sĩ chỉ biết chịu phục có người Hoa. Họ thực biết tôn trọng vốn liếng chữ Nôm của ta, cũng như họ đề cao kho tàng Hòa văn (chữ viết của người Nhật). Khi viết sách vở



cho người Việt về những điều rất tôn nghiêm như tôn giáo, họ đã dùng ngay chữ Nôm (như trong các tác phẩm của Girolama Maiorica, và người công giáo tiếp tục viết, in và dùng sách chữ Nôm cho đến giữa thế kỷ XX.” (Trần Văn Toàn, Sách đã dẫn, tr. 204).

Trong quá trình sử dụng chữ Nôm, một số danh từ trong công giáo được chuyển âm từ tiếng La tinh hay Bồ đào nha, thí dụ “câu-rút” từ chữ crux nay được chuyển thành thánh giá, chữ evangelium thành chữ phúc-âm, chữ Spiritus Sanctus đổi ra thánh thần do sự đóng góp của Cố linh mục Nguyễn Văn Thích ở Huế (Đoàn Khoách biên tập, Sáng Đình Thi Tập của J.M. THÍCH, Thanh Tịnh xuất bản, California, 2001, trang 335), hoặc các chữ bispo (tiếng Bồ) ra chữ vít-vồ (rồi giám mục) chữ Nôm thì dùng hai chữ Hán “viết vô” nhưng phải đọc “vít vồ”, hoặc “pha-pha” (vị giáo tông ở Rôma, cũng gọi là Giáo hoàng, La-tinh và Bồ gọi là “papa”.

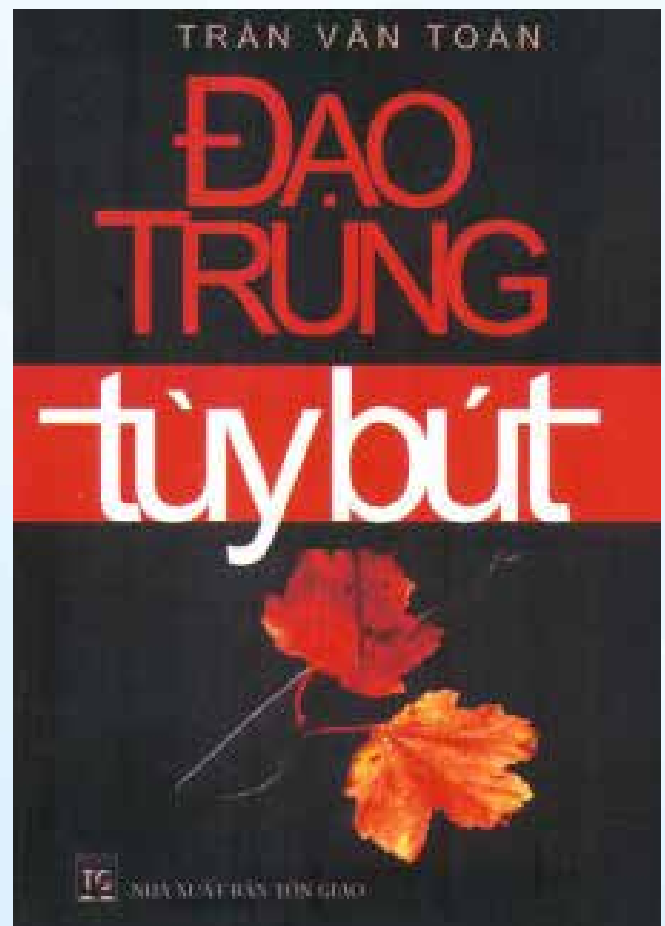
Trong những năm 40, 50 của thế kỷ trước, giáo xứ Tam Tòa của tôi ở Đồng Hới, Quảng Bình, các kinh sách đọc trong các dịp lễ lớn như Kinh Lễ Đền trong Tuần Thánh, Kinh Đàng Thánh Giá v.v... đều viết bằng chữ Nôm do các cụ chức việc lớn tuổi trong làng phụ trách phần “than, gẫm”. Dĩ nhiên các cụ cũng biết đọc chữ quốc ngữ, nhưng quen với kinh sách viết bằng chữ Nôm nhiều hơn.

Cụ Trần Văn Giáp trong phần kết luận của cuốn Lược khảo vấn đề chữ Nôm, có đề nghị làm một cuốn tự điển chữ Nôm nhưng theo cụ thì phải loại trừ những phần chữ Nôm chưa sẵn trong các tự điển Quốc ngữ La-tinh như của Génibrel, của Tabert hay của Paulus Huỳnh Tịnh Của vì chính đấy là chữ Nôm của các giáo sĩ Tây phương; đấy không phải là “những chữ Nôm của nhân dân đã dùng”... còn “những chữ Nôm của nhân dân ta lựa lọc mà viết ra thì thực đúng quá”. (Trần Văn Giáp, Sách đã dẫn, trang 89).

Để trả lời quan điểm đầy tính chất kỳ thị tôn giáo dù rằng trong lãnh vực văn chương của cụ Trần Văn Giáp, Giáo sư Trần Văn Toàn viết rằng: “Lại có học giả cho rằng chữ Nôm do người công giáo viết không phải là chữ Nôm đích thực. Xin

thưa hai điều: một là phải có cơ quan nào, như Hàn lâm viện hay là do nhà cầm quyền chính thức ấn định trước đã thì mới nói được cái gì là đích thực; hai là: trừ một số chữ mới ra thì người công giáo dùng chữ Nôm như người đương thời, cho nên nếu phải loại trừ tất cả những chữ do họ dùng, thì cũng phải loại hầu hết thi văn chữ Nôm trong văn chương Việt Nam.” (Trần Văn Toàn, Sách đã dẫn, tr. 207).

Chữ Nôm trong các kinh sách của người Công Giáo đều là do các vị thừa sai có căn bản về các kiến thức ngôn ngữ học, cùng sự cộng tác của các vị thầy giảng người Việt cũng vốn là những bậc túc nho giỏi chữ Hán, thông thạo chữ Nôm (họ cũng là thuộc hàng ngũ “nhân dân” một trăm phần trăm đấy chứ có thuộc dòng máu lai nào đâu), thì sao gọi “chữ nôm do người Công Giáo viết không phải là chữ nôm đích thực”? Chính các ông nhà nho trong phong trào Văn Thân, khi viết bài hịch “bình Tây sát Tả”, chính các tác giả bài hịch đó là tú tài Trần Tấn, Đặng Như Mai ở Nghệ Tĩnh vốn là những người khinh chữ nôm, coi chữ nôm là “nôm na mách quẻ” ngay

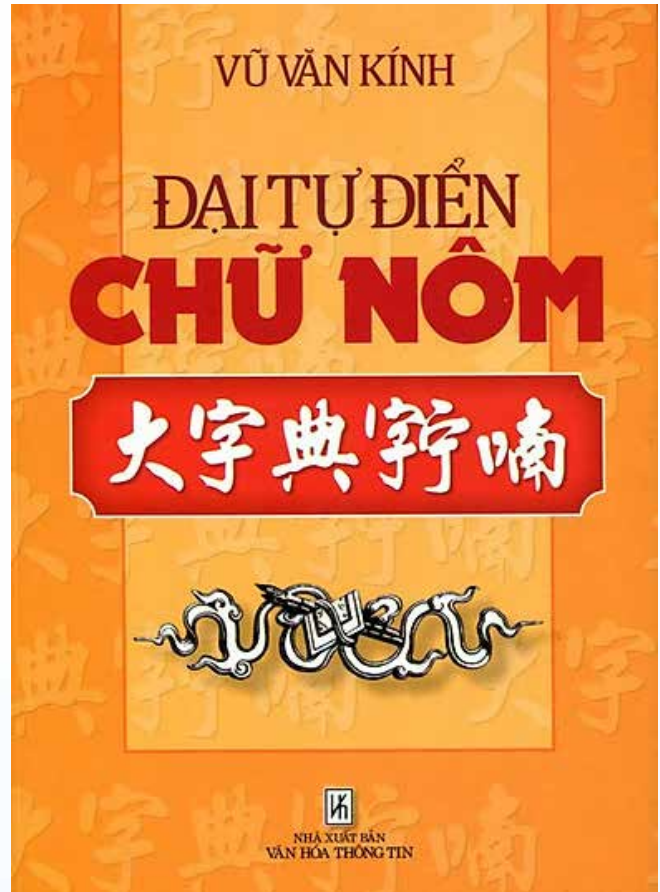


## Trang Văn Hóa

cả đến việc nghiên cứu, tìm hiểu về một tôn giáo họ cũng chưa từng nghĩ tới, không hề để tâm, cho nên trong bài hịch Văn Thân của họ mới có những câu như: “Cầu nguyện thì xưng Trời, xưng Thánh, thật là đui điếc ngu si; Giảng rao thì vô phụ vô quân, đúng là loài dê loài chó.” “Vô phụ”, “vô quân” theo Trần Tấn, Đặng Như Mai đó là người Công Giáo không hề biết đến vua, đến cha, nhưng đó thật là sai lầm vì người Công Giáo cách đây bốn thế kỷ cho đến bây giờ vẫn luôn tôn trọng nhà cầm quyền ngoài xã hội và thờ kính cha mẹ trong vòng đạo hiếu gia đình. (Trần Văn Toàn, Sđd, tr. 102, Một vài nhận xét về thuyết ‘tam phụ’).

Quá trình hình thành của chữ Nôm được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố một là được viết theo thói quen, hoặc là trong khung cảnh của địa phương và dĩ nhiên trong lãnh vực tôn giáo chữ Nôm cũng được hình thành hay kiện toàn do ý thức tâm linh và giáo lý nữa.

Giáo Sư Trần Văn Toàn, trong cuốn Đạo trung tùy bút đã được dẫn chứng nói trên đã đưa ra một thí dụ thật hay. Ông viết: “Trong sách Thánh giáo yếu lý quốc ngữ, do Đức Cha Bá Đa Lộc (Pierre Pigneau de Béhaine) soạn, thì bản Nôm viết chữ rỗi bằng cách chấp nối chữ lồi (ba chữ thạch) với bộ khẩu ở bên tả. Nhưng điều làm cho tôi rất lấy làm thán phục là trong cuốn sách Nôm Phép Dòng chị em mến câu rút Đức Chúa Giêsu, do Đức Cha Phước (Paul Puginier) cho khắc in năm 1869, thì chữ rỗi được viết bằng cách ghép chữ lồi ở bên hữu để chỉ cách đọc, và chữ sinh ở bên tả để chỉ nghĩa là sống. Nếu cách viết dùng bộ khẩu không có gì là thần tình, thì cách viết dùng chữ sinh bên tả mới thật là đúng tinh thần đạo Chúa Cứu Thế. Không biết vị cao minh nào đã có sáng kiến dùng chữ sinh thay chữ khẩu như thế, vừa hợp với giáo lý, vừa đúng với thần học: được rỗi cũng có nghĩa là được sống! Cùng một chữ rỗi mà vừa nói lên được cái ước vọng thanh nhàn, lại vừa nói lên cái ước vọng được sống mãi mãi! Cách viết chữ Nôm biết sử dụng lối hội ý như thế thật là thâm thúy, chữ quốc ngữ viết theo mẫu tự La-tinh không sao sánh được.” (Trần Văn Toàn, Sđd, trang 122).



Trong tự điển Giúp đọc Nôm và Hán Việt của Linh mục Trần Văn Kiện hay sách Đại Tự Điển chữ Nôm của Vũ Văn Kính cũng có trưng một số cách viết chữ rỗi là dùng chữ lồi làm yếu tố hài thanh chính, và có khi dùng bộ mã, khi dùng bộ tâm hay bộ thủy hoặc bộ khẩu là tùy theo từng trường hợp. Nhưng qua sự phân tích chữ rỗi kể như một thí dụ dưới con mắt của một nhà nghiên cứu tôn giáo như GS Trần Văn Toàn, chúng ta có dịp đánh giá lại giá trị của chữ Nôm, thẩm thía được ý nghĩa của một loại văn tự trong kho tàng văn hóa dân tộc và cũng nhờ đó nhận ra được tinh thần cố gắng đạt tới chân lý trong lãnh vực tôn giáo của tiền nhân trước đây.

**Nguyễn Đức Cung**

*Philadelphia, Mùa Lễ Độc Lập Hoa Kỳ,  
July 4-5/ 2020*

*LTS: Chân thành xin lỗi cùng tác giả Nguyễn Đức Cung : bộ chữ tiếng Việt trong bài này không nhận dạng được những chữ Nôm trong bài gốc. Chúng tôi đành phải bỏ qua những chữ Nôm gốc. Xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.*

# “Sách đạo” vào thế kỷ đầu (tk. XVII) của lịch sử Công giáo ở Việt Nam

**S**ách Công giáo, - trong cộng đồng Công giáo, cũng được gọi là “sách đạo”, - đã đóng một vai trò tương đối quan trọng trong công cuộc loan báo Tin Mừng ở Việt Nam, ngay từ những buổi đầu, tức vào thế kỷ XVII. Sách đã được đề cập đến một cách khá thường xuyên trong các tài liệu đương thời của các thừa sai. Nhà cầm quyền Việt Nam, ở Đàng Trong cũng như ở Đàng Ngoài, có lẽ cũng đã hiểu rất rõ tầm quan trọng này, nên trong số các biện pháp đưa ra nhằm ngăn cấm việc truyền bá Công giáo, thường có biện pháp tịch thu và đốt sách đạo.

Sách do các thừa sai sử dụng để hỗ trợ cho công cuộc truyền giáo của các ngài hay sách được sử dụng trong cộng đoàn Công giáo, tại Việt Nam, trong thế kỷ XVII, gồm nhiều loại và từ nhiều nguồn khác nhau.

## SÁCH ĐƯỢC ĐEM TỪ NGOÀI VÀO

Trước hết, đó là loại sách kinh nguyện, nghi lễ được dùng trong các nghi lễ tôn giáo. Loại sách này được in bằng chữ la tinh và thường thấy trong hành trang của các thừa sai, bên cạnh một số đồ đạo khác như ảnh đạo, tràng chuỗi... Bên cạnh đó là sách Kinh Thánh. Kinh Thánh, vào thời này, cũng thường bằng chữ la tinh. Việc sử dụng các bản dịch Kinh Thánh ra các ngôn ngữ thông dụng, vào thế kỷ này, chưa phải là phổ biến lắm ngay tại châu Âu. Loại sách này được các thừa sai sử dụng cho các buổi giảng dạy, nhưng đôi khi cũng còn được sử dụng trong các cuộc tranh luận với người ngoài Công giáo[1].

Một loại sách khác cũng được các tài liệu đương thời của các thừa sai thường xuyên nhắc



đến dưới cái tên gọi chung là “sách trình bày đạo thánh”. Các tài liệu cũng nói rõ là loại sách này được viết bằng chữ Hán và thường là được đem từ Trung Quốc sang. Như chúng ta đã biết, trước khi sang Việt Nam, dòng Tên đã có cả một quá trình dài hoạt động truyền giáo tại Trung Quốc. Trong quá trình này, một số thừa sai, có người rất nổi tiếng như Mattêô Ricci, hoạt động truyền giáo tại Trung Quốc từ năm 1583 đến 1610, đã cùng với một số nhà nho theo Công đạo, dịch hoặc biên soạn những tập sách bằng chữ Hán trình bày những giáo lý cốt yếu của Công giáo[2]. Thực vậy, sách tại Trung Quốc, vào thế kỷ XVI, XVII, qua kỹ thuật in bản khắc gỗ, đã là một phương tiện khá thịnh hành để phổ biến kiến thức và tư tưởng. Các thừa sai cũng đã sớm sử dụng phương tiện này trong hoạt động truyền giáo của các ngài. Sách các thừa sai biên soạn cũng đã được đưa tới Nhật Bản, Triều Tiên... [3]. Loại sách này xem ra cũng đã được phổ biến một cách khá rộng rãi tại Việt Nam, nhất là nơi các thầy giảng và một số tín hữu gốc nhà nho. Trong số các thầy giảng, những người đọc được chữ nho không phải là hiếm. Mặt khác, vào hậu bán thế kỷ XVII, tại các cơ sở đào tạo ở Đàng Ngoài, các thầy giảng, nhất là các lớp trẻ, đã được học chữ Hán, chữ Nôm, mẫu tự la tinh và tiếng la tinh. Họ đã không chỉ được khuyến khích mà còn bị bắt buộc phải đọc sách và đôi khi phải tường trình với thừa sai nội dung sách đã được giao cho đọc[4].

Loại sách đạo bằng tiếng Hán được đưa từ Trung Quốc vào Việt Nam, thực ra, không chỉ qua ngã các thừa sai, mà còn có thể do chính người Việt Nam, không hẳn là tín hữu Công giáo, đem về. Al. de Rhodes đã ghi lại trong tập Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài sự kiện linh mục đã được thấy một cuốn sách loại này do một người đã tham gia đoàn đi sứ Trung Quốc đem về như một món quà quý giá của một thừa sai người Phương Tây ông gặp ở Bắc Kinh đã tặng ông[5]. Theo như sự kiện được trình bày thì cuốn sách đạo này đã có mặt tại Việt Nam rất sớm, vào cuối thế kỷ XVI hay đầu XVII, nghĩa là trước cả khi các thừa sai dòng Tên đầu tiên từ Macao tới Việt Nam.



Ở đây, cũng cần nói thêm là sách bằng chữ Hán được các thừa sai đưa từ Trung Quốc vào Việt Nam trong thế kỷ XVII không chỉ gồm có sách đạo, mà còn có cả sách khoa học, không dính líu gì tới đạo, nhưng đã được sử dụng như là phương tiện để các thừa sai tiếp cận và trình bày về Công giáo với vua, quan. Một trong những cuốn sách loại này được biết đến là cuốn sách Hình cầu Euclide, “mà một cha ở bên Tàu đã dịch ra chữ Tàu và có trang trí nhiều hình rất đẹp”[6]. Vẫn theo Hồng Nhuệ thì người dịch ra tiếng Tàu cuốn sách hình học của nhà toán học người Hy Lạp của thế kỷ thứ ba trước công nguyên này không ai khác là linh mục Mattêô Ricci cùng với sự cộng tác của một người Trung Hoa và đã ấn hành với nhan đề “Kỷ hà nguyên bản”[7]. Cuốn sách này đã được Al. de Rhodes tặng cho chúa Trịnh Tráng, khi chúa đi đánh chúa Nguyễn ở Đàng Trong về tới Thanh Hóa. Và trong khi cắt nghĩa cho chúa về nội dung của cuốn sách này, Al. de Rhodes đã từ việc giảng giải về sự vận chuyển của các tinh tú, đã chuyển qua nói về “Người Thợ toàn năng (Thiên Chúa tạo dựng)”[8].

Khi các thừa sai người Pháp thuộc Hội Truyền giáo Nước ngoài Paris khởi sự vào Việt Nam truyền giáo từ thập niên 60 của thế kỷ XVII, thì Siam đã là một nơi dừng chân của họ trước khi đến Việt Nam. Và sách của các thừa sai Pháp cũng đã được chuyển từ Siam tới Đàng Trong và Đàng Ngoài. Sách đạo, cùng với một số đồ đạo khác, thường gây nhiều lúng túng cho các thừa sai khi họ phải tới Việt Nam dưới cái “lốt” của

các thương gia, trong những thời kỳ có lệnh cấm đạo. Các sách đạo này có thể tổ giác với nhà cầm quyền Việt Nam về sự hiện diện của thừa sai trên tàu buôn hoặc trong vùng. Hai thầy giảng sang Siam để được thụ phong linh mục, khi từ Siam trở về lại Đàng Ngoài, có mang theo khoảng 30 cuốn sách cho thừa sai Deydier đang hoạt động tại đây dưới cái “lốt” của một thương gia, nhưng khi tới cửa khẩu, thấy tình hình nguy hiểm, hai linh mục mới được thụ phong này đã quẳng tất cả số sách mang theo xuống sông[9].

Trong thế kỷ XVII này, ngoài các thừa sai dòng Tên từ Macao và các thừa sai người Pháp thuộc Hội Truyền giáo Nước ngoài Paris từ Siam tới Việt Nam hoạt động truyền giáo, còn có các thừa sai người Tây Ban Nha thuộc dòng Đaminh ở Philippin qua. Các thừa sai này khởi sự tới Việt Nam từ năm 1676 và chắc chắn các ngài có mang theo một số sách trong hành trang của các ngài. Một trong số các thừa sai này là Juan de Santa Cruz, tới Việt Nam từ 1676 và qua đời tại đây vào năm 1721, đã dịch khá nhiều sách của thánh Augustinô hay của Luis de Granada[10]. Các loại sách này chắc chắn phải là do các thừa sai mang theo từ Philippines vào Việt Nam. Và rất có thể một số được viết bằng tiếng Tây Ban Nha.

Thiết tưởng cũng cần phải nêu lên ở đây ý kiến của một số tác giả, như Nguyễn Khắc Xuyên, H. Bernard, cho rằng một số thừa sai dòng Tên đã sử dụng cả những sách bằng tiếng Nhật phiên âm theo mẫu tự la tinh, trong đó, có bản dịch sách Giáo lý, trong công cuộc truyền giáo và giảng dạy cho những người Nhật tị nạn tại Hội An vào đầu thế kỷ XVII[11].

## SÁCH ĐƯỢC BIÊN SOẠN TẠI VIỆT NAM

Nhưng đáng lưu ý hơn có lẽ là loại sách được soạn hay được dịch ngay tại Việt Nam. Được biết, ngay từ những buổi giảng đạo đầu tiên, Al. de Rhodes đã nhờ người Việt Nam biên chép các bản kinh trên giấy để sử dụng trong cộng đồng, cách riêng, trong việc dạy giáo lý cho trẻ em[12]. Các tài liệu còn cho biết là các cộng đồng tín hữu Công giáo tại Việt Nam, ngay từ

những thập niên đầu của thế kỷ XVII, đã khởi sự sử dụng sách giáo lý, sách kinh... được dịch hay được biên soạn. Các sách kinh này có cả bản Mười giới răn ở phần cuối[13]. Có thể, các bản văn này đã được viết bằng chữ Hán và nhất là bằng chữ Nôm. Theo Võ Long Tê thì trong tiền bán thế kỷ XVII, có cả một “phong trào văn Nôm Công giáo thịnh hành song song với nỗ lực điển chế chữ quốc ngữ...”[14]. Thanh Lãng cho biết rõ hơn: chỉ nguyên những sách vở chữ Nôm cộng đồng Công giáo Việt Nam biên soạn vào thế kỷ XVII mà các tác giả còn cất giữ được, có số trang lên tới 42.000 trang trong khi đó sách vở biên soạn bằng quốc ngữ mẫu tự la tinh chỉ có khoảng 700 trang[15]. Sự so sánh này cho chúng ta thấy rằng việc biên soạn sách vở đạo nhằm trước tiên hỗ trợ cho công cuộc truyền giáo và giảng dạy của các thừa sai chứ không phải là để nhằm phổ biến một loại chữ mới nơi người Việt Nam, vì khi chữ quốc ngữ chưa được phổ biến rộng rãi trong quần chúng, các thừa sai đã sử dụng chữ Nôm để truyền đạo.

Tác giả đầu tiên cần được nói tới là thừa sai Girolamo Majorica, người Ý, dòng Tên, tới truyền giáo ở Đàng Trong năm 1623, bị trục xuất khỏi đây năm 1629, tới Đàng Ngoài năm 1631 và từ trần tại đây năm 1656. Tác giả đã viết 48 tác phẩm bằng chữ Nôm gồm văn xuôi và văn vần trong đó có tác phẩm nổi tiếng là cuốn Thiên Chúa Thánh giáo khải mông, một phóng tác dựa vào nguyên tác của Robert Bellarmin, gồm “lời tóm lại mọi sự Đức Chúa Giêsu truyền xuống để cho người ta biết đàng lên Thiên đàng”[16].

Một tác phẩm khác, được giới thiệu là đã được viết bằng chữ Nôm vào thế kỷ XVII, nhưng nay chỉ còn bản dịch ra chữ quốc ngữ được thực hiện vào các thế kỷ sau này, là Sấm truyền ca của Lữ Y Đoan, một trong những



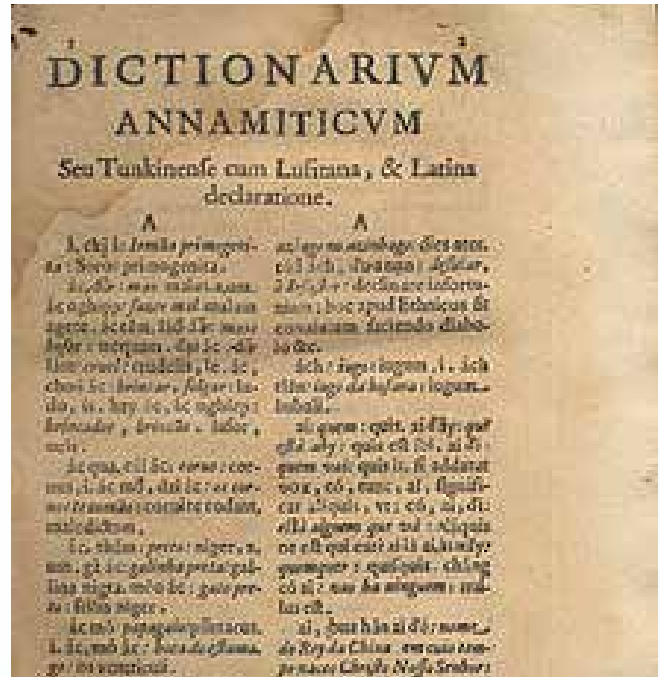
## Trang Văn Hóa

linh mục người Việt Nam đầu tiên. Đây là tập phỏng dịch năm quyển đầu của bộ Kinh Thánh Cựu Ước, được thực hiện vào năm 1670[17].

Trong số các tác phẩm được biên soạn bằng chữ quốc ngữ trong thế kỷ XVII này, trước tiên phải kể đến cuốn Phép giảng tám ngày của Alexandre de Rhodes. Cuốn sách này, tuy được in và xuất bản tại Roma cùng với cuốn tự điển Việt-Bồ-La của cùng tác giả vào năm 1651 nhưng hẳn là đã được khởi sự với sự cộng tác của một số thầy giảng. Đây là một bộ sách khá đồ sộ, xuất bản song ngữ, la ngữ và Việt ngữ, gồm các bài giáo lý Công giáo.

Các thừa sai người Pháp thuộc Hội Truyền giáo Nước ngoài Paris cũng rất quan tâm tới việc soạn sách đạo để hỗ trợ cho công cuộc truyền giáo của mình và công việc giáo dục các thầy giảng, những người Việt Nam cộng tác trực tiếp với các thừa sai trong công cuộc truyền giáo và điều khiển cộng đồng các tín hữu. Theo tư liệu để lại thì hai giám mục Deykier và Bourges, trong số những thừa sai của Hội đầu tiên tới Việt Nam vào giữa thế kỷ XVII, đã soạn trên 40 tác phẩm “bằng tiếng Đàng Ngoài”[18]. Và vẫn theo tài liệu này thì hai trong số các tác phẩm nói trên đã được các tín hữu Đàng Ngoài đọc đi đọc lại. Về nội dung và công dụng của hai cuốn sách này, tư liệu viết: “cuốn thứ nhất gồm 14 bài suy niệm về tứ chung của con người, về tình thương của Thiên Chúa đối với tạo vật của Người và nhiều chủ đề tương tự khác. Chúng ta có thể nói được rằng đây là cuốn “cẩm nang” của người Kitô hữu Đàng Ngoài, họ có trong tay ngày đêm”[19]. Cuốn thứ hai, dành cho các linh mục, chứa đựng những giải đáp cho các vấn nạn lương tâm các linh mục thường gặp trong hoạt động của các ngài.

Giám mục Deydier còn là một thừa sai có mối quan tâm đặc biệt tới việc đào tạo các thầy giảng. Liên sau khi tới Việt Nam, giám mục đã cho triệu tập các thầy giảng và khởi đầu công việc huấn luyện họ. Giám mục đã soạn cuốn sách nhỏ để dùng vào việc huấn luyện này. Sách gồm 15 chương bàn về lối sống cũng như phận vụ của các thầy giảng. Theo như tài liệu cho biết thì cuốn sách này khởi đầu đã được soạn bằng tiếng



Bồ Đào Nha và giám mục hy vọng “sớm dịch ra ngôn ngữ của họ để có thể sử dụng như kim chỉ nam”[20]. Vị thừa sai người Pháp này vốn là người giỏi tiếng Bồ Đào Nha[21]. Khi vừa tới Siam, giám mục đã được mời giảng cho người Bồ. Nếu đây không phải là cuốn sách có sẵn bằng tiếng Bồ, thì phải chăng chính giám mục đã soạn bằng tiếng Bồ, vì biết rằng có nhiều thầy giảng biết tiếng Bồ? Sách do thừa sai soạn đã được giao cho các thầy giảng chép tay và giữ lấy để học hỏi.

Trong số các tác phẩm về đạo được các tài liệu đương thời nói tới, còn phải kể đến các thư gọi là “thư chung” do thừa sai viết và gửi cho từng cộng đồng tín hữu. Các bức thư này sẽ được đưa ra đọc cho mọi người cùng nghe mỗi khi các tín hữu trong cộng đồng hội họp nhau. “Thư chung” này có thể thay thế sự hiện diện của thừa sai nhất là khi họ bị cấm hoạt động. Nội dung của các ‘thư chung’ này thường là “những lời khuyên bảo thiêng liêng trích trong Phúc Âm hay ngày lễ các thánh trong tuần” để hỗ trợ tinh thần các tín hữu trong các cuộc cấm cách[22]. Điều có thể làm người ta ngạc nhiên là ngay vào thời kỳ đầu này, cộng đồng các tín hữu đã có lịch riêng “ghi nhớ các ngày lễ và ngày chay trong năm”[23]. Cuốn lịch này đã do chính tay các tín hữu biên soạn ra và “các thầy giảng đem đi in ở kinh thành rồi phát cho khắp xứ”[24]. Sự kiện này do Al. de Rhodes ghi lại khi linh mục đang

hoạt động tại Đàng Ngoài, tức vào khoảng thời gian giữa các năm 1627 và 1630, nghĩa là rất sớm, ngay buổi đầu của công cuộc truyền giáo tại Đàng Ngoài. Chắc chắn đây mới chỉ là một cuốn lịch sơ sài với số “in” ra chắc cũng không nhiều, nhưng việc soạn và phổ biến cuốn lịch này đã cho chúng ta thấy việc cử hành các ngày lễ trong đạo chiếm một vị trí rất quan trọng trong sinh hoạt của các cộng đồng Công giáo ngay từ khi mới được thành lập tại Việt Nam.

Tài liệu của các thừa sai cũng còn cho thấy là nhiều người Việt Nam, sau khi gia nhập Công giáo, cũng đã biên soạn những tác phẩm hay bản văn có nội dung đạo và các tác phẩm này cũng được phổ biến không kém phần rộng rãi. Trước hết phải kể tới một nữ tác giả, được giới thiệu là con gái của người em gái (hay chị) của chúa Đàng Ngoài, tức Trịnh Tráng, có tên đạo là Cathêrina. Con gái của bà Cathêrina này đã soạn bằng thơ “tất cả lịch sử giáo lý, từ tạo thiên lập địa cho đến Đức Kitô giáng thế, cuộc đời, sự Thương khó, phục sinh và lên trời của Người. Lại còn thêm ở cuối bài thơ một đoạn tường thuật việc chúng tôi tới Đàng Ngoài và công cuộc khởi sự rao giảng Phúc âm”[25]. Tài liệu đã không quên nói thêm về việc tác phẩm này được đón nhận và sử dụng trong cộng đồng Công giáo như thế nào: “Tác phẩm này rất có ích vì không những giáo dân tân tòng ngâm nga trong nhà, nơi thành thị cũng như chốn thôn quê..[26]. Rất tiếc là tác phẩm này nay không còn tìm ra được nữa. Đây có lẽ là một bài văn và điều đáng lưu ý là tác phẩm này đã trình bày giáo lý dưới khía cạnh lịch sử cứu độ

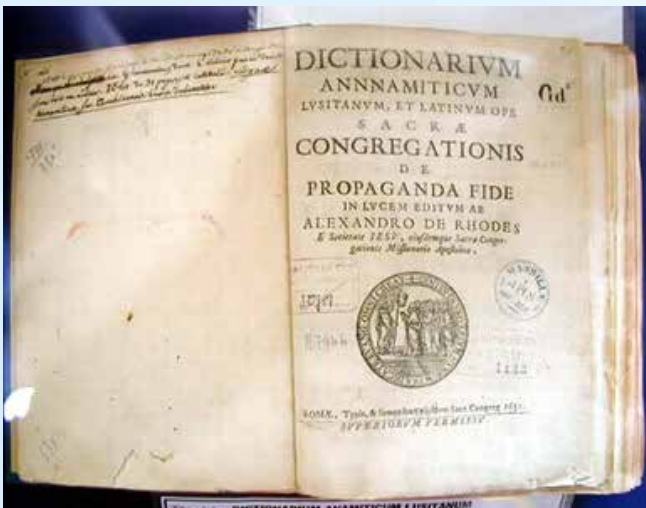
như được trình bày trong Kinh Thánh.

Lịch sử truyền giáo của dòng Đaminh cũng cho chúng ta thấy là các thừa sai người Tây Ban Nha của dòng đầu tiên tới truyền giáo tại Việt Nam, cũng đã bỏ nhiều công sức để dịch hoặc biên soạn các sách đạo để sử dụng trong cộng đồng các tín hữu. Lịch sử này còn ghi lại nhan đề của một số tác phẩm do các linh mục Juan de Santa Cruz, hoạt động gần 50 năm (1676-1721) tại Đàng Ngoài, Raymundo Lezoli, người Ý, tới Phố Hiến năm 1681 và qua đời tại Đàng Ngoài năm 1706, dịch và biên soạn. Tổng cộng có tới 15 đầu sách[27].

## KẾT LUẬN

Trong những điều kiện “in ấn” của Việt Nam vào thế kỷ XVII, trình độ của đa số các tín hữu Công giáo, những khó khăn do các sắc lệnh cấm đoán của các chúa Đàng Trong và Đàng Ngoài gây nên, các loại sách đạo này hẳn đã không được phổ biến rộng rãi lắm. Một số do các thừa sai mang theo để sử dụng riêng, để tặng, để làm tài liệu giảng dạy và đào tạo. Tầng lớp thứ hai sử dụng sách tương đối quan trọng là đội ngũ các thầy giảng, một số tín hữu “học thức”. Đối với số đông các tín hữu khác, phổ biến nhất là nghe đọc sách. Các tín hữu có thói quen họp nhau hằng tuần. Chương trình của các buổi họp này đều có mục đọc và nghe đọc sách, nhất là khi không có linh mục để cử hành nghi lễ đạo. Cũng có khi một cuốn sách được đọc đi đọc lại đến độ tín hữu có thể thuộc lòng. Do đó, có thể nói, sách đạo, trong thế kỷ XVII, về “văn bản” thì có lẽ được phổ biến hạn hẹp, nhưng về “nội dung” thì có thể là đã được phổ biến rộng rãi tới toàn thể các tín hữu.

Rất tiếc là ngày nay, một phần lớn của loại sách này chỉ còn được biết đến qua tài liệu. Khí hậu, những đợt truy quét... đã hủy hoại một phần, phần khác bị phân tán. Các thừa sai đương thời cũng đã tỏ ra thấy rõ nguy cơ của sự mất mát này nên đã tìm cách gửi một số ra bên ngoài. Nhưng không phải lúc nào họ cũng gặp may mắn. Có lần, họ đã nhờ người cầm qua Siam gần 40 bản sao các đầu sách được đánh giá là chính yếu để được lưu giữ.





Cách trình bày đạo, giáo lý của các tập sách đạo này, đối với chúng ta ngày nay, sau gần bốn trăm năm, có thể là đã không còn thích hợp, đã lỗi thời... nhưng chúng ta cũng vẫn không thể không đặt ra câu hỏi: các cuốn “sách đạo” này, -chắc chắn là chỉ có một số ít ỏi còn “sống sót”- vẫn còn hữu ích đối với chúng ta ngày nay và thế hệ tin hữu mai sau, do đó đáng được Giáo hội quan tâm và khẩn thiết tìm cách lưu giữ?

### Giuse Nguyễn

*Trích Tập san Hiệp Thông / HĐGM VN,  
số 105 (tháng 3 & 4 năm 2018)*

[1] Xin xem Alexandre de Rhodes, Histoire du Royaume de Tunquin, Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài, bản dịch của Hồng Nhuệ, tủ sách Đại Kết xuất bản, Tp.HCM, 1994, tr. 94-95.

[2] Al. de Rhodes, sđd, tr. 116.

[3] Coi Jacques Gernet, Chine et Christianisme, la première confrontation, ed. Gallimard Paris, 1982, tr. 16.

[4] A. Launay, Histoire de la Mission du Tonkin, Documents historiques, Paris, 1927, tr.55 và 458.

[5] Alexandre de Rhodes, sđd, tr. 116-117. Trong phần ghi chú, dịch giả Hồng Nhuệ còn giả thiết rằng đây có thể là cuốn “Thiên Chúa thực nghĩa” của linh mục M.Ricci. Nhưng cũng có thể là cuốn ‘Thiên Chúa thực lục’ của Minh Kiên (1584).

[6] Alexandre de Rhodes, sđd, tr. 98.

[7] Al. de Rhodes, sđd, tr. 218.

[8] Al. de Rhodes, sđd, tr. 98.

[9] Xin xem A.Launay, sđd, tr. 51.

[10] Bùi Đức Sinh, dòng Đaminh trên đất Việt, in lần thứ hai, Saigon, 1993, quyển 1, tr. 47.

[11] Nguyễn Khắc Xuyên, Catechismus in octo dies divisus, Phép giảng 8 ngày, Tp.HCM, 1993, trong XII và H.Bernard, Pour la compréhension de l’Indochine et de l’Occident, Hanoi 1939, tr. 19, do Nguyễn Đình Đầu trích dẫn trong tham luận nhan đề “About the relationship between the Japanese and Vietnamese people on the fields of trade and evangelization at Faifo - Phố Hiến in the early 17th century, đọc tại đại học Sophia,



Tokyo, tháng 9.1994.

[12] Al. de Rhodes, sđd, tr. 84.

[13] Al. de Rhodes, sđd, tr. 132.

[14] Võ Long Tê, Thiên Chúa Thánh giáo khả mông, in trong tập Về sách báo của tác giả công giáo (thế kỷ XVII-XIX), trường Đại học Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 1993, tr. 26.

[15] Thanh Lãng, Thử thiết lập hồ sơ về hai người con gái: Một con của Phật, một con của Chúa, in trong Về sách, sđd tr. 14.

[16] Võ Long Tê trích dẫn, sđd, tr. 32.

[17] Xin xem Về sách báo của tác giả công giáo (thế kỷ XVII-XIX) sđd, tr. 53.

[18] A. Launay, sđd, tr. 296.

[19] A. Launay, sđd, tr. 296.

[20] A. Launay, sđd, tr. 33-34.

[21] A. Launay, sđd, tr. 14.

[22] A. de Rhodes, sđd, tr. 140.

[23] A. de Rhodes, sđd, tr. 160.

[24] A. de Rhodes, sđd, tr. 160

[25] A. de Rhodes, sđd, tr. 106.

[26] A. de Rhodes, sđd, tr. 106.

[27] Bùi Đức Sinh, sđd, tr. 47.

# Truyền giáo Việt Nam hiện nay: Ánh sáng và bóng tối

## I. Bối Cảnh Hiện Tại

Đức Cha Đinh Đức Đạo, khi trả lời phỏng vấn của phóng viên tờ báo điện tử vaticaninsider. lastampa.it về kết quả truyền giáo tại Việt Nam, đã cho biết như sau:

“Năm 1960, số tín hữu Công Giáo là 2,43 triệu người, số dân cả nước là 35 triệu người, tỷ lệ người Công Giáo trên dân số cả nước là 7%.

Bốn mươi năm sau, năm 2000, có 5,2 triệu người Công Giáo, số dân cả nước là 77 triệu người, tỷ lệ người Công Giáo trên dân số cả nước là 6,75%.

Năm 2014, có 6,6 triệu người Công Giáo, số dân cả nước là 95,2 triệu người, tỷ lệ người Công Giáo trên dân số cả nước là 7%.”

Cha Anton Nguyễn Ngọc Sơn cho biết Theo thống kê của Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở, được công bố tại Hà Nội ngày 19/12/2019

mới nhất vừa qua cho thấy: Dân số VN là 96,2 triệu người, có 16 tôn giáo được phép hoạt động với 13,2 triệu tín đồ, chiếm 13,7% tổng số dân cả nước. Trong đó số người theo Công Giáo là đông nhất với 5,9 triệu người, chiếm 6,1% dân số. Tỷ lệ dân số Công Giáo sút giảm từ 6,61% năm 2009, xuống còn 6,1% năm 2019.

Như vậy, dựa trên những con số trên đây thì kết quả của việc truyền giáo tại Việt Nam từ khi thiết lập hàng giáo phẩm cho đến nay dường như giậm chân tại chỗ! Và có thể nói là còn thụt lùi.

Linh mục Nguyễn Ngọc Sơn đã làm một so sánh về việc truyền giáo với Giáo hội Tin Lành ở Việt Nam, năm 1999: số tín hữu là 400,000 người. Năm 2008: con số này đã lên tới 1,500,000 người. Như thế, số tín hữu tăng gần 4 lần trong vòng 10 năm.

Ngoài ra, những con số về kết quả truyền

Ngày 13.7.2020

Giáo điểm truyền giáo Trà Ấch, Giáo phận Cần Thơ



giáo tại Giáo Hội Hàn Quốc cũng có thể làm cho chúng ta khâm phục:

- Năm 1949: Công giáo và Tin Lành chỉ chiếm 1% dân số ở Hàn Quốc.

- Năm 2009: Công giáo 9.65% và Tin Lành 26%. Cả nước có 35.65% theo Kitô giáo.

- Như vậy, chỉ trong vòng 60 năm (1949-2009) dân số Công giáo tăng từ 1% lên 9.65% và trong 10 năm (1999-2009) tăng từ 7.73% lên 9.65%.

Riêng Giáo Phận Cần Thơ, theo báo cáo của Đức Cha Stêphanô Giám Mục giáo phận với Đức Tổng Giám Mục Marek Zaleski đại diện Tòa Thánh tại Việt Nam rằng; Người công giáo địa phận Cần Thơ giảm từ 4,7% xuống còn 4,4%.<sup>[3]</sup>

Theo phát biểu của Đức Cha Anphong Nguyễn Hữu Long: “Số tín hữu gia nhập đạo, tức chịu phép Rửa tội, cho thấy thường do hai cách: hoặc sinh ra từ gia đình công giáo; hoặc do kết hôn với người có đạo (chiếm 80-90% trong số người lớn theo đạo). Như thế thì phải nói rằng việc loan báo Tin Mừng tại Việt Nam sau 50 năm không có kết quả là bao, nếu dựa vào các con số thống kê.

Số người theo đạo không tương xứng với số nhân sự lo việc truyền giáo. Năm 2014, số linh mục cả nước là 4.635 (3.546 linh mục giáo phận và 1.089 linh mục dòng); số chủng sinh là 2.357, số tiền chủng sinh là 2.389; số tu sĩ là 19.717 (2.834 nam tu, 16.883 nữ tu); số giáo lý viên cả nước là 59.448 người. Tổng số các nhân sự gắn liền với việc truyền giáo là 88.546 người. Số người tân tòng gia nhập đạo năm 2014 là 41.395 người. So sánh hai con số 88.546 và 41.395, ta thấy cứ hai tín hữu ưu tuyển chưa đem được một người vào đạo. Đó là chưa nói đến con số rất lớn các hội viên hội đoàn công giáo tiến hành trong cả nước.”

Riêng về con đường Nam Sông Hậu - nối dài Cần Thơ và Sóc Trăng khoảng 60km, mà chỉ có 1 nhà thờ trên quốc lộ. Đi 30 km mới có được 1 nhà thờ. Còn các nhà thờ Tin Lành và chùa chiền có rất nhiều. Riêng về Tin Lành, cứ chỗ nào đông đông dân xú là có điểm nhóm sinh hoạt. Còn Công Giáo thì cần phải có đủ thứ giấy tờ, phải có đất và có Linh Mục...



Nhà thờ giáo điểm truyền giáo Trà Ech có từ 1935, đến nay chưa tới 100 người đi lễ. Hai điểm nhóm Tin Lành phía trước nhà thờ có khoảng 10 năm, nhưng mỗi điểm nhóm Tin Lành này cũng đã được vài chục người sinh hoạt thường xuyên mỗi Chúa Nhật.

Năm nào cũng có phong chức, biết bao Tân Linh Mục “ra trường“, biết bao người trẻ dần thân tận hiến tu trì trong các nhà dòng, biết bao cơ sở phát triển đầy hoành tráng, biết bao cộng đoàn mới được thành lập, biết bao khóa huấn luyện... Vậy mà tại sao tỉ lệ người Công Giáo vẫn giảm thụt lùi?

## 1. Hoàn cảnh xã hội thay đổi

### a. Mặt trái:

Xã hội Việt Nam hôm nay đang nằm trong vòng xoáy thay đổi của cả thế giới. Khoa học kỹ thuật phát triển quá nhanh. Các ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ như điện thoại thông minh, máy móc... được ứng dụng trọng cuộc sống làm cuộc sống đầy đủ tiện nghi hơn... Điều này dẫn đến một xã hội thực dụng, tiêu thụ... Mục tiêu của con người thời đại dường như chỉ là kiếm tiền để mua được điện thoại, sắm sửa được máy móc, tìm cuộc sống tiện nghi... Nhiều người coi các giá trị tâm linh và nhân bản là thứ yếu hay dần lùi vào quên lãng...

Các cuộc di dân lên thành phố, các khu công nghiệp mọc lên, người dân miền quê bỏ ruộng vườn lên thị thành đi làm xí nghiệp, dẫn đến thay đổi cấu trúc xã hội, người di dân ít được quan tâm chăm sóc hơn, lên thành thị là mạnh ai nấy

sống, ít biết nhau, cũng không còn thời gian thăm viếng quan tâm nhau... Sự trợ giúp từ cộng đồng tình làng nghĩa xóm ít đi. Đi lên thành phố là hầu như ra ngoài sự nhắc nhở và quan tâm của các vị mục tử bốn sở (hữu trách). Chưa nói tới những khu chung cư cao cấp ở các đô thị rất khó vào thăm, vì họ có bảo vệ kỹ càng. Tình liên đới không còn nữa...

#### b. Mặt tích cực:

Có nhiều người, tổ chức thích làm từ thiện, sẵn sàng nghĩ đến người khác, có điều kiện để thực thi, kể cả người trẻ...

Có một bộ phận người rất quan tâm và tìm về tâm linh, có vẻ như họ đang tìm hướng đi cho đời sống tâm linh mình. Có một số công giáo và kể cả không công giáo càng ngày càng đào sâu đời sống tâm linh, bám rất chắc vào các tôn giáo hoặc niềm tin họ theo đuổi... vì dường như cuộc sống xô bồ này làm nảy sinh nhu cầu tâm linh sâu đậm trong họ, và họ chỉ có thể thỏa mãn khao khát đó khi gặp được đúng đường đi trong tâm hồn.

## 2. Chính trị hiện nay

Tuy còn rất nhiều khó khăn và ngột ngạt, nhưng nếu nhìn vào khía cạnh tích cực thì ta thấy hoàn cảnh đất nước hiện nay cũng thông thoáng hơn trước nhiều (so với sau 1975). Đời sống kinh tế có tạm khá hơn. Sự quản lý về tôn giáo của nhà nước cũng có nhiều điểm thoáng hơn, các sinh hoạt tôn giáo cũng được tương đối dễ thở hơn trước (dù không phải hoàn toàn). Tuy cũng còn rất nhiều khó khăn, nhưng nhìn chung là đã có phần đỡ hơn (hay ít ra là tại một vài địa phương), việc mở các giáo điểm ở miền Tây có lẽ dễ hơn ở các miền khác, việc tổ chức nghi lễ, các nơi hành hương... Nên nếu nhìn ra mặt tích cực thì cũng có lý do để tạm an ủi.

## 3. Giáo hội hiện nay

#### a. Tích cực

Giáo hội có nhiều người trẻ tận hiến, các chủng viện và dòng tu đầy người. Người đi tu rất còn được kính trọng. Nhiều người trẻ dám quảng đại hiến thân và phục vụ.

Đất nước kinh tế phát triển, nên cũng có nhiều

người phát lên, và họ sẵn sàng đóng góp tài chính cho các công việc chung. Nên Giáo Hội cũng dễ xoay sở hơn trong các công việc cần thực thi.

Nhân sự Giáo hội, các giáo phận, các dòng tu phát triển, trình độ chuyên môn cũng được nâng cao. Giáo dân đông đúc nơi các nhà thờ thánh lễ. Họ còn nghe các vị thẩm quyền.

#### b. Khiếm khuyết

\* “Bề trên quản trị” khác “bề trên truyền giáo”

Cũng theo phát biểu của Đức Cha Anphong Nguyễn Hữu Long: “Trước hết do GHVN chưa có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về công cuộc loan báo Tin Mừng. Muốn nhận thức đúng thì cần phải biết quan điểm, đường lối và hoạt động của GH về vấn đề truyền giáo. Năm mươi năm qua, GH đã ban hành nhiều văn kiện quan trọng liên quan đến sứ vụ truyền giáo... Nhưng đa số tín hữu Việt Nam, kể cả các linh mục, tu sĩ, không được học hỏi thấu đáo, thì không thể có nhận thức đầy đủ và đúng đắn về việc loan báo Tin Mừng.”

Các Đấng Bản Quyền, Bề Trên, Giám Mục... cũng còn chưa quan tâm nhiều đến việc Loan Báo Tin Mừng. Hoặc quan tâm mà chưa đủ, chưa thực tế, chưa có hành động cụ thể. Chỉ nói suông, hoặc giao phó việc Loan Báo Tin Mừng cho ai đó phụ trách. Coi như đó là xong là hoàn thành nhiệm vụ.

Nếu không có sự thúc bách, đồng hành, nâng đỡ của bề trên. Chắc chắn “bề dưới” làm việc truyền giáo không nhiệt huyết và thiếu hiệu quả.

\* Thiếu thống nhất, chương trình chung cho từng địa phương.

Các tổ chức, Giáo Hội địa phương chưa đưa ra





được các phương pháp cụ thể, chiến lược chiến thuật rõ ràng về truyền giáo, chưa có mục tiêu cụ thể, chưa thống nhất đồng bộ, kể cả chưa có chương trình thích ứng với từng địa phương... Mạnh ai nấy làm, ai thích thì gồng mình lên làm, ai nhiệt huyết thì làm, ai không làm thì thôi.

**\* Các chủng viện, dòng tu**

Các chủng viện tuy cũng có nhắc đến việc truyền giáo, nhưng hình như chưa đủ và thiếu thiếu điều gì đó rất là căn bản. Các Tân chức ra trường hầu như thiếu khả năng đáp ứng cho bối cảnh truyền giáo. Nhất là thiếu “tâm hồn” truyền giáo, ngại khó ngại khổ. Có quá đáng không khi nói nhiều chủng sinh ra trường chỉ để trở thành nhà kỹ trị bảo trì họ đạo có sẵn, hơn là vui say dẫn thân ra đi rao giảng Tin Mừng cho vùng dân ngoại. Thiếu cả các kỹ năng truyền giáo. Thiếu những gương sáng cụ thể để họ noi theo.

- Thiếu gương sáng về truyền giáo cho chủng sinh noi theo
- Chương trình đào tạo chủng viện quá nặng về lý thuyết, duy lý, đào tạo về truyền giáo chưa đủ
- Thiếu điều kiện thực tiễn thực hành truyền giáo.
- Dẫn đến chủng sinh thiếu vắng “tâm hồn truyền giáo”... thiếu nhiệt tình.

Các dòng tu thì đua nhau mở nhà trẻ, nhưng các cơ sở bác ái từ thiện, y tế, giáo dục, trẻ mồ côi, người già neo đơn... gần như bị lãng quên. Hãy nhìn vào thực mỗi nhà dòng xem có bao nhiêu nhà trẻ và được bao nhiêu nhà mồ côi? Hãy nhìn các giáo phận xem có bao nhiêu cơ sở tôn giáo nhưng được mấy cơ sở cho người nghèo? Và cơ sở nào hoành tráng hơn? Đức Chân phước

Giáo Hoàng Phaolô VI đã nhấn mạnh giá trị của đời sống chứng nhân trong việc loan báo Tin Mừng: “Người thời nay tin vào các chứng nhân hơn là thầy dạy, và nếu họ có tin vào thầy dạy là vì các thầy dạy ấy đã là những chứng nhân”.

Dù rằng công cuộc Tân Phúc-Âm hóa để loan truyền đức tin được nhắm đến ba đối tượng:

- Các kitô hữu vẫn giữ đạo;
- Những người đã được rửa tội nhưng nguội lạnh, để mời họ hoán cải, phục hồi niềm vui của đức tin;
- Những người chưa biết Chúa hay chối bỏ Ngài. (cf. EV.14).

Nhưng cho đến nay, nói chung, chúng ta chỉ mới chú trọng làm mục vụ cho những người đang giữ đạo, những con chiên ngoan hiền, chứ chưa quan tâm đủ đến những người khô khan nguội lạnh, hay những người chưa hề biết Chúa.

**\* Giáo dân và đời sống đạo**

Đức Tổng Giám Mục Giuse Nguyễn Chí Linh, Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam, trong diễn từ triều yết Đức Thánh Cha Phanxicô dịp Ad limina tháng 3.2018 nói đến nỗi trạng “cầu an”, “thủ thân khép kín” đang tồn tại nơi Giáo Hội Việt Nam. Nỗi trạng này chịu ảnh hưởng của quan điểm cho rằng “không nên loan báo Chúa Kitô cho người chưa biết, cũng như không nhất thiết gia nhập Giáo Hội, vì người tốt cũng được cứu độ.”

Hoặc trong bài thuyết trình của Đức cha Anphong Nguyễn Hữu Long tại hội thảo toàn quốc về Phúc Âm Hoá (Trung tâm Mục Vụ TGP Huế, 3/9/2018 - 6/9/2018) nói như sau: “Người giáo dân VN vẫn còn chú trọng giữ đạo hình thức bên ngoài chưa quan tâm đến giới thiệu đức tin cho người xung quanh”.

Vị mục sư Rạch Vọt nói với Linh mục Chánh xứ Trà Ếch như sau: “Bên công giáo nhiều hoạt động đông đảo nhưng giáo dân bên Công giáo không có hoạt động truyền giáo nhiều như bên Tin Lành. Các tín hữu Tin Lành hằng say thực hiện công việc rao giảng Tin Mừng.”

**4. Tâm thức người Miền Tây**

Do ảnh hưởng của địa lý, khí hậu sông nước hiền hòa... tâm thức người Miền Tây là mộc mạc,

chân chất, bình dị... rất dễ thương gần gũi và tốt bụng. Đây là điểm rất thuận lợi cho việc Loan Báo Tin Mừng.

Chúng ta thấy thực tế là các dòng tu nước ngoài rất thích về Việt Nam mở rộng hội dòng, nhất là miền Nam và các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Có một số linh mục đã tận dụng tốt điểm tích cực này, nên rất thành công trong việc mở mang nước Chúa cho người thôn quê miền Tây.

## II. Những Khó Khăn và Thách Thức

### 1. Trong các quan niệm về truyền giáo.

Có một số quan niệm cho rằng không cần phải Loan Báo Tin Mừng, vì người ngoài Kitô giáo mà sống tốt vẫn được cứu độ.

Tài liệu làm việc (Lineamenta) chuẩn bị cho Thượng Hội đồng Giám mục khóa XIII năm 2012, số 35-36 trình bày vấn nạn này như sau: “Ngày nay có một sự lầm lẫn ngày càng tăng khiến nhiều người không nghe hoặc không thi hành mệnh lệnh truyền giáo của Chúa (xem Mt 28,19). Người ta thường chủ trương rằng tìm cách thuyết phục người khác theo đạo là giới hạn tự do của họ. Theo quan điểm này, chỉ được phép trình bày ý tưởng của mình và mời gọi người ta hành động theo lương tâm họ mà không nhắm tới việc làm cho họ trở lại với Đức Kitô và đức tin Công Giáo. Có thể nói là chỉ cần giúp người ta trở nên nhân bản hơn hay trung thành hơn với đạo của họ; chỉ cần xây dựng những cộng đồng tìm kiếm công lý, tự do, hoà bình và tình liên đới. Hơn nữa, một số người còn chủ trương rằng không cần phải loan báo Đức Kitô cho những ai không biết Ngài, hoặc không cần phải khuyến khích họ vào Hội Thánh, vì họ vẫn có thể được cứu rỗi mà không cần phải minh nhiên biết Đức Kitô và không cần phải gia nhập Hội Thánh một cách chính thức” (số 35).

- Có nhiều ý kiến cho rằng Loan Báo Tin Mừng chỉ cho một. Giúp đỡ bác ái chỉ cho một. Vì họ ăn rồi họ cũng bỏ đạo. Vì LBTM cho họ vô đạo rồi họ trước sau họ cũng bỏ thôi. Vô ích.

- Nếu ta LBTM mà họ sau này bỏ đạo, thì linh hồn họ ai chịu trách nhiệm?...

- Tôi có biết bao nhiêu việc làm còn không kịp, giờ đâu mà lo đi Loan Báo Tin Mừng? Giáo dân tôi lo còn chưa xong, lo chi tới chuyện đi đâu rao giảng.

- Tôi ngồi ở nhà đọc kinh cầu nguyện, soạn giảng cho hay, tập hát cho chuẩn... ý hướng về việc Loan Báo Tin Mừng, vậy tôi cũng là đang thực hiện việc LBTM rồi, cần chi đi đâu xa xôi, làm chi cho thêm rắc rối mệt mỏi.

### 2. Trong thực tế

- Trở ngại không được nâng đỡ, bề trên không hiểu. Anh em không ủng hộ. Thiếu hợp tác. Lẻ loi cô đơn LBTM, không khéo còn bị ghép thêm tội này tội kia.

- Trở ngại chính quyền địa phương, nhiều điểm nhiều nơi rất khó khăn để có được giấy phép hoạt động.

- Các tôn giáo khác và các tổ chức khác hoạt động rất mạnh, ta không khéo dễ bị mất sức hút ảnh hưởng.

- Khó khăn về tài chính. LBTM ít nhiều cũng cần tài chính. Nhưng đa số các hoạt động LBTM là do tự túc, tự quyền góp. Không hề có quỹ chung và nếu có cũng chẳng được bao nhiêu. Tiền bạc đổ dồn vào việc xây dựng... mà không dành phần tương xứng cho việc truyền giáo.

- Công Giáo rất hay là có tổ chức cơ cấu phẩm trật. Nhưng đôi khi chính cơ cấu phân ranh giới luật lệ lại giết chết việc LBTM.

- Thiếu đào tạo cán bộ LBTM, thiếu huấn luyện trường kỳ. Thiếu đi sự quan tâm của các vị bề trên hữu trách.



- Các hội đoàn thiếu sinh hoạt thiếu yếu tố LBTM, cứ lo linh đạo của hội đoàn mình mà không ý thức được LBTM cũng phải là linh hồn của các hội đoàn.

- Một trong những khó khăn lớn nữa và cũng là rất tế nhị khi cha sở sau phá những gì cha sở trước làm, hoặc không tiếp nối các công việc LBTM của cha sở trước, hoặc không có khả năng, hoặc không có tâm hồn LBTM, hoặc ích kỷ nhỏ nhen, hoặc muốn tạo dấu ấn của riêng mình, cái gì mình bày ra mình làm, cái gì của cha trước phá bỏ đi, thay đổi cả nhân sự, lãnh đạo tầm thường chứ không phải là lãnh đạo cao thượng... nên công việc chung LBTM nơi đó không tiếp tục đạt kết quả.

- ...

### III. Vượt Qua Trở Ngại

#### 1. Mọi người cùng ý thức:

Loan báo Tin Mừng để mời gọi người khác vào đạo vẫn là điều cần thiết

Tài liệu làm việc (Lineamenta) chuẩn bị cho Thượng Hội đồng Giám mục khóa XIII năm 2012 giải thích: “Mặc dù những người không phải là Kitô hữu vẫn có thể được cứu rỗi nhờ ân sủng Thiên Chúa ban cho, bằng những cách chỉ một mình Người biết, song Hội Thánh không thể không biết rằng mỗi con người đều muốn biết khuôn mặt thật của Thiên Chúa và vui hưởng hôm nay tình bạn của Đức Giêsu Kitô, Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta. Việc gắn bó với Đức Kitô, Đấng là Sự Thật, và trở nên thành viên của Hội Thánh Người không làm giảm tự do con người, nhưng đúng hơn nó gia tăng tự do và dẫn đưa tự do tới chỗ hoàn thiện nhờ một tình yêu xả kỷ và sự chăm lo cho hạnh phúc của mọi người. Quả là một món quà vô giá khi được sống trong vòng tay yêu thương của tất cả các bạn hữu của Thiên Chúa, nhờ được hiệp thông với thịt và máu ban sự sống của Con Thiên Chúa; và quả là vô giá khi đón nhận từ Người sự chắc chắn rằng tội lỗi của chúng ta được tha, và được sống trong tình yêu phát sinh từ đức tin! Hội Thánh muốn mọi người được dự phần vào sự giàu có ấy, để họ có thể đạt được chân lý sung mãn và các phương thế



cứu độ, để “được cùng với con cái Thiên Chúa chung hưởng tự do và vinh quang” (Rm 8,21). Khi loan báo và thông truyền đức tin, Hội Thánh bắt chước chính Thiên Chúa, Đấng tự thông ban chính mình cho nhân loại bằng việc ban Con của Người là Đấng đở tràn Thánh Thần để mọi người có thể được tái sinh làm con cái Thiên Chúa” (số 36)

Sắc lệnh Ad Gentes số 7 cũng quả quyết: “Dù Thiên Chúa có thể dùng những đường lối Ngài biết để đưa những kẻ không vì lỗi mình mà chưa biết Phúc Âm đến với đức tin, vì không có đức tin thì không thể làm vui lòng Ngài, nhưng Giáo Hội có bổn phận và đồng thời có thánh quyền rao giảng Phúc Âm; do đó, ngày nay và luôn mãi, hoạt động truyền giáo vẫn còn giữ trọn vẹn hiệu lực và cần thiết”.

ĐTC Phaolô VI khẳng định vị trí ưu tiên của việc rao giảng Tin Mừng và nhắc nhở các tín hữu: “Sẽ rất ích lợi nếu mỗi Kitô hữu và mỗi người rao giảng Tin Mừng cầu nguyện theo ý tưởng này: người ta cũng có thể được cứu rỗi bằng những cách thức khác, cho dù chúng ta không rao giảng Tin Mừng cho họ; nhưng đối với chúng ta, liệu chúng ta có thể được cứu rỗi hay không nếu vì sự trễ nải, sợ hãi hay hổ thẹn - điều mà Thánh Phaolô gọi là ‘xấu hổ vì Tin Mừng’ - hay vì những tư tưởng sai lạc mà chúng ta không rao giảng Tin Mừng?” (Tông huấn Evangelii Nuntiandi)

#### 2. Hành động cụ thể

- Mỗi vị bề trên phải là “Bề trên truyền giáo”

chứ không nên là “bề trên quản trị“. Bề trên phải nhúng tay vào việc truyền giáo. Chứ không chỉ hô khẩu hiệu rồi giao cho ai muốn làm gì thì làm.

- Các Giáo Hội địa phương nên có những chương trình thống nhất cụ thể để đưa ra thực hành cho việc LBTM nơi hoàn cảnh địa phương mình. Hằng năm, hàng tháng... cấp độ Giáo Phận, Giáo Hạt, giáo xứ, hội đoàn, giáo dân...

- Phải dành riêng ngân sách cụ thể rõ ràng tương xứng hàng năm cho việc truyền giáo.

- Đào tạo và nhấn mạnh căn tính LBTM cho các chủng sinh, tu sĩ... dồn hết sức để tạo điều kiện huấn luyện cho họ say mê LBTM. Các vị giáo sư bậc thầy dạy phải có những năm tháng sống tận các giáo điểm, có thể là Châu Phi, những xứ nghèo, quốc gia nghèo... để cảm nghiệm thực tế và có kinh nghiệm LBTM. Khi đó lời giảng của mình nặng ký hơn và mới có thể làm gương sáng về truyền giáo và giảng dạy thực tế cho các chủng sinh, tu sĩ noi theo. Cũng vậy, chủng sinh tu sĩ phải tạo huấn luyện và tạo điều kiện để trải nghiệm sống thực tế nơi các giáo điểm truyền giáo để nuôi dưỡng “hồn tông đồ“.

- Đào tạo giáo dân thành nhân sự LBTM: Tạo các cộng đoàn cơ bản nhỏ. Làm men làm muối làm chứng nhân Tin Mừng cho những người xung quanh họ. Có chương trình huấn luyện rõ ràng định kỳ phân cấp... theo Địa phận, theo hạt, theo xứ đạo. Chính giáo dân làm việc này rất tốt và nhiều khi hiệu quả hơn các linh mục, tu sĩ.

- Mở rộng việc làm bác ái, giúp đỡ cụ thể cho người nghèo khổ: Thành lập những Trại Mồ Côi, nhà hưu dưỡng, bệnh viện Công Giáo, các cơ sở giáo dục... Điểm này ta còn thiếu rất nhiều.

- Các gia đình, các thành viên các hội đoàn, mỗi giáo dân... tìm cách kết thân với một cá nhân, bạn bè, gia đình bên chưa Công giáo để yêu thương và chia sẻ LBTM.

- Tạo sân chơi cho các giới, nhất là giới trẻ và thiếu nhi... thu hút mọi thành phần.

- Dùng phương tiện truyền thông để LBTM, huấn luyện nhóm chuyên viên để làm các video clip... tốt đẹp, gương sáng để LBTM

- ...



## IV. Cách Thức Loan Báo Tin Mừng cho Người Miền Tây.

### 1. Mở rộng họ đạo, giáo điểm.

(Cách thức của cha Fx Đinh Trọng Tự - Gp Cần Thơ). Đầu tiên chúng ta nên mở rộng việc bác ái tại họ đạo, giáo điểm của mình. Các việc bác ái như là:

- Về giáo dục: Mở các lớp hè, mở các khóa học Anh Văn, vi tính, nấu ăn, chưng bông, học võ miễn phí... Điều này sẽ thu hút các học viên đến rất đông, và từ đó ta hỏi thăm làm quen, đến tận nhà thăm họ...

- Về y tế: ta nên mở phòng thuốc khám bệnh từ thiện bác ái miễn phí châm cứu Đông Tây Y, hàng tuần hoặc hàng tháng. Có nhiều tiền thì Tây Y, ít tiền hơn thì Đông Y, thuốc Nam, châm cứu.... Đây sẽ là điểm quy tụ nhiều người nghèo già bệnh, họ sẽ đến, ta gặp gỡ làm quen và giúp đỡ...

- Nhất là đi thăm viếng, cho con trẻ cái bong bóng, cho người già điều thuốc lá... Họ rất có cảm tình, mà khi họ đã có cảm tình rồi thì nói gì họ cũng nghe. Họ không thấy Chúa, nhưng thấy ông cha đang sống với họ. Những điều trên sẽ tạo tiếng vang uy tín cho vị Linh mục, và khi đó đi đến đâu dân cũng thương cũng nể, dù là công giáo hay ngoại đạo. Họ sẽ đến với ta, và ta đến với họ. Ảnh hưởng của ta sẽ rộng ra và nhà thờ giáo điểm sẽ đông người đến.

### 2. LBTM từ một vùng trắng

Đi thăm vùng trắng. Ở đâu có điện đường



trường trạm, có dân cư tập trung, ngã ba ngã tư ta nên đến thăm. Lân la làm quen nơi cây xăng, quán vỉa hè, điểm tâm sáng... nhờ người bán vé số dạo dò hỏi xem ở đây có người đạo Công Giáo mới tới làm ăn không? Nếu có ta tới tận nhà thăm, nếu không ta hỏi xem ở đây có ai nghèo không? Chắc chắn có người nghèo. Lúc đó ta sẽ cho chút quà nhỏ nhân dịp Noel, lễ Tết...

Từ đó ta sẽ làm quen lân la ra các bộ lão trong vùng, các người già đứng đầu dòng tộc có uy tín, các vị cao niên trong khu vực. Ta sẽ liên hệ cho quà Giáng Sinh chút đỉnh bất kể lương giáo... ai nghèo là cho.

Ít nhiều trong đó cũng có người ngày xưa có đạo, hoặc ông bà cha mẹ có đạo, hoặc người thân lấy vợ lấy chồng có đạo, hoặc bạn bè có đạo, hoặc thời xưa khi đi học có mấy người bạn rủ tới lui nhà thờ.... Từ đó ta nắm lấy họ làm mắt xích, đến thăm họ, nhờ họ làm cầu nối với những người khác.

Ta đến thăm, lắng nghe, quan tâm, vui vẻ... họ sẽ yêu mến ta, và khi ta đã có uy tín với họ rồi thì từ đó họ sẽ dễ dàng nghe ta nói.

Được một người cao niên là được cả dòng họ đó. Được một em bé đón tiếp là được cả gia đình đó.

Mà cao niên thì ngồi nói chuyện, còn em bé thì cái bong bóng và vài ba câu tiếng Anh là lấy lòng được ngay.

Rồi mời họ tới nhà thờ mình chơi khi có dịp... Noel, lễ Tết...

Họ sẽ thấy hoạt động của ta, thấy giáo dân đông vui, ít nhiều cũng có người theo.

Bước tiếp theo ta mua đất nhỏ, hoặc thuê đất nhỏ, lân la làm quen chính quyền địa phương và âm thầm sinh hoạt vui chơi làm bác ái, dạy học cho thiếu nhi... tại chỗ đó. Và từ từ sẽ hình thành một cộng đồng cơ bản nhỏ, từ đó nhân rộng ra... Với ơn Chúa, sẽ thành công!

### 3. Quan niệm về bác ái.

Có vài ý kiến cho rằng cho họ ăn rồi họ cũng bỏ. Giúp làm chi... khám bệnh từ thiện có hết đâu, khám làm chi...

Thư Giacôbê chương 2 câu 15-16 viết: “Giả như có người anh em hay chị em không có áo che thân và không đủ của ăn hằng ngày, mà có ai trong anh em lại nói với họ: “Hãy đi bình an, mặc cho ấm và ăn cho no“, nhưng lại không cho họ những thứ thân xác họ đang cần, thì nào có ích lợi gì?”

Thông điệp Redemptoris Missio của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã đặt các công việc bác ái trong chương 5 như là một hoạt động truyền giáo, cũng hết như việc giảng dạy vậy. “Vì động lực của truyền giáo là tình yêu, mang tình yêu của Chúa đến cho mọi người. Mà tình yêu là phải hành động, không nói suông. Vậy bất cứ cách nào chuyển thông tình yêu của Chúa, qua thái độ, tâm tình, cử chỉ, hành động... cũng là truyền giáo vậy. Hơn nữa sự cứu rỗi nằm ở toàn diện con người, không phải chỉ cứu rỗi linh hồn hạnh phúc đời sau, mà cả thân thể hạnh phúc đời này nữa. Sự cứu rỗi toàn diện con người đòi hỏi phải giải phóng con người khỏi những gì là hạ thấp nhân phẩm: nghèo đói, dốt nát, bất công...”

Bác ái là con đường ngắn nhất đi từ trái tim tới trái tim.

Như đã nói trên, người miền Tây rất hiền hòa, chân chất và nhân hậu. Vậy ta nên dựa vào điểm tích cực này để



LBTM.

Thực sự họ nghèo chúng ta phải giúp đỡ họ cách vô vị lợi. Không cần họ vô đạo mà họ nghèo chúng ta cũng nên giúp họ. Bên anh em Cao Đài - Hòa Hảo làm rất tốt việc bác ái này...

Với người miền Tây chân chất, chỉ cần ít gạo mì đường, và một nụ cười cùng lời hỏi thăm... là ta đã lấy được lòng họ, cứu được linh hồn của họ. Từ đó ta đưa họ đến gặp gỡ một Đức Kitô đang sống (Christus Vivit). Chia sẻ kinh nghiệm về sự hiện diện sống động của Đức Kitô trong đời mình với họ. Rồi họ sẽ được gặp Ngài, có kinh nghiệm với Ngài và cảm nhận được Ngài yêu thương họ. Từ đó họ sẽ có niềm tin khởi và niềm hy vọng.

### V. Kết Luận: Hy Vọng Lên Đường

Đức Thánh Cha nhấn nhủ với chúng ta trong tông huấn Evangelii Gaudium rằng, “tôi chỉ muốn tìm lời động viên cho việc truyền giáo nhiệt thành hơn, vui tươi, quảng đại, can đảm, đầy tình yêu sâu xa và một cuộc sống được truyền đạt!”

Loan báo Tin Mừng yếu kém thể hiện một đức tin trống rỗng. Làm sao việc LBTM phải là một dòng chảy nóng bỏng thấm thấu trong máu thịt tâm hồn người Kitô hữu thúc bách họ ra đi dẫn thân tận hiến.

Điều này phải bắt nguồn mãnh liệt từ tình yêu Chúa Kitô, một kinh nghiệm tràn đầy hạnh phúc với Đức Kitô đang sống, để từ đó phun trào lên nguồn ân sủng thúc bách tín hữu ra đi rao giảng niềm vui hạnh phúc này.

Ai cũng có quyền được nghe và đón nhận Tin

Mừng. Ta đã được nhận nhưng không, hãy giúp cho anh chị em mình cũng được nghe và đón nhận Tin Mừng cách nhưng không như vậy.

Xin Chúa Thánh Thần thúc bách ta theo mẫu gương của Mẹ Maria dịu hiền lên đường mang Chúa đến cho người anh chị em.

**Mic. Nguyễn Khắc Minh**

[1] Vietnamese Church, when faith is not about numbers, <https://www.lastampa.it/vatican-insider/en/2015/10/14/news/vietnamese-church-when-faith-is-not-about-numbers-1.35215113>

[2] Để Nước Chúa trị đến trên quê hương “con rồng cháu tiên”, [https://sjjs.edu.vn/blog/2017/09/08/de-nuoc-chua-tri-den-tren-que-huong-con-rong-chau-tien/#\\_ftn15](https://sjjs.edu.vn/blog/2017/09/08/de-nuoc-chua-tri-den-tren-que-huong-con-rong-chau-tien/#_ftn15)

[3] Trích tài liệu dịp tĩnh tâm hạt Đại Hải 7/2020

[4] <https://www.tgpsaigon.net/bai-viet/canh-tan-hoat-dong-loan-bao-tin-mung-tai-viet-nam-ngay-nay-49002>

[5] <https://www.tgpsaigon.net/bai-viet/canh-tan-hoat-dong-loan-bao-tin-mung-tai-viet-nam-ngay-nay-49002>

[6] Bề trên quản trị“ chứ không phải “bề trên truyền giáo“, Cha Jerome Nguyễn Đình Công, giám đốc Hội Giáo Hoàng Truyền Giáo tại VN, Khóa bồi dưỡng Thần Học và Truyền Giáo tại Vũng Tàu 30/-2/7/2020)

[7] Đức Cha Anphong Nguyễn Hữu Long, <https://www.tgpsaigon.net/bai-viet/canh-tan-hoat-dong-loan-bao-tin-mung-tai-viet-nam-ngay-nay-49002>



# Đặc sủng dòng Mến Thánh Giá

“Đặc sủng của các Đấng sáng lập biểu lộ như là một kinh nghiệm về Thần Khí, được truyền lại cho các môn đệ của họ để sống, giữ gìn, đào sâu và không ngừng phát triển trong sự hài hòa với Thân Thể Chúa Kitô đang không ngừng lớn lên.” (MR 11)



## ĐẶC SỦNG DÒNG MẾN THÁNH GIÁ[1]

### I. Đặc Sủng Của Các Dòng Tu

Đặc sủng được coi là ân huệ mà Thần Khí ban cho mỗi người hay mỗi Hội dòng vì lợi ích chung. Văn kiện của Bộ Các Hội Dòng Tận Hiến và các Tu Đoàn Tông Đồ và Bộ Giám mục đã nói về đặc sủng của đấng sáng lập như sau: “Đặc sủng của các Đấng sáng lập biểu lộ như là một kinh nghiệm về Thần Khí, được truyền lại cho các môn đệ của họ để sống, giữ gìn, đào sâu và không ngừng phát triển trong sự hài hòa với Thân Thể Chúa Kitô đang không ngừng lớn lên.” (MR 11) Đây là một cảm nghiệm đặc biệt về Thần Khí của Đấng sáng lập; qua đó, giúp vị này nhận thức một hướng đi mới trong đường nên thánh và hoạt động tông đồ.[2] Như thế, đoàn sủng của mỗi

dòng tu bao gồm hai khía cạnh: linh đạo (con đường nên thánh riêng của Hội dòng) và sứ vụ.

Mỗi Hội dòng chỉ nhận được một đặc sủng, được ban qua Đấng sáng lập. Đấng sáng lập chia sẻ Đặc sủng (đoàn sủng)[3] này cho cả Hội dòng để mọi thành viên cùng sống đặc sủng ấy và làm phong phú thêm đặc sủng ấy qua dòng thời gian. Đặc sủng là yếu tố chính tạo nên sự khác biệt giữa hội dòng này với hội dòng khác. Đặc sủng chính là sức sống, là nguồn mạch của mọi hoạt động tông đồ của mỗi hội dòng. Một hội dòng mà không sống theo đặc sủng của đấng sáng lập sẽ đánh mất đi căn tính của nó, và như một hệ quả, mất đi phương hướng của nó. Chìa khóa cho sự phát triển của mỗi hội dòng là trung thành với đặc sủng của đấng sáng lập. Bởi đó, Đức Giáo hoàng Phaolô VI đã kêu gọi các cộng đoàn tu trì phải trung thành với tinh thần, với những ý hướng Phúc âm và gương thánh thiện của đấng

sáng lập. Chính ở đây mà các hội dòng tìm thấy nguồn gốc của họ (x. ET 11-12).

Linh Đạo là con đường thiêng liêng, con đường nên thánh. Trong các dòng tu, mỗi hội dòng đều có một linh đạo riêng, một con đường nên thánh riêng do vị sáng lập đề ra qua ơn soi sáng của Chúa Thánh Thần. Các Vị sáng lập hoặc dựa vào Tin Mừng để hướng dẫn đời sống thiêng liêng, hoặc chọn một mẫu gương như Mẹ Maria, thánh Giuse, thánh Phaolô,... hoặc chọn sống một mẫu nhiệm nào đó để nên thánh, như mẫu nhiệm Nhập Thể, mẫu nhiệm Truyền Tin, mẫu nhiệm Thập giá, mẫu nhiệm Thánh Thể,...

Mỗi dòng có sứ vụ/sứ mệnh riêng biệt. Đây chính là mục đích của vị sáng lập khi thành lập dòng. Mỗi dòng được thành lập để đáp ứng nhu cầu nào đó của Giáo hội hoặc xã hội: dòng Lasan: giáo dục; dòng Gioan Thiên Chúa: phục vụ bệnh nhân; Tu hội Xuân Bích: đào tạo linh mục; dòng Phaolô Thiện Bản: rao giảng Đức Kitô bằng sách báo và các phương tiện truyền thông,... Đặc sủng luôn gắn liền với sứ mệnh truyền giáo, mỗi hội dòng có một sứ mệnh truyền giáo riêng biệt, tùy theo đặc sủng của mình (x. VC 19, 72, 46; PC 10, 20; Can 673, 674, 676, 677).

Đức Gioan Phaolô II cũng yêu cầu các hội dòng chú tâm vào việc đào tạo theo đoàn sủng riêng biệt của họ, để họ có thể thực hiện sứ mệnh loan báo Tin mừng tùy theo đoàn sủng của mình (x. VC 68, 72). Các hội dòng chỉ có thể trung thành với đặc sủng nguồn gốc khi họ biết thế nào để đọc được những dấu chỉ của thời đại và biết thế nào để đáp ứng lại những nhu cầu của Giáo hội và xã hội trong thời hiện tại. “Các Bề trên và các phần tử hãy trung thành duy trì sứ mệnh và các công tác riêng của dòng. Tuy nhiên, họ hãy biết thích ứng chúng cách khôn ngoan chiếu theo nhu cầu của thời thế và địa phương, kể cả bằng việc sử dụng các phương tiện mới mẻ và thích ứng.” (Can 677 §1). Dù nhu cầu mục vụ cấp bách thế nào đi nữa, chúng ta luôn phải nhớ rằng sự đóng góp tốt nhất mà một hội dòng có thể đem lại cho Giáo hội là sự trung thành với đoàn sủng của họ. Hội dòng càng hiện diện theo đoàn sủng của mình, càng đem lại nhiều hoa trái

(x. FLC 61; MR 49- 50).

Trung thành mà không thích nghi vào bối cảnh mới, sẽ dẫn đến chỗ suy tàn; đổi mới mà không bám vào gốc của nó, sẽ dẫn đến chỗ lập nên một hội dòng mới. Sai lầm có thể xảy ra là khi chúng ta “hiện đại hóa” đặc sủng, thay mới hoàn toàn để cho nó hấp dẫn hơn, hoặc sử dụng đặc sủng của đáng sáng lập để phục vụ cho chính chúng ta, để biện minh cho những quyết định và hành động của chúng ta. Điều này có thể là tốt, nhưng nó không phải là mục đích của đáng sáng lập. Nó có thể phá đi những gì đã được dày công xây dựng và làm mất đi đặc tính và căn tính của hội dòng.[4] Mỗi hội dòng cũng có thể có thêm một số hoạt động khác với sứ vụ chuyên biệt của mình, nhưng không nên để cho những hoạt động này trở thành những hoạt động chính. Nên để cho một số phần tử nào đó phụ trách mà thôi. Trong bối cảnh xét lại các hình thức hoạt động tông đồ, văn kiện “Những yếu tố cốt yếu của đời tu” (số 27) đã đưa ra những khuyến cáo về ba cơn cám dỗ khi xây dựng kế hoạch hoạt động tông đồ: (i) muốn ôm đồm mọi hình thức hoạt động tông đồ, (ii) bỏ đi những hình thức hoạt động truyền thống theo đặc sủng của dòng, để chạy theo những hoạt động đáp ứng nhu cầu xã hội tức thời, nhưng lại không hợp với đặc sủng của dòng, (iii) phân tán nhân lực dòng vào những hoạt động ngắn hạn, chỉ liên hệ đến đặc sủng một cách mơ hồ; do đó, với thời gian, tính cách đồng nhất trong việc thực hiện đặc sủng của dòng sẽ bị tổn thương.[5] Muốn có đổi mới, chúng ta cần biết chúng ta là ai. Mỗi hội dòng phải ra sức giữ lấy căn tính của



mình để khỏi rơi vào tình trạng mập mờ, không xác định được vị trí và nhiệm vụ của mình trong đời sống Giáo hội (x. FLC 46).

Theo tông huấn về Đời sống thánh hiến, căn tính của đời sống thánh hiến là thánh hiến (mục đích của thánh hiến là nên thánh qua việc bắt chước Đức Kitô sống trinh sạch, khó nghèo và vâng lời) và sứ vụ (x. VC 32- 35, 76). Mỗi dòng tu cũng có căn tính riêng, được định hình bởi Đặc sủng của Đấng sáng lập: Linh đạo (con đường nên thánh) và sứ vụ. Như vậy, các tu sỹ đều có chung một con đường nên thánh: bắt chước Đức Kitô, trở nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô qua việc sống 3 Lời Khuyên Phúc Âm. Mỗi dòng tu lại có một con đường nên thánh riêng (linh đạo).

## II. Đặc Sủng Dòng Mến Thánh Giá

### 1. Linh đạo:

Đức cha Lambert de la Motte lập một Hội dòng mang tên Mến Thánh Giá. Đây cũng chính là linh đạo của dòng. Để sống linh đạo này, các nữ tu Mến Thánh Giá phải hướng trọn lòng trí và cuộc sống vào Đức Giêsu-Kitô Chịu- Đóng- Đinh là đối tượng duy nhất.

Lúc mới lên 9 tuổi, khi suy niệm sách Gương Phước, giải thích về câu Tin Mừng: “Ai muốn theo Ta, hãy từ bỏ chính mình, vác thập giá hằng ngày mà theo Ta” (Lc 9, 23), Đức cha Lambert đã được ơn Chúa thúc đẩy để chọn con đường nên thánh bằng con đường khổ giá. Đây chính là một cảm nghiệm/ kinh nghiệm về Thần Khí của Đức cha Lambert. Từ đó, Đức Giêsu-Kitô Chịu-Đóng-Đinh đã dần dần lôi cuốn, chiếm đoạt tâm trí, lối sống, hoạt động tông đồ của ngài và thôi thúc ngài lập nên một Hội dòng quy tụ những người yêu mến Thánh Giá Chúa Giêsu.[6]

Đức cha Lambert quyết tâm noi theo Đức Giêsu-Kitô: bị bắt bớ, sỉ nhục, chế giễu, đánh đòn, vác thập giá ....nhưng vẫn không kêu ca, không hề thốt ra một lời, như con chiên hiền lành bị đem đi giết (x. Is 53,7-8). Đức cha Lambert quả quyết: “Mọi ân sủng và thánh đức nơi hết thảy mọi người đã qua đời trong các thế kỷ trước đây, hoặc đang sống trong hiện tại, hoặc sẽ sinh



ra cho đến tận thế, là hoa quả của Thánh Giá Đức Giêsu-Kitô mà thôi.”[7] Đức Cha Lambert còn nhấn mạnh đây là con đường nên thánh đúng nhất mà tại sao “nhiều người đi tìm ở đâu đâu những phương thế dẫn tới sự công chính, chứ không tìm nơi thánh giá.”[8]

Trong cuộc hành trình truyền giáo ở Viễn đông, lúc dừng chân ở thủ đô Thái Lan, ngài đã tĩnh tâm 40 đêm ngày và đã trải qua một kinh nghiệm thiêng liêng rất đặc biệt: ngài muốn chứng tỏ một tình yêu phi thường đối với Chúa Giêsu, thông dự vào cuộc thương khó của Chúa bằng việc đánh tội hằng ngày, “để long trọng suy tôn hy lễ Thánh Giá cao cả của Chúa và cũng để hoàn tất điều duy nhất còn thiếu nơi hy lễ bàn thờ, đó là phải có sự đau khổ. Đây là bí quyết mới mẻ làm hài lòng Đức Giêsu-Kitô.” Ngài sống khiêm nhường; luôn cầu nguyện, chiêm niệm về con đường khổ giá; thường xuyên đánh tội, chế ngự thân xác, ăn chay, kiêng thịt và rượu để đền tội và đồng lao cộng khổ với Chúa trong công cuộc cứu độ. Ngài không ngừng tạ ơn Chúa khi gặp đau khổ và hăm hở bước theo Chúa trên con đường khổ giá để làm sáng danh Chúa. Ngài hy sinh cầu nguyện cho lương dân được ơn trở lại với Chúa.[9]

Đức cha Lambert không chỉ vui vẻ đón nhận những đau khổ Chúa gửi đến, mà ngài còn làm thay cho Chúa, tạo ra những đau khổ bằng cách cho Chúa mượn thân xác để Chúa tiếp tục bị sỉ nhục, chế giễu, vác thập giá[10]:

- Khi còn làm nghề luật sư, ngài bị ngã ngựa trên đường đi ăn tiệc cưới, dù mũ đội đầu bị bay

mất và trang phục bị vấy bẩn, ngài vẫn để vấy và bước vào phòng tiệc cưới dưới cái nhìn khinh bỉ của mọi người.

- Có lần ngài cải trang thành người nghèo để đi ăn xin trong suốt một ngày với bao khinh bỉ và sỉ nhục của những người qua lại.

- Để chuẩn bị lãnh chức linh mục, ngài đã thực hiện một cuộc hành hương “khổ nhục” từ Caen đến Rennes, khoảng 120 km: ngài cải trang thành người quê mùa, ăn mặc rách rưới để được người ta khinh chê, sỉ nhục...

- Vì bác ái, ngài giúp một thiếu nữ nghèo đem giấy tờ cho thừa phát lại. Ông này hiểu lầm ngài là một tay trung gian ăn huê hồng. Ngài không cải chính, nhưng rất vui mừng vì bị hiểu lầm như thế.

Đức cha Lambert, trong cơn đau khủng khiếp lúc hấp hối, không ngớt lặp lại lời nguyện: “Lạy Chúa, xin gia tăng sự đau đớn, xin ban thêm sức chịu đựng cho con”.[11] Ngài mong được chết một cách đau đớn vì Chúa Kitô.[12]

Đức cha Lambert đã lập nên Hội dòng những người yêu mến Thánh Giá để ‘chuyên chú tưởng nhớ và noi theo cuộc Thương Khó của Chúa Giêsu-Kitô mỗi ngày.’[13] Chính ngài đã sống linh đạo Mến Thánh Giá này và trở thành mẫu mực cho con cái của ngài.[14]

Tóm lại, để sống linh đạo Mến Thánh Giá: “Đức Giêsu-Kitô Chịu- Đóng- Đinh phải là đối tượng duy nhất của lòng trí tôi”

- Yêu mến Thánh Giá, hằng ngày suy niệm/ chiêm niệm về con đường khổ giá mà Chúa đã đi từ lúc Chúa bị bắt đến lúc Chúa chịu chết

trên thập giá (bị bắt như một tội nhân, bị phản bội, bị kết án bất công, bị khạc nhổ, sỉ nhục, đội mũ gai, chế giễu, đánh đòn, vác thập giá lên núi Sọ, bị ngã nhiều lần, bị đóng đinh và chết trên thập giá).

- Noi theo/bắt chước Đức Giêsu-Kitô trên con đường khổ giá, làm thay cho Chúa, cho Chúa mượn thân xác để tiếp tục hy sinh bằng cách ăn chay hãm mình, chế ngự thân xác, vui vẻ chấp nhận những đau khổ về tinh thần (bị hiểu lầm, chống đối, sỉ nhục, chỉ trích, ...) cũng như những đau khổ thể xác (phục vụ quên mình, bệnh tật, lao nhọc,...) để Chúa tiếp tục dùng con đường khổ giá cứu chuộc nhân loại.

Như vậy, càng bắt chước Đức Kitô, càng nên giống Đức Kitô, càng trở nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô qua con đường khổ giá để cứu chuộc nhân loại, càng thánh thiện.[15]

Như vậy, từ chiêm niệm trong lòng dẫn tới hành động bên ngoài và giống như Đức cha Lambert[16], các nữ tu Mến Thánh Giá có thể nói như thánh Phaolô: “Tôi sống, nhưng không còn phải là tôi, mà là Đức Kitô sống và hoạt động trong tôi” (Gl 2, 20) và “hoàn tất nơi thân xác tôi những gì còn thiếu trong những đau khổ Chúa Giêsu phải chịu vì thân mình Người là Hội thánh” (Cl 1, 24).

Đối với dòng Mến Thánh Giá, chiêm niệm và truyền giáo luôn gắn chặt với nhau. Khi sống linh đạo Mến Thánh Giá (suy niệm/chiêm niệm và hy sinh hãm mình), các nữ tu Mến Thánh Giá luôn hướng đến việc cầu xin Thiên Chúa ban ơn ăn năn trở lại cho lương dân (sứ vụ số 1).

## 2. Sứ vụ

Mục đích/sứ vụ lập dòng được Đức cha Lambert ghi vào trong Luật Tiên Khởi dòng nữ Mến Thánh Giá Chúa Giêsu-Kitô, chương 3:

1. Tất cả những người đi theo nếp sống này phải liên li kết hợp nước mắt, việc suy gẫm cầu nguyện và hãm mình đền tội với công nghiệp của Đức Kitô, để cầu xin Thiên Chúa ban ơn ăn năn trở lại cho lương dân trong ba miền truyền giáo thuộc quyền các vị đại diện Tông Tòa, cách riêng ở Đàng Ngoài.





2. Dạy các thiếu nữ, giáo cũng như lương, những điều nữ giới cần biết. Nếu vì tình huống hiện nay xảy đến cho đạo Thánh không thể làm được, chị em hãy nhớ rằng khi hoàn cảnh cho phép, thì đó là một trong những nhiệm vụ chính của mình.

3. Săn sóc những phụ nữ, thiếu nữ đau ốm bệnh tật cả giáo lẫn lương. Nhờ cơ hội đó khuyên bảo họ lo phần rỗi và trở lại với Chúa.

4. Cố gắng rửa tội cho những trẻ nhỏ lâm cơn nguy tử, kéo chúng chết mà không được nhận ơn Thánh tẩy.

5. Dùng mọi cách kêu gọi những người phụ nữ và thiếu nữ trụy lạc trở về nếp sống lương thiện.

Qua mục đích số 2, số 3 và số 5, Đức cha Lambert đã chọn đối tượng phục vụ của Hội dòng là phụ nữ và thiếu nữ lương cũng như giáo: dạy dỗ, săn sóc và cải hóa họ. Ngài nhấn mạnh đó là một trong những nhiệm vụ chính của Hội dòng (số 2). Đây chính là nét tạo nên căn tính của Hội dòng, tạo nên sự khác biệt với các dòng khác. Có thể nói đặc sủng/đoàn sủng của dòng Mến Thánh Giá là dạy dỗ, săn sóc và cải hóa các phụ nữ và thiếu nữ lương cũng như giáo. Nói các khác, dòng Mến Thánh Giá được lập nên là để phục vụ các phụ nữ và thiếu nữ lương cũng như giáo.

Đức cha Lambert còn hiểu rõ hoàn cảnh của xã hội Việt nam đang và sẽ bị cấm cách đạo, nên ngài nhấn nhủ “khi hoàn cảnh cho phép” thì phải chú tâm vào sứ vụ chính này. Đây cũng là điều mà công đồng Vatican II kêu gọi các dòng tu phải khám phá lại tinh thần và mục đích của

Đấng sáng lập (x. PC 2b). Thư Đức Thánh Cha Nhân Dịp Năm Về Đời Sống Thánh Hiến 2015 kêu gọi những người sống đời thánh hiến “đấn thân canh tân đoàn sủng, kiểm điểm sự trung thành đối với sứ mạng đã được ủy thác, tiếp tục làm phong phú và thích nghi, nhưng không đánh mất đi căn tính của mình.

Chính Đức cha Lambert đã thi hành sứ vụ này:[17]

- Sau khi tốt nghiệp trung học, ngài đã tham gia Hiệp Hội Thánh Thể với một trong những mục đích của Hiệp Hội là “giúp hoàn lương những thiếu nữ trụy lạc.”

- Sau khi chịu chức linh mục năm 1655, ngài thành lập một “trung tâm tiếp đón những phụ nữ hư hỏng.”

Các nữ tu Mến Thánh Giá từ buổi đầu đã chú tâm vào phục vụ phụ nữ và thiếu nữ lương cũng như giáo. Theo bài viết “350 năm Dòng Mến Thánh Giá: Sứ mạng Dòng Mến Thánh Giá, 16/06/2020”:

- Một đóng góp hữu ích của các nữ tu Mến Thánh Giá là công việc dạy dỗ các thiếu nữ. Trong thư ngày 02/06/1830 gửi cho Hội Truyền Bá Đức tin, Đức Cha Taberd cho biết đang có 16 Nhà dòng Mến Thánh Giá, “tất cả các nhà này sẽ đón nhận các người cùng giới để dạy dỗ và đào tạo họ các công việc thích hợp”. Những người trẻ này, sau khi về lại nhà mình, sẽ trở thành những người mẹ tốt của gia đình, và qua gương sáng cũng như qua những lời dạy dỗ của họ, sẽ là gương mẫu và sự nâng đỡ cho bạn hữu.

- Trong những lúc đồng bào gặp cảnh đói khổ vì thiên tai, các nữ tu hy sinh một phần nhà của mình để đón tiếp các phụ nữ đau yếu và các trẻ mồ côi.

- Đức Cha Retord kể lại trong thư gửi cho cha Laurent ở Lyon vào tháng 01/1846: “Họ đi thăm viếng và an ủi những người đau yếu, giúp chúng tôi dạy dỗ các phụ nữ dục tòng.”

Trước năm 1975, các Hội dòng Mến Thánh Giá đã có nhiều cơ sở để phục vụ đối tượng này. Sau năm 1975, tất cả các phương tiện để thi hành sứ vụ của các dòng tu đã được quốc hữu hóa như: trường học, bệnh viện, nhà dưỡng lão,



nhà cô nhi, trại phong, ...Hoạt động tông đồ của các dòng tu bị hạn chế tối đa. Bên cạnh đó, đời sống kinh tế nói chung gặp rất nhiều khó khăn. Trong bối cảnh đó, các dòng tu chỉ cố gắng sao cho có thể sống còn. Không còn phương tiện để thi hành sứ vụ chính, các tu sĩ làm bất cứ công việc gì để có thể tồn tại. Đây thực sự là giai đoạn khủng hoảng về căn tính của các dòng tu. Trải qua một giai đoạn dài như thế, các dòng tu có thể dần dần mất ý thức về sứ vụ chính của mình, những tu sĩ trong giai đoạn này không thể sống, giữ gìn, đào sâu và không ngừng phát triển đoàn sủng của mình như định nghĩa về đặc sủng được nói đến ở trên. Và như vậy, họ không thể truyền lại cho thế hệ kế tiếp một cách chính xác và trung thành. Và nếu các dòng tu còn ý thức về sứ vụ, nhưng điều kiện không cho phép, các dòng tu cũng gặp rất nhiều khó khăn để thi hành sứ vụ riêng biệt của mình. Và hậu quả là nhiều dòng tu ngày nay thi hành những sứ vụ giống nhau. Nhiều hội dòng cố gắng thích nghi vào trong bối cảnh mới, nhưng cũng không dễ dàng. Điều quan trọng là thích nghi vào môi trường mới thế nào mà vẫn giữ được căn tính của Hội dòng. Đối với các Hội dòng Mến Thánh Giá, giai đoạn hiện nay là thời điểm mà Đức cha Lambert đã tiên đoán “khi hoàn cảnh cho phép”, giúp các nữ tu Mến Thánh Giá chú tâm vào sứ vụ chính của họ.

Đoàn sủng của dòng Mến Thánh Giá là một

hồng ân lớn lao Chúa ban cho Giáo hội Việt Nam. Các nữ tu dòng MTG đã sinh ra và lớn lên trong lòng Giáo hội Việt Nam; cùng với Giáo hội Việt Nam trải qua những thăng trầm, với 350 năm hiện diện, “liên li kết hợp nước mắt” như chính lời Đức cha Lambert đã viết trong Luật Tiên Khởi, có lúc phải mục nát đi để sản sinh những hoa trái như ngày hôm nay. Có thể nói rằng lịch sử Dòng MTG gắn liền với lịch sử của Giáo Hội Việt Nam. Ngày nay, có 30 hội dòng MTG với các nữ tu hiện diện khắp nơi trong nước và ngoài nước. Nhiều dòng tu phát xuất từ các dòng MTG hay lúc đầu được các nữ tu MTG giúp hình thành và đào tạo như dòng Con Đức Mẹ Nam Vang, Thừa Sai Đức Mẹ Trinh Vương, Con Đức Mẹ Đi Viếng, Con Đức Mẹ Mân Côi, Con Đức Mẹ Vô Nhiễm, Khiết Tâm Đức Mẹ Nha Trang, Nữ Vương Hòa Bình,...

#### **Lm. JB. Trần Hữu Hạnh, csf**

[1] Xin chia sẻ về Đặc sủng của dòng Mến Thánh Giá của một người nhìn từ bên ngoài. Người viết có cơ duyên giúp cho một số dòng Mến Thánh Giá, nên đọc được một số cuốn sách về dòng Mến Thánh Giá như: Dòng Mến Thánh Giá- Những Năm Đầu Đỗ Quang Chính, SJ; Đặc sủng Mến Thánh Giá (Lm. Đào Quang Toàn) và nhất là cuốn Tiểu Sử- Bút Tích của Đức Cha Phêrô- Maria Lambert De La Motte của Nhóm Nghiên Cứu Linh Đạo Mến Thánh



Giá, 1998. Đây là những tài liệu được sử dụng để viết bài này.

[2] X. Phan Tấn Thành. Giải Thích Giáo Luật Quyển 2- Dân Thiên Chúa, tập 4, Các Hội Dòng Tận Hiến và các Tu Đoàn Tông Đồ. Rôma, 1993, tr. 577- 578.

[3] Các đặc sủng được ban là để phục vụ lợi ích chung, phục vụ cộng đoàn, nên còn được gọi là Đoàn sủng.

[4] X. Antonio Romano, The Charism of the Founders: The person and Charism of Founders in Contemporary Theological Reflection. Ireland: St Pauls, 1994, tr. 171.

[5] Phan Tấn Thành, Giải Thích Giáo Luật Quyển 2- Dân Thiên Chúa, tập 4, Các Hội Dòng Tận Hiến và các Tu Đoàn Tông Đồ (Rôma, 1993), tr. 762- 763.

[6] X. Nhóm Nghiên Cứu Linh Đạo Mến Thánh Giá, Tiểu Sử- Bút Tích của Đức Cha Phêrô- Maria Lambert De La Motte”, 1998, tr. 8, 31, 35, 61, 104-105.

[7] Nhóm Nghiên Cứu Linh Đạo Mến Thánh Giá,Tiểu Sử- Bút Tích của Đức Cha Phêrô- Maria Lambert De La Motte, 1998, tr. 84, x. tr. 96-97, 117-118.

[8] Nhóm Nghiên Cứu Linh Đạo Mến Thánh Giá,Tiểu Sử- Bút Tích của Đức Cha Phêrô- Maria Lambert De La Motte, 1998, tr. 84.

[9] X. Nhóm Nghiên Cứu Linh Đạo Mến Thánh Giá,Tiểu Sử- Bút Tích của Đức Cha

Phêrô- Maria Lambert De La Motte, 1998, tr. 17, 31- 32, 46, 53, 56, 58, 82, 93, 105, 106, 107, 117; x. Lm. Đào Quang Toàn, Đặc Sủng Mến Thánh Giá, tr. 91, 93.

[10] X. Nhóm Nghiên Cứu Linh Đạo Mến Thánh Giá,Tiểu Sử- Bút Tích của Đức Cha Phêrô- Maria Lambert De La Motte, 1998, tr. 10- 11, 53, 54, 104-105, 127; x. Lm. Đào Quang Toàn, Đặc Sủng Mến Thánh Giá, tr. 145- 147.

[11] Nhóm Nghiên Cứu Linh Đạo Mến Thánh Giá,Tiểu Sử- Bút Tích của Đức Cha Phêrô- Maria Lambert De La Motte, 1998, tr. 47.

[12] x. Lm. Đào Quang Toàn, Đặc Sủng Mến Thánh Giá, tr. 160- 161

[13] Luật Tiên Khởi dòng nữ Mến Thánh Giá Chúa Giêsu-Kitô, chương 2

[14] Nhóm Nghiên Cứu Linh Đạo Mến Thánh Giá,Tiểu Sử- Bút Tích của Đức Cha Phêrô- Maria Lambert De La Motte, 1998, tr. 63.

[15] Giống như con đường nên thánh của tất cả các tu sỹ: càng bắt chước Đức Kitô, càng nên giống Đức Kitô, càng trở nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô qua việc sống Ba Lời Khuyên Phúc Âm, càng thánh thiện.

[16] Nhóm Nghiên Cứu Linh Đạo Mến Thánh Giá,Tiểu Sử- Bút Tích của Đức Cha Phêrô- Maria Lambert De La Motte, 1998, tr. 56, 105.

[17] Nhóm Nghiên Cứu Linh Đạo Mến Thánh Giá, Tiểu Sử- Bút Tích của Đức Cha Phêrô- Maria Lambert De La Motte, 1998, tr. 9, 11.



ĐỨC CHA PIERRE LAMBERT DE LA MOTTE,  
ĐẲNG SÁNG LẬP DÒNG MẾN THÁNH GIÁ

**ĐỨC GIÊSU - KITÔ CHỊU - ĐÓNG - ĐÌNH**  
là đối tượng duy nhất của lòng trí con.

# NHÂN VỤ GIÁO XỨ THỊ NGHÈ BỊ CƯỚP ĐẤT, THỬ NHÌN LẠI LỊCH SỬ...

Ngày 12 tháng Tám năm 2020, Nhóm PV Vietcatholic đã cho công bố trên cơ quan trang mạng này bài viết có tên “SOS Giáo Xứ Thị Nghè (Sài Gòn) kêu cứu về tài sản bị chiếm đoạt” với những chứng minh cụ thể về tư liệu, luận chứng và nhiều chữ ký của các Linh mục, các Giáo hạt, Hội đồng mục Vụ, và hàng ngũ giáo dân tổ chức việc nhà cầm quyền Cộng Sản đã ngụy tạo văn bản nhằm cướp đoạt hai cơ sở trường Phước An vốn là tài sản của người giáo dân trong hai trăm năm qua. Trong Thư ngỏ của Văn phòng Giáo xứ Thị Nghè, Giáo xứ đã vạch rõ rằng “Với văn bản ngụy tạo, vô giá trị về mặt pháp lý này, chính quyền đang sử dụng để tuyên truyền nhằm đánh lừa, làm cho dư luận hiểu sai sự thật, theo hướng có lợi cho hành động chiếm đoạt sai trái đất trường Phước An của Giáo xứ.” (Trích Thư Ngỏ của Văn Phòng Giáo xứ Thị Nghè).

**T**rong hai năm gần đây đã xảy ra một số sự việc liên quan đến nạn cướp đất tại Sài Gòn nơi mà đất đai đã trở thành “tuyệt đại vô giá” mà giới quan phương CS nghĩ rằng phải chăng đây là buổi chợ chiều của chế độ nên ra tay càng nhanh, lợi nhuận càng vững chắc nên đã diễn ra các việc như cướp đất dân oan ở Thủ Thiêm vốn chưa được giải quyết ổn thỏa (giới quan phương theo chiến thuật “mềm nắn rắn buông” đối với Dòng Mến Thánh Giá ở đây với 145 năm lịch sử), vườn rau Lộc Hưng của đồng bào giáo dân Miền Bắc di cư năm 1954, và nay họ lại lần phẳng tới những nơi có thể kiếm ăn được đó là các cơ sở dòng tu, trường học, bệnh xá... của Công Giáo bị ép cho CS mượn sau ngày 30-4-1975, chẳng hạn vụ chiếm đất Dòng Thiên An Huế đang sôi động trở lại. Đây cũng là lúc để giới quan phương nhiều nơi “test” xem thử cái lò của TBT Nguyễn Phú Trọng nóng lên ở mức độ nào khi đảng CS đang có những nỗ lực nhằm chuẩn bị cho Đại hội XIII sắp tới và cùng lúc lại xảy ra vụ việc Nguyễn Đức Chung, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội bị đình chỉ công tác tạm thời trong thời gian 90

ngày. Nhân dân VN đang chờ xem cái gì xảy ra thì việc Giáo xứ Thị Nghè bị chiếm đất xuất hiện

## 1.- Thị Nghè trong chiều dài lịch sử...

Theo nguyên tắc lập cư, nghĩa là chọn chỗ ở của tiền nhân, Việt Nam có câu “Nhất cận thị, nhị cận giang,” có nghĩa là: Thứ nhất gần chợ, thứ hai gần sông. Gần chợ thì mua sắm, may mặc, ăn uống dễ dàng; gần sông thì đi lại nhanh chóng, vận chuyển thuận tiện bao gồm các mục tiêu có tính cách kinh tế. Quan điểm sinh hoạt ấy cũng có lẽ nghiệm đúng khi nhìn vào các đợt Nam tiến của nước ta trước đây dưới thời các chúa Nguyễn. Tuy nhiên cũng nên thêm vào đây yếu tố quân sự, vì đôi khi tiền nhân chúng ta cũng lợi dụng vị trí của sông ngòi, kênh rạch làm yếu tố che chắn để phòng ngự đối phương hay giặc cướp hoặc ứng dụng vào kỹ thuật tác chiến

Trên bước đường Nam tiến, tổ tiên chúng ta đã có nhiều kinh nghiệm trong vấn đề định canh, định cư đem từ miền Bắc và miền Trung vào kể từ đầu thế kỷ XI với Lý Thường Kiệt (1075), với Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1558), nhất là với Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh cuối thế kỷ XVII

và đăm quan binh theo ông trong nhiều giai đoạn lịch sử hoành tráng mở rộng cương vực đất nước tại miền Nam rộng rãi bao la nhiều sông rạch, đầm lầy chằng chịt mà chỉ có những con người can đảm, tr chí, mưu lược mới có thể thực hiện nổi.

**Nhà Bè nước chảy chia hai**

**Ai vào Gia Định Đồng Nai thì vào.**

(Nguyễn Đức Cung, Quảng Bình chín trăm năm nhìn lại 1075-1975, Nhà xb. Nhật Lệ, 2006, trang 400).

Danh xưng “Thị Nghè” vốn được dùng để chỉ một con rạch gọi là “Rạch Bà Nghè”, một chiếc cầu, một con sông hay một vùng đất và tên chữ Hán là Bình Trị Giang căn cứ theo tài liệu của Trương Vĩnh Ký hay Petrus Ký (1837-1898) một nhà bác học Công Giáo (Nguyễn Đình Đầu, Petrus Ký nổi oan thế kỷ, Nhã Nam & Nhà xuất bản Tri Thức, 2016, tr. 75). Trong tư liệu này, Trương Vĩnh Ký còn cho biết chi tiết thêm: “Trên rạch Tắt Cầu Sơn có hai chiếc cầu bắc qua, cầu thứ nhất là cầu Sơn và cầu thứ hai là cầu Lầu (cầu này cao và có mái che). Còn tên Thị Nghè hay Bà Nghè đặt cho cầu thứ nhất và con rạch

Thị Nghè, thì nguyên nhân như sau: Con gái Vân Trường Hầu (Nguyễn Cửu Vân) có chồng làm lại mục trong chính quyền tỉnh thành với tước vị ông Nghè (tú tài hay cử nhân, muốn cho chồng qua rạch đi làm mỗi ngày được dễ dàng, đã cho kiến tạo một chiếc cầu mệnh danh tên bà, hay đúng hơn, tước vị bà, tức Thị Nghè hay Bà Nghè (bà tú). Con rạch cũng mang tên đó.” (trang 182). Một tài liệu khác cho biết Bà Nghè này có tên là Nguyễn Thị Khánh (Trung tâm Khoa học Xã hội & Nhân văn TP. HCM, Lược Sử 300 Năm Sài Gòn (1698-1998) , Nhà xb. Trẻ, 1999, tr. 36

Lại mục là gì? “Gọi chung giới thư ký tại các cơ quan. Các thư lại, thông lại, đề lại, là những người giúp việc cho các quan tại các bộ, nha, phủ, huyện đều gọi chung là lại mục. - Phủ lại mục: Thư ký tại các phủ, trật chánh cửu phẩm (9/1). - Huyện lại mục: Thư ký tại các huyện, trật tòng cửu phẩm (9/2)” (Võ Hương-An, Từ Điển Nhà Nguyễn, Nam Việt xuất bản, 2012, tr. 324). Trần Thanh Tâm trong Quan Chức Nhà Nguyễn cho biết thêm “Viên chức này có hàm Chánh cửu phẩm Văn ban. Sau này, ở huyện nhỏ, được coi



như Phó huyện. Trước ở huyện có chức Đề Lại, đến năm Minh Mệnh thứ 5, đổi Đề Lại làm Lại Mục.” (Nhà xb. Thuận Hóa, 2000, tr. 184).

Lần theo gia phả của Nguyễn Cửu Vân, bố của bà Thị Nghè, Đại Nam Nhất Thống Chí do Quốc Sử Quán Nhà Nguyễn biên soạn có ghi về vị danh tướng này như sau: “Con của Nguyễn Cửu Dực làm đến cai cơ, năm Ất Dậu đời Hiến Tông, Chân Lạp có nổi loạn, Vân đem quân dẹp yên được, đóng quân ở Vũng Cù, khai khẩn ruộng đất làm gương cho quân và dân, năm Tân Mão, thăng phó dinh Trấn Biên. Khi Vân ở biên thùy, người Chân Lạp theo phục, rất có công trong việc mở mang miền Nam. Con cả của Vân là Triêm, làm phó tướng, nối cha làm lưu thủ Trấn Biên, người Chân Lạp xâm nhiễu biên giới. Triêm làm giám quân dẹp yên...” (Nhà xuất bản Thuận Hóa, 1997, tr. 218). Qua đó chúng ta biết bà Thị Nghè là em của tướng Nguyễn Cửu Triêm mà có tư liệu cho biết người Lào sợ Nguyễn Cửu Triêm như cọp.

Dòng họ Nguyễn Cửu Vân vốn xuất phát từ Nguyễn Cửu Kiều gốc huyện Tống Sơn, Thanh Hóa, bắt phục họ Trịnh nên bỏ trốn vào miền Nam năm 1623, theo giúp chúa Nguyễn định cư ở Thuận Hóa, được vua nhà Nguyễn ban cho 4 chữ Nhất Gia Trung Nghĩa. Sử liệu không nêu rõ bà Nguyễn Thị Khánh thứ bậc như thế nào trong dòng họ vì ngày xưa theo chế độ “trọng nam khinh nữ” nên chỉ ghi “Bà Nghè” hay “Thị Nghè” mà thôi. Nói chung dòng họ Nguyễn Cửu Văn có rất nhiều công trạng trong việc mở mang Miền Nam, xây dựng đất nước. Con rạch Thị Nghè theo sử liệu Tây phương còn có tên là Arroyo de l’Avalanche là tên của chiến hạm Avalanche trong cuộc tấn công thành Sài Gòn ngày 16-2-1859.

Năm 1705, Nguyễn Cửu Vân nhận lệnh chúa Nguyễn đem quân lên Nam Vang đánh quân Xiêm thì con của ông là bà Nguyễn Thị Khánh (Thị Nghè) có thể chưa sinh ra hay còn thơ ấu. Như vậy danh tính bà đặt cho con rạch hay chiếc cầu tính đến nay cũng đã non bốn thế kỷ, và vùng Thị Nghè trải qua bao lớp sóng phé hưng từ khi Sài Gòn còn là vùng trú đóng của vị Phó vương Cao Miên trước năm 1698 khi Nguyễn Hữu Cảnh

kêu gọi dân vùng Ngũ Quảng tức Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức (Thừa Thiên) Quảng Nam, Quảng Ngãi vào khai khẩn Miền Nam mà dân theo ông gọi chung một tên là “dân Hai Huyện” trực thuộc phủ Gia Định từ xưa (Sơn Nam, Lịch sử khẩn hoang Miền Nam, Nhà xuất bản Xuân Thu, không có năm in, trang 23).

Viết về tỉnh Gia Định, Trịnh Hoài Đức đã cho chúng ta một hình ảnh rất quen thuộc mà vùng đất Thị Nghè cũng có những nét điển hình: “Đất Gia Định nhiều sông kinh, cù lao, bãi cát, nên trong 10 người đã có 9 người biết nghề lội bơi, chèo thuyền, lại ưa ăn mắm, ngày ăn ba bữa cơm mà ít khi ăn cháo.” (trang 12) Và ở trang 15: “Ở Gia Định chỗ nào cũng có ghe thuyền, hoặc dùng thuyền làm nhà ở hoặc để đi chợ, hay để đi thăm người thân thích, hoặc chở gạo củi đi buôn bán, rất tiện lợi, mà ghe thuyền chạt sông đêm ngày qua lại, sóng xuống liên tiếp cho nên nhiều khi đụng chạm nhau bị hư hại rồi sinh ra kiện cáo, hai bên đều đổ lỗi cho nhau, ai được ai mất, vẫn khó xử đoán cho đắc tình.” (Bản dịch của Tu Trai Nguyễn-Tạo, Nhà Văn Hóa Phủ Quốc Vụ Khanh, Sài Gòn, 1972).

Sông Thị Nghè tuy trên thực tế chỉ là một con rạch nhưng có vị trí chiến lược thuận lợi cho sự di chuyển và huấn luyện, phòng thủ của hải quân cho nên chính chúa Nguyễn Ánh sử dụng làm vị trí để đóng binh qua đoạn sử sau đây của nhà sử học Tạ Chí Đại Trường: “Nguyễn Ánh đóng binh ở rạch Thị Nghè trong khi Phạm văn Sâm dàn binh từ chợ Điều khiển đến chợ Khung dung chống cự. Ánh sai Võ Tánh đi vòng phía nam





đồng Tập trận thẳng tới bến Nghé để chặn đường lui quân. Hai bên giáp công, Sâm địch không nổi phải bỏ chạy. Quân Ánh ca khúc khải hoàn vào Sài Gòn ngày Đinh Dậu tháng 8 Mậu thân (7-9-1788.) (Tạ Chí Đại Trường, Lịch sử Nội chiến ở Việt nam từ 1771 đến 1802, Nhà xb. Văn Sử Học, 1973, trang 194)

Một nhà văn Miền Nam, cụ Vương Hồng Sển cho biết: “Sông Thị Nghè giáp với rạch Bến Nghé. Chỗ giáp nước là một cái thoi loi gie ra ngoài sông, phong cảnh rất đẹp, gió mát từ Ô Cấp thổi vào tư mùa. Người Pháp dựng tại đây một cột cờ tên gọi “cờ Thủ Ngữ” (mât des signaux). Sau đây vì có quán rượu trứ danh chiêu mộ anh hùng mặc khách rất đông nên bõm rượu bèn đặt tên rất khôi hài là “Mũi đất bõn tán dóc” (Pointe des Blagueurs). (Truy ra dưới thời Nam triều, chỗ này gọi là “trạm Gia Tân”:

Gia Tân nền tạm thuở xưa, Ngày nay có dựng cột cờ gần bên”. (Vương Hồng Sển, Sài Gòn Năm Xưa, trang 102).

Nói chung Thị Nghè không chỉ là con rạch, con sông mà còn chỉ một vùng đất rộng nằm về phía đông của thành Sài Gòn cũng gọi là Quy Thành hay Bát Giác Thành do Olivier de Puymanuel theo lệnh của Nguyễn Ánh xây ngày 4 tháng 2 năm Canh tuất (1790) tại chỗ gò cao thôn Tân-khai thuộc huyện Bình Dương (Trịnh Hoài Đức, Gia Định Thành Thông Chí, bản dịch Tu-Trai Nguyễn Tạo, Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa xuất bản, 1972, tập hạ, trang 74)

Vùng đất này là nơi định cư của người Việt, người Cao Miên, người Tàu trong nhiều thế kỷ

trước đây thuộc nhiều tôn giáo trong đó có người giáo dân Công Giáo Việt Nam từ miền Trung tiến vào để tránh các cuộc bắt đạo của vua chúa Triều Nguyễn, tìm đất đai xây dựng lại sống gần bốn thế kỷ nay.

Xét theo quan điểm chiến lược ngày xưa, vị trí Sài Gòn có được thế hiểm yếu, kiên cố. Học giả Vương Hồng Sển trong Sài Gòn Năm Xưa, có viết: “Nhờ đó ở trên gò trên nong, cao hơn mặt biển trên mười thước có hơn, Sài Gòn thêm có sẵn hai hào thiên nhiên che chở là sông Thị Nghè và sông Bến Nghé. Tuy vậy năm 1859, rạch Thị Nghè không đủ sức ngăn tàu sắt của Đề đốc Rigault de Genouilly và đã để cho tàu Pháp xáp cận thành...; nhưng bình nhứt nếu có phòng bị thả chông, nhận chìm xác ghe xác thuyền chở đá chẹn ở lòng sông cho thật nhiều, thì đủ ngăn sức giặc đường thủy một thời gian.” (trang 70

Chỉ một danh xưng Thị Nghè hay Bình Trị mà cũng đã đủ sức lôi kéo nhiều sự kiện có liên quan đến sinh hoạt quân sự, chính trị, kinh tế trong bốn trăm năm về trước của cha ông chúng ta, thí dụ chúa Nguyễn Ánh đã cho lập cơ sở đào tạo thủy quân ở vàm sông Bình Trị tức rạch Thị Nghè, phía bắc Quy Thành, chuyên lo đóng tàu, trại xưởng kéo dài đến ba dặm. Rồi nữa đến các chiến lũy và đây là công trình của Nguyễn Cửu Đàm, anh của bà Thị Nghè. Cả bốn chiến lũy có tên lũy Trảo Trảo (xây năm 1790 ở huyện Bình An, lũy Sông Ký (tổng Long Thành, 1777), lũy Bình Lý (tổng Bình Dương, ) lũy Bán Bích do Điều Khiển Nguyễn Cửu Đàm cho xây. Lũy đắp từ chùa Cây Mai vòng qua đồng Tập Trận tới kênh Nhiều Lộc, theo đường sông xuống rạch Thị Nghè và chấm dứt ở cầu Cao Miên (cầu Bông) (Lược Sử 300 Năm Sài Gòn, trang 30).

Kế hoạch thoát nước cho vùng cư dân mới Sài Gòn cũng được viện dẫn đến con rạch và vùng đất mang tên Thị Nghè. Cũng tư liệu vừa dẫn ở trên cho biết: “Bấy giờ trong thành phố còn nhiều kinh rạch và ao tù, ảnh hưởng xấu tới môi trường. Do đó, năm 1867, Thiếu tá kỹ sư Bovet, với tư cách là hội viên hội đồng thành phố, đề xuất kế hoạch đào ba con đường thoát lưu để tống nước ra sông. Đó là kinh Gallimard đào từ

giữa thành phố, song song với đường Isabelle II (Lê Thánh Tông) để nước chảy ra rạch Thị Nghè, kinh Lớn (Grand Canal) nối sông Sài Gòn với kinh Gallimard, kinh Arroyo phía cuối đường Pellerin, nối một đầu với kinh Gallimard và đầu kia ra rạch Bến Nghé. Hai mươi năm sau, vì nhà cửa, dân số tăng nhanh, các con kinh này trở nên vô dụng, chẳng những không thoát được nước, mà còn làm mất vệ sinh, mùi hôi thối không chịu được vào mùa nắng khi triều xuống, chúng đều lần lượt bị lấp bằng và biến thành đường.” (Lược sử 300 Năm Sài Gòn, trang 90).

Nói chung vùng Thị Nghè là một chiến trường khốc liệt từng chứng kiến cuộc đọ sức của nhiều thế lực quân sự giữa người Việt với người Cao Miên, giữa Nguyễn Ánh với quân Tây Sơn, giữa quân Pháp xâm lược và người Việt Nam kiên cường bất khuất và nay nữa ít nhiều đang còn diễn ra trận chiến giữa công lý và cường quyền thể hiện qua việc giáo xứ Thị Nghè bị chiếm đoạt đất đai tài sản.

Thêm nữa, vùng đất lịch sử Thị Nghè thuộc tỉnh Gia Định lại cũng là nơi trú chân hoặc nương náu của các vị Thừa sai Công Giáo suốt hơn bốn trăm năm qua với những cơ sở tinh thần cũng như vật chất còn tồn tại cho đến ngày nay.

## 2.- Dấu tích đạo Công Giáo trên vùng đất Thị Nghè.

Một đại thần của Nguyễn Ánh, người Minh Hương, Trịnh Hoài Đức (1765-1825) đã ghi lại trong tác phẩm nổi tiếng của ông, cũng không quên tình cảnh người Công Giáo bị cấm đạo như sau: “Mùa thu năm Kỷ-mão (1699) tra bắt



đạo Hòa-lang (tức đạo Thiên Chúa ở Tây-dương) phạm những người thuộc về dân nước ta thì bắt bỏ đạo trở lại như người thường, đốt những sách đạo và lấy những chỗ nhà tu đạo làm nhà thường dân ở, còn người Tây-dương thì đuổi về nước của họ. (Trịnh Hoài Đức, Gia Định Thành Thông Chí, tập trung, trang 12).

Theo cuốn Niên giám 2016 của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, “Từ giữa thế kỷ XVII, đã có những giáo dân sống tại vùng đất Giáo phận Sài Gòn. Khi chúa Nguyễn cấm đạo, một số tín hữu di tản vào Nam để làm ăn sinh sống, họ hợp thành những cộng đoàn tín hữu đầu tiên, tập trung tại Chợ Quán, Gia Định, Lái Thiêu... Ngày 9/9/1659, ĐGH Alexandre VII thiết lập hai giáo phận Đàng Ngoài và Đàng Trong. Trải dài 185 năm trước ngày thành lập Giáo phận Tây Đàng Trong, giáo dân tại đây được sự hướng dẫn của 10 Giám mục Đại diện Tông tòa, cùng với 8 giám mục phó. Năm 1698, khi chúa Nguyễn cử Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào Sài Gòn, có thêm nhiều tín hữu di cư vào Nam. Năm 1722, thừa sai José Garcia dòng Phanxicô đã lập thêm nhiều họ đạo mới từ Sài Gòn đến Lái Thiêu, Mỹ Tho và Hà Tiên... Đức cha Guillaume Piguel nhiều lần lui tới các vùng Chợ Quán và Đồng Nai để ban bí tích Thêm Sức. Trên địa bàn sau này là Giáo phận Tây Đàng Trong, năm 1747, tổng số giáo dân mới khoảng 5.500 người. Đến cuối thế kỷ, số tín hữu đã là 87.297 sinh sống trong 1.024 giáo điểm. Những cơ sở tôn giáo được thiết lập thời Giáo phận Đàng Trong còn tồn tại đến nay là họ đạo Chợ Quán (1720), họ đạo Chí Hòa (1771), Thị Nghè (1790), dòng Mến Thánh Giá Cái Nhum (1800), dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm (1840) (Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, Giáo Hội Công Giáo Việt Nam Niên Giám 2016, Nhà xuất bản Tôn Giáo, 2017, trang 818-819.)

Trong cuốn Lược Sử 300 Năm Sài Gòn Thành Phố Hồ Chí Minh (1698-1998) , Trung Tâm Khoa Học Xã Hội & Nhân Văn TP HCM dựa theo sách Sài Gòn Năm Xưa của Vương Hồng Sển tham chiếu từ các tài liệu trong sách Indochine Moderne của hai ông Testeron và Percheron cho chúng ta những con số cụ thể như sau: “Số người

theo đạo Thiên Chúa tại Sài Gòn và vùng phụ cận gồm xóm Thị Nghè, xóm Chợ Quán, và Xóm Chiếu, tính vào ngày Sài Gòn bị binh Pháp chiếm (11-2-1859) có 27.000 tín đồ. Lúc đó chưa có giáo khu Sài Gòn biệt lập. Trong số 27.000 tín đồ này có 5.000 tín đồ từ Đà Nẵng theo tàu chiến của Pháp đổ bộ lên vùng Khánh Hội và lập thành làng Tam Hội thuộc họ Xóm Chiếu.”

Có một vài điểm cần nói rõ do đoạn văn ở trên gợi ý. Về thời điểm binh lính Pháp dưới quyền điều động của Đề đốc Rigault de Genouilly tấn công thành Sài Gòn là ngày 16 và 17 tháng 2 năm 1859 chứ không phải 11-2-1859.

Về việc “5.000 tín đồ từ Đà Nẵng theo tàu chiến Pháp đổ bộ lên vùng Khánh Hội và lập thành làng Tam Hội thuộc họ Xóm Chiếu” dính líu tới công cuộc Nam tiến nói chung mà có sử liệu cho rằng đó là do Đức Giám Mục Lefèbvre tên Việt là Ngãi, Giám Mục Giáo Phận Tây Đàng Trong thực hiện.

Viết về một số các gia đình trong cuộc Nam tiến, Tiến Sĩ Li Tana có những lưu ý khá đặc biệt như sau: “Không có mấy gia đình đã thẳng từ phía bắc đi sâu xuống phía nam. Trường hợp điển hình của cuộc di dân có lẽ là gia đình của Đoàn Hữu Trưng (người cầm đầu cuộc nổi dậy năm 1866) thuộc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên. Theo gia phả của dòng họ này thì tổ tiên của họ hồi đầu vào thời nhà Lê đã từ Thanh Hóa hay Nghệ An đi xuống phía nam. Thoạt tiên, họ tới Quảng Bình và thành lập một làng có tên là Chuồn và dừng lại ở đây một “thời gian dài”. Đoàn họ đi tiếp xuống phía nam tới Thừa Thiên. Ngôi làng họ lập nên ở đây có tên là Chuồn Ngọn và làng Chuồn ở Quảng Bình được đặt tên lại là Chuồn gốc. (Danh nhân Bình trị Thiên, quyển 1, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1986, trg. 128-129). (Li Tana, *The Inner Region: A Social and Economic History of Nguyen Vietnam in seventeenth and eighteenth centuries*, bản dịch của Nguyễn Nghị có tựa đề *Xứ Đàng Trong, Lịch sử Kinh tế - Xã hội Việt Nam Thế kỷ 17 và 18*, Nxb. Trẻ, 1999, trang 33).

Có nhiều lý do khiến dân chúng Việt Nam thuộc đủ mọi thành phần có mặt trong các cuộc



Nam tiến như Li Tana phân tích dưới đây: “Miền nam luôn là mảnh đất của những giấc mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn, là một ngõ thoát đối với người Việt thời bấy giờ. Qua việc so sánh Đại Nam Liệt Truyện Tiên Biên và Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện Sơ Tập, chúng ta có thể thấy rằng các thành phần nòng cốt của chính quyền chúa Nguyễn phần lớn xuất thân từ Thanh Hóa, trái lại, các thành phần nòng cốt của chính quyền Gia Long lại là những người thuộc các gia đình đi từ miền Trung xuống phía nam. Ngay cả hoàng tộc Lê, một gia đình có lẽ không đuổi theo giấc mộng nói trên, cũng đã tham dự vào cuộc Nam tiến này mà không hay. Vào năm 1833, sau cuộc nổi dậy của Lê Duy Lương, Minh Mạng truyền đưa họ từ Thanh Hóa tới Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định, tới sống tại một nơi lưu đày hiu quạnh, ở đó họ còn bị cấm không được liên lạc với nhau. Nhà ngữ học Việt Nam Lê Ngọc Trụ, chẳng hạn, thuộc dòng họ đã bị chỉ định nơi cư trú này.” (Li Tana, *Sách đã dẫn*, trang 34)

Một nhà Việt Nam học nổi tiếng, Linh Mục Léopold-Michel Cadière (1869-1955) giáo dân Việt Nam thường gọi là Cố Cả, đã viết về người dân Quảng Bình mà tổ tiên họ vốn là những người nghe lời kêu gọi của Nguyễn Hữu Cảnh trong cuộc Nam tiến năm 1698, như sau: “Tôi ở Quảng Bình hơn bảy năm, đã đi khắp tỉnh này nhiều lần từ nam chí bắc, tôi đã nghiên cứu lịch sử nơi này. Tôi thương mến người dân nơi đây vốn có những phong tục phần nào thô phác như tiếng nói của họ. Chắc chắn mọi người sẽ tha thứ cho tôi khi tôi đã chỉ ra các vùng đất rất ích lợi cho

tôi về phương diện sử học.” (Les lieux historiques du Quang-Binh, BEFEO, No 3, 1903, trang 204-205).

Về cá tính của những người dân Ngũ Quảng đã có mặt khắp nơi trong miền Lục Tỉnh (dĩ nhiên kể cả vùng đất Thị Nghè mà con cháu của họ hiện đang có mặt nơi đây), sử gia Trần Văn Giàu đã viết những dòng lột tả được bản sắc của họ như sau: “Quá nhiều rừng rú bưng biền, đường bộ ít, sông ngòi chằng chịt, người bất tuân luật pháp triều đình để đi lại ẩn náu ngay sát vách thành Gia Định, đừng nói đâu xa. Vả chăng, ông bà người dân lục tỉnh đã vào sinh sống ở đây, “đọc ngang nào biết trên đầu có ai” trước khi chúa Nguyễn đưa quan quân vào đặt bộ máy cai trị, còn cha anh họ thì đã từng ủng hộ vua Tây Sơn Nguyễn Huệ bốn lần vào Nam đánh chúa Nguyễn đến không còn manh giáp. Họ tiếp nối tinh thần của cha ông thì có lạ gì? Làng ấp của họ không tập trung như ở Trung, Bắc mà rải dài theo sông rạch, mỗi nhà là một vương tre, sự ràng buộc giữa dân với quan, cả giữa dân với dân, cũng đều không chặt chẽ. Họ nguyên là con em hoặc chính họ là dân “tứ chiếng” từ những tỉnh, phủ, xã khác nhau, chủ yếu từ những vùng đã nổi tiếng hay cãi, hay co, vũ dũng có thừa, mạnh ai nấy vượt biển băng ngàn đến tập hợp trên đồng bằng cực kỳ trù phú này, đem theo mình nhiều chất phiêu lưu mạo hiểm tự do mà ít chất thuần phục quyền uy phong kiến, càng ít sự ràng buộc lễ giáo đạo đức Khổng Mạnh; nhưng giữa họ với nhau, tình huynh đệ giang hồ nghĩa hiệp là một thực tế lắm khi cao cả, chớ có khinh thường. Người dân đồng bằng sông Cửu Long - Đồng Nai vốn chân thật, trung tín, cởi mở, bộc trực, tình cảm (lắm khi có tính chất nguyên thủy), xử sự với người ngay một cách không suy tính thiệt hơn. Họ cũng đòi hỏi kẻ khác phải như vậy đối với họ.” (Trần Văn Giàu, Xưa & Nay, 10/97, Nam Bộ Xưa & Nay, Nhà xb TP. Hồ Chí Minh - Tạp chí Xưa & Nay, trang 160).

Câu nói được sử gia Trần Văn Giàu nhắc đến trong bài viết của ông nói lên cách thức người dân Nam Bộ làm ăn trên vùng đất mới đó là: “Nhất canh trì, nhì canh viên, tam canh điền” chẳng những tổng kết sự làm ăn, mà còn chỉ lối thoát cho nông dân: không ruộng thì làm vườn,



thiếu vườn thì đào đìa nuôi cá; làm vườn hơn làm ruộng, đào đìa nuôi cá hơn làm vườn, bề nào cũng có cách sống được. Những người tự mình đem cha mẹ vợ con vào sinh cơ lập nghiệp thì trở thành trung nông với năm mười mẫu, ba bảy con trâu là thường sự.” (Tài liệu đã dẫn, trang 160).

Trong tác phẩm Giám Mục Người Nước Ngoài Qua Chặng Đường 1659-1975 Với Các Giáo Phận Việt Nam, của Lê Ngọc Bích (chủ biên), Lê Đình Bảng và Lê Thiện Sĩ, người ta đọc thấy những dòng viết về các vị Thừa sai ngoại quốc như sau: “Mỗi khi đi qua các vùng, miền đạo, bước chân ta chạm vào từng di sản như còn ấm hơi thở, máu thịt của các ngài. Công trình gieo vãi hạt giống Tin Mừng vẫn không ngừng đơm hoa kết trái: trong nề nếp nghi thức, lễ lạy, kinh nguyện của phụng tự; trong hồn xác của lời lẽ có dung chứa gọi mở của ngôn ngữ văn tự; trong quy hoạch, bài trí của kiến trúc, sinh hoạt; trong hiện vật, chuyện kể, trong nghề nghiệp, thời vụ mùa màng; và cả trong vòng đời sinh ký tử quy “Hic jacet. R.I.P”; từ Kẻ Chợ (Thăng Long), Kẻ Sặt, Châu Lào, Trà Lũ, Kiên Lao, Kẻ Nê, Cửa Bạng, Thần Phù, Kẻ Vân, Cửa Nam, Xứ Xoài, Xã Đoài (Đàng Ngoài) đến Phú Xuân, Phường Đức, Dương Sơn, Gò Thị, Phú Yên, Trạm Gò, Đồng Dài, Hải Phố, Phan Rí, La Gi, Gia Định, Cần Giờ, Tân Triều, Cái Môn, Cái Nhum, Ba Giồng, Lái Thiêu, Di Linh, Dầu Nước, Hà Tiên (Đàng Trong)...

**Ơi, miền đất mở trong vùng tâm bão**

**Di sản đức tin - văn hóa - con người**

**Mỗi bậc tầng đều ngọn ngọn sinh sôi**

**Mỗi bước chân như chạm vào tâm thức**



Thì ra, các ngài đã lìa bỏ tất cả những gì ràng buộc thân yêu nhất của mình \* quê hương, gia đình, phong tục, văn hóa, ngôn ngữ - để học ăn, học nói, học gói, học mở, để đồng sinh đồng tử với người tín hữu Việt Nam.” (Nhà xb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2009, trang 22).

Vùng đất Thị Nghè là nơi bước chân các vị Thừa sai như Giám Mục Bá Đa Lộc (Pigneaux de Béhaine), Giám Mục Lefèbvre, Giám Mục Taberd, Giám Mục Cassaigne... và biết bao vị Thừa sai khác đã đặt chân tới, đã sống và đã chết tại đây. Các ngài đã để lại biết bao công trình về tôn giáo, xã hội, văn hóa, lịch sử, hy sinh cho người giáo dân Việt Nam nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung.

Đạo Công Giáo được phát triển bành trướng ở đâu thì cơ sở thánh đường, trường học, nhà thương, nhà dưỡng lão, nhà dục anh được xây dựng nơi đó. Tác giả Nguyễn Hương Nguyễn Cúc cho biết: “Bên kia rạch Thị Nghè, gần nhà Dưỡng Lão ngày trước có nghĩa địa thuộc họ đạo Thị Nghè, gọi là Đất Thánh. Đất ‘thánh vì đây là nghĩa địa của người Công Giáo. Gia Định có đất thánh “ta”, Sài gòn có đất thánh Tây (nghĩa địa đô thành sau này) tính từ “Tây” do dân chúng đặt thêm. Sài gòn thuộc địa Tây Ta phân biệt rõ ràng!” (Nguyễn Hương Nguyễn Cúc, Saigon 300 Năm Cũ, Tiếng Sông Hương xb., 1999, trang 210).

“Vì sự vinh quang cao cả của Thiên Chúa” (Ad majorem gloriam Dei), đó là câu trích trong linh đạo của đấng sáng lập Dòng Tên, Thánh I-nha-xi-ô Loyola cũng đã được nhiều vị Thừa sai áp dụng cho đường lối làm việc của mình. Sau

đây xin đọc tiếp những lời tường thuật về một tấm gương thừa sai sáng chói tinh thần hy sinh cao cả của một vị Giám Mục thuộc giáo phận Tây Đàng Trong ở đó có giáo xứ Thị Nghè vốn là một trong những địa điểm thường trú của ngài: “Một tội nhân mang án tử hình của triều đình Huế, một giáo sĩ trọn đời với lý tưởng rao giảng tin lành đến mọi người, mọi dân tộc: Giám mục Dominique Lefèbvre.

Bị biệt giam tại lao Trấn phủ Huế chờ ngày lãnh án tử hình may nhờ đô đốc Cécille, chỉ huy hạm đội Pháp tại Biển Trung Hoa, kịp thời can thiệp. Mùa hè năm 1845 giám mục Lefèbvre được vua Thiệu Trị trả tự do, cho người dẫn độ về Tân Gia Ba.

Gần một năm sau, ngày 23-5-1846 cũng lại vị giáo sĩ ấy từ Tân Gia Ba bằng ghe buồm mong manh vượt biển trở lại Nam Kỳ. Vừa cập bến Cần Giờ liền bị bắt giải ra Huế, lại bị kết án tử hình. May mắn hơn, lần này được lệnh ân xá và áp tải trở về Tân Gia Ba tháng 2 năm 1847; lại trở qua Gia Định lần nữa, vào giữa năm 1847. Định mệnh an bài linh mục D. Lefèbvre với giáo hữu Sài gòn. Trong cơn bắt đạo nguy khốn nhất vào thời điểm khó khăn nhất của giáo hội Đàng Trong, người tử tù trước đây là Dominique Lefèbvre theo lệnh bề trên nhận lãnh trách nhiệm giám mục đại diện Tông Tòa địa phận Sài gòn (1852-1865) vừa tách khỏi địa phận Nam Đàng Trong.

Gọi địa phận cho đầy đủ nghi thức trang trọng một tổ chức trần thế như chúng ta quan niệm ngày nay, thực ra một cộng đồng giáo hữu mấy ngàn người phiêu bạt đó đây vì lệnh cấm đạo khắc nghiệt kéo dài triền miên. Khi trốn tránh ngược xuôi Khánh Hội, Thủ Thiêm, Thị Nghè, Chợ Quán, khi bồng bênh bè trôi nước lũ hết Thủ Thiêm đến Xóm Củi, Tân Triều qua Đất Đỏ... Không có thánh đường, nhà nguyện, nhà cha sở; 19 linh mục trong đó có ba linh mục thừa sai Pháp ẩn náu khắp nơi, hoàn cảnh sống chết còn bấp bênh nguy hiểm hơn giáo hữu nhiều bề. Tòa Giám Mục lưu động là một chiếc ghe nhỏ do một người giáo dân lèo lái cũng nổi trôi phiêu dạt nay đây mai đó. Thầy trò ẩn hiện ngày đêm bất thường tùy theo cường độ tăng giảm việc bắt đạo tại các địa phương.



Tình hình tạm lắng dịu năm 1861-1862, đoàn chiên lạc lõng tan tác khắp nơi nay gọi nhau về Khánh Hội - Tân Thuận. Không bao lâu sau, một số đông quay về Chợ Sỏi, vùng định cư mới do nhà nước tân trào chỉ định. Dưới bóng cây thánh giá che chở an lành, gia đình thôn xóm đoàn tụ với tiếng cầu kinh, tiếng chuông thánh đường sớm hôm vọng lại. Các họ đạo Thị Nghè, Chợ Quán, Cầu Kho, Xóm Chiếu rồi Tân Định, Chợ Đũi, Chợ Đệm, Cầu Ngang lần hồi mở mang thân hòa hội ngộ.” (Nguyên Hương Nguyễn Cúc, Sđd, trang 358).

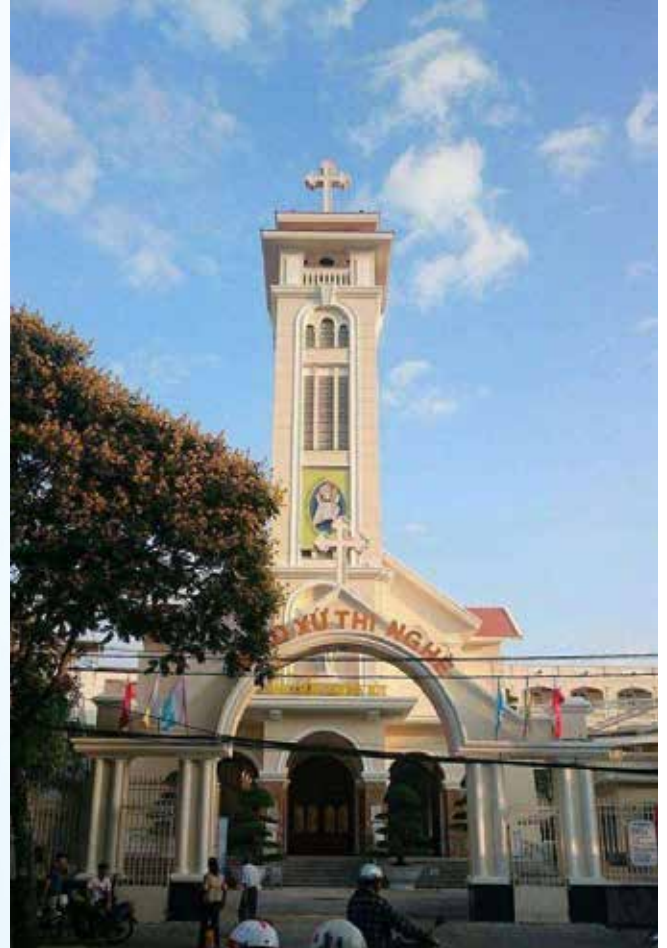
Đức Cha Lefèbvre bắt kịp thời cơ khi việc cấm đạo lắng dịu lại đôi chút. Cuối năm 1860 ngài cho đặt Tòa Giám mục tại ngôi nhà Tân Xá gần rạch Thị Nghè (trong Thảo Cầm viên ngày nay), lập chủng viện Thị Nghè năm 1861 sau chuyển qua Xóm Chiếu, xây cất nhà thờ Sài Gòn bằng gỗ, xây cất cơ sở nhà dòng Thánh Phaolô, lập cô nhi viện Sainte Enfance ở Mỹ Tho, lập dòng kín Cát Minh tại Sài Gòn ngày 8-10-1861. Tâm hồn Ngài rất mực công chính, ghét những cảnh đời bại do các đồng hương Pháp trong quân đội viễn chinh đồn trú ở Sài Gòn gây nên. Nhìn những cảnh sống xấu xa, sa đọa trong một vài giáo xứ, thí dụ Xóm Chiếu, Đức Cha than thở: “Roi đòn gươm giáo có thể nghiền nát thân thể nhưng làm cho tâm hồn mạnh mẽ và trong sạch, thời kỳ ấy đã nung đúc các thiếu nữ Việt Nam trở nên anh hùng tử đạo chứ đâu làm cho họ trở thành những gái điếm như lúc họ núp dưới bóng cờ tam tài của quân đội Pháp” . (Lê Ngọc Bích, Lê Đình Bảng, Lê Thiện Sĩ, Sách đã dẫn, trang 119).

Một trong những văn sĩ Công Giáo nổi tiếng, Tertullien (155-222) gốc người Phi châu, trong tác phẩm lừng danh “Hộ Giáo” (Apologeticus) “đã tố cáo thái độ bất công của nhiều chính quyền đối với đạo Công Giáo đã giải thích và bảo vệ các giáo lý và tập tục của người Công Giáo...Nhà văn này từng nói rằng ‘chúng tôi càng được nhân lên gấp bội mỗi lần một người trong chúng tôi bị đốn ngã. Máu của người Công Giáo là hạt giống luôn nảy sinh người có đạo’ [semen est sanguis christianorum]” (Đức Giáo Hoàng Benedict XVI, Great Christian Thinkers from the early Church through the Middle Ages,

Fortress Press, Minneapolis, 2011, trang 26).

Dưới ngòi bút của một sử gia Công Giáo hiện còn sống ở Sài Gòn, Linh mục Vinhson Bùi Đức Sinh O.P., M.A., cuộc đời của một vị thánh tử đạo thuộc giáo xứ Thị Nghè, Thánh Phaolô Lê Văn Lộc (1830-1859) Linh mục, được ghi lại như sau: “Khi Pháp quân tiến đánh đất Sài Gòn, các quan lùng bắt các linh mục và giáo dân, tập trung tất cả trong thành. Số tập trung có linh mục trẻ tuổi tên Phaolô Lộc, người bị bắt ở Thị Nghè ngày 13.12.1858. Lê Văn Lộc sinh năm 1830 tại làng An Nhơn, tỉnh Gia Định, trong một gia đình đạo đức. Mồ côi cha mẹ từ năm 10 tuổi, cậu Lộc được cha sở nhận nuôi và cho theo học chủng viện Cái Nhum 2 năm. Năm 1843, Đức cha Lefèbvre Ngãi gửi cậu sang Pénang học thần học. Cậu được các giáo sư viết thư về Đức Giám Mục địa phận, khen là “người có tương lai đầy hứa hẹn”.

Trở về nước, thầy Phaolô tận tụy giảng dạy giáo lý và phụ trách việc huấn luyện các chủng sinh. Ngày 7.2.1857, thầy được Đức cha Ngãi truyền chức linh mục và bổ nhiệm làm giám đốc



Tiểu chủng viện Thánh Giuse Thị Nghè. Ngoài việc chăm sóc, giảng dạy các chủng sinh, cha Lộc vẫn cố gắng thu xếp những giờ làm công tác mục vụ, bác ái. Trong tình thế khó khăn thời vua Tự Đức, nhiều quan chức ác cảm với đạo Chúa, cha Lộc vẫn hăng say làm việc, duy trì chủng viện. Những cuộc binh biến ở Cửa Hàn hồi giữa năm 1858, khiến cuộc bách hại lên cơn sốt, chủng viện Thị Nghè phải giải tán, cha con ngậm ngùi chia tay. Tuy nhiên, cha Lộc vẫn cố nán lại Sài Gòn nay đây mai đó, sống giữa các chủng sinh tản mác bơ vơ. Cuối năm 1858, cha Lộc đến tạm trú ở nhà một cựu chủng sinh (thầy giáo Ngôn). Dẫu khó khăn nguy hiểm, cha tìm cách tiếp tế cho các chủng sinh bị lưu lạc. Việc đó đưa cha vào vòng lao lý: một phụ nữ ngoại giáo nhận diện cha, đi trình báo quan. Lính liền đến bao vây, lục xét và bắt được cha. Khi bị bắt, cha Lộc khéo léo đối đáp, nên các quan đối xử với cha cách tử tế, còn có ý định tha nếu cha chối đạo. Trước ngày Pháp quân chiếm Sài Gòn (18.2.1859), các quan cấp tốc tâu vua xin trăm quyết đạo trưởng Lê Văn Lộc. Ngày 13.2.1859, cha Phaolô Lê Văn Lộc bị điệu đến Tràng Thi (góc đường Hai Bà Trưng - Hồng Thập Tự sau này), và bị hành quyết tại đó. Phải chờ đến đêm, giáo hữu mới lén lút đưa thi hài vị tử đạo (còn bị trói ở cột) về mai táng ở Chợ Quán, sau được cải lên đưa về nữ tu viện dòng Thánh Phaolô Sài Gòn. Hiện nay hài cốt đáng tử đạo được tôn kính trong vương cung thánh đường Sài Gòn.” (Bùi Đức Sinh, Các Thánh Tử Đạo Việt Nam trong Lịch sử Giáo Hội Công Giáo, San Jose, California, USA, 2010, trang 266-268).

## Lời kết

Trong sách I Vua của bộ Cựu Ước được kể như là một cuốn sách lịch sử có thuật lại câu chuyện “Vườn nho của ông Na-vốt”. Ông Na-vốt có một vườn nho ở cạnh vườn rau của vua A-kháp. Vua này nằng nặc đòi ông Na-Vốt nhượng lại vườn nho cho mình nhưng Na-vốt không chịu, ông trả lời vua: “Xin ĐỨC CHÚA đừng để tôi nhượng gia sản của tổ tiên tôi cho ngài.” Hoàng hậu I-de-ven, vợ vua A-kháp lập mưu chiếm cho được vườn nho bằng cách sai hai tên vô lại vu cáo

Na-vốt tội nguyên rửa ĐỨC CHÚA và đức vua. Na-Vốt bị ném đá chết và vườn nho thuộc về nhà vua. ĐỨC CHÚA gửi ngôn sứ Ê-li-a đến gặp vua A-kháp và lên án: “Tại chính nơi chó đã liếm máu Na-vốt, thì chó cũng sẽ liếm máu người.” ĐỨC CHÚA cũng tuyên án phạt I-de-ven rằng: “Chó sẽ ăn thịt I-de-ven trong cánh đồng Gít-rơ-en. Kẻ nào thuộc về A-kháp mà chết trong thành thì sẽ bị chó ăn thịt, người chết ngoài đồng sẽ bị chim trời rĩa thây.” Sách I Vua sau đó kể tiếp khi A-kháp chết “Họ đưa vua về Sa-ma-ri và chôn cất vua tại đó. Người ta xối nước rửa xe, cạnh hồ nước ở Sa-ma-ri; chó liếm máu vua và gái điếm tắm rửa và gái điếm tắm trong hồ ấy, đúng như lời ĐỨC CHÚA đã phán.” (Nhóm phiên dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, Kinh Thánh Trọn Bộ Cựu Ước Và Tân Ước, Nhà xb. TP. HCM, 1999, trang 398-401). Cái chết của Hoàng hậu I-de-ven còn rùng rợn vì bà bị quăng từ trên lầu xuống đất, được đem chôn nhưng chỉ tìm thấy cái sọ, hai chân và hai bàn tay của bà. Họ về báo tin cho ông Giê-hu. Ông nói: “Đây là lời ĐỨC CHÚA đã dùng tôi trung Người là ông Ê-li-a, người Tít-be, mà phán: “Trong thửa đất Gít-rơ-en, chó sẽ ăn thịt I-de-ven. Xác I-de-ven sẽ ra như phân trên mặt đồng ruộng, trong thửa đất Gít-rơ-en, khiến người ta không thể nói được: Đó là I-de-ven!” ( Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, Sách đã dẫn, trang 414).

Đối với việc Giáo xứ Thị Nghè bị cướp đất qua vụ hai cơ sở Trường Phước An, cũng như vườn nho Na-vốt là của tổ tiên ông nên ông không được nhượng lại cho nhà vua, nên nhà vua phải dùng bạo lực và quyền hạn mà cướp cho được. Kết quả là cái chết nhãn tiền của A-kháp và I-de-ven, vợ ông. Đất đai của Trường Phước An cũng là của tổ tiên những giáo dân Giáo xứ Thị Nghè đã đổ xương máu, mồ hôi nước mắt trong gần bốn trăm năm mới có, đó là sở hữu của Nhà Chung, thử hỏi ai mà có quyền nhượng lại? Những kẻ đang manh tâm muốn dùng bạo lực để cướp đất đai Giáo xứ Thị Nghè cùng các nơi khác, hãy học lấy bài học đó.

**Nguyễn Đức Cung**

*Philadelphia August 18-2020*

# Tin Việt Nam

## Tín đồ Việt Nam cầu nguyện cho các nạn nhân bị bạo hành vì tôn giáo hay niềm tin

VOA Tiếng Việt



**Đan viện Thiên An, Thừa Thiên Huế.**

**Photo Facebook BPSOS Vietnam Advocacy**

Các tín đồ thuộc các tôn giáo khác nhau ở Việt Nam vừa tổ chức buổi cầu nguyện cho các nạn nhân bị bạo hành vì tôn giáo hay niềm tin. Ngày 28/5/2019, Đại Hội đồng LHQ thông qua quyết định lấy ngày 22/8 hàng năm làm Ngày Quốc tế Tưởng niệm các Nạn nhân bị Bạo hành vì Lý do Tôn giáo hay Niềm tin.

Hòa thượng Thích Thiện Minh ở thành phố Hồ Chí Minh, thành viên của Tăng đoàn Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, người từng bị chính quyền Việt Nam giam cầm 26 năm tù, chia sẻ với VOA về buổi lễ được tổ chức ở thiền thất tư gia: “Chúng tôi và quý Phật tử rất nhiệt tình hưởng ứng cho Ngày tưởng niệm này, mặc dầu buổi lễ không được đông lắm vì dịch bệnh COVID-19.

“Chúng tôi cũng có nhã ý kêu gọi đồng bào Phật tử trong và ngoài nước cùng nhau hưởng ứng lời kêu gọi này, cũng như liên thông cùng với quý chức sắc của các tôn giáo khác để cầu nguyện chung trên khắp mọi miền đất nước.”

Hòa thượng Thích Thiện Minh nêu ước nguyện thông qua Ngày tưởng niệm năm nay:

“Chúng tôi có ước muốn kêu gọi các nhà lãnh đạo trên khắp thế giới, những quốc gia cầm quyền độc tài, độc đoán, có hành động bạo ngược, áp bức, bách hại...hãy nên suy xét lại, để quay về với nẻo thiện, gột sạch tư tưởng bất lành để dân sinh có quyền tự do tôn giáo và niềm tin.”

Từ Thừa Thiên Huế, Linh mục Andrew Nguyễn An Dũng thuộc dòng Biển Đức phát biểu tại lễ cầu nguyện trực tuyến Tưởng niệm các Nạn nhân bị Bạo hành vì Lý do Tôn giáo hay Niềm tin hôm 23/8 do BPSOS tổ chức.

“Trên thế giới vẫn còn nhiều nước có các vị lãnh đạo sống trong ốc đảo của sự hận thù, độc tài và gian dối.

“Tại Việt Nam, chính quyền đã thuê côn đồ đánh chiếm đất đai thuộc sở hữu của Đan viện Thiên An, Huế. Họ đóng cọc, làm rào, chửi rủa, xúc phạm đến các đan sĩ.

Từ thủ đô Washington DC, Tiến sĩ James



**USCIRF ra thông cáo bảo trợ cho nhà hoạt động Nguyễn Bắc Truyển. Photo USCIRF**

Carr, Ủy viên của Ủy Hội Hoa Kỳ về Tự do Tôn giáo Quốc tế (USCIRF), góp lời cầu nguyện tại buổi cầu nguyện chung trực tuyến, dành lời cầu nguyện cho Đan Viện Thiên An, và các tù nhân lương tâm tôn giáo Việt Nam. Ông Carr phát biểu qua lời của người phiên dịch:

“Tôi muốn chúng ta dùng dịp này cùng nhấn

mạnh mẽ điều rằng cho dù chúng ta đến từ khắp nơi trên thế giới với nhiều tôn giáo khác nhau, nhưng quyền tự do tôn giáo thuộc về tất cả mọi người.

“Tôi và đồng nghiệp của tôi cùng đang làm việc để củng cố quyền tự do tôn giáo tại Việt Nam. Việt Nam có số tù nhân lương tâm vì tôn giáo cao.

“Chúng tôi cũng rất quan tâm đến sự việc xảy ra tại Đan viện Thiên An.”

Ông Carr và một ủy viên khác ở USCIRF đang bảo trợ cho tù nhân tôn giáo A Đào và Nguyễn Bắc Truyển.

Từ thành phố Hồ Chí Minh, bà Bùi Thị Kim Phượng, một tín đồ Hòa Hảo và là vợ của tù nhân lương tâm Nguyễn Bắc Truyển, phát biểu:

“Chồng tôi là người bảo vệ quyền tự do tôn giáo, hỗ trợ cho các tôn giáo thiểu số bị bách hại. Chính vì vậy, vợ chồng tôi đã bị trả thù, nhiều lần bị tấn công, hành hung bằng bạo lực...Chồng tôi bị kết án 11 năm tù giam và 3 năm quản thúc với tội danh vu cáo.

“Nhân dịp Ngày tưởng niệm Nạn nhân bị bạo hành vì Tôn giáo và Niềm tin do LHQ khởi xướng, tôi kính mong mọi người cùng hiệp thông dâng lời cầu nguyện cho chồng tôi và các tín đồ của Phật giáo Hòa Hảo như Bùi Văn Trung, Bùi Văn Tâm, Nguyễn Hoàng Nam, Lê Thị Hồng Hạnh và các nạn nhân tôn giáo khác.”

Từ Thành Phố Raleigh, North Carolina, mục

**Các Tín hữu Cao Đài Thủ Thiêm kỷ niệm Ngày Quốc tế dành cho các Nạn nhân bị Bạo hành vì Lý do Tôn giáo hay Niềm tin.**



sư Tin lành A Ga phát biểu tại lễ cầu nguyện chung: “Xin dâng lời cầu nguyện cho những người anh em ở Việt Nam, đặc biệt là ở vùng Tây Nguyên đang ngày đêm đối diện với những khó khăn từ phía chính quyền Việt Nam: bắt bớ, tra tấn, tù đầy...”

Linh mục Peter Trần Đình Lai, người đứng đầu Ủy ban Công lý và Hòa bình của Giáo phận Hà Tĩnh, nói với trang The Union of Catholic Asian News hôm 21/8 rằng tự do tín ngưỡng đang bị vi phạm nghiêm trọng ở nhiều nơi.

Ông cho biết các tín đồ bị tước đoạt phương tiện kiếm sống, thực hành đức tin và truyền bá phúc âm, trong khi những người khác bị chỉ trích và bị gán ghép một cách hung hăng.

**Luật tôn giáo của Việt Nam vi phạm Điều 18 của Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền**

Luật tôn giáo của Việt Nam vi phạm Điều 18 của Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền (UDHR), là phát biểu của một ủy viên của Ủy hội Hoa Kỳ về Tự do Tôn giáo Quốc tế USCIRF tại Hội luận về ‘Quyền tự do tôn giáo và các quyền của người bản địa’ tại Việt Nam. Hội luận qua mạng diễn ra vào ngày 31 tháng 7 do tổ chức Cứu Người Vượt Biển Boat People SOS (BPSOS) điều phối.

Nữ luật sư Anurima Bhargava, phó chủ tịch USCIRF, cho rằng Luật Tôn giáo- Tín ngưỡng mà Việt Nam ban hành từ năm 2018, với những điều khoản đòi hỏi các tổ chức tôn giáo phải đăng ký, là những đòi hỏi không cần thiết và làm hạn chế quyền hành đạo.

Ủy viên Bhargava chia sẻ như vậy và bà cũng tái khẳng định quan điểm của USCIRF về việc đề nghị Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đưa Việt Nam trở lại vào danh sách Quốc gia cần quan tâm đặc biệt về tự do tôn giáo (Country of Particular Concern - CPC).

“Trước dịch COVID, công việc của tôi trong vai trò ủy viên là thăm viếng các quốc gia mà chúng tôi theo dõi để đánh giá tình hình tự do tôn giáo. Tháng 9 năm ngoái tôi cùng phái đoàn USCIRF chính thức đến Việt Nam. Chuyến đi này thật thiết yếu vì nó cho chúng tôi cơ hội gặp

gỡ các các lãnh đạo Công giáo, Phật giáo Việt Nam Thống Nhất, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài và Tin Lành. Tôi trực tiếp được nghe về những khó khăn mà các tổ chức tôn giáo trải nghiệm dưới Luật Tôn giáo Tín ngưỡng mới. Có những tổ chức từ chối đăng ký vì quan ngại mất độc lập. Ngay cả những tổ chức tôn giáo đã lựa chọn đăng ký cũng đã gặp phải nhiều trở ngại quan liêu, và họ bị buộc phải cung cấp những thông tin riêng tư của thành viên của họ.

Ủy viên Bhargava kể rằng có nhiều lần, phái đoàn nghe thuật lại chuyện những quan chức địa phương không chịu thực hiện thủ tục đăng ký cho các hội thánh theo đúng thời hạn dưới pháp luật. Việt Nam đã ký và phê chuẩn Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị. Khi làm như thế, họ đã hứa với thế giới rằng họ sẽ tôn trọng và tuân thủ theo Điều 18 để bảo vệ tự do tín ngưỡng.

USCIRF quan niệm rằng những đòi hỏi đăng ký của Luật Tôn giáo Tín ngưỡng quá nặng nề và vi phạm Điều 18 theo diễn dịch của Liên Hiệp Quốc.

USCIRF đã kêu gọi Việt Nam thay đổi bộ luật này và bãi bỏ yêu cầu đăng ký.

Ủy viên Bhargava nói rõ: “Ít nhất chúng tôi mong rằng Việt Nam sẽ tháo gỡ những ngăn cản quan liêu và cho phép bất kỳ tổ chức nào được đăng ký nếu muốn.”

Lời phát biểu của ủy viên Bhargava mở đầu cho một chuỗi sinh hoạt được gọi là Ngày Vận Động cho Việt Nam, một chương trình thường niên của BPSOS từ năm 2012, quy tụ hàng trăm người hoạt động cho nhân quyền tại Washington DC, nhằm vận động ngành lập pháp Hoa Kỳ. Ngày Vận Động cho Việt Nam của BPSOS năm nay khác với hàng năm, được tổ chức trực tuyến vì đại dịch Covid-19.

Ngoài ủy viên Bhargava, còn có sự tham gia trực tuyến từ trong nước của Giám Mục Nguyễn Thái Hợp, giám mục chính tòa Giáo Phận Hà Tĩnh; cựu tù nhân lương tâm Hòa Thượng Thích Thiện Minh, và ông Trần Ngọc Sương, Chánh Trị Sự Đạo Cao Đài.

Ba vị diễn giả từ Việt Nam cũng chia sẻ những



nhận định của ủy viên Bhargava, với những dẫn chứng cụ thể mà họ trải nghiệm.

Giám Mục Nguyễn Thái Hợp nói với gần 150 người theo dõi trực tuyến, rằng Luật Tôn giáo Tín ngưỡng 2018 tuy “có một chút tích cực” nhưng bộ luật còn nhiều điều đáng quan ngại:

“Bộ luật quy định rõ ràng hơn nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực tôn giáo. Đồng thời thừa nhận tư cách pháp nhân phi thương mại của các tổ chức tôn giáo. Mới đây Ban Tuyên giáo chính phủ đã mở hệ thống dịch vụ công trực tuyến nhằm đơn giản và công khai hóa các thủ tục hành chính cấp chính phủ về tôn giáo. Tuy nhiên trong bộ luật còn nhiều điều chúng tôi quan ngại, nhất là vẫn còn vực thẳm giữa văn bản và thực tế, giữa thành thị và nông thôn, giữa trung ương và địa phương.”

Giám mục Hợp nêu ra điển hình vấn đề mua bán đất của các tổ chức tôn giáo. Theo ông, tuy bộ luật thừa nhận tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo,

“Nhưng cho đến nay chưa một tổ chức tôn giáo nào có thể tự do mua bán đất đai vì còn bị chi phối bởi hiến pháp và luật đất đai. Theo luật đất đai hiện hành, các tổ chức tôn giáo không được mua bán, chuyển đổi, nhân thừa kế hoặc nhận tặng... Con đường duy nhất là xin nhà nước cấp đất. Đây là một nút thắt bóp nghẹt quyền mở rộng cơ sở và hoạt động tôn giáo.”

Hòa Thượng Thích Thiện Minh cho rằng Việt Nam đã và đang thi hành một chính sách bách hại tôn giáo. Ngoài việc không cho phép các tổ chức tôn giáo mua đất còn những áp lực khác:

“Với chủ trương quốc doanh hóa tôn giáo và đặt tôn giáo dưới sự kiểm soát của Mặt Trận Tổ Quốc, nhà nước Việt Nam đã thi hành một chính sách bách hại Phật giáo nói riêng và các tôn giáo nói chung bằng các hình thức sau đây:

Không chấp nhận các tôn giáo chân truyền hay độc lập.

Thúc đẩy và áp lực các tôn giáo vào hệ thống quốc doanh.

Chiếm đoạt chùa chiền, chiếm đất đai tài sản của chùa độc lập phù thuộc GHPGVNTN.

Không cho phép xây cất hay mở mang cơ sở của các chùa độc lập hay chùa thuộc GHPGVNTN.

Không cấp hộ khẩu cho các tăng ni độc lập hay thuộc GHPGVNTN.

Cô lập hóa các chùa độc lập bằng cách ngăn cấm phật tử đến lễ Phật tại các chùa không thuộc hệ thống quốc doanh.”

Ông Trần Ngọc Sương, Chánh Trị Sự Đạo Cao Đài ở Thị Xã Gò Công, cho rằng bản chất chính quyền không thay đổi.

Tháng 4 năm 2020, chi phái Cao Đài do Đảng Cộng Sản Việt Nam dựng lên năm 1997 ra huấn lệnh tước bỏ vai trò Chánh Trị Sự, vốn do đồng đạo bầu lên, và trục xuất ông Sương ra khỏi Đạo Cao Đài.

“Tôi nhập môn vào Đạo Cao Đài 1926 vào năm 1974. Chi phái 1997 ra đời 23 năm sau đó, nhưng tháng 4 năm 2020, chi phái 1997 kết hợp với Ban tôn giáo tỉnh Tiền Gia ra huấn lệnh trục xuất tôi ra khỏi tôn giáo của họ là vô lý. Ngày 18 /6 /2020 tôi đã khởi kiện với tòa án huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Đến nay, tòa không phản hồi.”

Ông Sương kêu gọi Quốc Hội Hoa Kỳ thường xuyên gửi phái đoàn đến Việt Nam, đặc biệt đến các nơi “bị hạn chế về tự do tôn giáo để Việt Nam thực sự có chính sách tôn trọng tôn giáo.”

Việc này càng khó trong thời kỳ đại dịch Covid. Ủy viên Bhargava kêu gọi những tham dự viên buổi hội luận trình với USCIRF những trường hợp vi phạm quyền tự do tôn giáo để ủy ban có cơ hội đáp ứng.

Cũng theo bà, chính quyền Việt Nam đã giam tù hơn 100 cá nhân chỉ vì họ đòi quyền tự do

biểu đạt ôn hòa, trong đó có quyền tự do tôn giáo. USCIRF ghi nhận những nhà đấu tranh cho nhân quyền tự do tín ngưỡng vẫn tiếp tục bị tra tấn trong tù, và ủy viên Bhargava nói, đó chính là lý do USCIRF đề nghị Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đưa Việt Nam trở lại vào danh sách CPC.

Trong phần hai của Hội luận vào chiều ngày 31/7, ông Sam Brownback, Đại sứ Lưu động về Tự do Tôn giáo Quốc Tế, chia sẻ:

“Đường như Việt Nam theo đuổi một đường lối tiệm cận đúng mức chứ không để trở thành Quốc gia bị quan tâm đặc biệt vì tự do tôn giáo. Chúng tôi cảnh cáo khi nói với họ là họ không thể ngược đãi, đặc biệt đối với dân tộc thiểu số trên Tây Nguyên theo cách này. Vấn đề là quý vị không thể bắt bớ những người dân bản địa. Quý vị cần đối xử với tốt với người Hmong, người Montagnard, các tín đồ Cao Đài, Phật giáo... Chính phủ Việt Nam thực sự chỉ muốn đẩy đến ranh quốc gia đáng quan tâm đặc biệt chứ không để bị liệt vào CPC.”

Đại sứ Brownback cho biết Báo cáo Tự do Tôn giáo Quốc tế được công bố vào tháng 10 hiện đang trong giai đoạn được Ngoại trưởng Hoa Kỳ Mike Pompeo xem xét để lấy quyết định về quốc gia nào cần đưa vào danh sách CPC.

Chương trình Hội luận Vận động Nhân quyền và Tự do Tôn giáo sẽ tiếp diễn với những cuộc hội luận trực tiếp dẫn đến ngày 22 tháng 8, ngày Quốc tế Tưởng niệm Nạn Nhận bị Bạo hành vì Tôn giáo hay Niềm tin. (nguồn: rfa.org)

## Hội Đồng Liên Tôn Việt Nam ra tuyên bố mới nhất về tình hình Việt Nam

Hội Đồng Liên Tôn Việt Nam vừa ra tuyên bố về tình hình Việt Nam và Thế giới, trong đó lên án hành động đàn áp tôn giáo và vi phạm nhân quyền của chính quyền Việt Nam, đồng thời ủng hộ chính sách Hoa Kỳ đối với Trung Quốc trên Biển Đông.

Tuyên bố đề ngày 1/8, đề cập đến những biến động trong nửa năm đầu 2020, mà Hội Đồng Liên Tôn (HDLT) cho là “có thể thay đổi cục diện thế giới.”



Bản tuyên bố, do các đồng chủ tịch của 5 tôn giáo tại Việt Nam ký, đặc biệt có phần “cực lực lên án mưu đồ thống trị thế giới của Trung Cộng, những vi phạm nhân quyền và việc che giấu dịch bệnh Coronavirus Vũ Hán”.

HDLT nhận định, Trung Quốc đã “bất chấp luật Biển UNCLOS 1982, xem thường phán quyết của Tòa Trọng Tài Thường Trực Quốc tế tại La Hayes về cái gọi là đường lưỡi bò mà Trung Quốc đơn phương vạch ra trên Biển Đông để tuyên bố chủ quyền.

BS Đỗ Văn Hội đọc lời tuyên bố sau: “Chúng tôi ủng hộ cuộc Trưng Cầu Dân Ý kiện Trung Cộng ra tòa án quốc tế về Biển Đông, hiện đã có trên 900,000 người trả lời sau hai tháng với kết quả 95% đồng ý. Chúng tôi kêu gọi đồng bào trong và ngoài nước tham gia nhằm tạo áp lực với nhà cầm quyền CSVN phải đáp ứng nguyện vọng của người dân.”

Đạo Huynh Lê Quang Hiến, tổng thư ký Hội Đồng Liên Tôn chia sẻ với Đài Á Châu Tự Do vì sao hội đồng đưa ra tuyên bố trong lúc này:

“Bây giờ thời cuộc ngày càng nóng. Cho nên chúng tôi muốn nhân dân Việt Nam mình, và anh em tín đồ của mình phải hiểu rõ bốn phận của mình. Như đối với tôi, là Phật Giáo Hòa Hảo thuần túy, thì ân đất nước là nhiệm vụ hàng đầu của chúng tôi. Cho nên chúng tôi phải làm như vậy để nhân dân hiểu rõ những gì đang xảy ra trên đất nước Việt Nam và trên quốc tế, để cho anh em tín đồ nhận thấy và hành động theo lẽ phải và lương tri của mình.”

Ký tên tuyên bố còn có Hòa Thượng Thích

Không Tánh, Linh Mục Nguyễn Văn Lý, Chánh Trị Sự Hứa Phi, Đạo Huynh Lê Văn Sóc, và Mục Sư Nguyễn Hoàng Hoa.

Các chức sắc tôn giáo tuyên bố hoàn toàn ủng hộ chính sách của Hòa Kỳ trên các vấn đề thế giới, đặc biệt sắc lệnh hành pháp về Tự do Tôn giáo Quốc Tế mà Tổng Thống Donald Trump ban hành vào tháng 6, và lập trường của chính quyền Trump mà các vị ký tên nhận định là “cứng rắn về Biển Đông.”

Ông Hiến có thêm lời nhắn đối với tín đồ, cử tri gốc Việt tại Hoa Kỳ: “Các vị đến Hoa Kỳ vì lý do gì. Năm 75, các vị đã bỏ nước ra đi vì CS đã tràn vô Miền Nam, từ ngày 30/4/75. Thì các vị phải hiểu tại sao các vị đang có mặt tại Hoa Kỳ. Cho nên, những người nào làm lợi cho đất nước Việt Nam, làm lợi cho tổ quốc cho quê hương xứ sở thì các vị phải ủng hộ. Đối với Tổng Thống đương nhiệm hiện tại, có những cái chương trình, định hướng để giúp Việt Nam thoát khỏi ảnh hưởng của Trung Quốc, thì chúng ta tại sao không ủng hộ.”

Nghệ sĩ Kim Chi từ Sài Gòn, cho rằng công bố của HDLT là hợp lòng dân. Bà nêu lý do bà, và nhiều người Việt Nam, ủng hộ ông Trump, ít nhất trong vấn đề này: “Tôi cảm tình với ông TT Donald Trump ở cái điểm, tôi thấy ông rất quyết liệt chống cái sự bành trướng của Trung Cộng. Riêng cái điểm đó, và cái điểm ông ấy rất là mạnh mẽ trong vấn đề bảo vệ Biển Đông, nó cũng hợp lòng với người Việt Nam. Mặc dù ông Trump ổng làm cái đó là cho cả thế giới chứ không riêng gì cho Việt Nam”.

Tuyên Bố của HDLT cũng nêu cụ thể những hành vi sách nhiễu đối với 5 tôn giáo:

“Nhà cầm quyền CSVN đã đàn áp tôn giáo có hệ thống. Vì không thể tiêu diệt được, họ đã tìm cách khống chế. Những tôn giáo độc lập bị chính quyền sách nhiễu, cô lập, khử trừ bằng mọi cách. Các chức sắc Hội Đồng Liên Tôn lúc nào cũng bị theo dõi”.

Về Phật Giáo, bản tuyên bố nói Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất dường như “bị triệt tiêu hoàn toàn”, và nêu ra trường hợp nhiều ngôi chùa bị phá hủy mà không được bồi thường. Gần



đây, lễ tang của cố Đệ Ngũ Tăng Thống Thích Quảng Độ bị bao vây, phong tỏa.

Giáo hội Cao Đài Chân Truyền bị công an sách nhiễu, cấm đồng đạo kỷ niệm 7 năm Thánh Thất Tuy An, tỉnh Phú Yên, bị úi sập.

Về Công Giáo, bản tuyên bố trích dẫn trường hợp của Linh Mục Nguyễn Văn Lý, vẫn bị quản chế, Linh mục Đặng Hữu Nam bị đe dọa và ngừng mục vụ, cũng như các tài sản của Giáo Hội bị tịch thu.

Tín đồ của Phật Giáo Hòa Hảo thì bị giam giữ, các chức sắc bị quản thúc tại gia.

Các Hội Thánh Tin Lành thường xuyên bị theo dõi.

Ngoài các hành vi đàn áp tôn giáo, các chức sắc cũng nhận định rằng chính quyền Việt Nam đã gia tăng bắt bớ và giam tù những tiếng nói bất đồng chính kiến, như các thành viên Hội Nhà Báo Độc Lập, những người dân oan trong vụ cưỡng chế đất tại Đồng Tâm.

Tuyên bố kết thúc có lời kêu gọi: “Kêu gọi toàn dân trong và ngoài nước đoàn kết cứu nước cứu dân, giải thể chế độ độc tài toàn trị, thiết lập một thể chế tự do, dân chủ, đất nước được thái bình thịnh vượng, cùng nhau bảo vệ nền Độc Lập của Việt Nam”.

Nghệ sĩ Kim Chi cũng cho rằng Việt Nam phải có một sự thay đổi, nhưng bà nhận xét khác về việc “giải thể” chế độ: “Bây giờ lật đổ cái chế độ này rồi một ai đó lên thay, thì tôi chưa biết những người thay thế đó có tốt hơn không. Cho nên tôi mong là những người Việt Nam là những người lãnh đạo cao nhất, trong số đó tôi được biết không ít người đang rất có cảm tình với phong trào. Và họ cũng bắt đầu trong nội bộ họ đã có những cái mâu thuẫn với nhau, những cái đấu tranh quyết liệt với nhau. Thì mong rằng những người đó đi hẳn với nhân dân để mà làm thay đổi một cuộc thay đổi lớn, để không có đổ máu mà vẫn có sự thay đổi Cách Mạng Nhưng như một số các nước Đông Âu”.

Những vị chức sắc tôn giáo lên tiếng đều cho rằng họ ý thức được trách nhiệm của một người công dân trước tình hình đất nước hiện nay. (nguồn: rfa.org)

## SOS giáo xứ Thị Nghè Sài Gòn bị chính quyền chiếm đoạt tài sản

Họ đạo (Giáo xứ) Thị Nghè là một giáo xứ kỳ cựu, không chỉ đối với Tổng Giáo phận Sài Gòn mà còn là của cả Giáo Hội Việt Nam. Lịch sử còn ghi lại: “Lúc Đức Cha Vêrô qua đời tại Qui Nhơn năm 1799 thì bổn đạo Họ Thị Nghè cũng luân phiên đến đọc kinh cầu nguyện cho Đức Cha”. Như thế, Họ đạo Thị Nghè hiện diện đã hơn 200 năm. Năm 1850. Đức Cha Ngăi (Lefèbvre) đã lập chủng viện tạm tại Họ đạo Thị Nghè.

Trong số các linh mục lui tới họ đạo trong thời gian này, có Thánh Phaolô Lê Văn Lộc để lại dấu ấn đậm nét khi làm giám đốc chủng viện Thị Nghè. Sử liệu ghi nhận trong khoảng một năm cha đã dẫn về đoàn chiên Giáo hội hơn 200 tân tòng.

Một giáo xứ kỳ cựu có bề dày lịch sử đáng kể như thế, lẽ ra phải được trân trọng gìn giữ như một di sản không chỉ về mặt tôn giáo mà còn về mặt lịch sử và văn hóa.

Thế nhưng gần đây, giáo xứ ấy lại phải đau đớn cất lên tiếng kêu cứu vì tài sản giáo xứ bị chiếm đoạt. Trong Thư Ngỏ gửi Cộng Đoàn Dân Chúa Giáo xứ Thị Nghè tháng 8/2020, Văn Phòng Giáo xứ viết: “Với văn bản nọ tạo, vô giá trị về mặt pháp lý này, chính quyền đang sử dụng để tuyên truyền nhằm đánh lừa, làm cho dư luận hiểu sai sự thật, theo hướng có lợi cho hành động sai trái đất trường Phước An của Giáo xứ”.

Bài viết này nhằm gióng lên tiếng chuông khẩn cấp, xin độc giả cầu nguyện cho Giáo xứ



Thị Nghè, hiệp thông nâng đỡ họ, đồng thời cùng lên tiếng đòi lại công lý cho những người giáo dân hiền lành nhân hậu đang phải chịu bất công.

Chúng tôi sẽ lần lượt phân tích “đất trường Phước An”, “văn bản ngụy tạo” mà Thư Ngỏ đề cập, đồng thời có cái nhìn khách quan về toàn bộ sự việc từ đầu đến nay.

## I. TÒA TGM SÀI GÒN CHO NHÀ NƯỚC MƯỢN TRƯỜNG PHƯỚC AN

Trước biến cố 1975, Trường Tiểu Học Phước An (Tư Thục Phước An Thị Nghè) là trường Công Giáo. Sau 1975, theo chủ trương trưng dụng các cơ sở tôn giáo của nhà nước, Đức TGM Phaolô Nguyễn Văn Bình đã ký Giấy Ủy Quyền số 019/UBGD/TSTGM/75 ủy quyền Trường Phước An cho Cha Võ Văn Tân “để Cơ sở trên được bảo tồn theo đúng tinh thần của Giáo Hội”.

Trong giấy ủy quyền này, Tòa TGM nói rõ: “Cơ sở này được xây cất do tiền của họ đạo Thị Nghè đài thọ, vì thế những tài sản này thuộc về tài sản của Giáo Hội Công Giáo mà Tòa TGM Sài Gòn có bổn phận phải quản trị”.

Sau đó, vào ngày 10 tháng 10 năm 1975, Trong Thông cáo chung của Sở Giáo Dục Tp HCM và Ủy Ban Liên Lạc Giáo Dục Công Giáo về việc công lập hóa các tư thục Công Giáo, có các điểm đáng lưu ý sau:

1. Giáo phận Sài Gòn đồng ý trao cho Nhà nước quyền sử dụng các trường sở thuộc Giáo phận kể từ niên khóa 1975-1976 để phục vụ cho mục tiêu giáo dục.

2. Quyền sở hữu các trường sở nói trên vẫn thuộc về Giáo Hội Công Giáo.

Điều đó có nghĩa là Tổng Giáo phận cho nhà nước mượn các cơ sở giáo dục của Tổng Giáo phận, trong đó có trường Phước An (đổi tên thành trường tiểu học Phù Đổng), và chủ quyền vẫn thuộc về Tổng Giáo phận.

## II. LẬP LỖ VÀ NGUY TẠO

Việc Tòa Giám mục cho mượn trường đã rõ ràng và chủ quyền của Tổng Giáo phận trên các cơ sở của Giáo Hội cũng không thể chối cãi được. Thế mà “chính quyền đã ngụy tạo bằng một văn bản giả mạo, được cho là với chữ ký

của cha Dominico Võ Văn Tân, nhưng không có dấu mộc của giáo xứ Thị Nghè, cũng không có chữ ký của Hội Đồng Mục vụ Giáo xứ. Với văn bản ngụy tạo, vô giá trị về mặt pháp lý này, chính quyền đang sử dụng để tuyên truyền nhằm đánh lừa, làm cho dư luận hiểu sai sự thật, theo hướng có lợi cho hành động chiếm đoạt sai trái đất trường Phước An của Giáo xứ” (Trích Thư Ngỏ của Văn phòng Giáo xứ Thị Nghè).

Văn phòng Giáo xứ lập luận rất chặt chẽ: “Nếu như cha sở Dominico Võ Văn Tân đã ký văn bản này, thì tại sao trong việc bàn giao kế thừa hồ sơ nhà đất của Giáo xứ, cha Dominico Tân không có bàn giao văn bản này cho cha sở Phêrô Nguyễn Công Danh, và cha Phêrô Danh cũng không bàn giao cho cha sở Phêrô Nguyễn Thanh Tùng? ”

Một chứng cứ khác cho thấy chính quyền đã ngụy tạo văn bản hiến tặng. Trong Tờ Đăng Ký Nhà Đất vào những năm 1996 và 1999, Cha Phêrô Nguyễn Công Danh còn kê khai rất rõ ràng, với bản đồ về 2 cơ sở trường Phước An (Phù Đổng). Tờ khai này còn được Đức cố Giám Mục Phụ Tá Louis Phạm văn Năm ký, đóng dấu, được cha sở Phêrô Nguyễn công Danh ký tên, đóng dấu và được chủ tịch phường 19, quận Bình Thạnh ký tên, đóng dấu xác nhận.

## III. HỌ ĐẠO THỊ NGHÈ KÊU CỨU

Từ văn bản ngụy tạo ấy, nhà cầm quyền thành phố HCM (Sài Gòn) và quận Bình Thạnh đã có những quyết định sai trái, bất công và coi thường giáo dân ở Giáo xứ Thị Nghè.



Nhà cầm quyền đã ngang ngược dựa trên văn bản ngụy tạo để chiếm đoạt 2 cơ sở trường Phước An, cấp quyền sở hữu cho trường Phù Đổng với văn bản BR 453948 (cơ sở 1) và BR 453947 (cơ sở 2) ký ngày 31 tháng 12 năm 2013 nhưng không có bất kỳ sự trao đổi hay thông báo gì cho giáo xứ Thị Nghè.

Mãi đến gần đây khi Cha chính xứ Phêrô Nguyễn Thanh Tùng và Hội Đồng Mục Vụ Giáo xứ cho đo đạc lại diện tích đất của Giáo xứ mới phát hiện ra sai trái này. Thư Ngỏ của Văn phòng Giáo xứ Thị Nghè chỉ rõ “hành vi cướp nhanh, không có óc suy xét” trong việc ghi địa chỉ cơ sở 1 là 22B Xô Viết Nghệ Tĩnh thành 119/15 Xô Viết Nghệ Tĩnh.

Ngày 16 tháng 10 Năm 2019, Cha chính xứ và Hội Đồng Mục Vụ Giáo xứ đã viết Đơn Khiếu Nại về chủ quyền trường Phước An - Phù Đổng thuộc giáo xứ Thị Nghè gửi Ủy ban nhân dân thành phố HCM và Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh nhắc lại rằng “1. Giáo phận Sài Gòn đồng ý trao cho Nhà nước quyền sử dụng các trường sở thuộc giáo phận kể từ niên khóa 1975-1976 này, để phục vụ cho mục tiêu giáo dục.” “2. Quyền sở hữu các trường nói trên vẫn thuộc về Giáo Hội Công Giáo”, và theo Tờ Khai sử dụng đất, do linh mục Nguyễn Công Danh kê khai ngày 05/08/1996 với đầy đủ bản đồ và ghi chú cụ thể, chính xác trong bản kê khai, được ký bởi Đức Giám Mục Aloisiô Phạm Văn Năm, của linh mục Nguyễn Công Danh và được xác nhận với ấn ký của ông Ngô Phong Cảnh, chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 19, trong đó có bản đồ với các cơ sở được ghi chú rất cụ thể và chính xác: “Trường Phù Đổng - Tòa TGM TP. HCM cho mượn sử dụng”.

Đơn khiếu nại viết rõ: “Chúng tôi phản đối Quyết định cấp giấy chủ quyền cơ sở tôn giáo của chúng tôi cho trường Phù Đổng, phản đối thư hồi đáp vô căn cứ của bà Thái Thị Hồng Nga và chúng tôi yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố thu hồi quyết định sai trái, phi pháp của ông cựu phó chủ tịch Nguyễn Hữu Tín.”

Ngày 12/07/2020, Giáo xứ nhận được văn thư 2361/UBND, do bà Thái Thị Hồng Nga, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh ký, cho

rằng hai cơ sở “trường tiểu học Phù Đổng bao gồm cả tường rào là tài sản của Nhà nước thuộc quyền quản lý của trường Phù Đổng”.

Ngày 13 tháng 07 năm 2020, Cha chính xứ và Hội Đồng Mục Vụ Giáo xứ gửi thư phản đối, nói rõ rằng Bà Nga căn cứ trên hai Giấy chứng nhận số BR 453947 và BR 453948 do phạm nhân Nguyễn Hữu Tín và phạm nhân Đào Anh Kiệt ký bất hợp pháp, hoàn toàn sai trái. (Hai ông ký giấy chứng nhận phi pháp ấy đã bị kết án tù vì liên quan đến nhiều sai phạm về đất đai, nên thư này viết “phạm nhân Nguyễn Hữu Tín và phạm nhân Đào Anh Kiệt ký bất hợp pháp”.

Tường cũng nên nhắc lại rằng ngày 18 tháng 11 năm 2016, Ban Giám hiệu trường Phù Đổng đã gửi văn thư số 171/PĐ đến Văn phòng Giáo xứ để xin xây thêm các phòng chức năng. Cha chính xứ và Hội đồng Mục vụ Giáo xứ đã có văn thư trả lời rằng nhà trường “không được xây dựng thêm cơ sở trên đất Giáo hội cho mượn”.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, Cha chính xứ Phêrô và Hội đồng Mục vụ Giáo xứ đã có văn thư gửi nhà cầm quyền các cấp trong quân Bình Thạnh để phản đối việc “Nhà trường Phù Đổng đã chặt đốn cây xanh, xây sửa sân trường và dựng mái che trên tài sản thuộc chủ quyền của Giáo xứ” mà không có ý kiến đồng ý cho phép của Giáo xứ.

Văn thư viết: “Đại diện cộng đoàn giáo xứ, chúng tôi phản đối và tố giác hành động sai trái trên phần tài sản tôn giáo thuộc giáo xứ Thị Nghè với hai cơ sở trường học Phù Đổng 1 và 2 của chúng tôi. Vậy chúng tôi gửi đơn thư này để phản đối và yêu cầu Quý Ủy Ban quận Bình Thạnh, Phòng Giáo dục quận Bình Thạnh và trường Phù Đổng lập tức dừng việc thi công nhà trường”.

Cha chính xứ Phêrô và Hội Đồng Mục Vụ Giáo xứ cũng đã làm Tờ Trình về tình hình Giáo xứ kính gửi Đức cha Giám quản Giuse Đỗ Mạnh Hùng (lúc ngài còn làm Giám quản Sài Gòn), Đức cha Louis Nguyễn Anh Tuấn, Cha Tổng Đại diện Inhatiô Hồ Văn Xuân, Cha Chuởng ấn và Quý Cha Ban Tư Vấn Tổng giáo phận Sài Gòn để các ngài biết rõ sự việc.

Giáo Hội không bao giờ bám vào tài sản vật

chất, nhưng Giáo Hội luôn muốn công lý được tôn trọng và quyền sở hữu hợp pháp của người dân được nhìn nhận. Do đó Dân Chúa muốn gióng lên tiếng chuông kêu cứu mỗi khi quyền lợi hợp pháp của mình bị chà đạp.

Chúng ta cùng cầu nguyện cho Cha chính xứ và Giáo xứ Thị Nghè, cầu nguyện cho công lý và cầu nguyện cho những người thiếu thiện chí với công ích. Đồng thời chúng ta cũng nói lên tiếng nói chung để mọi người biết tôn trọng công bình và sự thật. Nhóm PV Vietcatholic

## Nhà cầm quyền Thừa Thiên-Huế: “chống Tôn giáo” hơn “chống dịch”!

GNSP (13.08.2020) - Nhà cầm quyền luôn rêu rao “tôn trọng và bảo hộ” quyền tự do tôn giáo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Điều 3 Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo (2016) quy định: “Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo: 1. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. 2. Nhà nước tôn trọng, bảo vệ giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng đáp ứng nhu cầu tinh thần của Nhân dân. 3. Nhà nước bảo hộ cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và tài sản hợp pháp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo.”

Thế nhưng, trên thực tế, cộng sản luôn “nói một đằng, làm một nẻo”.

Ngay trong những ngày xảy ra các sự kiện



tiếng hò hét, la ó điên cuồng, các Đan sĩ hạ mi  
Chúa Chịu Nạn vang lên lời kinh Mân Côi thống thiê

“tấn công Đan viện Thiên An”, cũng là những ngày dịch bệnh Virus Vũ Hán làm le tán công người dân. Ông Phan Ngọc Thọ, Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên-Huế đã ra văn bản được cho là “hỏa tốc” về việc “triển khai các biện pháp phòng chống dịch covid-19” (virus Vũ Hán, Hoa Lục). Nội dung văn bản số 06/CĐ-UBND, ký vào ngày 31/07/2020, nêu rõ: “Tiếp tục tăng cường khuyến cáo người dân thực hiện các biện pháp phòng chống dịch, đeo khẩu trang khi ra đường, thường xuyên rửa tay bằng xà phòng. Không tập trung quá 20 người tại nơi công cộng, ngoài phạm vi công sở, trường học, bệnh viện... Tăng cường kiểm tra, xử phạt các trường hợp vi phạm các quy định phòng chống dịch...”. Thậm chí còn đe dọa sẽ “xử phạt các trường hợp vi phạm các quy định phòng chống dịch”.

Tuy nhiên, để đạt mục đích gây rối, gây mất bình an trong nội vi Đan viện, hòng dễ dàng xâm chiếm đất đai- rừng thông- nhà cửa Tu viện, chỉ với một cơ nhỏ: Phiến đá Đồi Thánh Giá được các Đan sĩ đồng tâm dựng lên, ngay bên cạnh Tượng “Chúa Chịu Nạn”. Nhà cầm quyền Thừa Thiên-Huế đã bất chấp dịch bệnh, bất chấp tính mạng các Đan sĩ và những cán bộ của mình, coi thường tính mạng các diễn viên “quần chúng tự phát” tổ chức kích động cho nhóm côn an, côn đồ, “quần chúng tự phát” tập trung đông người đến la hét, xô đẩy, quay phim, gây rối các Đan sĩ ĐVTA hai chiều ngày qua, vào các ngày 10-11/08/2020, thậm chí còn đe dọa sẽ thường xuyên lưu tới quậy phá, gây rối mỗi ngày...

Nhà cầm quyền Thừa Thiên-Huế đã vô hiệu hóa văn bản “hỏa tốc” triển khai các biện pháp phòng chống dịch của chính họ ban hành. Nếu không là “chủ trương”, thì ít là nhà cầm quyền đang tạo điều kiện cho các hành vi gây rối, bạo loạn, hành hung, vu khống, phỉ báng... của nhóm côn an, côn đồ, “quần chúng tự phát” “xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo” của ĐVTA trong những ngày qua và kể cả trước đây. Cần lưu tâm, các sự kiện này đều được quý Đan sĩ ghi lại các hình ảnh và quay video để làm bằng chứng và công bố rộng rãi trên dư luận; Thậm chí các Đan sĩ làm nhiều đơn “tố cáo” đích danh

những cán bộ “khoanh tay đứng nhìn, chỉ tay năm ngón” ra lệnh cho các nhóm côn đồ, “quần chúng tự phát” gây rối theo chỉ đạo... nhưng các cơ quan có thẩm quyền đều câm lặng, không một văn bản hồi đáp.

Được biết, chiều hôm qua, ngày 12/08/2020, ở Huế, trời mưa to gió lớn nhiều giờ, sấm chớp đùng đùng, đến chiều tối mới ngưng tạnh. Hóa ra, côn an, côn đồ, “quần chúng tự phát” cũng biết xem xét/suy nghĩ lại không đến quấy rối Đan viện như hai ngày trước, mặc dù nhóm “đạo diễn” xuất hiện từ sớm và đã bị phát hiện, vì có thể là do họ “sợ” Thần mưa, Thần chớp chẳng?

Phòng chống dịch bệnh virus Vũ Hán (Hoa Lược) không quan trọng bằng chống hoạt động Tôn giáo. Tính mạng người dân, tính mạng nhóm đạo diễn, côn an, côn đồ, “quần chúng tự phát” cũng sẵn sàng được đem thí mạng, sai khiến thực hiện những hành vi trái pháp luật để đạt mục đích chống lại tinh thần hiệp nhất, bình an trong nội vi Đan viện, hồng đẽ dàng “cướp chiếm” trọn vẹn 107ha đất-nhà-rừng thông của ĐVTA.

Đáp lại, các Đan sỹ quyết đồng tâm, hợp lòng sống Kinh Hòa Bình: Lạy Chúa từ nhân! Xin cho con biết mến yêu và phụng sự Chúa trong mọi người. Lạy Chúa, xin hãy dùng con như khí cụ bình an của Chúa. Để con đem yêu thương vào nơi oán thù; Đem thứ tha vào nơi lừng nhục; Đem an hòa vào nơi tranh chấp; Đem chân lý vào chốn lỗi lầm. Để con đem tin kính vào nơi nghi nan; Chiếu rọi cây vào nơi thất vọng. Để con dội ánh sáng vào nơi tối tăm; Đem niềm vui đến chốn u sầu. Lạy Chúa xin hãy dạy con: Tìm an ủi người hơn được người ủi an; Tìm hiểu biết người hơn được người hiểu biết; Tìm yêu mến người hơn được người mến yêu. Vì chính khi hiến thân là khi được nhận lãnh. Chính lúc quên mình là lúc gặp lại bản thân. Vì chính khi thứ tha là khi được tha thứ. Chính lúc chết đi là khi vui sống muôn đời! (GNsP)

### Lợi dụng sự kiện Phiến đá “Lịch sử Đồi Chịu Nạn” để đàn áp, xóa bỏ Đan viện Thiên An

GNsP (12.08.2020) - “Người Kitô giáo biết



Nhà cầm quyền tỉnh Thừa Thiên-Huế lợi dụng sự kiện Phiến đá “Lịch sử Đồi Chịu Nạn” để đàn áp, xóa bỏ Đan viện Thiên An

rằng Thiên Chúa không yêu thích sự dữ. Và nếu sự dữ này tồn tại, Thiên Chúa là nạn nhân đầu tiên. Sự dữ tồn tại bởi vì Tình Yêu của Ngài không được đón nhận; Tình Yêu của Ngài bị hiểu lầm, từ khước và chống đối.”

Vì lẽ đó, từ ngàn xưa, những kẻ thủ ác, tham lam đã đóng đinh Chúa Giêsu trên cây Thập Tự vì sự cầm quyền, ngạo mạn, ích kỷ của họ. Chính sự “thình lạng” của cây Thánh Giá “chịu nạn” lại mang trong mình trọn niềm “hy vọng”. Do đó các vị Tu sĩ cách riêng, người Kitô hữu nói chung được dự phần trong biến cố đau khổ “chịu nạn” cùng với Tượng Chúa Chịu Nạn nhưng luôn xác tín, hy vọng sẽ “gieo trong nước mắt, sẽ gặt hái trong hân hoan”.

Về phần những kẻ gian ác, cụ thể là cộng sản vô thần - rất giỏi, sành sỏi trong việc “lợi dụng sự kiện”- để gây chia rẽ, gây mất đoàn kết nhằm thực hiện các dã tâm của họ như: cướp đất, vu khống người lành, bắt bỏ tù người công chính, búng các cộng đoàn, xóa bỏ Nhà dòng hoặc Đan viện mà họ cho là “chướng tai gai mắt”, “cản trở người thi hành công vụ”...

Hành vi “lợi dụng sự kiện” gian ác này đã và đang xảy ra tại ĐVTA khi nhà cầm quyền tỉnh Thừa Thiên-Huế “kích động” côn an, côn đồ, kể cả phụ nữ xông vào nội vi ĐVTA gây rối, chửi bới, lăng mạ, xúc phạm quý Đan sỹ, thậm chí phỉ báng tượng Chúa Chịu Nạn, vào chiều hai ngày liên tiếp là ngày 10-11/08/2020.

Nhà cầm quyền còn “mớm” cho nhóm người đến gây rối rằng, Phiến đá “Lịch sử Đồi Chịu Nạn” có “nội dung xuyên tạc, gây mất đoàn kết

dân tộc”. Thế nhưng, nội dung sự thật của Phiến đá đã được công luận trong và ngoài nước biết rõ từng tận về các biến cố đau thương mà Tượng Chúa Chịu Nạn được các Đan sĩ đổ máu trong suốt thời gian vừa qua trong sự kiên định bảo vệ Đức tin, bảo vệ tài sản của Đan viện và của Giáo hội. Không bao giờ có thể “xóa bỏ” hay “xóa sạch” các vết tích của sự thật lịch sử này.

Phiến đá “Lịch sử Đồi Chịu Nạn” ĐVTA sẽ mãi mãi là “chứng nhân” và là cái gai đối với nhà cầm quyền cộng sản và họ sẽ tìm mọi thủ đoạn đê hèn để “búng” cái gai này đi. Nhà cầm quyền tỉnh Thừa Thiên-Huế đã ngang ngược, bất chấp pháp luật, ngoại giao, để đòi hỏi trái phép không cho Linh mục-Đan sĩ Nguyễn Văn Đức (Nguyên Bề Trên Thiên An) sống ở Huế, hoặc thực thi sự vụ Bề trên Đan viện vào tháng 01/2018, khi Cha Bề Trên Đức can đảm đứng lên bảo vệ Đan viện, bảo vệ công lý, bảo vệ tài sản Giáo hội. Thế thì Phiến đá, chứng tích sẽ không là gì cả!

Trong nay mai, dù Phiến đá có tồn tại hay không tồn tại thì Phiến đá “Lịch sử Đồi Chịu Nạn” vẫn sẽ là chứng nhân cho tình yêu thương, đoàn kết và là dấu ấn Đức tin của các Đan sĩ đã và sẽ xả thân bảo vệ niềm tin Tôn giáo của mình, bảo vệ công lý và sự thật, như chính các Đan sĩ tuyên bố: “Vì tình phụ tử của các vị sáng lập: chúng con nguyện lòng khao khát được sống trọn vẹn cho Thiên Chúa trong đời sống Đan tu; chúng con nguyện sống chết với Đan viện cho đến giây phút cuối cùng của cuộc đời; chúng con chấp nhận bị mạ lỵ, vu khống đủ điều để nguyện xả thân bảo vệ Đức tin và tài sản của Thiên An mà mồ hôi, máu đào của các vị sáng lập thấm đẫm vào lòng đất Mẹ Thiên An. Chúng con hằng khát khao “Cộng đoàn khăng khít một lòng với nhau...”.

Trước khi có Phiến đá “Lịch sử Đồi Chịu Nạn” thì cộng sản đã chiếm đoạt và vẫn luôn rình mò tấn công ĐVTA nhằm thôn tính trọn vẹn 107ha đất-nhà-rừng thông của Đan viện. Hôm nay, Phiến đá rõ chỉ là “cái cớ” để cộng sản tấn công, thực hiện dã tâm xóa bỏ Đan viện Thiên An. Nhưng điều đó không thể! Kể cả ngay khi Phiến đá không còn. (GNsP)

## Thông cáo báo chí của Đan Viện Thiên An

Thông cáo báo chí của Đan Viện Thiên An về việc “các tổ chức, cá nhân được sự bảo trợ và tổ chức của chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế đe dọa, khủng bố tinh thần và xúc phạm nghiêm trọng các Đan sĩ Đan Viện Thiên An”.

Trong Thông Cáo cho biết “các ngày 11 và 12 tháng 8 năm 2020, một nhóm khoảng 40 người được tổ chức và bảo trợ bởi chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế đã xâm phạm nội vi Đan Viện Thiên An Huế, nhóm người này ngang nhiên xâm phạm Đồi Thánh Giá, mang theo khẩu hiệu truyền đơn được chuẩn bị công phu, chặt chẽ nhằm mục đích đe dọa, khủng bố tinh thần và vu khống đời sống đan tu của các Đan sĩ Đan viện Thiên An. Trong nhóm người này, các Đan sĩ Đan viện Thiên An đã nhận diện được người cầm đầu là các cán bộ, viên chức của UBND xã Thủy Bàn và nhóm an ninh đã tổ chức xâm phạm nội vi Đan viện Thiên An.”

... “Đan viện Thiên An lên án mạnh mẽ và yêu cầu các cá nhân, tổ chức chấm dứt ngay việc tổ chức an ninh, công an và côn đồ “giả danh quần chúng tự phát” đe dọa, khủng bố tinh thần và xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm các Đan sĩ Đan Viện Thiên An.

... “Đan viện Thienni An cũng mong ước Quý Đức Cha, Quý Cha, Quý Soeur, Quý Thầy, các Giáo phận, các Tu hội của Giáo hội Công giáo khẩn thiết cầu nguyện với Thiên Chúa đem lại tình hiệp nhất và bình an cho Đan viện Thiên An đang bị bách hại bởi chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế.” Đan Viện Thiên An





**DAN VIEN THIEN AN**

Địa chỉ: thôn Cư Chánh, xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế  
Điện thoại: (+84) – 0234 – 3865.910

Số: 53/DVTA

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

**THÔNG CÁO BÁO CHÍ**

**V/v: Các tổ chức, cá nhân được sự bảo trợ và tổ chức của chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế đe dọa, khủng bố tinh thần và xúc phạm nghiêm trọng các Đan sĩ Đan viện Thiên An.**

**Kính gửi:** Quý Đức Cha, Quý Cha, Quý Socur, Quý Thầy và các anh chị em lương, giáo yêu chuộng sự thật và lẽ công bằng

1/ Vào thời điểm dịch bệnh COVID – 19 (Corona virus) đang tái bùng phát nghiêm trọng tại Thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Quảng Trị. Tỉnh Thừa Thiên Huế đã có yêu cầu giãn cách xã hội, cấm tụ tập không quá 20 người, mỗi người phải giữ khoảng cách tối thiểu 2m, thì ngày 11 và 12 tháng 8 năm 2020, một nhóm khoảng 40 người được tổ chức và bảo trợ bởi chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế đã tổ chức xâm phạm nội vi Đan viện Thiên An Huế, nhóm người này ngang nhiên xâm phạm Đồi Thánh giá, mang theo khẩu hiệu – truyền đơn được chuẩn bị công phu, chặt chẽ nhằm mục đích đe dọa, khủng bố tinh thần và “vu khống” đời sống đan tu của các Đan sĩ Đan viện Thiên An. Trong nhóm người này, các Đan sĩ Đan viện Thiên An đã nhận diện được người cầm đầu là các cán bộ, viên chức của UBND xã Thủy Bằng và nhóm an ninh đã tổ chức xâm phạm nội vi Đan viện Thiên An vào ngày 10/8/2020.

2/ Cũng như “vụ việc an ninh, công an kết hợp với công đồ xâm phạm nội vi Đan viện Thiên An, xúc phạm thánh giá và đánh đập tàn bạo các Đan sĩ Đan viện Thiên An vào ngày 28, 29 tháng 6 năm 2017”. Vụ việc ngày 11, 12 tháng 8 năm 2020, đã được “lên kế hoạch chỉ tiết”, nhóm an ninh, công an và công đồ “giả danh quân chủng tự phát” còn dùng “loa phóng thanh công suất lớn” liên tục đe dọa, khủng bố tinh thần các Đan sĩ, nghiêm trọng hơn, nhóm người này còn cố lời lẽ xúc phạm “Giáo hội” tương tự như vụ việc xảy ra ngày 28, 29 tháng 6 năm 2017.

3/ Đan viện Thiên An thấy rằng, việc chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp tục tổ chức an ninh, công an và công đồ “giả danh quân chủng tự phát” đã đi ngược lại các “tứ xử

văn minh”, đúng pháp luật và thể hiện quan điểm xem “người công giáo” như “thế lực thù địch”, nhằm mục đích loại bỏ người công giáo ra khỏi các sinh hoạt, đời sống xã hội của Việt Nam nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng.

4/ Vì lẽ đó, trong tình yêu của Thiên Chúa, Đan viện Thiên An khẩn thiết, ước mong các cá nhân, tổ chức có ứng xử văn minh, tôn trọng phẩm giá và các quyền căn bản của con người theo luật định. Đan viện Thiên An cũng lên án mạnh mẽ và yêu cầu các cá nhân, tổ chức chấm dứt ngay việc tổ chức an ninh, công an và công đồ “giả danh quân chủng tự phát” đe dọa, khủng bố tinh thần và xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm các Đan sĩ Đan viện Thiên An.

Đan viện Thiên An cũng ước mong Quý Đức Cha, Quý Cha, Quý Socur, Quý Thầy, các Giáo phận, các Tu hội của Giáo hội Công giáo khẩn thiết cầu nguyện với Thiên Chúa đem lại tinh hiệp nhất và bình an cho Đan viện Thiên An đang bị bách hại bởi chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đan viện Thiên An cũng kêu gọi mọi cá nhân, tổ chức yêu chuộng công lý và sự thật, các Đại sứ quán quốc tế, các Tổ chức Nhân quyền, cùng với bà con lương, giáo khắp nơi hãy dùng mọi biện pháp cần thiết bảo vệ lẽ phải, bảo vệ sự thật, bảo vệ quyền lợi cho Đan viện Thiên An.



**ANDRÉ TRƯƠNG NGUYỄN VĂN TÂM**  
Bề trên Đan viện Thiên An



**Đôi thông của Đan viện Thiên An lại bị đốt cháy**



# Tin Thế Giới

Đồ họa: NGỌC THÀNH

Nguồn: <https://tuoitre.vn/dich-covid-19->



## Liên Hiệp Quốc cảnh báo đại dịch có thể khiến 130 triệu người bị

Một số cơ quan của Liên Hợp Quốc công bố một báo cáo dự báo đại dịch Covid-19 có thể đẩy 130 triệu người rơi vào tình trạng đói kinh niên vào cuối năm nay.

Trong một tuyên bố, tổ chức UNICEF “Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp quốc” nói rằng “khi tiến bộ trong việc chống đói bị dừng lại, đại dịch COVID-19 đang làm gia tăng các lỗ hổng và bất cập của hệ thống thực phẩm toàn cầu.”

Đại dịch virus corona đang tàn phá sức khỏe và chế độ ăn uống của hàng triệu người trên thế giới. Phong tỏa nghiêm ngặt đã làm đảo lộn tất cả các cấp độ của dây chuyền thực phẩm, từ sản xuất và phân phối đến mua sắm và tiêu thụ thực phẩm.

## 132 triệu người có thể bị đói vào cuối năm 2020

Theo Liên Hiệp quốc, “mặc dù còn quá sớm để đánh giá tác động đầy đủ của việc phong tỏa và các biện pháp ngăn chặn khác, ít nhất 83 triệu người khác, và có thể lên tới 132 triệu người, có thể bị đói vào cuối năm 2020.”

Báo cáo cho biết: “Sự gián đoạn cung cấp thực phẩm và thiếu thu nhập do mất sinh kế và kiều hối do Covid-19 có nghĩa là các hộ gia đình trên toàn cầu đang gặp thêm khó khăn trong việc tiếp cận thực phẩm bổ dưỡng và chỉ làm cho những người nghèo và dễ bị tổn thương khó có thể tiếp cận với chế độ ăn uống lành mạnh.”

Báo cáo của Liên Hợp Quốc cho thấy rõ rằng đại dịch virus corona chỉ làm trầm trọng thêm một xu hướng kéo dài, trong đó số người đói đang tăng chậm kể từ năm 2014. Ước tính đến năm 2019, 8,9% dân số thế giới đã bị suy dinh dưỡng nghiêm trọng, gần 690 triệu người. Theo báo cáo này, xu hướng này vẫn tiếp tục, số người thiếu dinh dưỡng sẽ vượt quá con số 840 triệu vào năm 2030.

## Để giảm đói đòi hỏi phải giảm nghèo

Đức ông Fernando Chica Arellano, Quan sát viên thường trực của Tòa Thánh tại Tổ chức Lương Nông của Liên Hiệp Quốc, nhấn mạnh rằng đại dịch coronavirus đã làm trầm trọng thêm các vấn đề đã tồn tại liên quan đến an ninh lương thực và suy dinh dưỡng. Để giảm đói đòi hỏi phải giảm nghèo, cần có hòa bình, hợp tác và liên đới.

Theo báo cáo của Liên Hợp Quốc, châu Á có số lượng người thiếu dinh dưỡng cao nhất, tiếp theo là châu Phi, châu Mỹ Latinh và vùng Caribbean.





## Tín Thê Giới

### Nỗ lực của Giáo hội Công giáo

Giáo hội Công giáo, ở mức độ toàn cầu, cũng như thông qua các tổ chức bác ái tại các Giáo hội địa phương, đã nỗ lực đóng góp, cứu trợ cho những vùng gặp khó khăn nhất. Đức Thánh Cha Phanxicô đã đóng góp cho Chương trình Lương thực thế giới như lời kêu gọi mọi người cộng tác vào hoạt động của các tổ chức xã hội. Quỹ khẩn cấp đại dịch Covid-19 do Đức Thánh Cha thành lập cũng đặc biệt đáp ứng lời kêu gọi giúp đỡ từ các nước Á và Phi châu. (Hồng Thủy - Vatican News)

### Các nhà lãnh đạo Công giáo tham gia kêu gọi hành động để ngăn chặn tội ác tàn bạo đối với người Duy Ngô Nhĩ ở Trung Quốc

“Một trong những thảm kịch nghiêm trọng nhất của con người kể từ cuộc diệt chủng Holocaust” (1)

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 00: 16 ZENIT

Đức Giám mục Declan Lang, chủ tịch Ủy Ban Các vấn đề Quốc tế của HĐGM Công giáo, Anh quốc và xứ Wales, cùng với các ĐHY/TGM Yangon (Miến Điện) và Jakarta (Nam Dương), đã cùng các nhà lãnh đạo tôn giáo và lãnh đạo các cộng đồng tín ngưỡng ra tuyên ngôn kêu gọi hành động nhằm ngăn chặn “một trong những thảm kịch nhân loại nghiêm trọng nhất kể từ sau thảm họa Holocaust: cuộc diệt chủng của người Duy Ngô Nhĩ và những người Hồi giáo khác ở Trung Quốc.”

Cuộc đàn áp và hành động tàn bạo hàng loạt đang diễn ra ở Khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương (XUAR) của Trung Quốc, nơi mà người Duy Ngô Nhĩ gọi là Đông Turkestan.

Sau đây là toàn văn Bản tuyên ngôn: “Với tư cách là các nhà lãnh đạo tôn giáo và lãnh đạo các cộng đồng dựa trên tín ngưỡng, chúng tôi cùng nhau khẳng định phẩm giá con người cho tất cả mọi người bằng cách nêu bật một trong những thảm kịch nghiêm trọng nhất của con người kể từ Holocaust: cuộc diệt chủng tiềm tàng của người Duy Ngô Nhĩ và những người Hồi giáo khác ở Trung Quốc.

Chúng tôi đã chứng kiến nhiều cuộc đàn áp và tàn bạo hàng loạt. Những điều này khiến chúng

tôi cần phải quan tâm. Nhưng có một điều phải quan tâm là, nếu điều ấy cứ tiếp tục xảy ra mà không bị trừng phạt, thì cần phải đặt ra câu hỏi nghiêm túc nhất về sự sẵn lòng của cộng đồng quốc tế trong việc bảo vệ nhân quyền phổ quát cho tất cả mọi người - đó chính là hoàn cảnh của người Duy Ngô Nhĩ.

Ít nhất một triệu người Duy Ngô Nhĩ và những người Hồi giáo khác ở Trung Quốc bị giam giữ trong các trại tù đang phải đối mặt với nạn đói, tra tấn, giết người, bạo lực tình dục, lao động nô lệ và cưỡng bức mỗ lấy nội tạng.

Bên ngoài các trại tù này, tự do tôn giáo cơ bản bị từ chối. Các nhà thờ Hồi giáo bị phá hủy, trẻ em bị tách khỏi gia đình, và các hành động đơn giản như sở hữu Kinh Coran (Qur'an), cầu nguyện hoặc ăn chay có thể dẫn đến bị bắt giam.

Trạng thái giám sát len lỏi soi mói nhất thế giới xâm nhập vào mọi khía cạnh của cuộc sống ở Tân Cương.

Nghiên cứu gần đây cho thấy một chiến dịch cưỡng bức triệt sản và ngăn ngừa sinh đẻ nhắm vào ít nhất 80% phụ nữ Duy Ngô Nhĩ trong độ tuổi sinh đẻ ở bốn quận có dân cư của người Duy Ngô Nhĩ . một hành động mà xét theo Công ước Diệt chủng năm 1948, có thể được sánh ngang với mức độ diệt chủng.

Mục đích rõ ràng của chính quyền Trung Quốc là xóa bỏ danh tính người Duy Ngô Nhĩ. Truyền thông nhà nước của Trung Quốc đã tuyên bố rằng mục tiêu là “phá bỏ dòng họ, phá bỏ cội nguồn, phá bỏ mối liên hệ và phá bỏ nguồn gốc của họ”. Như Washington Post đã ghi nhận: “Thật khó có thể đọc tuyên bố này như bất cứ điều gì khác hơn là một tuyên bố về ý định diệt chủng”. Các tài liệu cấp cao của chính phủ Trung Quốc nói về “hoàn toàn không khoan nhượng”.

Các nghị sĩ, chính phủ và luật gia phải có trách nhiệm điều tra.

Là những nhà lãnh đạo đức tin, chúng tôi không phải là nhà hoạt động hay nhà hoạch định chính sách. Nhưng chúng tôi có trách nhiệm lên tiếng kêu gọi cộng đồng của chúng ta phải có trách nhiệm chăm sóc đồng loại và hành động khi họ gặp nguy hiểm.

Trong cuộc diệt chủng Do Thái Holocaust xưa một số Kitô hữu đã ra tay giải cứu người Do Thái. Một số đã lên tiếng. Đúng như Dietrich Bonhoeffer đã viết: “Im lặng khi đối mặt với tội ác tự nó là đồng lõa với tội ác... Không lên tiếng tức là đồng lõa. Không hành động cũng là đồng lõa”. Sau Holocaust, thế giới đã nói: “Không bao giờ tái diễn nữa!”

Hôm nay, chúng tôi lặp lại những từ này “Không bao giờ tái diễn nữa!”, tất cả chúng tôi muốn lặp lại một lần nữa. Chúng tôi muốn chung vai sát cánh với người Duy Ngô Nhĩ. Chúng tôi cũng chung vai sát cánh với các Phật tử Tây Tạng, các học viên Pháp Luân Công và các Kitô hữu trên khắp Trung Quốc, những người đang phải đối mặt với cuộc đàn áp tồi tệ nhất đối với tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng kể từ cuộc Cách mạng Văn hóa.

Chúng tôi kêu gọi những người có niềm tin và lương tâm ở khắp mọi nơi cùng tham gia với chúng tôi: cầu nguyện, đoàn kết và hành động để chấm dứt những hành động tàn bạo hàng loạt này. Chúng tôi muốn thực hiện một lời kêu gọi đơn giản cho công lý, để điều tra những tội ác này, yêu cầu những người có trách nhiệm phải giải trình và thiết lập một con đường hướng tới việc khôi phục nhân phẩm.

164 nhân vật ký tên

(1) Holocaust, còn được gọi là Shoah, là cuộc diệt chủng có hệ thống (trong các trại tập trung, qua các phòng hơi ngạt) đã tàn sát khoảng sáu triệu người Do Thái ở Châu Âu trong Thế chiến II, từ năm 1941 đến năm 1945, do Đức Quốc xã chủ trương ...

Lm. Stephanô Bùi Thượng Lưu

## Ngày Đại kết Giới trẻ Thế giới (WCC) 2020

Thánh bộ Đại kết các Giáo hội Thế giới đã thừa nhận những đóng góp của những người trẻ cho phong trào đại kết vào thứ Tư (12.8.2020).

(Tin Vatican - Lydia O’Kane)

Đại hội Giới trẻ Thế giới là tâm điểm của ngày 12 tháng 8, khi Liên Hiệp Quốc tổ chức Ngày Quốc tế Giới trẻ Thế giới này, nhằm nâng

cao nhận thức về các vấn đề mà người trẻ đang phải đối diện ngày nay, Thánh bộ Đại kết các Giáo hội Thế giới đánh dấu Ngày Quốc tế Giới trẻ Đại kết vào Thứ Tư (12.8.2020).

Sáng kiến này đã được quyết định tại Geneva vào năm 2019 nhằm nêu rõ “những đóng góp của người trẻ cho phong trào đại kết”.

Năm nay “Ngày Giới trẻ Thế giới” (IYD) tập trung vào vấn đề sức khỏe tâm linh. Chủ đề này là kết quả của những ý kiến về một chủ đề cấp bách nơi những người trẻ trong và ngoài “Ngày Quốc tế Thanh niên Đại kết” (WCC).

Các chương trình của Ngày Quốc tế Thanh niên Đại kết (WCC) đề cập đến sự tham gia của giới trẻ trong phong trào đại kết và sức khỏe và sự chữa lành là những chủ đề của năm nay.

Một phần của Đại hội Giới trẻ Thế giới toàn cầu này là các bài bá cáo của các vùng khác nhau trên thế giới, bao gồm Đại Dương châu, châu Phi, châu Âu, Bắc Mỹ và Châu Mỹ Latinh. Có rất nhiều bài hát được sáng tác và viết đặc biệt cho ngày Quốc tế Giới trẻ này.

Nói về tầm quan trọng của những người trẻ trong GHCG ngày nay, cô Bohol nhấn mạnh rằng Chúa Giê-su và các tông đồ của Ngài cũng là những người trẻ. Cô nêu rõ giới trẻ trên thế giới là những người đang ở “tuyến đầu sử dụng các thành quả của chúng ta và qua đức tin, họ giải quyết các vấn đề khác nhau trong thế giới của chúng ta ngày nay, vì vậy Giáo hội được mời gọi cung cấp những không gian lãnh đạo chung với những người trẻ nhằm mở mang Nước Chúa trên trần thế.”



## ĐTC Phanxicô gửi thư nhân kỷ niệm 75 năm vụ ném bom nguyên tử



**ĐTC Phanxicô tại Đài Tưởng niệm Hoà bình ở Hiroshima 11.2019 (Vatican Media)**

Nhân dịp kỷ niệm 75 năm vụ ném bom nguyên tử xuống hai thành phố Hiroshima và Nagasaki, ĐTC Phanxicô đã gửi thư đến thống đốc tỉnh Hiroshima của Nhật Bản để bày tỏ gần gũi của ngài và kêu gọi giải trừ vũ khí đặc biệt là vũ khí hạt nhân.

Lá thư được ĐTC gửi đi từ Vatican ngày 15.7. Ngài nhắc lại chuyến tông du của ngài đến Nhật Bản vào tháng 11 năm ngoái, khi đó ngài có cơ hội đến hai thành phố Hiroshima và Nagasaki, và phát biểu những suy tư về sự tàn phá sự sống con người và tài sản trong những ngày khủng khiếp cách đây 3/4 thế kỷ.

Trong thư ĐTC nói rằng: “Tôi đã đến Nhật Bản như một người hành hương vì hoà bình năm ngoái, tôi vẫn tiếp tục giữ trong tim lòng khao khát của con người trong thời đại chúng ta, đặc biệt là những người trẻ, những người khao khát hoà bình và hy sinh cho hoà bình. Tôi cũng mang nơi mình tiếng khóc của người nghèo, những người luôn là những nạn nhân đầu tiên của bạo lực và xung đột.”

ĐTC lặp lại lời ngài đã nói năm ngoái tại Hiroshima: “sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích chiến tranh là phi đạo đức, cũng như việc sở hữu vũ khí hạt nhân là phi đạo đức.”

Ngài ước mong rằng “những tiếng nói ngôn sứ của những người sống sót hibakusha của Hiroshima và Nagasaki tiếp tục là một lời cảnh báo cho chúng ta và các thế hệ tương lai.” (Văn Yên, SJ-VaticanNews)

## Ốn lạnh với dự báo của Bill Gates về thảm họa kinh khủng mới

Người sáng lập Microsoft, Bill Gates, đã dự đoán một cuộc khủng hoảng môi trường, hậu quả khủng hoảng này sẽ vượt quá thiệt hại do đại dịch Covid-19 gây ra.

### **Biến đổi khí hậu sẽ gây ra thảm họa tồi tệ hơn Covid-19.**

Tỷ phú dự đoán rằng hành tinh sẽ phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng toàn cầu do biến đổi khí hậu gây ra trong vài thập kỷ tới. Gates tin rằng để tránh thảm họa xảy ra, cần phải giảm đáng kể lượng phát thải khí nhà kính vào khí quyển.

“Vào năm 2060, biến đổi khí hậu có thể gây tử vong tương đương với COVID-19 và vào năm 2100, nó có thể gây tử vong gấp 5 lần.”

Ông viết: “Cho dù đại dịch thảm khốc đến đâu, biến đổi khí hậu có thể còn tồi tệ hơn. Nếu bạn muốn hiểu loại thiệt hại mà biến đổi khí hậu sẽ gây ra, hãy nhìn vào COVID-19 và lan tỏa nỗi đau trong một khoảng thời gian dài hơn nữa. Những thiệt hại về nhân mạng và khốn khổ về kinh tế do đại dịch này gây ra ngang bằng với những gì sẽ xảy ra thường xuyên nếu chúng ta không loại bỏ lượng khí thải carbon của thế giới”.

Gates dự đoán rằng, trong vòng 20 năm, thiệt hại kinh tế do biến đổi khí hậu sẽ tồi tệ tương đương với đại dịch COVID-19 mỗi thập kỷ.

Ông nói: “Điểm mấu chốt không phải là biến đổi khí hậu sẽ là một thảm họa. “Điểm mấu chốt là, nếu chúng ta học được các bài học của COVID-19, chúng ta có thể tiếp cận với biến đổi khí hậu được thông báo nhiều hơn về hậu quả của việc không hành động, và chuẩn bị tốt hơn để cứu sống và ngăn chặn kết quả xấu nhất có thể xảy ra. Cuộc khủng hoảng toàn cầu hiện tại có thể thông báo phản ứng của chúng ta cho cuộc khủng hoảng tiếp theo”.

Gates nói, chúng ta cần để khoa học và đổi



mới dẫn đường, đồng thời tìm ra các giải pháp cần thiết, chẳng hạn như các nguồn năng lượng sạch hơn và các công cụ không carbon khác, không chỉ hiệu quả với các cường quốc toàn cầu, mà còn cho các nước nghèo hơn sẵn sàng bị ảnh hưởng khó nhất.

Gates tiếp tục: “Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu gần như chắc chắn sẽ khắc nghiệt hơn COVID-19 và chúng sẽ là điều tồi tệ nhất đối với cả những nước ít gây ra chúng. “Các quốc gia đang đóng góp nhiều nhất vào vấn đề này có trách nhiệm cố gắng giải quyết nó.”

“Sẽ mất nhiều thập kỷ để tạo ra và thực hiện tất cả những phát triển cần thiết trong lĩnh vực năng lượng sạch“, nhà sáng lập Microsoft kết luận. (Tuấn Anh (Theo MarketWatch)

## Không phải Covid-19, đây mới là mối nguy lớn nhất với sức khỏe nhân loại

“Mối nguy hiểm lớn nhất“ đang làm giảm tuổi thọ của mọi đàn ông, phụ nữ và trẻ em trên Trái Đất, theo dữ liệu công bố hôm 28.7 từ các chuyên gia môi trường.

Theo dữ liệu từ Chỉ số chất lượng không khí (AQLI), khi thế giới vẫn đang chạy đua điều chế vaccine phòng dịch Covid-19, ô nhiễm không khí sẽ tiếp tục làm suy giảm tuổi thọ của hàng tỷ người và gây nhiều chứng bệnh nặng hơn trên toàn cầu.

Bằng việc ước lượng mức độ của các hạt không khí ô nhiễm - chủ yếu từ các hoạt động đốt nhiên liệu hóa thạch - để suy ra tác động

của chúng đối với sức khỏe con người, chỉ số này phát hiện ra rằng dù lượng hạt ô nhiễm đang giảm đáng kể ở Trung Quốc, từng là một trong những quốc gia ô nhiễm nhất thế giới, mức độ ô nhiễm không khí nói chung vẫn không thay đổi trong 2 thập kỷ qua.

Ở các quốc gia như Ấn Độ và Bangladesh, ô nhiễm không khí nghiêm trọng đến mức hiện nay đã làm giảm tuổi thọ trung bình ở một số khu vực gần xuống một thập kỷ. Các tác giả của nghiên cứu cho biết chất lượng không khí mà nhiều người hít phải có nguy cơ gây hại cho sức khỏe cao hơn nhiều so với dịch Covid-19.

Giáo sư Michael Greenstone, người tạo ra chỉ số AQLI, cho biết: “Mặc dù mối đe dọa của virus SARS-CoV-2 là rất nghiêm trọng và xứng đáng với mọi sự chú ý mà nó đang nhận được, một cách nhìn nhận đúng đắn và sự quan tâm tương xứng đối với mức độ nghiêm trọng của ô nhiễm không khí sẽ góp phần giúp hàng tỷ người sống lâu hơn và khỏe mạnh hơn“.

Gần 1/4 dân số toàn cầu đang sống ở 4 quốc gia Nam Á nằm trong số những quốc gia ô nhiễm nhất thế giới, là Bangladesh, Ấn Độ, Nepal và Pakistan. AQLI phát hiện rằng tuổi thọ trung bình của dân số các nước này sẽ giảm tới 5 năm, do phải tiếp xúc với mức độ ô nhiễm cao hơn 44% so với cách đây 20 năm.

Chỉ số này cũng cho biết ô nhiễm không khí cũng là một “mối quan ngại đáng kể“ tại khu vực Đông Nam Á, nơi các vụ cháy rừng và cây trồng, kết hợp với khói bụi từ các phương tiện giao thông và các nhà máy điện sẽ tạo ra các luồng không khí độc hại. Khoảng 89% trong số 650 triệu dân ở Đông Nam Á đang phải sống trong các khu vực nơi ô nhiễm không khí đang vượt quá các mức khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO).

Dù những khu vực như Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản đang đạt được nhiều thành tựu trong việc cải thiện chất lượng không khí, ô nhiễm vẫn sẽ khiến tuổi thọ trung bình của dân số thế giới giảm mất 2 năm, AQLI cho biết.

Bangladesh được phát hiện có chất lượng không khí tồi tệ nhất thế giới, và khoảng 250

## Tín Thê Giới

triệu cư dân của các quốc gia Nam Á sẽ mất trung bình 8 năm cuộc đời, trừ khi vấn đề ô nhiễm tại đây được kiểm soát.

Một số nghiên cứu cũng cho thấy tiếp xúc với không khí ô nhiễm cũng gây nguy cơ nhiễm Covid-19, và giáo sư Michael Greenstone đang kêu gọi chính các nước cần phủ ưu tiên việc cải thiện chất lượng không khí sau dịch Covid-19.

“Một sự kích thích đáng khích lệ sẽ làm giảm ô nhiễm không khí“, ông Greenstone cho biết, “Giải pháp lúc này nằm ở chính sách công mạnh mẽ.“ (Việt Anh /Phys)



**Ô nhiễm không khí mới được xem là “mối nguy lớn nhất đối với nhân loại“**  
(Ảnh: Narinder Nanu)

## Ai Cập: Toàn dân thương nhớ Vị Bác sĩ của người nghèo

(Tin Vatican . Nathan Morley)

Bác sĩ Mohammed Mashally rất thích những câu chuyện lương y huyền thoại của Ai Cập, và chính ông đã tự quyết ông sẽ không bao giờ lấy một xu của người nghèo. Đó là một lời hứa mà ông đã giữ, khi ông mở phòng khám bệnh ở phía bắc Ai Cập, sau nhiều năm làm việc 15 giờ mỗi ngày, ông được trao tặng biệt danh là “Bác sĩ của người nghèo”.

Theo quy định, ông chỉ nhận một vài xu cho mỗi lần khám, nhưng những người nghèo thường được khám và cấp thuốc mà không phải trả một xu nào.



**Bác sĩ Mohammed Mashally, 76 tuổi đã qua đời, ông đã dành trọn đời y sĩ của mình để chữa trị cho những người nghèo khổ với một chi phí nhỏ nhoi hoặc miễn phí**

Bác sĩ Mashally là một bác sĩ chuyên về bệnh dịch, nội khoa và nhi khoa, ông tốt nghiệp trường y năm 1967. Từ đó, ông làm việc tại một số trung tâm y tế tại nông thôn trước khi ông mở một Trung tâm Y tại Tanta.

Công việc của ông được các cơ quan Ai Cập tán phục, nhiều bài phóng sự truyền hình và báo chí nói tới các hoạt động, công cuộc bác ái và sự xác tín của ông trên các chương trình truyền hình và báo chí.

Đây là một quyết tâm của bác sĩ Mashally, ngay cả khi sức khỏe của bác sĩ bị suy sụp trong những năm qua, bác sĩ vẫn tiếp tục làm việc.

Ông đã an giấc vào đầu tuần này (27.7.2020), vì lao lực và bị suy sụp về các chứng bệnh rối loạn tuần hoàn...

Các Giáo trưởng Grand Imam Al.Azhar và Ahmed Al-Tayyeb, đã mô tả vị bác sĩ này như là một tấm gương cho nhân loại. Bác sĩ đã hiến đời mình phục vụ những bệnh nhân nghèo khổ cho đến giờ phút cuối cùng của cuộc đời ông... Bác sĩ Mashally xứng đáng được công chúng yêu thương và kính trọng... Đó là lời chia sẻ của các giáo trưởng Hồi giáo trong tang lễ an của bác sĩ. Rất đông đảo dân chúng, bao gồm nhiều bệnh nhân của bác sĩ đã qui tụ lại để tiễn biệt một vị bác sĩ giàu lòng nhân ái... (Thanh Quảng SDB)



## Hacker liên hệ với Trung Quốc “xâm nhập mạng của Vatican”

Hacker có liên hệ với chính phủ Trung Quốc đã xâm nhập vào mạng máy tính của Vatican, gồm cả đại diện ở Hong Kong, một công ty Mỹ chuyên theo dõi các cuộc tấn công mạng do nhà nước bảo trợ nói hôm 29.7, theo Reuters. Công ty này cho biết rằng các vụ tấn công mạng bắt đầu hồi tháng Năm.

Vatican và Bắc Kinh được kỳ vọng sẽ đối thoại trong năm nay về việc làm mới một thỏa thuận mang tính cột mốc năm 2018, vốn bình ổn quan hệ giữa Trung Quốc và Tòa thánh.

Công ty Recorded Future nói trong báo cáo rằng các cuộc tấn công nhắm mục tiêu vào Vatican và giáo phận Hong Kong. Reuters dẫn lời công ty của Mỹ nói rằng các mục tiêu bao gồm trao đổi giữa giáo phận Hong Kong và Vatican. Các hacker được cho là đã sử dụng các công cụ và phương thức của các nhóm tin tặc được nhà

nước Trung Quốc bảo trợ.

Bắc Kinh thường bác bỏ sự liên đới trong các nỗ lực tấn công mạng và tuyên bố mình cũng là nạn nhân của các mối đe dọa như vậy. Theo Reuters, phát ngôn viên Vatican không có phản hồi ngay. Giáo phận Hong Kong không trả lời yêu cầu bình luận.

## Phát hiện kho báu khổng lồ hàng tỷ USD trong xác tàu đắm ở đáy biển Caribbean

Các nhà nghiên cứu đã rất vui mừng khi một tàu ngầm robot phát hiện ra xác một chiếc tàu đắm chứa cả một kho báu khổng lồ trị giá tới 17 tỷ USD dưới đáy biển Caribbean, theo Express.

Con tàu đắm là một thuyền buồm của Hải quân Tây Ban Nha chứa đầy vàng, bạc, châu báu.

Con tàu đắm 310 tuổi này là một thuyền buồm của Hải quân Tây Ban Nha, được gọi là San Jose và bị tàu chiến Anh đánh chìm trong trận chiến ngoài khơi bờ biển Cartagena, Colombia, vào năm 1708. Khi bị chìm, con tàu chở đầy vàng, bạc và ngọc lục bảo trị giá tới 17 tỷ USD.

Cụ thể, vào tháng 11.2015, Jeff Kaeli, một kỹ sư nghiên cứu của Viện Hải dương học Woods Hole xác nhận ông đã tìm thấy xác con tàu đắm chứa kho báu kếp xù ở đáy biển Caribbean. Đại bác bằng đồng khắc biểu tượng cá heo . một dấu hiệu để nhận biết xuất xứ của nó . đã được phát hiện nhờ robot tàu ngầm Remus 6000.

Remus 6000, được vận hành bởi Viện Hải dương học Woods Hole ở Massachusetts, Mỹ đã tìm thấy con tàu nằm sâu dưới biển, cách mặt



## Tín Thê Giới

biển khoảng 600m. Vị trí chính xác của con tàu đắm đã được giữ bí mật sau khi giá trị kho báu bên trong nó được xác nhận. Chiếc tàu ngầm đã quét đáy biển bằng cách sử dụng sonar tầm xa sau đó quay lại và chụp ảnh bất kỳ vật thể nào có vẻ bất thường.

Nhóm các nhà nghiên cứu của Woods Hole cũng tìm thấy những đồ tạo tác như tách trà và bình gốm.

Ông Kaeli chia sẻ thêm: “Mọi người đều tập trung vào khía cạnh kho báu, nhưng phần lớn nó là một kho báu về văn hóa. Nó là 1 phần của lịch sử và chứa đựng nhiều câu chuyện hấp dẫn”.

Kể từ khi phát hiện ra xác con tàu đắm, tranh cãi đã nảy sinh giữa Colombia và Tây Ban Nha khi cả 2 nước đều tuyên bố là chủ sở hữu hợp pháp của kho báu.

Nhưng các nhà nghiên cứu tại Woods Hole nói rằng họ là những nhà thám hiểm, không phải thợ săn kho báu và không liên quan gì đến tranh chấp quyền sở hữu con tàu. Cho đến tận bây giờ, toàn bộ kho báu bên trong con tàu đắm vẫn còn ở dưới đáy biển, chưa được trục vớt. (Minh Nhật) (danviet)

## Phi thường: Bệnh viện Nhi Khoa của Tòa Thánh tách được hai được hai trẻ sinh đôi đầu dính vào nhau

Cặp song sinh dính liền với nhau có thể trở về nhà trong vòng vài tháng từ bệnh viện Nhi Khoa của Vatican, nơi cơ thể của họ được các bác sĩ tách ra thành công và họ có cơ hội rất cao sẽ sống như các trẻ bình thường, bác sĩ phẫu thuật thần kinh bệnh viện nói với Thông tấn xã Catholic News, gọi tắt là CNA.

Bệnh viện Bambino Gesù tuyên bố phẫu thuật tách thành công vào ngày 7 tháng 7, và nói rằng đây là ca phẫu thuật đầu tiên thuộc loại này ở Ý và có lẽ là đầu tiên trên thế giới.

Giai đoạn cuối cùng của phẫu thuật, diễn ra vào ngày 5 tháng 6, kéo dài 18 giờ và liên quan đến hơn 30 nhân viên y tế. Hai chị em hai tuổi dự kiến sẽ hồi phục hoàn toàn.

“Chúng tôi đã có thể đạt được một kết quả phi



thường bất kể một dị tật phức tạp như vậy, và đã tách được hai em ra với một kết quả tối ưu. Từ quan điểm thần kinh, hai cô bé đang tiến triển rất tốt và có khả năng tuyệt vời sẽ có cuộc sống bình thường trong tương lai,” tiến sĩ Carlo Efsio Marras, giám đốc phẫu thuật thần kinh của bệnh viện Bambino Gesù nói với CNA ngày 8 tháng 7.

Thành tựu này là thành quả của hơn một năm làm việc điều tra và chuẩn bị liên quan đến một số chuyên ngành và kỹ thuật chuyên môn tại bệnh viện này của Tòa Thánh. Có nhiều giai đoạn khó khăn vì phải trải qua một số phẫu thuật cần thiết, mỗi giai đoạn đều có những thách thức riêng, ông Marras nói với CNA

“Một điều khó khăn nhất liên quan đến hệ thống tĩnh mạch, đó là mạng lưới các ống dẫn đưa máu từ tim đến não để đưa oxy đến đó. Nếu chúng ta không thành công trong việc đối phó với hệ thống được chia sẻ bởi cả hai em bé, kết quả sẽ rất thảm khốc.”

“Tuy nhiên, hai đứa trẻ sinh đôi vẫn ổn: chúng tôi tin rằng chúng có thể được về nhà trong một vài tháng tới. Hai em sẽ phải trải qua giai đoạn phục hồi để tìm hiểu những chuyển động mà họ không thể thực hiện trước đó. Tôi hết lòng chúc mừng họ một tương lai hạnh phúc. Bây giờ họ đang trong tình trạng để trở lại cuộc sống bình thường.”

“Tôi phải cảm ơn bệnh viện của mình, nơi được biết đến như một nơi tập hợp các nghiên cứu, phát triển và đoàn kết, vì kinh nghiệm phi thường này,” ông Marras nói thêm.

Bệnh viện cho biết cặp song sinh, Ervina và

Prefina, được sinh ra vào ngày 29 Tháng 6 năm 2018 tại một ngôi làng khoảng 100km bên ngoài Bangui, thủ đô của nước Cộng hòa Trung Phi. Hai đứa bé có đầu dính vào nhau trong một hình thức hợp nhất giữa sọ và não hiếm nhất và phức tạp nhất, được gọi là “total posterior craniopagus”.

Mariella Enoc, giám đốc của bệnh viện Bambino Gesù, đã gặp gỡ cặp song sinh vào tháng 7 năm 2018, trong chuyến thăm Bangui, nơi hai chị em đã được chuyển đến sau khi sinh. Enoc đã giúp giám sát việc mở rộng các dịch vụ nhi khoa ở nước này, một trong những nơi nghèo nhất thế giới, để đáp lại lời kêu gọi từ ĐTC Phanxicô. Cô quyết định đưa các cô gái đến Rôma để phẫu thuật.

Cặp song sinh đến Ý cùng mẹ, Ermine, vào ngày 10 tháng 9 năm 2018. Các xét nghiệm ban đầu xác nhận hai chị em khỏe mạnh, nhưng có huyết áp khác nhau, cho thấy một trong hai trái tim của các cô gái phải làm việc nhiều hơn để duy trì hoạt động khỏe mạnh của các cơ quan, bao gồm cả bộ não của họ.

Bệnh viện cho biết cặp song sinh được nối thông qua phía sau đầu, bao gồm cả gáy, chia sẻ cả da và xương sọ. Nhưng thách thức lớn nhất đối với các bác sĩ là họ được nối ở mức độ sâu hơn, chia sẻ màng bên trong hộp sọ cũng như hệ thống tĩnh mạch, qua đó máu được não sử dụng được đưa trở lại tim.

Bệnh viện nhấn mạnh rằng hai chị em có những tính cách riêng biệt, mô tả Prefina là vui tươi và sống động, khác và Ervina là nghiêm túc và chú ý quan sát hơn.

Một nhóm đa ngành, bao gồm bác sĩ phẫu thuật thần kinh, bác sĩ gây mê và bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ, đã chuẩn bị trong hơn một năm cho hoạt động tách cặp song sinh.

Sự tách biệt diễn ra trong ba giai đoạn. Đầu tiên, vào tháng 5 năm 2019, các bác sĩ phẫu thuật thần kinh bắt đầu tách và xây dựng lại màng và hệ thống tĩnh mạch.

Lần thứ hai, một tháng sau đó, tập trung vào sự hợp lưu của các xoang trong não. Bệnh viện cho biết đây là giai đoạn quan trọng của việc điều trị vì không gian hoạt động là vài milimet.

Hai cuộc phẫu thuật đã chuẩn bị cho các cô gái cho giai đoạn thứ ba và cuối cùng của sự tách ly hoàn toàn vào ngày 5 tháng Sáu.

“Đây là một khoảnh khắc thú vị, một trải nghiệm tuyệt vời, không thể lặp lại. Đó là một mục tiêu rất tham vọng và chúng tôi đã làm mọi thứ có thể để đạt được nó, với niềm đam mê, sự lạc quan và niềm vui. Bằng cách chia sẻ từng bước, nghiên cứu từng chi tiết đơn lẻ với nhau,” bác sĩ Marras nói.

Bambino Gesù, thông thường được gọi là bệnh viện Nhi Khoa của ĐGH, là một trong những bệnh viện nhi khoa quan trọng nhất trên thế giới. Được thành lập vào năm 1869 bởi nữ công tước Arabella Salviati, bệnh viện đã được hiến tặng cho ĐGH Piô thứ 11 vào năm 1924, với mục đích mang lại cho nó một tương lai ổn định hơn. Trong khi bệnh viện nằm ở Rôma, chứ không phải bên trong nội thành Vatican, nó nằm trong một khu vực ngoài quyền tài phán của Ý do Tòa Thánh quản trị. (Đặng Tự Do)





## Tin Thế Giới

### Ý tịch thu số ma túy trị giá \$1.12 tỷ do IS chế tạo tại Syria

Các viên ma túy amphetamine do IS sản xuất bị chặn bắt ở Ý. (Hình: Guardia di Finanza via AP) AddThis Sharing Button Share to Facebook Share to Twitter Share to Email Share to Print

SALERNO, Ý (NV) - Cảnh sát Ý hôm 1 Tháng Bảy, nói đã tịch thu được 14 tấn ma túy amphetamine do thành phần khủng bố IS ở Syria chế tạo, gọi đây là vụ bắt ma túy lớn nhất trên thế giới từ trước tới nay.

Theo bản tin của hãng thông tấn AFP, số lượng ma túy này gồm 84 triệu viên Captagon, giấu trong các kiện hàng kỹ nghệ, để trong các container, trị giá khoảng 1 tỷ euro (khoảng \$1.12 tỷ) để dự trữ bán ra trong thị trường Âu Châu, lấy tiền tài trợ cho các hoạt động khủng bố, theo sở cảnh sát tại Naples trong bản thông cáo gửi tới báo chí.

“Chúng ta biết rằng IS tài trợ các hoạt động khủng bố bằng cách bán ma túy do họ chế tạo tại Syria, vốn trong mấy năm qua đã là nguồn sản xuất amphetamine lớn nhất thế giới,” theo bản thông cáo của sở cảnh sát.

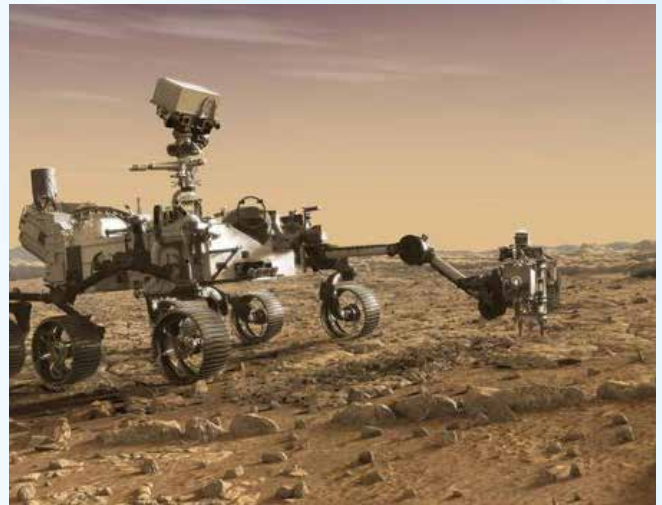
Nguồn tin cảnh sát nói rằng có ba thùng container khả nghi được chở đến cảng Salerno, nằm về phía Nam của Naples, chứa các ống tròn bằng giấy cứng dùng trong kỹ nghệ, cũng như các máy móc kỹ nghệ.

Khi dùng cửa máy cắt các món này ra, cảnh sát khám phá thấy các viên thuốc nén có in hai nửa vòng tròn, dấu hiệu của Captagon.

“Đây là vụ tịch thu amphetamine có số lượng lớn nhất thế giới,” theo cảnh sát Ý.

Captagon là một nhãn hiệu thuốc, trước đây chỉ được dùng cho mục đích y tế, nhưng các loại thuốc loại này sản xuất lậu đã được gọi là “Thuốc Thánh Chiến” do thường xuyên được các tay súng IS dùng trước khi đụng trận, theo cảnh sát.

Cách đây hai tuần, cũng tại cảng Salerno, cảnh sát tịch thu một container gửi từ Syria, trong có chứa 2,800 kg cần sa và hơn 1 triệu viên amphetamine cùng loại bị phát giác hôm



Thứ Tư. (V.Giang) [qd]

### Tàu vũ trụ của NASA mở đường cho chuyến đi của nhân loại đến Sao Hỏa

Theo một nhóm các nhà sinh vật học, cơ quan vũ trụ NASA đang chuẩn bị khởi động dự án tham vọng nhất từ trước cho đến nay, đó là đưa con tàu hiện đại nhất của cơ quan này lên mở đường cho con người tới Hành Tinh Đỏ.

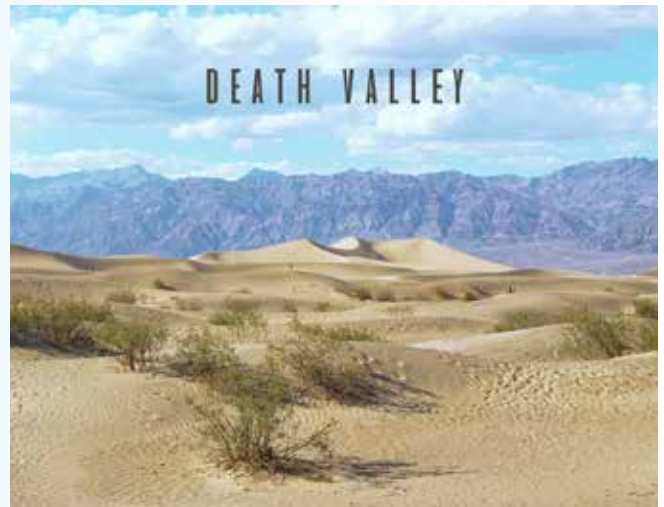
NASA chuẩn bị ra mắt máy bay siêu hiện đại tại Florida, cung cấp tất cả các giải pháp khắc phục bất kỳ điều kiện thời tiết nào. Và nhiệm vụ chính của nó là tìm kiếm các dấu hiệu của sự sống, nó cũng sẽ giúp chuẩn bị cho sự xuất hiện của nhân loại tại đó. Một số bộ phận của con tàu sẽ kiểm tra quá trình tạo oxy từ carbon dioxide, hoặc một loại khí tương tự nào đó có rất nhiều trong bầu khí quyển của Hành tinh Đỏ. Thiết bị này được gọi là Thí nghiệm sử dụng tài oxy trên sao Hỏa (MOXIE), và theo NASA: “Nó sẽ chứng

minh cách mà các nhà thám hiểm trong tương lai có thể tạo ra oxy từ bầu khí quyển sao Hỏa để đẩy nhiên liệu và thở.“

MOXIE hoạt động theo cách tương tự như một cái cây . nó hít khí carbon dioxide và thải ra oxy, quá trình ngược lại với động vật, bao gồm cả con người. Theo Briony Horgan, phó giáo sư khoa Khoa học hành tinh của Đại học Purdue và Melissa Rice, phó giáo sư khoa Khoa học hành tinh tại Đại học Western Washington: “Đây sẽ là chìa khóa để khám phá con người.“ Bộ đôi này đã chia sẻ trong buổi phỏng vấn: “Con tàu sắp ra mắt sẽ giúp chuẩn bị cho các nhiệm vụ của con người trong tương lai khi tới Sao Hỏa. Một trong nhiều thử thách đối với các phi hành gia sẽ là danh sách hành lý cho hành trình khứ hồi hai năm, bao gồm không khí, nước và nhiên liệu tên lửa để về nhà. Nếu những tài nguyên này có thể được thu hoạch trên Sao Hỏa, các nhiệm vụ của con người sẽ khả thi hơn nhiều. Trong tương lai, các thiết bị cũng như hành lý tương tự có thể được gửi trước các phi hành gia, do đó, không khí để thở và động cơ tên lửa oxy lỏng sẽ chờ họ đến.“

MOXIE trên Rover Perseverance sẽ chỉ có kích thước bằng chiếc pin của xe hơi. Tuy nhiên, nếu các thử nghiệm trên sao Hỏa được chứng minh thành công, các thiết bị, máy móc tương tự được gửi lên hành tinh này cùng với con người sẽ cần phải lớn hơn khoảng 100 lần. MOXIE không chỉ có thể giúp đảm bảo con người sống sót trên Sao Hỏa mà còn giúp tạo điều kiện thuận lợi cho hành trình của các phi hành gia trở lại Trái đất từ Hành tinh Đỏ.

Michael Hecht, nhà điều tra chính của NASA cho biết: “Khi chúng tôi đưa con người lên sao Hỏa, chúng tôi sẽ muốn họ trở về an toàn và để làm điều đó họ cần một tên lửa để rời khỏi hành tinh đó. Chất đẩy oxy lỏng là thứ chúng tôi có thể tự tạo ra ở đó mà không cần phải mang theo bình oxy bên mình. Một ý tưởng tuyệt vời sẽ là mang một bình oxy rỗng và đổ đầy nó trên Sao Hỏa.“ (Lê Trang (express.co.uk) (Danviet)



## Thung lũng Chết bất ngờ nhiệt độ tăng khủng khiếp nhất trong 107 năm qua

Ngày nóng nhất trên Trái đất đã lên tới 54,4C (130F) ở Thung lũng Chết, phá kỷ lục trước đó là 53,8C (129F) hồi năm 2016.

Kỷ lục về nhiệt độ nóng nhất trên Trái đất có thể đã bị phá vỡ khi nhiệt độ đạt 54,4 độ C vào Chủ nhật 16.8. Tại Thung lũng Chết của California, nhiệt độ tăng vọt và theo Cơ quan Thời tiết Quốc gia, đây có thể là mức nóng nhất từng đạt được.

Vào lúc 3,41 giờ chiều theo giờ Thái Bình Dương, nhiệt độ được cho là lên tới 130 độ F, theo Mail Online. Hiện tại, Thung lũng Chết đang giữ kỷ lục thế giới về nhiệt độ nóng nhất trên Trái đất là 134 độ F vào ngày 10.7.1918.

Tuy nhiên, các chuyên gia cho rằng điều này chưa được xác thực. Nhiệt độ đáng tin cậy nhất được ghi nhận để phá kỷ lục thế giới theo nhiều

## Tín Thế Giới

người là 129F (53,8 độ C), ở Thung lũng Chết vào ngày 30.6.2013, và ở Kuwait vào năm 2016, Pakistan vào năm 2017.

Tại Vương quốc Anh, ngày nóng nhất được ghi nhận là 38,5 độ C vào năm 2003, nhưng Tiến sĩ Ilan Kelman, Giáo sư về Thảm họa và Sức khỏe tại Đại học College London, cho biết mức nhiệt mùa hè có thể cao hơn nhiều. Bảo Ngọc (Theo DailyStar) Thứ ba, ngày 18.08.2020

### Đào được viên kim cương lớn nhất năm, trị giá tới 18 triệu USD



Các thợ mỏ châu Phi gần đây đã đào được viên kim cương 442 carat, lớn nhất trong năm 2020, ước tính giá trị lên tới 18 triệu USD.

Viên kim cương khổng lồ mới đào được ước tính có giá lên tới 18 triệu USD.

Theo 9News, viên kim cương khổng lồ do thợ

mỏ của công ty Gem Diamonds Ltd đào được ở Lesotho, quốc gia nằm ở phía nam châu Phi.

Gem Diamonds là công ty nổi tiếng với những viên kim cương chất lượng cao, có nguồn gốc từ khu mỏ Letseng, Lesotho. Năm 2018, công ty này từng công bố viên kim cương cực hiếm, nặng tới 910 carat, được gọi là “Huyền thoại Lestho”.

Đích thân CEO của công ty, Clifford Elphick đã công bố phát hiện mới vào cuối tuần trước. “Đây là viên kim cương lớn nhất trên thế giới trong năm nay. Phát hiện này một lần nữa chứng minh tầm quan trọng của khu mỏ Letseng, chứng minh nơi này tồn tại những viên kim cương khổng lồ và có chất lượng cao”, ông Elphick nói.

“Đây cũng là minh chứng cho nỗ lực cống hiến hết mình của các nhân viên công ty, để đào được viên kim cương phi thường như vậy”, ông Elphick nói.

Viên kim cương trên ước tính có giá lên tới 18 triệu USD, Edward Sterck, chuyên gia phân tích tại BMO Capital Markets nhận định, theo Bloomberg.

CEO Elphick cam kết trích khoản tiền từ việc bán đấu giá kim cương để đóng góp cho dự án cộng đồng ở Lesotho.

Phát hiện mới cũng là cú hích quan trọng đối với ngành khai thác kim cương trên thế giới. Ngành kim cương đang chịu tổn thất lớn vì đại dịch Covid-19. ( Đăng Nguyễn)



# Tin Giáo Hội

## Đại dịch buộc các Nữ tu phải hủy bỏ sự kiện mừng kỷ niệm 110 ngày sinh của Mẹ Têrêsa

Chín Nữ tu có kết quả xét nghiệm dương tính với Covid-19, buộc các Nữ tu này phải tránh các cuộc tụ tập bên trong trụ sở của họ.

Các Nữ tu Dòng Thừa sai Bác ái (MC) đã hủy bỏ các sự kiện mừng kỷ niệm sinh nhật thường niên năm nay của Đấng sáng lập Hội Dòng của mình, Mẹ Têrêsa Calcutta, sau khi một số Nữ tu có kết quả dương tính với Covid-19.

Sự kiện mừng kỷ niệm 110 năm ngày sinh của vị Nữ tu thánh thiện đã hưởng vinh quang Thiên Quốc mà không có các hoạt động được tổ chức theo thông lệ vào ngày 26 tháng 8 tại trụ sở chính của Dòng Thừa sai Bác ái, 22 năm sau khi Thánh nhân qua đời.

Sau khi chín Nữ tu có kết quả xét nghiệm dương tính với Covid-19 tại trụ sở của họ, các Nữ tu Dòng Thừa sai Bác ái đã hủy bỏ Tuần Cửu Nhật cầu nguyện, Thánh lễ đồng tế và hoạt động ca hát và nhảy múa của các mẹ thiếu nhi như một phần của sự kiện mừng kỷ niệm.

Trụ sở chính của Dòng Thừa sai Bác ái ở

**Các Nữ tu Dòng Thừa Sai Bác Ái đeo khẩu trang cầu nguyện tại phần mộ của Mẹ Têrêsa Calcutta để đánh dấu kỷ niệm 110 năm ngày sinh của Mẹ vào ngày 26 tháng 8**

(Ảnh: Dibyangshu Sarkar / AFP)



thành phố Kolkata, miền đông Ấn Độ, còn được gọi là ‘Nhà Têrêsa Calcutta’, có phần mộ của vị Nữ tu thánh thiện. Nơi đây mang một vẻ hoang vắng lạ thường khi không có dòng người hành hương đổ về như thường lệ để tỏ lòng tôn kính trọng Mẹ Têrêsa Calcutta nhân kỷ niệm 110 ngày sinh của Mẹ.

Theo Sunil Lucas, một tình nguyện viên của Dòng Thừa sai Bác ái, Thánh lễ riêng đã được cử hành tại mộ phần của Mẹ Têrêsa Calcutta vào sáng ngày 26 tháng 8 do Cha Dominic Gomes, Tổng đại diện Tổng giáo phận Kolkata, chủ tế.

Theo anh Lucas, tính đến ngày 26 tháng 8, bảy trong số chín nữ tu đã bình phục.

Trụ sở chính có khoảng 100 nữ tu bao gồm cả tập sinh, một nữ tu MC phát biểu với UCA News. Nữ tu này cho biết họ đã hạn chế du khách và tránh các cuộc tụ họp kể từ giữa tháng 3 khi virus bắt đầu lây lan trong nước.

Bất chấp mối đe dọa lây nhiễm, “những chiến binh Covid-19 không hề biết sợ hãi này đã ra ngoài hàng ngày để phục vụ những người nghèo nhất trong số những người nghèo. Và một số đã bị nhiễm bệnh”, anh Lucas chia sẻ.

Kể từ sau khi Mẹ Têrêsa Calcutta vào ngày 5 tháng 9 năm 1997, các nữ tu đã đánh dấu ngày sinh của Mẹ bằng cách bắt đầu làm Tuần Cửu Nhật cầu nguyện ngay trước ngày giỗ. Sau khi Mẹ Têrêsa được tuyên Thánh vào năm 2016, Tuần Cửu Nhật cầu nguyện đã trở thành một hoạt động chuẩn bị mừng kính Mẹ vào ngày 5 tháng 9.

Theo thông lệ, hàng ngàn người đến kính viếng mộ trong suốt chín ngày này để đặt những lời thỉnh cầu của họ vào một chiếc hộp trên mộ phần của Mẹ Têrêsa, chụp ảnh, nâng niu các Thánh tích hoặc chỉ đơn giản là chạm vào phần mộ của Mẹ, tìm kiếm những ơn lành từ một người phụ nữ thánh thiện đã đi giữa họ cách đây hai thập kỷ trước.

Tuy nhiên, cánh cửa nhỏ bằng gỗ dẫn đến lối vào ‘Nhà Têrêsa Calcutta’ giờ đây vẫn cửa chốt then cài. Không có du khách nào được phép vào nội vi. Một số người mang vòng hoa viếng

mộ bầm chuông cửa Nhà Dòng, và một nữ tu ra ngoài nhận và sau đó đặt lên phần mộ của Mẹ.

Một nữ tu cấp cao phát biểu với UCA News rằng không nữ tu nào được phép ra ngoài lúc này, nhưng công việc của họ cho người nghèo trong một số ngôi nhà dành cho trẻ em mồ côi và những người gần hấp hối vẫn tiếp tục không bị cản trở.

“Tất cả chúng các hoạt động này hiện vẫn tiếp tục với sự trợ giúp của các nữ tu và tình nguyện viên sống trong những ngôi nhà đó. Chúng tôi hiện không tiếp nhận thêm bất kỳ người mới nào”, vị nữ tu nói, yêu cầu ẩn danh vì họ không được phép phát biểu với giới truyền thông. (Minh Tuệ - theo UCA News)

## Giáo hội Bangladesh phát động chiến dịch trồng cây trong Năm “Laudato Si”

Vatican News (19.8.2020) - Các giám mục Bangladesh đã phát động chiến dịch trồng 400.000 cây trên khắp đất nước trong năm đặc biệt “Laudato Si”, kỷ niệm 5 năm ĐTC Phanxicô ban hành Thông điệp “Laudato Si” - Chăm sóc Ngôi nhà chung của chúng ta. Chiến dịch được tài trợ bởi HĐGM Bangladesh và Ủy ban Bác ái của Giáo hội nước này.

ĐHY Patrick D’Rozario, TGM Dhaka, chủ tịch HĐGM Bangladesh đã cùng với các giám mục khai mạc chiến dịch trồng cây tại các cơ sở của HĐGM Bangladesh ở thủ đô Dhaka hôm 14.08. Do những biện pháp ngăn ngừa Covid-19, chỉ có một số giáo sĩ, tu sĩ của tám giáo phận của Bangladesh và các đại diện giáo dân tham dự buổi khai mạc chiến dịch.

Các giám mục Bangladesh đã trồng 3 cây ăn quả và mời gọi các tín hữu Công giáo của tám giáo phận nước này và các giáo xứ cũng làm như thế trong năm 2020-2021.

Trong nghi thức khai mạc chiến dịch, ĐHY D’Rozario nói rằng cây xanh giữ một vai trò quan trọng trong việc duy trì sự cân bằng sinh thái. Tuy nhiên, với sự gia tăng dân số và nhiều nhu cầu của con người, các rừng cây và khoảng xanh dần dần bị cạn kiệt. Kết quả là các thảm



họa thiên nhiên khác nhau đang ảnh hưởng đến thế giới. Trước tình hình này, Đức TGM Dhaka nói rằng cộng đồng cần phải nhận thức và nhấn mạnh đến việc duy trì sự cân bằng tự nhiên. ĐHY hy vọng rằng bằng cách hiệp nhất với cộng đồng thế giới và đất nước, GHCG Bangladesh sẽ có thể đóng góp ít nhất một chút vào sự cân bằng sinh thái và sự phát triển bền vững của đất nước bằng cách trồng cây.

Với chiến dịch trồng cây này, các giám mục của Bangladesh cũng kỷ niệm 50 năm nước này giành được độc lập từ Pakistan, vào ngày 26.03.1971, cũng như 100 năm ngày sinh của Sheikh Mujibur Rahma, người thành lập quốc gia. Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của vị khai sinh đất nước, Bangladesh cũng phát động một năm kỷ niệm, từ 17.03 năm nay đến 17.03 năm 2021. ĐHY D’Rozario là Chủ tịch của Ủy ban quốc gia gồm 50 thành viên, được thành lập cho cả hai dịp kỷ niệm trên. Ngài nói: “Chúng ta yêu mến đất nước và tôn trọng vị sáng lập. Mỗi tín hữu Công giáo cần trồng một cây để diễn tả tình yêu đối với đất nước và tôn vinh vị sáng lập của chúng ta... Chúng ta hầu như sẽ trồng cây ăn quả, nhưng cả những cây có thể mang lại gỗ cho tương lai.”

Nguồn: vaticannews.va.vi (Hồng Thủy)

## Giáo hội Ấn Độ khánh thành trung tâm chăm sóc bệnh nhân Covid-19

Ngày 17.8, Đức cha Peter Machado, TGM Bangalore đã làm phép và khánh thành một trung tâm chăm sóc bệnh nhân Covid-19 tại bệnh viện



đại học Thánh Gioan. Trung tâm có 400 giường, trong đó có 48 giường cách ly, khu điều trị tích cực 24 giường và khu chăm sóc đặc biệt 24 giường.

Trong 5 tháng qua, trung tâm y tế này đã cung cấp dịch vụ điều trị miễn phí trị giá hơn 67 ngàn đô la Mỹ cho các bệnh nhân nhiễm virus corona. Và tính đến cuối tháng 7, trung tâm đã khám sàng lọc cho hơn 5.000 bệnh nhân bị sốt, 2.000 bệnh nhân vào khoa cấp cứu, điều trị cho hơn 600 bệnh nhân tại các khoa và chăm sóc khoảng 500 bệnh nhân nặng tại khu chăm sóc đặc biệt.

Bệnh viện đại học Thánh Gioan được HDGM Ấn Độ thành lập vào năm 1963 với mục đích đào tạo nhân viên y tế, cam kết phục vụ người nghèo ở bên lề xã hội. Trung tâm Y tế lớn này bao gồm một bệnh viện với 1350 giường cho tất cả các khoa, một trường đào tạo điều dưỡng, Viện quản lý chăm sóc sức khỏe và Nghiên cứu Y khoa.

Ấn Độ có số người nhiễm Covid-19 cao thứ ba trên toàn thế giới sau Hoa Kỳ và Brazil. Bộ Y tế Ấn Độ cho biết đã có hơn 55 ngàn ca tử vong. Hiện tại, mỗi ngày Ấn Độ có khoảng 69 ngàn ca nhiễm mới, nâng tổng số lên 3 triệu ca. (Ngọc Yến - Vatican News)

### **Bà Mukaluvilayil Sameul Sunil, giáo sư về hưu xây 175 ngôi nhà cho người vô gia cư**

Mukaluvilayil Sameul Sunil là tên của một phụ nữ được nhiều người biết đến và yêu mến ở Ấn Độ trong những năm qua vì những hoạt động xã hội của bà dành cho người nghèo, người vô gia cư, những người dễ bị tổn thương nhất.

Bà Sunil là một giáo sư đã nghỉ hưu, trong những ngày này bà đang hoàn thành việc xây dựng nơi trú ngụ thứ 175 cho người vô gia cư. Đây đúng là một kỷ lục và là một chứng tá tuyệt vời về lòng vị tha. Đối với những người được thụ hưởng các dự án này thì bà Sunil là thiên thần hộ mệnh của họ.

Bà Sunil nguyên là giáo sư tại đại học Công giáo Pathanamthitta, thuộc nhóm các trường đại học đầu tiên ở bang Kerala. Trong 15 năm qua, bà đã dẫn thân tích cực trong các hoạt động xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục cho người nghèo.

Ngôi nhà hiện đang được xây dựng sẽ được bà Sunil tặng cho một gia đình ở địa phương. Kế hoạch của giáo sư Sunil là vào cuối năm nay, sẽ hoàn thành 200 nơi trú ngụ cho người nghèo. Ước mơ của bà là trong những năm tới nơi trú ngụ cho người nghèo sẽ đạt được con số 1.000.

Với giá cả gia tăng, việc mua nhà ở Ấn Độ ngày càng khó khăn. Bà Sunil cho biết cách đây 15 năm, một ngôi nhà nhỏ khoảng 55 m2 có giá 1.500 euro; bây giờ phải mất tới 4.500 euro. Để hạn chế chi phí xây dựng, ngoài việc giám sát dự án, bà còn trực tiếp tham gia vào thiết kế.

Bà bắt đầu tham gia vào lãnh vực giáo dục vào năm 1995, ở tuổi 36. Nữ giáo sư được coi là một nhà giáo dục luôn có những tư tưởng tích cực về cuộc sống. Bà là người đã dạy học sinh tầm quan trọng của tình yêu và sự chú ý đối với người khác.

Dẫn thân hoạt động xã hội của bà không chỉ giới hạn trong việc xây dựng nơi trú ngụ cho



người vô gia cư. Bà đã tặng 278 chiếc xe lăn cho người khuyết tật và kính cho người mù. Bà cũng đã hỗ trợ học bổng cho khoảng 100 học sinh và trợ giúp 25 trẻ em mồ côi ở quận địa phương. Với dự án Karuthal, mỗi tháng bà Sunil cung cấp cho 200 gia đình nghèo gạo và lương thực. Dấn thân mới nhất của bà là “Jeevamritham”, một sáng kiến phân phối nước uống cho người nghèo ở các làng xung quanh Pathanamthitta.

Nữ giáo sư về hưu đã nhận được giải thưởng Naree Sakthi Puraskar, một giải thưởng danh dự dân sự cao nhất ở Ấn Độ dành cho phụ nữ do Liên Bộ Phụ nữ và Phát triển Trẻ em thành lập năm 2018. Bà Sunil đã sử dụng số tiền thưởng cho các mục đích từ thiện, xây dựng nhà tặng cho người nghèo. Bà chia sẻ: “Phục vụ cộng đồng là đam mê của tôi”. (Ngọc Yến - Vatican News)

## Cộng sản Trung Quốc tiếp tục tấn công, phá hủy các Thánh giá

Trong không đầy 3 tháng, đã có hơn 500 Thánh giá ở tỉnh An Huy bị chính quyền Trung Quốc triệt hạ.

Chính quyền cộng sản đang tiếp tục việc loại bỏ các Thánh giá ở tỉnh An Huy của Trung Quốc khi các nhà lãnh đạo Công giáo và Tin lành vẫn bất lực trước cuộc tấn công vào tự do tôn giáo.

Kể từ giữa tháng 4 năm nay, các quan chức nhà nước Trung Quốc đã dẹp bỏ hoặc phá hủy hơn 500 cây Thánh giá tại các nhà thờ Kitô giáo và các địa điểm công cộng ở An Huy trong một chiến dịch mà một số Kitô hữu tin là một động thái nhằm xóa sạch biểu tượng Kitô giáo khỏi nơi công cộng.

Ông Phao.lô Lý, một nhà giảng thuyết Tin Lành ở tỉnh An Huy, nói rằng tất cả các Thánh giá trong thành phố đã bị dẹp bỏ trừ một Thánh giá tại một nhà thờ di sản có tuổi đời một thế kỷ. Ông nói: “Nếu không có nhà thờ này thì dấu hiệu Thánh giá đã không thể tồn tại trong thị trấn này.” Ông cũng cho biết hầu hết các Thánh giá trên đoạn đường 500 kilomet từ Chiết Giang đến An Huy đã bị gỡ bỏ.

Một nhà thờ tọa lạc ở một khu du lịch của tỉnh An Huy đã đàm phán với chính quyền để cứu

cây Thánh giá của nhà thờ. Cha Giuse, một linh mục Công giáo trong vùng, nói: “Nhiều khách du lịch ghé thăm khu vực này. Nếu Thánh giá bị phá hủy, nó sẽ mất biểu tượng của nhà thờ và dấu hiệu của Kitô giáo.” Cha đã kêu gọi giáo dân bảo vệ Thánh giá và đã thông báo cho Đức cha Lưu Tân Hồng của An Huy về động thái tháo dỡ Thánh giá.

Nỗ lực của chính quyền dẹp bỏ Thánh giá bắt đầu vào tháng 10.2018 và hàng ngàn cây thánh giá ở các tỉnh Chiết Giang, Hà Nam, Hà Bắc và Quý Châu đã bị phá bỏ, vì bị cho là vi phạm luật quy hoạch.

Một Kitô hữu ở Hợp Phì nói: “Sau khi các Thánh giá bị phá hủy ở Chiết Giang, đảng Cộng sản Trung Quốc đang mở rộng chiến dịch của mình đến các vùng khác của đất nước. Họ có thể làm bất cứ điều gì họ muốn.” (UCA News 30.06.2020) (Hong Thủy)



## ÂU CHÂU

### Tổ chức Trợ giúp các Giáo hội đau khổ chia sẻ với Liban

Tổ chức bác ái quốc tế Trợ giúp các Giáo hội đau khổ, đã trợ giúp ngân khoản 250.000 Euro để hỗ trợ lương thực cấp thời cho các nạn nhân ở Liban. Ngân khoản này ưu tiên dành cho các gia đình nghèo bị thương tổn nhất trong vụ nổ 2.750 tấn Nitrat ammoniac ở khu cảng Beirut.

Cha Samer Nassif, người Liban nói với Tổ chức Trợ giúp các Giáo hội đau khổ, rằng khu



**Photo: FB.Caritas Lebanon**

vực Kitô ở Beirut hoàn toàn bị phá hủy, trong đó có mười thánh đường. Cha nói: “Trong một giây đồng hồ, vụ nổ gây thiệt hại cho khu vực Kitô ở Beirut, nhiều hơn là trong những năm tháng dài nội chiến. Chúng tôi phải xây dựng lại mọi sự từ gốc đến ngọn”.

Cha Nassif cũng nhận xét rằng trong tình trạng khủng hoảng lâu dài về kinh tế, cùng với đại dịch coronavirus đang kéo dài, Liban không được trang bị để đối phó với tình trạng khẩn trương hiện nay. Viện trợ của quốc tế là điều hết sức cần thiết để đáp ứng những nhu cầu cơ bản của dân chúng.

Liban hiện đang đương đầu với cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng nhất từ nhiều thập niên, với nạn tham nhũng và quản trị kém, làm cho đồng tiền bị mất giá chưa từng thấy, lạm phát và thất nghiệp tăng vọt, cùng với những hạn chế các dịch vụ ngân hàng. Hệ thống y tế cũng bị khủng hoảng. Nạn cúp điện và những vụ biểu tình làm cho đất nước Liban xáo trộn, trước khi đại dịch Covid-19 bộc phát. Trong những năm gần đây, Liban đã đón nhận gần hai triệu người tị nạn chiến tranh từ Siria, số người tị nạn chiếm tới một phần ba dân Liban. (CNA 7.8.2020) (G. Trần Đức Anh OP)

## Radio Vatican kỷ niệm 70 năm chương trình phát thanh châu Phi

Thứ Sáu 17.7.2020, Bộ Truyền thông Tòa Thánh kỷ niệm 70 năm chương trình phát thanh châu Phi. Tham dự hội nghị trực tuyến có ông

Paolo Ruffini, Bộ trưởng Bộ Truyền thông; cha Federico Lombardi, nguyên Tổng Giám đốc Radio Vatican; Đức cha Emanuel Badeio, Giám Mục Nigeria, đại diện Liên HĐGM Phi châu và Madagascar gọi tắt là SECAM và một số tham dự viên khác.

Buổi gặp gỡ do Radio Vatican và Signis châu Phi tổ chức, được nối kết với các cộng đoàn Công giáo nói tiếng Anh ở châu Phi. Chủ đề của hội nghị: “Kể chuyện, một công cụ giúp vượt qua những đau khổ cơ bản và đặc tính xã hội châu Phi”. Cha Paul Samasumo, trưởng chương trình tiếng Anh châu Phi cho biết: “nhân dịp này, chúng tôi muốn cùng với Signis châu Phi suy nghĩ về những gì xảy ra trong thế giới chúng ta đang sống... Với tư cách là những nhà truyền thông Công giáo châu Phi, chúng tôi có nhiệm vụ không chỉ kể lại những sự kiện xã hội nhưng còn giúp cho xã hội mở ra một lối đi mới tốt hơn cho tương lai.”

Radio Vatican đã được khánh thành bởi ĐGH Pio XII ngày 12.02.1931. Chương trình Anh ngữ thế giới bắt đầu sáu năm sau, năm 1937, và Anh ngữ phát thanh ở châu Phi được bắt đầu năm 1950. Năm 1979 ban Anh ngữ châu Phi đã được thiết lập độc lập với chương trình Anh ngữ thế giới. Sáng kiến này do ông Sean Patrick Lovett, nguyên là người đứng đầu chương trình Anh ngữ thế giới, đề xướng để đáp ứng sự thay đổi của những chiều hướng chung ở châu Phi.

Năm sau, 2021, Radio Vatican - Vatican News sẽ mừng 90 năm phát sóng, đánh dấu một sự gắn kết đặc biệt của Giáo hội trong lãnh vực truyền





## Tín Giáo Hội

thông. Đồng thời, chương trình phát thanh Radio Vatican Tiếng Việt cũng sẽ kỷ niệm 40 năm kể từ lần phát thử vào ngày 3.11.1980 và phát chính thức vào ngày 1.1.1981. Kể từ đó, Radio Vatican Tiếng Việt trở thành kênh chính thức chuyển tải sứ điệp của ĐTC và Toà Thánh đến cộng đồng Công giáo Việt Nam. (CSR\_5213\_2020) (Ngọc Yến - Vatican News)

## Giáo hội Đức chi 591,6 triệu euro giúp các dự án trên thế giới

Hôm 24.07 vừa qua, tại Bonn, HĐGM Đức cho biết trong năm 2019, GHCG ở Đức đã chi 591,6 triệu euro giúp cho các dự án trên khắp thế giới. Số tiền này đã được sử dụng để hỗ trợ các dự án ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latinh và Đông Âu.

Số tiền này chủ yếu đến . ngoài các quỹ công cộng . từ quyên góp, dâng cúng và tiền từ ngân sách thông thường của Giáo hội. Số tiền được các giáo xứ, hiệp hội, cơ sở và trường Công giáo gửi trực tiếp cho các dự án không được đưa vào con số này. Do đó, tổng số tiền thực tế dành cho viện trợ từ các tổ chức Công giáo Đức cao hơn con số được báo cáo.

Đức TGM Ludwig Schick của Bamberg, Chủ tịch ủy ban giám mục về mối quan hệ với Giáo hội hoàn vũ, nói rằng các số liệu cho thấy người Công giáo Đức “không đầu hàng trước nghèo đói và nhu cầu của thế giới”. Họ giúp đỡ ở những nơi cần thiết nhất. Sự bền vững, toàn diện và định hướng đối với người nghèo là nguyên tắc của họ.

Từ khi Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc cách đây 75 năm, Giáo hội Đức bắt đầu giúp các nước bị ảnh hưởng bởi chiến tranh và bạo lực. Trong các hoạt động của Giáo hội trong năm vừa qua, các tổ chức và các giáo phận nhắm đến hòa bình và hòa giải. Trong báo cáo thường niên về viện trợ của Giáo hội Đức trên thế giới cũng nhắc đến mục đích này. Từ nhiều năm, Giáo hội Đức đã tập trung hỗ trợ các hoạt động hòa bình có sự tham gia của các tôn giáo khác.

Trước đại dịch virus corona, Đức TGM Schick cảnh báo rằng lợi ích chung toàn cầu phải được đặt ở trung tâm của hành động chính trị: “Liên

đoàn, công bằng và hiệp nhất trên thế giới là điều kiện không thể thiếu cho một tương lai tự do và an ninh cho toàn nhân loại.” (CSR\_5474\_2020) (Hong Thủy - Vatican News)

## Bộ Giáo lý Đức tin: Cử hành Bí tích rửa tội với nghi thức được sửa đổi tùy tiện là không thành sự

Không thành sự khi cử hành Bí tích Rửa tội với nghi thức đã được sửa đổi cách tùy tiện và những ai đã lãnh nhận Bí tích Rửa tội như thế phải được lãnh nhận Bí tích lại theo các quy tắc phụng vụ do Giáo hội thiết lập.

Ngày 06.8.2020, Bộ Giáo lý Đức tin đã đưa ra câu trả lời, được ĐTC phê chuẩn, liên quan đến câu hỏi nghi ngờ thành sự về việc cử hành Bí tích Rửa tội với công thức: “Nhân danh cha mẹ, cha mẹ đỡ đầu, ông bà, các thành viên trong gia đình, nhân danh cộng đoàn, chúng tôi (số nhiều) rửa con nhân danh Cha và Con và Thánh Thần”, thay vì công thức chính thức của Giáo hội là: “Tôi.cha rửa anh.chị.con, nhân danh Cha và Con và Thánh Thần”.

Bộ Giáo lý Đức tin cho rằng “sửa đổi tùy tiện này nhằm nhấn mạnh giá trị cộng đoàn của Bí tích Rửa tội, để bày tỏ sự tham gia của gia đình, người thân và để tránh ý tưởng tập trung thánh quyền của linh mục”. Tuy nhiên, câu trả lời nhắc lại Hiến chế Sacrosanctum Concilium - Hiến chế về Phụng vụ Thánh, trong đó quy định: “Khi một người cử hành Bí tích Rửa tội thì chính Chúa Giêsu cử hành”. Tất nhiên, trong việc cử hành cha mẹ của người lãnh nhận Bí tích, cha



mẹ đỡ đầu và toàn thể cộng đoàn được mời gọi đóng một vai trò tích cực, nhưng theo Hiến chế điều này, mỗi người, khi chu toàn phận vụ, chỉ thi hành trọn những gì thuộc lãnh vực mình tùy theo bản chất sự việc và những qui tắc phụng vụ (Sacrosanctum Concilium, 28).

Công đồng Vatican II xác định rằng không một ai, ngay cả linh mục có quyền thực hiện theo sáng kiến của mình, nghĩa là loại bỏ hoặc thêm bất cứ điều gì trong các chất thể phụng vụ. Thực vậy, sửa đổi nghi thức cử hành Bí tích không chỉ cấu thành một sự lạm dụng phụng vụ đơn giản, vi phạm một quy tắc, nhưng đồng thời gây ra một tổn hại cho sự hiệp thông Giáo hội và nhìn nhận hành động của Đức Kitô. Và trong những trường hợp nghiêm trọng việc sửa đổi đó làm cho Bí tích vô hiệu, bởi vì bản chất của hành động thừa tác vụ đòi hỏi sự thông truyền cách trung thành điều đã được lãnh nhận.

Tài liệu giải thích: Trong việc cử hành các Bí tích, cộng đoàn không hành động “cách đoàn thể”, nhưng “thừa tác” và thừa tác viên không nói như một viên chức được giao phó công việc, nhưng đóng một vai trò thừa tác như dấu hiệu sự hiện diện của Đức Kitô, Đấng hành động trong Thân Mình Người, trao ban ân sủng. Trong ánh sáng này, trong khi cử hành Bí tích, tối thiểu thừa tác viên phải có chủ ý làm theo những điều Hội thánh truyền dạy. Một chủ ý phải được thể hiện ra bên ngoài, hành động này được thực hiện không phải nhân danh thừa tác viên nhưng nhân danh Đức Kitô.

Bộ Giáo lý Đức tin kết luận: “Thay đổi nghi thức cử hành Bí tích, còn có nghĩa là không hiểu được chính bản chất của thừa tác vụ Giáo hội, đó là luôn luôn phục vụ Thiên Chúa và dân Người chứ không phải việc thực thi một quyền bính nhằm làm sai những gì đã được giao phó cho Giáo hội bằng một hành động thuộc về Truyền thống. Do đó, mỗi thừa tác viên Bí tích Rửa tội phải ý thức về việc phải hành động trong sự hiệp thông Giáo hội, và có niềm xác tín như Thánh Augustinô. Theo Thánh Augustinô, trong Bí tích Rửa tội, Đức Kitô là quan trọng nhất, vì thế sự thánh thiện của Bí tích Rửa tội không tùy thuộc vào các thừa tác viên mà

tùy thuộc vào Đấng đã nói: “Đấng làm phép rửa trong Thánh Thần” (Ga 1,33). (CSR\_5697\_2020) (Ngọc Yến - Vatican News)

## Bào Huynh của ĐGH Danh Dự là Đức ông Georg Ratzinger đã qua đời ở Regensburg.



Vị linh mục người Bavaria cao tuổi đã phải nhập viện ở Regensburg, Bavaria, nơi ngài sống và cũng là nơi ngài được em mình là ĐTC Danh dự Joseph Ratzinger thăm viếng lần cuối ít ngày trước đây. Đức ông Georg Ratzinger, anh lớn của ĐGH danh dự, đã qua đời ở tuổi 96. Ngài đã phải nhập bệnh viện ở Regensburg, thành phố mà ngài sinh sống hầu như cả cuộc đời. Với cái chết này, ĐTC danh dự Joseph Ratzinger là thành viên duy nhất cuối cùng trong gia đình còn sống. Gia đình có hai anh em, một nhạc sĩ và là ca trưởng của một ca đoàn nổi tiếng, và người thứ hai là một nhà thần học và sau đó là Giám mục, Hồng Y, và cuối cùng là Giáo hoàng - Cả hai được phong chức linh mục cùng ngày, và luôn gắn bó chặt chẽ với nhau. Đức ông Georg Ratzinger được sinh ra ở Pleiskirchen, Bavaria, vào ngày 15 tháng 1 năm 1924, ngài bắt đầu chơi đàn organ cho nhà thờ giáo xứ lúc mới lên 11. Năm 1935, ngài vào tiểu chủng viện ở Traunstein, nhưng năm 1942, ngài bị động viên quân dịch tại Reichsarbeitsdienst và sau đó tại Wehrmacht, ngài đã bị đẩy ra mặt trận ở Ý. Bị quân Đồng minh bắt vào tháng 3.1945, ngài bị bắt làm tù binh ở Napoli trong vài tháng trước khi được thả tự do và được trở về với gia

đình. Năm 1947, cùng với em trai là Joseph, cả hai gia nhập chủng viện Herzogliches Georgianum ở Munich. Và ngày 29 tháng 6 năm 1951, cả hai anh em, cùng với khoảng bốn mươi bạn khác, được chịu chức linh mục trong Nhà thờ Chính tòa của ĐHY Michael von Faulhaber cai quản. Sau khi điều hành dàn hợp xướng ở Traunstein trong ba mươi năm, từ năm 1964 đến 1994, Cha Georg đã trở thành đại sư (Kappelmeister) của dàn hợp xướng tại nhà thờ Regensburg, Regensburger Domspatzen. Ngài đã đi khắp thế giới để biểu diễn các buổi hòa nhạc và điều khiển nhiều bản trường ca được thu âm cho công ty Deutsche Grammophon, Ars Musici và nhiều hãng thu âm quan trọng khác, đặc biệt các bản nhạc của các nhạc sư Bach, Mozart, Mendelssohn và nhiều nhà soạn nhạc khác. Vào ngày 22 tháng 8 năm 2008, Thị trưởng của thành phố Castel Gandolfo đã trao quyền công dân danh dự cho Đức ông Georg, và nhân dịp này, ĐTC Danh Dự Benedict XVI đã nói về anh của mình, không chỉ là một người bạn đồng hành, mà còn là một vị linh hướng đáng tin cậy. Đối với tôi, anh là một điểm tựa để định hướng, để tham khảo và dẫn tôi các quyết định chung với nhau. Anh ấy luôn góp ý cho tôi con đường phải đi, ngay cả trong những tình huống khó khăn. Anh Georg Ratzinger kể, khi còn nhỏ cả hai anh em chúng tôi đều là lễ sinh phục vụ bàn thờ và phục vụ Giáo hội. Ngài đã chia sẻ nhiều kỷ niệm thời thơ ấu: Được chịu phép Thêm xức tại Tittmoning, từ ĐHY Michael Faulhaber, vị TGM nổi tiếng của thành phố Munich. ĐTC danh dự lúc đó rất ấn tượng về ĐHY và mơ ước tương lai mình cũng sẽ trở thành một Hồng Y như vậy. Nhưng, chỉ vài ngày sau cuộc gặp gỡ đó, ngài gặp một họa sĩ vẽ tranh trên tường nhà, thì ngài lại có ước mơ khi lớn lên, ngài sẽ trở thành một họa sĩ... Khi nhớ lại những năm đen tối của thế chiến, ba thì chống lại chủ nghĩa phát xít, và anh Georg thì đam mê âm nhạc nên cả gia đình chúng tôi đều yêu thích âm nhạc. Ba thì đánh đàn tranh vào mỗi tối. Chúng tôi cùng hát với nhau. Thật gia đình chúng tôi dùng âm nhạc để ca ngợi Chúa. Bị ảnh hưởng của gia đình, nên tôi cũng

đam mê âm nhạc và chơi đàn Dương cầm... Đức ông Georg là một người thẳng thắn, không thích ngoại giao ngoắt ngoéo! Một ví dụ điển hình là anh không mừng khi thấy em mình được bầu chọn vào chức vụ Giáo hoàng vào tháng 4 năm 2005! Đức ông Georg chia sẻ ngài không mong đợi điều đó! Tuy nhiên, khi được chọn làm Hồng Y thì chúng tôi ý thức hai anh em sẽ ít gặp nhau hơn và theo thánh ý Chúa muốn mình cầm đầu Giáo hội, thì mình không thể thoái thác! Vào năm 2011, trong một cuộc phỏng vấn với một tạp chí của Đức, Đức ông Georg Ratzinger chia sẻ nếu em tôi không thể chu toàn trọng trách vì tình trạng sức khỏe, thì em tôi nên can đảm từ chức. Và ngài là một trong những người đầu tiên được chia sẻ quyết định từ nhiệm này, nhiều tháng trước về quyết định lịch sử của Đức Benedict, từ nhiệm chức vụ Giáo hoàng, Đại diện Thánh Phêrô ở trần gian, vì lý do tuổi tác. Đức ông Georg chia sẻ: Em tôi mong muốn có sự bình an ở tuổi già. Bất chấp đôi chân yếu và sức khỏe của mình, Đức Nguyên Giáo hoàng đã bay từ Rome đến Regensburg để thăm anh mình. Đức ông Georg cũng xuất hiện, trong nhiều cuộc phỏng vấn khác nhau, cũng như trong các phim tài liệu do phóng viên Tassilo Forchheimer thực hiện cho đài truyền hình Bayerischer Rundfunk của vùng Bavaria, và đã được phát sóng vào tháng 1 năm 2020. (Thanh Quảng, SDB)

## Hội Thánh sẽ có thánh bốn mạng hệ thống điện toán toàn cầu

Trong thời đại điện toán, Tòa Thánh đang cứu



xét việc chỉ định một vị thánh cho những người sử dụng hệ thống điện toán toàn cầu. Vị thánh tương lai có thể là Carlo Acutis, người Ý mất năm 2006 vì bệnh ung thư máu ở tuổi 15. Acutis đã lập ra mạng lưới dành cho các linh mục và một mạng lưới khác để loan truyền các phép lạ. Acutis đã cứu một em bé Ba Tây lên 6 bị biến dạng bẩm sinh do tuyến tụy (déformation congénitale du pancréas). Phép lạ này đã được Thánh bộ Phong Thánh công nhận để tiến tới việc phong chân phước vào ngày 10.10.2020 sắp tới. Năm 2019, ĐTC Phanxicô đã đề cao việc Acutis sử dụng mạng lưới toàn cầu để truyền bá Phúc âm, thông qua việc tán dương các giá trị và vẻ đẹp của Đấng Tạo Hóa.

Trước đây, Hội thánh đã tôn vinh thánh Patrick là bốn mạng các kỹ sư, thánh Phanxicô là bốn mạng môi trường, thánh Isidore de Séville là bốn mạng của các chuyên viên điện toán. Việc tuyên phong thánh bốn mạng được quy định trong sắc lệnh *Decretum super electione Sanctorum in patronos Sacra Rituum Congregatio* của Thánh bộ Phụng tự, đã được ĐTC Urbain VIII ban hành ngày 23.03.1630. Trong truyền thống nước ta, mỗi đình làng thờ có lệ các vị Thành hoàng để hộ quốc tỳ dân (hộ nước giúp dân). (Lê Đình Thông)

## MỸ CHÂU

### Đấng sáng lập Hội Hiệp sĩ Columbus sẽ được phong chân phước vào tháng 10

Hôm 20.7, Bộ Phong Thánh đã công bố ngày phong chân phước cho cha Michael McGivney, đấng sáng lập tổ chức Công giáo phục vụ huynh đệ lớn nhất thế giới. Ngày được ấn định là 31.10 tới đây. Thánh Lễ phong chân phước dự định sẽ được cử hành tại tiểu ban Connecticut, quê hương của ngài.

Cha McGivney thành lập Hội Hiệp sĩ Columbus tại New Haven, bang Connecticut, Hoa Kỳ năm 1882 để hỗ trợ cho những gia đình mà lao động chính qua đời. Hội Hiệp sĩ đã dần dần trở thành tổ chức Công giáo huynh đệ thế giới, với hơn 2

triệu thành viên, đảm nhận những công việc bác ái và loan báo Tin Mừng khắp thế giới.

Năm 2018, 16.000 hội đồng của Hội Hiệp sĩ trên toàn thế giới đã quyên góp hơn 185 triệu đô la cho từ thiện và đã phục vụ trực tiếp hơn 76 triệu giờ trong năm 2018. Công việc tình nguyện của các thành viên bao gồm hỗ trợ cho Thế vận hội đặc biệt, chuyên chở và phân phát thực phẩm cho các gia đình nghèo.

Từ năm 2017 đến 2018, các Hiệp sĩ đã quyên góp và trao tặng 2 triệu đô la cho thị trấn Karamles của Iraq; giúp các Kitô hữu sống sót sau cuộc diệt chủng ISIS trong việc làm lại nhà tại khu vực tái định cư và xây dựng lại tương lai.

Cùng với thông báo ngày phong chân phước cho cha McGivney, Bộ Phong Thánh cũng công bố việc hoãn phong chân phước cho cô Benigna Cardoso và cha Giuseppe Ambrosoli do đại dịch coronavirus. Trước đây, việc phong chân phước cho hai vị dự kiến diễn ra vào hai ngày tương ứng là 21.10 và 22.11 tại Brazil và Uganda, nơi cha Ambrosoli phục vụ như một linh mục truyền giáo. (CNA 24.7.2020) (Văn Yên SJ - Vatican News)

### Hơn 80 linh mục tu sĩ Mêhicô chết vì coronavirus

Theo Trung tâm Truyền thông Công giáo ở Rosario, bên Argentina, trong số các nạn nhân, có 70 linh mục, 6 phó tế và 5 tu sĩ, phần lớn thuộc các Tổng giáo phận San Luis Potosi, Morelia và Puebla. Đa số các linh mục chết trong khi thi

*Mourners carry a coffin of a Covid-19 victim in Mexico City | ANSA*



hành phạt sự tại các giáo xứ, thánh đường, và các vị tuổi từ 39 đến 85.

Hôm 6.8.2020 vừa qua, Trung tâm Truyền thông Công giáo ghi nhận con số linh mục cao nhất chết vì coronavirus: 5 vị chết trong vòng 24 tiếng đồng hồ.

Theo thống kê, tính đến ngày 18.8 vừa qua, tại Mêhicô có hơn 531.000 người bị lây nhiễm coronavirus và gần 57.800 người tử vong, đứng sau Brazil và Peru.

Trung tâm Truyền thông Công giáo ở Argentina cũng theo dõi con số các nhân viên của Giáo hội bị giết mỗi năm, trong đó đứng đầu là tại Mêhicô và Colombia. Tại các nước này, các linh mục, phó tế, tu sĩ nam nữ và giáo lý viên thường là nạn nhân của các tổ chức bất lương.

Trong những tuần lễ gần đây, các thánh đường ở Mêhicô đã mở cửa lại để cử hành các lễ nghi tôn giáo, nhưng không có một qui luật toàn quốc về việc giữ an ninh y tế. Mỗi bang có những qui luật khác nhau: có những bang được xếp vào nhóm “màu xanh”, trong đó các sinh hoạt của dân chúng tiến hành hầu như bình thường, nhưng những bang được xếp vào màu đỏ, thì có nhiều hạn chế. (Crux 18.8.2020) (G. Trần Đức Anh OP)

### Tổ chức Misereor của HĐGM Đức báo động thảm trạng thổ dân

Giám đốc điều hành tổ chức Misereor, ông Martin Broekelman-Simon lên tiếng báo động như trên, hôm 6.8.2020 vừa qua, nhân dịp Ngày Thế giới các thổ dân, cử hành hôm Chúa nhật 9.8 vừa qua. Trong thông cáo, ông Broekelman-Simon mạnh mẽ phê bình chính sách cũng như những vụ vi phạm các quyền con người của chính phủ Brazil, và nói rằng: “Một nửa số thổ dân bản xứ ở Brazil đã bị coronavirus. Các thổ dân là những người bảo vệ và gìn giữ miền Amazonia, nay nếu họ chết đi thì rừng nhiệt đới cũng sẽ chết theo. Tỷ lệ tử vong của các thổ dân lên cao và chính phủ Brazil từ chối không sẵn sàng thích đáng cho họ về y tế.”

Giám đốc điều hành tổ chức Misereor cũng tố giác rằng cả khi trước khi có đại dịch Covid-19 hiện nay, tình trạng của hơn 300 bộ lạc thổ dân



Indígenas Brasil. | AFP or licens

ở Brazil đã ở mức độ thê thảm, với những vụ trục xuất, ăn cướp đất và đe dọa đốt rừng gia tăng mạnh. Tỷ lệ rừng cây bị phá gia tăng rất nhiều dưới thời tổng thống Jair Bolsonaro: Từ tháng Tám năm ngoái đến tháng Bảy năm nay (2020), theo cơ quan không quan INPE của Brazil, khoảng 9.754 cây số vuông đã bị loại bỏ trong vùng Amazonia. Diện tích này tương đương với đảo Cipro. Với sự thất thoát lãnh thổ, đất đai, các thổ dân bản xứ cũng bị mất nơi canh tác. Cùng với nạn trục xuất thổ dân, sự phá hủy sự khác biệt sinh học cũng gia tăng.

Trước tình trạng trên đây, ông Broekelman-Simon kêu gọi chính phủ Đức liên đới với các thổ dân Brazil và nói rằng: “Giá thịt rẻ của chúng ta ở Đức hoặc các đồ nội thất sân vườn của chúng ta bằng gỗ Têch, cũng được sản xuất gây thiệt hại cho các thổ dân ở Brazil. Vì thế, chúng ta phải làm sáng tỏ trách nhiệm về những điều ấy”.

(KNA 7.8.2020) (G. Trần Đức Anh OP)

### Đức cha Piero Conti lên tiếng cho các thổ dân bản xứ

Trong cuộc phỏng vấn dành cho đài Vatican, truyền đi hôm 8.8.2020 vừa qua, Đức cha Conti nhắc lại rằng Ngày Thế giới các thổ dân đã được Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc ấn định vào ngày 9.8 mỗi năm, kể từ 26 năm nay (1994): số thổ dân hiện nay vào khoảng hơn 370 triệu người, rải rác tại hơn 70 quốc gia. Tổng cộng, họ chiếm 6% dân số trái đất, và nói hơn 5.000 thổ ngữ, trong đó 25% chưa được biết đến. Đáng tiếc là



**Indigeni Amazzonia | Tiago Miotto Cimi**

các thổ dân chiếm 15% số người nghèo trên thế giới. Họ cư ngụ trong các rừng cây, nơi các cánh đồng, sa mạc và cả tại những vùng băng tuyết vạn niên. Nhiều người ngày nay hòa nhập với các xã hội chung quanh, nhưng nhiều thổ dân khác vẫn hoàn toàn bảo tồn căn tính khác biệt của họ, tuy sống cạnh hoặc tiếp xúc với các thực dân từ nhiều thế kỷ.

Đức cha Conti cũng nói rằng hiện nay có ít nhất 100 bộ lạc thổ dân không có một liên hệ nào với thế giới bên ngoài. Đó là những bộ lạc nhỏ, họ có nguy cơ bị mất mạng, hoặc không còn tương lai, và nguyên sự tiếp xúc như thế họ cũng có thể có nguy cơ bị biến mất, vì họ không có hệ thống miễn nhiễm chống lại các thứ bệnh tật thông thường nhất. (Vatican News 8.8.2020) (G. Trần Đức Anh OP)

**146 Giám mục Brazil phê bình việc xử lý đại dịch của Tổng thống**

Ngày 26.07, báo Folha de S. Paulo của Brazil đã đăng một bản thảo bức thư có chữ ký của 146 giám mục Brazil với những lời phê bình cứng rắn cách điều hành chống đại dịch của Tổng thống Jair Bolsonaro của nước này.

Lá thư có tựa đề “Thư của Dân Chúa” nói rằng Brazil đang phải đối mặt với một trong những thời kỳ khó khăn nhất trong lịch sử, những căng thẳng chính trị hiện tại ở nước này là do cách điều hành của Tổng thống, và phê bình chính phủ quá bất tài trong việc quản lý khủng hoảng.



Dù số ca nhiễm tại Brazil đã lên đến 2,5 triệu và gần 90.000 người chết vì Covid-19, ông Bolsonaro đã không tuyên bố phong tỏa toàn quốc. Ông thường cố gắng giảm nhẹ tính nghiêm trọng của dịch bệnh, gọi đó là “cúm nhẹ”.

Thư của các giám mục Brazil nói đến những vấn đề mà châu Mỹ Latinh đang gặp phải, trong đó nói đến khủng hoảng sức khỏe chưa từng có ở Brazil cộng với sự sụp đổ kinh tế và căng thẳng ảnh hưởng đến nền tảng của nền Cộng hòa, chủ yếu do Tổng thống và các bộ phận xã hội khác gây nên, dẫn đến một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc.

Đề cập đến bối cảnh chính trị, bức thư nói rằng cuộc khủng hoảng đã chứng minh cho sự bất lực và không có khả năng của Chính phủ Liên bang khi đối mặt với cuộc khủng hoảng đó. Các giám mục tuyên bố chính sách tự do hóa gần đây về lao động và lương hưu của Tổng thống đã làm cuộc sống của người nghèo trở nên tồi tệ hơn. Các ngài cáo buộc chính phủ đã coi thường các doanh nhân nhỏ, những người chịu trách nhiệm tạo ra hầu hết các công việc ở Brazil, và ưu tiên cho các nhóm tài chính là những nhóm không sản xuất ra bất cứ thứ gì.

Các giám mục khẳng định Chính phủ Liên bang đã gần trở thành chế độ độc tài và sử dụng các chiến thuật đáng phê bình, như hỗ trợ và khuyến khích các hành động chống lại dân chủ, tự do hóa luật pháp về buôn bán và sử dụng súng của người dân, và khuyến khích các hoạt động truyền thông đáng nghi ngờ, như tin tức giả mạo, huy động hàng loạt những người theo dõi quá khích.

Kết thúc lá thư, các giám mục kêu gọi một cuộc đối thoại toàn quốc rộng rãi bao gồm các nhà hoạt động nhân quyền, mọi người dân thân cho nền dân chủ, các phong trào xã hội, những người nam nữ có thiện chí, để thiết lập lại sự tôn trọng đối với Hiến pháp và pháp quyền. (Crux 30.07.2020) (Hong Thủy - Vatican News)

## Quân đội Ba Tây làm sạch tượng Chúa Cứu Thế trước khi mở lại cho công chúng

Tượng Chúa Cứu Thế là bức tượng mang tính biểu tượng ở Rio de Janeiro, Ba Tây sẽ sớm mở lại cho công chúng. Quân đội đã được cử đến để rửa bức tượng ẩn tượng ở Corcovado khi dịch bệnh vẫn còn hoành hành trên đất nước Ba Tây.

Từ tuần tới, khách du lịch sẽ có thể đến thăm nơi đặt tượng Chúa Cứu Thế ở Rio de Janeiro. Bình thường hàng năm có hơn 750.000 người đến thăm bức tượng có chiều cao 40 mét này của Ba Tây. Vì coronavirus, nên nơi này đóng cửa, người dân không được đến thăm, ngày 13 tháng 8, quân đội Ba Tây được huy động đến để lau dọn nơi này. Khoảng 30 người mặc áo bảo vệ trắng và khẩu trang kín mặt đến khử trùng từng bộ phận của di tích này.

Ba Tây là một trong các nước bị nhiễm coronavirus nặng ở Nam Mỹ, có hơn 100.000 người đã chết và 3 triệu người bị nhiễm vì rút này ở Brazil, làm cho quốc gia này là quốc gia bị thiệt hại thứ hai trên thế giới sau nước Mỹ. Việc quản lý cuộc khủng hoảng Covid-19 của Tổng



parismatch.com, Clara De Beaujon, 2020.08.14

thống Jair Bolsonaro đang gây tranh luận. Chẳng hạn Ba Tây tin vào nước Nga và vắc xin Sputnik V của nước này dù hiệu quả của loại vắc xin này vẫn còn nhiều nghi vấn. Trong thời gian cách ly, tượng Chúa Cứu Thế luôn được thắp sáng để cảm ơn các nhân viên chăm sóc.

(Giuse Nguyễn Tùng Lâm dịch - Nguồn: phanxico.vn)

## Đại tông đồ kinh Mân côi trong gia đình tại Peru qua đời

**Cha Héctor Herrera, dòng Đa Minh, đại tông đồ kinh Mân côi trong gia đình tại tổng giáo phận Arequipa, bên Peru, đã qua đời tối ngày 17.8.2020 vừa qua, vì coronavirus, hưởng thọ 60 tuổi.**



Phòng báo chí của tòa TGM Arequipa cho biết, cha Héctor Herrera cũng là Giám đốc đài phát thanh thánh Martín tại thành phố này, đã dẫn thân rất nhiều trong công tác tông đồ kinh Mân côi trong gia đình và cổ võ lòng sùng kính Đức Mẹ, qua chương trình phát thanh.

Tại tu viện thánh Đa Minh, nơi cha Herrera sinh sống, cũng có hai tu sĩ cùng dòng bị coronavirus. Một trong hai vị, là cha Jamie Adrazola kể rằng tiếng nói của cha Héctor Herrera mỗi buổi sáng trên đài, lòng nhiệt thành của cha cử hành thánh lễ hằng ngày và Chúa nhật, cũng như các bài giảng của cha trên làn sóng, mang lại an ủi và nghị lực tinh thần cho các thánh giá.

Về phần cha Sergio Jáuregui, cùng tu viện,

cha đề cao sự dẫn thân và hy sinh, lòng khiêm tốn và vui tươi của cha Herrera.

Peru đứng thứ hai sau Brazil trong danh sách các nước Mỹ châu Latinh bị coronavirus nhiều nhất, với gần 560.000 người bị lây nhiễm và gần 26.834 người chết, tính đến ngày 19.8 vừa qua.

Đức cha Javier del Río Alba, TGM giáo phận Arequipa, cho biết tại thành phố này, đã có ba linh mục giáo phận và ba linh mục dòng Phanxicô, dòng Tên và dòng Đa Minh bị thiệt mạng vì coronavirus. Cũng có một số linh mục khác bị lây virus. Các chủng sinh giáo phận giúp lương thực cho những người trẻ nghèo, nên kể như tất cả đã bị lây, nhưng cũng như phần lớn người trẻ khác, các thầy không có triệu chứng, và đã số đã vượt qua bệnh dịch.

Tại Arequipa, cũng như nhiều nơi khác ở Peru, hệ thống y tế bị “quá tải” và tại đây, có hơn 24.000 ca nhiễm và 1.005 người chết. (G. Trần Đức Anh, O.P. . Nguồn: Đài Chân Lý Á Châu

## PHI CHÂU

### Giáo hội Ethiopia tiếp tục dẫn thân chống đại dịch

Vatican News (26.8.2020) - Với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, Giáo hội Công giáo tiếp tục tăng cường các hoạt động chống virus corona. Cụ thể, đã phân bổ thêm 324 ngàn đô la để mua thêm các thiết bị bảo vệ cá nhân.

Theo các con số mới nhất, hiện ở Ethiopia các ca nhiễm virus corona tiếp tục tăng, 42 ngàn người bị nhiễm và 692 trường hợp tử vong. Vào cuối tháng 5, số người bị nhiễm ít hơn 600 ca.

Với sự hỗ trợ của các đối tác quốc tế, như Dịch vụ Cứu trợ Công giáo (CRS), tổ chức bác ái của các Giám mục Hoa Kỳ, Ủy ban Phát triển Giáo hội Ethiopia đã phân bổ thêm 324 ngàn đô la để mua áo choàng, khẩu trang bảo hộ và găng tay phẫu thuật cho 87 cơ sở y tế trong cả nước.

Ông Bekele Moges, Giám đốc điều hành Ủy ban Phát triển xã hội của Giáo hội Công giáo Ethiopia, cho biết khoản viện trợ mới sẽ mang lại lợi ích cho 1,5 triệu người.

Cho đến nay, Giáo hội đã phân bổ tổng cộng



gần 800 ngàn đô la cho các chương trình nâng cao nhận thức chống lây nhiễm, đào tạo nhân viên y tế và mua thiết bị bảo vệ cá nhân.

Cha Teshome Fikre, Tổng thư ký của Ủy ban Phát triển cho biết thêm, mỗi năm, Giáo hội Ethiopia hỗ trợ cho 7 triệu người, cung cấp các dịch vụ giáo dục, y tế và nước sạch cho những người dễ bị tổn thương nhất và bị gạt ra ngoài lề xã hội. Trong khi thi hành các hoạt động bác ái, Giáo hội không phân biệt tín ngưỡng, người nhập cư hay người hồi hương.

Số người Công giáo ở Ethiopia chiếm ít hơn 1% dân số, so với khoảng 18% người theo Tin lành, 33% Chính thống Copte và 40% Hồi giáo. Tuy nhiên, thiểu số Công giáo đã có những đóng góp được đánh giá cao cho sự phát triển của đất nước. (CSR\_6145\_2020) (Ngọc Yến) Nguồn: vaticannews.va/vi

### Công giáo của Uganda giúp cho hơn một triệu người gặp khó khăn vì đại dịch Covid-19

Các giáo phận Uganda, qua các tổ chức bác ái đã đầu tư hơn 400.000 đô la để trợ giúp cho hơn một triệu người Uganda gặp khó khăn vì đại dịch Covid-19. Giáo hội đã gửi các khẩu trang và dụng cụ vệ sinh, thực phẩm, giúp tiền bạc và ưu tiên cho phụ nữ mang thai và người già.

Trên trang web, Hội đồng Giám mục Uganda đã công bố báo cáo về các dẫn thân của mạng lưới từ thiện của các giáo phận giúp đỡ người dân Uganda, và cả những người di dân và tị nạn, bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế.



Kể từ ngày 21/03, khi chính phủ Kampala đã ban hành “Quy trình hoạt động tiêu chuẩn“, đưa ra các hạn chế đối với các buổi hội họp công cộng, cách ly bắt buộc, xét nghiệm các trường hợp nghi ngờ, cấm giao thông công cộng và tuân thủ nghiêm ngặt quy tắc vệ sinh, hơn 37 triệu người dân Uganda đã chịu ảnh hưởng, ngoài việc phải đối phó với virus corona, họ còn gặp tình hình kinh tế và xã hội nghiêm trọng do tình trạng khẩn cấp về sức khỏe.

### **Hơn 1.230.000 người được trợ giúp, trong đó có người tị nạn**

Đây là cơ hội đặc biệt để Caritas Uganda đóng góp vào nỗ lực của đất nước ngăn chặn sự lây lan của virus và cung cấp hỗ trợ xã hội. Và Giáo hội đã giúp đỡ được hơn 1.230.000 người gặp khó khăn, gồm những người Uganda, người tị nạn và người xin tị nạn. Hỗ trợ của Caritas được cung cấp dưới dạng dịch vụ gia đình, thực phẩm, thiết bị bảo vệ cá nhân, vật liệu y tế và tiền bạc, ưu tiên phụ nữ chờ đợi để tiếp cận các dịch vụ trước khi sinh và người già.

### **Tại tổng giáo phận Gulu**

Cụ thể, tại tổng giáo phận Gulu, Caritas đã hỗ trợ cho lực lượng đặc biệt của quận nhiên liệu, các chiến dịch nâng cao nhận thức qua radio, bộ dụng cụ vệ sinh, chất tẩy rửa, dụng cụ chứa nước, chất khử trùng và huấn luyện tình nguyện viên. Mạng lưới Caritas cũng hỗ trợ chính phủ trong việc đào tạo các đội giám sát để xác định các ổ dịch có thể bùng phát và chuẩn bị nhân viên y tế để quản lý tử vong. Caritas cũng cung cấp hai phương tiện



với các tài xế toàn thời gian để giám sát, vì lợi ích của khoảng 200.000 người. Sự hỗ trợ đã được mở rộng tới 4.000 người tị nạn trong khu định cư Pagirinya, nơi Caritas phân phát các vật liệu vệ sinh, bao gồm xà bông, nước rửa tay, khẩu trang và thuốc sát trùng tay cho những lãnh đạo của người tị nạn và cho các điều phối viên cộng đồng.

### **Giúp trẻ em mồ côi và phụ nữ mang thai**

Tại Kasana Luweero, Caritas đã giúp đỡ cho 7.800 trẻ mồ côi, cung cấp thiết bị bảo vệ cho 25 cơ sở y tế và đào tạo 50 nhân viên y tế; những người này sẽ tiếp cận khoảng 500 ngôi làng để cung cấp thông tin về phòng ngừa. Ngoài ra, thông qua Tổ chức phát triển giáo phận Masaka, Caritas đã mua và phân phối các thiết bị rửa tay, xà bông và thực phẩm cho người đang cách ly và cung cấp dịch vụ vận chuyển cho các bà mẹ mang thai để được chăm sóc.

Caritas Kampala đã phân phát vệ sinh và khẩu trang cho 69 giáo xứ và nhà nuôi trẻ em và thanh thiếu niên, giúp đỡ ít nhất 196.712 người: Caritas Nebbi đã hỗ trợ cho tổng cộng 5.115 người ở các quận Zombo và Packwach, và Caritas Tororo đã giúp đỡ hơn 6.411 người bằng cách đào tạo, cung cấp thiết bị rửa tay và qua radio, thúc đẩy nhận thức.

### **Thông tin và nâng cao nhận thức qua radio và các tình nguyện viên**

Caritas Fort Portal, bao gồm các huyện trong đó nông nghiệp là hoạt động kinh tế chính, đã đảm bảo rằng các nông dân nhận được các vật liệu vệ sinh và nâng cao nhận thức, khi tiếp cận với ít nhất 5.800 người. Caritas Hoima, hoạt động tại một khu vực được xác định là một trong những nơi bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi Covid-19, đã thực hiện các hoạt động tiếp cận thông qua các nhân viên y tế và đài phát thanh của làng, tiếp cận khoảng 8.000 người. Caritas Kasese, hoạt động tại các quận giáp biên giới với Cộng hòa Dân chủ Congo và Cộng hòa Dân chủ Congo, đã tập trung vào việc nâng cao nhận thức thông qua các tài liệu thông tin và radio để đảm bảo cộng đồng hiểu được mức độ nghiêm trọng của đại dịch.

### **Tặng thiết bị bảo vệ cá nhân cho các cấu trúc y tế**

Văn phòng quốc gia của Caritas Uganda tại ba giáo phận, Kasese, Nebbi và Gulu đã đưa ra một kế hoạch phản ứng cùng với Văn phòng Y tế Công giáo của Uganda, đã giao thiết bị bảo vệ cá nhân cho các cấu trúc y tế của các quận có nguy cơ lây nhiễm cao, đã cung cấp dịch vụ vệ sinh cho các gia đình và trung tâm để bị tổn thương nhất và đã phát động một chiến dịch nâng cao nhận thức ở nhiều địa điểm khác nhau. Hội đồng Giám mục ở Uganda, thông qua Đức cha Chủ tịch Joseph Anthony Zziwa, cảm ơn công việc của mạng lưới Caritas, và đặc biệt là các nhà hảo tâm của, và kêu gọi duy trì tinh thần của tình huynh đệ mạnh mẽ. (Hong Thủy - VaticanNews)

## Giáo hội Nam Phi quan tâm đến vai trò của phụ nữ trong Giáo hội

Hình thành từ ngày 09.8.1986, ngày các phụ nữ tham gia cuộc tuần hành chống nạn phân biệt chủng tộc. Hàng năm vào tháng 8, Nam Phi dành riêng thời gian này để suy tư và thảo luận về những vấn đề liên quan đến phụ nữ. Năm nay, chủ đề về bình đẳng giới và quyền bình đẳng phụ nữ được tập trung suy tư và thảo luận.

Trong một sứ điệp video, Đức cha Victor Phalana, Giám mục Klerksdorp bày tỏ niềm phấn khởi về sự kiện này. Theo ngài, đây là dịp để “thúc đẩy sự hiện diện nhiều hơn của nữ giới ở các vị trí quan trọng trong Giáo hội Nam Phi, đồng thời tạo cơ hội cho phụ nữ tiếp cận nghiên cứu thần học”.

Giám mục Klerksdorp cho biết, Giáo hội Nam Phi cần phải nỗ lực nhiều hơn để đạt được mục tiêu về “bình đẳng giới và quyền bình đẳng phụ nữ”. Cần phải nhìn nhận vai trò quan trọng của phụ nữ trong việc phục vụ các cộng đoàn và giáo sĩ ở các giáo xứ và cơ quan của Giáo hội. Vì lý do này phải khuyến khích phụ nữ tiếp cận với giáo dục đại học, đặc biệt là trong các lĩnh vực thần học, pháp lý và Kinh Thánh.

Theo Giám mục Klerksdorp, các quốc gia châu Phi khác đang tiến xa hơn trong lĩnh vực này. Đức cha nói thêm: “Chúng tôi vẫn còn nhiều việc phải làm và đã đến lúc Giáo hội ở Nam Phi thành lập học bổng đặc biệt cho phụ nữ và các thiếu nữ muốn tiếp tục các nghiên cứu để họ có



thể trở thành một nguồn lực bổ sung cho Giáo hội Nam Phi. Chúng ta phải làm sao để phụ nữ ở trung tâm của Giáo hội, nhờ đó đời sống luân lý, nghiên cứu và mục vụ của Giáo hội được trọn vẹn và phong phú hơn”.

Đức cha Phalana chỉ rõ trong Giáo phận của ngài có nhiều phụ nữ đang thi hành những công việc quan trọng như giáo lý viên, thừa tác viên trong các cử hành phụng vụ và người hiện đứng đầu Hội đồng Mục vụ Giáo phận là một phụ nữ. Phụ nữ cũng là một thành phần quan trọng của Hội đồng Giáo phận về giáo dân và các cơ quan tham vấn khác. Đức cha chia sẻ: “Khi cần phải đưa ra các quyết định quan trọng, tôi tham khảo ý kiến của các cơ quan này. Các cuộc tham vấn của chúng tôi mang tính xây dựng và phục vụ cho việc xác định phương hướng hoạt động mục vụ của giáo phận”.

Theo Đức cha Phalana, việc đưa phụ nữ vào các vị trí trách nhiệm không làm suy yếu sứ vụ của Giáo hội, trái lại: “Giáo phận của chúng tôi sẽ nghèo hơn nếu không có kinh nghiệm của họ”. Ngài chỉ rõ, ở Vatican trong mười năm qua, đã có nhiều phụ nữ đã được đề cử giữ vị trí cao trong các Bộ và cơ quan của Tòa Thánh.(Ngọc Yến - Vatican News)

## ÚC CHÂU

### Sinh viên Công giáo Australia gửi thư ngỏ đến các giám mục

RVA (23.7.2020) - Các sinh viên Công giáo tại Australia, đã gửi một thư ngỏ thỉnh cầu các giám mục nước này, trong Công đồng toàn quốc tới đây, tiếp tục bảo tồn giáo huấn của Giáo hội

## Tín Giáo Hội

và loại bỏ những lời kêu gọi truyền chức linh mục cho phụ nữ.

Lá thư mang chữ ký của hơn 200 sinh viên thuộc Hiệp hội Sinh viên Công giáo Australia, có đoạn viết: “Có nhiều kiến nghị gửi Công đồng toàn quốc đưa ra những cổ võ đáng ca ngợi, làm sao để phụ nữ được thực sự hội nhập vào các cơ cấu quản trị Giáo hội. Tuy nhiên chúng con rất buồn vì có nhiều kiến nghị kêu gọi thay đổi chính cơ cấu của Giáo hội do Chúa Kitô mong muốn. Chúng con kêu gọi Công đồng toàn quốc và các giám mục Australia minh bạch bác bỏ mọi lời kêu gọi truyền chức linh mục cho phụ nữ”.

Công đồng toàn quốc Australia lần thứ V sẽ tiến hành từ ngày 3 đến 10.10 năm tới, 2021, tại thành phố Adelaide ở miền nam Australia. Tiếp theo đó, có một khóa họp thứ hai, từ ngày 4 đến 9 tháng 7 năm 2022, tại thành phố Sydney. Những ngày họp trên đây đã được điều chỉnh lại vì đại dịch Covid-19.

Thư của các sinh viên Công giáo Australia cho biết hoàn toàn ủng hộ sự tôn trọng vai trò của phụ nữ trong Giáo hội, nhưng như thánh Gioan Phaolô II và các đấng kế vị, các sinh viên đó không tin rằng vai trò ấy bao gồm việc truyền chức linh mục cho phụ nữ. Trái lại, họ rất ủng hộ việc hội nhập nữ giới vào những vai trò nổi bật trong các lãnh vực như thần học, truyền thông, loan báo Tin mừng và quản trị.”

Cô Claudia Tohi, Phó Chủ tịch Hội sinh viên Công giáo Australia, nói với giới báo chí rằng: “Lá thư này bày tỏ ước muốn của chúng tôi chia sẻ Chúa Kitô với tha nhân mà không xấu hổ, với sự minh bạch và với sự hỗ trợ của các vị lãnh đạo chúng tôi... Chân lý không được xác định theo một thời đại, và cũng chẳng phải là một ý niệm trừu tượng. Chân lý là một nhân vật, Con Thiên Chúa, Đấng đã hiến mạng sống của Ngài để cứu vớt toàn thể nhân loại”. (CNA 20.7.2020) (G. Trần Đức Anh, O.P)

## Giáo hội Úc kêu gọi hãy cam kết lo cho những người bị tâm thần vì ảnh hưởng của cơn dịch Covid-19

Trước Ngày Chúa nhật “Công bằng Xã hội” sẽ rơi vào ngày 30 tháng 8, các giám mục Úc Châu đã đưa ra một công bố mời gọi tất cả hãy

lo cho sức mạnh tâm linh. - Các giám mục Úc Châu khuyến khích các cộng đoàn đức tin, chính phủ và cá nhân hãy dành ưu tiên lo cho sức khỏe tâm linh, đặc biệt trong thời gian đại dịch Covid-19; đang làm cho con người lo lắng và tuyệt vọng. Theo quan điểm của Ngày Chủ nhật “Công bằng Xã hội”, được cử hành vào ngày 30 tháng 8, HĐGM Công Giáo Úc (ACBC) đã phát hành một công bố mang tựa đề “Sống tròn đầy: Sức khỏe tâm linh tại Úc Châu ngày nay”.

Giám Mục Phụ Tá Terence Brady của TGP Sydney, Ủy viên đặc trách Công bằng Xã hội, Truyền giáo và Phục vụ của HĐGM Úc (ACBC), kêu gọi tất cả mọi người Công Giáo hãy đón nhận công bố và thực hiện các thách đố trong công bố ấy... Công bố dài 19 trang, với lời tựa của ĐTGM Mark Coleridge, Chủ tịch của HĐGM Úc Châu (ACBC), TGM của TGM Brisbane. Công bố cho hay các giáo xứ, các tổ chức và cộng đồng có thể là nơi tiếp nhận, cảm thông, chăm sóc và chữa lành, chứ không phải là nơi khước từ, phê phán hay phân biệt đối xử với những người gặp vấn đề về sức khỏe tâm linh...

Giáo hội Úc Châu mời gọi chính phủ và các nhà hoạch định chính sách phải cam kết không để một ai rơi vào những hoàn cảnh bi thương về tâm bệnh! Trích lời ĐGH Phanxicô, công bố thách thức những cam kết của xã hội chúng ta trước công ích chung là sự quan tâm mà chúng ta lo lắng cho những người dễ bị tổn thương hoặc thiệt thòi nhất.

Trước vấn đề này, Giáo hội Úc Châu kêu gọi chính phủ hãy giải quyết các chính sách vốn đã làm tổn thương đến người thổ dân, tới người tị nạn, người di dân, người vô gia cư và những người đang bị tù đầy!... (Thanh Quảng SDB)



# Tin Cộng Đoàn

## Linh Đài Đức Mẹ La Vang tại Little Saigon sẽ được hoàn thành vào Tháng Chín

GARDEN GROVE, California (NV) - Vào những ngày này, ai có dịp đến nhà thờ chính tòa Chúa Kitô (Nhà Thờ Kiếng) tại Garden Grove, California, hoặc thậm chí đi ngang góc đường Chapman và Lewis, đều có thể nhìn thấy một vòm khung sắt sừng sững giữa bầu trời. Tại nơi này, công trình Linh Đài Đức Mẹ La Vang sẽ được hoàn thành vào Tháng Chín tới đây dù đang có đại dịch COVID-19.



Vòm khung nơi sẽ đặt Thánh Tượng Đức Mẹ La Vang. (Hình: Đoàn Trang/Người Việt)  
 AddThis Sharing Buttone to FacebookShare to TwitterShare to EmailShare to Print

### Nhà thờ phải đóng cửa, nhưng xây cất vẫn tiếp tục

Công trình đang xây dựng, nhưng khi liên lạc với Tiến Sĩ Elizabeth Nguyễn, quản lý công trình, phóng viên nhật báo Người Việt được cho phép vào bên trong với lời dặn dò: “Nhớ đeo khẩu trang, mang găng tay, và đi giày thể thao hoặc giày ống.”

Với chúng tôi, đó là quy định không quá khó, để được “mục kích” những gì đang diễn ra, sau hơn bốn năm, kể từ ngày công trình Linh Đài

Đức Mẹ La Vang khởi công vào năm 2016.

Nhưng không chỉ đơn giản thế, khi có mặt tại khu vực công trường, ông Tim Butz, quản lý của công ty Grey Construction, nhà thầu xây dựng công trình, đưa chúng tôi thêm nón và áo bảo hộ, rồi nói vui: “Đây là yêu cầu bắt buộc khi vào công trường. Máy thứ này không đến nỗi xấu, nhưng đem lại an toàn, và nó cũng giúp bạn tránh được cái nắng nóng của những ngày Hè này.”

Vừa hướng dẫn chúng tôi mặc đồ bảo hộ để vào bên trong, ông nói: “Công trình đang tiến triển tốt lắm. Suốt mấy tháng dịch bệnh COVID-19, dù nhà thờ đóng cửa, chúng tôi vẫn làm việc. Có hơi khác thường một chút là mọi người đều phải khử trùng trước khi bước vô công trường, và ai cũng phải đeo khẩu trang.”

“Nhưng khi dịch bệnh bùng phát, mọi thứ bị ngưng trệ, các nơi đóng cửa, mọi người phải ở nhà, giữ khoảng cách xã hội, chắc chắn việc xây dựng phải gặp khó khăn chứ?,” chúng tôi hỏi.

Ông Butz trả lời: “Ồ, tất nhiên, không thể tránh khỏi những khó khăn khi xây dựng trong lúc dịch bệnh. Nhưng không hiểu sao công trình này lại không bị ảnh hưởng lớn, mà chỉ chậm đôi

### Thánh Tượng Đức Mẹ La Vang sẽ được đặt ở linh đài trong khuôn viên nhà thờ chính tòa Chúa Kitô.

(Hình: Elysabeth Nguyễn cung cấp)



## Tín Cộng Đoàn

chút ở khâu vận chuyển các vật liệu xây dựng và thiết bị.”

Khi vào tối công trường, trước mắt chúng tôi hiện rõ hơn vòm khung sắt nơi sẽ đặt Thánh Tượng Đức Mẹ. Trên cao, các công nhân đang sơn lớp cuối của vòm khung. Các nhóm công nhân khác, khoảng hơn 10 người, làm việc ở các giàn giáo trên cao và khu vực dưới đất.

Lúc này, Tiến Sĩ Elizabeth Nguyễn cũng có mặt để kiểm tra công trình. Bà nói: “Thật ra cũng có khó khăn trong suốt thời gian thực hiện công trình. Nhưng khó khăn nhất và gần nhất là COVID-19.”

Tiến Sĩ Elizabeth cho biết: “Về tài chính, linh đài được xây dựng từ quỹ do giáo dân đóng hàng tuần, hằng tháng, nhưng vì COVID-19 nên việc đóng góp ít lại. Về công nhân, xe chở vật liệu, mọi thứ đều phải tuân thủ lệnh giữ khoảng cách, trong khi một công trình xây dựng, làm sao công nhân có thể đứng xa nhau trong một công đoạn cần sự phối hợp! Ngoài ra, việc họp hành của ban dự án cũng không thể diễn ra định kỳ để cập nhật thông tin... Đúng là mọi thứ có chậm lại, nhưng những điều này không làm cho công trình bị ngưng trệ, mà vẫn có thể hoàn thành vào Tháng Chín tới đây.”

“Hầu hết thợ xây dựng của nhà thầu này là người Mỹ, họ thấy mình sốt sắng quá nên cố gắng giúp bằng cách tăng số công nhân làm việc, đội xây dựng cũng có tay nghề tốt,...Nhưng tôi cho rằng chính những lời cầu nguyện của các linh mục và giáo dân, cũng như tinh thần của ban dự án, ban xây dựng là nguồn thúc đẩy công trình đi kịp thời gian,” bà Elizabeth cũng giải thích thêm.

### Mong chờ ngày Thánh Hiến

“Chúng ta rất vui mừng vì công trình xây dựng đang tiến triển. Tôi được biết Giám Mục Nguyễn Thái Thành, giám mục phụ tá Giáo Phận Orange, đặc trách công trình Linh Đài Đức Mẹ La Vang, cũng đã có kế hoạch cho ngày Thánh Hiến (ngày khánh thành), dự trù là 21 và 22 Tháng Năm, 2021. Ai cũng mong chờ đến ngày này,” Linh Mục Nguyễn Văn Tuyên, thành viên Ban Xây Dựng Linh Đài Đức Mẹ La Vang, nói với nhật báo Người Việt.



**Tiến Sĩ Elizabeth Nguyễn (trái) và ông Tim Butz đang đi kiểm tra công trình.  
(Hình: Đoàn Trang/Người Việt)**



Linh Mục Tuyên cho biết thêm, ngày Thánh Hiến tuy chậm hơn so với những dự tính ban đầu, nhưng “Thánh Hiến vào Tháng Năm, Tháng Đức Mẹ, lại rất có ý nghĩa. Khi đó công trình phụ là Vườn Thánh Mẫu cũng sẽ hoàn thành. Chúng ta đã chờ đợi, nay chờ thêm vài tháng nữa cũng không sao.”

Tiến Sĩ Elizabeth giải thích về Vườn Thánh Mẫu, tuy là công trình phụ nhưng dự trù sẽ thu hút nhiều người, không chỉ là giáo dân.

Bà nói: “Ngay phía sau lưng Đức Mẹ sẽ là ‘Rosary Garden,’ một khu vườn hoa đẹp, là nơi cầu nguyện rất yên tĩnh. Sau này khi công trình hoàn thành, ‘Rosary Garden’ sẽ luôn mở cửa để ai muốn đều có thể đến và cầu nguyện bất cứ lúc nào.”

Khi được hỏi về chi phí cho phần công trình phụ này, Tiến Sĩ Elizabeth cho biết Ban Dự Án



**Một góc công trường nơi các công nhân làm việc. (Hình: Đoàn Trang/Người Việt)**

dự trù khoảng \$1 triệu.

“Hiện nay Ban Dự Án đang tính toán lại nguồn tài chính, nếu còn dư thì tiếp tục xây dựng, nếu bị thiếu hụt sẽ xin thêm các ân nhân,” bà nói.

### **Sẽ có Đại Hội Thánh Mẫu 2021 tại Nam California**

Linh Mục Nguyễn Văn Tuyên cho biết Đại Hội Thánh Mẫu vào Tháng Tám, 2021, có thể sẽ được tổ chức tại nhà thờ chính tòa Chúa Kitô, khi mà Đức Mẹ La Vang đã ngự trị trên linh đài.

Linh Mục Tuyên nói: “Đại Hội Thánh Mẫu ở đây có thể không được bằng như ở Missouri, nhưng Nam California có khí hậu tuyệt vời, tại nơi linh thiêng với khung cảnh đẹp của nhà thờ, nay lại có thêm vòm thiên triều của Đức Mẹ, tôi nghĩ sẽ thu hút đông đảo người đến tham dự.”

“Nếu tới ngày đó không còn COVID-19, khuôn viên khu linh đài có thể đón tiếp tới đa 50,000 người có ghế ngồi, còn nếu không có ghế chắc chắn sẽ hơn,” Tiến Sĩ Elizabeth Nguyễn nói.

Cũng theo Linh Mục Tuyên, Đại Hội Thánh Mẫu được tổ chức hằng năm, nhưng ở Orange County nhiều lắm cũng chỉ có khoảng chục ngàn người đi dự lễ ở xa.

Phía sau linh tượng Đức Mẹ, nơi sẽ có Vườn Thánh Mẫu. (Hình: Đoàn Trang/Người Việt)

“Là con cái Đức Mẹ, nên càng nhiều nơi tổ chức Đại Hội Thánh Mẫu càng tốt. Việc tổ chức Đại Hội Thánh Mẫu tại Linh Đài Đức Mẹ La Vang hằng năm cũng là điều hợp lý, để người

người lớn tuổi hoặc người không thuận lợi đi xa, đều được đến tôn vinh Đức Mẹ,” vị linh mục chánh xứ giáo xứ Westminster nói thêm.

Trong trái tim rất nhiều người Việt tha hương, bất kể tôn giáo nào, luôn mang hình ảnh Đức Mẹ La Vang với tấm lòng tạ ơn. Hình dáng Đức Mẹ luôn mang lại sự bình an, ấm áp cho tâm hồn mỗi người.

Rồi đây, Thánh Tượng Đức Mẹ sẽ hiện diện ở một nơi mà cả thế giới có thể biết đến. Như lời bà Cindy Bobruk, giám đốc điều hành và chủ tịch Orange Catholic Foundation, nói trong ngày khởi công: “Linh đài sẽ là trọng tâm của quảng trường và là địa điểm hành hương không chỉ của người Việt, mà của tất cả mọi người trên thế giới.”

Linh Đài Đức Mẹ La Vang “sẽ là một kỳ công nghệ thuật Thánh, kết hợp văn hóa Việt Nam và kiến trúc tân kỳ, là niềm hãnh diện cho người Công Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, cũng như toàn thế giới.” [kn]

### **Thư của LM Chủ tịch Liên Đoàn CGVN tại HK về Ngày hai Giáo Hội HK-VN đặc biệt cầu nguyện cho nhau trong tình huynh đệ.**

LIÊN ĐOÀN CÔNG GIÁO VIỆT NAM  
TẠI HOA KỲ

THE FEDERATION OF VIETNAMESE  
CATHOLICS IN THE USA

P. O. Box 142545, Fayetteville, GA 30214

Phone: (404) 819-8434

- Email: ldcgvnhk@yahoo.com

Website: ldcgvnhk.org

Ngày 25 tháng 8 năm 2020

Trọng kính Đức Cha Tôma, quý Đức Ông, quý Cha, quý Phó Tế, quý Tu Sĩ cùng quý ông bà và anh chị em.

Trước tiên, con xin gửi đến tất cả lời cầu chúc bình an và sức khỏe, nhất là trong cơn dịch này.

Vào ngày 26 tháng 8 tới ngày 2 tháng 9 năm 1999, Đức Tổng Giám Mục Joseph A. Fiorenza, Chủ Tịch Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ đã hướng dẫn một phái đoàn gồm các Giám Mục và nhân viên các ủy ban viếng thăm Việt Nam lần đầu tiên sau ngày 30-4-1975. Trong lần viếng thăm

## Tín Cộng Đoàn

này, Đức cố Hồng Y Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng, Chủ Tịch Hội Đồng Giám Mục Việt Nam và là Tổng Giám Mục Hà Nội đã cùng với phái đoàn Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ chọn Chúa Nhật 22 Thường Niên hằng năm là Ngày hai Giáo Hội đặc biệt cầu nguyện cho nhau trong tình huynh đệ.

Đức cố Giám Mục Phaolô Nguyễn Văn Hòa, Chủ Tịch Hội Đồng Giám Mục Việt Nam (Nhiệm Kỳ 2001-2007) trong lá thư gửi cho Đức Giám Mục William S. Skylstad, Chủ Tịch Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ đã nói về Ngày này: “Đây thật là ngày đặc biệt để chúng ta củng cố và đổi mới tình hiệp thông huynh đệ giữa hai Giáo Hội nhằm mưu cầu lợi ích cho giáo hội và đất nước của hai quốc gia. Đây cũng là dịp để hai Giáo Hội cầu nguyện nhiều hơn nữa và hành động cho những hoạt động mục vụ của chúng ta để hai Giáo Hội có thể chu toàn sứ mạng là chứng nhân của tình yêu Thiên Chúa dành cho hết mọi người, nhất là những người bị đặt bên lề thế giới và xã hội hôm nay. Nhân dịp Ngày hai Giáo Hội cầu nguyện cho nhau, Hội Đồng Giám Mục Việt Nam chúng tôi cũng bày tỏ lời cảm ơn chân thành về tình liên đới và quan tâm của Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ dành cho dân tộc Việt Nam, và đặc biệt dành cho anh chị em Công Giáo Việt Nam tại đất nước chúng tôi cũng như tại Hoa Kỳ.” (Thư ngày 30-8-2007)



Vào Chúa Nhật 22 Thường Niên, ngày 30-8-2020 này, con xin các Giáo Xứ và Giáo Đoàn cùng dâng lời cầu nguyện đặc biệt cho hai Giáo Hội Hoa Kỳ và Việt Nam. Kèm theo là lời nguyện Việt Ngữ và Anh Ngữ mà cha Phêrô Võ Tá Đê, SVD đã soạn. Lời nguyện này được dùng trong Lời Nguyện Chung (Universal Prayers) của thánh lễ:

- Nhân dịp kỷ niệm 21 năm ngày Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ và Việt Nam thiết lập mối tương giao, chúng ta hãy cầu nguyện cho hai Hội Đồng Giám Mục và hai Hội Thánh Hoa Kỳ và Việt Nam (thinh lặng 1-2 giây). Nguyện xin Chúa ban khôn ngoan và hiểu biết cho cả hai Hội Đồng Giám Mục - Hoa Kỳ & Việt Nam, để hai Hội Đồng có thể phát triển mối tương giao, quyết tâm tìm ra phương thức thích hợp trong việc phục vụ dân Chúa tại Hoa Kỳ cũng như Việt Nam trong hoàn cảnh hiện nay và tương lai. Chúng ta cầu xin Chúa. Đ. Xin Chúa nhậm lời chúng con.

- Let us pray for the Church and the Conferences of Bishops of the United States and Vietnam on this 21st anniversary of the establishment of our fraternal cooperation. (Pause 1-2 seconds) May God grant wisdom and understanding upon both Conferences, so that our mutual relationship may be strengthened, seeking all suitable means in serving God's holy people in faith and charity. Let us pray to the Lord. R. Lord, hear our prayer.

Con cũng xin được nhắc nhở là Liên Đoàn đã có trang mạng (website) - [LDCGVNHK.ORG](http://LDCGVNHK.ORG). Hiện nay, trang mạng vẫn đang được cập nhật. Xin quý vị cho thêm ý kiến để trang mạng được phong phú. Trong trang mạng có phần cập nhật để quý vị có thể cập nhật thông tin khi thay đổi địa chỉ.

Chúng ta cầu xin Chúa cho toàn thể nhân loại sớm thoát khỏi đại dịch Covid-19, cho các bệnh nhân trong cơn bệnh dịch được ơn chữa lành và cho các anh chị em đã qua đời được hưởng vinh quang Thiên Quốc cùng với các thánh. Xin Chúa xoa dịu nỗi đau thương của từng gia đình có người thân yêu đã ly trần trong cơn dịch này.

Xin cũng cảm ơn quý cha xứ và quản nhiệm, qua các phương cách truyền thông, đã nỗ lực

phục vụ và nhiệt thành giúp tạo nên những cơ hội để mọi người có thể tham dự thánh lễ và các giờ cầu nguyện. Xin chân thành cảm ơn quý cha đã giúp giữ mối dây liên lạc và giúp cộng đồng dân Chúa trong thời gian khó khăn này.

Nguyện xin Chúa bảo toàn chúng ta khỏi mọi sự dữ và ban muôn ơn lành trên chúng ta. Xin cầu nguyện cho Liên Đoàn chúng ta được luôn hiệp nhất và thăng tiến để mãi mãi là nhịp cầu nối kết cho mọi người Công Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Trong bình an Chúa Kitô.

Lm. Giuse Nguyễn Thanh Châu

Chủ Tịch

## **Lễ Đặt Viên Đá Đầu Tiên Khuôn Viên Tưởng Niệm Chúa Hằng Sống tại Trung Tâm Hành Hương**

Viên Tưởng Niệm Chúa Hằng Sống. ĐGM cùng với quý cha Tuyên úy Trưởng Bùi Sơn Lâm, Paul Văn Chi, Cha Nguyễn Văn Tuyết, và Cha Trần Văn Trợ cùng hiệp dâng Thánh Lễ. Trong bài giảng Đức Giám Mục nói: Bước tiến hành trình xây dựng Trung Tâm ngày hôm nay nhân ngày mừng Lễ kính Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời là việc đặt viên đá để xây dựng nơi an vị cho những người đã khuất. Đây là công trình đáng thi công vì Trung Tâm chẳng những là nơi diễn ra các sinh hoạt tôn giáo cho người sống mà còn là nơi an nghỉ cho người ra đi trước chúng ta. Những người thân yêu này chẳng những có một nơi an nghỉ xứng đáng mà còn được thông phần vào những Kinh Nguyện, Bì Tích và những hoa trái thiêng liêng của chúng ta cử hành nơi đây.... Sau đó là nghi thức Đức Giám Mục làm phép



## **Thánh Mẫu Bringelly Sydney.**

Sáng thứ Bảy 15/08/2020 nhân dịp Đại lễ mừng kính Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam TGP Sydney đã long trọng đặt Viên Đá Đầu Tiên Khuôn Viên Tưởng Niệm Chúa Hằng Sống tại Trung Tâm Hành Hương Thánh Mẫu Bringelly Sydney do Đức Giám Mục Vincent Nguyễn Văn Long, Giám Mục Giáo Phận Parramatta Chủ tế. Trước khi khai mạc Thánh Lễ tạ ơn, Cha Tuyên úy Trưởng Bùi Sơn Lâm ngỏ lời chào mừng Đức Giám Mục Vincent Nguyễn Văn Long, đã ưu ái quý mến Cộng Đồng đến chủ tế dâng Thánh Lễ và làm phép Viên Đá Đầu Tiên Khuôn

Viên Đá và anh Trần Anh Vũ Chủ tịch Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam TGP Sydney thay mặt Cộng Đồng ngỏ lời cảm ơn Đức Giám Mục Vincent Nguyễn Văn Long....Chúng con hết lòng biết ơn Đức Cha nguyện xin Thiên Chúa và Mẹ Maria cùng các Thánh Tử Đạo Việt Nam trả công bội hội cho Đức Cha. Sau khi Thánh Lễ kết thúc Đức Giám Mục, Quý Cha và mọi người ra ngoài Khuôn Viên Tưởng Niệm Chúa Hằng Sống và Đức Giám Mục làm phép khuôn viên. Sau cùng Cha Tuyên úy Trưởng Bùi Sơn Lâm thay mặt Ban Tuyên Úy và mọi người cảm ơn Đức Giám Mục Vincent Nguyễn Văn Long và Cộng Đoàn Dân Chúa. (Diệp Hải Dung)





## Thông báo về việc tổ chức ngày Thánh Mẫu năm 2020 tại Carthage, Missouri

Theo thông báo từ Văn Phòng Tỉnh Dòng Mẹ Chúa Cứu Chuộc, Carthage, Missouri, vì tình hình dịch bệnh covid-19 còn đang tiếp tục diễn biến, tỉnh dòng mẹ chúa cứu chuộc sẽ không tổ chức ngày thánh mẫu lần thứ 43 dự định diễn ra từ ngày 6 đến ngày 9 tháng 08 năm 2020. Không có bất kỳ sinh hoạt nào về ngày thánh mẫu sẽ diễn ra trong những ngày nói trên.

Tất cả mọi sinh hoạt dự định cho ngày thánh

mẫu năm nay sẽ được chuyển dời lại vào ngày thánh mẫu năm tới từ ngày 5-8 tháng 08 năm 2021.

Để cập nhật những tin tức về ngày thánh mẫu 2021, kính mời quý vị theo dõi một số thông tin và hình ảnh liên quan sẽ được đăng tải trên trang web của tỉnh dòng: [www.dongcong.us](http://www.dongcong.us).

Bên cạnh đó, tỉnh dòng mẹ chúa cứu chuộc còn cầu nguyện để Giáo hội và Thế Giới được bình an và mau qua khỏi những ngày tháng thử thách.

Bản thông báo được gửi đi bởi Lm Đỗ Thanh Cao, Trưởng Ban Tổ Chức Ngày Thánh Mẫu 2020, và linh mục Gioan M. Trần Quốc Toàn, Tỉnh Phục Vụ.